LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

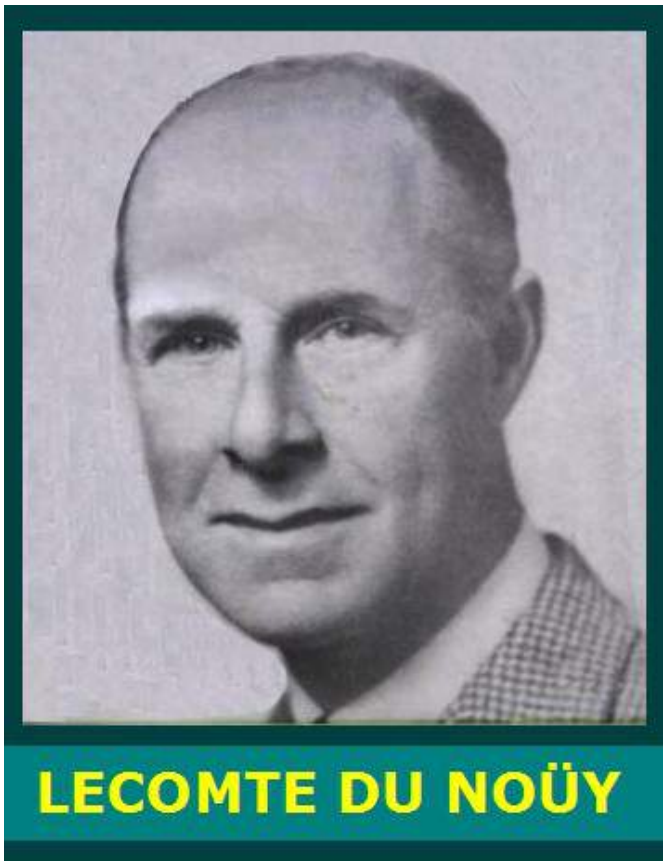

(1883-1947)

*

MỤC LỤC

Tựa của Phạm Đình Tân

Thư của Bà Mary Lecomte du Noüy

Lời nói đầu

PHẦN THỨ NHẤT:

THỜI ĐẠI, THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP TƯ TƯỞNG LECOMTE DU NOÜY

Chương 1: Chương dẫn nhập

- Nền văn minh hiện đại với những ưu, khuyết điểm của nó.

- Sự phân hóa, thác loạn của thế giới hiện tại.

- Giải pháp Lecomte du Noüy đối với cuộc khủng khủng hoảng hiện tại.

Chương 2: Thế kỷ 19 và thế kỷ 20

Tiết 1. Thế kỷ 19.

- Đặc điểm:

+ Những phát minh khoa học.

+ Những thực hiện kỹ nghệ.

- Các chủ nghĩa:

+ Duy vật.

+ Cơ khí

+ Duy lý

+ Thực nghiệm

+ Tất định

+ Tiến hóa

+ Sùng thượng khoa học

Tiết 2. Thế kỷ 20.

- Đặc điểm:

+ Những phát minh lớn:

* Các chất phóng xạ

* Nguyên tử lực

+ Niềm tin vào khoa học bị lung lay

+ Nền móng khoa học bị rung chuyển

+ Thuyết tương đối

+ Nguyên lý bất định của Heisenberg

+ Quan điểm Henri Poincaré và khoa học đoàn họp tại Vienne

+ Phong trào xét lại các lý thuyết khoa học, các khái niệm cơ bản toán học và lý học

+ Sự mất lòng tin của các nhà bác học đối với khoa học

+ Tri thức luận mới của thế kỷ 20.

Chương 3: Thân thế Lecomte du Noüy

- Cuộc đời Lecomte du Noüy

- Cuộc tình duyên của Lecomte du Noüy với cô Mary Bishop Harrimann

- Bà Mary Lecomte du Noüy với sự nghiệp của chồng.

- Ảnh hưởng của Taine, Renan, Heisenberg và Ch. Guye

- Các tác phẩm triết học của Lecomte du Noüy

Chương 4: Lược khảo văn phẩm và tư tưởng Lecomte du Noüy

Tiết 1. Lược khảo văn phẩm Lecomte du Noüy

Đại ý các quyển:

- Con người trước khoa học

- Tương lai tinh thần

- Phẩm giá con người

- Định mệnh con người

Tiết 2. Đại cương học thuyết và toát lược tư tưởng Lecomte du Noüy

Toát lược tư tưởng Lecomte du Noüy:

- Cuộc tiến hóa có viễn đích
- Từ bình diện hình hài sinh lý, cuộc tiến hóa đã chuyển vào hướng tâm thần
- Viễn đích của cuộc tiến hóa: Sự xuất hiện của những thần nhân
- Cố gắng và tự do rất cần thiết cho công cuộc tiến hóa
- Tôn giáo và khoa học cần cộng tác với nhau để thực hiện cuộc tiến hóa
- Thế giới đại đồng, hoàng kim mai hậu.

PHẦN THỨ HAI:
HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

Chương 1: Phê bình và nhận định về khoa học

Tiết 1. Giá trị tương đối của khoa học

Tiết 2. Những thất bại của khoa học

A. Ngẫu nhiên không giải thích được sự xuất hiện của sự sống. Chứng minh toán học.

B. Các định luật lý hóa, vật chất không đủ để giải thích các hiện tượng sinh lý

I. Nguyên lý Dương tiêu Âm trưởng của Carnot không giải thích được các hiện tượng sinh lý

II. Toán xác suất của Gibbs Boltzmann không áp dụng được vào phạm vi sinh lý

III. Các định luật lý hóa không đủ để giải thích các hiện tượng sinh lý

Tiết 3. Chấp nhận Thượng Đế là một thái độ khoa học

Chương 2: Cuộc tiến hóa vũ trụ quần sinh

Tiết 1. Cuộc tiến hóa vũ trụ và vật chất vô cơ

- Các lý thuyết liên quan đến sự xuất sinh của thái dương hệ
- Các phương pháp dùng để ước lượng tuổi tác vũ trụ và địa cầu
- Cuộc tiến hóa vô cơ

Tiết 2. Cuộc tiến hóa sinh linh

A. Cuộc tiến hóa sinh linh thật ly kỳ

B. Cuộc tiến hóa sinh vật còn đầy bí ẩn – Các vấn đề nan giải

C. Phương tiện khảo sát của chúng ta còn có nhiều khuyết điểm

D. Các thuyết tiến hóa – Nhận định tổng quát theo Lecomte du Noüy và Caullery

Chương 3: Giả thuyết viễn đích

Tiết 1. Đại cương

Các thỉnh lý và giả thuyết của Lecomte du Noüy:

a/ Cần phải chấp nhận phản ngẫu nhiên hay Thượng Đế

b/ Cuộc tiến hóa có chiều hướng

c/ Cuộc tiến hóa đã chuyển hướng về phía nội tâm, tâm thần, từ khi con người xuất hiện

d/ Viễn đích của cuộc tiến hóa: sự xuất hiện của Thần nhân

Tiết 2. Cuộc tiến hóa quần sinh bắt buộc ta chấp nhận có Thượng Đế

Tiết 3. Cuộc tiến hóa được hướng dẫn một cách tinh vi tế nhị để toàn bích hướng về một viễn đích

Tiết 4. Cuộc tiến hóa đến con người đã tiến vào bình diện óc não và nội tâm

- Chứng minh bằng những dữ kiện tiền sử

- Chứng minh bằng thánh kinh

Tiết 5. Viễn đích cuộc tiến hóa là thực hiện một giống người siêu đẳng, những thần nhân

Chứng cứ: Đã có những thần nhân siêu nhân xuất hiện trong dĩ vãng

Lý luận chứng minh con người sẽ tiến về chiều hướng tinh thần, chiều hướng thần nhân

Tiết 6. Toát lược thuyết viễn đích theo ngôn ngữ Lecomte du Noüy

Toát lược theo ba tác phẩm:

- Tương lai tinh thần

- Phẩm giá con người

- Định mệnh con người

Chương 4: Những suy luận theo nhãn quan tiến hóa và viễn đích

Tiết 1. Những suy luận và hậu quả do thuyết viễn đích xuất sinh

- Thuyết viễn đích áp dụng vào luân lý:

    + Cần phải chống lại thú tính trong con người

    + Phẩm giá con người phải vất vả mới thực hiện được

- Thuyết tiến hóa áp dụng vào đạo giáo:

    + Mê tín và chân đạo

    + Những vay mượn của Công giáo ở nơi các đạo xưa

    + Ngoại giáo và nội giáo

- Thuyết viễn đích áp dụng vào đời sống xã hội

    + Cá nhân vi quý

    + Đạo giáo, quốc gia, xã hội vi khinh

Tiết 2. Toát lược các hậu quả của thuyết viễn đích theo Lecomte du Noüy

- Hậu quả triết lý:

    + Tâm thần cần được biến thành một đối tượng của khoa học

    + Phân tách tâm thần và thể xác

- Hậu quả xã hội nhân sinh:

    + Mỗi người phải cố gắng không ngừng để tiến tới lý tưởng

+ Phải dạy dân trọng nghĩa thay vì trọng lợi. Phải cải tạo con người bên trong, thay vì cải tạo hình thức bên ngoài

+ Con người cần được hoàn toàn tự do

- Hậu quả luân lý thực hành:

+ Trở về với tinh thần Thiên Chúa giáo đồng thời tẩy trừ những tàn tích mê tín dị đoan đã xâm nhập vào Thiên Chúa giáo

+ Khoa học cần tiếp tay với đạo giáo

+ Muốn tiến hóa con người cần cố gắng

PHẦN THỨ BA:
NHẬN ĐỊNH VÀ PHÊ BÌNH

Chương 1: Nhận định về thân thế và tư tưởng Lecomte du Noüy

Tiết 1. Nhận định về thân thế và nhân cách Lecomte du Noüy

- Lecomte du Noüy con người chính trực

- Lecomte du Noüy con người say sưa lý tưởng

- Lecomte du Noüy con người yêu chuộng độc lập tự do

- Lecomte du Noüy con người yêu chuộng những gì phổ quát đại đồng

- Ý kiến của Yves Laroquer, Millikan và một nữ mục sư về quyền Định mệnh con người

Tiết 2.

A. Nhận định về tư tưởng Lecomte du Noüy – Toát lược những tư tưởng chính yếu của Lecomte du Noüy

- Tin tưởng có Thượng Đế

- Vũ trụ được cai trị bằng những định luật vĩnh cửu

- Cuộc tiến hóa sẽ tiến tới thần nhân

- Trong con người có tiềm ẩn thiên lý, thiên chân

- Đại đạo có một, tôn giáo có nhiều

- Hòa bình thái thịnh phải được xây dựng trên sự cải thiện tâm hồn của con người

B. Đối chiếu tư tưởng Lecomte du Noüy với tư tưởng các danh nhân lịch đại

Ngẫu nhiên và sự sống với hai quan niệm thuận, nghịch:

a/ Nghịch: François Redi, Spallanzani, Pasteur, Lecomte du Noüy, Charles Guy.

b/ Thuận: Oparin, Harold Urey, L. Miller.

- Chủ trương con người mai hậu sẽ được hiển dương của Lecomte du Noüy đối chiếu với:

+ Billy Graham

+ Isaie (Is. 65; 17-25)

+ Jérémie (Jér. 31; 31-34)

+ Thánh Paul (Romains 8; 18, 18-23) (Cor. I: 15; 44-49).

- Quan niệm đạo tại tâm của Lecomte du Noüy đối chiếu với thánh kinh:

+ Luc (Luc 17; 20, 21)

+ Deutéronome (30; 11-14)

+ Mathieu 15; 8-9.

+ Isaie 29, 13.

+ Psaume 78, 36a.

+ Amos 5; 21-25.

+ Isaie 1, 11-16.

+ Osée 8, 11-13.

+ Galates 4, 10-11.

- Lời bình luận của Naniel Rops về tư tưởng Lecomte du Noüy

- Tư tưởng Lecomte du Noüy đối chiếu với :

+ Tinh thần Vaticano II

+ Nội dung bức thư của Đức Hồng y Ottaviani.

+ Nội dung bản phúc trình của Đức Tổng Giám Mục Lefèbre.

+ Thái độ của Lecomte du Noüy đối với Chúa Cơ Đốc, đối chiếu với thái độ của Cát Hồng đối với Lão Tử, và của Romain Rolland đối với Ramakrishna.

+ Quan niệm đạo tại tâm của Lecomte du Noüy đối chiếu với quan niệm của :

* Bồ Đề Đạt Ma

* Các Đạo gia

* Các Nho gia

+ Quan niệm tự lực tự cường của Lecomte du Noüy đối chiếu với quan niệm Trung Dung

+ Quan niệm tu thân vi bản của Lecomte du Noüy đối chiếu với quan niệm của Đại Học

+ Định mệnh con người với quan điểm của Victor Hugo

+ Hai chiều biến hóa của tinh thần và vật chất theo quan niệm Lecomte du Noüy đối chiếu với hai chiều thuận nghịch của Hà Đồ, Lạc Thư

+ Quan niệm tam tài về con người và sự xuất hiện của thần nhân trong tương lai đối chiếu với chủ trương của các đạo giáo

Chương 2: Bình luận về thuyết tiến hóa

Tiết 1. Những cường điểm của thuyết tiến hóa

1/ Thuyết tiến hóa bành trướng mặc dù có sự chống đối của pháp lý và giáo quyền

+ Vụ án Hohn Thomas Scopes

+ Vụ án Susan Epperson

+ Tranh luận giữa Giám mục Wilberforce và Huxley

2/ Những sự thay đổi trên bình diện giáo lý của Giáo hội La mã.

+ Thông điệp của Đức Giáo Hoàng Pio XII tháng 8-1950.

+ Thông điệp Providentissimus Deus của Léon XIII.

+ Quyết định của Ủy ban nghiên cứu Thánh kinh ngày 30-6-1909

3/ Phương pháp thích nghi để giải thích Thánh kinh.

4/ Thời gian địa chất và thời gian Thánh kinh

5/ Những giả thuyết mới về thủy tổ loài người và nơi phát tích của loài người

+ Những người tiền sử

+ Những bích hoạ tiền sử

6/ Ảnh hưởng của thuyết tiến hóa đối với chính trị

+ Chủ nghĩa Lamarck đối với những người Mác xít.

+ Chủ nghĩa Darwin và các chính trị gia Tây phương.

7/ Đại đa số các nhà bác học đã công nhận thuyết tiến hóa

Tiết 2. Những nhược điểm của thuyết tiến hóa

1/ Nhược điểm của chủ trương loài nọ biến sang loài kia

+ Thiếu liên tục về phương diện cổ sinh vật học

+ Thiếu các sinh vật trung gian

+ Liên lạc tiên hậu không phải liên lạc phụ tử

2/ Nhược điểm của chủ trương vạn vật xuất sinh từ một tế bào nguyên thủy

+ Thiếu sinh vật trung gian

+ Những biến hóa nghiệm thấy thường hữu hạn

3/ Nhược điểm của thuyết di truyền tập tính

+ Phái cổ võ: Lamarck, Darwin, Herbert Spencer, Lecomte du Noüy

+ Phái đả kích: Jean Rostand, Wallace, Weismann, De Vries.

+ Lý do đả kích: Tập tính tác dụng đến hình hài (soma) chứ không đến chủng tử (germen). Không thể nói được rằng không có cái gì bẩm sinh, mà cái gì cũng tập thành cả.

4/ Nhược điểm của thuyết đấu tranh sinh tồn, tuyển lựa tự nhiên

+ Tuyển lựa tự nhiên không sinh ra được đặc tính mới

+ Cuộc đấu tranh sinh tồn được quân bình hóa bằng năng suất sinh sản, bằng những phương pháp ẩn thân, bằng tình tương thân, tương ái, tương trợ

5/ Nhược điểm của thuyết sậu biến

+ Đa số các sậu biến thường tảo vong, yểu tử

+ Sậu biến không cát nghĩa được chiều hướng tiến hóa

6/ Thuyết tiến hóa có nhiều tranh chấp nội bộ

7/ Các nhà bác học đôi khi cũng mắc phải những lầm lẫn lớn lao, và đôi khi cũng có gian ý ngụy tạo chứng cứ.

+ Câu chuyện Bathybius Hoeckeli

+ Vụ Dawson ngụy tạo ra xương người tiền sử Piltdown

+ Vụ ngụy tạo hầu nhân Java của bác sĩ Dubois

+ Vụ ngụy tạo của Hoeckel

+ Vụ ngụy tạo chứng cứ của Paul Kammerer

8/ Các biện chứng nêu ra trong các sách giáo khoa được trình bày một cách rất khéo léo, bằng cách tung ra một vài bằng chứng, còn bao nhiêu khó khăn đều được đậy diệm bỏ qua đi

Tiết 3. Tổng luận về thuyết tiến hóa

1/ Cường điểm

+ Đặt lại các vấn đề siêu hình:

* Sự biến thiên của vạn hữu

* Nhất thể vạn thù

+ Thuyết tiến hóa đã thúc đẩy các bộ môn khoa học tiến bộ hết sức mau chóng

2/ Nhược điểm:

+ Đã hữu ý loại bỏ hết các ảnh hưởng tâm thần

+ Đã gạt bỏ hết mọi ý tứ, mục đích

3/ Các phản ứng:

+ Chủ trương tiến hóa có mục đích ý tứ: Charles Richet, L. Cuénot, Dognon

+ Đề cao tâm thần: Lamarck, Schopenhauer, Teilhard de Chardin

+ Nhắc lại quan điểm của thánh Paul và các thánh hiền Đông Á

4/ Nhận định và kết luận:

a/ Các thái độ khác nhau của các nhà bác học

* Chấp nhận thuyết tiến hóa với ẩn ý chính trị hay triết học (hoặc vì tinh thần bài đạo, bài giáo sĩ hoặc vì mục đích chính trị)

* Phủ nhận thuyết tiến hóa: Louis Vialleton, Jean Serviers, Paul Lemoine

* Chấp nhận thuyết tiến hóa với nhiều thay đổi về phương diện lý thuyết: Lecomte du Noüy, Teilhard de Chardin.

b/ Kết luận

+ Thuyết tiến hóa chỉ là một giả thuyết (N. Abélard Encyclopédie Planète)

+ Niềm tin về thuyết tiến hóa hiện nay còn thuộc về trực giác siêu hình chứ chưa phải khoa học (Lecomte du Noüy)

Chương 3: Bình luận về học thuyết viễn đích của Lecomte du Noüy

1/ Thuyết viễn đích của Lecomte du Noüy khác với các thuyết tiến hóa hiện hành

2/ Thuyết viễn đích khác với thuyết mục đích của: Cuvier, Lamarck, Von Nageli, Kolliker.

3/ Thuyết viễn đích khác với quan điểm về tận thế của Công giáo

4/ Thuyết viễn đích có một lập luận và một cấu tạo vững chãi

5/ Lecomte du Noüy nhận định về thuyết viễn đích của ông

6/ Phê bình:

+ Nền tảng thuyết viễn đích tức là thuyết tiến hóa là một nền tảng không vững chải

+ Thuyết viễn đích tránh không bàn đến những vấn đề siêu hình trọng đại như vấn đề bản thể

+ Thuyết viễn đích có quan niệm không dứt khoát về hồn, xác, về vấn đề thiên phú hay tiềm ẩn

+ Thuyết viễn đích vụ Âu khinh Á vì cho rằng chỉ có bạch chủng là có thể tiến hóa

+ Thuyết viễn đích chủ trương thần nhân sẽ xuất hiện nhưng không xác định tương quan của thần nhân đối với Thượng Đế, khác với Renan và Teilhard de Chardin

7/ Học thuyết viễn đích đối chiếu với các học thuyết triết học, khoa học, và đạo giáo. Ba quan điểm:

a/ Vạn vật được tạo dựng từ hư vô do Thiên Chúa

b/ Vạn vật ngẫu nhiên sinh và biến hóa theo các định luật tự nhiên (thích ứng, đào thảo, tự nhiên, sậu biến, v.v…)

c/ Vạn vật là do một nguyên lý phân hóa

+ Sự biến hóa có chu kỳ

+ Sự hoàn thiện lúc chung cuộc và sự lai hoán bản nguyên (quan niệm vạn vật biến hóa từ một căn bản duy nhất, biến hóa có lớp lang, thứ tự để cuối cùng đạt được sự hoàn thiện, hoàn mỹ và trở về nguyên bản có thể gọi được là quan niệm chung của các thánh hiền không phân biệt đạo giáo Đông Tây, đó là quan niệm của phái Khắc Kỷ, của thánh Paul, Jean, của Bà La Môn, của Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo, của Cabbale, của Huyền học thần bí.)

KẾT LUẬN

Thuyết viễn đích có thể bắc một nhịp cầu thông cảm giữa các học thuyết triết học và đạo giáo Đông Tây

Chương 4: Tổng luận

A. Thuyết tiến hóa và biến dịch đối với Đông phương

a/ Quan niệm biến dịch trong dân gian và trong tiểu thuyết

b/ Quan niệm Ấn giáo và Phật giáo về tiến hóa, biến dịch: Thuyết luân hồi

c/ Quan niệm tiến hóa, biến dịch của Dịch Kinh

B. Phương thức biến hóa

a/ Hình hài biến hóa: ảnh hưởng của thủy thổ (quan niệm của Liệt Tử)

b/ Tâm hồn biến hóa: Luân hồi

c/ Thần biến hóa (tức là thuyết Nhất thể vạn thù của các đạo giáo Á Châu)

C. Nhận xét tổng quát

Thuyết tiến hóa có thể đúng mà cũng có thể sai. Dù sai hay đúng, nó cũng là một giả thuyết hết sức phong phú.

D. Sự đóng góp của Lecomte du Noüy

Vạch rõ chiều hướng tiến hóa và bao quát toàn bộ thời gian.

Vạch rõ mục đích của cuộc tiến hóa, đó là sự xuất hiện của những thần nhân.

Đề nghị những biện pháp để sớm thực hiện mục phiêu ấy.

E. Tổng luận

Thuyết viễn đích của Lecomte du Noüy là một học thuyết hết sức phong phú, rất cao siêu và rất ích lợi cho cá nhân cũng như cho xã hội. Nó có thể góp phần vào công cuộc nhân cách hóa, thần thánh hóa con người.

SÁCH THAM KHẢO

oOo

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | **Tựa của Phạm Đình Tân** | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo

chương trước chương sau

TỰA
của Ông Phạm Đình Tân

Từ đã lâu, ngay trước năm 1958 là năm thành lập hai giải thưởng văn chương mang tên hai nhà bác học TRƯƠNG VĨNH KÝ và PIERRE LECOMTE DU NOÜY, Tinh Việt Văn Đoàn đã tha thiết đến học thuyết viễn đích của nhà bác học sau này vì không những nó phù hợp với một trong những nguyên tắc mà Văn Đoàn đang đeo đuổi là quyền Tối thượng của tinh thần, mà nó còn là học thuyết có thể dung hòa, phối hợp tinh thần đạo giáo cổ truyền với khoa học ngày nay.

Thực vậy, học thuyết viễn đích dựa ngay vào triết thuyết tiến hóa hiện đại và các khám phá của các khoa cổ sinh vật học, lý hóa học, toán học để chứng minh rằng :

1/ Sự xuất hiện sinh vật trên trái đất không thể là sự ngẫu nhiên.

2/ Sự tiến hóa có chiều hướng của sinh linh cũng không thể là vô tình, vô ý.

3/ Trái lại, nguồn gốc các sinh vật cũng như chiều hướng của sự tiến hóa bắt buộc ta phải nhận có một đấng tạo dựng và hướng dẫn mọi loài, đấng Thượng Đế.

4/ Sự tiến hóa vẫn tiếp tục ngày nay không còn ở bình diện sinh lý và cơ thể nữa, mà đã chuyển hướng đi vào bình diện tinh thần, luân lý.

5/ Sự tiến hóa sẽ chung đúc một giống loài siêu đẳng, nói cách khác, một giống thần nhân trong một tương lai hãy còn xa thẳm.

6/ Do đó sự cố gắng của mỗi cá nhân cũng như của các tổ chức đạo giáo, xã hội phải qui hướng về cái viễn đích đó tức là sự hoàn tất của nhân loại và sự tiến hóa.

7/ Tóm lại, con người phải tiến tới một lý tưởng cao đẹp, một đại đạo thuần túy, chung khắp hoàn cầu.

8/ Cái đại đạo ấy, cái tinh hoa ấy, lạ lùng thay, đã tiềm ẩn sẵn trong lòng mọi người. Đó người ta có thể gọi là tia sáng của Tạo Hóa, tia lửa thiên chân.

9/ Như vậy mọi người chỉ cần phát huy các tiềm năng sẵn trong mình là có thể làm bừng sáng tia lửa của Tạo Hóa, cộng tác vào công cuộc hóa sinh của Thượng Đế.

Học thuyết viễn đích khởi sự từ những học thuyết và những khám phá khoa học để tiến tới những giá trị tinh thần vĩnh cửu.

Muốn phổ biến học thuyết này của Pierre Lecomte du Noüy tại Việt Nam, trước đây Tinh Việt Văn

Đoàn đã cho in bản dịch cuốn Định Mệnh Con Người, nhưng riêng một bản dịch chưa làm nổi bật những nét độc đáo, những mạch lạc của học thuyết thâm trầm này.

Lại nữa, Pierre Lecomte du Noüy không những chỉ viết một cuốn sách, mà những tư tưởng của ông đã được trình bày trong 5 tác phẩm:

- Con người trước khoa học.

- Tương lai tinh thần.[1]

- Phẩm giá con người.

- Định mệnh con người.

- Giữa hiểu biết và tin tưởng.[2]

Bà góa phụ của ông cũng viết một cuốn sách về ông, nhan đề là «Từ vô tín ngưỡng đến tín ngưỡng», thuật lại cuộc đời và những biến chuyển tâm hồn, những lý do thúc đẩy ông sáng tạo nên học thuyết viễn đích.

Như vậy muốn hiểu rõ học thuyết viễn đích cần phải đọc và suy nghĩ tất cả những tác phẩm kia. Công phu đó chắc chắn ít có người làm được. Cho nên tôi vẫn hằng ước mong có một tác phẩm bằng Việt ngữ thâu tóm thân thế, toát lược, cô đọng các sách của Pierre Lecomte du Noüy và trình bày, giải thích học thuyết của ông thành một thiên khảo luận vừa uyên thâm, quảng bác về phương diện tư tưởng, vừa giản dị, bình dân về hình thức văn chương hợp với trình độ của một tầm trí thức thông thường tuy vẫn giữ được phần sâu sắc cao siêu của một học thuyết khoa học, triết học.

Một công trình như vậy sẽ hết sức khó khăn, nên từ lâu Tinh Việt Văn Đoàn vẫn chưa thực hiện được.

May thay, năm trước đây, chúng tôi có ngỏ ý kiến với bác sĩ Nguyễn Văn Thọ là người mà chúng tôi được hân hạnh trao giải thưởng Pierre Lecomte du Noüy đầu tiên năm 1961, bác sĩ đã không ngần ngại trước những khó khăn, vất vả, vì nghĩ rằng công việc mình sẽ giúp ích cho nhiều người thiện tâm, nhất là cho thế hệ thanh niên hiện đại.

Bởi thế, sau nhiều tháng suy tư khảo cứu, tác phẩm «Pierre Lecomte du Noüy và học thuyết viễn đích» đã hoàn thành.

Sách chia làm ba phần:

- Phần I đề cập đến bối cảnh lịch sử và các trào lưu tư tưởng khoa học thế kỷ 19 và 20, thân thế và sự nghiệp của Pierre Lecomte du Noüy.

- Phần 2 trần thuật học thuyết viễn đích của Pierre Lecomte du Noüy, gồm 4 chương :

a/ Quan điểm của Pierre Lecomte du Noüy đối với khoa học.

b/ Học thuyết tiến hóa

c/ Giả thuyết viễn đích của Pierre Lecomte du Noüy.

d/ Những hậu quả của học thuyết viễn đích

- Phần 3 là phần nhận định, phê bình và đối chiếu tư tưởng của Pierre Lecomte du Noüy với tư tưởng các danh nhân kim cổ Đông Tây và các học thuyết hiện hành.

Tóm lại, trong giới hạn mấy trăm trang giấy mà tác giả đã toát lược được hết các quan điểm, các học thuyết khoa học, trình bày nhận định, phê bình triết thuyết tiến hóa và học thuyết viễn đích, đối chiếu tư tưởng và học thuyết của Pierre Lecomte du Noüy với các tư tưởng và học thuyết Đông Tây kim cổ, thực là

một công trình đáng ghi nhận, và chứng tỏ tác giả là một nhà văn quảng bác và một triết gia và khoa học gia thâm trầm, đúng như bà góa phụ Mary Lecomte du Noüy [3] đã công nhận sau khi đọc bản dịch tóm tắt tác phẩm này như trong thư của bà mà chúng tôi cho in kèm sau đây.

Ước mong cuốn «Pierre Lecomte du Noüy và học thuyết viễn đích» sẽ góp được một phần hữu ích vào văn đàn Việt Nam cũng như khai thông con đường tư tưởng và nội tâm của thế hệ thanh niên đang sẵn sàng phụng sự và cầu tiến.

Saigon, 29-6-1967

PHẠM ĐÌNH TÂN

Đoàn Trưởng

Tinh Việt Văn Đoàn

oOo

PRÉFACE

Depuis longtemps, avant même l'institution en 1958 des deux Prix littéraires TINH VIET portant le nom des deux grands savants viêtnamiens et français: PETRUS TRƯƠNG VINH KY pour le roman et PIERRE LECOMTE DU NOÜY pour l'essai ou la critique, notre Groupe s'est particulièrement intéressé au Téléfinalisme de ce dernier, hypothèse qui pourrait à notre avis, servir d'intermédiaire et de réconciliatrice entre les religions traditionnelles et la science moderne.

En effet, le Téléfinalisme, se basant sur l'évolution et sur les récentes découvertes paléontologiques, physico-chimiques et mathématiques, se donne pour tâche soit de démontrer, soit de soutenir les principales propositions suivantes:

1/ L'apparition de la vie et des êtres vivants, mathématiquement parlant, ne saurait être due au hasard.

2/ L'évolution des êtres vivants, orientée telle qu'elle est, ne peut être d'un pur hasard.

3/ Au contraire, l'origine des êtres vivants comme le sens de l'évolution nous forcent à reconnaître l'existence d'un Anti-hasard, autrement dit, de Dieu.

4/ L'évolution continue de nos jours, non plus sur le plan physiologique et anatomique mais sur le plan spirituel et moral.

5/ L'évolution aboutira à l'avènement de la conscience supérieure, avant-garde d'une race pure et spirituelle, autrement dit, à l'avènement de l'Esprit, mais seulement dans un avenir encore très lointain.

6/ En conséquence, tous les efforts individuels et collectifs relevant des organisations religieuses et sociales doivent avoir en vue cette «téléfin», couronnement de l'humanité et de l'évolution.

7/ En somme, l'humanité doit progresser vers un idéal très noble et très élevé, vers une religion pure, intérieure et universelle.

8/ Cette vraie religion, cet idéal préexistent cependant déjà à l'état latent aux tréfonds de nos âmes. C'est ce qu'on pourrait appeler «étincelle divine», «inspiration unique», «inspiration mystérieuse» ou «identité originelle» actuellement «étouffée sous les apports des siècles» …

9/ Cela étant, nous n'avons qu'à développer les facultés et les valeurs qui existent déjà à l'état latent en nous, à faire briller et irradier intensément l'étincelle divine qui couve déjà en nous, et ce faisant, collaborer à l'œuvre transcendante de Dieu.

Le Téléfinalisme part des théories et des découvertes scientifiques pour about it aux valeurs morales et spirituelles universelles.

Se servant donc des sciences comme tremplin, il s'élance de plus en plus vers les hautes sphères morales et religieuses…

Voulant diffuser la doctrine de Lecomte du Noüy au Viêtnam, notre Groupe littéraire TINH VIET a édité une version en langue viêtnamienne de L'Homme et Sa Destinée, mais il faut reconnaître que cette traduction n'a pas encore pu mettre suffisamment en relief les traits caractéristiques et les connexions internes de la théorie téléfinaliste.

Ce qui revient à dire que jusqu'ici la théorie téléfinaliste de Lecomte du Noüy n'a pas encore été systématiquement creusée, étudiée, simplifiée, commentée, en somme, pas encore rendue vivante et réellement assimilable au public viêtnamien.

Par ailleurs, Lecomte du Noüy a écrit non pas un livre mais quatre livres concernant le Téléfinalisme, à savoir:

- L'Homme devant la science

- L'Avenir l'Esprit

- La dignité humaine

- L'Homme et sa destinée

De con côté, Madame Mary Lecomte du Noüy, collaborarice et veuve du savant, a aussi un livre intitulé «Lecomte du Noüy: De l'agnosticisme à la foi» décrivant les diverses étapes de la vie de son mari, ses états d'âme ainsi que les motifs qui l'ont poussé à concevoir le Téléfinalisme.

Pour toutes ces raisons, j'ai toujours souhaité qu'un membre de notre Groupe ou un écrivain de talent écrira un livre en viêtnamien résumant la vie et l'œuvre de Lecomte du Noüy et exposant clairement l'hypothèse téléfinaliste, livre profond et bien documenté au point de vue littéraire, livre à la portée du public moyen, mais gardant néanmoins un caractère profond et noble, cachet de tout travail scientifique et philosophique sérieux.

Aussi, l'année dernière, me suis-je adressé au Docteur NGUYỄN VĂN THỌ à qui j'avais l'honneur de remettre, au nom de notre Groupe littéraire TINH VIET et pour la 1ère fois de PRIX LECOMTE DU NOÜY en 1961, en lui demandant de mener à bonne fin cette tâche difficile.

Le Docteur NGUYỄN VĂN THỌ a accepté, sachant d'avance les énormes difficultés qui l'attendront mais pensant que son travail pourrait rendre de grands services, surtout à la jeune génération intellectuelle du Viêtnam.

Et c'est ainsi qu'après des mois de dur travail: lecture, médition, documentation, élaboration, son ouvrage est enfin achevé. Il comporte 3 parties:

La 1ère partie nous met en présence du contexte historique, avec une esquisse des grands courants d'idées en vogue au XIXème et au XXème siècle, tout en brossant à grands traits la vie de Lecomte du Noüy avec ses divers travaux littéraires, scientifiques et philosophiques.

La 2è partie traite le Téléfinalisme et se subdivise en 4 chapitres:

Chapitre I: Points de vue de Lecomte du Noüy concernant la science.

Chapitre II: Exposé de l'évolution.

Chapitre III: Hypothèse téléfinaliste.

Chapitre IV: Conséquences de l'hypothèse téléfinaliste.

La 3ème partie concerne les commentaires et la confrontation des idées de Lecomte du Noüy avec celles de grands philosophes de tous les temps et avec certaines théories actuellement en vogue.

C'est donc un admirable exploit de la part de l'auteur que de pouvoir résumer dans les limites de quelques centaines de pages les grands courants d'idées scientifiques et philosophiques du XIXème et au XXème siècle, présenter le téléfinalisme sous ses différents aspects, en faire une étude serrée et un commentaire judicieux, rendre les pensées de Lecomte du Noüy lumineuses grâce à leur mis en parallèle avec celles des grands penseurs de tous les temps.

Puisse ce livre «LECOMTE DU NOÜY ET LE TÉLÉFINALISME» contribuer grandement à l'embellissement de l'édifice littéraire du Viêtnam, et frayer pour la jeune génération intellectuelle viêtnamienne le chemin de la pensée et de la vie intérieure.

Saigon, le 29 Juin 1967

PHẠM ĐÌNH TÂN

Président du Groupe Littéraire TINH VIỆT

---

[1] Cuốn này chúng tôi đã dịch rồi, sẽ xuất bản trong một ngày gần đây.

[2] Cuốn này xuất bản sau khi tác giả từ trần.

[3] Bà Mary Lecomte du Noüy cũng là nhà văn và nhà khoa học và đã là người cộng sự đắc lực của chồng trong công cuộc viết lách và nghiên cứu khoa học.

Mục lục | **Tựa của Phạm Đình Tân** | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | **Thư bà Mary Lecomte du Noüy** | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

Thư bà Mary Lecomte du Noüy

Kính gửi

Ông Phạm Đình Tân

Đoàn Trưởng

Tinh Việt Văn Đoàn

240/11 Đại lộ Công Lý, Saigon

Thưa ông bạn thân mến,

Tôi hết lòng cảm tạ ông vì đã nhờ Bác sĩ Thọ viết quyển «Lecomte du Noüy và học thuyết viễn đích», và tôi xin nhờ ông chuyển lời cảm ơn Bác sĩ vì đã hoàn thành công trình khó khăn ấy một cách mỹ mãn. Chính cũng là một nhà bác học và một triết gia lỗi lạc, Bác sĩ Thọ đã khéo trình bày chẳng những học thuyết và thân thế của chồng tôi, mà lại còn các lý thuyết khoa học, triết học, đạo giáo thời xưa và ảnh hưởng của chúng đối với tư tưởng hiện đại, cũng như những điểm tương đồng, tương dị giữa nhà tư tưởng và Lecomte du Noüy.

Thanh niên ngày nay đang đi tìm một lẽ sống và một lý tưởng, ắt sẽ say sưa thích thú quyển sách này vì nó đã đề cao tư tưởng chính yếu của Lecomte du Noüy, tức là mục đích của cuộc tiến hóa là sự phát triển tâm thần con người, nhưng cuộc tiến hóa ấy sẽ không thành tựu nếu không có sự cộng tác của con người.

Điều này mang lại lẽ sống cho mọi người, bất kỳ họ sống trong hoàn cảnh nào và có thiên tư ra sao, vì họ biết mình có thể hoặc hỗ trợ, hoặc cản trở đại cuộc của Thượng Đế bằng cách họ phản ứng và hành động.

Như chính tôi đã nhận thấy trong các chuyến viếng thăm Việt Nam, hoạt động văn hóa của Tinh Việt Văn Đoàn có một tầm ảnh hưởng rộng lớn về mọi phương diện. Đó không phải là chuyện dễ thực hiện, nhất là ở trong một nước đã trải nhiều năm binh lửa; tuy nhiên ông đã bền gan và đã thành công mặc dầu mọi trở lực; đó là một nguồn an ủi và cảm hứng cho tất cả những ai lưu tâm đến sự phát triển tinh thần.

Riêng tôi, tôi xin cảm ơn ông, và các người công sự với ông về tất cả những gì đã làm để phổ biến và hiểu biết tư tưởng của chồng tôi; tôi hi vọng rằng ý ông dự định tổ chức một ngày Lecomte du Noüy ở Việt Nam để kỷ niệm lần thứ 20 ngày chông tôi mệnh chung hồi tháng 9 năm 1947 có thể thực hiện được.

Trong cuộc hội thảo tại Paris vào dịp đó, đã có những bài diễn văn về thân thế và văn phẩm của Lecomte du Noüy, tiếp theo là những bài luận thuyết và thảo luận về những đề tài mới có liên quan đến thuyết tiến hóa, thuyết cứu cánh và đạo giáo. Một cuộc hội thảo có mục đích tương tự cũng sẽ được tổ chức tại Đại học đường Notre Dame ở Hoa Kỳ.

Với niềm ước mong chân thành rằng quyển sách của Bác sĩ Thọ sẽ được hoan nghênh thích đáng và công trình của ông bạn sẽ được tiếp tục và thành công thêm mãi, tôi trân trọng xin ông bạn thân mến nhận lòng tri ân, lòng ngưỡng mộ, và tình thân thiết sâu xa của tôi.

Mary Lecomte du Noüy

Etretat 7-9-1967

oOo

LETTRE DE Mme MARY LECOMTE DU NOÜY

Monsieur PHẠM ĐÌNH TÂN

Président du Groupe Littéraire TINH VIỆT

290/11 Boulevard Công Lý

SAIGON

Cher Monsieur et Ami,

Je vous suis infiniment reconnaissante d'avoir demandé au Docteur NGUYỄN VĂN THỌ de rédiger un livre sur «LECOMTE DU NOÜY ET LE TÉLÉFINALISME» et je vous prie d'être mon interprète auprès de lui pour le remercier d'avoir acquitté cette tâche difficile si brillamment. Etant lui-même un savant et un philosophe distingué, le Dr THỌ a su admirablement exposer non seulement l'œuvre et la vie de mon mari mais les anciennes théories scientifiques, philosophiques et religieuses et leur influence sur la pensée moderne ainsi que les divergences et les ressemblances entre différents penseurs et Lecomte du Noüy.

La jeunesse d'aujourd'hui qui recherche une raison à la vie et un idéal devrai être passionément interessée par ce livre qui met bien en valeur l'idée fondamentale de Lecomte du Noüy, à savoir que le but de l'évolution est le développement spirituel de l'homme mais qu'elle ne peut arriver à ses fins sans sa coopération. Ceci donne une raison d'être à là vie de chaque individu indépendamment de sa situation et de ses dons, car il sait qu'il peut soit aider ou entraver le grand plan de Dieu par la façon don't il réagit et agit.

Comme j'ai pu le constater moi-même au cours de mes différents voyages au Vietnam, l'activité culturelle du Groupe Littéraire TINH VIET est d'une haute et grande portée à tous les points de vue. Ce n'était pas chose facile à réaliser, surtout dans un pays en guerre depuis tant d'années, mais vous avez persisté et réussi malgré tous les obstacles et c'est un réconfort et une inspiration pour tour ceux qui ont à cœur le développement de l'esprit.

Personnellement je voudrais vous remercier ainsi que vos collaborateurs de tout ce que vous avez fait pour la dissémination et la compréhension des idées de mon mari, et j'espère que votre projet de tenir une

journée Lecomte du Noüy au Vietnam pour commémorer le 20e anniversaire de la mort de mon mari en Septembre 1967 pourra se réaliser: Pendant le Colloque tenu à Paris à cette occasion, les discours sur la vie et l'œuvre de Lecomte du Noüy ont été suivis par des conférences et des discussions sur les données actuelles de l'évolution, du finalisme et de la religion. Un Séminar dans le même but se tiendra en Octobre à l'Université de Notre Dame aux Etats Unis.

Avec mes vœux pour que le livre du Dr THỌ remporte le succès qu'il mérite, et pour la continuation et le succès toujours grandissants de votre œuvre, je vous prie de croire, cher Monsieur et Ami, à mes sentiments de reconnaissance, d'admiration et de profonde affection.

Mary Lecomte du Noüy

Etretat 7-9-1967

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | **Thư bà Mary Lecomte du Noüy** | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | **Lời nói đầu**
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo

chương trước chương sau

LỜI NÓI ĐẦU

Ut sit Deus omnia in omnibus.

(I Cor. 15, 28)

Tư tưởng Lecomte du Noüy đến nay không còn xa lạ đối với chúng ta.

Các tác phẩm của Ông đã được lưu hành từ lâu tại Việt Nam và nhiều nhà trí thức đã được đọc các nguyên tác của Ông.

Hơn nữa, năm 1953, Tinh Việt Văn Đoàn cũng đã phiên dịch và cho xuất bản quyển «Định mệnh con người» của Ông.

Văn Đoàn từ thời ấy đã có chủ đích phiên dịch tất cả các tác phẩm của Lecomte du Noüy ra Việt văn. Nhưng vì thế sự thăng trầm, lịch sử biến chuyển, dự định ấy đến nay cũng chưa thành tựu.

Gần đây ông Phạm Đình Tân ngỏ ý nhờ tôi toát lược các tác phẩm của Lecomte du Noüy, trình bày lại cho phổ thông, giản dị, và phê bình học thuyết viễn đích của nhà bác học này.

Nhận thấy tuy đó là một công tác khó khăn, nhưng nếu làm được, sẽ giúp ích nhiều cho đồng bào, nhất là thế hệ thanh niên trí thức, tôi không quản ngại vất vả, để một thời gian suy tư khảo cứu viết thành cuốn sách này.

Đây không phải là một bản dịch. Chủ tâm của tôi là cốt sao nắm vững tư tưởng chủ yếu của Lecomte du Noüy, còn cách hành văn, diễn xuất phải được tự do phóng khoáng. Cho nên, từ cách bố cục đến lề lối trình diễn tư tưởng thường là khác với nguyên bản.

Tôi cố gắng dùng lối văn thông thường giản dị, trình bày tư tưởng Lecomte du Noüy một cách phổ thông, để độc giả dễ bề lĩnh hội.

Tuy nhiên, vì học thuyết Lecomte du Noüy bao quát rất nhiều lãnh vực: khoa học, triết học, đạo giáo, siêu hình, nên dù có giản dị mấy, nó vẫn còn tương đối khó. Đó là đặc điểm cố hữu của các tác phẩm khoa học, triết học, nên nhiều khi phải đọc đi đọc lại mới thấy thú vị của học thuyết.

Trong cuốn sách này, tôi cố trình bày những lý do khiến Lecomte du Noüy thay đổi khuynh hướng, lập trường, từ vô thần trở về hữu thần, từ những giá trị khoa học, hoàn cảnh thời gian trở về với những giá trị vĩnh cửu của con người, với tinh hoa đạo giáo.

Tôi cũng cố gắng trình bày tư tưởng của Ông một cách khách quan, chính xác.

Trong phần bình luận, tôi đã hết sức vô tư và thành khẩn. Gặp ưu điểm thời tán dương, thấy nhược

điểm thời phê phán, mặc dù tôi hết sức quí trọng nhân cách, và ngưỡng mộ tài ba lỗi lạc của tác giả.

Tôi đã dùng phương pháp đối chiếu để khảo cứu và phê bình học thuyết viễn đích. Như vậy độc giả sẽ hiểu rõ tư tưởng Lecomte du Noüy hơn, và nhân sự cân nhắc, so sánh, có thể suy tư thêm để tìm ra chân lý đại đồng phổ quát.

Tóm lại, trong công cuộc khảo luận và phê bình học thuyết viễn đích, tất cả cố gắng của tôi là làm sao cho độc giả thấm nhuần tư tưởng Lecomte du Noüy, có được một lối nhìn chính xác, khách quan, thấu hiểu được những huyền cơ vũ trụ, khai phóng được các tiềm năng, tiềm lực sẵn có nơi mình và làm bừng sáng ngọn lửa thiên chân đang âm ỉ đáy lòng, tìm ra được ý nghĩa và hướng đi chân chính của cuộc đời.

Đó cũng chính là thâm ý và nguyện vọng của Lecomte du Noüy.

Ước mong cuốn sách nhỏ này sẽ giúp ích được trong muôn một những người có thiện tâm thiện chí, trong công trình thực hiện nhân phẩm, tiến tới tinh hoa, lý tưởng và Thượng Đế.

Saigon, ngày 15-4-1967

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Cẩn chí

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | **Lời nói đầu**
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương **1** 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

PHẦN THỨ NHẤT:
THỜI ĐẠI, THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP
TƯ TƯỞNG LECOMTE DU NOÜY

*

Chương 1
Chương dẫn nhập

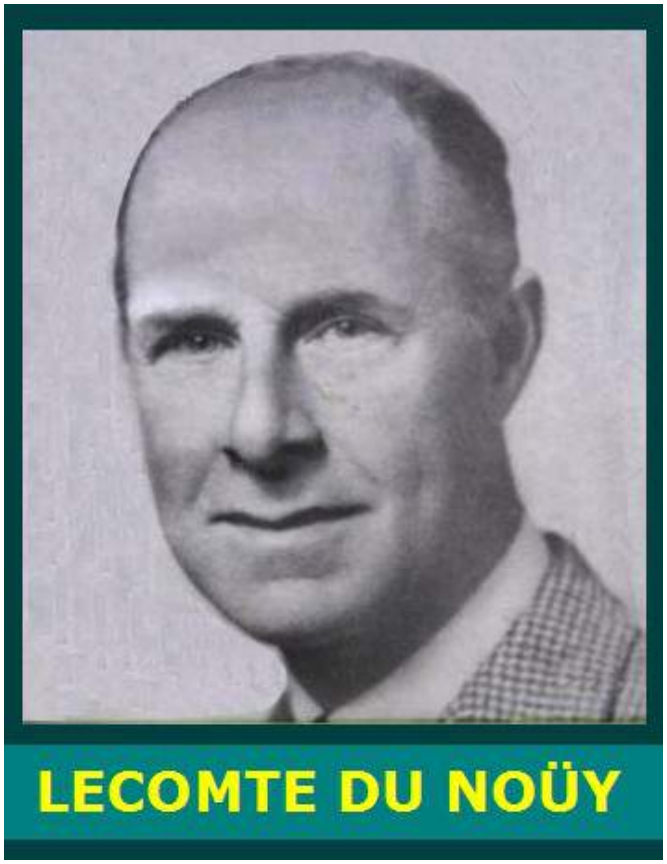

Con người ngày nay đang sống ở một khúc quanh lịch sử vô cùng quan trọng, rất hùng tráng mà cũng rất bi ai.

Hùng tráng, vì con người đang sống với những phát minh tân kỳ, mà xưa kia thiên hạ coi như là thần

thoại. Con người đã chinh phục từ nguyên tử đến không gian, và đang như Đường Minh Hoàng, sửa soạn du nguyệt điện. Thiên hạ ngày nay đầy dẫy danh tướng, danh nhân, thần y, thánh dược. Thế giới càng ngày càng thêm ảo diệu, thần kỳ: con người đã chế được những máy móc tự động suy nghĩ, tính toán, phiên dịch, soạn nhạc thay người.[1]

Những bi ai, thì vẫn quá bi ai, vì dưới phiến diện vàng son, rực rỡ, nhân loại chất chứa bên trong biết bao là tang tóc, sầu bi, ai oán.

Mới trong 6, 7 mươi năm mà đã biết bao lần chinh chiến. Các khí giới giết người, các kỹ thuật hành hạ, đày ải, thủ tiêu người, đã được chế tạo, đã được phát minh tới mức độ tinh vi, cho nên trong vòng 5 chục năm chục năm nay cũng phải có hàng trăm triệu nhân mạng bị giết hại, tật nguyền, đầy ải, thủ tiêu…

Đó là mặt trái của thế kỷ XX gấm vóc, đầy tự do, và đầy ánh sáng văn minh khoa học !

Con người ngày nay, thực đáng oán than về thân phận mình, và lắm lúc xúc cảnh sinh tình, biết bao nhiêu kẻ đã phải ngâm lên mấy vần thơ não lòng của Cung Oán:

«Ngẫm thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo đầu đến mê.
Mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ,
Đường thế đồ gót rỗ kỳ khu…»

Mọi người, y như sống phiến diện ngoài bì phu, chạy theo tiền tài, danh vọng, mặc cho ngoại cảnh khiên dẫn, đẩy đưa; uống mọi thứ nước đường, ăn mọi thứ bánh vẽ của các chủ nghĩa; toàn có những cuộc sống giả tạo, hoặc là khổ sở lao lung, hoặc là cuồng nhiệt thác loạn, mà ít khi tìm ra được một đời sống sâu xa, chân thực, lý tưởng, xứng đáng.

Sự thác loạn tinh thần của thế giới ngày nay, một phần sinh ra vì những đổ vỡ vật chất, một phần sinh ra vì sự mất tin tưởng vào con người, vào những giá tri vĩnh cửu nơi con người, cũng như vào sự hướng dẫn của các bậc lãnh đạo.

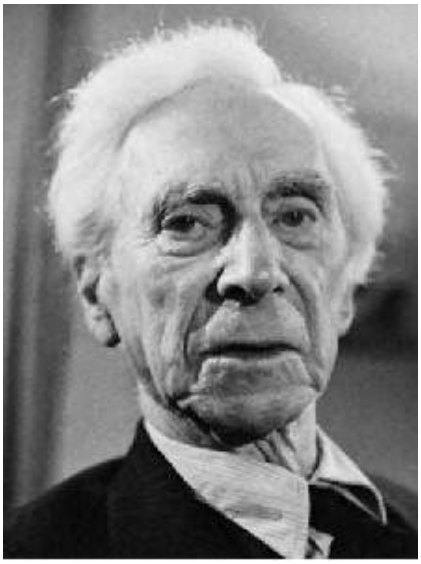

Bertrand Russell (1872-1970

Bertrand Russell viết:

«Con người là kết quả của những duyên do vô tình vô ý chẳng hề hay biết những cố gắng của mình sẽ kết quả ra sao. Con người phát sinh hay tiến triển, ước mơ hay sợ hãi đều là do những sự va chạm ngẫu nhiên vô tình, vô ý của các vi tử vi trần. Dẫu hào hùng, hăng hái, dẫu tư tưởng cao xa, dẫu tình tứ

thâm hậu, con người cũng chẳng thể kéo dài đời sống mình, một khi đã lỡ bước xuống mồ.

«Tất cả công trình lao tác của các thế hệ, tất cả những hy sinh, những cảm hứng, những tinh anh xán lạn của thần trí nhân loại, tất cả những cái đó rồi ra cũng tàn lụi khi thái dương hệ tiêu ma, và tất cả công trình con người rồi ra cũng sẽ như một đền đài vùi sâu dưới tàn tích của một vũ trụ hoang phế [2] … Tất cả những cái đó, dẫu người ta cố tình chối cãi, nó cũng vẫn là biểu tượng của một chân lý xác thực; đến nỗi bất kỳ một triết lý nào, nếu phủ nhận thực trạng đó, sẽ khó hy vọng tồn tại.» [3]

Tâm sự Jean Rostand cũng bi đát chẳng kém. Jean Rostand viết:

«Con người chẳng qua là một hạt bụi vô nghĩa lý lạc lõng trong một vũ trụ man mác, vô hồn.

Con người biết rằng có lam làm hăng hái đến đâu chăng nữa, cũng chỉ là một câu chuyện phù du tạm bợ, hữu hạn, vô nghĩa lý.» [4]

Con người ngày nay trở nên ngao ngán vì thấy sau những bộ mặt nhân nghĩa giả tạo bên ngoài, biết bao oán hờn, nghi kỵ đang âm ỉ bên trong, nghi kỵ oán hờn giữa đạo giáo với đạo giáo; giữa đạo giáo với chính trị, khoa học, triết học; giữa chủ nghĩa này với chủ nghĩa nọ, nước này với nước kia.

Hơn thế nữa, con người ngày nay đang sống trong một thế giới bấp bênh của quang tử, điện tử, bồng bềnh trên những làn sóng điện tử của Maxwell, trên những quang tử của Einstein, quay cuồng trong gió lốc thời gian, lênh đênh trên nhiều bọt bèo chủ nghĩa; nhìn vào các giải ngân hà, thì thấy ngân hà xô nhau chạy về vô cùng vô tận; nhìn vào tim gan vật chất, thì thấy lòng dạ chúng chứa đầy những chủng loại huyền kỳ: nào âm tử, dương tử, trung hòa tử, meson, neutrino, phản neutrino vân vân … cho nên tự nhiên thấy thần hôn, trí loạn, mắt hoa, mày quáng, không còn biết bám víu vào đâu; tin tưởng vào đâu; không còn biết đường lối, phương hướng ra sao nữa.

Con người đã đau đớn, thành khẩn mà hỏi những câu ai oán: «Có ông trời hay không có ông trời»; có hồn hay không có hồn; con người có giá trị hay vô giá trị; con người có định mạng gì sang cả hay chỉ là những bào ảnh, quang hoa nay còn mai mất; có hướng chiều nào nhất định mà đi, mà tiến, hay chỉ là những thân phận phù du, lạc lõng trên trùng dương thế hệ.

Lecomte du Noüy cũng như những người có thiện tâm, thiện chí, đã bạo dạn nhìn thẳng vào thực tại.

Ông cũng hết sức băn khoăn, thắc mắc trước những cảnh chiến tranh tang tóc của nhân loại, trước sự suy vi, về phương diện uy tín, của các đạo giáo cổ truyền, sự hoang mang vô định hướng của quần chúng.

Ông cũng như tất cả những người có thiện tâm, thiện chí trong thế giới tự hỏi rồi đây con người sẽ ra sao, rồi đây nhân loại sẽ ra sao.

Tất cả những cố gắng của con người, những hy sinh cao cả của con người, những khám phá vĩ đại của lý trí rồi ra sẽ đem đến những thành quả gì, đến kết thúc gì đẹp đẽ hay biến tan thành mây khói.

Nhưng, thay vì than thân trách phận, thay vì hưởng thụ đời cho đến chán chường, thay vì để hoàn cảnh lôi cuốn như lá vàng trước gió, Ông đã quật khởi tinh thần, nhất định tìm cho mình, cũng như góp công tìm cho nhân loại một niềm hy vọng mới, một hướng đi chân thực và một niềm tin vững mạnh ở tương lai.

Chính vì có những mục phiêu cao cả ấy, chính vì thấy lòng rực rỡ bừng sáng lên với một niềm tin nồng cháy về tương lai, Ông đã nhiều năm suy tư, soát xét lại giá trị của khoa học, của lý trí và dùng khoa học toán học để tìm ra, suy ra định mệnh cao sang của con người.

Kết quả, Ông đã để lại cho chúng ta bốn cuốn sách quí báu:

- Con người trước khoa học

- Tương lai tinh thần

- Phẩm giá con người

- Định mệnh con người. [5]

Bốn cuốn sách này kết lại thành một học thuyết: Học thuyết viễn đích, nói lên niềm tin của Ông vào Thượng Đế, vào cuộc tiến hóa nhân loại, vào tương lai nhân loại, vào sự tiến tới tinh thần, tiến tới con người hoàn thiện, siêu đẳng trong tương lai.

Học thuyết của Ông có giá trị vì hoàn toàn dựa trên nền tảng khoa học, vì thái độ của Ông hết sức vô tư, vì tư tưởng ông hết sức sáng suốt, thoát sáo. Lòng tin tưởng Ông về Thượng Đế về tâm thần, có một giá trị đặc biệt, vì Ông vốn là một nhà khoa học vô thần, duy vật. Ông đã tìm ra Thượng Đế, không nhờ đức tin mà nhờ lý trí. Ông đã tìm thấy Thượng Đế qua những phương trình, qua những toán xác suất. Ông đã tìm thấy Thượng Đế không phải ở trong các thánh đường, mà ở trong các phòng thí nghiệm khoa học của viện Rockfeller Nữu Ước hay của viện Pasteur Ba Lê.

Ông đã tìm ra Thượng Đế không qua các bí tích đạo giáo mà qua các chai, lọ, phiễu, chén thủy tinh, qua các tổ chức tế bào, Ông trồng cấy, nuôi dưỡng theo phương pháp Carrel. Ông đã nhìn thấy Thượng Đế vô hình hiện lên qua bóng hình các vi trần, vi tử, qua các tế bào huyết mạch. Ông cũng đã nhìn thấy cây đũa thần của Thượng Đế ám trợ đẩy đưa quần sinh trên con đường biến thiên tiến hóa.

Ông thực là nhân chứng vô tư, quí báu về tất cả những giá trị tinh thần, vĩnh cửu con người, vì trong suốt cuộc đời Ông – trừ vài ngày sau cùng, khi đã thập tử nhất sinh, Ông mới trở về với đạo Công giáo, là đạo mà Ông theo hồi thơ ấu – trong suốt cuộc đời Ông, Ông không hề theo một tôn giáo nào, hay một đảng phái nào, mặc dầu Ông rất đạo đức, rất yêu nước thương nòi.

Cho nên tâm hồn Ông đã chân thành gửi gấm vào những giá trị vĩnh cửu, phổ quát của con người. Trong khi mà khoa học và lý trí đang ở vào thời kỳ cực thịnh và chiếm được địa vị độc tôn, Ông đã mạnh dan nhắn nhủ nhân quần chớ nên mù quáng, hoàn toàn phó thác định mệnh mình cho lý trí và khoa học thao túng đẩy đưa, chớ nên khinh khi đả phá những giá trị tinh thần và đạo giáo của tiền nhân lưu lại. Ông thành khẩn khuyến cáo mọi tôn giáo hãy bắt tay nhau để tìm về đại đạo, về «chân đạo tại tâm», và khuyên nhủ con người đừng bao giờ quên định mệnh cao quý của mình, cũng như nhiệm vụ trọng đại của mình là luôn luôn cải thiện tâm hồn để tiến về tinh thần, về tinh hoa cao đại, về Thượng Đế. Để hiểu rõ học thuyết Ông, cũng như để hiểu rõ tầm quan trọng, và giá trị của học thuyết ấy, chúng ta phải có ít nhiều ý niệm về những phát minh, và những trào lưu tư tưởng thế kỷ XIX, XX. Sau đó, chúng ta cũng cần biết sơ qua về thân thế Lecomte du Noüy, về các tác phẩm của Ông, và những chủ trương, tư tưởng chính yếu của Ông.

CHÚ THÍCH

[1] cf. Cybernétique, électronique, automation. – Edition René Kister.

[2] «Que l'homme soit le produit de causes qui n'eurent jamais en vue le but de leurs efforts; que son origine, son développement, ses espoirs et ses terreurs ne soient que le résultat d'accidentelles collisions d'atomes…

Que ni feu, ni héroisme ni intensité de pensée ou de sentiment ne puissent prolonger une vie individuelle au delà de la tombe, que tous les labeurs des siècles, tout le dévouement, toute l'inspiration,

tout l'éclat éblouissant du génie humain soit destiné à s'éteindre dans la vaste mort du système solaire, et que le temple tout entier de l'œuvre de l'Homme doive inévitablememt être enterré sous le débris d'un univers en ruines…

Lecomte du Noüy, L'homme devant la Science, page 198-199 - Note 1.

[3] Toutes ces choses, même si l'on peut les discuter sont cependant l'expression d'une vérité si proche de la certitude, que si elle les rejette, aucune philosophie ne peut espérer vivre.

Lecomte du Noüy, L'homme devant la Science, page 199.

[4] André Lamouche, Destinée humaine, page 154: «Atome dérisoire, perdu dans le cosmos inerte et démesuré, il sait que la fiévreuse activité n'est qu'un petit phénomène local éphémère, sans signification et sans but…»

[5] Năm 1964, Nhà Harmanno Paris còn cho xuất bản cuốn Giữa biết và tin (Entre savoir et croire).

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương **1** 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 **2** 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

PHẦN THỨ NHẤT:
THỜI ĐẠI, THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP
TƯ TƯỞNG LECOMTE DU NOÜY

*

Chương 2
Thế kỷ XIX và thế kỷ XX

Le problème du monde est le problème de l'individu, nous dit le preseur indou J. Krishnamurti. Il est de peu d'utilité de modifier les cadres extérieurs, économiques, politiques, sociaux, juridiques, si préalablement à ces réformes de surface, on ne procède pas à la transformation radicale du cœur et de l'esprit des hommes, destinés à utiliser ces structures nouvelles.

RÂM LINSSEN

(Etudes psychologiques de C.G.Jung à J. Krishnamurti – page 17)

Vấn đề thế giới là vấn đề cá nhân, theo lời nhà tư tưởng Ấn độ J. Krishnamurti. Ích lợi gì đâu, nếu người ta chỉ cố hoán cải ngoại cảnh, các khuôn khổ kinh tế, chính trị, xã hội, tư pháp, nếu trước khi thực hiện những cải cách phiến diện đó, người ta không tìm cách hoán cải con tim, khối óc những con người sẽ sử dụng cơ cấu mới ấy…

Tiết 1
Thế kỷ XIX

Thế kỷ XIX là một thế kỷ huy hoàng của Châu Âu: Ngoài thì đi chinh phục thế giới, chiếm thuộc địa, tìm tiền; trong thì mở mang khoa học, kỹ nghệ, thương mại.

Danh nhân, danh sĩ đầy dẫy các ngành.

Về nhạc, có Beethoven (1770 – 1827), Berlioz (1803 – 1869), Mendelssohn (1809 – 1847)

Ludwig van Beethoven (1770 – 1827)

Về triết, có những triết gia lừng lẫy như:

Hegel (1770 – 1831), Feuerbach (1775 – 1833), Engels (1820 – 1895), Karl Marx (1818 – 1883), Schelling (1775 – 1854), Auguste Comte (1798 – 1857), Renan (1823 – 1892) v.v…

Ernest Renan (1823 - 1892)

Về văn có:

Schiller (1759 – 1805), Goethe (1749 – 1832) Anh em họ Grimm (Wilhelm: 1786 – 1859), Jacob: 1785 – 1863), Coleridge (1773 – 1834), Byron (1788 – 1824), Wordsworth (1770 – 1850), Walter Scott (1771 – 1832), Chateaubriand (1768 – 1848), Victor Hugo (1802 – 1885), Lamartine (1790 – 1869).

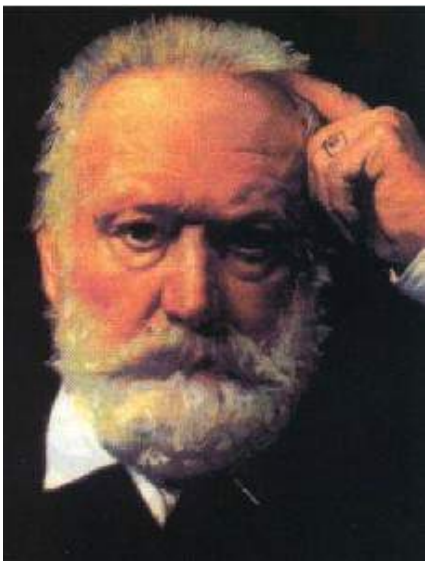

Victor Hugo (1802 – 1885)

Về khoa học có các nhà toán học lừng danh như:

Abel (1802 – 1829), Galois (1811 – 1832), Cauchy (1789 – 1857), Lobatchevski (1793 – 1856), Riemann (1826 – 1866), Henri Poincaré (1854 – 1912).

Henri Poincaré (1854 – 1912)

Các thủy tổ về điện học như:

Oersted (1777 – 1851), Faraday (1791 – 1867), Gauss (1777 – 1855), Coulomb (1738 – 1806), Ampère (1775 – 1836), Volta (1745 – 1827), Maxwell (1831 – 1879), Ohm (1787 – 1854), Hertz (1857 – 1894), Angström (1814 – 1874)

Michael Faraday (1791-1867)

Các thủy tổ về cơ học, nhiệt lực học như:

Helmholtz (1821 – 1894), Sadi-Carnot (1822 - 1888), Lord Kelvin (1824 – 1907).

Các thủy tổ về hóa học như:

Berthollet (1748 – 1822), Berthelot (1827 – 1907), Proust (1754 – 1826), Dalton (1766 – 1844)

Các nhà tự nhiên học hay sinh vật học tài danh quán thế như:

Cuvier (1769 – 1832), Geoffroy Saint Hilaire (1772 – 1844), Lamarck (1774 – 1829), Darwin (1809 – 1882).

Các nhà sinh lý học, vi trùng học thời danh như:

Pasteur (1822 – 1895), Claude Bernard (1813 – 1878) v.v…

Louis Pasteur (1822-1895)

Thế kỷ XIX là một thế kỷ sùng thượng khoa học và duy vật.

Sùng thượng khoa học vì khoa học đã đem lại cho đời sống rất nhiều tiện nghi mới mẻ; khoa học đã làm được nhiều phép lạ nhãn tiền.[1]

Sùng thượng vật chất, vì nhờ khoa học người ta trở nên gần gũi vật chất và ngoại cảnh, và tìm ra được nhiều phương pháp biến chế và sử dụng vật chất. [2]

Duy vật, vì bị ngoại vật khiên dẫn, con người đã cố buông bức màn quên lãng, xoay lưng lại Thượng Đế và tâm hồn, để hoàn toàn vụ ngoại, hướng ngoại. Từ nay, vũ trụ chỉ còn thuần có vật chất trước nhãn quan nhà học giả. [3] Đồng thời, trào lưu phản giáo và vô thần càng ngày càng lớn mạnh.

Thoạt đầu, nó là phương thức chống lại giáo quyền, sau dần dà trở thành lối sống thực sự.

Phong trào chống đối giáo quyền ngấm ngầm từ thế kỷ XVII; bột phát thế kỷ XVIII nhờ sự cổ vũ của Voltaire, Diderot, và các học giả soạn thảo bộ bách khoa tự điển Pháp; toàn thắng và trở thành một lối sống cho tri thức thế kỷ thứ XIX.[4]

Công bằng mà nhận xét thì phong trào này sở dĩ phát sinh một phần lớn là do những lỗi lầm của Giáo hội.

Thật vậy khi giáo hội còn thịnh, đã tỏ ra chuyên chế, độc tài, khe khắt: một mặt thì toa rập với vua chúa, dùng những hình phạt khủng khiếp để khống chế dân, một mặt thì dùng quyền kiểm duyệt cấm đoán mọi tự do ngôn luận. [5]

Mới đầu, trí thức chống lại giáo quyền, rồi chống luôn đạo giáo, chối bỏ luôn Thượng Đế. [6]

Dần dà người ta cho rằng vật chất cắt nghĩa được mọi sự. Tất cả mọi sự, mọi loài trong trời đất đều là những tổ hợp vật chất, những biến hóa vật chất, mà chẳng có thần linh, Thượng Đế chi hết. Cho nên muốn giải thích vũ trụ chỉ cần dựa vào các định luật vật chất, lý, hóa, cơ. [7]

Trên trời, vật chất sinh ra mặt trời, mặt trăng, tinh vân, tinh tú.

Dưới đất, vật chất kết tập thành núi, thành sông, rồi ngẫu nhiên biến thành sinh vật. Sinh vật vì hoàn cảnh thúc đẩy, vì đấu tranh sinh tồn, đã biến hóa dần dà từ loài nọ đến loài kia, sau cùng lên cho tới con người. [8]

Con người chẳng qua là một thứ máy móc tinh vi, [9] một con thú tiến hóa, [10] mà ta có thể chi phối sử dụng tùy ý, nếu ta biết áp dụng những định luật chi phối cơ thể óc não, tâm lý, ví dụ định luật «phản xạ có điều kiện» của Pavlov (1849–1936) chẳng hạn. [11]

Đời sống tâm thần ý thức chỉ là phụ tượng do vật chất sinh ra. [12] Ý tưởng, tâm tình ta chẳng qua là do cảm giác kết cấu, tạo thành mà cảm giác lại sinh ra do sự chuyển động của các phân tử óc não. [13]

Tất cả các hiện tượng lịch sử, xã hội cũng có thể cắt nghĩa được bằng những duyên do kinh tế, vật chất như vậy; và ta có thể phác hoạ được bộ mặt của xã hội, nếu ta biết rõ các yếu tố chủng tộc, di truyền, địa lý và thời gian. [14]

Cho nên vũ trụ là một guồng máy lớn lao [15] con người là một guồng máy [16] xã hội là một guồng máy. Tất cả các hiện tượng trong vũ trụ, thiên văn địa lý, nhân sinh, đều theo cùng một định luật lý, hóa, vật chất.

Claude Bernard viết:

«Descartes, Leibnits, Lavoisier đã dạy chúng ta rằng vật chất và các định luật vật chất ở nơi sinh vật cũng giống như ở nơi khoáng vật. Các ngài đã cho chúng ta thấy trong trời đất chỉ có một thứ cơ học, một

thứ lý học, một thứ hóa học chung cả cho vạn vật. [17]

Ta cũng cóthể coi vũ trụ như gồm bởi những con toán số, và có thể sắp xếp được thành phương trình; [18] như những cơ cấu có thể diễn biến thành những phản ứng hóa học; [19] như những sự chuyển động mà vận tốc có thể đo lường ước định được. [20]

Cho nên bất kỳ một hiện tượng gì trong vũ trụ, rồi ra khoa học cũng tiên tri, tiên đoán được. [21] Hoặc tiên đoán một cách chính xác theo những phương trình cơ học, nếu là vận chuyển của các tinh cầu, hoặc một cách đại cương đại khái theo phương pháp thống kê, xác xuất, nếu là những cấu tử đa đoan phiền tạp như phân tử, nguyên tử hay con người. [22]

Chẳng cần gì phải nại đến thần quyền để cắt nghĩa vũ trụ. Giả thuyết Thượng Đế, theo Laplace, trở nên vô ích. [23] Hơn thế nữa Hœckel cho rằng phải xua đuổi ý niệm Thượng Đế ra khỏi nhân sinh, nếu con người muốn trở nên khôn ngoan và sung sướng. [24]

Trước mắt các nhà duy vật vô thần, đạo giáo trở nên vô dụng, và chỉ là những công cụ áp bức, bưng bít, ru ngủ con người. [25]

Chỉ có khoa học mới có thể giải thoát con người, chỉ có khoa học mới vạn linh, vạn ứng, mới có thể đem lại hạnh phúc mà con người mong mỏi, đợi trông. [26]

oOo

Phong trào duy vật phát xuất từ các triết gia Đức quốc. [27]

Đầu thế kỷ 19, các triết gia Fichte, Shelling, Hegel đã làm mưa gió trên thao trường triết học. [28]

Hegel với biện chứng pháp, đã đề cao vấn đề biến dịch trong vũ trụ, tuy là với khuynh hướng duy linh.

Nhưng các đồ đệ khuynh tả của ông lại cố giải thoát lý trí con người khỏi ảnh hưởng thần học, đạo giáo, và phổ biến chủ nghĩa vô thần. [29]

Năm 1835, Strauss cho xuất bản cuốn «Đời sống Chúa Jésus» phê bình gắt gao chặt chẽ các bản thánh kinh và kết luận chúa Jesus cũng chỉ là một con người, [30] và đề nghị thay vì sùng thượng Chúa Jésus, nên sùng thượng «Nhân loại» một «Nhân loại» đã được thần minh hóa. [31]

Feuerbach cũng có những chủ trương tương tự. [32] Ông chủ trương hồn chẳng thể tách rời khỏi xác và vũ trụ không hề biết phép lạ. [33]

Moleschott cho rằng: có lân tinh mới có tư tưởng. [34]

Karl Vogt chủ trương con người gần vật hơn gần thần, và cho rằng óc tiết ra tư tưởng cũng như gan tiết ra mật. [35]

Mặc dầu có sự chống đối của các nhà tư tưởng duy linh như Maine de Biran, Jouffroy và Victor Cousin, làn sóng duy vật cũng lan tràn sang nước Pháp nhất từ sau khi thất trận năm 1870. [36]

Đồng thời, ở Pháp, Auguste Comte đưa ra chiêu bài duy thực.

Ông cho rằng thời kỳ thần học và siêu hình của nhân loại đã qua, và nay là thời kỳ khoa học, thời kỳ toàn thịnh của lý trí. [37]

Auguste Comte tuyệt đối cấm chỉ không cho bàn đến nguyên lý hay cùng đích. [38]

Những sự suy cứu ấy theo ông chẳng có thay đổi được số phận nhân loại, chẳng làm cho nhân loại hạnh phúc hơn. [39]

Con người cần phải hoạt động trên bình diện thực tế, cho nên thuyết duy thực chống lại mọi mơ hồ, viển vông. [40]

Auguste Comte chỉ vụ ích lợi, nên gạt bỏ những gì vô bổ, chỉ cần chắc chắn nên gạt bỏ những gì mơ hồ, bất định; chủ trương tích cực chứ không tiêu cực; chỉ cầu tự nhiên, nên gạt bỏ siêu nhiên, cầu tương đối chứ không cầu tuyệt đối. [41] Nguyên tắc của Ông là cái gì cũng tương đối. [42]

Thậm chí, Auguste Comte còn muốn gạt bỏ hẳn phương pháp «nội quan» trong khoa tâm lý học và cho đó là một huyễn vọng. [43]

Thế tức là con người thế kỷ XIX đã thu hẹp phạm vi hoạt động của mình, gạt bỏ những gì không thể chứng minh, đo lường, khảo sát được ra khỏi đời sống.

Người ta muốn đo lường mọi sự, đo lường cả những hoạt động của tâm thần; và do đó, ta thấy có định luật của Weber và Fechner chẳng hạn về tương quan giữa cảm giác và kích thích. [44]

Ribot đem áp dụng phương pháp thực nghiệm vào khoa tâm lý học. Ông chủ trương, muốn học về tâm lý con người, vừa phải dùng phương pháp nội quan, vừa dùng phương pháp ngoại quan. Ngoại quan là khảo sát các sự bộc lộ, phát tiết của tâm hồn ra bên ngoài, như lịch sử, từ ngữ, thái độ, tâm bệnh, bệnh thần kinh, phong tục các sắc dân kim cổ, từ man mọi cho đến văn minh, nghiên cứu hành vi, tác phong của mọi tuổi từ trẻ đến già. Thậm chí còn nghiên cứu cả tâm lý loài vật để hiểu thêm tâm lý loài người. [45]

Max Otto thuật lại chủ trương của một nhà tâm lý học cho rằng: «Muốn hiểu con người, hiểu bản tính con người, cần học hỏi về con khỉ, vì đã có thời con người là con khỉ. Thay vì học xem con người sẽ tiến hóa đến đâu, phải học xem con người xưa kia đã làm gì?» [46]

Và thế kỷ thứ XIX cũng đã làm rung chuyển đạo giáo đến tận gốc rễ khi đem thuyết tiến hóa để cắt nghĩa quần sinh. [47]

Tóm lại thế kỷ XIX là một thế kỷ có khuynh hướng:

- Vô thần
- Duy vật
- Máy móc, tất định
- Sùng thượng khoa học.

Và chủ trương:

- Sinh cơ ngẫu nhiên mà có
- Quần sinh do một thủy tổ rồi biến hóa dần lên mãi, từ thảo, trùng cho tới con người.
- Ta toát lược bằng bản đồ sau:

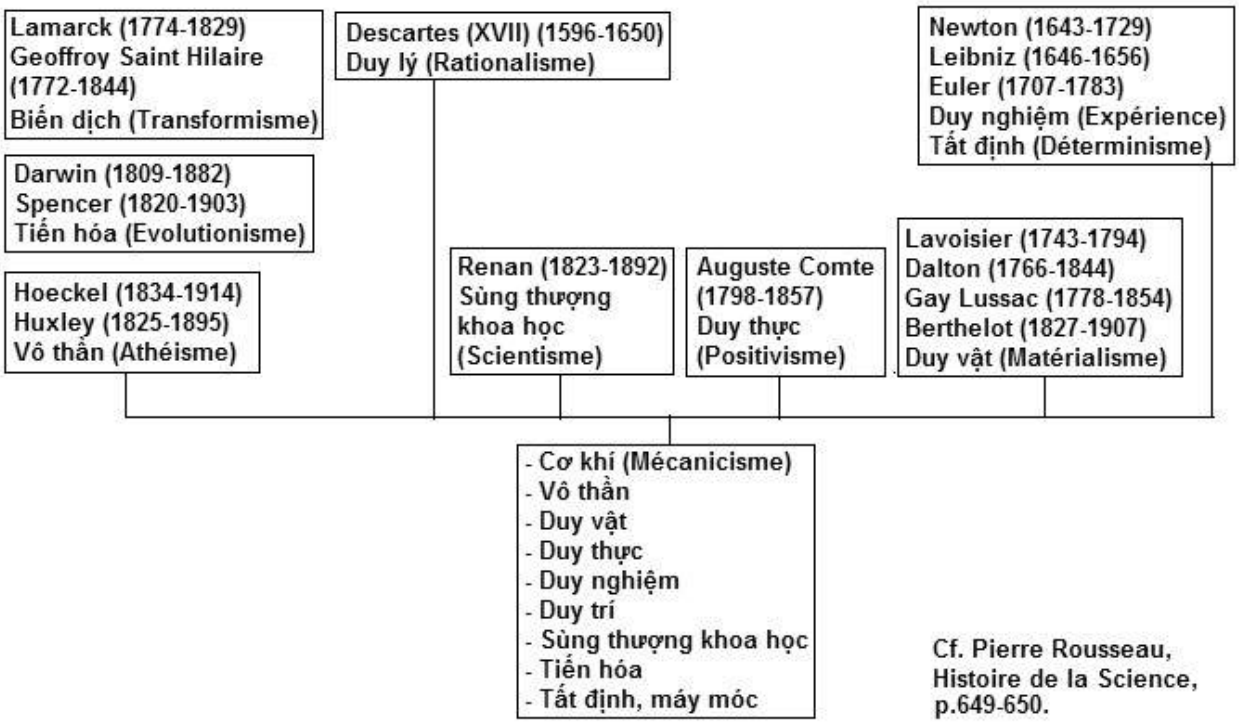

Tiết 2
Thế kỷ XX

Nhưng bước sang thế kỷ XX, niềm tin vào khoa học vào vật chất dần dần bị lung lay suy sụp. [48]

Mà lý do, không phải là vì khoa học suy, mà lại vì khoa học thịnh, mới lạ!

Bước sang thế kỷ XX nhân loại còn tiến vượt bậc hơn nữa.

Điện lực, cơ khí phổ cập khắp nơi.

Nhân loại chế ra được những dụng cụ tân kỳ hơn để khám phá vũ trụ, khám phá vật chất, khám phá không gian.

Nhưng chính vì những tiến bộ vượt mức, chính vì những khám phá lạ lùng, các nhà khoa học đã nhận thấy các định kiến thế kỷ XIX là lầm lạc hay thiển cận, hẹp hòi. [49]

Các nhà khoa học đã khám phá ra nhiều hiện tượng tân kỳ, nên bắt buộc phải thay đổi lập trường, thay đổi quan điểm.

Với sự tiết tháo sẵn có, nhiều nhà khoa học thời danh đã nhìn nhận các đồng nghiệp thế kỷ trước đã có nhiều thiển kiến, nhiều lầm lỗi, và cho rằng không làm sao có được thái độ cố chấp, ngạo nghễ một chiều như xưa được nữa. [50]

Khảo cứu cho đến căn để, người ta thấy cái gì cũng biến thiên chất chưởng, tráo trở, đảo điên; cái gì cũng phiền tạp rắc rối.

Trước kia, người ta cho cái gì cũng liên tục, năng lượng liên tục, ánh sáng liên tục. Nhưng Max Planck với thuyết lượng tử [51] đã bắt mọi người phải chấp nhận cái gì cũng gián đoạn. [52]

Sự khảo nghiệm về tông chi các chất phóng xạ của gia đình Curie [53] và của Henri Becquerel (1852-

1908) cho tấy vật chất có sinh tử, cũng phân hóa biến thiên, biến tính, biến thể, có con, có cháu, ví dụ chất Radium sau khi phóng xuất Hélium sẽ biến thành Radon. [54]

Chất nhôm khi bị pháo kích bằng phi đạn alpha, sẽ biến thành lân tinh phóng xạ. Lân tinh phóng hết xạ tuyến sẽ biến thành Silicium v.v… [55]

Và đây là gia phả những chất phóng xạ từ Uranium 238 cho đến chì theo Rutheford.

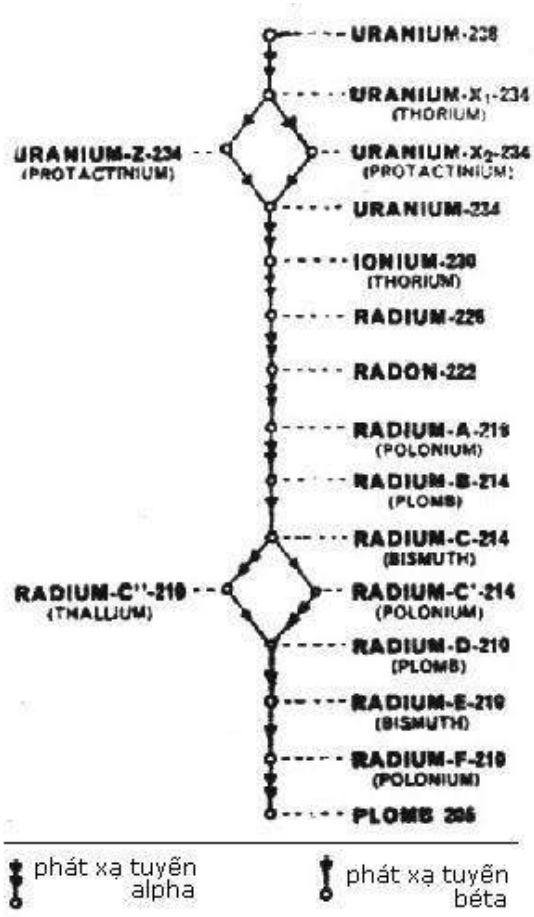

Theo Les Secrets de l'atome, p. 119.
(La physique nucléaire, la géophysique et la Cosmogonie par M.E. Nahmias)

Tiếp đến, Lorentz và Eintein gây ra một cuộc đảo chính mới, đó là học thuyết tương đối.

Học thuyết này rất phức tạp. Chúng ta chỉ ghi lại ít điểm chính yếu:

1- Không gian và thời gian là một hệ thống duy nhất, bất tương ly. [56]

2- Thời gian trở thành chiều kích thứ 4 của không gian [57] và để cho thấy tình không gian và thời gian khăng khít, người ta lấy thời gian đo không gian, lấy năm ánh sáng làm đơn vị đo lường vũ trụ. [58]

3- Einstein còn chứng minh năng lực và vật chất hỗ hoán, tương giao. Năng lực có khối lượng; vật chất có năng lực, năng lực sinh vật chất, vật chất sinh năng lực theo phương trình.

$E= mc^2$ [59]

Những khám phá mới mẻ này có hậu quả kinh thiên động địa vì nó đã dần dà đưa tới trái bom nguyên tử đầu tiên ở Alamogordo và sự tàn phá kinh khủng ở Hiroshima và Nagasaki năm 1945.

4- Einstein còn cho rằng vật chất làm cong, làm trũng không gian… [60] Ánh sáng các vì sao, vì có

khối lượng, nên bị mặt trời hấp dẫn và làm lệch hướng khi xuống tới trái đất v.v…

Tóm lại một mình Einstein đã đổi được nhiều quan niệm siêu hình và khoa học, vì Einstein đã:

(1) Tiêu hủy khái niệm không gian và thời gian riêng rẽ và tuyệt đối tự ngàn xưa.

(2) Khai tử khái niệm khí Thái hư (Ether).

(3) Tiêu hủy khái niệm vật chất vĩnh cửu và cố định. [61]

(4) Tiêu hủy khái niệm phẳng phiu và đồng đẳng của Euclide.

(5) Thay đổi cả lý thuyết «vạn vật hấp dẫn» của Newton. [62]

(6) Đem lại cho khoa học và nhân loại một nguồn năng lực vô tận là nguồn năng lực vật chất và nguyên tử, và một tương lai vô cùng rực rỡ cho nhân loại, nếu nhân loại biết xử dụng năng lực nguyên tử vào những mục phiêu hòa bình và xây dựng. [63]

Càng khảo sát về nguyên tử người ta càng thấy nó chứa chấp nhiều ly kỳ bí ẩn.

Trong lòng mỗi nguyên tử là cả một giang sơn theo đà khám phá của khoa học, số vi tử vi trần càng ngày càng gia tăng và kỳ ảo nhất là mỗi vi tử, vi trần lại có một phản vi tử, vi trần ẩn ước chế hóa. (xem bảng)

Các nhà khoa học cố hình dung dáng dấp nguyên tử, nhưng dần dà thấy là công toi vô ích.

Mới đầu, Rutherford [64] rồi Bohr [65] rồi Sommerfield [66] mỗi người nghĩ ra một kiểu nguyên tử khác nhau.

Người thì cho rằng nhiều điện tử có thể ở cùng một quỹ đạo, người thì cho rằng mỗi quỹ đạo chỉ có thể có hai điện tử quay ngược chiều, [67] người thì cho rằng mỗi điện tử có một đường lối riêng tư, chẳng hề san sẻ cùng nhau quỹ đạo. [68]

Rốt cuộc các nhà bác học bỏ hết các kiểu nguyên tử nói trên và thú nhận rằng chẳng thể nào hình dung được vi trần, vi tử, điện tử. Tất cả những danh từ ấy chẳng qua là không ngôn, là giả thuyết, là những khái niệm toán học; [69] hình dung dáng dấp điện tử cũng lờ mờ, ẩn hiện như làn sóng, hơi sương. [70]

Louis de Broglie (1892-1987)

Rồi đến lượt Louis de Broglie chủ trương cái gì cũng vừa là vi trần, vừa là ba động, bất kỳ là ánh sáng hay là dương điện tử, âm điện tử. Thế tức là cái gì cũng vừa gián đoạn vừa liên tục từ nay, và bức tường ngăn chặn ánh sáng và vật chất được hủy bỏ. [71]

Mới hay đi sâu vào đáy lòng vật chất, cái gì cũng trở nên ỡm ờ, hai chiều hai mặt, lúc chuột lúc chim, như chuyện con dơi trong ngụ ngôn La Fontaine. [72]

Các khái niệm toán học cũng trở nên bất định: không gian hoặc phẳng, hoặc cong tùy theo nhãn quan. Ba góc một tam giác có thể:

Bằng 180^0

To hơn 180^0

Nhỏ hơn 180^0

Tuy là ta theo Euclide hay Lobatchevski hay Riemann. [73]

Ngay cả đến đại vũ trụ, cũng trở nên biến thiên chất chưởng. Nhờ phương pháp tán quang, và dựa vào định luật Dopler-Fizeau, các nhà thiên văn học khám phá ra rằng các giải ngân hà đang đua nhau tiến về vô tận, và vũ trụ y như là một cái bọt xà bông của trẻ con chơi đang được thổi phồng lên, theo lý thuyết của Georges Lemaître và đã được Hubble và Eddington xác nhận. [74]

Năm 1927, Heisenberg đề xướng nguyên tắc bất định trong thế giới điện tử. Thế là trong phạm vi này, thuyết nhân quả duy vật tất định của Laplace hoàn toàn sụp đổ. [75]

Các nhà khoa học ngày nay đã quen thuộc với những mâu thuẫn ấy, và chủ trương muốn hiểu biết về một hiện tượng cần phải cân nhắc, xoay xở, lộn lạo trái phải ngược xuôi như vậy mới mong có một ý niệm toàn bích được. [76]

Tổng kết lại ta thấy các khái niệm cơ bản về vũ trụ trở nên co giãn, khái quát, dính dấp, mắc míu nhau chứ không còn rời rạc, riêng rẽ, cố định như xưa:

Từ nay:

- Vật chất là khí lực.
- Khí lực là vật chất
- Không gian là thời gian
- Vật chất là không gian v.v… [77]

Khoa học trở nên trừu tượng hơn. Các hình ảnh được thay thế bằng những công thức toán học

Khoa học ngày nay bắt phải suy, phải nghĩ, thay vì phải trông phải nhìn như xưa. Khoa học khuyến dụ ta dùng thần trí nhìn cho ra cái thế giới vô hình. [78]

Tóm lại, thế kỷ XX trở nên uyển chuyển linh động về 1ý thuyết hơn, và những thái độ ngạo nghễ, độc đoán của thế kỷ XIX không còn nữa.

Thuyết «duy» gì cũng được coi là khiếm khuyết.

«Duy linh» cũng không xong, mà «duy vật» cũng mất hậu thuẫn khoa học. [79] Con người hình như

còn phải tìm cho ra một học thuyết «nhất thể lưỡng diện», hoặc «nhất thể vạn thù» để giải thích bao quát các hiện tượng, cũng như để dung hòa phối kết mọi dị đồng…

Nhiều nhà khoa học trở thành triết gia [80] trong số có Lecomte du Noüy.

Khoa học đến chỗ thực tiễn nhất thì lại trở thành siêu hình, vì chỉ dựa trên những khái niệm, ngay cả về phương diện toán lý hóa. [81]

Thế là siêu hình lại trở về với thế nhân. [82]

Các học thuyết đều bị rung chuyển.

Truy kỳ căn, thường thấy chúng dựa trên những khái niệm chẳng chắc chắn, sáng tỏ là bao, và thường là nhân tạo, ước lệ, chứ không tự nhiên, khách quan và phổ quát. [83]

Các nguyên lý, các thỉnh lý, khái niệm mà từ bao ngàn năm nay, hoặc từ hàng trăm năm nay được coi là hiển nhiên, là chân lý bỗng trở thành không ngôn hay vọng niệm.

Đến với thế kỷ XX, không còn không gian và thời gian riêng rẽ.

Quan niệm khí thái hư (Ether) cáo chung sau những thí nghiệm của Michelson về tốc lực ánh sáng.

Nguyên lý tất định Laplace bị toán xác xuất và nguyên lý bất định của Heisenberg tiếm vị cướp ngôi. [84]

Hai nguyên lý Lavoisier

«Khí bất diệt»

«Chất bất diệt»

Bị thuyết tương đối đổi lại thành:

Nhất thể lưỡng diện

Khí chất tương sinh. [85]

Euclide bị Lobatchevski và Riemann qua phân ảnh hưởng, và đến Moïsé cũng bị Darwin đảo chính, tranh ngôi. [86]

Các học thuyết như những lâu đài cũ kỹ trở nên nứt rạn. [87]

Người thì chủ trương vá víu, hàn gắn bên ngoài, để có nguyên phong thái cũ, kẻ thì đi sâu xuống nền tảng để vỡ lẽ ra rằng sự rạn nứt đã xảy ra vì tòa lâu đài đã xây trên cát trên bùn chứ không có nền móng vững chãi như ta tưởng. [88]

Các nhà bác học có chủ trương mới mẻ là: tiện thì dùng hay thì dùng; không tiện, không hay thì bỏ. Không có một học thuyết nào là chính xác, là tuyệt đối, nó hay tùy theo người dùng ưa hay ghét, quen hay lạ…

Đó là lập trường của nhà toán học Henri Poincaré, [89] và đó cũng là lập trường của khoa học đoàn họp tại Vienne (Cercle de Vienne), mà người thủ xướng là Ernest Mach. [90]

Về phương diện nhận thức ta thấy rằng ngày nay những tiêu chuẩn chân lý đã đảo ngược lại những tiêu chuẩn ngày xưa:

Thời xưa, người ta:

- Cứ thần, cứ thánh.
- Cứ sư, sách.
- Cứ quyền.
- Cứ tình.

Để đoán định phải trái.

Ngày nay người ta:

- Cứ lý.
- Cứ chứng.
- Cứ nghiệm
- Cứ sự
- Để đoán định chân lý.

Đời xưa vụ nội hơn, đời nay vụ ngoại hơn. Và ta có thể tóm tắt thái độ người xưa, và người nay bằng những vần thơ sau.

Thái độ của người trung cổ:

«Cần chi cứ phải nghe xem,
Cần chi suy nghĩ, kiếm tìm nhọc công.
Sự đời Thánh đã giải xong,
Phận hèn thôi chớ mơ mòng viễn vông.
Hồng trần thây kệ rối bong,
Trần ai ấy chốn lao lung tù đầy.
Hồn ta chẳng gửi nơi đây,
Gửi về thiên quốc từ ngày còn thơ.»

***

Thái độ người thế kỷ XIX, XX:

Sự đời cần phải nghe xem,
Phải suy, phải nghĩ, phải tìm tốn công.
Sự đời giải thích chưa xong,
Kiếm tìm đâu phải mơ mòng viễn vông!
Hồng trần quyết gỡ bòng bong,
Cho trần thoát kiếp lao lung, tù đầy.
Hồn ta, ta gửi nơi đây,
Đây là thiên quốc, mơ ngày còn thơ.

Thái độ chung là khinh đạo, trọng đời; khinh đức, trọng tài; khinh nghĩa, trọng lợi; khinh cá nhân, trọng đoàn thể; khinh nội giới, trọng ngoại giới; khinh thiểu số, trọng đa số.

Các học đường thì nặng về trí dục, sao lãng hẳn đức dục và cố thoát ly hết mọi ảnh hưởng thần

quyền, giáo quyền. [91]

Câu cách ngôn «kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân» ngày nay hầu như bị sao lãng hẳn. Người ta dám làm mọi sự, miễn sao đưa đến thành công, và các đảng phái chính trị, các chính thể độc tài đã không lùi gót trước thủ đoạn gian trá, ác độc nào mà không dùng, miễn sao chi phối, huyễn hoặc được quần chúng.

Thế kỷ XIX, XX lại còn có đặc điểm là tư tưởng Đông Tây gặp gỡ; nhiều người Á Châu bỏ Đông theo Tây, thì nhiều người Âu Châu lại bỏ theo Tây theo Đông… Nhân loại vẫn còn đang đi tìm kiếm chân lý và hạnh phúc.

Nhân loại hết còn muốn tuần tự nhi tiến, mà thích đốt giai đoạn và nhảy vọt; thay vì khoan hòa mà xử sự, nhiều người chủ trương bạo động, đấu tranh…

Tất cả những duyên do ấy đã đem lại những khủng hoảng về đạo giáo, về tinh thần, những sa đoạ về luân lý, những chế độ độc tài, những tai hoạ diệt chủng, những chiến tranh khủng khiếp…

Có những bậc ưu thời mẫn thế cho rằng tất cả những thảm cảnh, những sự điên đảo suy vong ấy sở dĩ xuất sinh là vì nhân loại quá chú trọng các giá trị vật chất mà sao lãng cái giá trị tinh thần. [92]

Cũng có học giả cho rằng những sự hỗn loạn đổ nát hiện nay sở dĩ có là vì con người đã nhắm mắt chấp nhận tất cả những gì đã được tuyên truyền dạy dỗ, mà không hề phán đoán, cân nhắc, xét suy. [93]

Lại nữa, con người, vì bị giáo dục một cách sai lầm, đã mất hết niềm tin vào mình, nên quay ra dựa dẫm vào người khác, quỵ lụy vào người khác, do đó sinh ra một sự bóc lột về phía lãnh đạo, và sự mất nhân cách về phía người bị hướng dẫn cai trị và nhiều tội ác trong lịch sử các dân các nước. [94]

Vì vậy, mà có nhiều học giả hồi tâm để suy tư, để góp phần vào công cuộc chấn hưng tinh thần, chấn hưng đạo đức, cải thiện tầm nhìn, lối nghĩ để ngăn ngừa bớt hiểm hoạ cho nhân loại cũng như để xây dựng cho nhân loại một tương lai tươi sáng hơn.

Trong số những học giả ấy có Lecomte du Noüy.

Chúng ta hãy đi vào đời sống của ông, trước khi thảo về học thuyết của ông.

CHÚ THÍCH

[1] Mettant sous les yeux de tous les réalisations stupéfiantes obtenues par la Science, il (cet immense bouleversement économique) s'accompagnait d'une admiration de plus en plus vive pour celle-ci, d'une espérance de mieux en mieux fondée sur ses destinées, d'une foi de plus en plus profonde dans la conviction qu'a elle seule était réservée la mission de rebâtir le monde.

Les religions traditionnelles voyaient progressivement diminuer le nombre de leurs fidèles. – Pierre Rousseau, L'histoire de la Science, page 524.

[2] … Par sa beauté et sa richesse que nous révèle la science, de l'infiniment petit à l'infiniment grand, et par le pouvoir que nous acquérons sur elle, la rendant docile à nos volontés, la matière a pour nous plus d'attrait, Elle nous enthousiasme, nous fascine, en même temps qu'elle nous est familière… – Science et Matérialisme, Recherches et Débats, Cahier N^{o} 41, page 9.

[3] … Cette connaissance empirique pouvait se formuler sans parler de Dieu ou de nous-mêmes… – Cf. Werner Heisenberg, Physique et Philosophie, page 79.

… Pour un scientiste, du moment qu'on s'est accordé à soi-même la supposition, soi d'une certaine quantité immuable d' énergie, on a de quoi interpréter intelligiblement tous les phénomènes astronomiques, physiques, biologiques psychologiques et sociaus. La supposition d'une providence devient inutile. Le monde est «une force» qui va, sans poursuivre aucun but, par le simple développement de ses puissances intimes. – André Cresson, Bergson, PUF, page 12.

[4] Xem Lecomte du Noüy, L'homme devant la Science, đoạn VII: Les responsabilités, từ trang 202 đến 233.

[5] … Progressivement l'Eglise devint une vaste machine administrative, jalouse de ses prérogatives et de son autorité. Convaincue de son infaillibilité, même en ce qui ne concernait pas le dogme. Aussi, quand des individus se rencontraient qui osaient penser en dehors d'elle, les considérait-on d'un œil soupçonneux. Quand en plus, ils étaient géomètres et prétendaient que contrairement à la doctrine établie, c'était la terre qui tournait autour du soleil, de suspects on les brûlait… – Lecomte du Noüy, L'Homme devant la Science, page 213-214.

[6] … C'était bien, tout d'abord contre les prètres, qu'ils s'élèvent et non contre la religion, contre l'idée de Dieu. Progressivement au cours du XIX è siècle, le nombre de ceux qui firent de la science un argument contre la religion elle-même augmenta. – Ib. 216.

[7] Le monde n'est qu'un agencement mécanique, réductible à un système d'équations différientielles. – Pierre Roussau, L'Histoire de la Science, page 524.

… Comme le dit Mach en sa mécanique: «Les Encyclopédistes français du XVIII è siècle imaginaient qu'ils n'étaient pas éloignés d'une explication définitive du monde par des principes mécaniques et physiques; Laplace concevait même un esprit apte à prédire les progrès de la nature pour toute l'éternité, si seulement on donnait les masses et les vitesses. – W. Dampier, Histoire de la Science, page 248–249.

[8] Les premiers vivants furent des «monères», cellules sans noyaux semblables aux chromacées actuelles. De ces organismes primitifs, ont dérivé par évolution les organismes plus complexes jusqu'à l'homme.

L'évolution est mécanique et chimique. Elle repose sur l'adaptation au milieu, l'hérédité des caractères acquis et la sélection naturelle. – René Sudre, Les Nouvelles énigmes de l'Univers, page 15.

[9] Les Encyclopédistes français du milieu et à la fin du XVIII è siècle allèrent plus loin et soutinrent que l'homme n'était corps et âme, qu'une machine… – W. Dampier, Histoire de la Science, page 427-428.

[10] L'homme cessait d'être une exception, il reprenait sa place dans une série dont il n'était que le terme le plus perfectionné (Philosophie de Hoeckel). – René Sudre, Les Nouvelles Enigmes de l'Univers, pages 14.

[11] Réflexes conditionnels de Pavlov (ou réflexes conditionnés).

… Il (Pavlov) montra que… ce que nous croyons être notre volonté, notre intention, notre libre-arbitre, n'était qu'un système de réflexes conditionnels lentement acquis au cours de ce dressage qu'est l'éducation. – Pierre Rousseau, Histoire de la Science, p. 684.

… Định Luật Pavlov đã được các nhà cầm quyền Cộng sản khai thác triệt để để thu phục và chi phối con người.

[12] Théorie de la conscience épiphénomène.

[13] … Théorie de Taine pour qui la connaissance ne provient que des sensations et qui, en dernière analyse, ramenait tout à des mouvements de molécules.

cf. Mary Lecomte du Noüy, De l'Agnosticisme à la Foi, page 59.

…La plus grande partie de sa carrière (Loeb 1859-1924) gravita autour de cette idée centrale: prouver que les phénomènes psychiques, peuvent s'expliquer par des mouvements ou des modifications de la substance de la cellude. (Pierre Rousseau, L'Histoire de la Science, p. 680.)

Le postulat de la conscience épiphénomène dénie toute réalité à la conscience. Celle-ci ne serait qu'un reflet ou une ombre sans aucune action possible sur le comportement de l'individu. Ce sont des biologists (Huxley, Maudsley, le Dantec, Soury, Delbet, G. H. Roger) qui ont adopté cette thèse, laquelle réduit la psychologie à n'être qu'une dépendance de la physiologie.

André Lamouche, La destinée humaine, page 233.

[14] Pour les théories anthropogiques et sociologiques qui nous convient à voir, suivant les idées de Taine, et dans les individus et dans les groupes sociaux, des produits de l'action concourante des hérédités, et du milieu de sorte que tout se fait chez les uns et chez les autres par le jeu de ces trios facteurs, la race, le milieu et le moment. (Bergson (PUF), page 14.)

[15] «Le magnifique système du soleil, des planètes des comètes»… fut employé au XVIII è siècle comme base d'une philosophie mécanique et remplaça l'atomisme des Aciens, comme point de départ d'un matérialisme. – W. Dampier, Histoire de la Science, page 226.

[16] … L'homme est regardé comme une machine selon les définitions de la mécannique. – Ib. 426.

[17] Descartes, Leibniz, Lavoisier nous ont appris que la matière et ses lois ne diffèrent pas dans les corps vivants et dans les corps bruts: ils nous ont montré qu'il n'y a au monde qu'une mécanique, qu'une seule chimie, commune à tous les êtres de la nature.

(Science expérimentale, Paris. Baillère, page 178 – 182).

(Pierre d'Angkor, Les forces blanches et les forces noires dans le monde, Paris Adyar Page 76)

[18] Le monde n'est qu'un agencement mécanique réductible à un système d'équations différentielles. – Pierre Roussau, Histoire de la science, page 524.

[19] La nature nous apparait comme un noble édifice à la base duquel règnent les phénomènes mathématiques, qui se couronne par les phénomènes de la vie psychologique, morale et sociale et dont les étages intermédiaires sont constitués par les phénomènes physiques, chimiques et biologiques.

Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page 623.

[20] On réduisit tous les phénomènes à des mouvements apparents ou cachés. C'est sous la forme d'un mécanisme universel que le matérialisme s'est finalement établi dans les sciences de la nature.

René Sudre, Les Nouvelles Enigmes de l'Univers, page 24.

[21] Laplace pensait qu'un esprit assez habile pourrait calculer tout le passé et l'avenir de l'univers à partir de la connaissance de sa configuration instantanée et des vitesses de ses masses composantes.

A chaque pas en avant, cette surestimation des possibilités du mécanisme devint un trait accusé de la

pensée contemporaine. (W. Dampier, Histoire le la Science, p. 382.)

[22] ... Au font, se disait-on, il n'y a dans l' univers, qu'une seule espèce d'énergie, l'énergie mécanique qui par ses transformations, donne lieu à toutes les autres espèces. Et comme la mécanique est, elle-même, justiciable de l'analyse mathématique, il s'ensuit que tout l'univers est explicable mécaniquement, sans faire intervener Dieu, ni principe surnaturel. C'est la doctrine mécaniste.

W. Dampier, Histoire de la Science, page 600.

[23] L'empereur (Napoléon): «M. Laplace, on me dit que vous avez écrit ce gros livre (La mécanique céleste) sur le système de l'univers, sans même mentionner son créateur.» Laplace: «Je n'avais pas besoin de cette hypothèse-là.» (W.Dampier – Histoire de la Science – p.23.)

[24] Dieu n'était plus l'hypothèse dont les géomètres pouvaient se passer mais la notion pernicieuse qu'il fallait interdire à l'humanité, si l'on voulait la render sage et heureuse.

René Sudre – Les Nouvelles Enigmes de l'univers – page 14.

[25] Elle (la religion) est l'opium du peuple.

K. Marx – Contribution à la critique de la philosophie du droit de Hegel – page 84.

cf. Duré, Encyclopédie des citations – page 330.

… Malfaisante par son illusion fondamentale, la religion l'a encore été par son rôle d'instrument aux mains des classes possédantes, dans les sociétés qui se sont succédées au cours de l'évolution historiques. Sous la promesse fallacieuse d'un bonheur futur, en un monde supra humain, on a maintenu les masses laborieuses dans la passivité et la résignation. La religion a done freiné l'évolution et nui gravement à l'humanité, par elle, on a endormi les masses; la religion c'est l'opium du peuple, l'obstacle le plus néfaste au progrès du monde. (François Dufay M. E. P. En Chine L'Etoile contre la Croix – page 52-53.)

[26] La science réclame aujourd'hui à la fois la direction matérielle, la direction intellectuelle et la direction morale des sociétés. (Marcelin Berthelot) – René Sudre – Les Nouvelles Enigmes de l'Univers – Page 29.

… To science, pilot of industry, conqueror of disease, multiplier of the harvest, explorer of the universe, revealer of nature's laws, eternal guide to truth: (Inscription of the national academy of Science.)

C. Paul Mc. Carle, Ph. D. – The Physical World Introduction, p.1.

[27] Les sources allemandes du matérialisme – cf. René Sudre. Les Nouvelles Enigmes de l'Univsers – page 15

[28] Fichte, Schelling et Hegel avaient régné dans le 1er tiers du siècle. – Ib. page 16.

[29] Les disciples les plus radicaux de Hegel s'appliquaient à libérer l'intelligence humaine de la théologie et prêchaient même l'athéisme. – Ib. page 16.

[30] Dès 1835, Strauss avait publié sa «Vie de Jésus» où par critique sévère des texts, il faisait reprendre sa figure humaine au Sauveur du Monde.

René Sudre – Les Nouvelles Enigmes de l'univers – page 16.

[31] Il invitait à substituer au Christ historique, l'humanité divinisée. – Ib. 16.

[32] L'espèce dans sa plénitude s'incarnant dans une individualité unique serait un miracle absolu, une suppression arbitraire de toutes les lois et de tous les principes de la réalité serait en fait la Fin du monde…

… On ne peut plus penser l'histoire; elle est sans but, ni sens; l'incarnation et l'histoire sont absolument incompatibles; quand la divinité elle-même entre dans l'histoire, l'histoire cesse – Mais si malgré tout, l'histoire poursuit son cours comme devant, alors la théorie de l'Incarnation est réfutée par l'histoire même dans les faits. – Ludwig Feurbach, Manifestes philosophiques PUF – page 15-16.

[33] Feuerbach émettait le même vœu (substituer au Christ historique, l'humanité divinisée) après avoir proclamé que l'âme n'est pas distincte du corps et que la nature ignore les miracles.

René Sudre – Les Nouvelles Enigmes de l'univers – page 16.

[34] Sans phosphore pas de pensée. – René Sudre, Les Nouvelles Enigmes de l'univers – page 16.

[35] L'homme est plus bête qu'ange… Entre la pensée et le cerveau, il y a le même rapport qu'entre la bile et le foie, ou entre l'urine et les reins. – Ib. – page 16.

[36] Les spiritualistes français, disciple de Maine de Biran, Jouffroy et Victor Cousin… s'émeuvent de cette atteinte à la religion et à la morale… Cette vigoureuse réplique n'empêcha pas la vague matérialiste grossie de l'œuvre de Hœckel, de déferler sur la France, après ses revers de 1870. – Ib.16.

[37] Sa première découverte fut que l'humanité traverse trois états, l'état théologique, l'état métaphysique, l'état scientifique ou «régime définitif de la raison humaine».

René Sudre – Les Nouvelles Enigmes de l'univers – page 17.

[38] Un autre caractère de la doctrine de Comte est d'interdire toute recherche des causes premières et des causes finales. – Ib. 17.

[39] L'esprit a mieux à faire que de se livrer à des spéculations qui ne sauraient améliorer la condition humaine. – Ib. 17.

[40] Il doit travailler sur le réel, c'est le sens du mot «positif», antithèse de chimérique. – Ib.17.

[41] Comte y ajoute une série d'opposition: l'utile à l'oiseux, le sûr au problématique, le précis au vague, le possitif au négatif, c'est-à-dire au désorganisé, le naturel au surnaturel enfin le relative à l'absolu. – Ib. 17.

[42] Tout est relatif, voilà le seul principe absolu, proclamat-il dès 1817. – Ib. 17.

[43] On remarque le passage de la science de la vie, à la science de la société sans l'intermédiaire attendu de la psychologie. Cette lacune est volontaire et signifie que dans la science de l'esprit l'auter (Comte) n'admet pas l'observation interne qu'il appelle une absurde hallucination. – Ib. 18.

[44] Wundt ratacha complètement la science de l'âme à la physiologie. Pour la rendre aussi explicative, il lui imposa non seulement l'expérimentation mais la mesure. La mesure des sensations avait déjà donné lieu à de curieuses recherches de Weber et de Fecher. Pour le toucher, pour l'effort musculaire pour la température, pour le son, pour la lumière, ils avaient trouvé que la sensation ne croît qu'en raison arithmétique. Alors que l'excitation croît en raison géométrique. De plus chaque sensation

possède un seuil qu'on peut mesurer. – Ib. 23.

[45] A là fois subjective et objective, la méthode restait toujours expérimentale. Comment étudier les faits mentaux au dehors? Par l'étude des passions, des langues, des évènement historiques, enfin la médecine quand elle traite des maladies de l'esprit. La psychologie devait encore se constituer avec le secours de la zoologie…

Elle ne devait pas se limiter à l'homme blane, adulte et civilisé mais s'étendre aux hommes de toutes races, aux primitifs et aux enfants.– Ib.23.

[46] Max Otto refers to a psychologist who preached that the essential nature of man can be discovered by a study of monkeys: «The proper study of mankind is monkey, because man was monkey at one time… Instead of understanding man in terms of what he may become, he is to be understood in terms of what he was.»

Science and the moral Life – page 33. New York, New American Library 1955.

S. Radhakrishman and P.T.Raju. The concept of man – page 23.

[47] Trong sách này, chúng ta sẽ có nhiều dịp bàn tới học thuyết tiến hóa.

[48] cf. Pierre Rousseau – Histoire de la Science – Đoạn: 1900 ou la Révolution scientifique từ trang 688 đến 748.

[49] … Combien différente de celle de Berthelot, de Kelvin, de Helmholtz, de Claude Bernard et de Hœckel, apparaît en effet notre science contemporaine, fulgurante, tourmentée, raccrochée à on ne sait quoi dans le vide, toute pétrie de contradiction, faite d'éclairs et de fumée, d'intuitions géniales et de travaux collectifs avançant en vacillant vers un but inconnu, comme un géant tombé subitement aveugle. Avec quelle ardeur, les savants ne semblent-ils pas avoir pris pour tâche de démolir ce qui faisait justement l'orgueil de leurs prédécesseurs, matérialisme, déterminisme, évolutionnisme.

Pierre Rousseau – Histoire de la Science, page 712-713.

[50] Roentgen venait de découvrir un phénomène absolument nouveau dont rien dans la physique classique ne pouvait donner l'idée. Les savants soupçonnaient alors que la science pourrait bien recéler encore des coins inexplorés, et Millikan put avouer: nous commençâmes tous à voir que les physiciens du XIX è siècle s'étaient pris un peu trop au sérieux, et que nous n'étions pas allés aussi loin que nous pensions dans l'étude de l'univers. (Pierre Rousseau – Histoire de la Science, page 693.)

[51] Planck et la théorie des quanta: E = hv.

E : énergie émise

H : constante de Planck, sa valeur dans le système C.GS.

6, 55.10^{-27}

v : fréquence de la radiation.

Cf. Les secrets de l'atome – Editons – René Kister, page 29 – 30.

[52] … Nature granulaire de tout notre univers… Après la matière, ce fut le tour de l'électricité, granulaire également; puis celui de l'énergie elle-même, avec les admirables travaux de Planck… Mais ce n'était pas encore sufisant. Voici que Louis de Broglie, suivi de Schrödiger et par bien d'autres

«granularise» la lumière.

L'homme devant le Science – page 23-24

… cf. de l'Agnosticisme à la Foi, page 147: la démonstration «granulaire du temps» de Lecomte du Noüy.

[53] Pierre Curie (1859-1606) và vợ là Marie Selodowska (1867-1934) mà ta thường gọi là bà Marie Curie. Con gái: Irène Curie (1897-1956) và con rể Fredéric Joliot (1900–) tưởng cũng nên nhắc nguyên gia đình Curie đã đoạt tất cả 5 giải thưởng Nobel về khoa học.

[54] … Un corps simple, le radium dégageant un autre corps simple l'hélium et se transformant en un troisième corps simple le radon… (Cf. Pierre Rousseau – Histoire de la Science – p.722)

[55] L'aluminium, bombardé par les corpuscules alpha se transmuant en phosphore radioactif, en radiophosphore, puis ce phosphore se désintégrant comme une substance radioactive naturelle et se transformant peu à peu en cilicium inerte. (Ib.785.)

[56] Théorie formulée par Albert Eintein en 1905 et destinée à montrer que la réalité extérieure était formée d'un espace-temps indissociable, notion rendant caduques les conceptions utilisant un temps et un espace «absolus».

Jean E. Charon – La Connaissance de l'Univers, page 187.

[57] … Les nouvelles formulas de transformation établies par Einstein pour rendre compte de la constance de la vitesse de la lumière suggérèrent à Minkowski de prendre, pour définir l'espace, la relation $ds^2 : dx^2 + dy^2 + dz^2 – c_2dt_2$

(c: vitesse de la lumière)

Dans cette expression, on voit s'incorporer aux éléments géométriques, deux éléments physiques.

Les secrets de l'atome – Edition Réné Kister, page 29.

[58] Une année contenant 31558.000s, une année lumière correspond à 946.300.000.000.000 km…

«1 km lumière»: 0,0000034s etc…

G. Gamow. Un, deux, trois…l'infini, page 68.

[59] E: Energie (năng lực)

M: Masse (khối lượng vật chất).

C^2: Bình phương tốc lực ánh sáng.

[60] …Une masse «courbe» le cadre d'espace-temps où elle est plongée et c'est cette courbure qui va entrainer les forces gravitationnelle entre masses matérielles.

J.E.Charon – La connaissance de l'Univers. page 187.

[61] Ainsi la matière qui semblait, si familière, résistante et éternelle aux matérialistes du XIX è siècle, est devenue incroyablement complexe; elle est dispersée sous forme de très petites électrons dans les vastes espaces vides des atomes ou dans les groupes d'onde qui de façon ou d'autre, les pénètrent; de plus elle s'évanouit en radiation. (W. Dampier – Histoire de la Science, p.563.)

[62] Einstein devait… formuler ainsi pour la gravitation une loi qui, sur le plan théorique, était fondamentalement différente de celle de Newton.

J.E. Charon – La Connaissance de l'Univers, page 187.

[63] … Car le plus exorbitant dans la nouvelle ère atomique, c'est que nous sommes sûrs, quelle que soit la transcendence de nos anticipations, d'être toujours inférieurs à la réalité. Par l'énergie nucléaire, des armées de kilowatts déferleront sur la planète pour transmuter les peuples, écraser les hiéarchies et passer de l'esclavage à la splendeur en court-circuitant les siècles.

Toute la structure politique, sociale, économique actuelle est marquée à mort, dépassée par l'idée d'abondance, et le rêve de l'abondance déclassé à son tour par les nouveaux idéaux sociaux et techniques qui naîtront. (André Labarthe – Portrait de l'Univers – Editions René Kister – page 74.)

[64] Theo Rutherford: nguyên tử có thể so sánh với một hệ thống thái dương hệ nhỏ.

- Có nhân ở giữa.

- Có âm điện tử quay quanh trên quĩ đạo tròn.

[65] Bohr thì cho rằng: điện tử chạy trên nhiều quỹ đạo tròn kể từ trong ra ngoài là K, L, M, N, O, P, Q.

[66] Sommerfield cho rằng quỹ đạo có hình bầu dục và mỗi quỹ đạo lại chia thành nhiều tầng phụ ellipse khác (s, p, d, f) – mà thực ra những quỹ đạo ellipse ấy lại di động luôn để vẽ thành 1 hoa thị (En réalité les orbites elliptiques des électrons ne sont pas fixes. L'orbite elle-même tourne lentement des son plan en décrivant une rosette…). – Les secrets de l'atome – p.70.

[67] Le principe primitif de l'exclusion (de Pauli) admettait que deux électrons tournent dans la même orbite. Le spin et le moment magnétique de l'électron n'étaient pas encore découverts. – Les secrets de l'atome – page 74.

[68] Le principe modifié de l'exclusion, rendu nécessaire par la découverte du moment magnétique de l'électron postule que les deux électrons doivent tourner en sens inverse et se mouvoir sur deux orbites différentes. (Les secret de l'atome – p.74.)

[69] Atoms, nuclei, and «fundamental particles» in general are hypotheses of greater or lesser usefulness.

David Halliday – Introductory Nuclear Physics, p. 4. Cf. L'homme devant la science – page 236.

[70] … Pour être plus clair, on peut dire que l'électron est une onde de probabilité.

L'homme devant la science – page 236.

… L'atome de Schroedinger est un «nuage de charges électriques», dans lequel vibre un brouillard d'énergie»… Tous les modèles d'atomes que l'homme peut imaginer même s'ils se trouvent dans les gros traités avec des sinus et des cosinus, des alphas et des omégas, ne sont que des comparaisons. Mots et images sont vains, la formule seule subsiste, détachée de tout ce qui est humain, elle ne fait entrer en jeu que des symboles abstraits. (Dr. F. Kahn – Le livre de la nature – page 47-48.)

[71] Associer dans tous les cas l'onde à la particule, qu'il s'agisse de la lumière ou de la matière, telle fut l'idée géniale qui guida l'illustre savant (Louis de Broglie)… non seulement le photon, ce rival de l'ancienne onde, voyait entériner ses avantages, mais des particules aussi matérielles que le proton et

l'électron recevaient une onde comme ange gardien, chargée de piloter chacun d'eux…

La barrière qui séparait le monde des radiations, de celui de la matière était abattue.

Pierre Rousseau – Histoire de la Science, p.776.

[72] Il n'y avait plus désormais qu'un seul code régissant l'univers, qu'une seule entité élémentaire dans la nature, entité à double face qu'il était tantôt plus commode de baptiser onde, tantôt plus commode de baptiser particule. (Pierre Rousseau – Histoire de la Science, page 777.)

[73] Les axioms des mathématiques comme «le plus court chemin d'un point à un autre est une droite» ou comme «La somme des angles d'un triangle est égale à 1800 », ne sont vrais que dans un monde «droit». Mais ils ne sont plus exacts ni pour notre Terre sphérique, ni pour un espace courbe.

Dr. F. Kahn – Le livre de la Nature, page 21.

[74] Georges Lemaître avait exposé, avec une rigueur impeccable la théorie d'un univers en expansion… (Eddington) constata que Lemaître avait prédit le phénomène observé par Hubble et que la fuite des nébuleuses trahissait une expansion de l'univers.

Pierre Rousscau – Histoire de la Science, p.769.

[75] À l'image de la vie ou la multiplicité des causes engendre des conséquences imprévisibles, la pensée moderne est envahie par l'aléatoire… Contredisant la célèbre formule de Laplace qui demandait, pour connaître le monde dans son avenir, d'être informé des positions et des vitesses de tous les atomes de l'univers, Heisenberg nous indique qu'il nous est impossible de connaître à la fois, avec une précision illimitée, positions et vitesses des objets du monde autour de nous…

Ainsi les lois à petite échelle et les lois à grande échelle ne sont plus les mêmes et la science se divise en une macrophysique (la macrophysique commence à l'échelle des objets qui nous sont immédiatement perceptibles) et une microphysique, cette dernière seule correspondent à la science, des sièeles passés: le grand et le petit sont des pôles totalement différents que relie un des axes les plus importants de notre connaissance. (Portrait de l'Univers – page 81.)

[76] Dans la plupart des choses que nous faisons, nous adoptons des points de vue contradictoires. Nous insistons tantôt sur un point de vue, tantôt sur le point de vue contraire, mais à chaque fois non seulement, nous avons fail une oscillation, mais nous avons, progressé (Hegel).

… Notre connaissance s'organise sur des «axes de connaissance». Pour étudier un phénomène, nous nous référons alternativement à la matière et à l'énergie, à la vibration et à l'agitation, à l'ordre et au désordre, à l'action et à la communication, au continu et au discontinu etc…nous oscillons sans cesse entre ces pôles extrêmes à chaque balancement de notre pensée, la connaissance que nous avons du phénomène s'est élevée.

Ainsi se réalise une connaissance en spirale dont Hegel a décrit le mécanisme.

Portrait de l'Univers – page 75.

[77] Le conclusion d'Einstein: la matière modifie la structure de l'espace… Et inversement, on peut dire que la modification de la structure de l'espace «crée» la matière; comme Parménide vingt siècles plus tôt, Einstein va être conduit à déclarer: «L'espace vide sans matière n'existe pas», car la matière c'est encore de l'espace. (Jean. E. Charon – Du temps de l'espace et des Hommes. p.43.)

[78] La science prenait un caractère de phlus en plus abstrait, les images faisant place aux «formes mathématiques».

«La science d'aujourd'hui nous fait penser ce que jusque là nous nous étions bornés à voir. Elle nous dit: voyez par les yeux de l'esprit ce monde invisible».

Avec cette physique apparemment idéaliste, le monde invisible nous livrera ses réalités: la bombe et l'énergie atomique. (Les secrets de l'atome – page 28.)

[79] … La réalité physique se réduit à un ensemble d'équation hamiltoniennes. Le vieux matérialsme est mort et même les électrons qui pour un temps ont remplacé les particules matérielles, ne sont plus que des fantômes sans corp, de simples formes d'onde. (W. Dampier – Histoire de la Science – page 563.)

… Les évènements physiques et mentaux peuvent former un ensemble causal. – Ib.567.

[80] Many outstanding scientists have written down their philosophical views among them Einstein, Heisenberg, Von Weizsacker, Schrödiger, Eddington, Planck, Bridgman and Born.

David Halliday, Introductory Nuclear Physics, p.5.

… Tác phẩm về triết học của:

1)- Einstein: Philosopher-Scientist (Library of Living Philosophers 1949)

2)- Heisenberg: Philosophical Problems of Nuclear Science, Pantheon 1952

Physique et philosophie – Edition Abin Michel, Paris 1961.

3)- Von Weizsacker: The world view of physics.

4)- Shrödinger: Science and Humanism, Cambridge University

5)- Sir Arthur Eddington – The Philosophy of Physical Science, Cambridge University Press 1949.

[81] … Comme le soulignait Hadamard, «par un étrange phénomène, sans précédent dans l'histoire de la pensée, une science parvenue à l'état positif était en train de revenir à l'état métaphysique; et cette science était la plus ancienne, la plus simple, la plus parfaite de toutes, c'était la science mathématique».

Pierre Rousseau – Histoire de la Science, page 718.

…Si l'explication scientifique apparaît de plus en plus matérielle par sa référence fondamentale aux faits, elle est, par un autre aspect, de plus en plus «spirituelle» surtout en physique, la compréhension de la réalité matérielle est à chercher de plus en plus dans la voie de l'abstraction mathématique: ce sont les équations qui rendent le mieux compte de la nature profonde des choses… (Science et matérialisme, page 10.)

[82] Many learned men, among them Einstein, admit metaphysical element in their thinking.

David Halliday – Itroductory Nuclear Physics, p.5.

[83] … Ils avaient scruté avec méfiance les notions les plus évidentes, examiné à la loupe les conceptions intuitives, décortiqué les axioms et les postulats… Ils s'aperçurent ainsi que bien des idées manifestes et allaient de soi, vivaient sur une vieille mais fausse renommée…

Pierre Roussean – Histoire de la Science, page 718.

[84] … Ainsi donc le concept de déterminisme rigide déjà battu en brèche par l'introduction du calcul des probabilités, est mis en échec par le principe d'incertitude d'Heisenberg…

L'homme devant la science– page 184.

… C'était le fameux principe d'incertitude qui chassait le déterminisme de la microphysique.

Pierre Rousscau – Histoire de la Science, page 779.

[85] L'ancienne physique avait posé séparément le principe de la conservation de la matière et celui de la conservation de l'énergie; la relativité, en confondant énergie et matière, les unissait en un seul, en énonçant qu'était constante la quantité d'énergie de l'univers, cette énergie se montrait ici sous forme d'énergie proprement dite, là sous forme de matière.

Pierre Rousseau – Histoire de la Science, page 726.

[86] De même que Copernic et Galilée avaient destitué la terre de sa position au centre de l'univers, de même Darwin déboulonna l'homme du piédestal glacé et solitaire attribué à l'ange déchu et le força à reconnaître ses parents dans les petits frères de Saint François, les oiseaux.

W. Dampier – Histore de la science, p 375.

[87] Le vieil échafaudage légué par les générations passées craque de toutes parts. – La dignité humaine, page 251.

[88] L'alarme était donnée: toutes les notions de base étaient considérées comme suspectes, et l'on regardait d'un œil inquisiteur le superbe édifice mathématique où quarante siècles avaient déposé leur patène, mais où l'on devinait que certaines parties fléchissaient, que les poutres avaient été sabotées, et qui cachait çà et là d'inquiétantes malfarçons. (Pierre Rousseau - Histoire de la Science. Page. 720-721.)

… Du reste, ce n'est pas seulement l'édifice mathématique qui tombait en ruines. C'était tout le palais de la science. (Ib.721)

… La société tout entière mettait sa coquetterie à prendre le contrepied des idées de naguère. (Ib.724)

[89] Il y a dans notre esprit, explique Henri Poincaré, un certain nombre d'éléments entre lesquels, il peut choisir, par exemple, la géométrie d'Euclide, celle de Lobatchevski, celle de Riemann…

S'il élit la première, ce n'est pas parce qu'elle est plus vraie qu'une autre, c'est parce qu'elle s'adapte mieux à notre expérience du monde, parce qu'elle est plus commode.

Pierre Rousseau– Histoire de la Science. Page 722.

[90] This operational viewpoint is the basis of the philosophy.

… It is the role of theory to give, on the basis of as few hypotheses as possible, a simple description of as many experiments as possible. The question of the ultimate truth of the hypothesis simply does not arise.

… Theories and hypothesis may be replaced at any time by more useful one, i.e., by ones that describe more experiments or that describe the same experiments in a simpler way. Atoms, nuclei, and «fundamental particles» in general are hypothesis of greater or lesser usefulness.

David Halliday– Introductory Nuclear Physics. page 4.

[91] L'idéal qui se dégage du «vœu» exprimé par le congrès de la Ligue de l'Enseignement tenu à Amiens au mois de Septembre 1904, et dont nous n'avons pas fini de payer les conséquences, suffit à

mettre ce fait en évidence: «Rejeter ce joug (le joug théologique et théocratique) pour la société et pour l'individu, est l'effort essentiel de l'esprit laïque. (L'Avenir de l'Esprit – page 277-278.)

[92] Il faut espérer qu'il se trouvera bientôt assez de courage et d'intelligence sur notre globe pour faire oublier un instant aux hommes les seuls intérêts personnels et économiques, et leur faire comprendre qu'à moins de l'asseoir sur des base solides, la civilisation dont ils sont si fier, s'effondrera.

Lecomte du Noüy – L'homme devant la science– page 233.

De l'Agnosticisme à la Foi– p.185.

… Je crois qu'on peut, sans crainte de se tromper, voir dans le décalage entre le développment de la connaissance et celui des qualités morales de l'homme, une des causes fondamentales de la crise mondiale… (De l'Agnosticisme à la Foi– page 166.)

[93] La confusion et l'irresponabilité existent dans le monde actuel parce que les hommes se sont bornés à copier aveuglément à obéir, à imiter servilement ce qui leur a été présenté.

Ce manque de sens critique, cette absence de richesse intérieure est à l'origine de tous les mouvements de masse et des catastrophes qu'il engendrent.

Etudes psychologiques de C.G. Jung à J.Krishnamurti, p.60.

[94] Affirmer que l'homme en tant qu'individu, est à piori incapable de ne compter que sur lui – comme le font de nombreux dogmes – engendrent l'exploitation de ceux qui profitent de sa prétendue faiblesse naturelle.

Etant incapable de trouver en lui, les richesses infinies qui résident cependant en lui, l'homme a réclamé les «chefs» et les miracles extérieurs…

…Là où cesse le jugement individuel, là où les facultés d'autocritique se trouvent obnubilées, les hommes s'identifiant aux idées qu'ils imitent, deviennent fanatiques d'un système au nom duquel s'excuseront les crimes les plus odieux. L'histoire nous en fourmit d'innombrables témoignages.

Etudes psychologiques de C.G. Jung à J. Krishnamurti– page 60-61.

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 **2** 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 **3** 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo

chương trước chương sau

PHẦN THỨ NHẤT:
THỜI ĐẠI, THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP
TƯ TƯỞNG LECOMTE DU NOÜY

*

Chương 3
Thân thế Lecomte du Noüy

«En naissant, tu pleurais et l'on riait autour de toi.

Conduis-toi telle sorte qu'à ta mort, tu souries, et que tout le monde pleure.»

DEVISE MUSULMANE

(cf. de l'Agnosticisme à la Foi, p.13)

Khi sinh bạn khóc người cười,

Sống sao khi chết bạn vui người sầu.

Châm ngôn Hồi Giáo.

Trước khi đề cập tới học thuyết viễn đích của Ông, chúng ta hãy theo dõi cuộc đời của Lecomte du Noüy bằng xương bằng thịt Chúng ta hãy theo dõi gót chân phiêu lãng của con người tài hoa ấy trên muôn

vạn dặm trần hoàn. [1]

Pierre André Léon Lecomte du Noüy cất tiếng khóc chào đời tám giờ sáng ngày 20-12 năm 1883 tại Ba Lê giữa sự vui mừng của thân tộc.

Cha ông là một kiến trúc sư tài ba đã từng được các vua chúa ủy thác xây cất dinh thự và những vương cung thánh đường.

Mẹ Ông là một nữ sĩ, tuy chẳng tài danh quán thế, nhưng cũng uy tín một thời và đã từng xuất bản được mười một cuốn tiểu thuyết.

Do đó, từ tấm bé Ông đã được sự hướng dẫn săn sóc của những văn sĩ lừng danh, vốn thân giao với gia đình như Guy de Maupassant, Sully Prudhomme v.v…

Thông minh, tế nhị ngay từ tấm bé, nhưng suốt thời thơ ấu và niên thiếu, Lecomte du Noüy đau ốm, quặt quẹo luôn. Vì vậy mà đường học vấn cũng hơi lận đận, bước công danh cũng hơi muộn màng: 24 tuổi mới đậu cử nhân luật, 27 tuổi mới đậu tiến sĩ luật.

Ông đa tài, đa năng từ nhỏ. Năm hai mươi mốt tuổi đã bắt đầu viết văn, soạn kịch. [2]

Ngoài ra, Ông còn là kịch sĩ, là đạo diễn, là văn sĩ, hoạ sĩ, và cũnglà một «cowboy» Texas, giỏi nghề cưỡi ngựa, quăng thòng…

Cũng như các thanh niên đương thời, Lecomte du Noüy chịu ảnh hưởng sâu xa của Renan và Taine. [3]

Các niềm tín ngưỡng tuổi ấu thơ của ông, dần dần bị trào lưu khoa học cuốn trôi hết. [4]

Ông cũng như mọi người thời ấy, tin tưởng rằng rồi ra khoa học sẽ giải quyết được mọi vấn đề. [5]

Nhưng mặc dầu vô tín ngưỡng, ông cũng như Renan, vẫn giữ được niềm tin vào luân lý, vào bác ái, ý tưởng và tâm hồn ông vẫn siêu thoát, tế nhị, nghĩa là vẫn giữ được tinh thần đạo hạnh. [6]

Cũng như Renan, Ông không tin chúa Jésus là Chúa Trời, Ông cũng không tin có phép lạ, nhưng Ông rất ngưỡng mộ Chúa Jésus và coi Ngài như một bậc chí nhân, đại nhân, đã lướt thắng được mọi yếu đuối nhân loại. [7]

Học thuyết của Taine cho rằng ý thức tâm tư chẳng qua là sinh ra bởi cảm giác, mà cảm giác chẳng qua là những chuyển động của các phần tử óc não, đã ảnh hưởng đến Lecomte du Noüy không ít. [8]

Ông thán phục Taine, vì lý luận rõ ràng, chính xác và vì lề lối xét suy sâu rộng. [9]

Làm bí thư cho Ông Aristide Briand, Bộ trưởng Tư pháp, từ năm 24 tuổi, đỗ tiến sĩ luật năm 27 tuổi, soạn giả nhiều vở kịch, lại là một kịch sĩ có nhiều hứa hẹn tương lai, Lecomte du Noüy như vậy là đã thành công ngay từ khi bước vào đời.

Tháng 12 năm 1911, Ông đẹp duyên cùng cô Jeanne Double; khi ấy Ông 28 tuổi.

Thế là đại đăng khoa rồi lại tiểu đăng khoa; tiền bạc, tiếng tăm, địa vị mặt nào cũng đã vuông tròn, đẹp đẽ.

Người khác thì lấy thế làm tự hào tự mãn. Nhưng Lecomte du Noüy thì không. Ông ghét những thành công dễ dãi. Ông còn muốn tiến nữa, tiến mãi… Ông thấy lòng ông bắt đầu yêu chuộng triết học. Vì muốn sáng tác về triết học sau này, Ông nghĩ cần phải khảo cứu khoa học, cho nên năm 1913 khi 30 tuổi, Ông xin ghi tên vào đại học đường Sorbonne, tòng học ban Lý – Hóa.

Ở đây Ông đã được thụ huấn với các giáo sư lừng danh quốc tế như Lippmann, Appell, Pierre Curie và Marie Curie, và cũng đã được đàm đạo nhiều lần cùng Sir William Ramsey, một bậc thái đẩu của Anh Quốc và quốc tế về khoa học. Vì đã đi quân dịch và đã tòng học khóa sĩ quan trước, nên khi đại chiến 1914 bùng nổ, Ông được động viên với cấp bậc Trung úy. Đơn vị của Ông đóng ở Compiègne, và nhờ vậy Ông được gặp gỡ nhà bác học Carrel, bấy giờ làm quản đốc quân y viện ở đó. Nhờ sự gặp gỡ này mà dần dà Ông trở thành bác học.

Carrel nhờ Ông tìm ra một phương trình toán học tiên đoán được ngày liền da của các vết thương, và Ông đã thành công, sau nhiều tháng trời tính toán, suy tư… mới đầu Ông để hết giờ rảnh để phục vụ trong ban nghiên cứu khoa học của Bệnh viện; rồi năm 1916 được biệt phái phục vụ hẳn tại quân y.

Nhờ Bác học Carrel hướng dẫn, Ông học được phương pháp trồng cấy tổ chức tế bào và đi sâu vào con đường khảo cứu khoa học, sáng chế dụng cụ khoa học.

Năm 1917 Ông nộp luận án tiến sĩ khoa học.

Đến năm 1920 Ông được Bác sĩ Carrel mời sang phục vụ tại Viện Rockfeller New York, một viện khảo cứu khoa học lừng danh quốc tế. Ông được lời mời, y như là thấy cửa thiên đường rộng mở. Nhưng ngược lại, bà vợ ông chẳng bằng lòng cuộc chia phôi, cũng chẳng muốn ông xuất dương theo đường công danh sự nghiệp. Ông dỗ bà đi theo thì bà khuyên Ông ở lại. Cuối cùng là Ông đi sang New York tháng giêng 1920, thì Bà ở nhà xin ly dị năm sau. Cuộc ly hôn này làm cho Ông buồn khổ nhất là vì cuộc tình duyên đã đem lại cho Ông một cậu con trai, cậu Philippe, sinh ngày 14-11-1917, đến nay đã 4 tuổi.

Sang viện Rockfeller, Ông làm việc ngày đêm, sống hoàn toàn hiến thân cho khoa học, cho khảo cứu, say sưa tìm hiểu, thí nghiệm, suy tư, cố gắng phát minh suốt đêm ngày, đến quên ăn quên ngủ.

Ông yêu phương châm của Pasteur và đã lấy phương châm ấy để kết luận một bài diễn văn quan trọng nhan đề «Từ Démocrite đến Einstein hay tâm lý của nhà bác học» mà Ông đọc ở Montréal và Québec.

«Đã từ lâu lắm, gặp sinh viên nào tôi cũng khuyên: «Bạn hãy làm việc, hãy cố gắng, hãy bền gan, trì thủ. Chỉ có sự làm việc mới làm cho con người vui sướng thực sự và mới làm ích cho mình, cho đồng loại và tổ quốc.» [10]

«Bất kỳ chọn nghề nào, bạn hãy đặt cho mình một mục đích cao cả. Bạn hãy sùng thượng những danh nhân, danh sĩ, những đại sự, đại nghiệp.

«Hạnh phúc thay cho kẻ nào mang trong tâm hồn một Thượng Đế, một lý tưởng đẹp đẽ và sống theo lý tưởng ấy, bất kỳ là lý tưởng nghệ thuật, khoa học, quốc gia, hay lý tưởng đạo giáo, Phúc âm. Đó là những nguồn mạch sống động phát sinh ra những tư tưởng cao đại, những hành vi cao đại. Tư tưởng và hành vi ấy sẽ bừng sáng lên trong những ánh quang huy của vô cùng.» [11]

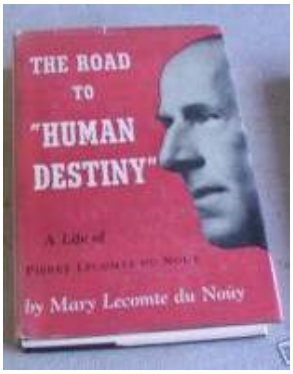

Năm 1921, ngẫu nhiên mà Lecomte du Noüy gặp Mary Bishop Harriman trong một buổi tiếp tân. Cuộc gặp gỡ này mở đầu cho một cuộc tình duyên hết sức hạnh phúc và thơ mộng, đẹp đẽ.

Hai bên ý hợp, tâm đầu, đều tìm thấy ở nơi nhau một tâm hồn lý tưởng, đều như nhau tha thiết muốn vươn lên, đều như nhau nhất quyết thực hiện một tình yêu thơ mộng, thanh cao, đẹp đẽ, nồng nàn, một cuộc đời lý tưởng, siêu việt.

Ông lấy khẩu hiệu của Guillaume d'Orange mà khuyên Bà luôn luôn cố gắng:

«Tuy không khuyến khích, vẫn làm;

Tuy không kết quả, vẫn ham công trình.» [12]

Hai ông bà chính thức thành hôn ngày 13-3-1923. Hai người tương đắc cho đến nỗi từ ấy, luôn luôn sống bên nhau: bà cũng ra công học văn chương, triết học, khoa học, để có thể rung cảm theo cùng nhịp điệu với chồng. Trong suốt 25 năm chung sống, bà đã trở thành một cộng sự viên đắc lực của Ông trong mọi lãnh vực văn chương, triết học, và đến khi Ông mãn phần, bà là người nối chí cho Ông đi khắp năm châu để truyền bá học thuyết của đức lang quân.

Trong suốt 7 năm ở viện Rockfeller, Lecomte du Noüy công bố được tất cả 57 công trình khảo cứu khoa học.

Ở Rockfeller, Ông đã cộng tác với nhiều danh nhân như Landsteiner, Jacques Loeb, Van Slyke, Flexner.

Ông cũng đã được thuyết trình học thuyết Einstein trong một buổi diễn thuyết do Einstein chủ toạ, nhân dịp Einstein viếng thăm viện Rockfeller cùng với nhiều danh nhân khác, và sau đó, được Einstein mời về khách sạn đàm đạo nhiều giờ, tặng ảnh kỷ niệm.

Sau thời gian 7 năm ở Rockfeller, vì bà Lecomte du Noüy hay đau yếu và muốn đổi khí hậu, Ông Lecomte du Noüy đã xin về phục vụ tại viện Pasteur Paris lúc ấy ở dưới quyền điều khiển của bác sĩ Roux và Calmette, Ông phục vụ ở đó tám năm. Trong suốt 15 năm phục vụ cho khoa học thuần túy vừa ở Nữu Ước vừa ở Ba Lê. Ông đã khám phá được rất nhiều hiện tượng lý – hóa của huyết thanh, đã sáng chế được nhiều dụng cụ đo lường và khảo sát huyết thanh.

Trong 15 năm đó Ông cũng đã dự nhiều hội nghị khoa học quốc tế, tiếp xúc giao thiệp với nhiều danh nhân như Bohr, như Bergson; thuyết trình và đăng tải hơn 150 thiên thảo luận khoa học và xuất bản được 7 cuốn sách khoa học.

Nhưng sau khi các nhà khoa học Roux và Calmette tạ thế, Ông ngán ngẩm vì những sự kèn cựa của ban giám đốc mới, nên Ông đã xin từ chức (1-11-1936).

Sự từ chức ấy tuy có hại cho Ông về mặt khoa học khảo cứu, nhưng lại rất có lợi cho Ông về phương diện triết học và trước tác, suy tư sau này.

Từ nay, Ông được rảnh rang hơn để suy tư, và trước tác. Nhưng thực ra tâm hồn Ông đã chuyển hướng từ lâu. Lý do là vì Ông càng ngày càng nhận chân rằng học thuyết duy vật không giải thích được thực tại.

Sau nhiều năm khảo nghiệm về sinh lý, sinh cơ, Ông nhận thấy sinh chất không hoàn toàn theo những định luật vật chất; như vậy có nghĩa là vật chất không đủ để cắt nghĩa mọi sự như phong trào duy vật thường tuyên truyền. [13]

Ông lại nhận thấy rằng thực ra nhiều nhà khoa học và chính trị, vì những lý do tâm tình, đã vội vàng

kết luận rằng khoa học chứng minh được là không có Thượng Đế. [14]

Ông sợ hãi khi nhận thấy rằng khi chối bỏ đạo giáo, con người trở nên hư hỏng và mất hết những nguồn vui thiêng liêng thanh khiết. [15]

Năm 1927, Ông lại chứng kiến sự sụp đổ của «Nguyên lý duy vật tất định» do Laplace đề xướng.

Laplace chủ trương: Trong trời đất không có gì ngoài vật chất, mọi hiện tượng trong vũ trụ đều do vật chất xuất sinh biến hóa, theo đúng định luật nhân quả, và có thể đoán ra được hết. [16]

Nhưng tới năm 1927, nhà bác học Heisenberg đã chứng minh rằng nguyên lý tất định không áp dụng vào thế giới điện tử, vi tử, vi trần.

Nhân loại không làm sao vừa biết được vị trí của điện tử, vừa biết được tốc độ của điện tử. [17]

Nói thế, tức là khai tử cho nguyên lý tất định. [18]

Thế là một lần nữa, Ông thấy lý thuyết duy vật mất chân đứng về phương diện khoa học.

Đằng khác, Ông thấy toán học đã chứng minh rằng sinh linh không thể ngẫu nhiên mà có.

Điểm này đã được giáo sư Charles Eugène Guye đề xướng và chứng minh bằng toán xác suất từ năm 1922. [19]

Ông dần dần thấy rõ rằng nhiều nhà khoa học không thành thực với chính mình, và đã có những lối sống phụ hoạ, những chủ trương xu thời, vì đảng phái, vì địa vị, chính kiến. [20]

Ông dần dà nhận thấy mình đã sai đường, lạc lối. Ông mới nhất quyết soát xét, nhận định lại các phương pháp khoa học, các thành quả khoa học. Sự khảo sát ấy cho ông thấy khoa học chỉ có giá trị tương đối, thực tiễn.

Ông cân nhắc ưu, khuyết điểm và nhìn xem những thực hiện của các triết thuyết xã hội và các chủ nghĩa độc tài.

Ông thấy rằng các chủ nghĩa này tuy có cải thiện đời sống vật chất bên ngoài, nhưng thực sự đã bóp nghẹt tự do con người, và đã làm cho con người mất hết nhân phẩm, nô lệ hóa con người. [21]

Một thí dụ điển hình nhất là các hoạt động dã man, phi nhân của Đức quốc xã.

Cho nên, Ông bỗng thấy niềm tin Thượng Đế trở lại tràn ngập trong tâm hồn Ông không phải Thượng Đế có nhân hình, nhân dục, mà là Thượng Đế siêu nhiên bất khả tư nghị. [22]

Ông nhận thấy cần phải bảo vệ tinh hoa con người, tinh hoa đạo giáo. Đồng thời, Ông cũng nhìn thấy định mệnh sang cả của con người đang được dần dà thực hiện qua muôn thăng trầm và luân lạc của thế sự, thời gian.

Ông nhìn thấy định mệnh con người, có lẽ một phần lớn cũng nhờ linh giác của Renan, vì Renan luôn chủ trương con người sẽ tiến tới bậc thần nhân, siêu đẳng. [23]

Từ đó, Ông thấy cần viết sách để công bố niềm tin, và tư tưởng Ông để cảnh tỉnh nhân loại, và đồng thời tìm cho nhân loại một hướng đi mới, một niềm hi vọng mới.

Bà Lecomte du Noüy viết: «Những sự thất bại những năm qua [24] đã làm vững mạnh những niềm khát vọng tâm thần và siêu nhiên của Ông, và đã làm cho Ông thấy rõ chủ nghĩa duy vật đã làm cho các nguyên tắc luân lý tâm thần suy vi, điên đảo. [25] Ông tin chắc rằng sự sống không có hoàn toàn theo

những định luật vật chất. Ông cũng tin rằng những khám phá khoa học mới mẻ nhất thay vì làm cho mọi người tin vào thuyết duy vật thì ngược lại chỉ có thể giải thích được bằng một năng lực, tuy nay còn ở trên tầm khoa học nhưng chắc không phải là một năng lực vật chất. [26]

Thế là từ năm 1938 trở đi cho đến năm 1947, khi tạ thế. Ông đã để hết tâm trí thực hiện một công trình vĩ đại, đó là học thuyết viễn đích, một học thuyết nói lên niềm tin vào Thượng Đế. Vào sự tiến hóa, vào các giá trị tâm thần và siêu nhiên, cũng như vào định mệnh sang cả của con người trong tương lai.

Quyển «Con người trước khoa học» xuất bản năm 1939.

Quyển «Tương lai tinh thần» xuất bản năm 1941.

Quyển «Phẩm giá con người» xuất bản năm 1946 và cuối cùng là quyển «Định mệnh con người» xuất bản năm 1946 ở Mỹ và 1947 ở Pháp.

Nhưng «công thành thân thoái», nhiệm vụ nơi gian trần của ông đã hoàn tất từ nay, thì con người xương thịt của Ông cũng sắp sửa rút lui khỏi sân khấu đời.

Cuối năm 1946, các bác sĩ khám phá ra rằng Ông bị ung thư thận.

Giải phẫu và phương pháp trị liệu bằng quang tuyến đều được áp dụng, nhưng khoa học đâu có níu áo được thời gian và định mệnh: ngày 21-12-1947 sau nhiều tháng bệnh hoạn Ông đòi Champagne để chuốc chén giã từ người vợ hiền và bạn hữu với nụ cười. Uống Champagne xong Ông hôn mê, đến ngày hôm sau tức là ngày 22-12-1947 Ông từ trần tại Nữu Ước, hưởng thọ 64 tuổi, sau khi đã biến thiên qua 64 quẻ dịch của cuộc đời.

Vài ngày trước khi từ trần Ông đã trở lại đạo Công giáo và đã chịu các phép Bí tích trước khi chết…

Lần bước theo Ông từ khi ra chào đời cho tới khi tạ thế, chúng ta thấy Ông là một người rất đặc sắc.

Ông là một con người tài hoa, thông minh, tình tứ và đã thành công trong mọi lĩnh vực.

Ông thành công một phần vì thiên tư đĩnh ngộ, một phần vì đã cố gắng liên tục, và đã biết đặt cho mình một lý tưởng cao siêu để vươn lên.

Như vậy, ta mới hiểu tại sao Ông lại có thể có hai bằng tiến sĩ: Luật học và khoa học; tại sao Ông có thể là nhà văn, nhà báo, soạn giả, kịch sĩ, hoạ sĩ, bác học, triết gia v.v.

Ông là một con người thanh quí, cả từ thể chất cho đến tâm thần. Lúc nào Ông cũng chỉ say mê chân thiện mỹ, say sưa lý tưởng.

Ông là một con người thoát sáo, ghét mọi khuôn khổ, thích ngao du sơn thủy, thưởng ngoạn các vẻ đẹp của vũ trụ và suốt đời đã tỏ ra phóng khoáng, không chịu gò bó mình vào một khuôn khổ chật hẹp nào.

Ông luôn luôn muốn tâm hồn có một tầm kích vũ trụ, một cái nhìn toàn bích, và lúc nào cũng trung thành tha thiết với lý tưởng.

Trong đời Ông, Ông đã theo và sống 3 tôn chỉ của Pasteur:

1/ Say sưa lý tưởng. [27]

2/ Cố gắng không ngừng. [28]

3/ Thành khẩn tìm chân lý và sẵn sàng rũ bỏ mọi thành kiến sai lầm. [29]

Ông cũng đã thực thi được câu phương châm của Hồi giáo:

«Khi sinh bạn khóc người cười,

Sống sao khi chết bạn vui người sầu.» [30]

Ông biết Ông chết đi nhưng sẽ để lại một vết tích gì lâu lại nơi trần thế… Đối với Ông, như vậy là trường sinh, trường thọ với non sông. [31]

Ông nuôi hoài bão chỉ đường dẫn lối cho nhân loại. [32]

Cuộc đời đẹp đẽ của ông làm chúng ta liên tưởng đến mấy câu Kinh Thi tặng khen người quân tử:

Kìa xem bên khuỷu sông Kỳ

Tre non mới mọc xanh rì vườn ai.

Người sao văn vẻ hỡi người,

Nhường như cắt đánh, dũa mài bấy nay

Lẫm liệt thay, rực rỡ thay

Hỡi người quân tử biết ngày nào quên. [33]

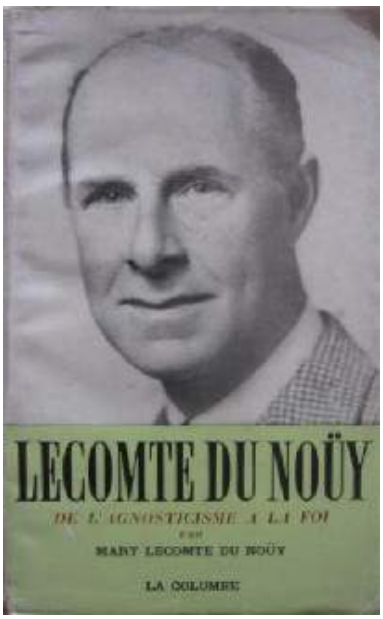

CHÚ THÍCH

[1] Tài liệu rút trong quyển: de l'Agnosticisme à la Foi của Bà Mary Lecomte du Noüy.

[2] Các vở kịch Lecomte du Noüy đã viết và đã được trình diễn:

- Giảo nghiệm (Autopsie, 1908)
- Một mẩu đời (Une petite vie)
- Bọn tù đày (Les Bagnards) 1904
- Maud (trình diễn tại rạp Odeon Paris, 1911)
- Cái bóng lớn (La grande ombre, 1910)
- Con vua (Le Fils du Roi)

Các kịch phần nhiều là tâm lý, xã hội.

[3] Comme le plupart des jeunnes gens français de sa géneration, Lecomte du Noüy avait subi l'influence de Renan et de Taine. (De l'Agnosticisme à la Foi, p.59).

[4] … Les croyances religieuses de son enfance avaient été emportées par les découvertes scientifiques qui se succédaient l'une l'autre avec une extrême rapidité. (Ib.59)

[5] Il partageait l'opinion de son temps que la science finalement résoudrait tous les problèmes. (Ib. 59)

[6] Pourtant et malgré son agnosticisme, il avait gardé comme Renan, sa foi dans la morale, la charité, l'idéal et conservait une certaine extase de l'âme, comparable sous bien de rapports à ce qu'on appelle le sentiment religieux. (Ib. 59)

[7] Avec Renan, il n'admettait pas la divinité du Christ, ni la possibilité des miracles, mais son admiration pour Jésus était d'autant plus grande qu'il le considérait comme le type de l'homme réalisé avait surmonté toutes les faiblesses humaines. (Ib.59)

[8] La Théorie de Taine, pour qui la connaissance ne provient que des sensations, et qui, en dernière analyse, ramenait tout à des mouvements de molécules, avait profondément impressioné Lecomte du Noüy. Ib 59.

[9] C'est incontestablement la claire logique de Taine et son pouvoir de généralisation qui avaient «laissé une trace ineffaçeable» sur Lecomte du Noüy, éveillant en lui ces qualités latentes qu'il développa dans les années suivantes d'une façon remarquable. Ib. 60.

[10] «Du plus loin qu'il me souvienne de ma vie d'homme, je ne crois pas avoir abordé jamais un étudiant sans lui dire: «Travaille et persévère. Le travail amuse vraiment et seul il profite à l'homme, au citoyen, à la patrie.» (De l'Agnosticisme à la Foi, p. 81.)

[11] Quelle que soit la carrière que vous embrassiez proposez-vous un but élevé. Ayez le culte des grands hommes et des grandes choses…

«Heureux celui qui porte en soi un Dieu, un idéal de beauté et qui lui obéit, idéal de l'art, idéal de la science, idéal de la patrie, idéal des vertus de l'évangile! Ce sont là les sources vives des grandes pensées et des grandes actions. Toutes s'éclairent des reflets de l'infini. (De l'Agnosticisme à la Foi, p. 82.)

[12] «Il faut que tu adoptes la maxime de Guillaume d'Orange, et que tu sois de ceux qui n'ont pas besoin d'encouragement pour entreprendre, ni de succès, pour persévérer.» Ib. 94.

[13] Mais ces travaux sur les phénomènes biologiques éveillaient en lui des doutes qui s'accrurent progressivement: nos lois physiques demeurent-elles valuables en biologie ? (De l'Agnosticisme à la Foi, p.151)

[14] Mais d'autre part, certains savants et politicians affirmaient que la science avait démontré la non-existence de Dieu, et cette affirmation lui semblait relever d'un jugement passioné et hâtif. (Ib.151)

[15] Il était épouvanté de voir à quel point l'abandon des croyances religieuses avait détruit la moralité et les joies spirituelles du genre humain. (De l'Agnosticisme à la Foi, p. 151.)

[16] Une intelligence qui, pour un instant donné, connaîtrait toutes les forces dont la nature est animée

et la situation respective des être qui la composent si d'ailleurs elle était assez vaste pour soumettre ces données à l'analyse, embrasserait dans la même formule les mouvements des plus grands corps de l'univers et ceux du plus léger atome, rien ne serait incertain pour elle, et l'avenir comme le passé serait présent à ses yeux…

Il n'y a pas de hasard, proclamait Laplace, tous les phénomènes sont déterminés mathématiquement. Il n'y a pas de place, dans l'univers, pour autre chose que la matière et l'enchaînement mécanique des causes et des effets. (Pierre Rousseau – Histoire de la Science, p. 426.)

[17] Quand Heisenberg en 1927, fit connaître son fameux principe d'incertitude ou d'indétermination – ce principe soutient qu'il est impossible de déterminer en même temps la position et la vélocité d'un électron – Lecomte du Noüy en saisit immédiatement la portée philosophique … car il considérait ce principe comme un argument scientifique puissant et qui méritait d'être propagé contre le dogme du déterminisme matérialiste. (De l'Agnosticisme à la Foi, p. 151.)

… Ce principe établit qu'on ne peut jamais connaître tous les éléments (position et vitesse) nécessaires pour prévoir exactement la marche d'un des éléments ultimes photon ou électron, dans l'avenir on peut en connaître la moitié (la position ou la vitesse) mais pas les deux ensemble parce que l'observation elle-même influencerait le movement. Il ne s'agit pas d'ignorance mais d'une limitation nécessaire… (Entre savoir et croire, p. 148.)

[18] L'esprit universel de Laplace a été détrôné par la loi des grands membres… à ceux qui eussent voulu retrouver des traces de déterminisme dans le comportement des atomes, le principe d'incertitude de Heisenberg a porté un coup fatal…

Pierre Rousseau – Histoire de la Science, p. 798

… et Entre Savoir et Croire, pp. 57, 58.

[19] Le livre du Professeur Charles Eugène Guye, l'Evolution physico-chimique (Chiron Paris 1922); Physico-chemical Evolution, (Methuen et co, Ltd London 1925) démontrant que le hasard n'avait pu engendrer la vie, fit aussi sur lui une grande impression. Il vérifia et révérifia tous les calculs de Guye, jusqu'à ce qu'il fut convaincu de leur exactitude. Ces calculs allaient devenir une des pierres angulaires de l'argumentation développée dans l'Homme devant la Science, et l'Homme et sa destinée. (De l'Agnosticisme à la Foi, p.152.)

[20] … C'était pour nous la première indication que des savants appartenaient à la gauche non pas tant par conviction que par nécessité. – Ib. 122

… De toute évidence, ils n'admettaient les faits scientifiques qu'autant qu'ils servaient leurs idées préconçues. – Ib. 164.

[21] La négations de la volonté libre, le sacrificie de l'individu à l'Etat, le rejet du spirituel constituaient pour Lecomte du Noüy des dogmes qui ne peuvent mener qu'à l'abaissement de l'humanité, qu'à l'asservissement de la multitude. Il en devint de plus en plus convaincu à mesure que les cruautés du régime s'amplifiaient… – Ib.155.

[22] … Toute représentation de Dieu… est non seulement suspecte, mais certainement fausse. (La dignité humaine, p. 158)

… Par contre l'Idée de Dieu est une idée pure… (La dignité humaine, p. 158)

…L'Idée de Dieu pareille au lingot de métal chauffé à blanc qui prend la forme imposée par les rouleaux du laminoir, a pris, la forme imposée par les différents cerveaux des hommes. Il en est résulté des images anthropomorphiques combinant les caractères les moins nobles, les passions hamaines les moins respectables, avec la puissance la plus surnaturelle. Le Dieu des Juifs ne parle que de vengeance, de colère, de châtiment. Pour agir sur la foule, Dieu doit être redoutable avant tout. Il a fallu l'arrivée du Christ pour adoucir les traits farouches de ce tyran jaloux, rancunier, vindicatif et arbitraire. Mais ce Dieu était œuvre d'une religion qui avait besoin de dominer le peuple et ne se préoccupait nullement de le faire progresser. On pourrait citer cent exemples du même genre. Nous sommes loin de l'enseignement chrétien «vous être le temple de Dieu, et l'esprit de Dieu habite en vous.» (Paul Cor. Chap. 3, 16) – La dignité humaine, p. 200.

[23] Pour nous autres idéalistes une seule doctrine est vraie: la doctrine transcendante selon laquelle le but de l'humanité est la constitution d'une conscience supérieure, ou comme on disait autrefois «la plus grande gloire de Dieu…»

Renan – l'Avenir de la Science. Passage cité par Lecomte du Noüy.

Cf. L'homme devant la Science, p.223.

… «Le monde dans son ensemble est plein d'un souffle divin.»

«Le but du monde est le développement de l'Esprit. Or l'Esprit, c'est Dieu.» (Renan PUF p.51)

… l'avènement de la conscience supérieure renanienne. (L'avenir de l'esprit, page 239.)

[24] Ông từ chức trưởng phòng sinh lý học ở Pasteur năm 1936 vì bất hòa với các Bs. Louis Martin và Ramon.

- Ông thất cử vào Collège de France năm 1937 vì sự chống đối của Langevin và Joliot Curie, các bác học thân cộng.

De l'Agnosticisme à la Foi, p. 163 et 173.

[25] Les échecs des années précédentes avaient affermi ses aspirations morales et spirituelles et sa certitude que le matérialisme était en grande partie responsable du déclin des principes moraux. – Ib.175.

[26] Il s'était convaincu que la vie n'obéit pas strictement aux lois physiques. Il était maintenant persuadé que les nouvelles découvertes scientifiques, loin de justifier la foi dans le matérialisme, ne pourraient être expliquées sans recourir à une force, encore inaccessible à la science, qui ne serait pas une force matérielle. – Ib. 175.

[27] Heureux celui qui porte en soi un Dieu, un idéal de beauté et qui lui obéit: idéal de l'art, idéal de la science, idéal de la partrie, idéal des vertus de l'Evangile. – Ib. 81, 82.

[28] Travaille et persévère. Le travail amuse vraiment et seul il profite à l'homme, au citoyen, à la patrie. – Ib. 81.

[29] Si j'avais été conduit au cours de mes trente années de recherches au laboratoire à une solution directement opposée à celle que j'ai atteinte, sans la chercher, j'aurais suivi l'exemple de Pasteur, pris le contrepied de ce que je défends aujourd'hui, avec la même chaleur. – La dignité humaine, p. 232.

[30] «En naissant, tu pleurais et l'on riait autour de toi. Conduis ta vie de telle sorte qu'à ta mort, tu souries et que tout le monde pleure.»

Devise musulmane

- Cf. De l'agnosticisme à la Foi

- Cf. La Dignité humaine, p.13-256.

[31] Chaque homme peut, s'il le veut, laisser derrière soi une trace plus ou mois longue, plus ou moins brillante, qui élargit ou prolonge la voie déjà existante et contribute à la faire s'épanouir en éventail. Et c'est là une sorte d'immortalité impersonnelle dont nous sommes sûrs…

L'Avenir de l'esprit, p.302.

[32] Les hommes les plus orgueilleux, les plus ambitieux se satisfont de changer l'Histoire. Que penseraient-ils de moi qui rêve d'orienter toute l'humanité. Et pourtant, Dieu sait que nul orgueil ne m'habite, mais la plus grande humilité. (De l'Agnosticisme à la Foi, p.210.)

[33] Cf. Kinh Thi, Tản Đà dịch, trang 168.

Cf. The She King, James Legge dịch, p. 91:

Look at those recesse,

In the banks of the Ke

With their green bamboos,

So fresh and luxuriant!

There is our elegant,

And accomplished prince,

As from the knife and the file,

As from the chisel and the polisher!

How grave is he and dignified!

How commanding and distinguished!

Our elegant and accomplished prince,

Never can be forgotten.

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 **3** 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 **4** | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

PHẦN THỨ NHẤT:
THỜI ĐẠI, THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP
TƯ TƯỞNG LECOMTE DU NOÜY

*

Chương 4
Lược khảo văn phẩm và tư tưởng Lecomte du Noüy

Tiết 1
Lược khảo văn phẩm Lecomte du Noüy

Như đã nói trên, từ năm 1939 đến 1946, Lecomte du Noüy đã cho xuất bản 4 cuốn sách:

1.- Con người trước khoa học.

2.- Tương lai tinh thần.

3.- Phẩm giá con người.

4.- Định mệnh con người. [1]

I.- Đại ý quyển «Con người trước khoa học»

Trong quyển «Con người trước khoa học», Ông cân nhắc giá trị khoa học và phê bình khoa học.

Theo ông khoa học không vạn linh, vạn ứng mà chỉ có giá trị tương đối thực tiễn.

Khoa học tương đối, bất kỳ xét về phương diện nào:

- Tương đối về phương diện đối tượng
- Tương đối về phương diện khảo cứu.
- Tương đối về nguyên lý, lý thuyết. [2]

Ông dùng toán xác suất chứng minh rằng sinh cơ, sinh vật không thể ngẫu nhiên phát hiện được. [3]

Ông chủ trương khoa học không sao gạt bỏ được "phản ngẫu nhiên", được Thượng Đế. [4]

II.- Đại ý quyển «Tương lai tinh thần»

Trong quyển «Tương lai tinh thần», Ông mới thực sự xây dựng học thuyết viễn đích.

Dựa vào cuộc tiến hóa của vũ trụ quần sinh Ông cho rằng con người cũng là một mắt xích trong chuỗi sinh vật tiến hóa. Sự tiến hóa hiện nay chưa ngừng nghỉ, nhưng đã đổi chiều để đi vào hướng tâm thần.

Sự tiến hóa còn sẽ tiếp tục lâu dài và sẽ đào tạo nên một giống người siêu đẳng thuần túy, chí thiện trong một tương lai hãy còn xa lắc. Đó là viễn đích của cuộc tiến hóa của vũ trụ và quần sinh. [5]

Tất cả công cuộc tiến hóa đã được hướng dẫn đẩy đưa bởi Thượng Đế một cách hết sức nhẹ nhàng tế nhị, tinh vi, ẩn áo để một ngày kia nhân loại sẽ đạt đích tiến hóa, sẽ thực hiện được định mệnh cao siêu sang cả của mình, là trở thành những mẫu người hoàn thiện, những thần nhân.

Sự tiến hóa của con người trên bình diện tinh thần được cụ thể hóa bằng những tư tưởng trừu tượng, những cử chỉ, hoạt động không vì sinh nhai, sinh kế: như phong tục, nghệ thuật, đạo giáo.

Ông cho rằng:

Từ ngữ, văn minh, nghệ thuật, đạo giáo là những công cụ tiến hóa.

Còn

- Tự do
- Nỗ lực
- Nhân phẩm
- Lý tưởng là những động cơ thúc đẩy tiến hóa.

Con người có cố gắng, có được tự do, có tiến hóa theo chiều hướng tinh thần, có rũ bỏ được lốt thú, có tìm ra được cốt thần, thì mới mong thực hiện được định mệnh cao sang và nhân phẩm của mình. [6]

III.- Đại ý quyển «Phẩm giá con người»

Trong quyển «Phẩm giá con người», Ông đề cao phẩm giá cá nhân, chống lại với mọi sự đè nén áp bức của các tổ chức xã hội.

Ông cho rằng, trong tương lai, cần phải bãi bỏ những tổ chức, những đoàn thể, những chính thể phi nhân phi lý, để con người được tự do phát triển. [7]

Ông cũng chủ trương rằng mọi ý niệm đứng đắn về Thượng Đế chẳng những không làm giảm giá trị con người, mà còn đề cao phẩm giá con người, vì cho thấy chính Thượng Đế đã muốn cho con người được tự do, tự chủ, khí phách hiên ngang để thực hiện định mệnh cao sang của con người. [8]

IV.- Đại ý quyển «Định mệnh con người»

Quyển «Định mệnh con người» toát lược lại cả 3 cuốn sách trên và chủ trương.

1/ Giá trị tương đối của khoa học.

2/ Sự cần thiết phải chấp nhận có Thượng Đế

3/ Cuộc tiến hóa quần sinh có một viễn đích là thực hiện những thần nhân trong một tương lai còn xa thẳm.

4/ Đó là định mệnh cao siêu của con người.

5/ Muốn đạt mục phiêu ấy con người phải được tự do, phải được giáo hóa, phải cố gắng không ngừng.

6/ Đạo giáo phải bắt tay với khoa học để phục vụ con người.

7/ Các tổ chức xã hội và các nền văn minh phải phục vụ con người.

8/ Tóm lại, con người phải làm bừng cháy tàn lửa thiên chân tiềm ẩn đáy lòng và nỗ lực không ngừng cải thiện mình để tiến tới chí thành chí thiện.

Mỗi cuốn sách có một vẻ riêng:

Quyển «Con người trước khoa học» bắt buộc con người phải nhận có Thượng Đế để giải thích các vấn đề vũ trụ sinh hóa.

Quyển «Tương lai tinh thần» cho ta một cái nhìn bao quát về cuộc tiến hóa vũ trụ quần sinh, từ khởi thủy đến chung cuộc, tiên đoán con người sẽ tiến tới một giòng giống siêu đẳng, toàn thiện trong một tương lai xa thẳm. Đó là mục đích thâm viễn của cuộc tiến hóa, theo đúng ý muốn Thượng Đế.

Quyển «Phẩm giá con người» đề cao giá trị và nhân phẩm con người, nhưng phẩm giá này cần phải tranh đoạt, phải thực hiện bằng nỗ lực liên tục để lướt thắng thú tính, dục tình, chứ không phải là một thứ nhân phẩm đã sẵn có từ thuở ban sơ.

Quyển «Định mệnh con người» kêu gọi ta làm bừng sáng tàn lửa thiên chân tiềm ẩn đáy lòng, góp phần hữu hiệu vào công cuộc tiến hóa, để thực hiện định mệnh con người, để thực hiện toàn chân, toàn thiện trong tương lai.

Tất cả các sách của Ông đều nói lên một niềm tin mãnh liệt về Thượng Đế, về giá trị con người, về tương lai và định mệnh con người, cũng như muốn phá bỏ mọi bức tường giả tạo ngăn cách con người, để sau này bốn bể một nhà, mọi người thương yêu, trọng kính nhau như ruột thịt.

Những sách vở của Ông viết có một giá trị đặc biệt.

Đặc biệt chẳng những vì tư tưởng cao siêu, biện luận xác đáng, nội dung hàm súc phong phú, văn khí hùng hào trang trọng, mà còn vì ông là một nhà vô thần duy vật đã biết trở về với Thượng Đế và tinh hoa đạo giáo, một nhà bác học mà nhìn nhận ra được những giới hạn của khoa học, đã gỡ được hết lớp son phấn hóa trang của khoa học để tìm cho thấy bộ mặt tương đối phàm tục của khoa học, sản phẩm của lý trí con người, giữa lúc mọi người đang suy tôn khoa học như một thần minh vạn linh, vạn ứng. Đặc biệt hơn nữa, là vì Ông đã mục kích những hậu quả đắng cay của chủ nghĩa duy vật vô thần, đã mục kích sự lu mờ suy sụp của các giá trị tinh thần con người, mục kích mọi cảnh tàn khốc, kinh hoàng của cuộc chiến tranh nguyên tử, vì vậy mà Ông đã cố sức cảnh tỉnh con người.

Có lẽ cũng vì những lý do đặc biệt ấy mà các sách của Ông đã được truyền bá đi khắp năm châu rất mau chóng.

Quyển «Tương lai tinh thần» (Avenir de l'Esprit) xuất bản ở Pháp năm 1942 giữa thời chinh chiến đã được tái bản 22 lần trong vòng 6 tháng và năm 1942 đã được giải thưởng Vitet của Hàn Lâm Viện Pháp.

Quyển «Định mệnh con người» xuất bản năm 1947 ở New York vừa được một tuần lễ đã được tuần báo Reader Digest toát lược và đăng tải phổ biến khắp năm châu, và trong vòng có 20 năm nay đã được dịch ra 12 thứ tiếng.

Tiết 2

Đại cương học thuyết và toát lược tư tưởng Lecomte du Noüy

Lập trường, phương pháp và học thuyết viễn đích của Lecomte du Noüy mới trông thì phiền tạp đa đoan, nhưng thực ra rất giản dị, lý sự, mạch lạc.

Chúng ta có thể thâu tóm như sau:

Đứng trước nỗi niềm xao xuyến mênh mông của nhân loại, đã từ lâu chỉ có tăng mà không có giảm, Lecomte du Noüy muốn tìm cho ra nguyên nhân và phương pháp trị liệu.

Trước tiên, Lecomte du Noüy cho rằng khoa học không tuyệt đối vạn năng, mà có nhiều sơ hở, khiếm khuyết.

Ông cũng đã vạch trần những yếu điểm, ngụy biện của chủ nghĩa duy vật đã được hóa trang, tô điểm bằng những lớp phấn son khoa học. [9]

Nhưng ông cũng nhận thấy thuyết duy lý đã phá được tín ngưỡng của một số đông quần chúng. Nếu vậy, thì nguyên đả phá thuyết duy lý chưa đủ giúp con người khôi phục lại tín ngưỡng. [10]

Một trào lưu tư tưởng mãnh liệt như vậy không thể nhất đán phát sinh. [11]

Sở dĩ chủ nghĩa duy vật phát sinh, chính là vì những lỗi lầm của hàng giáo sĩ, giáo phẩm các tôn giáo, chứ không phải con người đã thay tâm, đổi tính. [12]

Thực vậy, con người vốn dĩ có tinh thần đạo giáo. Từ bao ngàn năm nay, từ thời tiền sử, con người bao giờ cũng tỏ ra sùng đạo mộ đạo, và những lời văn chương sôi nổi kích động đại loại như của Bertrand Russell không đủ làm mất niềm đạo hạnh nơi con người. [13]

Renan cũng đã nhận rằng không gì phổ quát và vĩnh cửu bằng tinh thần mộ đạo nơi con người. Ông cho rằng con người từ vạn thế vẫn mộ đạo. [14]

Đạo giáo sở dĩ đã mất uy tín nhiều vì những lý do sau đây:

1) Trong dĩ vãng hàng giáo sĩ đã phạm nhiều lỗi lầm, đã quá khắt khe, đè nén, cố chấp. [15]

2) Hàng giáo sĩ đã được đào tạo không phải để trở thành những người thông minh, duệ trí mà để trở thành những người bảo vệ truyền thống; vì vậy các ngài không biết được rằng sự biến dịch là định luật lớn lao chi phối vũ trụ, vì vậy mà các ngài trở nên nghi kỵ những người thông minh duệ trí, cho là con cái ma quỉ… [16]

Các ngài nghĩ rằng vũ trụ cố định trong khi vạn vật chuyển biến chung quanh. Các ngài dựa vào phép lạ, đòi hỏi phép lạ, trong khi phép lạ thường xuyên vĩnh cửu nhất, theo lời Henri Poincaré, là vũ trụ không hề có phép lạ; nếu không, vũ trụ sẽ bị chi phối bởi sự hỉ nộ thất thường ngẫu nhiên, ngẫu hứng, thay vì bởi những định luật tiết tấu, hòa hài tiền hậu như nhất, vô cùng cao đẹp. [17]

3) Đạo giáo trở nên guồng máy cai trị và mất dần vai trò cải hóa nhân tâm. [18]

4) Các phương pháp giảng giáo đã trở nên lạc hậu, lỗi thời. [19]

5) Các giáo sĩ, giáo dân nhiều khi có những quan niệm rất sai lạc và chật hẹp về Thượng Đế, về đạo giáo. [20]

6) Đạo giáo muốn cai trị dân, chứ không muốn cho dân tiến tới. [21]

7) Đạo giáo đã vay mượn nhiều mê tín dị đoan của các tà đạo thời xưa mà không chịu rũ bỏ. [22]

8) Các đạo giáo đã quá chú trọng đến những hình thức lễ nghi bên ngoài, mà quên mất đời sống đạo hạnh, linh diệu bên trong. [23]

Nhưng nhìn sang phía các nhà bác học, hay triết gia, ta thấy những lỗi lầm cũng that lớn lao, to tát.

Các ngài cho rằng sự mâu thuẫn giữa khoa học và đạo giáo nan phương giải cứu, vì «giả thuyết Thượng Đế» không cần thiết, và khoa học có thể đơn phương giải thích được mọi sự. [24]

Rồi họ lập ra những nền luân lý thế tục, và ngạc nhiên khi thấy không được hưởng ứng. [25]

Nhưng khoa học đã nhận thấy sự bất lực của mình:

Vì đã không tìm ra được bản thể của vạn vật [26] được hình ảnh chân thực của vũ trụ. [27]

Vì khoa học chỉ dùng toán số, đo lường, chỉ có những khái niệm gián đoạn, mà thực tế vẫn là phẩm cách, không thể phân ly. [28]

Hơn nữa, nguyên tắc bất định của Heisenberg đã cho thấy giới hạn của sự hiểu biết con người: giỏi lắm, con người biết được nửa thực tế bằng những phương pháp khoa học. [29]

Tóm lại, một bên thì coi nhẹ lý trí, không muốn chấp nhận sự biến thiên tiến hóa, không lưu ý đến những giá trị của lịch sử và thời gian. [30]

Một bên thì đề cao lý trí, không chấp nhận những giá trị siêu việt hằng cửu, chỉ lưu tâm đến những giá trị nhãn tiền, chối bỏ những ước nguyện, những nguồn mạch cao đẹp nhất của con người. [31]

Nhưng những lỗi lầm trong quá khứ ấy có thể sửa chữa được, nếu chúng ta có thiện chí.

Đạo giáo không việc gì phải úy kỵ khoa học vì khoa học chân chính, theo lời Lord Kelvin, sẽ bắt buộc phải chấp nhận có Thượng Đế. [32]

Khoa học không là lý do để chối bỏ Thượng Đế vì ngoài một số nhà khoa học vô thần, còn biết bao nhà khoa học trứ danh khác vẫn tin có Thượng Đế – Ví dụ:

Lamarck, [33] Darwin, [34] Newton, Faraday, Maxwell, Lord Rayleish, Lord Kelvin, R.A. Millikan, Athur H. Compton, v.v… [35]

Cho nên ông cảm thấy con người ngày nay cần phải có một nhãn quan mới, một học thuyết mới, một «cẩm nang giáo lý mới» thích hợp cho mọi người. [36]

Vì vậy, mà ông cố gắng xây dựng một học thuyết mới.

Ông cho rằng một học thuyết trong thời đại văn minh này, phải dựa trên những sự kiện khoa học, đã được khảo chứng hẳn hoi, luận cứ phải chính đáng, minh xác, đúng theo toán học hay các phương pháp toán học. [37]

Cho nên học thuyết viễn đích của Ông đã xây nền, đắp tảng trên học thuyết tiến hóa của Lamarck, Darwin, đã được khoa học công nhận.

Ông dùng tất cả những khám phá sưu tầm đứng đắn của khoa thiên văn, địa lý, cổ sinh vật học để xây dựng học thuyết.

Ông chủ trương vũ trụ luôn biến thiên tiến hóa, và sự tiến hóa, sinh vật đã có nhiều hướng từ đơn bào cho đến con người.

Học thuyết Ông khác học thuyết Lamarck, Darwin, mà sau này Hœckel đã biến cải thành thuyết tiến hóa duy vật vô thần, ở mấy điểm chính sau đây:

1) Không thể nào gạt bỏ ý niệm Thượng Đế ra khỏi vũ trụ, ra khỏi quá trình tiến hóa sinh linh. Ngược lại, chúng ta phải chấp nhận ý niệm Thượng Đế mới có thể giải thích được sự xuất tinh của sinh chất, sinh

vật và cuộc tiến hóa sinh linh, một cuộc tiến hóa có chiều hướng, ngày một thêm phong phú, linh động từ đơn bào, cho tới con người. [38]

Cuộc tiến hóa không thể vô ý, vô tình, vô nghĩa như các nhà duy vật chủ trương, cũng không thể ngừng nghỉ, trái lại cuộc tiến hóa hiện nay vẫn còn đang tiếp tục nơi con người, nhưng đã chuyển vào hướng óc não, nội tâm, và còn tiếp tục mãi mãi để thực hiện trong tương lai xa thẳm một giống người siêu đẳng, thần nhân. [39]

3) Như vậy, con người sinh ra đời không phải để sống tạm bợ, đoạn tháng, qua ngày, hưởng thụ vô lý, hay hy sinh vô nghĩa, mà chính là để thi hành một nhiệm vụ, thực hiện một lý tưởng, đó tức là: khai trí, khai tâm, khai thần, cố gắng tu luyện để rũ bỏ thú tính, dục tình, tiến tới thanh cao, tinh hoa toàn mỹ. [40]

Nhân loại trong tương lai sẽ phải tiến tới trình độ cao siêu như vậy.

Khi đã biết rõ mục phiêu của con người, ta mới thấy Ông Trời đã hướng công cuộc tiến hóa của sinh linh, của con người một cách vô cùng tế nhị, về một mục đích tuy còn xa xăm, nhưng nhất định sẽ được thực hiện. Đó là viễn đích của nhân loại cũng như của đại cuộc tiến hóa sinh linh.

Viễn đích luận của Lecomte du Noüy chủ trương có bấy nhiêu.

Sau khi đã tìm ra được những nguyên lý cốt cán, chính yếu của học thuyết, thì suy diễn ra các hiệu quả là một chuyện dễ dàng.

Lecomte du Noüy chủ trương Thượng Đế không có ép buộc con người mà chỉ mời mọc con người tự ý góp phần vào công cuộc hóa sinh.

Vì vậy con người phải được tự do, tự chủ, con người mới lựa chọn được và mới cải tiến được thật sự. [41]

Con người phải luôn gắng gỏi công trình để tiến tới cùng đích cao siêu ấy, và phải có một lý tưởng siêu việt cao đại để làm ngôi sao dẫn lối cho mình. [42]

Con người cần nỗ lực, chống lại với thú tính dục tình, có vậy mới trở nên xứng đáng, mới có nhân phẩm nhân cách. [43]

Con người muốn tiến tới mục đích cao siêu, thực hiện được công trình khó khăn ấy, cần phải tận dụng mọi khám phá, mọi phát minh, mọi kinh nghiệm của tiền nhân, của xã hội. [44]

Vì lẽ đó, con người cần phải trọng kính những truyền thống đạo giáo.

Nhưng ngược lại, tất cả các tổ chức đạo giáo cần phải thay đổi thái độ, phương pháp, phải gạn đục khơi trong giáo lý học thuyết, phải canh tân, cải thiện cho thích hợp với con người. [45]

Mục tiêu chung của nhân loại là bắt tay nhau để xây dựng nhân phẩm, nhân cách, làm cho con người ngày càng thêm tự do, thanh lịch, cao thượng. [46]

Khoa học không có một lý do gì mà không chấp nhận các hiện tượng tâm thần, mà không khảo sát các hiện hượng nội giới để bắt tay với đạo giáo, với trực giác. [47]

Ngược lại, đạo giáo không có lý do gì mà không bắt tay với khoa học, không dùng những khám phá khoa học, những phương pháp khoa học để cải thiện đường lối phương pháp giảng giáo. [48]

Ngày nay, vì cuộc tiến hóa đã chuyển về hướng lý trí tâm thần, nên dĩ nhiên là tất cả các hành động, các công trình chỉ nhằm cải thiện đời sống bên ngoài, tất cả những sự sùng bái lễ nghi bên ngoài trở nên

tùy thuộc. [49]

Sự quan hệ nhất là giáo hóa con người, giúp con người tìm ra tinh hoa đạo đức, tìm ra nguồn mạch đạo đức vốn tiềm ẩn trong tâm khảm mình. [50]

Một sự chuyển hướng như vậy sẽ đòi hỏi rất nhiều thì giờ, nhưng nó sẽ đem lại những kết quả vô cùng đẹp đẽ.

Nó sẽ biến cải con người, làm cho họ thêm cởi mở, thật sự trọng nhau, thương nhau, đạo này hết chống đối với đạo khác, khoa học, triết học hết chống đối với tôn giáo. [51]

Các đạo giáo hết chống đối nhau vì nhận chân là đã phát khởi từ một nguồn mạch chung, là từ tinh hoa, cốt cách con người, từ tâm thần các bậc hiền thánh trong quá vãng, và cũng có mục đích chung là cải thiện con người, giúp họ tiến tới hoàn thiện, tinh hoa. [52]

Muốn đạt được những mục đích ấy, các trường học khắp nơi phải trở nên những trung tâm giáo hóa, phát huy tín nghĩa, liêm sỉ và những cơ quan đào tạo nhân cách con người. [53]

Nhân loại có thật sự được cải thiện thì hòa bình chân chính mới mong thực hiện được.

Con người có thực sự biết trọng tín nghĩa, thì các hiệp ước mới có giá trị. [54]

Trong tương lai, các nhà lãnh đạo tinh thần quốc tế cần xóa bỏ tất cả những trở ngại hiện nay còn chia rẽ con người như biên cương, chủ nghĩa. [55]

Bốn bể đều là anh em một nhà, đều đáng hưởng những quyền lợi như nhau, được một nền giáo dục như nhau, và sự thương yêu nhau, trọng kính nhau phải được lan tràn khắp chốn. [56]

Tất cả những chủ nghĩa trọng đoàn thể, xã hội hơn con người, tất cả những đoàn thể, tổ chức có mục đích xuyên tạc, lợi dụng, thăng phúc, áp đảo con người cần phải được xóa bỏ, tất cả những kỹ thuật tuyên truyền gây căm thù, kích động, dung dưỡng những thú tính hạ tiện, những dục tình hạ đẳng nơi con người phải được bãi bỏ. [57]

Tất cả sẽ vì con người, vì tương lai con người, vì định mệnh con người, vì nhân phẩm con người. [58]

Tất cả để chuẩn bị cho một giống người phi phàm, siêu đẳng, cho những thần nhân xuất hiện.

Đó là thiên ý.

Đó là viễn đích của cuộc tiến hóa quần sinh.

Và đó cũng là định mệnh cao sang của con người. [59]

CHÚ THÍCH

[1] Năm 1964, nhà xuất bản Hermann (Paris) còn xuất bản thêm quyển Entre Savoir et Croire gồm các tài liệu, các tùy bút viết từ 1929 đến 1945.

[2] Le ler ouvrage «l'Homme devant la science» est une critique de la connaissance et des mécanismes de notre pensée. Elle cherche à établir des limites au delà desquelles les conséquences que l'homme s'est cru autorisé à tirer de l'expérience et des méthodes de calcul perdent toute signification.

Le dignité humaine, note de l'éditeur, p.9.

Cf. De l'Agnosticisme à la Foi, p.178.

[3] M. Lecomte du Noüy passe ensuite à l'analyse des frontières entre la matière inerte et la matière vivante et l'impossibilité d'interpréter, à plus forte raison de comprendre, les problème biologiques et psychologiques au moyen des seules données de la science actuelle.

La dignité humaine, note de l'Editeur, page 10.

… Plusieurs chapitres traitaient de la probabilité et de l'impossibilité d'attribuer au hasard la formation de la plus simple molécule de protéine, base de la matière vivante.

L'auteur montre ensuite les limites de la science qui ne peut render compte de l'apparition de la vie et des aspirations morales et spirituelles de l'homme. De l'agnosticisme à la Foi, p.178.

[4] … Il aboutit mathématiquement à la nécessité de l'Antihasard.

La dignité humaine, note de l'Editeur, page 10.

… Sur la base seule du calcul des probabilités, il ne semble pas possible, aujourd'hui, de se passer de l'hypothèse d'un Antihasard.

L'Homme devant la science, p.162.

[5] Le deuxième «l'Avenir de l'Esprit» traite du développement des formes vivantes et de l'homme. L'auteur montre le rôle de l'Antihasard dans l'Evolution et au moyen d'une hypothèse téléfinaliste, fournit un schéma possible des transformations des espèces vivants qui explique un certain nombre de faits incompréhensibles jusqu'ici. Il montre, en outre, que l'Evolution contique à travers l'homme et par lui non plus dans le plan physiologique et anatomique mais dans le plan moral et spirituel…

(La dignité humaine, note de l'Editeur, page 10)

Si l'esprit a été voulu, il doit être l'aboutissement, le couronnement de l'évolution et par conséquent toute l'évolution… ne s'est produite que pour assurer l'avènement du terme supérieur et final, non pas l'homme mais l'esprit. (Entre savoir et croire, p.245.)

[6] De même que l'insecte parfait lutte pour se débarasser de la chrysalide qui l'étouffe, de même que la pensée immatérielle du sculpteur se symbolise dans son œuvre et que l'on voit son idée se dégager peu à peu du bloc de marbre informe sous les coups de son marteau, de même l'esprit humain cherche à s'évader de la gangue matérielle condamnée à disparaître, dans un effort pour se rapprocher d'un idéal que certains appellant l'estprit divin et qui, lui, est immortel. (L'Avenir de l'Esprit, Introduction, page 34.)

[7] … Un jour viendra où les hommes refuseront de se faire tuer pour elle (la personne politique), et comme dans le beau conte d'Andersen, ou s'apercevra qu'elle n'avait pas plus d'existence réelle que le manteau magnifique du roi… On assistera alors au crépuscule des nations, à la mort des entités impersonnelles, des «ruches» gouvernées par des lois inhumaines. L'effort de la civilisation se concentrera sur le perfectionnement de la personnatilé et de la dignité individuelle, et l'évolution pourra… continuer sa marche ascendante dans le sens de l'Esprit.

La dignité humaine, p.48

Cf. De l'Agnosticisme à la Foi, p.209.

[8] La liberté fut donée à l'homme par Dieu, et ne peut en aucun cas être restreinte par l'homme.

(La dignité humaine, p.174)

… Par conséquent, toute restriction à la liberté de pensée est contraire à la grande Loi de l'Evolution, c'est-à-dire à la volonté divine. Elle représente donc, d'après la définition téléfinaliste, le mal.

La dignité humaine, p.177.

[9] Je réfléchis que l'inquiétude humaine qui m'avait poussé deux ans auparavant à écrire «une critique de la connaissance» et à exposer la fausseté des raisonnements soi-disant scientifiques sur lesquels se basait le matérialisme, loin de s'apaiser, s'était amplifié démesurément.

Mary Lecomte du Noüy. De l'agnosticisme à la Foi, p.190.

[10] Je réfléchis que si le rationalisme avait réussi à détruire la Foi chez un nombre immense d'individus, il ne suffirait pas de combattre le rationalisme pour faire reviver la Foi.

[11] Un courant d'idée aussi puissant que le rationalisme ne sort pas du néant.

De l'Agnosticisme à la Foi, p.190.

[12] Si les prêtres de certaines religions n'avaient pas commis des erreurs, le matérialisme, en tant que foi dressée contre la Foi religieuse, ne serait peut être jamais né. – Ib.190.

[13] «Il ne serait jamais né parce que l'homme est essentiellement religieux. Il l'est depuis des millénaires, il l'était à l'époque de l'homme de Cro-Magnon, et ce ne sont pas les explosions littéraires et pathétiques d'un Bertrand Russell qui les changeront. – Ib.190.

[14] … Je me souvins de Renan, le Renan de la Préface à «l'Avenir de la science» et des Lettres – qui disait: «… Jamais je n'ai mieux perçu dans sa grande universalité cette loi éternelle de la nature humaine dont la philosophie moderne a trop peu tenu compte: l'Humanité est religieuse… – Ib 190.

… Les cadres établis, depuis trop longtemps avaient perdu leur puissance par suite de la dégénérescence des têtes, par suite du favoritisme qui insensiblement avait substitué des hommes inférieurs aux chefs véritables. (L'homme devant la science, p.209) – Renan était à juste titre indigné par les tristes conséquences du fanatisme religieux. – Ib. 220.

[15] Péchant elle-même par orgueil, elle a cru qu'elle personnifiait à la fois Dieu et la religion, elle s'est érigée en tribunal absolu et s'est solidarisée avec ses membres les moins défendables dans le but d'écraser ce qu'elle croyait être une menace et qui n'était en réalité qu'une évolution naturelle.

Entre savoir et croire, p.234-235.

[16] Tout dans leur formation intellectuelle tendait à les éloigner de l'intelligence pure et à les réduire au rôle de défenseurs de la tradition. Ils ne pouvaient savoir que la grande règle de l'univers est l'évolution… Ils se méfiaient de l'intelligence, en laquelle ils voyaient la main de Satan, le prince des intellectuels, sans comprendre que l'intelligence en elle-même et bien dirigée est moins redoutable que la sottise, et représente le seul outil grâce auquel la grandeur de l'œuvre immortelle peut être conçue.

Entre Savoir et Croire, p.234.

[17] Ils ont cru en un monde statique, alors que tout, autour d'eux leur révélait un dynamisme merveilleux, ils demandaient des miracles alors que le miracle éternel c'est qu'il ne se produise pas sans cesse des miracles, suivant la parole d'Henri Poincaré, car sans cela l'univers serait régi par la fantaisie au lieu d'être soumis à des lois qui empruntent à leur harmonie et à leur coordination une grandeur et une beauté singulièrement plus hautes. (Entre Savoir et Croire, p. 234.)

[18] Progressivement l'Eglise devint une vaste machine administrative, jalouse de ses prérogatives et de son autorité, convaincue de son infaillibilité, même en ce qui ne concernait pas le dogme.

L'Homme devant la science, p.213.

[19] … Si, au contraire, nous admettons que la Foi n'est pas répandue, alors à considérer la force, le nombre, le prestige des Eglises, nous en déduisons que le catéchisme, les Ecritures et les sermons ont perdu leur pouvoir de conviction… (L'Homme et sa destinée, p. 386.)

[20] … Ils (les catholiques) ne comprennent pas, plus que les protestants que l'humanité reviendra religieuse aussitôt que les églises en donneront l'exemple. Les esprits dogmatiques sont esclaves des chaînes qu'ils se sont forgées eux-même: Ils sont petits, petits, et leur conception de Dieu est petite, à leur échelle…» (De l'Agnosticisme à la Foi, p. 214.)

[21] … Ils (les prêtres) ont cru en un monde statique, alors que tout autour d'eux, leur révélait un dynamisme merveilleux. (Entre savoir et croire, p.234.)

… Mais ce Dieu était l'œuvre d'une religion qui avait besoin de dominer le peuple et ne se préoccupait nullement de le faire progresser. (La dignité humaine, p.200.)

[22] … L'anthropomorphisme et le paganisme le plus ahurissant se révèlent chez quatre-vingt-dix pour cent des bons catholiques. – Ib.135.

… L'Eglise s'est trouvé débordée par les légendes locales et comme le remarque justement Athur Weigall: «Une grande partie du christianisme n'est qu'une idolâtrie déguisée.» – Ib. 137.

[23] La routine et le rite dépourvu de sens continuent de sévir: chacun sait que la coquille est vide de la noix, mais la collection de noix vides se perpétue comme s'il n'y avait pas d'autre solution.

La dignité humaine, p.254.

…N'oublions pas cependant, que l'humanité doit, en moyenne, se perfectionner non par l'obéissance aux règles extérieures, mais pas une profonde amélioration intérieure, et que ses progrès ne dépendent que d'elle-même. (L'Homme et sa destinée, p.345.)

[24] Le second malentendu, dont cette fois-ci les intellectuels sont responsables, remonte aux encyclopédistes et, au point de vue doctrinal, à la naissance du positivisme. Il existait déjà en puissance depuis de longues années. Il consiste sous sa forme extrême, pour les savants et les philosophes, à croire que le conflit entre la science et la religion est insoluble parce que l'hypothèse «Dieu» est inutile et que la science à elle seule suffit ou suffira à tout expliquer. (Entre savoir et croire, p. 235.)

[25] Ils créeront des morales laïques, ils s'enthousiasmeront pour des doctrines absurdes plus ou moins calquées sur les doctrines religieuses, et ne comprendront pas plus que le singe de la fable pourquoi l'humanité ne s'extasie pas devant leur lanterne magique. (Entre savoir et croire, p. 235.)

[26] Ce conflit a frappé Shrödiger qui écrit: «Compréhension claire et définie du monde des apparences sensibles et derrière lui, une sorte de kismet obscur éternellement incompréhensible, inéluctable et mystérieux. (L'Homme devant la Science, p.37.)

Notre connaissance directe ne peut être que relative – et n'entraîne aucunement l'identité entre l'univers réel et l'image que nous nous en faisons. (L'Homme devant la Science, p. 19.)

[27] … La réalité des choses? Elle se ramène aujourd'hui pour le physicien à des groupes s'équation qui se compliquent tous les jours. (Entre savoir et croire, p. 238.)

[28] La science est le résultat du remplacement de toutes les valeurs qualitatives – les seules qui soient directes et indiscutables – par des valeur quantitatives, des nombres ou des symbols exprimant des rapports. La lumière jaune devient une onde de 0,589 μ de longueur. (Entre savoir et croire, p. 158.)

… La continuité que toute notre science tend à supprimer en granularisant la matière, l'électricité et l'énergie, existe, malgré nos efforts. – Ib.165.

[29] … On peut en connaître la moitié (la position ou la vitesse), mais pas les deux ensemble parce que l'observation elle-même influencerait le movement. Il ne s'agit pas d'ignorance, mais limitation nécessaire. – Ib.148.

[30] … L'Eglise qui n'a pas compris autrefois de caractère évolutif, dynamique de l'esprit humain, qui a sous-estimé le rôle de l'intelligence et de la science, et qui n'a pas tenu compte de la révolution que l'imprimerie introduisait dans le monde. (Entre savoir et croire, p. 236-237.)

[31] L'erreur du rationalisme repose sur l'orgueil et l'incompréhension de l'homme… Ils n'ont pas vu que l'homme, privé d'une règle de conduite absolue, ressemble à une plante grimpante à laquelle on retire son tuteur. – Ib. 237.

[32] If you think strongly enough, you will be forced by science to a belief in God. (Lord Kelvin). – Entre savoir et croire, p. 271.

[33] Cf. Entre savoir et croire p. 270

Dans le troisième chapitre de sa Philosophie zoologique, Lamarck écrit, «sans doute, rien n'existe que par la volonté du sublime Auteur de toutes choses…

[34] Darwin page 448 de l'édition originale de l'Origine des espèces, écrit: «… A mon avis, il semble que ce que nous savons des lois imposées à la matière par le Créateur s'accorde mieux avec l'hypothèse que la production et l'extinction des habitants passés et présents du monde soient le résultat des causes secondaires du même ordre que celles qui déterminent la naissance et la morts des individus.

Entre savoir et croire, p. 270.

[35] … Je citerais seulement les noms de quelques-uns d'entre-eux, chrétiens pratiquants et convaincants, Newton, Faraday, Maxwell, Lord Rayleish, Lord Kelvin… R. A. Millikan et Arthur H. Compton. – Ib. 271.

[36] Je crois fermement qu'aujourd'hui l'œuvre la plus utile que puisse accomplir un homme de science dehors de son effort technique, consiste à poursuivre la réconciliation entre les activités rationnelles et les activités sentimentales ou spirituelles de l'homme, réconciliation sans laquelle son développement moral collectif est retardé, sa joie de vivre amoindrie, et son évolution ralentie – En d'autres termes, que le but moral et le rôle social du savant doit être la réalisation du rêve de Renan: «l'élaboration d'un catéchisme désormais acceptable». (La dignité humaine, p. 148.)

[37] «Je réfléchis que seule la science, c'est-à-dire l'ensemble le plus solide de notions acquises et coordonnées par l'intelligence humaine pouvait fournir les bases de ce que le sage de Tréguier (Renan) nommait «un catéchisme désormais acceptable…»

Or le savoir de l'homme de science ne se borne plus désormais à la collection de faits nouveaux, ni même à la découverte d'un principe. Le savant doit tout au moins, je le crois, dans la mesure du possible contribuer à l'édification de ce «catéchisme» renanien qui non seulement ne peut en aucune façon contredire la religion, mais doit constituer son inébranlable foundation. (De l'agnosticisme à la Foi p. 191.)

[38] Quand nous nous sommes vus contraints, par les contradictions constatées entre notre schéma intellectual – notre science – et la nature, d'admettre un anti-hasard, enssentiellement irrationnel, nous avons reconnu que la seule interprétation possible logique de ces faits coïncidait avec celle qui reconnaissait l'existence de Dieu. Pour un esprit scientifique it n'y a aucune disparité de sens entre les mots «anti-hasard et Dieu». (L'Homme et sa destinée, p.328.)

[39] Quand nous avons proposé l'hypothèse de la prolongation de l'évolution par l'homme, et par l'homme seul nous avons une fois encore été conduits pour expliquer l'univers et l'évolution, à accepter l'idée d'un but très éloigné, d'un téléfinalisme qui exigeait une force, une intelligence, une volonté transcendantes. – Ib. 328-329.

[40] D'après l'hypothèse téléfinaliste, l'homme doit continuer d'évoluer vers la spiritualité. Il doit s'affranchir de ses réactions animales et des idées grossières héritées de ses ancêtres directs, vestiges des premiers conflits entre la conscience primitive et la nature adverse. (La dignité humaine, p. 173.)

[41] Par conséquent toute restriction à la liberté de pensée est contraire à la grande Loi de l'Evolution, c'est-à-dire à la volonté divine. Elle représente donc, d'après la définnition téléfinatiste, le mal.

La dignité humaine, p. 177.

[42] … Il faut donc instruire les hommes et non pas leur mettre un bandeau sur les yeux sous prétexte qu'on les conduira par la main. Nul a le droit de substituer sa propre conscience à celle d'autrui, car le progrès dépend de l'effort personnel et supprimer cet effort constitue un crime. (La dignité humaine, p. 177.)

Pour participer vraiment à la tâche divine, l'homme doit placer son idéal aussi haut que possible hors de toute atteinte, s'il est nécessaire. Un idéal inaccessible qui digire toute notre vie comme les étoiles guident de loin le navigateur est préférable à un but médiocre qui, une fois atteint, nous oblige à en chercher un nouveau. (L'homme et sa destinnée, p.255.)

[43] Plaignons, ceux qui, esclaves de leurs tendances ancestrales, ne peuvent ou ne veulent pas comprendre quelle noble et merveilleuse destinée est la leur. (L'homme et sa destinée – p. 265.)

[44] La lente acquisition des caratères nouveaux par le jeu du hasard des mutations, de la sélection naturelle, est remplacée par l'effort individuel et la tradition… (La dignité humaine – p. 216.)

[45] Ceci impose d'abord un élargissement de la science, mais aussi une épuration des religions.

Car elles doivent se débarrasser de tout ce qui demeure de pollution dans leurs rites. – Ib. 210-211.

[46] Le but suprême est l'amélioration morale de l'individu par l'effort personnel sincère et éclairé… Ib. 211.

[47] Le domaine psychique moral et spiritual se trouve donc incorporé au domaine, scientifique, et la science rejoint enfin cette autre activité intellectuelle purement basée sur l'intuition, qui aboutit aux religions.

La dignité humaine – p.210.

[48] Il importe maintenant que les efforts rationels et intuitifs se confondent, ceci impose d'abord un élargissement de la science mais aussi une épuration des religions. (La dignité humaine – p.210.)

[49] En tous les cas, il est évident que le véritable but de la civilisation doit être d'aider l'homme à s'améliorer de toutes les façons et non d'inventer des engins destinés à réduire l'effort physique … Elle doit s'édifier du dedans non du dehors. Tout civilisation qui se subordonne à des développements mécaniques et à des solutions techniques est vouée à l'échec. (L'homme et sa destinée – p. 249.)

… Souvenons nous que la lumière est au dedans de nous et que tout tentative pour la trouver au dehors est vaine. – Ib. 25.

… Au temps de l'ignorance, les religions pouvaient se permettre d'être extérieures. La dignité humaine, p. 145.

… Il faut bâtir la Paix en reconstruisant l'homme par l'intérieur et non pas en édifiant des structures extérieures. – Ib. 251.

… Et l'on n'entend proposer que des solutions «extérieures» n'affectant que le milieu environnant et non l'être pensant lui-même, dont la personnalité disparaît comme celle d'un animal dans un troupeau. – Ib. 253.

[50] Prépaper l'avenir en substituant à la conscience individuelle des structures qui négligent cette conscience constitue un moyen de fortune condammé d'avance et une tragique perte de temps. – La dignité humaine, p. 254.

… Faute de concentrer ses efforts sur le vrai problème intèrieur, l'homme éparpillera ses forces en vaines tentatives qui aboutiront à des restrictions de sa liberté par la création d'entités collectives dont la personnalité artificielle se substituera aux personnalités réelles constituent. – Ib. 242.

… Les formes extérieures de la foi, la dévotion, les rites, les manifestations du culte, passent au second plan; le temple intérieur prend la première place. – Ib. 216.

[51] Il importe maintenant que les efforts rationnels et intuitifs se confondent.

La dignité humaine, p. 210.

[52] … En quelques millénaires les légendes se sont transformées, enjolivées, ou défigurée. Mais il n'est par difficile de retrouver dans chacune d'elles, aux quatre coins de la terre, la trace de l'inspiration unique, qui les a engendrées… C'est en cette inspiration mystérieuse que réside la parenté spirituelle des hommes pensants, parenté éloignée parfois, mais que les efforts des religions doivent tender à affirmer en dégageant l'identité originelle étouffée sous les apports successifs des siècles. C'est dans ce qu'il y a de divin c'est-à-dire d'universel en l'homme qu'il faut chercher l'unification des religions et non dans ce qu'il y a d'humain, dans les doctrines. (La dignité humaine – p. 143-144.)

[53] L'unanimité des individus qui ne peut émerger que de l'identité de l'instruction intellectuelle, spirituelle et morale, fournira seule une base conrète sur laquelle s'édifiera une société stable et permanente. La société doit être digne de l'homme, et l'homme ne doit pas être dominé par la société. Toute société qui cherche à substituer ses intérêts à la poursuite du développement individual, est régressive et attentatoire à la dignité humaine. (La dignité humaine – p. 252.)

[54] Il faut batir la Paix en reconstruisant l'homme par l'intérieur et non pas en édifiant des structures extérieures.

… Il n'est question que de traités. Mais il n'est pas question de respect de ces traités … Ib. 253.

… L'équilibre du monde entier repose sur la confiance en l'intégrité et en la parole des hommes

L'homme et sa destinée – p. 433.

[55] … Lorsque les individus auront reçu la même éducation lorsqu'ils obéiront aux mêmes règles morales et penseront l'universel, ils n'accepteront plus l'idée de se combattre les uns et les autres, et seront très près de s'entendre. (L'homme et sa destinnée – p. 428.)

[56] … Il est trop tôt pour demander à tour les hommes de penser «l'universel», de se considérer comme les éléments de l'humanité entìere. De nombreuses tentatives ont été faites pour éveiller «la conscience du monde» – Ib. 413.

[57] La négation du libre-arbitre, la négation de la responsabilité, l'individu, unité purement physicochimique, assimilé à une parcelle de matière vivante, mais ne se différenciant en rien des autres animaux, entraînent obligatoirement la mort de l'homme moral, la suppression de tout spiritualité, de tout espoir, l'affreux sentiment d'inutilité totale…

… La théorie du téléfinalisme de Lecomte du Noüy était en contradiction avec le racisme, le socialisme, le communisme et tous les autres ismes qui promettent à l'humanité le bien-être sous condition de réformes sociales et économiques imposées par des lois, et de la suppression de la liberté individuelle.

De l'Agnosticisme à la Foi, p.193.

Cf: La dignité humaine, Chap. I.

Cf: L'homme et sa destinée, Chap. VIII.

[58] Ces idées si simples, ce principe général si logique qui consiste à envisager la solution de tous les problèmes humains à travers l'individu, en le considérant comme un élément fundamental actif, de la perfection des organismes auxquels il s'incorpore, ce principe qui consiste à se rappeler que dans la nature, dans l'évolution, c'est l'homme seul qui compte et que les évènements sociaux suivent son évolution psychologique; que rien de permanent ne se construit qui n'est pas la conséquense d'une transformation préalable profonde dans l'aire individuelle, et que cette transformation doit être à la fin le centre et le but de tous les efforts. (La Dignité Humaine – p. 253.)

[59] Si l'esprit a été voulu, il doit être l'aboutisseement, le couronnement de l'évolution, et par conséquent toute l'évolution… ne s'est produite que pour assurer l'avènement du terme supérieur et final, non pas l'homme mais l'esprit… (Entre savoir et croire – p. 245.)

… Puisse chaque home se souvenir que la destinée de l'humanité est incomparable et dépend en grande partie de sa volonté de collaborer à l'œuvre transcendante…

Puisse-t-il surtout ne pas oublier que l'étincelle divine est en lui, en lui seul, et qu'il est libre de la mépriser, de l'étouffer ou de se rapprocher de Dieu par son ardeur à travailler avec Lui et pour Lui.

L'Homme et sa Destinée – p.436-437.

Phần 1: chương 1 2 3 **4** | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | **Phần 2**: chương **1** 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

PHẦN THỨ HAI:
HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

*

Học thuyết viễn đích của Lecomte du Noüy sẽ được trình bày dưới 4 đề mục:

1– Phê bình và nhận định về khoa học.

2– Khảo luận về thuyết tiến hóa.

3– Chủ thuyết của Lecomte du Noüy: Viễn đích luận.

4– Những nhận định của Lecomte du Noüy về nhân tình thế thái theo nhãn quang viễn đích.

I.– Phần nhận xét về khoa học rất quan hệ để xây dựng học thuyết của Ông, vì nếu ta chấp nhận học thuyết vạn năng, và chỉ có khoa học mới đưa ta đến chân lý, thì ta không còn được quyền chấp nhận một giáo thuyết, hay một triết thuyết nào khác. Thực vậy, chủ trương khoa học đã quá rõ ràng:

Vạn sự, vạn vật do vật chất sinh, nhờ những sự cấu kết giữa các vi tử, nguyên tử, phân tử (định luật hóa học), biến chuyển, biến thiên vì tác dụng, phản ứng với ngoại giới, động tĩnh bất thường (định luật lý học, cơ học). Mọi sự xảy ra là ngẫu nhiên, ngẫu hứng (hasard), chứ không có thần quyền, thần lực nào điều động, an bài hết.

Ngược lại, nếu ta chứng minh được rằng tuy khoa học đem lại nhiều thành quả tốt đẹp về kỹ thuật về vật chất cho nhân loại, nhưng khoa học còn thiếu sót rất nhiều, và những kiến văn, kiến thức của con người còn như muối bỏ bể, trước một vũ trụ quần sinh đầy bí ẩn, và vô cùng phong phú, thì những học thuyết mới mẻ để giải thích vũ trụ vẫn hết sức cần thiết.

Bao giờ cũng như bao giờ, phải đả phá cái lòng tự túc, tự mãn nơi con người, mới có thể mở mắt cho họ thấy những chân trời mới được.

II.– Phần khảo luận về học thuyết tiến hóa cũng rất quan trọng, vì Lecomte du Noüy đã dựa vào những dữ kiện khoa học, cổ sinh vật học, địa chất học và các lý thuyết giải thích tiến hóa, để xây dựng học thuyết của Ông. Nếu chúng ta không biết đầu đuôi, những cái hay cái dở của thuyết này, thì không hiểu được học thuyết viễn đích của Ông.

Thuyết viễn đích của Ông ví như một tòa lâu đài, mà sự tiến hóa vũ trụ quần sinh là nền móng, con người hiện tại là những tầng lớp đang được xây lên, mà con người hoàn hảo trong tương lai xa thẳm là chóp nóc sẽ được thực hiện sau này. Tất cả đều được tạo dựng xây cất theo hoạ đồ và sự điều khiển của Hóa công. Cho nên nếu ta không trình bày thuyết tiến hóa, thì cũng như cho xem một vài phòng ốc, khi

lâu đài đã được xây cao, như vậy sẽ mất hết lý thú.

III.– Khi nắm vững được hai phần trên, thì phần học thuyết của Lecomte du Noüy trở nên tự nhiên, ta có thể tự mình suy ra được, cùng với các hậu quả đa đoan của nó.

Phần chủ thuyết của Lecomte du Noüy thực ra rất giản dị, ông chỉ có ý minh chứng rằng cuộc đời biến ảo, không phải là những bức tranh vân cẩu hợp tan vô ý, vô tình, thân phận con người không phải là bình bồng hoa trôi bèo dạt, nhưng cuộc tiến hóa có một mục đích thâm viễn; và con người ngày nay tuy còn lận đận, lao lung trên những đoạn đường gian khổ, nhưng ngày sau con người sẽ tiến tới tinh hoa, tiến tới hoàn thiện, nếu con người ý thức được sứ mạng, được định mạng và được nhân phẩm, nhân cách cao siêu của mình.

Lecomte du Noüy trước sau chỉ muốn cho ta nhận chân rằng từ hàng bao tỉ năm tới nay, vũ trụ và quần sinh tiến hóa chỉ có mục đích là dọn đường đưa tới con người, và ngày nay con người đang tiến hóa, biến thiên, nhưng không còn phải ở trên những bình diện xác thân vật chất nữa, mà đã đổi hướng xoay chiều đi dần vào hướng lý trí, tâm tình, để một ngày xa xăm nào đó trong tương lai, sẽ tiến tới giai đoạn tâm linh, thần nhân, tối hậu.

IV. – Mỗi học thuyết đều đưa cho ta một vũ trụ quan, một nhân sinh quan, và ít nhiều tiêu chuẩn để đoán định giá trị.

Cho nên chúng ta cũng nên ghi lại một vài cảm nghĩ của Lecomte du Noüy về đạo giáo, về thế thái nhân tình dưới nhãn quan viễn đích, những cảm nghĩ này sẽ được toát lược nơi chương 4.

oOo

Chương 1

Phê bình và nhận định về khoa học [1]

Tiết 1

Giá trị tương đối của khoa học

Theo Lecomte du Noüy, khoa học chỉ có giá trị tương đối.

Khoa học dùng lý trí giác quan và dụng cụ để tìm hiểu vũ trụ, để tiên tri tiên đoán. [2]

Những hình ảnh, những ý niệm mà khoa học có về vũ trụ, tuy được mọi người kiểm chứng và công nhận, nhưng chúng vẫn không phải là những hình ảnh hoàn toàn chân xác của thực tại. [3]

Vì sao ? Vì các sự kiện tuy được mệnh danh là khoa học, không hoàn toàn khách quan và vẫn chứa đầy yếu tố nhân loại. Nói cách khác nếu không có con người thâu thập nhận xét thì chẳng làm gì có hiện tượng khoa học. [4]

Hơn nữa những hình ảnh, mà nhờ giác quan, ta có về thực tại, xưa kia tưởng là hay đúng, nay trở thành vu vơ lạc lỏng, vì những dụng cụ, máy móc tối tân đã cho ta những hình ảnh khác lạ, mới mẻ.

Một lưỡi dao bào, ta tưởng phẳng phiu, nhưng soi vào kính hiển vi, ta thấy nó lởm chởm lồi lõm y như bờ bể xứ Bretagne trên bản đồ. [5]

Mặt bàn phẳng phiu nhẵn thín trước mắt nhân loại, trở nên lổn nhổn như đàn ruồi dưới mắt kính hiển

vi. [6]

Tóm lại, mỗi khi ta đổi tầm nhìn lối xét, thì thực tại bên ngoài lại một phen thay đổi bóng hình. [7]

Trước ta tưởng vũ trụ liên tục, vật chất liên tục, ánh sáng liên tục, năng lực liên tục, tới nay nhờ công trình Max Planck, Louis de Broglie và Schrödinger, mới hay cái gì cũng gián đoạn, cũng trở thành vi tử, vi trần, xa xôi cách trở chẳng liền nhau. [8]

Ta tin tưởng rằng các hiện tượng liên tục, và có mạch lạc nhịp nhàng, thứ tự hẳn hoi, nhưng nhìn sâu vào đáy lòng vật chất, ta mới hay vi tử vi trần triển chuyển phản phúc, vô cùng tự do thác loạn. [9]

Ta tưởng đã biết hết vũ trụ, nhưng thực ra chưa hiểu, chưa biết được là bao, bởi vì muốn hiểu vũ trụ, trước phải tái tạo được vũ trụ. Như vậy, theo như lời Vico, chỉ có Ông Trời mới hiểu thực biết, còn chúng ta nói đúng ra mới là chớm hiểu, chớm hay. [10]

Cho nên khi đề cập đến những chân lý khoa học, ta phải hiểu đó chỉ là những chân lý tương đối.

Không làm gì có chân lý khoa học tuyệt đối. Nói rằng nhờ khoa học ta tới được chân lý tuyệt đối là một điều phi lý. [11]

Mục đích của khoa học là tìm hiểu.

Muốn tìm hiểu một hiện tượng phúc tạp, ta theo phương châm của Descartes: [12] tháo gỡ cắt chặt dần dần cho tới những hiện tượng đơn thuần, quen thuộc.

Nhưng những hiện tượng đơn thuần quen thuộc mà chúng ta đã tháo gỡ, đã tìm ra được như «sức hấp dẫn», như «hấp lực của tĩnh điện» thực ra đối với chúng ta cũng vẫn còn đầy nghi vấn, đầy kỳ bí. Chúng ta biết chúng là biết vậy gọi là, y như những khách qua đường đối với thanh thế người hành khất mù thường gặp bên cầu, có vậy thôi. [13]

Khoa học phân tách để đi tìm căn do, nhưng câu chuyện đi tìm căn do thường nhiêu khê, khúc mắc.

Ta có thể phiêu lưu từ phạm vi này sang phạm vi khác, càng đi càng bỡ ngỡ, càng phân tách càng làm vương, làm đứt nhiều mạch lạc; cuối cùng ta quên đến cả lối về, không còn biết chủ đích lúc ban sơ của mình là gì nữa. [14]

Ví dụ một học giả muốn nghiên cứu về các định luật chi phối xã hội loài người. Muốn cho cẩn thận, muốn hiểu quần chúng cho thấu đáo, ông đi tìm hiểu tâm lý cá nhân, và như vậy đã mặc nhiên bước vào một lãnh vực mới. Nhưng ông thấy muốn hiểu tâm lý, cần phải học về cơ thể con người, học về sinh lý, ông quay ra nghiên cứu cơ thể con người. Bước sang phạm vi mới này, ông lại gặp nhiều thắc mắc và cảm thấy cần phải học hỏi về hóa học sinh vật, hóa học hữu cơ, và cứ thế dần dà khảo sát đến những vi tử, vi trần đến những, yếu tố cơ bản của vật chất là dương điện tử, âm điện tử, trung hòa tử v.v... [15]

Nhưng đã đến bước này rồi thì y như gương vỡ bình tan, không còn biết chắp nối hàn gắn làm sao cho nên trạng thái cũ. [16] Nhìn vào các phân tử điện tử không còn thấy chút bóng dáng nào của những vấn đề chính trị xã hội, hay tâm lý quần chúng mà ông định tìm hiểu lúc ban đầu.

Và chúng ta cũng không trực tiếp quan sát được điện tử, chúng ta chỉ phỏng đoán sự hiện diện của chúng trong những phòng thí nghiệm tối tân của Wilson, của Crookes, của Millikan, trong khi chúng va chạm gặp gỡ các phân tử dầu, nước hay huỳnh quang, hoặc qua trung gian những luồng năng lực chúng phát tiết ra. [17]

Thành thử, điện tử không phải là một khám phá trực tiếp của kinh nghiệm mà chính là thành quả do lý trí cấu tạo nên, dựa vào những ảnh hưởng, những tác dụng được kiểm nhận. [18]

Thế là, ở bình diện điện tử, vi tử, sự hiểu biết của con người đối với vũ trụ hoàn toàn chủ quan. [19]

Cho nên có thể nói được rằng, vũ trụ hữu hình này sở dĩ có, là do con người, do giác quan, trí óc, tâm hồn con người tạo ra. Thực vậy, bất kỳ hiện tượng nào trong vũ trụ, cũng phải có sự đóng góp của giác quan, của tâm trí ta, mới thành hình. [20]

Cái thế giới đầy kỳ bí, đầy nghi vấn mà lý trí, tâm thần ta tạo dựng nên, từ những yếu tố do tấm gương méo mó không chính xác của ngũ quan ta cung cấp, cái thế giới nhân tạo ấy chẳng rõ nó có đáp ứng phù hợp thế nào với thế giới vô thanh, vô xú, với thế giới chân thực, khách quan. [21]

Chỉ biết rằng, khi tâm thần ta tiếp xúc gặp gỡ thế giới ấy, tức thời phát sinh ra cả một vũ trụ huy hoàng. [22] Ta có thể mượn lời thơ của Rostand mà nói lên rằng:

«Tâm ta hỡi, tâm thần ta hỡi,

Nhờ có ngươi, mà cảnh vật mới như nay.» [23]

Chúng ta sống toàn với ảo giác, ảo tưởng. Nếu ảo giác, ảo tưởng ấy tồn tại và được mọi người công nhận, chúng sẽ trở thành thực tế. Khoa học vì có công thống nhất các ảo tưởng ấy cũng trở thành khoa học thực tế luôn. [24]

Suy cho cùng, thì cái biết của khoa học rất tương đối, nông cạn.

Chúng ta thực sự chẳng hiểu rõ vũ trụ đã sinh ra như thế nào, vạn vật đã tiến hóa ra sao, ta cũng chẳng hiểu vật chất là gì, cũng chẳng rõ cách thức nảy mầm, nảy mộng của một hạt giống đã diễn biến ra sao. [25]

...Khoa học ngày nay đang sa lầy trước muôn vàn nghi vấn. Muốn hiểu biết chính xác về vũ trụ, hiện nay chúng ta cần phải có những nhà bác học vừa biết quan sát, biết thí nghiệm, vừa biết quán xuyến các bộ môn khoa học, toán học, sinh lý học, triết học; chúng ta cần có những con người vừa học thức uyên thâm, vừa thông minh, thành khẩn, vừa giàu tưởng tượng, để tháo gỡ những mâu thuẫn khoa học hiện đang mắc phải. [26]

Học rộng biết nhiều, mà lòng vẫn tự do khinh khoát, như vậy mới tạo lập được giả thuyết. [27]

Mà lập giả thuyết, tức là cố gắng tìm ra mạch lạc, nghĩa lý của đất trời.

Tiết 2
Những thất bại của khoa học

A)- Ngẫu nhiên không giải thích được sự xuất hiện của sự sống. - Chứng minh toán học.

Sau khi chứng minh khoa học chỉ có giá trị tương đối, Lecomte du Noüy đề cập tới một vấn đề hết sức quan trọng là sự xuất hiện của sự sống.

Ông dùng toán xác suất chứng minh ngẫu nhiên không thể nào sinh ra được sinh cơ, sinh vật. Ta nên nhớ các nhà khoa học duy vật chối bỏ Thượng Đế, và cho rằng:

a)- Trong vũ trụ chỉ nguyên có vật chất;

b)- Định luật vật chất chi phối vũ trụ;

c)- Còn sinh cơ, sinh vật thì ngẫu nhiên mà sinh hóa, không có thánh thần nào tạo dựng cả; vũ trụ y như là một sòng bạc lớn lao, và trong suốt thời gian vô tận, cái may gì cũng có thể xẩy ra.

Lecomte du Noüy dựa vào toán xác xuất mà trả lời:

Đã đành với thời gian cái gì cũng có thể xảy ra, nhưng chúng ta không nên hàm hồ. Thời gian vũ trụ không phải vô cùng tận, mà chúng ta đã đoán được giới hạn, cũng như khối lượng của vũ trụ không phải vô cùng, mà nay ta đã ước lượng được khoảng bao nhiêu. [28]

Chúng ta biết: vũ trụ mới có khoảng 10^{11} (trăm tỉ) năm.

Mặt trời mới có khoảng 5.10^{9} năm nay hoặc 10^{10} năm nay (năm hoặc mười tỉ năm)

Lịch sử trái đất mới có khoảng chừng 2.10^{9} năm (hai tỉ năm).

Nhưng theo toán xác suất, thì với khối lượng vật chất của trái đất như nay, cái may để sinh ra một phân tử protéin giản dị hết sức (ví dụ có phân tử lượng là 20.000, có một số nguyên tử là 2.000) chỉ có thể xảy ra một lần trong mỗi 10^{243} tỉ năm. [29] Cái may sinh ra được một tế bào sống chỉ có thể xảy ra một lần trong $10^{2.000.000.000.000}$ lần. [30]

Đó là những con số vượt quá sức tưởng tượng của loài người vạn vạn triệu triệu lần, nếu ta nhớ rằng tất cả vi trần trong vũ trụ mới đạt được con số:

2×10^{79} theo Eddington. [31]

và lịch sử thề giới này mới có là

2×10^{9} năm

hoặc 2×10^{17} giây đồng hồ. [32]

Muốn hình dung những con số khủng khiếp ấy, tưởng ta nên nhớ câu chuyện thượng thư Sissa Ben Dahir bày ra phép chơi cờ tướng dâng vua Ấn Độ. Nhà vua muốn thưởng công. Ông thượng Dahir chỉ xin ô đầu một hạt thóc, ô hai 2 hạt, ô ba 4 hạt, cứ thế gấp đôi lên cho đủ 64 ô cờ vua. Vua thấy dễ quá nhưng đến lúc tính ra thì thấy tất cả là 18.446.744.073.709.551.615 hạt thóc và nếu một hộc lúa có 5.000.000 hạt lúa, thì vua phải thưởng cho ông 4.000 tỉ hộc lúa, tức là một số lúa mì mà cả thế giới sản xuất 2.000 năm, với một mức sản xuất hàng năm là 2 triệu hộc lúa [33] mà con số lúa này viết theo lối lũy thừa chỉ có là 264–1, nhỏ nhoi không nghĩa lý gì đối với những con số khổng lồ trên.

Vậy thì chủ trương rằng vũ trụ ngẫu nhiên sinh ra được một tế bào sống đại loại nó cũng hữu lý và đáng tin như câu chuyện giả tưởng «khỉ đánh máy» sau đây của nhà bác học Borel.

«Ví dụ có một triệu con khỉ đánh bừa bịt trên một triệu máy chữ mười giờ mỗi ngày, ròng rã một năm trường.

Những người coi khỉ, hoàn toàn mù chữ, chỉ có việc thu những trang đánh máy ấy lại rồi đóng thành tập. Một năm sau, dở ra coi, thì thấy những tập «khỉ đánh» ấy lại là những bản sao chính xác của các loại sách, thuộc mọi thứ tiếng, hiện được tàng trữ trong những thư viện lớn nhất hoàn cầu. [34]

Nếu ta tin được câu chuyện khỉ đánh máy «hú hoạ» mà thành đủ loại văn chương thi phú như trên, thì ta mới có thể tin được câu chuyện tế bào sinh vật tự nhiên mà có. [35]

B- Các định luật lý-hóa vật chất không đủ để giải thích các hiện tượng sinh lý.

I.- Nguyên lý: dương tiêu âm trưởng của Carnot không giải thích được các hiện tượng sinh lý.

Các nhà khoa học duy vật cho rằng toàn thể vũ trụ được chi phối bởi nguyên lý Carnot. [36] Theo nguyên lý này thì hoạt lực càng ngày càng tiêu hao, cho nên vạn vật chỉ có thể tiến theo một chiều duy nhất là từ thịnh đến suy, từ động đến tĩnh, từ nóng đến lạnh. [37]

Nguyên lý Carnot rất quan hệ trong khoa học, tưởng nên quảng diễn thêm.

Chúng ta tự hỏi vật chất tiến hóa có tuân theo một định tắc nào không? Chúng biến thiên có theo chiều hướng nào không? Có tìm ra được mạch lạc giữa các hiện tượng biến hóa liên tiếp không? Nói cách khác, có chìa khóa nào giúp ta dựa vào sự khảo sát dĩ vãng mà mở được cửa tương lai không? [38]

Thưa có:

Đó là nguyên lý thứ II về nhiệt lực học của Carnot Clausius. [39] Nguyên lý này đại khái như sau:

Năng lực chỉ có thể tác dụng khi biến động tức là khi gặp một sự chênh lệch (gây nên bởi địa thế, nồng độ, mật độ, nhiệt độ v.v...)

Nói cách khác, muốn biến thiên chuyển dịch, cần mất thế thăng bằng, cần sự chênh lệch.

Càng mất thăng bằng càng chênh lệch, càng biến thiên, càng tác động mạnh. Một động lực khi đã biến thiên tác dụng, không thể tự nhiên mà phục hồi được phong thái nguyên thủy.

Nó chỉ có thể tiêu hao, suy giảm dần trong khi đối tượng nó là hư lực ngày một tăng. [40]

Ta có thể so sánh nguyên lý Carnot–Clausius [41] với nguyên lý Dịch kinh: «Dương tiêu, âm trưởng.»

Nguyên lý này cũng làm cho ta liên tưởng đến hình ảnh sông Hoàng Hà qua những lời thơ của Lý Thái Bạch:

Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai,
Bôn lưu đảo hải bất phục hồi...
Anh chẳng thấy Hoàng Hà nước nọ,
Tự trên trời chảy đổ ra khơi.
Ra khơi thôi thế là thôi,
Về nguồn trở lại có đời nào đâu.
(Trần Trọng Kim, Đường thi, trang 97)

Nguyên lý Carnot chi phối cuộc tiến hóa vật chất và cho thấy rằng hoạt lực trong vũ trụ ngày một suy giảm tiêu hao, và cuộc biến thiên là một sự kiện dĩ nhiên của trời đất. [42]

Nhờ nguyên lý này, mà sự tiến hóa trước kia là một khái niệm trực giác, nay không còn tính cách triết học và suy cứu nữa, mà trở thành một định lý cơ bản phổ quát xây nền đắp tảng cho tất cả khoa học về vật chất của chúng ta. [43]

Theo nguyên lý này, thì vạn vật hữu hình biến thiên, dần dà sẽ đi đến suy vong, đốn mạt vì động lực, hoạt lực ngày một tiêu, tĩnh lực, hư lực ngày một tăng.

Vũ trụ có ngày sẽ tận số, khi sức cùng lực kiệt và sẽ tận số trong tĩnh mịch, lạnh lẽo tuyệt đối. [44]

Boltzmann dựa vào toán xác suất suy thêm rằng: Như vậy thì sự tiến hóa càng ngày càng đi đến những trạng thái lưng chừng dễ biết dễ đoán.

Mới đầu, khi sung túc thì hung hăng muôn vẻ.

Sau dần dà khi đã suy vi, thì phờ phạc, ù lì, đồng phân, đồng lực, và ngừng nghỉ trong lạnh lẽo. [45]

Nhờ nguyên lý II về nhiệt lực ta có bằng chứng là thế giới vô cơ, thế giới vật chất đã có khởi điểm, và sẽ tiếp tục tiến hóa một cách có mạch lạc và có chiều hướng nhất định, từ động đến tĩnh, từ phiền tạp đến đơn giản, từ cao tới thấp, từ nóng tới lạnh. [46]

Tuy nhiên, ta không thể nói như các nhà duy vật được rằng, trong trời đất chỉ có một cách tiến hóa này, bằng chứng là:

1)- Trong thế giới vi tử, vi trần, các chuyển vận đều phản phúc, bất định. [47]

2)- Thế giới sinh linh có thịnh có suy như ta sẽ chứng minh, chứ không phải luôn suy vi như định lý Carnot đã tiên đoán. [48]

Cứ theo nguyên lý Carnot, thì không thể nào ngờ được rằng trong vũ trụ vật chất lại có thể có sinh linh phát hiện.

Không thể nói được rằng vũ trụ vật chất là chính yếu, vĩnh cửu, còn vũ trụ sinh linh là biến động, bất kỳ, nhất thời, nhất đán, bởi vì nếu là biến động bất kỳ sao lại cứ xảy ra liên tục mạch lạc cho tới ngày nay. [49]

Ngược lại, ta có thể chủ trương vũ trụ vật chất chỉ là giai đoạn chuẩn bị cho vũ trụ sinh linh.

Sự tiến hóa vật chất chỉ là giai đoạn mở màn, mà cuộc tiến hóa sinh linh mới là chính yếu. [50]

Dẫu sao sinh linh cũng đã phát hiện, đã tiến hóa, mà lại tiến hóa theo một chiều hướng ngược hẳn với vật chất vì ngày một thêm tân kỳ, khó lường khó đoán, ngày một thêm phong phú linh động; chứ không đi đến chỗ ù lì, suy đốn như nguyên lý Carnot đã đoán định. [51]

Khảo sát các tế bào sống ta thấy chúng không trần trần một chiều, một hướng, mà sinh hoạt có chu kỳ, lúc suy lúc thịnh, vừa lệ thuộc thời gian vì có sống có chết, vừa thoát vòng cương tỏa thời gian vì có con cháu nối dòng. [52] Rồi đến sinh linh thì thời gian đã cho thấy biết bao là biến ảo thần kỳ...

II- Toán xác suất của Gibbs-Boltzmann không áp dụng được vào phạm vi sinh lý [53]

Trước hết, nên nhắc lại toán xác suất (calcul de probabilité) đã được áp dụng rất sâu rộng trong khoa học để tìm ra các định luật vật chất chi phối đa số.

Toán xác suất cốt là để tiên tri, tiên đoán những hiện tượng bất ý, bất kỳ có thể xảy ra trong quần sinh, quần vật. [54]

Toán xác suất:

- Chỉ cần biết đại đa số không cần biết cá nhân. [55]
- Coi mọi sự mọi vật như những con số; không hơn không kém.

Toán xác suất chủ trương:

- Mọi sự đều loạn động, vô ý, vô tình. [56]
- Bất kỳ cái gì cũng có thể xảy ra, chỉ là chuyện dễ với khó, hoạ hiếm hay thông thường có vậy thôi.

[57]

Theo Boltzmann, thì kết quả của toán xác suất cũng tương đương như kết quả của định luật Carnot. Cả hai đều cho thấy vũ trụ biến thiên theo một chiều hướng:

- Từ nan tri, nan trắc đến dị tri, dị đoán, từ kỳ dị đến thông thường.
- Từ những cơ cấu chênh lệch bất đối xứng, đến những cơ cấu đồng đều, đối xứng.
- Từ linh động đến ù lì v.v... [58]

Nhưng, khảo về sinh cơ, sinh vật, ta thấy toán xác suất không áp dụng vào phạm vi sinh lý được.

Lý do:

1)- Sinh cơ càng ngày càng trở nên phong phú, linh động bất đối xứng, ngược lại với chủ trương của toán xác suất. [59]

2)- Muốn áp dụng toán xác suất hay phương pháp thống kê, cần phải có những yếu tố tương đương, đồng nhất. Đàng này, tế bào nào cũng gồm nhiều yếu tố khác nhau, nào nhân, nào nhiễm sắc, nào tế bào chất v.v... [60]

3)- Toán xác suất chỉ áp dụng cho đại đa số, những con số khổng lồ; nhưng ở nơi sinh cơ, thiểu số lại trở nên quan hệ:

Mỗi di tử (gènes) chỉ nhỏ bằng lối 0,01 micron cube và chỉ mang trong mình dăm ba đại phân tử protéin, cũng đủ gây ảnh hưởng lớn lao đến giống nòi. Chính vì thế mà toán xác suất mất hết linh nghiệm. [61]

4)- Toán xác suất không ứng dụng cho sinh cơ, vì tế bào sinh cơ tuy phức tạp nhưng có mạch lạc tổ chức, chứ không loạn động như một hỗn hợp không khí. [62]

5)- Một lý do khác làm cho khoa thống kê Gibbs-Boltzmann không hoàn toàn áp dụng được vào sinh cơ, sinh vật, là vì xác suất không được đếm xỉa đến giá trị cá nhân, cá thể và coi tất cả đều là những con số như nhau, cá mè một lứa như nhau, nhưng khi ta quan sát cuộc tiến hóa sinh linh, ta đã thấy cá vật, cá nhân đóng vai trò rất quan hệ là hướng dẫn cuộc tiến hóa. [63]

Tóm lại, toán thống kê của Gibbs-Boltzmann, ứng dụng rất hay cho trường hợp những hột, những hạt, [64] những tử vật, [65] có thể tiên đoán được số nhà cháy trong năm, [66] ước lượng được số lãi lời của những người có cổ phần hùn vốn vào các công ty bảo hiểm, [67] nhưng không áp dụng được vào các hiện tượng sinh lý. [68]

Cũng như nó đã không áp dụng được vào thế giới của «hoạt lực phân tử», hay thế giới của điện tử, giang sơn hoạt động của các loại thống kê mới như:

Thống kê Bose-Einstein [69]

Thống kê Pauli-Fermi [70]

III. - Các định luật lý hóa không đủ để giải thích các hiện tượng sinh lý.

Khảo sát tế bào ta thấy có thịnh, suy, sinh, tử, [71] có trả có vay với hoàn cảnh; thiên biến vạn hóa [72] càng ngày càng thêm phong phú, bất đối xứng, [73] và nhất là có thể phân thân, có thể sinh hóa ra được những con cháu đại loại như mình. [74] Những hiện tượng ấy thường đi ngược lại với những dự đoán

khoa học.

Định luật nhiệt lực dẫu cắt nghĩa được sự xuất tinh của tế bào, nhưng không giải thích được sự xuất hiện của nhân tế bào, và những đặc tính sinh hóa của tế bào. [75]

- Cuộc sống thăng trầm suy thịnh của tế bào không phải chỉ lệ thuộc vào định luật Van't Hoff, nói cách khác, không phải chỉ tùy thuộc ở thời tiết bên ngoài. [76]

- Tế bào sống biết vay trả đối với hoàn cảnh, biết ăn uống biến hóa. [77]

- Chúng hấp thụ ngoại chất, phân hóa ngoại chất bằng nhiều loại đi-át (phân hóa tố), hay men. [78]

- Biến hóa được ngoại chất thành sinh chất, sinh cơ thành những phân tử protéin để tải bồi cho cơ thể. [79]

- Nó chế hóa được nhiều chất rất phức tạp như diệp lục tố. [80]

- Có lắm tế bào vi trùng lại sản xuất được những chất độc tố ghê hồn. [81]

- Có tế bào, lúc sống có một điện trở rất cao, nhưng chết đi là hết. [82]

- Có tế bào thì sống dai hết sức. Dẫu làm cho khô queo rồi chết cóng ở 270^0 dưới 0^0 chúng vẫn có thể sống lại, nếu được sưởi ấm và cho vào nước. [83]

- Có lắm tế bào vi trùng lại rất linh động như loại spirochète. [84]

- Tất cả những sự kiện trên cho thấy tế bào sống khác hẳn với:

- Những tinh thể vật chất.

- Những tế bào nhân tạo của Leduc.

Vì nơi tế bào nhân tạo, cũng như tinh thể vật chất chỉ thấy những hiện tượng tập hợp hay ly tan chứ không hề thấy những hiện tượng biến hóa. [85]

Tóm lại, bao lâu tế bào còn sống, thì những định luật vật chất, định luật lý hóa áp dụng, nhưng chỉ áp dụng được một phần nào. Một khi tế bào trở về cõi chết, nó mới hoàn toàn bị chi phối bởi các định luật vật chất, lý hóa. [86]

Đằng khác, đứng về phương diện hóa học, sự tổ hợp vật chất không thể cắt nghĩa được sự sống.

Không thể nói như ông Langevin rằng tới một trình độ tổ chức phiền tạp nào đó, sự sống sẽ phát sinh.

Thực ra không phải tổ hợp, tổ chức phức tạp, nhưng mà chính là những tổ chức vừa phức tạp, vừa có hệ thống mạch lạc, tiết tấu, điều hòa mới phát sinh được các đặc tính của tế bào. [87]

Lời giải thích của Ông Langevin cũng đại loại như những lời giải thích suông của người xưa: «Nha phiến làm cho ngủ vì nha phiến có hiệu lực làm cho ngủ.» [88]

Lời giải thích của Langevin cũng tương tự như lời giải thích của lý thuyết «đột khởi», «đột hiện». Lý thuyết này chủ trương rằng sự sống hay tư tưởng là những đặc tính đột khởi, đột hiện từ những tổ hợp vật chất. [89]

Nếu người ta chấp nhận sự đột khởi, đột hiện, thì người ta không thể bình bác. Sáng chế ký hay các lời giải thích của đạo giáo bằng những lý cứ được nữa, mà toàn vì lý do tình cảm mà thôi. [90]

Thế tức là các nguyên lý, các định luật lý hóa không giải thích được sự xuất hiện cũng như hoạt động của sinh cơ sinh vật. [91]

Khoa thống kê áp dụng cho vật chất, cho tử vật không hoàn toàn áp dụng được với sinh linh. [92]

Các định luật vật chất không hoàn toàn chi phối được sinh linh, sinh lý. Thế nghĩa là gì? Chẳng lẽ vũ trụ không nhất nguyên duy vật mà lại nhị nguyên sao?

Có thể nhị nguyên nhị lý là một biểu hiện sự hèn kém của trí não ta, mà cũng có thể nhất nguyên là một huyền thoại. Cho đến nay, chúng ta chưa có những chứng cứ hẳn hoi để quyết đoán một cách khoa học. [93]

Tiết 3

Chấp nhận Thượng Đế là một thái độ khoa học

Sau khi cân nhắc kỹ càng và thấy khoa học đã thất bại không chứng minh được là vật chất đã sinh tinh thần, ngẫu nhiên đã sinh ra được sự sống, Lecomte du Noüy cho rằng chấp nhận «phản ngẫu nhiên», hay Thượng Đế là một thái độ hết sức khoa học, để giải thích sự phát minh và tiến hóa của sinh linh. [94]

Lecomte du Noüy ngao ngán khi thấy đứng trước hai giả thuyết cùng không thể chứng minh: một giả thuyết có thể cắt nghĩa được hết nhưng lại không theo đường lối khoa học, một giả thuyết không thể cắt nghĩa được gì, mà có ít nhiều nhà bác học vẫn chọn giả thuyết thứ hai. [95]

oOo

TỔNG KẾT

Tóm lại khoa học cho chúng ta những kiến thức hữu hạn về quan hệ, mạch lạc giữa ít nhiều cơ cấu bên ngoài. [96]

Ta biết được, là nhờ những phản ứng giác quan khi đối cảnh. [97]

Nhưng ta không biết bản thể, bản tính của những cơ cấu ấy. Ta chỉ hình dung mường tượng chúng qua trung gian những phản ứng sinh lý chủ quan. [98]

Ta chưa minh định được sự cách biệt giữa sống chết, giải thích được khởi nguyên của sự sống, thấu đáo được then chốt biến hóa. [99]

Cách đây năm mươi năm, ta tưởng chỉ cần một khoảng thời gian ngắn nữa là có thể giải thích được mọi nghi vấn, ngày nay ta tiến bộ hơn vì đã biết thú nhận sự dốt nát: ta biết ta còn chưa biết, chưa thông. [100]

Khoa học chưa gạt bỏ nổi giả thuyết Thượng Đế.

Thành khẩn mà nói, chẳng những chúng ta vẫn phải cuộc có Trời như Pascal, ma chúng ta còn có nhiều biện chứng, nhiều lý cứ hơn để mà cuộc có Trời. [101]

Khoa học tiến bộ nhiều. Nhưng khoa học ngày nay đã được xây dựng trên thi hài vô số lý thuyết lỗi thời, vô số ảo ảnh, nên mỗi khi muốn nhân khoa học mà suy đoán ra những quan điểm triết học nhân sinh, ta phải hết sức thận trọng. [102]

Nếu ta chấp nhận khoa vật lý tân tiến hiện tại, ta không thể nào còn coi đời như một máy móc; và

ngay chữ duy vật cũng đã đổi nghĩa vì điện tử, nền tảng vật chất, lại không có khối lượng vật chất khi ở thế tĩnh lãng bất động. [103]

Về phương diện nhân sinh, khoa học thực sự đã đem lại rất nhiều tiện nghi mới mẻ cho đời sống. [104]

Nhưng khoa học không cải thiện được đời sống tâm thần con người. [105]

Trái lại văn minh vật chất kỹ thuật đã sinh ra những nếp sống giả tạo, phù phiếm, hoàn toàn lệ thuộc ngoại cảnh. [106]

Hơn thế nữa, các tiến bộ khoa học còn bị các chính thể độc tài khai thác lợi dụng, để chế phục và nô lệ hóa con người. [107]

Trước những lầm lỗi của quá vãng, và viễn tượng không mấy tốt đẹp về tương lai, ngày nay chúng ta không nên mảng lo tăng thêm mãi tiện nghi cho đời sống, mà hãy lo chống đỡ cho ngôi nhà hương hỏa đang định sập đổ. [108]

Chúng ta cần hướng về tương lai để đào tạo nên một lớp thanh niên mới, giầu ý tưởng, không bị những chủ nghĩa giả dối lường gạt, một lớp thanh niên hùng mạnh vì đã hấp thụ được một nền khoa học tinh thuần, biết tôn trọng thiên chức và bảo tồn được ngọn đuốc thiêng đang bị đe doạ, để trao lại cho những thế hệ sau ngọn đuốc thiêng ấy. [109]

CHÚ THÍCH

[1] Cf. L'Homme devant la science

Cf. L'Homme et sa Destinée – Chap I, II, III, IV.

Cf. Entre savoir et croire.

Chap. Les images de la science – p.127

Chap. Notre univers et son univers – p.155

Chap. L'homme devant la science – p.203

[2] Le fondement de la science c'est essentiellement l'étrange besoin d'unifier qui caractérise l'esprit humain. Le but de la science, c'est de comprendre et de prévoir.

L'Homme devant la Science – page 28.

[3] Nous ignorons le monde en soi; nous ne le connaissons qu'à travers les réactions humaines. Notre seule réalité prend sa source en nous. Il n'y a pas de différence spécifique entre l'hallucination collective d'un groupe de spectateurs auquel le fakir hindou impose une certaine impression sensorielle … et cette autre hallucination collective que nous appelons notre science. (Entre savoir et croire – page 150.)

… Ce que Mariani présente sous le nom de «principe de subjectivité», c'est la fait que cette image ne correspond qu'approximativement à la réalité. – Ib. page 18.

[4] Toute donée scientifique comporte nécessairement un élément essentiel; le facteur humain. – Ib. page 27.

… Comme le fait remarquer Eddington, c'est la loi inexorable de nos relations avec le monde extérieur

que ce qui se présente à notre connaissance soit déformé par le processus même de la connaissance. – Ib. p. 20

… Il est impossible de concevoir le fait scientifique ou le phénomène en debors de la présence de l'homme. – Ib. p. 20.

… L'absence de l'homme, l'univers n'a plus ni forme, ni couleur. – Ib. p.47.

[5] Une lame de rasoir, vue au microscope, est bien loin de nous fournir l'image de la ligne droite que l'œil nu nous révèle. Cette ligne ressemble beaucoup plus à celle qui représent les côtes de Bretagne sur une carte à grande échelle. – Ib. page 23.

Cf. L'Homme devant la Science – page 23.

[6] … Comme le dit Eddington: «Au lieu d'être une substance solide ma table ressemble plutôt à un essaim de moucherons.» – Ib. page 23.

[7] … En d'autres termes, on peut dire que du point de vue de l'homme c'est l'échelle d'observation qui crée le phénomène. (L'Homme et sa Destinée – page 41.)

[8] … Cependent la notion (de continuité) persiste et nous est indispensable, bien que la science, petit à petit depuis le début du XIXe siècle se soit efforcé avec succès à démontrer la nature granulaire de tout notre univers, c'est-à-dire à contredire nos sens et notre bon sens. Après la matière ce fut le tour de l'électricité granulaire également, puis celui de l'énergie elle-même, avec les admirables travaux de Planck.

Ib. page 24 – 24

[9] … Et la base de la science est la foi dans la continuité des phénomènes et l'harmonie de leur enchaînement. Faute de cette confiance dans ce que nous appelons l'ordre de la nature, et qui, nous le verrons bientôt, repose sur un désonrdre absolu, nos lois humaines n'auraient plus aucun sens. (Ib. page 30.)

… Quand on analyse un phénomène quelconque gouverné par une de nos lois physico-chimiques ou en arrive toujours à la même conclusion. A la base, un désordre absolu, au moyen duquel nous parvenons grâce au calcul de probabilités, à prévoir l'enchaînement des phénomènes et leur harmonie – L'ordre à notre échelle naît donc du désordre. (Ib. page 62.)

[10] … «Le critère du vrai est donc d'être fait…»

… Connaître l'univers, ce serait l'avoir fait. Aussi Dieu est-il seul à posséder cette connaissance; nous-mêmes, nous ne pouvons en avoir que la conscience. (Ib. page 33.)

[11] Il n'y a pas de vérité scientifique au sens absolu. «Ad veritatem per scientiam» est une absurdité.

L'Homme devant la Science, page 31.

[12] Critérium de Descartes. – L'Homme devant la Science, page 28.

[13] En effet d'une part les phénomènes élémentaires auxquels nous arrivons (gravitation, attraction électrostatique etc…) comportent une grande partie de mystère, et seule leur ubiquité et leur familiarité nous donnent l'impression que nous les entendons. Nous les connaissons au sens où nous connaissons l'aveugle du Pont de l'Art. – L'Homme devant la Science, page 41-42.

[14] Ib. page 45.

[15] Ib. page 44.

[16] Ib. page 44.

[17] Le premier contact entre le «moi» et la nature, c'est-à-dire la première réaction subjective a lieu grâce aux effets de ces corpuscules, soit par suite de leur rencontre individuelle avec des éléments plus complexes capable d'être perçus directement (molécules de vapeur d'eau dans l'expérience de Wilson, molécules fluorescents dans l'expérience du spinthariscope de Crookes, gouttelettes d'huile dans l'expérience de Millikan), soit par suite de l'énergie radiée par un nombre immense d'entre eux (spectre, raies de Balmer, diffraction etc …) – Ib. page 46.

[18] On ne peut pas dire que l'électron soit un résultat direct de l'expérience: c'est une cause déduite de certains effets, grâce à un processus mental très complexe. (Ib. page 46.)

[19] A partir de ce moment, notre connaissance de l'univers devient entièrement subjective. (Ib. page 46.)

[20] L'absence de l'homme, l'univers n'a plus ni forme ni couleur… Le phénomène de notre monde, les objets de notre connaissance disparaissent. Il ne reste plus qu'un univers morne, silencieux, et obscur. (Ib. page 47.)

[21] Nous ignorons tout, et nous ignorerons toujours tous les rapports entre l'univers plein d'hypothèses et de mystères que nous avons bâti grâce à notre logique et à notre génie au moyen des éléments fournis par le miroir déformant de nos sens, et l'univers réel, incolore et silencieux. (Ib. page 65.)

[22] … Du choc entre lui et notre conscience est née la splendeur du monde. (Ib. page 65.)

[23] … Et l'on pourrait paraphraser le beau vers de Rostand et dire:

«O conscience, toi, sans qui les choses ne seraient que ce qu'elles sont.» Ib. page 65.

[24] … Nous vivons d'illusions. Nous avons vu que lorsque les illusions sont permanents et partagées par tous, elles constituent ce que nous appelons la réalité, et à ce point de vue, notre science qui tend à unifier ces illusions, est réelle. (Ib. page 65.)

[25] Nous ne comprenons pas la genèse de l'univers, ni l'évolution des être organisés, ni la matière, ni l'énergie, ni la théorie des quanta, ni la germination d'une graine. (Ib. page 65.)

[26] Ib. Page 72.

[27] Ib. Page 72-73.

[28] Tổng số vi trần vi tử trong vũ trụ = 2 x 1079 theo Eddington. Cf. L'Homme devant la Science – page 121.

… Mais, et c'est ici qu'intervient la notion de limite, nous devons nous souvenir que d'après nos connaissances actuelles la durée de l'univers est finie et que les estimations les plus dignes de foi (Milne, De Sitter, Lemaître, Eddington etc…) ne font pas remonter son début à plus de 1011 années (cent milliard). Le chiffre 1013 qui a été proposé ne semble plus cadrer avec les faits. D'autre part la terre ne semble pas avoir plus de 2 à 3x109 années d'existence (deux milliards d'années), d'après les calculs

basés sur la radioactivité. Enfin, elle n'a été refroidie au dessous de 1000 que depuis un temps encore plus court et la vie ne semble avoir apparu qu'il y a environ un milliard 200 millions d'années (1, 2. 109 ans). Par conséquent, tout phénomène qui exige pour son apparition par suite des seules lois du hasard, un temp hautement supérieur à ces chiffres est exclu de la réalité telle que nous la représente notre schéma de l'univers.

Entre savoir et croire, p. 86.

[29] Cf. L'Homme devant la Science – page 124-128-129.

… Nhưng trong trời đất, chất protéin thô sơ nhất, là chất ovalbumine, cũng có:

- phân tử lượng là 24500

- số nguyên tử là 4448

tức là phức tạp hơn nhiều. Các chất protéin khác phức tạp kinh khủng. Hémocyanine có phân tử lượng là 5.000.000; protéin cấu tạo nên virus có phân tử lượng to hơn 10.000.000.

Cf. Ib. page 124-128-129.

[30] Xem Cf. L'Homme devant la Science – page 143.

[31] Ib. trang 121

[32] Ib. trang 122. – Cf. Entre savoir et croire. Page 286-287.

[33] Xem G. Gamow, Un, deux, trois … l'infini, trang 8.

Con số lúa mì ấy viết theo lũy thừa là 264–1.

[34] «Concevons qu'on ait dressé un million de singes à frapper au hasard sur les touches d'une machine à écrire et que, sous la surveillance de contremaîtres illetrés, ces singes dactylographiques travaillent avec ardeur dix heures par jour avec un million de machines. Les contremaîtres illettrés rassembleraient les feuilles norcies et les relieraient en volumes. Et au bout d'un an, ces volumes se trouveraient renfermer la copie exacte des livres de toute nature et de toutes langues conservées dans les plus riches bibliothèques du monde.» – Ib. page 116.

[35] Nous retombons dans des miracles semblables à ceux des singes dactylographes qui s'expriment par une probabilité de l'ordre de 0-2.000.000.000.000 . Ib. page 143.

… Il est beaucoup plus simple de dire que, jusqu'à ce jour, nous n'avons pu fournir une seule explication scientifique de la vie ni de son apparition à la surface du globe. Ib. page 144

… Trong ca dao, ta cũng có những câu để chỉ những chuyện khó khăn không bao giờ xảy ra. Ví dụ:

Bao giờ rau diếp làm đình

Gỗ lim ăn ghém, thì mình lấy ta.

Bao giờ trạch đẻ ngọn đa

Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình…

[36] Rappelons que le Principe de Carnot traduit la tendance de l'énergie à se dégrader ou à se dissiper, ce qui entraîne une augmentation de l'entropie c'est-à-dire de l'extension spatiale de l'énergie au cours de ses transformations.

André Lamouche – La destinée humaine – Flammarion – page 49 Note 46

… Ta có thể dùng từ ngữ Dịch mà giải nguyên lý Carnot như sau:

Energie: Thực lực, Hoạt lực, Dương

Entropie: Hư lực, Tiềm lực, Âm

và ta tóm tắt nguyên lý này bằng mấy chữ

Hoạt lực giảm (Energie ↙)

Tiềm lực tăng (Entropie ↗)

Dương tiêu (Energie ↙)

Âm trưởng (Entropie ↗)

[37] L'énergie se dégrade et l'univers tend vers l'immobilité etc… – Ib. page 94.

… C'est cette marche à sens unique, toujours dans le sens de dégradation irréversible, qui justifie le nom de principe d'évolution par lequel on désigne souvent le second principe de Carnot. – Ib. page 95.

[38] … Et c'est dans ce sens qu'il est permis de se demander s'il existe dans la science moderne, une clé basée sur l'étude du passé, permettant d'ouvrir la porte du futur. (L'Avenir de l'Esprit page 58-59)

[39] Oui cette clé existe, elle fut initialement forgée par un des plus grands hommes de tous temps, Sadi Carnot, fils aîné de «l'Organisateur de la Victoire», né en 1796 et mort en 1882. – L'Avenir de l'Esprit, page 59.

[40] La quantité totale d'énergie reste le même; mais la quantité d'énergie qui ne peut plus tomber, qui a actteint son niveau infétieur – le loi pour la bille, le zéro absolu pour une source de chaleur, le niveau de la mer pour une rivière – ne peut plus accomplir de travail. L'univers évolue donc et c'est ici que le nom de «principe d'évolution» qui a donné au deuxième principe, prend son sens, vers une état final où aucune différence de niveau énergétique n'existera plus, c'est-à-dire vers le zéro absolu et l'immobilité universelle. Ce sera la fin de la matière et de toutes les radiations, la véritable mort des mondes. (L'Avenir de l'Esprit, page 64.)

[41] Lors de sa conversion en chaleur, il y a dégradation définitive de l'énergie. Cela implique pour le monde physique un sens d'évolution irréversible vers des états de moins en moins riches en énergie utilizable, en d'autres termes vers des états de moins en moins dissymétriques. Le processus en question a été nommé par Clausius, Entropie. (Entre savoir et croire, Intro. XXIII.)

[42] Le second principe de la thermodynamiqne du Principe de Carnot-Clausius est le seul principe d'évolution qui existe, c'est-à-dire, le seul qui ait pour conséquence la nécessité d'une évolution dans la domaine physico-chimique. (L'Avenir de l'Esprit, page 60.)

[43] Grâce à lui, par conséquent, la notion intuitive d'évolution a perdu son caractère spéculatif et philosophique pour devenir un théorème fondamental, universel sans lequel, tout l'édiffice de notre science de la matière chancelle et menace de s'écrouler. (L'Avenir de l'Esprit, page 60.)

[44] L'entropie exprime la tendance universelle vers le désordre. L'évolution de l'univers tend vers un état caractérisé par une homogénéité, une symétrie, une isotropie complète. Quand cet état sera atteint, aucun point de l'univers ne pourra se distiguer d'aucun autre puisqu'ils posséderont les mêmes propriétés.

Le temps et l'espace n'auront plus de signification. C'est dans ce sens qu'il faut entendre le mot désorrdre. A ce moment, l'équilibre parfait règnera, la température sera uniforme, l'entropie sera maxima. – L'Homme devant la Science, page 105.

[45] En empruntant donc à notre conception statistique des lois physico-chimiques la notion de probabilité… nous en arrivons à imaginer l'évolution de notre monde vers la nivellement ultime et le froid absolu comme le sort le plus probable qui l'attend… (L'Avenir de l'Esprit, page 66.)

[46] C'est le second principe de la thermodynamique, qui nous apporte en même temps la preuve que l'évolution de l'univers inorganique a commencé à un moment donné, continue et continuera de façon parfaitement cohérente et irréversible. (L'Avenir de l'Esprit, page 66-67.)

[47] Nous savons aujourd'hui que les éléments corpusculaires intra-atomiques… les prontons, les électrons, les neutrons, n'obéissent pas, autant que nous pouvons en juger, au principe de Carnot. – L'Avenir de l'Esprit, page 67.

[48] Le fait que… l'évolution biologique ne semble pas obéir à la loi-clé fondamentale de l'évolution inorganique nous intéresse seulement comme une indication que la science humaine, dans sa tentative d'unir les deux évolutions jusqu'ici fait faillite. (L'Homme et sa Destinée, page 95.)

[49] Nous sommes ainsi forcément conduits à un dilemme: ou bien il s'agit toujours d'accidents absolument négligeables dans l'immense évolution thermodynamique de l'univers, ce qui, malgré tout, est difficile à admetre en raison de la remarquable continuité des «accidents» successifs, tous dans la même sens («le sens interdit»). – L'Avenir de l'Esprit, page 69.

[50] Ou bien l'évolution thermodynamique malgré son universalité et sa grandeur écrasante, n'a été que le stade préparatoire à l'avènement de l'évolution biologique qui serait alors le phénomène principal vers lequel l'évolution énergétique tendait depuis le début, sans que les lois valables pour la matière inerte permissent de prévoir. (L'Avenir de l'Esprit, page 70.)

[51] La vie… semble avoir introduit quelque chose de nouveau qui n'existait pas auparavant, à savoir la création de dissymétries de plus en plus grandes incompatibles avec la principe de Carnot. (L'Avenir de l'Esprit, page 67).

… La thermodynamique de Carnot-Clausius nous apprend que tout système isolé tend vers l'homogène et le statique. La biologie nous apprend que la conjugaison de deux ou plusieurs systèmes est la source unique de toutes les nouveautés, de toutes les naissances. Les deux massages ne sont pas contradictoires, ils sont complémentaires. Un système isolé est un systèmes tué, il n'est pas étonnant de la voir évoluer en sens inverse des systèmes vivants.

Y Normand (Paris)

Cf. Science et Avenir No 237 Novembre 1966 p. 780.

[52] Apparition d'un système constituent un individu et soumis à un rythme cyclique.

L'Avenir de l'Esprit – page 136

[53] Cf. L'Avenir de l'Esprit – page 89-90.

[54] Le calcul de probabilité n'est autre que l'ensemble des règles qui permettent d'utiliser mathématiquement ce qu'on appelle les lois du hasard. (L'Homme et sa Destinée – page 68.)

[55] … La précision de ses lois … dépend du nombre de ces éléments et du désordre parfait de leurs mouvements. (L'Homme devant la Science – page 151.)

…lois des grands nombres. (Ib. page 149.)

… Les lois des grands nombres ne peuvent en aucun cas tenir compte des individus, des personnalités. (L'Homme devant la Science – page 71.)

[56] Il y a un postulat fundamental: les mouvements des molécules sont entièrement gouvernés par le hasard. En d'autres termes, il faut admettre le chaos complet, le movement absolument désordonné, pour que les lois statistiques précises puissent s'ensuivre… A la base un désordre absolu…

L'Homme devant la Science, page 62.

[57] Et d'abord définissons ce qu'on entend par la probabilité d'un évènement: C'est la proportion du nombre de cas favorables à un évènement au nombre total des possibilités, tous les cas possibles étant considérés comme probables. (L'Homme et sa Destinée, page 68.)

… Et ils répondent avec Hérodote et Amiel «Qu'on prodigue le temps, toute le possible arrive».

L'Homme devant la Science, page 9.

[58] L'un des grands succès de la science moderne a été de relier la loi fondamentale de Carnot-Clausius (appecléc aussi seconde loi de thermodynamique) clef de voûte de notre interprétation actuelle du monde inorganique, au calcul des probabilités. En effet le grand physicien Boltzmann démontra que l'évolution inorganique, irréversible, imposée par cette loi, correspond à une évolution vers des états de plus en plus probables caractérisés par une toujours croissante symétrie, par nivellement d'énergie. L'univers en conséquence, tend vers un équilibre où toutes les dissymétries encore existantes seront abolies, où tout mouvement sera arrêté et où règneront une obscurité totale et un froid absolu. Telle sera théoriquement la fin du monde. (L'Homme et sa Destinée, page 87.)

[59] Dans l'étude des manifestations les plus élémentaires non seulement de la vie mais des matériaux qui le composent nous nous heurtons à des créations des dissymétries. (L'Homme devant la Science, page 132.)

[60] Se poser la question suivante: Quelles étaient les probabilités quand les protéines ont été formées pour que par le seul jeu du hasard, une cellule apparaisse c'est se poser un faux problème, car jusqu'à preuve contraire, il n'est pas homogène… (L'Homme devant la Science, page 143.)

[61] … Au contraire, si les conditions expérimentales sont telle que le nombre d'éléments soit petit… la loi statistique n'est plus valuable… (L'Homme devant la Science, page 100.)

… Dès qu'on atteint des volumes de l'ordre de 1/10 è de micron cube qui ne sont probablement pas les plus petites dimensions de certains éléments cellulaires doués de propriétés spécifiques importantes, on tombe dans un domaine où les lois des grands nombres ne peuvent plus s'appliquer avec rigueur et où le rôle des fluctuations devient prépondérant. (Ib. page 102.)

[62] … Ce «désordre parfait» est absolument nécessaire pour que le calcul des probabilités puisse s'appliquer.. (Ib. page 151.)

… C'est de la coordination de la complexité que naissent les propriétés d'une cellule, et non de la complexité chaotique qui caractérise un mélange de gaz. (Ib. page 156.)

[63] De plus, dès qu'il s'agit d'êtres vivants, on ne peut négliger l'individu. Physiologiquement, pour les organismes les plus simples, physiologiquement et psychologiquement pour l'homme… Or, dans cet ensemble, l'individu joue un rôle primordial c'est toujours un ou quelques individus, en petit nombre par rapport à l'ensemble, qui orientent l'évolution dans un certain sens. Les fluctuations ne suffisent pas à expliquer les faits qualitativement; elles permettent seulement de concevoir que, quantitativement, ils ne sont pas impossibles.

Il faut donc en conclure une fois de plus que les lois statistiques macroscopiques (statistiques de Gibbs-Boltzmann) ne sont plus valables à l'échelle des êtres organisés. (Ib. page 161.)

[64] … Statistique maccroscopique (Ib. 152)

… Statistique des grains (Ib. page 153)

… Statistique de Gibbs-Boltzmann qui… donne des résultats remarquables… (Ib. page 153)… dans le cas des molécules ou des grains de matière (Ib. page 152)

[65] Croire qu'on pourra rendre compte des phénomèmes biologiques en général, et de l'évolution des êtres organisés en utilisant les principes et les mêmes calculs que pour l'estimation du nombre des maisons qui bruleront ou de la pression d'un gaz dans une enceinte est un acte de foi. (Ib.page 159)

[66] Cùng chú thích [65] trên đây.

[67] Les problèmes de la vie sont tout de même plus multiples que ceux du calcul des primes et des dividendes aux actionnaires. (Ib. page 159.)

[68] Il faut donc en conclure une fois de plus que les lois statistiques macroscopiques (statistiques de Gibbs-Boltzmaan) ne sont plus valables à l'échelle des êtres organisés. (Ib. page 161.)

[69] Mais si nous essayons d'appliquer cette statistique des grains au domaine du rayonnement électromagnétique (photons), elle nous conduit, avec le principe de l'équipartition de l'énergie, à la loi rayonnement de Wien qui est, on le sait, contredite par l'expérience.

Il faut donc avoir recours, à une autre statistique, connue sous le nom de statistique de Bose-Einstein … on suppose alors que les éléments ainsi classés sont deux «énergies moléculaires» et non plus deux objets. (Ib. page 153.) (Bose là tên nhà bác học Ấn độ S. N. Bose)

[70] Le satistique de Pauli Fermi (statistique des énergies électroniques). (Ib. page 154.)

[71] Apparition d'un système fermé, sinon isolé, individuel et limité dans le temps; il naît et il meurt. (Ib.133)

[72] Nécessité pour ce système de vivre au détriment du milieu environnant, ce qui entraîne l'assimilation et la déssassimilation… (Ib. 133)

[73] Création d'une dissymétrie nouvelle. (Ib.133)

[74] Possibilité pour ce système de créer, d'une façon ou d'une autre, un second système identique à lui-même. (Ib.133)

[75] … Si l'explication thermodynamique semble valable en ce qui concerne la fabrication d'une cellule, elle est incapable de rendre compte de l'apparition du noyau et des propriétés vitals de l'ensemble.

(Ib. 135.)

[76] … En effet nous allons constater que le cycle en question ou cycle qui, s'étend entre la naissance et la mort… est function de la température et soumise à la loi de Van't Hoff. Cette loi s'énonce de la façon suivante:

«Au voisinage de la température ordinaire une élévation de température de dix degrés centigrades suffit à doubler approximativement la vitesse d'une réaction chimique. (Ib. page 136.)

… Mais d'où vient qu'il y a cycle? (Ib. page 137.)

[77] Nécessité de ce système de vivre au détriment de milieu environnant, ce qui entraîne l'assimilation et la désassimilation. (Ib. 133.)

[78] La cellule vivante absorbe des produits différents de ceux qui la composent et les décompose, ou plus exactement les hydrolyse, au moyen des diastases, ou ferments solubles afin de pouvoir s'en nourrir. (Ib. 140.)

[79] C'est-à-dire qu'elle brice ces matériaux inutilisables comme tels, pour fabriquer, avec les fragments qui en résultent les molécules de protéine et autres qui constituent sa substance à elle. (Ib. 140.)

[80] Les cellules des plantes vertes par exemple, secrètent cette substance extraordinaire, le chlorophylle qui permet la fixation directe du carbone de l'air. (Ib. page 140)

[81] Les cellules microbiennes secrètent des toxines redoutables. (Ib. page 149)

[82] … Dans les cellules isolées de certaines algues des Bermudes, la résistance de part et d'autre de la «peau» de la cellule était haute – de 300 à 700 ohms – tant que celle-ci était en bonne santé. (Ib. page 141.)

[83] Les rotifères, micro-organisms très répandus, subissent sans dommage un dessèchement complet, puis peuvent être soumises à un froid de 2700 au-dessous de zéro – à trois degrés du zéro absolu – et reprennent ensuite toute leur activité et leur mobilité dès qu'on leur fournit à la température nécessaire, l'eau qui leur manquait. (Ib.140.)

[84] Les cellules microbiennes.. sont parfois douées de mouvements très différents explicables par les phénomènes capillaires: les spirochèles par exemple etc… (Ib.page 140.)

[85] ... En effet nous connaissons maints exemples de croissance dans le monde inorganisé: cristaux se développant au sein de leur eau mère, cellules artificielles de Leduc grandissant et empruntant les formes les plus diverses...

Dans le cas des cristaux, le problème est très simplifié; il n'y a pas de réaction chimique... En solution, les cristaux croissent et appauvrissant le milieu où ils baignent! Il n'y a pas d'assimilation, ni respiration, il y a chagement d'état réversible..

...Les cellules de Leduc représentent un phénomène bien plus complexe... Mais ici encore, il n'y a pas d'assimilation par digestion, il n'y a pas transformation par hydrolyse des molécules. (Ib. page 138-139.)

[86] ... En général, les lois de la chimie-physique, les lois statistiques s'appliquent, mais pas toujours sans restrictions curieuses et encore incompréhensibles. Or, dans tous les cas, ces reatrictions, ces

exceptions aux règles, ces infractions, parfois peu importantes, à nos lois, cessent d'exister dès que la cellule est morte... (Ib. page 141.)

[87] Je n'en veux pour preuve que ce passage de M. Langevin: «... le caractère individuel, en physique comme en biologie, est un caractère résultant de la complexité de sa structure... L'individu isolable et reconnaissable n'apparaît qu'à un certain degré de complexité...»

... Ce que l'auteur passe sous silence, c'est qu'il ne s'agit pas d'une complexité quelconque, mais organisée, et harmonieusement coordonée. C'est de la coordirnation de la complexité que naissent les propriétés d'une cellule et non de la complexité chaotique qui caractérise un mélange de gaz. (L'Homme devant la Science, page 156.)

[88] Les explications de M. Langevin suffisent peut-être à satisfaire sa curiosité intellectuelle, je doute qu'elles satisfassent tout le monde. Ce sont des constatations évidentes à posteriori qui rappellent «l'explication» célèbre des vertus soporifiques du pavot: «quia est in ipso virtus dormitiva» (Ib. 156)

[89] Ce qui surprend un peu c'est que M. Langevin ait adopté une attitude qui s'apparente étroitement à celles des partisans de la théorie de l'Emergence...

D'après elle, la vie et la pensée sont des propriétés émergentes de certains agrégats matériels (Ibid. 156)

[90] Et si l'on admet le principe des «commencements absolus» on ne peut plus opposer à la Genèse et aux explications fournies par les religions que des objections purement sentimentales et non des arguments. (Ib.page 157)

[91] ... Mais je ne me suis jamais dissimulé que si l'explication thermo-dynamique semble valuable en ce qui concerne la fabrication d'une cellule, elle est incapable de render de compte de l'apparition du noyau at des propriétés vitals de l'ensemble. (Ib. page 135)

[92] ... les lois statistiques microscopiques (statistique de Gibbs-Boltzmann) ne sont pas valables à l'échelle des êtres organisés. (Ib.page 161)

[93] On ne peut concevoir une dualité des lois sans incliner vers un dualisme indésirable. Il est possible que cette dualité n'exprime encore que l'infirmité de notre cerveau, comme il est possible que l'unité soit un mythe.

Les éléments rationnels que nous possédons sont insuffisants pour nous permettre une affirmation vraiment scientifique. (Ib. page 161)

[94] La probabilité pour qu'un «anti-hasard» soit intervene, est incomparablement plus grande que la probabilité contraire.

... Sur la base seule du calcul de probabilité, il ne semble pas possible, aujourd'hui, de se passer de l'hypothèse d'un «anti-hasard» Ceux qui n'admettent pas cette façon de voir, ne nous ont jusqu'à présent fourni en faveur de leur thèse que des arguments sentimentaux à l'exclusion totale de preuves scientifiques. (Ib.page 162)

[95] Entre deux hypothèses invérifiables, l'une qui explique tout, mais pas scientifiquement et l'autre qui n'explique rien, quelques savants n'hésitent pas. (Ib. page 150)

[96] ... Nous ne pouvons pas concevoir une science qui ne serait pas basée sur nos modes de pensée

et ceux-ci nous amènent à toucher du doigt une limitation absolue, inhérente à nous et à eux-mêmes.

Entre Savoir et Croire, page 149.

Les bénéfices les plus nets que nous ayons, en première analyse, retirés de la science pure, se soldent par une connaissance limitée des rapports entre certains mécanismes extérieurs à nous. (L'Homme devant la Science, page 228.)

[97] Ces rapports ne nous sont connus que par la succession de nos réactions aux phénomènes. (Ib. page 228)

[98] Nous savons que nous sommes totalement ignorants de la nature même de ces mécanismes, puisque nous ne pouvons les imaginer qu'en nous appuyant sur des réactions physiologiques subjectives. (Ib. page 228.)

[99] Nous sommes incapables... de définir la différence entre la vie et la mort, d'expliquer l'origine de la vie, de comprendre les mécanismes de l'évolution.

[100] Il y a un demi-siècle, la solution de ces problèmes e1tait considérée comme ne devant pas présenter de difficultés, et réclamer seulement un peu de temps. Bien des savants les traitaient comme déjà résolus. La preuve que nous progressé réellement resort de l'aveu de notre ignorance: nous savons que nous ne savons pas. (Ib. page 229)

[101] La science n'a pas réussi jusqu'à ce jour à éliminer l'hypothèse de «l'anti-hasard», qu'il est aussi simple d'appeler Dieu.

En toute honnêteté, nous sommes forcés de reconnaître que, non seulement nous nous trouvons ramenés au pari de Pascal, mais que si nous devions parier, nous aurions, en faveur du choix de Pascal lui même, plus d'arguments qu'il n'en avait. (Ib. page 229)

[102] Les progrès sont rapides, mais notre science d'aujourd'hui repose sur les cadavres de tant de théories périmées, de tant d'illusions, que la plus grande prudence s'impose dès qu'on tente une extrapolation philosophique. (Ib. page 237)

[103] Si l'on admet la réalité de la physique moderne, il faut abandonner complètement tout espoir d'interprétation mécanique. Le mot matérialisme lui-même a changé de sens, puisque l'électron, base de la matière, ne possède pas de masse matérielle, quand il est au repos. (Ib. page 237)

[104] La science a fait des pas de géant. Le confort, cette notion nouvelle, apparaît d'abord sous forme d'une fantaisie agréable. (Ib. page 225)

[105] ... La valeur intellectuelle ne va pas forcément de pair avec la valeur morale.

... Le diplôme de docteur ne garantit ni l'intelligence ni la moralité du récipiendaire. (Ib. page 232)

... Nous ne pouvons demander à la science d'élever le niveau moral de l'humanité. L'état actuel du monde démontre assez que c'est là une illusion... (Ib. page 240.)

... La science aboutit à satisfaire partiellement notre curiosité intellectuelle, à accroître notre confort, à diminuer nos souffrances physiques et à nous détruire de façon rapide... (L'Avenir de l'Esprit – Introduction, page 15.)

[106] Le confort, cette notion nouvelle, apparaît d'abord sous forme d'une fantaisie agréable. Peu à

peu, insensiblement, il devient une nécessité qui fait de nous ses esclaves. (Ib. page 225.)

... Le machinisme ne produit pas seulement de belles machines: il déforme l'humanité. (Ib. page 227.)

... et ainsi, pour la grande majorité des hommes, la vie, la véritable vie, passe à côté d'eux sans les toucher, et sans même qu'ils s'en aperçoivent. (Ib. page 227.)

[107] ... Certains progrès de la science appliqués sans discernement au gré... de gouvernements aveuglés par des concepts économiques primaires ne tiennent jamais compte de la nature de l'homme ni de son intérêt réel...

... de gouvernements conduits par des ambitions redoubtable qui ne peuvent se réaliser qu'au prix de mensonges exploités industriellement et qui comme en Russie aboutissent à l'esclavage. (Ib. page 228.)

[108] Il ne s'agit plus maintenant d'augmenter notre confort, mais de sauver la maison si péniblement édifiée, et dont les fondations sont ébranlées. (Ib. page 247.)

[109] Et cela impose la nécessité... de se tourner vers l'avenir et de modeler une jeunesse nouvelle, riche d'idéal, qui, libérée des impostures pseudo-philosophiques, forte d'une science pure de tout alliage et respectueuse de sa mission, saura transmettre à la génération suivante le flambeau menacé. (Ib. page 247.)

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | **Phần 2**: chương **1** 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | **Phần 2**: chương 1 **2** 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo

chương trước chương sau

PHẦN THỨ HAI:
HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

*

Chương 2
Cuộc tiến hóa vũ trụ quần sinh

There rolls the deep where grew the tree,

O earth, what changes thou hast seen.

There where the long streets roars, hath been

The stillness of the central sea.

ALFRED TENNYSON.

Cuộc đời dâu bể, bể dâu,

Xưa nay đã mấy cơ mầu biến thiên.

Nơi nay tấp nập thị triền,

Xưa kia quạnh quẽ im lìm biển sâu.

Tiết 1
Cuộc tiến hóa vũ trụ, và vật chất vô cơ

Sau khi đã phê bình khoa học, Lecomte du Noüy muốn bao quát cuộc tiến hóa vũ trụ, quần sinh, để tìm cho ra những mạch lạc, ý tứ khả dĩ nối kết và giải thích cuộc tiến hóa vĩ đại ấy.

Thoạt tiên, Ông như Walt Disney phác hoạ lại cho ta tất cả biến thiên của vũ trụ, kể lại cho ta nghe những giả thuyết, «những huyền thoại» về sự phát tích, khởi nguyên của vũ trụ và thái dương hệ. Những huyền thoại này không còn xuất sinh từ những mẹ hiền nơi thôn dã, hay từ những thánh cổ truyền, mà từ những nhà khoa học, nhà thiên văn đạo mạo như Laplace, Lemaître, Eddington, Faye Ligondès, Seeliger và Halm, Sée hay G.H. Darwin, Norman Lockyer, Arrhénius hay Belot. [1]

Ông cũng kể cho chúng ta nghe những phương pháp khoa học dùng để tính toán tuổi tác vũ trụ, của vừng dương và của trái đất.

1) Muốn ước lượng tuổi tác vũ trụ, các nhà bác học đo tốc độ tương ly của các giải ngân hà. [2]

2) Muốn ước lượng tuổi đất, các nhà bác học đã khảo cứu sự hủy hóa tự nhiên của các chất phóng xạ:

Uranium 238.

Actino Uranium 235.

Thorium T 232. [3]

Các kết quả trên cho ta thấy đại khái như sau:

1) Tuổi vũ trụ:

- Nhiều nhất là 10.000 tỉ năm (10^{13})

- Ít nhất là 10 tỉ năm (10^{10}) [4]

2) Tuổi mặt trời:

- Nhiều nhất là 5.000 tỉ năm (5.10^{12}).

- Ít nhất là 10 tỉ năm. [5]

3) Tuổi trái đất khoảng 2 tỉ năm (2.10^{9}). [6]

Lecomte du Noüy đưa những con số này ra không phải vô lý cớ:

Thâm ý của Ông là chứng minh vũ trụ có khởi thủy, và già lắm là mới được

10^{13} năm (10 nghìn tỉ năm).

Thế mà theo toán xác suất muốn có một phân tử protéin đơn giản ta cần phải có 10^{243} tỉ năm.

Như vậy nghĩa là đối với tuổi tác vũ trụ của ta, toán học đã chứng minh rằng ngẫu nhiên không đủ thì giờ mà sinh ra sinh cơ, sinh vật. [7]

Hai là, Ông muốn đi từ «tòng đầu» cuộc tiến hóa để rồi ra có thể tiên đoán về «tuyệt vĩ» cuộc tiến hóa mà không sợ sai lầm. [8]

Khảo về vũ trụ khởi nguyên, Lecomte du Noüy có những nhận xét như sau:

1) Vũ trụ đồng chất, đồng nguyên.

Dẫu là tinh vân, tinh tu, vi trùng, nguyên tử, khinh khí, nguyên tử Radium hay óc chất con người, tất cả đều được cấu tạo bằng những nguyên tố giống nhau, và trong mỗi nguyên tố, ta thấy có cùng những loại vi tử, vi trần: dương điện tử, âm điện tử, trung hòa tử v.v... [9]

2) Vũ trụ nguyên tử, phân tử, vũ trụ vật chất bị chi phối bởi nguyên lý Carnot dương tiêu âm trưởng, luôn suy vi tiêu hao; còn thế giới vi trần, vi tử thì triển chuyển phản trắc; thế giới sinh linh thì ngày càng trở lên sinh động, bất kỳ, bất trắc thì ngược hẳn với nguyên lý Carnot, tức là ngược lại hẳn với vật chất. [10]

Mà nếu cuộc tiến hóa sinh linh đi ngược chiều với cuộc tiến hóa vật chất như vậy, dĩ nhiên là để tiến tới thần linh siêu việt trong tương lai xa thẳm. [11]

3) Theo những lý thuyết mới nhất về vũ trụ thoát thai cho đến khi sinh thành ra giải ngân hà của chúng ta với triệu triệu vì sao thì cũng mất một thời gian lâu bằng từ khi có sinh vật đầu tiên cho đến khi có con người. [12]

Thế mới hay, con người tuy nhỏ nhưng cũng khó làm chẳng kém gì trời đất, và muốn rải rắc muôn tỉ tỉ

vì sao ra khắp hoàn vũ, cũng chỉ mất thỉ giờ bằng tác tạo nên một con người. [13]

Tiết 2
Cuộc tiến hóa sinh linh

A.- Cuộc tiến hóa sinh linh thật ly kỳ.

Có lẽ nó đã phát khởi từ một tỉ năm nay, [14] và theo Donald Culross Peattie, có lẽ quần sinh đã phát xuất từ những loại vi khuẩn hình đũa (Leptothrix). [15]

Rồi lần lượt các loại hải tảo thứ biếc [16] thứ xanh [17] đến các loại tam diệp trùng, [18] các loài cá mú, rùa giải, ếch nhái, rồng rắn, các loại cỏ hoa cây cối, chim muông; rốt ráo mới đến con người. [19]

Sự tiến hóa diễn biến qua những cá vật có những nét, những vẻ đặc thù, độc đáo, y như một bản nhạc được tấu lên nhờ những âm thanh riêng biệt, vang lên rồi lại bặt tăm, chỉ lưu lại chút dư âm phảng phất. [20]

Ta có thể nói được rằng cuộc tiến hóa dần dần như muốn thoát vòng kiểm tỏa thống kê, vẫn thường chi phối vũ trụ vô cơ, và sửa soạn cho sự xuất hiện của tự do con người. [21]

Hải tảo biếc thì sinh sôi bằng cách phân thân, như muốn trơ gan cùng tuế nguyệt và không muốn tiến hóa biến thiên. [22]

Đến hải tảo xanh thì đã sinh sôi theo phương thức âm dương phối ngẫu, [23] và nét đạm thanh sinh tử đã bắt đầu hiện kên trên bức tranh tang thương vân cẩu của đất trời. [24]

Từ đây sự tiến hóa đã khả quan vì ba sự kiện:

1) Âm dương phối ngẫu sinh đôi, thế tức là giòng giống được hưởng thụ cả về hai bên phụ mẫu; nên dễ bề thêm phong phú và tiến hóa. [25]

2) Có sinh tử, thì bức tranh đời mới dễ đổi, dễ thay, và sự mới mẻ, duyên dáng của quần sinh sẽ luôn luôn được khôi phục. [26]

3) Cá nhân bắt đầu có giá trị, và phương pháp thống kê áp dụng cho tử vật không còn công hiệu cho hoàn toàn như xưa nữa. [27]

Ta có thể nói được rằng cuộc tiến hóa một ngày như một muốn vươn lên cho đến chỗ tân kỳ, ảo diệu. [28]

Từ chỗ ù lì, dị tri, dị đoán của vật chất, cuộc tiến hóa bước dần vào thế giới sinh linh, và càng ngày càng trở nên ảo diệu, nan tri, nan trắc, để tiến tới con người khinh khoát, tự do...

Lần theo đà tiến hóa sinh linh, ta thấy mỗi loài có thời thịnh, thời suy.

Như thời Cambien (Cambrien) là thời hoàng kim của những sinh vật không xương sống ở dưới biển. [29]

Thời thạch thán (Cabonifères) là thời kỳ những ếch nhái hai xứ hai quê, xưng bá xưng hùng. [30]

Thời thạch thán cũng là thời muôn hoa đua nở. [31]

Cuối thời thạch thán là thời kỳ hương phấn của các loại khủng long độc xà. [32]

Bước sang đệ tam thời đại, các loài muông thú mới khai nguyên kỳ thống trị. [33]

Ngày nay là vận hội cho con người xây đắp mơ hoa, mộng đẹp. [34]

Caullery viết: «Ngay từ thời Algon, từ thời tối cổ, sự sống đã đạt được một trình độ phân biệt chuyên hóa chẳng kém gì ngày nay; người ta có thể nói ngay từ thuở ấy, những nét đại cương về cuộc tiến hóa đã được phác hoạ xong...» [35]

Cuộc tiến hóa như vậy đã kéo dài 1000 triệu năm nay, mà lạ lùng thay 500 triệu năm trong tổng số đó đã dành cho côn trùng! [36]

Các loại muông thú mới xuất hiện từ 200 triệu năm nay. [37]

Còn chúng ta mới bước vào sân khấu đời khoảng 100.000 năm thôi: [38]

Đại cuộc hóa sinh 24 tiếng.

Con người mới hưởng một giây rưỡi. [39]

ĐỒNG HỒ SINH HÓA [40]

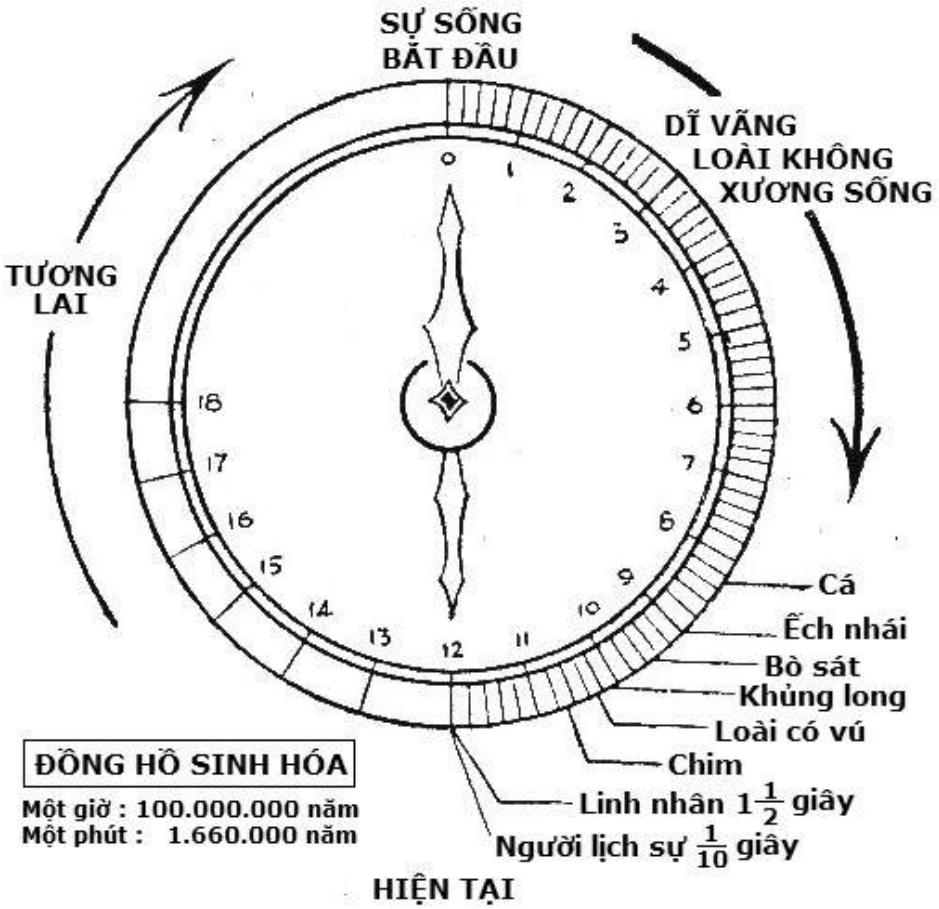

B- Cuộc tiến hóa sinh vật còn đầy bí ẩn

Nếu quan sát chiêm nghiệm, ai cũng phải nhận có tiến hóa, nhưng ý niệm tiến hóa thực phức tạp vô

cùng. [41]

Mỗi khi ta tìm được sự kiện mới mẻ để chứng minh tiến hóa, thì hàng trăm nghi vấn khác lại mọc lên, những bằng chứng mới về sự dốt nát mù mờ của ta lại xuất hiện. [42]

Cứ theo nguyên lý «nhiệt lực tiệm suy» của Carnot thì không thể nào ngờ được rằng trong lòng vũ trụ vật chất lại có được thế giới sinh linh. [43]

Mà sinh linh đã phát hiện, đã tiến hóa theo một chiều hướng ngược hẳn với định luật vật chất, vì một ngày một thêm tân kỳ phong phú khó lường, khó đoán chứ không dần dần đi đến chỗ ù lì suy đốn như nguyên lý Carnot đã đoán định. [44]

Duy vật không cắt nghĩa được sự phát hiện của sinh vật.

Và không thể nói sinh vật chỉ là một số biến cố nhất thời của vũ trụ vật chất, một biến cố ngẫu nhiên, vô ý, vô tình, vô định, không đáng kể.

Không! Quần sinh không thể là một biến cố ngẫu nhiên, và biến cố ngẫu nhiên không thể liên tiếp xảy ra trong hàng ngàn triệu năm có lớp lang thứ tự, chiều hướng hẳn hoi được. [45]

Chúng ta phỏng đoán rằng khi trái đất vừa nguội đủ, thì sinh vật xuất hiện. [46]

Nhưng chúng ta không biết sinh vật phát xuất từ đâu, từ đáy biển [47] hay từ ven biển [48] từ những sinh chất vô định hình [49] hay từ những tế bào có tổ chức [50] từ thảo [51] hay từ trùng. [52]

Và cứ hình trạng bên ngoài ta cũng không biết thế nào là thảo, thế nào là trùng, vì thoạt kỳ thủy những hải tảo tế vi như loại rong song chiên cũng bơi cũng lội, cũng như có đuôi, có mắt và cũng phập phồng như có hô hấp. [53]

Chúng ta phải căn cứ vào tiêu chuẩn sinh hóa bên trong để phân biệt:

Trùng có hồng huyết tố. [54]

Thảo có diệp lục tố. [55]

Diệp lục tố, hồng huyết tố tuy cấu tạo cũng tương đương nhau, nhưng diệp lục tố thì ở giữa có magnésium, hồng huyết tố thì ở giữa có sắt. [56]

Thế là ngoài thì giống nhau, mà trong đã phân kỳ ghê gớm: mới hay chia phôi mầm mống ở bên trong.

Rắc rối hơn nữa là máu của ít sinh vật nhỏ lại co một huyết sắc tố phức tạp ở giữa có đồng. Thực là ly kỳ bí ẩn. [57]

Ta chưa biết theo cách thức nào mà một sinh vật tối sơ, một vi khuẩn không nhân biến thành một tế bào có nhân rồi lại sinh ra được một tổ hợp tế bào, hoạt động được vì ích lợi chung, trở thành một cá thể. [58]

Câu hỏi này cũng không thể trả lời được y như hai câu vấn nạn đã nêu ra trước:

a) – Sự sống phát hiện nhờ đâu?

b) – Phân tử protein nguyên thủy làm sao đã có? [59]

Những tiến hóa từ thời Tiền cam thực lạ lùng kỳ bí.

Có nhiều điểm làm chúng ta suy nghĩ nát óc cũng không ra. Ví dụ:

1) - Những «cộng bào» không có tế bào làm sao tiến tới những thực vật có tế bào? [60]

2) - Nhân tế bào làm sao phát sinh? [61]

3) - Sự sinh sản vô tính làm sao chuyển sang sự sinh sản hữu tính? [62]

4) - Trong những sinh vật đơn bào làm sao thực hiện được mọi hoạt động sinh lý? [63]

5) - Những hoạt động sinh lý này làm sao chuyển sang được nơi sinh vật đa bào? [64]

6) - Các tế bào làm sao mà càng ngày càng chuyên hóa? [65]

7) - Làm sao tổng hợp được diệp lục tố, hồng huyết tố, thanh huyết tố ? [66]

8) - Con mắt làm sao xuất sinh được ? [67]

9) - Làm sao sinh ra mai, ra vỏ, ra đốt, nơi loài tôm cua ? v.v... [68]

Tất cả những vấn đề này đã được giải quyết, cách đây 500 triệu năm. Vào cuối thời kỳ «Cam biên», và có lẽ còn trước nữa, tất cả những cơ cấu nòng cốt của cuộc tiến hóa đã sinh ra những sinh vật lạ lùng phức tạp, thiên hình vạn trạng hoàn toàn thích ứng với ngoại cảnh và có những hoạt động sinh lý y thức như ở nơi sinh vật ngày nay. [69]

Thế mà tiến hóa vẫn tiếp diễn càng ngày càng thêm tinh tế phức tạp. [70]

Biết bao thí nghiệm đã được thực hiện. [71]

Biết bao nhiêu loài đã biến đi, y như thiên nhiên muốn xóa bỏ những lỗi lầm. [72]

Nhưng nhiều loài vẫn tồn tại và cuối cùng loài người xuất hiện. [73]

Có một điều lạ là cứ theo các chứng cớ cổ sinh vật học, thì mỗi loài mới xuất hiện thường «bột biến bột phát» và có đủ ngay mọi đặc điểm tân kỳ; nên không sao kết luận được nó tự loài nào sinh ra, từ ông thủy tổ nào bắt xuống, cũng như liên lạc thế giới nào với các loài đã có trước. [74]

Depéret nói: «Phần đông các loài động vật chính yếu đã xuất hiện chẳng có mạch lạc gì với nhau về phương diện sinh vật học.» [75]

Ví dụ, ta không biết cá nào là thủy tổ những loài cá có xương sống? [76]

Sinh vật có xương sống xuất hiện từ đâu, ở biển trước, hay ở đất trước? [77]

Loài ếch nhái từ cá hóa ra, hay từ loài nào mà sinh xuất? [78]

Loài bò sát giòng giõi, tông tộc ra sao, mà con thì có vây vĩ đại, như khủng long, con thì có mai cứng rắn, như qui giải? [79]

Loài chim từ đâu tới, làm sao tự nhiên lông cánh lại mọc ra? [80]

Muông thú do loài nào sinh? [81]

Chắc không do loài bò sát vì loài bò sát xuất hiện xấp xỉ đồng thời; chắc không do loài ếch nhái hay loài cá, vì hố ngăn cách đôi bên quá sâu rộng. [82]

Chúng ta cũng không tìm ra được những con vật trung gian. [83]

Những con vật trung gian chuyển tiếp đã tìm ra được như con dực thủ long (ptérodactyle), con thủy tổ điểu (archéoptérix) chưa thể đại diện được cho tất cả những mắt xích, những con vật trung gian mà nay không còn. [84]

Và con thủy tổ điểu không đủ để cắt nghĩa sự chuyển hóa từ loài rắn đến loài chim, vì cứ theo đúng thuyết tiến hóa, thì lông cánh phải sinh ra ngay nơi sinh vật lớn, đó là một chuyện quái đản. Hơn nữa một đôi cánh, một bộ lông không thể sinh ra trong một ngày, một năm, mà phải phát xuất dần dà trong vòng hàng triệu năm, vậy thì trong thời gian chờ đợi ấy, nó có ích gì cho cuộc đấu tranh; và nếu không có ích gì cho cuộc đấu tranh, làm sao có thể tồn tại? [85]

Người ta cũng không biết tại sao rắn có máu lạnh, chim lại có máu nóng. [86]

Hơn nữa, ngay đến vấn đề thủy tổ loài người là loài nào, chúng ta cũng chưa tìm ra được. [87]

Thành khẩn mà nói, có muôn vàn vấn đề, muôn vàn thắc mắc, không làm sao giải thích được.

Caullery viết: «Các sinh vật đột nhiên xuất hiện mà không sao tìm được những mắt xích nối liền nó với tổ tiên.

«Mỗi loài xuất hiện ra là đã có mọi tính chất đặc thù, chuyên biệt. Chúng ta phải nhận chân rằng chẳng những không tìm được những loài trung gian, chuyển tiếp, mà cũng không làm sao liên kết loài mới vào được với loài cũ.» [88]

Lecomte du Noüy viết: «Nếu chúng ta lưu tâm đến sự dốt nát của chúng ta, nếu chúng ta cân nhắc một cách thành khẩn sự dốt nát ấy, thì chúng ta phải đi đến kết luận kỳ dị này là niềm tin của chúng ta về cuộc tiến hóa trong giai đoạn này có thể nói được là thuộc về trực giác, siêu hình, hơn là khoa học. Và có lẽ điều nhận xét này cũng chẳng làm cho học thuyết tiến hóa mất uy tín chút nào.» [89]

C.- Phương tiện khảo sát của chúng ta còn có nhiều khuyết điểm.

Chúng ta nhờ khoa cổ sinh vật học, địa chất học để có những sự kiện giúp ta tìm ra mối tương quan giữa các chủng loại, các mắt xích, các nấc thang trong cuộc sinh hóa. Nhưng các khoa học này chưa thập phần hoàn bị.

Riêng về sự hóa thạch của các vật, ta cũng thấy thực khó khăn và hãn hữu.

Sự hóa thạch chỉ có thể thực hiện trong ít nhiều trường hợp đặc biệt sau đây:

1)- Hoặc là vì một tai biến tự nhiên nào, mà sinh vật bị táng sống, bị chôn vùi trong những lớp đất đá khô kín. Nhờ vậy mà xương cốt mới còn nguyên vẹn. [90]

2)- Hoặc là sinh vật, côn trùng đã thác trong những nước có nhiều chất vôi, nên hình hài bị thấm vôi, hóa đá. [91]

3)- Hoặc là bị tẩm, bị vùi trong lạp phách, đó là một xác ướp xác thần kỳ hơn cả phép ướp xác Ai Cập. [92]

4)- Hoặc là bị chôn vùi trong các mỏ than. [93]

Công cuộc đi tìm lại các vết tích sinh vật xa xưa thực cũng rất nhiêu khê và đầy may rủi.

Ta tìm ra di hài các cổ sinh vật trong các tầng đất, tầng núi, trong các hầm mỏ, hoặc lòng sông, đáy biển, hoặc là tìm ra các vết tích còn di lưu trên đất đá. [94]

Tuy nhiên mặt đất thì bao la, trùng dương thì man mác nào ai đã dò cho xong, cho thấu. [95]

Biết bao sinh vật chết đi mà không hề lưu lại dấu vết; biết bao tầng đất đã xóa nhòa hết mọi vết tích sinh linh, hiện nay im lìm như quên khuấy hết quá vãng. [96]

6)- Hơn nữa có nhiều sinh vật cổ sơ sống từ những thời đại xa xăm, ta tưởng là đã chết biệt tăm, biệt tích, thì hiện nay vẫn còn sống sót trong một vài hoang đảo, để rồi ngẫu nhiên lại được khai sinh nhờ các cuộc thám hiểm. [97]

Những sự ước lượng của địa chất học, về tuổi tác đất đai cũng đại cương, đại khái như vậy. [98]

Ta chỉ nên thu thập những nét chính yếu đại cương, chứ đừng quan tâm đến chi ly, tiểu tiết. [99]

Các thời kỳ tiến hóa được phân định một cách nhân tạo.

Tất cả có 60 thời kỳ chính, dựa trên:

- Những biến dạng của sinh vật.
- Những biến dạng của đất đai. [100]

Riêng nguyên đại đệ tam chiếm 20 thời kỳ (có lẽ gần thì ta coi trọng mà xa thì ta coi khinh). [101]

Tiêu chuẩn để ấn định thời gian vắn dài dựa trên lớp đất dày hay mỏng. [102]

Nhờ phương pháp này, nhà địa chất học Mỹ Dana đã ước lượng:

Đệ nhất nguyên đại 75% [103]

Đệ nhị nguyên đại 18, 7% [104]

Đệ tam nguyên đại 6, 2% [105]

Và cũng nên nhớ rằng những tài liệu, những chứng cứ thâu lượm được về cuộc tiến hóa, là những sự kiện đã thâu lượm được một cách rời rạc, lẻ tẻ đó đây, và còn vô số thiếu sót, chứ nào ai đã đào được cả các tầng đất trong thiên hạ, đã dò được hết đáy biển lòng sông để tìm cho ra hết các dấu vết sinh linh trên một khoảng thời gian 1000 triệu năm trường được. [106]

Một nhà khoa học ngày nay viết về cuộc tiến hóa cũng y thức như một nhà văn viết về dã sử. Nhà khoa học không thể nào tìm được sự chính xác trong mọi chi tiết, nhưng chỉ cốt gợi ra một ý niệm khái quát về cuộc phiêu lưu kỳ bí, vĩ đại của trời đất và của quần sinh. [107]

D.- Các thuyết tiến hóa – Tổng luận.

Thuyết tiến hóa được thành hình nhờ sự đóng góp của nhiều bác học, danh nhân như:

- Lamarck với thuyết biến dịch.
- Darwin với thuyết tiến hóa.
- Spencer và Hœckel với công trình phổ biến học thuyết
- De Vries với thuyết sậu biến (mutationnisme).
- Mendel, Weissmann, Morgan, và Spemann với công trình thuyết minh huyền cơ di truyền chủng tính.
- Tuy nhiên, cho tới nay, học thuyết tiến hóa cũng chưa hoàn hảo. [108]

Ta có thể tóm tắt những nhận định của nhà bác học Lecomte du Noüy và của giáo sư Caullery về thuyết tiến hóa như sau:

Chúng ta không biết sự sống đã phát xuất tự bao giờ, chỉ biết nó đã diễn biến từ một quá vãng xa xăm mù mịt mà khoa địa chất học và lý học ước lượng là một tỉ năm nay. Nếu sánh với 6.000 năm sáng thế ký thực đã là trời vực. [109]

Ta chẳng biết gì về những sinh vật đầu tiên, cũng như sân khấu đầu tiên đã chứng kiến những màn đầu của tấn tuồng tiến hóa, vì những tầng đất từ thời Tiền Cam hầu như chẳng còn lưu lại được vết tích gì. [110]

Ta không nắm được trong tay hết các trang, các giòng của cuốn lịch sử tiến hóa quần sinh; bất quá, ta chỉ có được một vài trang vài đoạn rời rạc, và dẫu ta có thiện chí đến đâu, ta cũng chẳng thám hiểm được tất cả hang hốc, núi non, sông biển trong thiên hạ, và nhiều chủng loại đã rút lui khỏi sân khấu đờ mà không hề lưu lại dấu vết; hơn nữa xương cốt loài vật chỉ được tồn tại trong những biến cố đặc biệt, những trường hợp đặc biệt. Cho nên, nay ta chỉ có một trong muôn ngàn những dấu vết xa xưa. [111]

Chính vì vậy mà tất cả các ý niệm của ta về cuộc tiến hóa chẳng những chỉ là những ý niệm khái quát, đại cương, mà còn có thể nói được là phần nhiều đã sinh ra nhờ trực giác, nhờ suy luận hơn là nhờ những chứng cứ cụ thể đã tìm thấy. [112]

Khảo cứu cổ sinh vật, ta chỉ thấy những biến dạng, mà không thấy được nguyên hình. Mỗi khi ta gặp một loài nào, là ta đã thấy chúng khoác bộ mặt hóa trang của thời gian, không gian, mà không còn biết nguyên ủy, gốc gác của chúng ra sao. [113]

Các loài các giống, tuy ta đoán là chúng cùng một gốc phát sinh, nhưng khi gặp gỡ chúng trên những lớp nham thạch, ta đã thấy chúng xa xôi khác lạ, gàng quải, chia phôi; còn các mắt xích, các trạng thái giao liên chuyển tiếp hầu như đã biến mất hết. [114] Mặc cho ta đào bới, hỏi han, thời gian và núi non, đất cát vẫn vô tình im hơi lặng tiếng, chôn vùi những ẩn tình, ấn tích vào lòng sâu quá vãng.

Ta ngỡ rằng các loài xa xưa đã biến dạng như hoa trôi, bèo giạt trên làn sóng thời gian, hoặc xưa và nay đã trở thành hai thái cực. Nhưng không, nếu ta khai quật những di hài loại cá nhuyễn cốt từ thời Silua cách đây hàng 600 triệu năm, và nếu ta đem tế bào thận của loài cá hóa thạch ấy soi vào kính hiển vi như B. Dean đã làm, ta sẽ thấy, dẫu là cá nhuyễn cốt xưa, hay cá nhuyễn cốt nay, tổ chức tế bào thận vẫn chẳng có biến thiên. [115]

Ta dựa vào tông tộc các loài động vật có vú để chứng minh thuyết tiến hóa. Nhưng ta chỉ biết dại khái rằng tất cả họ hàng mơ mái muông thú đã xuất hiện đột nhiên vào thời Thủy tân kỳ (Eocène) cách đây chừng 30 triệu năm, có vậy thôi, còn ta chẳng tìm ra được dấu vết về sự khởi nguyên phát tích của chúng. [116]

Nói tóm lại, thuyết tiến hóa biến dịch là một quan niệm vĩ đại. Nó là học thuyết duy nhất giúp ta hiểu được mối giây liên lạc giữa sinh linh; và xét toàn thể, toàn diện, thì sự biến hóa là một sự kiện khó chối cãi. [117]

Nhưng nếu muốn hiểu cho rõ nguyên ủy, thủy chung, cho hết mạch lạc, cơ cấu, cách thức của cuộc tiến hóa biến dịch, ta sẽ thấy đó là những công trình hiện còn vượt quá tầm hiểu biết của ta. [118]

Ta cố han hỏi thiên nhiên, đào bới đất đai, thám hang, vét biển [119] ta cũng chỉ biết được một vài mẩu chuyện mập mờ về cuộc tiến hóa vĩ đại ấy. [120]

Cuốn kỳ thư ghi chép đại cuộc tiến hóa, tuy có được tàng trữ trên rừng, dưới biển, trong núi, trong đồng, nhưng nó đã bị mối mọt thời gian cắn nát hầu hết các trang. [121]

Vả chăng, ta mới tìm được ít nhiều cơ cấu, ít nhiều động cơ thúc đẩy tiến hóa, chúng ta còn phải bổ khuyết mãi mãi. Ví dụ, ai dám bảo sự miễn nhiễm của loài vật không phải là một then chốt tiến hóa quan trọng ? Thực vậy, nếu không kháng độc, kháng trùng, kháng bệnh nổi, thì làm sao sống sót được để mà tiến hóa ? [122]

Chúng ta thực phải hãnh diện, phải tự hào, vì chỉ dựa vào ít nhiều tàn tích, mà đã cấu tạo được một học thuyết vĩ đại, nhờ những khối óc tuyệt vời của những anh tài quán thế như:

Lamarck (1744 – 1829)

Geoffroy Saint Hilaire (1772 – 1844).

Lyell (1797 – 1875).

Darwin (1809 – 1882).

Wallace (1823 – 1915).

Weissmann (1834 – 1914).

De Vries (1848 – 1935).

Morgan (1866 – 1945). [123]

Nhưng chúng ta cũng nên khiêm tốn, vì cho đến ngày nay vũ trụ mới tiết lộ cho chúng ta một số bí mật trong muôn vàn.

Mà có lẽ những bí mật còn được giấu diếm ấy mới chính là chìa khóa giúp ta giải đoán được câu thai đố ngàn thu. [124]

Cho nên chúng ta đừng quá tin những lý thuyết của loài người. [125]

Cho đến nay, những vấn đề nan giải đã không giảm, lại còn tăng. [126]

Sự sống xuất hiện ra sao, tới nay, vẫn còn là một điều bí ẩn. [127]

Các sinh vật hạ cấp như sâu bọ, chẳng những không thấy tiến mà nhiều khi lại thấy lùi. [128]

Chỉ duy những loại động vật có vú – những tài tử mới bước vào sân khấu đời khoảng 30 triệu năm nay – mới thực sự chứng minh được thuyết tiến hóa. [129]

Nhưng những động vật có vú dây mơ, rễ má thế nào với loài rắn rết; loài rắn rết họ hàng, hang hốc ra sao với loài cá mú, sâu bọ; tất cả những vấn đề này ta hiện còn mù mịt, chẳng có hay... [130]

CHÚ THÍCH

[1] Các thuyết về sự khởi nguyên thái dương hệ:

1/ Thuyết của Laplace: Thái dương hệ sinh từ một vân hán quay tròn.

2/ Thuyết Arrhénius: Các tân tinh phát sinh vì sự va chạm của hai mặt trời đã tắt.

3/ Thuyết Seeliger và Halm: Các tân tinh phát sinh do sự va chạm giữa một mặt trời đã tắt và một đám

mây vũ trụ.

4/ Thuyết của Sée: Các tân tinh phát sinh do sự va chạm của bất kỳ hai giải ngân hà nào.

5/ Thuyết của Belot: Các tân tinh phát sinh do hai giải ngân hà mà trong đó có một cái vừa chạy, vừa xoay.

Cf. L'Avenir de l'Esprit – page 46-52.

[2] Les vitesses d'éloignement sont d'après Hubble, proportionnelle à la distance à laquelle se trouvent ces galaxies.

La possibilité théorique de cette récession fut découverte par de Sitter en 1917.

L'Avenir de l'Esprit – page 41.

... Các nhà khoa học đã áp dụng phương pháp đo lường trên:

- Sitter.
- V. M. Slipher.
- M. L. Humason.
- E. H. Hubble.
- Lemaître.
- A. Friedmand.
- Eddington.
- Sir James Jeans.
- Milne.

cf. L'Avenir de l'Epsrit – page 41.

[3] Các chất phóng xạ này thoái hóa dần để cuối cùng sinh ra các đồng vị của chì phóng xạ:

206

chì phóng xạ 207

208

Cứ một tỉ năm thì 100% uranium cho 12% chì, vậy cứ tính tỉ lệ chì /uranium hiện có trong quặng, thì tính ra được tuổi đá.

... Le rapport de la quantité de plomb trouvé à la quantité d'uranium présent pemet de caculer combien de temps la roche a été formée. (Cf. L'Avenir de l'Esprit – p. 44-45.)

[4] La vérité gît apparemment entre ces deux extrêmes, 1010 et 1013 années, c'est-à-dire entre 10 milliards et 10.000 milliards d'années, avec des présomptions en faveur de l'échelle courte. (L'Avenir de l'Esprit – page 40.)

[5] En ce qui concerne le soleil on a montré qu'il ne peut avoir plus de 5.000 milliards d'années d'existence (5.1012), et qu'il est probablement beaucoup moins vieux. (Ib. page 39.)

... Peu importe que notre terre ou notre système solaire soient âgés de 2, de 4 ou de 10 milliards d'années. (Ib. page 54.)

[6] La détermination des âges, effectuée indépendamment à partir de ces trois minéraux et basée sur

des processus radio-actifs différents a fourni les chiffres de 1600, 1900 et environ 1700 millions d'années respectivement. (Ib.page 45.)

[7] Cf. Xin xem lại đoạn V. L'Homme devant la Science nhất là các trang 159, 160.

[8] ... Et en second lieu à s'élever par la pensée assez haut pour embrasser d'un seul coup d'œil les deux ou trois milliards d'années qui resprésentent probablement toute l'histoire de la terre... Si l'on parvient ainsi à se faire une idée de la forme des courbes représentant schématiquement.

1) – l'évolution de la terre,

2) – l'évolution de la vie et,

3) – l'évolution de l'homme, peu être, sera-t-il possible dans une vaste extrapolation, d'en déduire hypothétiquement mais logiquement, si l'évolution de l'Esprit doit continuer ou non et dans quell sens. (L'Avenir de l'Esprit – Introduction – p. 22. Cf. Ib. pp. 24 – 25.)

[9] Qu'il s'agisse des immenses nébuleuses spirales ou des étoiles géantes distantes de plusieurs millions d'années de lumière qu'il s'agisse d'un microbe, d'un atome d'hydrogène ou de radium, ou qu'il s'agisse du cerveau humaine nous retrouvons donc partout les mêmes éléments chimiques constitutifs, et dans ceux-ci, les mêmes éléments corpusculaires le proton, les électrons, et le neutron. (L'Avenir de l'Esprit p.56.)

[10] Nous savons aujourd'hui que les éléments corpusculaires intra-atomiques ... n'obéissent pas... au principe de Carnot... Ce précédent nous permet de supposer que l'apparition brusque de la vie a, elle aussi, marqué le début d'un processus d'évolution nouveau... (L'Avenir de l'Esprit – page 67.)

[11] L'improbabilité de la vie et de son développement progressif et polymorphe pourrait donc se comprendre, mais au prix de l'acceptation d'un finalisme à longue échéance, d'un téléfinalisme irrationnel et odieux aux matérialistes. (Ib. page 70)

… Ainsi la marche de l'univers matériel vers un chaos inerte et vers le néant serait compensé par la progression simultanée d'un univers impondérable, celui de l'esprit dont l'ordre et la perfection naîtraient des cendres du monde inorganisé. (Ib. Page 293.)

[12] Mais il ne faut pas perdre de vue le fait remarquable suivant, si nous ajoutons foi aux dernières théories cosmogoniques celles de Lemaître, de Hubble, de Milne, il n'a guère fallu plus de temps pour sortir du néant notre univers, notre voie lactée entière avec ses millions d'étoiles, que pour aboutir à l'homme à partir des premières cellules vivantes.

Si minuscule, si infime que puisse sembler l'homme au milieu de ce cosmos immense, il n'en est pas moins vrai qu'apparemment il a été «aussi difficile à faire». (Ib. page 54.)

[13] Pour meubler l'espace de milliards d'univers et de galaxies semblables à la nôtre, pour créer de toutes pièces tous les éléments qu'étudie notre chimie, il n'a pas fallu plus de temps que pour faire un homme, si l'on considère l'homme comme l'aboutissement de l'évolution organique mécaniquement, matériellemant parlant, il a donc été aussi difficile à faire. (Ib. page 55)

[14] Elle (l'hypothèse téléfinaliste) observe qu'il n'est pas probable que ce processus progressif qui a duré plus de douze cents millions d'années, ait été brusquement interrompu par l'apparition de l'homme et de la pensée abstraite. (L'Homme et sa Destinée – p.360)

[15] D'après Donald Culross Peattie l'ancêtre la plus ancient, antérieur aux algues serait une sorte de bactérie… qui vivait autre fois aux temps les plus reculés qu'on appelle tantôt Précambrien, tantôt Algonkien, tantôt Archéozoïque, dans les grands océans d'eau douce… C'est le Leptothrix. (L'Avenir de l'Esprit page 86.)

[16] «Les algues bleues» ou Cyanophycées… pas de noyaux. (Ib. page 88)

[17] Les algues vertes à structure cellulaire et à noyau. (Ib.page 88)

[18] Le trilobite… c'est un animal hautement évolué dont l'embryogénie accuse une longue lignée d'ancêtres. (Ib. page 93.)

[19] Il ne faut pas momentanément, s'attendre à une plus grande précision et la conclusion qui resort des lignes précédentes est que la terre avait déjà vécu environ 80% de son âge actuel soit entre 800 et 1000 millions d'années, quand les reptiles, les dinosauriens bipèdes, les, sauriens, les crocodiliens, tortues et les premiers mammifères (habitant notre planète…)

Pour arriver jusqu'à l'homme… il n'a fallu que 200 millions d'années; à quelques millions d'années près, bien entendu… (Ib. page 95.)

[20] Et l'évolution progressive se produit toujours à travers des individus et grâce à eux comme une mélodie se dégage des notes isolées qui s'effacent dans le silence tandis que seul leur souvenir demeure… (Ib. page 90.)

[21] … On peut dire que l'évolution naturelle cherche à s'évader de l'emprise statistique dominait l'univers organique et prépare la voie à l'avènement de la liberté humaine. (Ib. page 90)

[22] Les cyanophycées ou algues bleues… par leur reproduction asexúee, ressemblent aux bactéries. (L'Homme et sa Destinée, page 155)

[23] Les algues vertes envahissent les eaux et voici, enfin, l'espoir et la possibilité d'une évolution. Elles ont un noyau qui est une espèce de miracle – et semblent inaugurer la reproduction sexuelle. (Ib.page 115.)

Les cellules asexuées ne connaissant pas la mort en tant qu'individus. Elles sont immortelles. Mais tout d'un coup avec la génération sexuée nous voyons apparaître la naissance et la mort de l'individu…

[24] La reproduction sexuée avec fécondation… était indispensable pour faire progresser une lignée vers la complexité. Il fallait modifier, enrichir l'héridité par des mélanges de lignées étragères… (L'Avenir de l'Esprit, page 89)

[25] La reproduction sexuée avec fécondation… était indispensable pour faire progresser une lignée vers la complexité. Il fallait modifier, enrichir l'héridité par des mélanges de lignées étragères… (L'Avenir de l'Esprit, page 89)

[26] Et l'on peut dire qu'au point de vue de l'évolution, la plus grande invention de la nature fut la mort. (L'Homme et sa Destinée, p. 118)

[27] Il semble donc que l'évolution biologique ne pouvait se poursuivre, à partir d'un certain stade, que grâce à la création d'individus distincts limités à la fois dans l'espace et le temps… Cette notion du rôle du l'individu est fondamentale et semble introduire, dès le début, une différence nette entre la matìere

organique et la vie… Elle fait prévoir que les statistiques applicables aux corpuscules indiscernables ne pourront en aucun cas s'appliquer aux êtres vivants et que la statistique de Gibbs-Boltzmann, valable à l'échelle physico-chimique, qui paraît admettre une sorte d'individualité inconnue des autres (celle de Bose-Einstein et celle de Pauli-Fermi) n'est qu'un étage intermédiaire dans l'interprétation humaine des phénomènes. (L'Avenir de l'Esprit p. 89.)

[28] Jusqu'à preuve du contraire, on peut dire que l'évolution naturelle cherche à s'évader de l'emprise statistique qui dominait l'univers inorganique et préparait la voie à l'avènement de la liberté humaine. (Ib. page 90)

[29] Et nous passerons au Cambrien (environ 600 millions d'années avant notre ère) où les vestiges de la faune des invertébrés marins deviennent plus abondants. Ils semblent à peu près les seuls habitants de notre globe à cette époque.

[30] Dès le début du Carbonifère, on trouve en effet des Amphibiens représentés par un groupe important à formes géantes et variées: les stégocéphales (Ib.page 121)

Les premiers reptiles se rencotrent dans le Carbonifère supérieur (Sauravus) et dans le premier (fin de l'époque primaire)… (Ib. page 122)

… à partir du Trias et pendant toute l'ère secondaire, il jouent un rôle prépondérant, tant sur terre que dans l'eau douce et dans les océans. (Ib. page 123)

[31] Ce n'est que soixante quinze ou cent millions d'années plus tard qu'éclate l'ère de la somptueuse et élégante flore carbonifère. (L'Avenir de l'Esprit, page 96)

[32] Les premiers reptiles se rencotrent dans le Carbonifère supérieur (Sauravus) et dans le premier (fin de l'époque primaire)… (Ib. page 122)

… à partir du Trias et pendant toute l'ère secondaire, il jouent un rôle prépondérant, tant sur terre que dans l'eau douce et dans les océans. (Ib. page 123)

[33] …Pendant tout le temps d'une centaine de millions d'années que dura le règne de reptiles – le secondaire – les mammifères végètent… Il y a environ 40 ou 50 millions d'années, les gigantesques dinosauriens avaient disparu, et les mammifères commençaient leur règne qui s'est étendu et affirmé jusqu'à notre ère. (Ib. page 125-126)

[34] …On peut espérer que l'amour propre à l'homme sera tout de même satisfait, et que les traces d'une autre nature qu'il aura laissés, sous forme de tradition, ajoutées aux ossements, seront assez importantes pour lui faire attribuer un rôle primordial. (Ib. page 127)

[35] C'est pourquoi Caullery ne craint pas d'écrire que: «…dès l'époque algonkienne la vie avait déjà une haute antiquité et avait atteint une différenciation comparable à celle d'aujourd'hui; on pourrait dire que les grandes lignes de l'évolution étaient déjà réalisées. (Ib. page 115)

[36] Il y a presque 500 milions d'années à la fin de la période cambrienne, ou même avant, les mécanismes fondamentaux de l'évolution avait…abouti à des êtres extraordinairement complexes et variés… (L'Homme et sa Destinée, page 131)

[37] Il y a 200 millions d'années environ, les premiers mammifères font soudain leur apparition. (Ib. page 137)

[38] Homme Néanderthal: 100.000 ans (L'Avenir de l'Esprit, page 184)

[39] If life's past, present and future are plotted on a 24-hour clock modern appeared in the world about 1 ½ second ago.

Kinships of Animals and Man (Morgan) – page 778.

[40] Life clock scaled to 12 hours showing the first appearance of various vertebrates in the history of life of the carth. Only invertebrates existed in the earlier three-fourths of the twelve hour day which represents time from the beginning of life to the present New estimates (1954) of the age of the earth place its beginning at 5.000.000.000 years and the beginning of life at 3.500.000 to 4.000.000 years (Redrawn after Richie, New York Times, Sept. 26, 1940) – (Kinships of Animals and Man – 778)

[41] L'idée de l'évolution, qui s'impose à l'observateur, n'est pas, il faut le reconnaître, une idée reposante. (L'Avenir de l'Esprit, page 83)

[42] Chaque fois qu'une découverte vient la renforcer, de nouveaux problèmes se posent, de nouvelles preuves de notre ignorance s'accumulent. (Ib. p. 83)

[43] Qualitativement, notre logique nous indique que la vie elle-même, avec ses propriétés imprévues, nées de la dissymétrie de ses structures, était moins probable que la simple évolution inorganique qui durait déjà depuis mille millions d'années et qui continue à côté de nous. (L'Avenir de l'Esprit, page 69)

[44] … La vie… semble avoir introduit quelque chose de nouveau qui n'existait pas auparavant, à savoir la création de dissymétries de plus en plus grandes, incompatibles avec le principe de Carnot. (Ib. page 67)

[45] Nous sommes ainsi forcément conduits à un dilemne, ou bien il s'agit toujours d'accidents absolument négligeables dans l'immense évolution thermodynamique de l'univers – ce qui, malgré tout, est difficile à admettre en raison de la remarquable continuité des «accidents» successifs, tous dans le mème sens (le sens «interdit») – ou bien l'évolution thermodynamique malgré son universalité et sa grandeur écrasante n'a été que le stade préparatoire à l'avènement de l'évolution biologique. (Ib. page 70)

[46] Nous venons de voir que la vie semble avoir commencé aussitôt que la croûte terrestre se fut suffisamment refroidie. (L'Avenir de l'Esprit – page 99)

[47] On a longtemps pensé que la vie avait dû naître dans les abîmes de la mer où on la supposait luxuriante. Edmond Perrier… démontra qu'il n'en était rien. (Ib. page 82)

[48] … Bien au contraire c'est sur les rivages que la vie est luxuriante. (Ib. page 83)

[49] Il est impossible d'imaginer aujourd'hui de quelle façon l'évolution a commencé. Y-a-t-it eu une cellule initiale? La matière viante amorphe a-t-elle au contraine précédé, comme cela semble plausible, les premières cellules? Nous n'en savons rien. (Ib. page 84)

[50] Cùng chú thích ngay trên đây.

[51] Il est peu probable que nous réussissions… à découvrir l'être originel s'il a existé… Cependant nous rencontrons partout des formes étrangères et bien primitives dont on ne peut dire si ce sont des plantes ou des animaux.

… Parmi ces formes élémentaires sont les dinoflagellées. (L'Avenir de l'Esprit, page 84-85)

[52] … D'après Donald Culross Peattie, l'ancêtre la plus ancien antérieur aux algues serait une sorte de «bactérie» … C'est le Leptothrix. (Ib. page 85-86)

[53] … Parmi ces formes élémentaires, sont les dinoflagellées algues invisibles à l'œil nu…

Elles nagent rapidement, bondissent et virevoltent grâce à leur longue queue souple. Le corps cellulaire, s'enfle et s'aplatit comme s'il respirait, et possède un point rouge, une tache oculaire … et qui semble vous regarder. (Ib. page 85)

[54] Il existe dans le sang des animaux supérieurs une substance fondamentale, l'hémoglobine. (Ib. page 84)

[55] L'hémoglobine est chimiquement assez proche du pigment circulatoire des plantes et des algues, la chlorophylle. (Ib. page 84)

[56] Mais tandis que l'hémoglobine est caractérisée par la présence d'un atome de fer, la chlorophylle est bâtie autour d'un atome de magnésium. (Ib. page 84)

[57] Et pour rendre le problème encore plus compliqué, le sang des animaux inférieurs (invertébré, les gastéropodes par exemple) contient un pigment… qui renferme, à la place du fer un atome de cuivre… (Ib. page 84)

[58] Peut-on imaginer un mécanisme grâce auquel un organisme vivant réduit à sa plus simple expression, une bactérie végétale, par exemple, ou une algue dépourvue de noyau, aurait évolué en une cellule à noyau, puis en un groupe de cellules réunies ensemble par une communauté d'intérêts, telle qu'il en est résulté éventuellement un individu. (Ib. page 101)

[59] Nous laisserons complètement de côté le problème de l'origine des protéines, que nous avons étudié dans notre précédent ourage. (Ib. page 81)

[60] Le passage des Cœnocytes sans formation cellulaire aux végétaux cloisonnés en cellules. (Ib page 116)

[61] La naissanece du noyau. (Ib. page 116)

[62] Le passage de la reproduction asexuée à la reproduction sexuée. (Ib. page 116)

[63] La naissance, dans les êtres monocellulaires, des fonctions vitales. (Ib. page 116)

[64] La transposition de ces même fonctions dans les être cellulaires. (Ib. page 116)

[65] La spécialisation progressive de certaines cellules. (Ib. page 116)

[66] La synthèse des pigment circulatoires … l'utilisation primitive du magnésium (chlorophylle) puis du cuivre (hémocyanine). (Ib. page 116)

[67] L'apparition des yeux. (Ib. page 116)

[68] L'apparition des cuirasses et des articulations des crustacés etc… (Ib. page 116)

[69] Ainsi, il y a plus de de 500 millions d'années, à la fin de la période cambrienne, et antérieurement

même selon toute vraisemblance, les mécanismes fondamentaux de l'évolution avaient abouti à des êtres extraordinairement complexes et variés, admirablement adaptés à leur environnement, et fonctionnellement semblables à ceux qui vivent aujourd'hui. (Ib. page 116)

[70] Cependant l'évolution a continué toujours dans le même sens, vers une différenciation de plus en plus grande. (Ib. page 116)

[71] D'innombrables essais semblent avoir été tentés. (Ib. page 116)

[72] Des groupes entiers ont disparu comme si l'expérience avait prouvé qu'ils étaient manqués, que c'étaient des erreurs. (Ib. page 116)

[73] Mais d'autres persistaient et finalement l'homme est apparu. (Ib. page 116)

[74] «Dans les divers cas qui viennent d'être passés en revue, chaque groupe, ordre ou famille apparaît subitement sans que nous trouvions presque jamais les formes qui les relient à la souche. Chacun se montre, immédiatement, tout différencié. Il faut convenir que, non seulement on ne trouve guère de forme de transition, mais qu'en général on ne peut pas relier un groupe nouveau authentiquement à un froupe ancien. (Ib. page 131)

[75] La majeure partie des types fondamentaux du règne animal se présente à nous sans aucun lien au point de vue paléontologique (Depéret). (Ib. page 117)

[76] L'apparition des vertébrés constitue évidemment un des stades les plus significatifs de l'évolution – or nous n'avons pas la moindre indication à ce sujet. (Ib. page 119)

[77] Les vertébrés terrestres semblent s'être développés avant les vertébrés marins. (Ib. page 120)

[78] Les amphibians remontent donc au delà du carbonifère. Leur squelette était formée bien avant celui des poissons. Et par conséquent, on ne peut faire dériver les amphibians des poisons. (Ib. page 121)

[79] Les reptiles offrent presque immédiatement une grande diversité…

Tous les types appartenant aux trois ordres: Ichtyosauriens, Sauroptygiens et Lacertiens apparaissent «brusquement» sans que l'on puisse les rattacher à des ancêtres terrestres. (Ib. page 123.)

[80] Humoristiquement… on pourrait décrire la naissance de l'ancêtre des ptérosauriens de la façon suivante: «Un beau jour, dégoûté de traîner péniblement sa lourde masse sur le sol ou de nager, un reptile se mit à voler. C'était un saurian… (Ib. page 124)

[81] Or dès cet époque (Trias) les premiers mammifères (marsupiaux font «brusquement» leur apparition. D'où viennent-ils? (Ib. page 123)

[82] Apparemment pas des reptiles contemporains qui sont encore au début de leur évolution. Probablement pas des amphibiens car le saut serat immense et inconcevable. Pas des poissons, non plus, pour la même raison. (Ib. page 123)

[83] Il faut convenir que l'on ne trouve guère de formes de transition, mais qu'en général on ne peut pas relier un groupe nouveau authentiquement à un groupe ancien. (Ib. page 123)

[84] Nous savons donc que le ptérodactyle et l'archéoptéryx sont parmi les plus beaux exemples qu'on puisse citer de transformations adaptatives, et nous sommes néanmoins incapables d'imaginer une

hypothèse acceptable pour rendre compte l'apparition du patagium (membrane sustentatrice) ou des plumes. (Ib. page 125)

… La majeure partie des types fondamentaux du règne animal se présentent à nous sans aucun lien au point de vue paléontologique. (Ib. page 131, notes)

[85] Ib. page 124-125

… Nous sommes néanmoins incapables d'imaginer une hypothèse acceptable pour rendre compte de l'apparition du patagium (membrane sustentatrice) ou des plumes. (Ib. page 125)

… Nous ne sommes pas autorisés… à considérer l'archéoptérix comme un véritable chaînon, c'est-à-dire un stade de transition nécessaire entre les reptiles et les oiseaux.

… L'apparition des plumes est incompréhensible, et aussi difficile à concevoir que la transition ait été lente et progressive ou brusque. (Ib. page 117)

[86] De même pour l'apparition de l'homéothermie chez les oiseaux. (Ib. page 117)

[87] L'homme physique ne peut être considéré que comme l'aboutissement d'une série ininterrompue d'organismes qui remonte jusqu'aux formes les plus élémentaires de la vie. Cela ne signifie pas que l'on soit autorisé à dire que l'homme compte parmi ses ancêtres tel ou tel animal de l'époque archéozoïque, mésozoïque ou postérieure… Personne ne croit plus que «l'homme descend du singe». (Ib. page 106)

[88] «… Chaque groupe ordre, ou famille apparaît subitement sans que nous trouvions presque jamais des formes qui les relient à la souche. Chacun se montre immédiatement tout différencié. Il faut convenir que non seulement on ne trouve guère de formes de transition, mais qu'en général on ne peut pas relier un groupe nouveau authentiquement à un groupe ancien…» (Ib. page 131)

[89] Si l'on tient compte de notre ignorance, si on la mesure en toute honnêteté et sans parti pris, on en arrive à l'étrange conclusion que notre croyance dans l'évolution est pour le présent d'origine intuitive, métaphysique, pourrait-on dire, plutôt que scientifique. Et peut-être cela ne lui retire-t-il aucune force. (Ib. page 118)

[90] Ce n'est que si, par hasard, l'animal s'est trouvé enlisé à l'abri de l'air et l'eau, dans un cataclysme soudain… ou si une substance minérale a pu se substituer aux tissues organiques. (L'Avenir de l'Esprit, page 109)

[91] La pétrification sous l'action d'une eau très calcaire (sources incrustantes). (Ib. page 109)

[92] Inclusion d'insectes dans l'ambre. (Ib. page 110)

[93] Comme celle des vingt-trois Ignanodons du musée de Bruxelles trouvés à plusieurs centaines de mètres de profondeur dans les galleries d'un charbonnage. (Ib. page 110)

[94] Il existe aux Etats-Unis, un autre vestige particulièrement curieux:… ce sont les empreintes laissées par les dinosaurs… (Ib. page 111)

[95] De plus, une grande partie des formations sédimentaires anciennes est actuellement immergée sous les océans et tout à fait inaccessible. Des sédiments émergés sur nos continents, nous ne pouvons examiner normalement que les affeurements, c'est-à-dire une partie infinitésimale… (Ib. page 110)

[96] Mais nous ne savons pas si les terrains cristallophylliens, la zone archéenne qui sert de base aux

grès du précambrien, n'ont pas été eux-mêmes peuplés d'êtres très primitifs dont toute trace est définitivement perdue. (Ib. page 99)

[97] En dehors des quatre grands ordres de la classe des reptiles actuels, (Crocodilliens, Chéloniens, Lacertiliens, Ophidiens), on en connaît un cinquième, représenté par une forme unique, Hatteria ou Sphenodon punctata qui constitue à elle seule l'ordre des Rhyncocéphales, et offre une série de caratères anatomiques spéciaux et profondément archaïques. L'Hatteria est localisé sur quelques ilots bordant les côtes de la Nouvelle Zélande où il a réussi à se maintenir et sa disparition est évidement très proche… De sorte que si l'on n'avait pas exploré les petits îlots voisins de la Nouvelle Zélande… on en aurait conclu que l'ordre de Rhyncocéphales avait disparu à la période jurassique. (Ib. 12)

[98] Il ne faut pas oublier que tout schéma chronologique de l'évolution est extrêmement douteux… (Ib. page 90)

[99] Le lecteur est mis est garde contre les conclusions hâtives. (Ib. page 91)

[100] Suivant l'âge des terrains où on les rencontre, on peut, quand elles se trouvent en grand nombre, en déduire que, vers une telle période, ils avaient atteint un grand développement. (Ib. page 91)

[101] … On divise l'histoire de la terre en une soixantaine de périodes principales.

Il est bien évident aussi que lorsque nous attribuons au tertiaire seul un tiers des subdivisions admises dans toute la série géologique, nous nous laissons volontairement duper par cette tendance instinctive qui porte à exagérer l'importance des objets les plus voisins au détriment des plus lointains..» (Ib. page 94)

[102] On a supposé… une proportionnalité entre les durées des périodes principales et l'épaisseur des sédiments qui les représentent. (Ib. page 94)

[103] Đệ I :

Précambrien (Tiền cam)

Cambrien (Cam biên)

Silurien (Si lua)

Dévonien (Dê vôn))

Carbonifèrien (Thạch thán)

Permien (Nhị điệp kỷ)

[104] Đệ II:

Triassique (Tam điệp)

Lias (Hạ chu la)

Médio-Jurassique (Trung Chu la)

Supra-Jurassique (Thượng Chu la)

Infra-Crétacé (Hạ phấn kỷ)

Supra-Crétacé (Thượng phấn kỷ)

[105] Đệ III:

Eocène (Thủy tân)

Oligocène (Tiêm tân)

Miocène (Trung tân)

Pliocène (Thượng tân)

Pléistocène (Cánh tân)

(Nhiều tác giả cho Pléistocène là đệ IV nguyên đại như Osborn)

(Cf. l'Avenir de l'Esprit, page 94-95, chính bản và chú thích 1, 2, 3).

[106] Il faut se souvernir, et cela est très important, que les seuls faits dont on dispose sont des traces laissées dans les anciennes roches par ces organismes… mais cela ne nous reseigne pas sur la date d'apparition des premiers échatillons de l'espèce… (Ib. page 91)

… Une grande partie des formations sédimentaires anciennes est actuellement immergée sous les océans et tout à fait inaccessible… Des sédiments émergés sur nos continents nous ne pouvons examiner…qu'unepartie infinitésimale. (Ib. page 110)

[107] … Cependant cela n'empêche pas d'esquisser une histoire «romancée» des débuts de l'évolution qui, si elle n'est pas très exacte dans ses détails donne tout de même une vague idée de ce qu'aurait pu être cette mystérieuse et prodigieuse aventure. (Ib. page 91)

[108] Le transformisme de Lamarck, l'évolutionnisme de Darwin développé et embelli par Spencer et par Hœckel, enfin «le mutationnisme» de De Vries, eurent chacun leurs défenseurs passionnés. Les problèmes si cbscurs de l'hérédité furent attaqués et souvent éclaircis par Mendel, Weissmann, et tout récemment par Morgan et par Spemann. Mais à l'heure actuelle, il n'existe pas encore de théorie complète de l'évolution qui soit entièrement satisfaisante. (L'Homme devant la Science – page 165)

[109] «Les données de la géologie et celles de la physique (en particulier les faits que nous a révélés la radioactivité) permettent d'envisager pour les périodes fossilières une durée de l'ordre d'un milliard d'années. Nous sommes loin des 6.000 ans de la Genèse. (Ib. page 165)

[110] Cf. L'Avenir de l'Esprit, page 98-99.

[111] Ib. page 90-91.

[112] Ib. page 118.

[113] … Nous ne saisissons l'origine d'aucun groupe. (L'Homme devant la Science page 166)

… Et quand nous les voyons se manifester à une époque déterminée. Ils sont d'emblée représentés par des formes très diversifiées et très diversifiées et très spécialisées. Comment et quand s'est faite la différenciation primitive, nous l'ignorons totalement. (Ib. 167)

[114] L'uniformité complète de la constitution des animaux et des végétaux, à elle seule, implique au contraire une origine commune … Nous ne voyons pas la vie commencer mais seulement se continuer, si loin que nous regarditions en arrière. L'origine de la vie, qu'il faut bien supposer, reste entièrement mystérieuse. (Ib. 166)

… La majeure partie des types fondamentaux du règne animal se présentent à nous sans aucun lien au point de vue paléonttologique. (Depéret), (L'Avenir de l'Esprit page 117).

… Chaque groupe, ordre ou famille apparaît subitement sans que nous trouvions presque jamais les

formes qui les relient à la souche. (L'Avenir de l'Esprit, page 131)

[115] B. Dean a pu, sur des poissons sélaciens du Silurien, étudier l'histologie des reins: elle est exactement celles des reins des sélaciens de nos mers. (L'Homme devant la Science page 166.)

[116] Les mammifères représentent incontestablement un des sommets de l'évolution, et c'est récemment, à l'époque tertiaire, c'est-à-dire dans les derniers 20 à 30 millions d'années que nous voyons, s'effectuer leur diversification… Nous voyons tous les groupes fondamentaux apparaître brusquement au début de l'Eocène. Cela suppose une très longue et très multiple évolution antérieure pendant l'ère secondaire ou même antérieurement, pour le moment, nous n'en avons que des vestiges isolés autant qu'infimes.

Il n'en est pas moins vrai que l'histoire des mammifères tertiaires nous fournit à elle seule une éclatante vérification de l'évolution. (L'Homme devant la Science page 167.)

[117] «En somme l'évolution reste une conception grandiose la seule capable de nous expliquer rationnellement la nature vivante et dans l'ensemble elle s'impose comme un fait. (Ib.167).

[118] Mais son mécanisme reste encore hors de notre portée. (Ib. page 167.)

[119] En Décembre 1872, une corvette britannique, le Challenger quitta Portsmouth.

… Elle possédait le matériel le plus perfectionné pour sonder et draguer à toutes les profondeurs. Ce laboratoire flottant fit «les cent pas» dans l'océan pendant quatre ans, allant de Madère à Juan Fernandez, des Canaries au cap Horn et des Bermudes aux Iles Kerguelen, sans cesse sondant, draguant, ramenant des échantillons de bêtes, de plantes et d'eau jusqu'à 9.000 m de profondeur et parcourant au total 69.000 miles.

Cf. Pierre Rousseau – Histoire de la Science – page 638

… Edouard Cope (1840 – 1897)… Charles Othniel Marsh (1831 – 1899) … Henry Fairfield Osborn (1857 – 1933)… recrutèrent dans le Far-West des légions d'ouvriers et entreprirent de fouiller méthodiquement les étages secondaires des Montagnes Rocheuses… (Ib. page 668)

[120] … Et de son histoire même, nous ne savons que des bribes, qui sont infiniment petites par rapport à ce qu'elle a été réellement. (L'Homme devant la Science page 167).

[121] … Les éléments qui nous sont parvenus, sous forme d'empreintes et de fossils, représentent assez bien un «puzzle» auquel 90 pour cent des morceaux manqueraient. (La Dignité humaine – page 54.)

[122] … en effet, sans l'iminunité, il est probable que toutes les espèces animales, et, à coup sûr, la plus évoluée, l'espèce humaine, auraient depuis longtemps disparu de la surface du globe. (L'Homme devant la Science – page 168).

[123] Enorgueillissons-nous donc que notre esprit, sur des bases fragiles, ait su construire des synthèses dont nous disposons et que dominent les noms de Lamarck, Et.Geoffroy Saint Hilaire, Lyell, Darwin, Wallace, Weissmann, De Vries, Morgan, etc… (L'Homme devant la Science – page 168).

[124] Mais nous restons modesties. La nature ne nous a livré jusqu'ici qu'une infime partie de ses secrets, et ceux-ci, qui sont la clé véritable de l'énigme ont grande chance de nous rester longtemps encore, sinon toujours, inabordable. (Ib. page 168)

[125] Au fur et à mesure que les documents dignes de foi se sont accumulés, la confiance quasi absolue dans les théories humaines s'est affaiblie.

[126] Aujourd'hui les difficultés, loin de s'amoindrir, se sont augmentées. (Ib. page 168.)

[127] L'origine de la vie reste un mystère. (Ibid. page 168)

[128] Les organismes inférieurs ne paraissent pas évoluer – on constate même parfois des régressions. (Ibid. 168).

[129] Seuls les mammifères, les nouveaux venus (qu'est-ce que 20 ou 30 millions d'années comparés à mille millions ?) nous fournissent une vérification de l'évolution. (Ib. 168)

[130] Comment se rattachent-ils aux reptiles, et ceux-là aux poissons et aux invertébrés, nous n'en avons aucune idée. (Ib. page 168.)

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | **Phần 2**: chương 1 **2** 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | **Phần 2**: chương 1 2 **3** 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

PHẦN THỨ HAI:
HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

*

Chương 3
Giả thuyết viễn đích

Où va-t-il ce navire; Il va, de jour vêtu,

À l'avenir divin et pur, à la vertu,

À la science, qu'on voit luire.

Il v ace glorieux navire,

Au juste, au grand, au loin, au beau, vous voyez bien.

Qu'en effet, il monte aux étoiles.

VICTOR HUGO

(Plein Ciel)

Thuyền nhân loại hướng về đâu tá ?

Thuyền quang hoa băng ngả thần tiên,

Tiến về mai hậu siêu nhiên,

Tiến về đức hạnh nguyên tuyền tinh hoa.

Anh khoa học trời xa lóng lánh,

Thuyền quang hoa băng cảnh thần tiên,

Tiến về đẹp đẽ tinh tuyền,

Tiến về thượng giới, về miền muôn sao.

Tiết 1
Đại cương

Đứng trước cuộc tiến hóa quần sinh vô cùng vĩ đại ấy, Lecomte du Noüy chủ trương:

1) Nhất định cuộc tiến hóa phải có «phản ngẫu nhiên», phải có Thượng Đế hướng dẫn, chứ không thể

vô ý, vô tình, nhất là ngẫu nhiên đã không sao giải thích được đà tiến hóa liên tục hướng thượng, cũng như sự xuất hiện của lương tâm, ý chí và các ý niệm trừu tượng. [1]

2) Cuộc tiến hóa được hướng dẫn, nhưng hướng dẫn một cách tế nhị, khéo léo, chứ không có lối khắt khe, đoán định.

Cho nên tất cả các ảnh hưởng tự nhiên, cũng như sự đóng góp của quần sinh và của con người vẫn rất quan trọng. [2]

3) Cuộc tiến hóa quần sinh lên đến con người đã dần dà tiến vào bình diện óc não và nội tâm. [3]

Sự chuyển hướng này có thể minh chứng bằng lịch sử, nhất là bằng tiền sử, bằng những vết tích nghệ thuật, đạo giáo nơi con người tiền sử. [4]

4) Cuộc tiến hóa vũ trụ quần sinh có một mục đích xa xôi là cốt thực hiện một giống người siêu đẳng, những «thần nhân» trong một tương lai hãy còn xa thẳm. Vì thế gọi là viễn đích. [5] Để đạt được mục đích thâm viễn ấy, nay con người đã có trong tay nhiều lợi khí mới mẻ, đó là truyền thống, văn minh, từ ngữ, ý niệm trừu tượng, khoa học, đạo giáo v.v... [6]

Học thuyết viễn đích của Lecomte du Noüy khác hẳn với các thuyết tiến hóa duy vật, vì học thuyết viễn đích chủ trương cần chấp nhận có Thượng Đế đẩy đưa, hướng dẫn công cuộc tiến hóa. [7]

Chủ thuyết viễn đích khác hẳn với các học thuyết định mệnh, số mệnh, tiền định khắt khe (déterminisme, fatalisme etc...) [8] vì nó chủ trương một sự hướng dẫn vi tế mà vẫn trọng quyền tự do con người, vẫn cần có sự cộng tác của con người. [9]

Nó cũng khác hẳn với các «chủ nghĩa mục đích» (finalisme) thiển cận chỉ cốt cắt nghĩa sự tương ứng, tương hợp giữa các quan năng và tác dụng giữa quần sinh và hoàn cảnh, vì học thuyết này vượt tầm không gian, thời gian để tiên đoán một mục phiêu vô cùng vĩ đại và cao đẹp hơn: ấy là sự xuất hiện của những «tâm thần siêu đẳng», của những «thần nhân» trong tương lai. [10] Chúng ta sẽ bàn lại từng đề mục.

Tiết 2

Cuộc tiến hóa quần sinh bắt buộc ta chấp nhận có sự hướng dẫn của Thượng Đế.

Ông viết:

Nếu chúng ta chấp nhận có tiến hóa, có sự diễn biến tuần tự từ xưa tới nay, thì ta phải giải thích sự kiện đó. Đó là thái độ khoa học. [11]

Chúng ta phải cân nhắc tất cả những giả thuyết đã được dùng để giải thích sự kiện đó. [12]

Nhưng chúng ta nhận thấy rằng, tất cả những giả thuyết lý sự giúp ta hiểu được đa số sự kiện, đều phải chấp nhận một quyền năng siêu việt. [13]

Ngay đến Lamarck [14] và Darwin [15] cũng đều chấp nhận có sự can thiệp của Thượng Đế.

Các nhà khoa học khác nhiều khi không ngờ rằng chính họ cũng đã chấp nhận ngay từ lúc đầu sự can thiệp của Thượng Đế, nhưng vì sự can thiệp ấy ở mãi đầu dây, đầu cuộc, nên sau dần họ quên lãng mất

và không còn để ý tới. [16]

Hiện nay, không có một giả thuyết nào cắt nghĩa được nguồn gốc sự sống và sự tiến hóa tự nhiên. [17]

Cho nên, dầu muốn dầu không, ta cũng phải chấp nhận có Thượng Đế. [18] Nhiều người cho rằng vì không sao hình dung được Thượng Đế, nên không thể tin có Thượng Đế. [19]

Nhưng họ nào có hình dung được điện tử ra sao đâu, mà họ vẫn tin có điện tử. [20]

Chúng ta không hình dung được điện tử, thì làm sao hình dung nổi Thượng Đế? [21] Chúng ta không hình dung, không quan niệm được Thượng Đế, nhưng chúng ta linh cảm, linh giác được Thượng Đế, và chúng ta thấy lòng khát vọng Thượng Đế. Sự khao khát ấy có thực, vì nó đã phát sinh ra những tư tưởng luân lý, những khái niệm nghệ thuật; và nếu những khát vọng lý tưởng nơi ta có thực, thì Thượng Đế, lý do sinh ra chúng, nhất định phải có thực, mặc dầu ta không quan niệm, hình dung được. [22]

Những người thành khẩn nếu không cho rằng cần phải có một thần trí siêu việt tổ chức, an bài, thì chỉ nên nói rằng: «Tôi không biết, không hay, mà đừng có xúi bẩy người khác, lung lạc người khác.» [23]

Còn những kẻ không dựa được vào một bằng chứng gì mà cố tình đả phá ý niệm Thượng Đế, là một kẻ có hành động hèn kém, phản khoa học. [24]

Lecomte du Noüy viết:

«Tôi tuyên bố dõng dạc và thành khẩn như vậy, chính vì tôi đã không tự nhiên mà tin có Thượng Đế, tôi đã không có một niềm tin thực sự phát xuất từ đáy lòng ngay từ buổi ban sơ. Nếu cần phải đem tình cảm vào khoa học, tôi tin có Thiên Chúa cũng vững mạnh như tôi tin có tiến hóa và có điện tử. Và tôi chắc chắn hẳn hoi là đã không lầm. [25]

«Tôi không như những nhà khoa học khác đã có may mắn là được nâng đỡ, hỗ trợ bởi một niềm tin chắc chắn, không thể lay chuyển; còn tôi, tôi đã bước vào đời, chẳng hề có chút tin tưởng nào vào thần quyền, theo trào lưu đang thịnh hành lúc ấy. Tôi phải mất 30 năm cặm cụi trong phòng thí nghiệm mới nhận chân được rằng những người có trách nhiệm soi sáng cho tôi, dù chỉ là bằng cách thú nhận sự dốt nát của họ, đã cố tình dối gạt tôi. [26]

«Ngày nay, nhờ lý trí mà tôi tin có Thượng Đế.

«Tôi đã tin có Thượng Đế, chính nhờ đi con đường sinh lý học và vật lý học, và tôi tin chắc rằng bất kỳ một nhà khoa học nào, nếu không cố chấp mê muội, không có gian ý, lại chịu nghĩ, chịu suy, cũng sẽ đi tới cùng một niềm tin ấy như tôi. [27]

«Nhưng con đường tôi đi còn là con đường quanh quất, chẳng hay. Và chính vì muốn cho những người khác khỏi mất thì giờ, mất công, mất sức như tôi, nên tôi hết sức chống đối lại ác ý của những nhà hướng đạo không xứng đáng.» [28]

Tiết 3

Cuộc tiến hóa được hướng dẫn một cách tinh vi tế nhị để toàn bích hướng về một viễn đích.

Lecomte du Noüy không tin vào những định mệnh khắt khe, và chắc là Ông không nói:

«Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định» [29]

Hay: «Cái quay búng sẵn trên trời,

Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm...»

(Cung oán ngâm khúc)

Ông chủ trương cuộc tiến hóa được hướng dẫn, nhưng hướng dẫn một cách vô cùng tế vi, ý nhị, khéo léo, thần kỳ, hướng dẫn mà như không hướng dẫn.

Lecomte du Noüy viết:

«Còn tôi, tôi chủ trương một sức hướng dẫn y như một dẫn lực vũ trụ, hay một hấp lực nam châm qui hướng về một mục đích thuần thần rất xa xăm.» [30]

Còn những phương thức để tiến tới viễn đích thì lệ thuộc hoàn cảnh vật chất, bị chi phối bởi những định luật vật chất, và trên con đường tiến hóa, vạn vật như nhắm mắt bước mò, theo một tiếng đồng vọng xa xăm dẫn lộ. [31]

Nếu vậy thì, các vật tiến hóa y như thể vô ý, vô tình, nhưng thật ra vẫn được hướng dẫn, lèo lái âm thầm, khéo léo đến nỗi như không thấy vân mòng. [32]

«Ma lực Maxwell luôn hiện ra đúng lúc, để hướng dẫn do dự vật chất kịp thời, với một năng lực vi tế khoảng chừng một quang tử.» [33]

Chủ trương của Lecomte du Noüy về sự hướng dẫn quần sinh của Thượng Đế, làm ta nhớ lại quan niệm của Lão tử: «Vô vi nhi vô bất vi.»

«Không làm mà cái gì cũng vẫn làm.» [34]

Hay câu nói của Khổng Tử trong Luận Ngữ: «Trời nói gì đâu, thế mà bốn mùa thay đổi, muôn vật sinh sản. Trời nói gì đâu?» [35]

Lecomte du Noüy viết thêm:

Trong cuộc tiến hóa, vạn vật y như nhắm mắt mà tiến bước lúc trệch sang trái, lúc lái sang phải, rồi lại trở về đúng hướng đúng chiều, y như được hướng dẫn bởi một huyền lực dịu dàng và liên tục, bằng một tiếng gọi xa xăm, tuy nay còn khó hiểu nhưng chúng vẫn phải nghe theo. [36]

Nói cách khác, thuyết viễn đích chỉ chủ trương rằng: Cuộc tiến hóa có một mục đích duy nhất là thực hiện những tâm thần siêu đẳng – «những» thần nhân trong tương lai – còn các phương tiện, cách thức, thì để tùy nghi, tùy thời, tùy thế. [37]

Thế cũng là chủ trương của Dịch Kinh: «Đồng qui nhi thù đồ, Nhất trí nhi bách lự.» (Dịch, Hệ từ.)

Như vậy, thuyết viễn đích vẫn tôn trọng các định luật lý hóa sinh, và vẫn chấp nhận ngẫu nhiên như những duyên do chính trong cuộc tiến hóa. [38]

Thuyết viễn đích chấp nhận một mục đích, một sự hướng dẫn để các hiện tượng luôn biến thiên theo một chiều hướng nhất định. [39]

Ta thấy sinh linh luôn tiến hóa y như là để thêm tự do, khinh khoát, bớt lệ thuộc hoàn cảnh.

Y như mọi sinh vật đều muốn thoát vòng kiềm tỏa của ngoại cảnh, vật chất, và cuộc tiến hóa đã diễn tiến theo chiều hướng ấy. [40]

- Vi vật đơn bào trở thành đa bào.

- Các chức phận sinh lý ngày một thêm tinh xảo hơn.

- Vật không xương sống nhường bước cho những loài có xương sống linh động hơn.

- Vật sống dưới nước sinh ra vật thở được cả dưới nước, cả trên cạn, rồi đến vật sống trên cạn. [41]

Sau loài rắn máu lạnh lệ thuộc khí hậu, là loài chim có máu nóng bớt lệ thuộc hoàn cảnh. [42]

Sau những loài đẻ trứng, tới những loài mang thai, y như là để cho bào thai được bảo vệ dễ dàng hơn, hữu hiệu hơn. [43]

Kết thúc cuộc tiến hóa sẽ là «thần nhân», tượng trưng cho sự «tự do thuần túy». [44]

Để hình dung một cuộc tiến hóa, tưởng chừng như đa đoan phiền tạp vô ý, vô tình, nhưng thực ra được dẫn dắt và có chiều hướng hẳn hoi, Lecomte du Noüy nghĩ ra một thí dụ rất lý thú. Ông viết:

«Giả sử trên đỉnh một dãy núi cao, có một cái hồ lớn, từ đó nguồn nước luôn tung tỏa ra tứ phía, thành trăm ngàn khe suối khác nhau. Dọc đường, những khe suối này gặp biết bao là cản trở, cây đá, khe kẽ v.v... và sẽ tùy trường hợp mà uốn khúc, lượn dòng. [45]

Tuân theo luật hấp dẫn, nước vẫn phải đổ xuôi xuống đáy thung lũng. Có nhiều khe suối gặp nhau, hợp nhau, làm thành thác rộng. Có nhiều khe suối chui mất hút vào trong hốc đá, hẻm đồi.

Có nhiều khe suối khác đọng lại thành ao đầm và không đi xa hơn nữa. Không khe suối nào giống khe suối nào, là vì chúng có phải «chạm trán» với cùng những khó khăn trở ngại như nhau đâu? [46]

Tuy nhiên, tất cả đều bị thúc đẩy bởi một động lực, một nhu yếu: đó là chảy xuống dưới chân núi...

Mục đích ta không phải là so sánh chặt chẽ hình ảnh phác hoạ trên đây với thực sự vô cùng phức tạp của các quá trình tiến hóa. Nhưng tỉ dụ này cho thấy một động lực, một hấp lực lôi kéo nguồn nước chảy xuôi, không khác một «mục đích», một «cứu cánh». [47]

Tất cả những chuyển dịch, những biến cố giữa đường làm cho khe suối thay hình, đổi dạng để thích ứng với hoàn cảnh đều do ngẫu nhiên chi phối.

Nhưng những điều kiện hoàn cảnh, và nhu cầu phải tìm xuống đáy thung lũng lại chính là những yếu tố khiến nguồn nước hồ chiến đấu và lướt thắng mọi trở ngại. [48]

Mục đích thì đã ấn định, nhưng các phương tiện để đạt đích thì không nhất quyết phải thế nào !» [49]

Nếu chấp nhận có tiến hóa, chúng ta không thể chối cãi được là trung bình từ khai thiên lập địa tới nay cuộc tiến hóa ấy vẫn nhất mực đi lên luôn luôn theo một chiều hướng cố định. [50]

... Tiến hóa khác với thích ứng đào thải ở chỗ có một mục đích xa vời, vượt cao lên trên các giống loài. [51]

... Ta chỉ chủ trương có một mục đích cần phải hướng đạt bằng trăm ngàn phương pháp khác nhau, phù hợp với những định luật lý, hóa, sinh thường lệ. Nhiều khi Tạo hóa cũng nhờ đến ngẫu nhiên xác suất. Cá mỗi lần đẻ hàng ức, hàng triệu trứng. Hình như nó biết rằng theo những điều kiện chung quanh của hoàn cảnh, có đến 90% trứng sẽ bị thiêu hủy. [52]

Nói tóm lại, cuộc tiến hóa phải được coi là một hiện tượng toàn bích, tiệm tiến và tiến triển theo một chiều hướng nhất định. Nó là kết quả do hoạt động chung góp của nhiều cơ chế đơn giản như thích ứng (Lamarck), đào thải (Darwin), ngẫu biến (Naudin, deVries) và khởi thủy từ một sinh chất vô định hình hay từ những giống chưa có cấu tạo tế bào để dần dà kết thúc nơi con người biết suy tư và có tâm thần, ý thức. [53]

Chung qui, cuộc tiến hóa chỉ có thể hiểu được nếu chúng ta thừa nhận nó bị chế ngự bởi một mục đích rõ rệt nhưng xa vời. [54]

Tiết 4
Cuộc tiến hóa đến con người đã tiến vào bình diện óc não và nội tâm

Kể từ đây, những nét độc đáo của học thuyết viễn đích càng ngày càng hiện rõ.

Lecomte du Noüy chứng minh cuộc tiến hóa đã xoay chiều vào hướng tâm thần bằng:

1) Sự khảo sát di tích những người tiền sử

2) Bằng sự giải thích mới mẻ đoạn 11 Sáng thế kỷ.

I. – Chứng minh bằng những dữ kiện tiền sử.

Trước hết, ta cũng nên nhớ: Các nhà bác học, kể từ Jacques Boucher de Perthes (1788-1868) đến nay, đã tốn bao công trình để tìm di tích tổ tông loài người, một công trình mà Curvier đã hết sức ngăn chặn, cấm đoán, cho là vô lý mà ngạo mạn. [55]

Lecomte du Noüy ghi lại ít nhiều loại người tiền sử như sau:

- Người Piltdown:cách đây khoảng một triệu năm.
- Hầu nhân (Pithécanthrope) cách đây 500.000 năm.
- Trung hoa nhân (Homo Sinensis) cách đây từ 200.000 đến 500.000 năm
- Người Heidelberg: cách đây từ 50.000 đến 100.000 năm (800.000 năm theo Osborn
- Người Néanderthal:

a/ cựu: cách đây 100.000 năm

b/ tân: cách đây 40.000 năm

- Người Cro-Magnon:

(Linh nhân: Homo Sapiens)

a/ cựu: cách đây khoảng từ 30.000 đến 50.000 năm

b/ tân: cách đây khoảng từ 20.000 năm. [56]

Nơi người tiền sử, ta thấy sự thay đổi về cơ thể rất ít, ví dụ:

1/ Hàm rút lại, bớt nhọn. [57]

2/ Sọ nở thêm. [58]

3/ Lưng bớt còng. [59]

Nhưng ta thấy phát sinh nhiều hiện tượng mới mẻ về óc não, tâm thần làm cho con người ngày càng khác con vật. [60]

Ví dụ:

- Sự sử dụng được đôi tay. [61]

- Sự phát sinh ra tiếng nói. [62]

- Sự chế tạo được dụng cụ và sử dụng được lửa. [63]

- Sự phát hiện những cử chỉ có thể nói là vô ích, như trang trí, hội hoạ, điêu khắc [64] vô ích vì không có dính líu gì đến sinh nhai, sinh kế, nhưng ngược lại, chứng minh một đời sống tâm thần, một khát vọng siêu nhiên và nghệ thuật. [65]

- Người Néanderthal đã biết chôn cất người quá cố. [66]

- Hôn lễ đã được cử hành nhiều nơi. [67]

- Các ý niệm luân lý đã phát sinh. [68]

- Con người đã biết trọng nghệ thuật, đã biết phát minh. [69]

- Con người đã có những ý niệm trừu tượng, những tin tưởng về lai sinh, nguồn mạch sinh ra những ý niệm về đạo giáo và triết học sau này. [70]

Tất cả những sự kiện ấy chứng tỏ ý thức, tâm thần đã xuất hiện. Và con người «nhân diện» «nhân hình» từ nay trở thành con người có «nhân tâm», «nhân tính». [71]

Đó là một sự chuyển hóa hết sức quan trọng đánh dấu cho tất cả một tiến trình mới mẻ và đầy hy vọng. Từ nay cuộc tiến hóa sẽ diễn biến trên bình diện tâm thần. [72]

II.- Chứng minh bằng Thánh Kinh.

Lecomte du Noüy cho rằng sự chuyển hóa từ «con người nhân diện», đến «con người nhân tâm» đã được ghi chép trong Thánh kinh (trong Sáng thế ký)

Ngày thứ sáu, Thượng Đế mới dựng nên người có nhân dạng và chỉ truyền cho phải sinh tồn, sinh sôi nảy nở. [73]

Ngày thứ 8, mới dựng nên con người có lương tâm ý thức.

Thượng Đế truyền «thần khí» vào cho con người, tức là truyền «lương tâm và tự do» truyền cho con người «tàn lửa thiên chân». [74]

Tội tổ tông, như vậy, đánh dấu sự phát sinh của lương tâm và tự do con người. [75]

Con người nhận được giới răn mới là không còn được tùng phục thú tính để tiến vào con đường đưa tới thần nhân.

Và dĩ nhiên là nguyên tổ không thể nào thực hiện mục phiêu đó ngay được. [76]

Tiết 5

Viễn đích cuộc tiến hóa là thực hiện một giống người siêu đẳng, những «thần

nhân»

Giả thuyết viễn đích chấp nhận cứu cánh, nhưng cứu cánh đây không phải là cứu cánh riêng cho từng loại, không phải là cốt sao cho mỗi loài thích ứng được với hoàn cảnh, mà là một cứu cánh xa xăm, tức là «con người»; không phải là con người biết ăn nói, đi đứng, mà là con người toàn chân, toàn thiện, những tâm hồn siêu đẳng, những «thần nhân». [77]

Đây là một giả thuyết, và là một thỉnh lý hiện nay ta không chứng minh được, vì nó bao trùm một tương lai vô tận, nhưng ta có thể suy luận ra nếu ta chấp nhận có sự tiến hóa.

Trước hết, ta phải nhận định rằng Lecomte du Noüy đã chịu ảnh hưởng Renan rất nhiều, vì chính Renan đã chủ trương: con người sẽ tiến tới «thần nhân». [78]

Lecomte du Noüy cũng thường nhắc đến sự xuất sinh của những «tâm thần siêu đẳng» trong tương lai, theo từ ngữ Renan. [79]

Nhưng chúng ta cũng có thể suy ra viễn đích ấy:

Trước hết nhìn về dĩ vãng, so sánh quá trình tiến hóa của con người với quá trình tiến hóa của quần sinh, ta thấy con người mới bước vào sân khấu đời. Tổng số thời gian nhân loại nhiều lắm cũng chưa được nổi một phần nghìn tổng số thời gian tiến hóa của sinh linh. [80]

Nhìn về tương lai dẫu có tận thế, cũng còn phải hàng trăm nghìn tỉ năm nữa. [81]

Ta có thể kết luận:

1) Con người mới bắt đầu công cuộc tiến hóa trên bình diện tâm thần. [82]

Ta biết con người mới khởi sự tiến hóa vì còn biết bao xao xuyến, bao chếch mác, dở dang... [83] Phần đông con người còn rất gần con thú, và mới có rất ít người đi tiên phong trên con đường hoàn thiện. [84]

2) Con người còn có cả một tương lai hầu như vô tận để tiến hóa. Nếu vậy con người sẽ tiến hóa theo chiều hướng nào?

Chẳng lẽ sau khi tâm thần ý thức đã sinh, lại thụt lùi để tiến hóa trên bình diện sinh lý, thể chất? [85]

Chẳng lẽ con người lại mọc thêm cánh, thêm tay ? [86]

Chẳng lẽ con người lại bị thay thế bằng một loài khác ? [87]

Tất cả những giả thuyết này không có một căn bản nào vững chãi. Hơn nữa, bao lâu còn óc chất, sẽ còn tiến hóa. [88] Hoặc con người sẽ tiến hóa nguyên về phương diện lý trí. Như vậy sẽ rất nguy hiểm và buồn tẻ! [89]

Vậy chỉ còn một cách lập luận là con người đã bắt đầu tiến hóa thế nào, sẽ tiếp tục tiến hóa như vậy, nghĩa là sẽ phát huy tư tưởng, các ý niệm luân lý, tâm thần, để rồi sẽ kết thúc ở nơi «thần nhân», siêu đẳng. [90]

Tiết 6

Toát lược thuyết viễn đích theo ngôn ngữ Lecomte du Noüy.

Thuyết viễn đích rất quan trọng, nên sau khi đã trình bày những nét chính yếu như trên, thiết tưởng nên dùng chính những lời lẽ của Lecomte du Noüy mà trần thuật lại học thuyết viễn đích.

oOo

Lecomte du Noüy đã phác hoạ ba sơ lược về thuyết viễn đích:

- Một trong quyển Tương lai tinh thần. [91]
- Một trong quyển Giá trị con người. [92]
- Một trong quyển Định Mệnh con người. [93]

Nơi đây xin toán lược viễn đích luận của Lecomte du Noüy như ông đã trình bày trong quyển «Giá trị con người» và «Định mệnh con người».

Ông chủ trương đại khái như sau:

«Vũ trụ biến dịch, tiến hóa là một sự kiện hiển nhiên, khó lòng chối cãi. [94]

Đại cuộc tiến hóa vũ trụ quần sinh có thể được chia thành 4 thời kỳ liên tiếp nhau trong thời gian, nhưng gián cách nhau vì định luật, lề lối. [95]

1) – Thời kỳ thứ I là thời kỳ vi tử, vi trần [96] chi phối bởi những định luật cơ học ba động, bất trắc, bất định [97] triển chuyển, phản phúc khôn lường, không chiều hướng nhất định [98] không hình dung rõ ràng. [99]

2) – Thời kỳ hai:

Thời kỳ nguyên tử, phân tử [100] tuân theo định lý nhiệt lực tức là diễn biến có chiều hướng nhất định, [101] «bôn lưu hạ giáng bất phục hồi», [102] hoạt lực ngày một suy vi dần cho đến khi vũ trụ im lìm bất động.

3) – Thời kỳ ba là thời kỳ sinh linh; [103] biến hóa, [104] thăng trầm, vinh khô đại tạ, tuần hoàn [105] chứ không trần trần một chiều, một hướng nữa, một ngày một đêm kỳ ảo, phong phú [106] ngược hẳn với những hiện tượng vật chất.

4) – Thời kỳ thứ tư là thời kỳ của con người bị chi phối bởi những giới luật luân lý tâm thần, [107] thời kỳ của những tư tưởng trừu tượng, của tâm tư, ý chí, không còn theo những định luật số lượng nữa. [108]

Thời kỳ I, cách đây chừng 3 tỉ đến 10 tỉ năm.

Thời kỳ II từ 2 đến 3 tỉ năm,

Thời kỳ III từ hơn một tỉ năm nay.

Thời kỳ IV, từ khoảng 100.000 năm nay. [109]

Đối với chúng ta, cuộc tiến hóa là một hiện tượng duy nhất nhưng đa phương, đa diện mà sự liên tục và chiều hướng tiến bộ tuần tự tới những cơ cấu ngày một thêm kỳ ảo, phong phú chỉ được minh xác từ khi sinh vật xuất hiện. [110]

Đại cuộc tiến hóa hiện nay mới diễn biến đến con người có tâm tư, ý thức. Từ nay đại cuộc sẽ chuyển biến ra sao, giòng đời sẽ trôi chảy về đâu ?

Thuyết viễn đích có hoài vọng suy ra mục đích của tấn tuồng sinh hóa biến thiên. Nhờ mục đích thâm

viễn này, ta sẽ hiểu được ý nghĩa mạch lạc tiết tấu của đại cuộc, của toàn bích. [111]

Trước hết ta nhận thấy 5 sự kiện căn bản không ai chối cãi được:

1)- Sự sống đã có một khởi điểm, biểu lộ bằng những sinh vật tối sơ, tối giản.

2)- Sự sống tiến hóa dần dà tới những hình thức phức tạp hơn.

3)- Cuộc tiến hóa đã đạt tới con người và khối óc con người.

4)- Sự xuất hiện của tư tưởng, của ý niệm luân lý và siêu nhiên.

5)- Sự phát triển tự nhiên và biệt lập của những ý niệm ấy ở nhiều địa điểm khác nhau khắp hoàn cầu. [112]

Không một sự kiện nào trong những sự kiện trên đây có thể giải thích được bằng khoa học.

Cho nên cần có một giả thuyết khả dĩ thiết lập được mối tương quan giữa các sự kiện ấy.

Giả thuyết viễn đích hoài bão không những thiết lập mối tương quan ấy, mà còn nối kết năm sự kiện trên với cuộc tiến hóa vô cơ về trước, để toàn thể, toàn bích có ý nghĩa hẳn hoi.

Giả thuyết viễn đích đặt nguyên tắc là:

1)- Các định luật khoa học phải phù hợp, tương ứng với thực tại khách quan.

2)- Không được công nhận một điều mà toán học đã chứng minh là không thể có, chẳng vậy khoa học sẽ mất hết uy tín, thế giá.

Giả thuyết này căn cứ trên sự chứng minh bằng toán học là:

- Sự sống.

- Sự tiến hóa quần sinh.

- Hoạt động óc não không thể ngẫu nhiên mà có được. [113]

Giả thuyết này nhận định rằng:

Cuộc tiến hóa quần sinh là một trong những sự kiện ít ai dám chối cãi nhất, và đã được chứng minh khéo léo nhất bằng khoa học, tuy còn một số cơ cấu chốt then chưa khám phá được ra.

Giả thuyết này nhận định rằng: chẳng nhẽ một cuộc tiến hóa tuần tự diễn biến trong vòng 1.200 triệu năm trường, đột nhiên lại đình chỉ, gián đoạn, khi con người xuất hiện, khi tư tưởng phát sinh.

Nó vạch ra: cái dòng họ mà con người xuất sinh đã tiến hóa không ngừng, còn các chủng loại khác chỉ biến dạng và thích ứng. [114]

Mà sự biến hóa vĩ đại nhất đã kiểm nhận được nơi nhân quần, từ thời đại con người Néanderthal tới nay, là sự biến hóa của khối óc, không thể nào hoài nghi được. Cho nên chúng ta có thể phỏng đoán một cách lý sự rằng từ nay cuộc tiến hóa sẽ tiếp tục nhờ óc não, cơ quan duy nhất, đã giúp con người sống sót và chế ngự được vũ trụ quần sinh.

Cho nên, cuộc tiến hóa từ đây sẽ phát triển trên bình diện cơ thể, vật chất nữa, mà trên bình diện tâm lý.

Và cuộc tiến hóa trên bình diện tâm lý này được biểu lộ bằng sự phát triển và kiện toàn những ý niệm trừu tượng luân lý, siêu nhiên.

Và cuộc tiến hóa quần sinh, đại để, hoàn toàn trái ngược với những định luật vật lý vô cơ. Nó phản lại nguyên lý nhiệt lực thứ hai, then chốt cốt cán của khoa học vật chất chúng ta căn cứ trên những định luật

ngẫu nhiên.

Vậy thì nguyên do và ngay cuộc tiến hóa quần sinh cũng không thuộc phạm vi khoa học. Hiện thời, không một nhà khoa học nào trên thế giới có thể chối cãi điểm này được. Cho nên muốn giải thích những gì đã xảy ra từ khi có sinh linh, chúng ta buộc lòng viện đến một «phản ngẫu nhiên» để hướng dẫn những lớp lang tiến hóa bao la, dài dặc theo chiều hướng tiệm tiến, tiệm năng, càng ngày càng kỳ ảo, nan tri, nan trắc, để cuối cùng đạt tới con người.

Như thế, tức là thừa nhận có một mục đích, một cứu cánh.

... Y thức như, từ khi tế bào nguyên thủy phát sinh, con người đã được quan niệm, được hoài bão; con người đây không phải là một con thú thượng đẳng biết nói, biết dùng tay, mà là một con người chứa đựng được óc não, cơ quan của ý thức, của lý trí; cứ điểm của nhân phẩm và lợi khí để tăng tiến biến hóa.

Con người với khối óc hiện nay chưa phải là đích tiến hóa, mà mới chỉ là một giai đoạn quá giang, chuyển tiếp gữa một quá khứ nặng nề kỷ niệm cầm thú và một tương lai tràn đầy hứa hẹn đẹp tươi, cao quí. Đó là định mệnh con người.

Thế là ý chí ấy đã bộc lộ suốt quá trình tiến hóa, với mục phiêu thực hiện một sinh linh hoàn hảo tinh thần, hoàn toàn thoát vòng cương tỏa của dục vọng, tham ái thường tình, rũ bỏ được những triền phược cố hữu, thoát vòng nô lệ sinh lý xác thân. Tiến hóa không có mục đích phy lý là cắt đứt mọi giây liên lạc giữa xác chất, tinh thần, vì bao lâu còn là con người, làm sao mà xác hồn có thể chia phôi Hán Sở, nhưng chỉ có mục đích chấm dứt quyền thống trị của nhục dục, xác thân.

Cho nên tất cả những gì làm ngãng trở đà tiến hóa trên nẻo tinh thần, luân lý, tất cả những gì làm cho con người thoái bộ, phản nhân, hoàn thú, đặt con người lại dưới quyền thao túng của thể chất đều phản lại ý chí hướng đạo và tiêu biểu cho hung, ác.

Ngược lại, tất cả những gì có khuynh hướng khơi sâu nới rộng vực thẳm giữa con người và con thú, giúp con người tiến hóa trên bình diện siêu nhiên là cát tường, thiện mỹ.

Khách quan mà xét, thì cuộc tiến hóa sinh linh từ vật đến người chỉ có mục đích tạo dựng nên một cơ quan, ấy là khối óc, trong một cơ thể khả dĩ bảo toàn được nó. Những cầm thú, tổ tiên của loài người là những tài tử vô trách nhiệm, đã đóng những vai trò gán ghép trong một tấn tuồng vượt tầm hiểu biết của mình. Con người đã thay vai, trình diễn tiếp theo, nhưng con người muốn hiểu tấn tuồng biến hóa. Con người từ nay có thể cải thiện mình, và chỉ duy con người mới có khả năng ấy.

Con người từ nay biến thành một cá nhân hoạt động, hữu trách; đó là một biến cố mới mẻ, đặc biệt của con người.

Đã đành, trước cũng như sau, vẫn một động cơ tiến hóa, vẫn một phương thức tuyển lựa, đào thải tự nhiên hoạt động, nhưng xưa thì đào thải, tiến hóa lệ thuộc vào các định luật sinh lý và ngẫu nhiên, còn từ nay, thì lại lệ thuộc vào tâm tư ý thức, vào những hoạt động óc não, vào tự do: những dụng cụ, những phương thức mới giúp con người tiến hóa.

Tùy theo trình độ tiến hóa, ta sẽ lựa chọn giữa hai nẻo đường tiến thoái. Sự chọn lựa này sẽ là tiêu chuẩn minh xác xem chúng ta đã tiến tới đâu trên con đường thiện mỹ.

Nếu lướt thắng được thú tính, được những chếch mác, dở dang của tâm tư và dục vọng, con người sẽ đạt được nhân phẩm.

Nếu thất bại sẩy sa trước những cám dỗ của thú tính do tiên tổ chim muông lưu lại, con người sẽ tự loại ra khỏi trào lưu tiến hóa, vì đã tỏ ra bất tài, bất xứng, không góp phần được vào đại cuộc. Đào thải

tuyển lựa tự nhiên là như vậy.

Xưa kia con vật, muốn sống sót, phải lướt thắng những trở ngại thiên nhiên, những thù địch bên ngoài; ngày nay, con người phải lướt thắng các cám dỗ thú tính, mới tiến hóa được.

Cho nên có thể nói được rằng cuộc tiến hóa cốt là để thực hiện những gì kỳ ảo, quí báu nơi con người, những gì làm căn cơ cốt cách con người, phân biệt con người với con vật.

Chính nhờ ở đại cuộc tiến hóa, căn cơ con người mới được cải thiện và tiến tới một mức độ hoàn hảo, mà hiện thời phàm phu không quan niệm nổi, nhưng đã có những bậc đại giác, đại trí linh cảm thấy một cách mãnh liệt, nên họ đã xả thân thủ nghĩa để vẹn niềm với lý tưởng cao siêu.

Nhiệm vụ cao cả của con người là tích cực tham gia vào trình độ tiến hóa mới mẻ này.

Điều quan hệ là thành khẩn, là chuyên tâm, chú ý cải thiện bản thân, là cố gắng không ngừng; còn thành quả là bao, tham gia được mấy, không phải là vấn đề đáng quan ngại.

Như vậy, đời sống con người sẽ có một giá trị đại đồng phổ quát, sẽ trở thành một mắt xích, một vòng khoen trong chuỗi giây chuyền tiến hóa, không còn là thứ đồ chơi vô trách nhiệm, chiếc nút bấc cuốn theo giòng, mặc cho ảnh hưởng ngoại lai đưa đẩy, mà là một phần tử có ý thức, tự quyết, tự động, hoàn toàn tự do lựa chọn giữa đôi đàng, hoặc thoái hóa để rồi lu mờ tăm tích, hoặc tiến hóa để cộng tác vào đại cuộc của Hóa công.

Nhờ có tự do, tự quyết, nên con người khác con vật, và trở nên cao quí. Tự do là vinh dự của con người, nhưng tiếc thay, con người đã không tìm được vinh dự trong tự do, mà cứ tìm vinh dự ở nơi đâu... [115]

Tiến trình tiến hóa, cũng như số phận cá nhân đều lệ thuộc vào sự hăng nồng thành khẩn và liên tục cố gắng của con người; cố gắng để thoát cái lối muông thú, để tự thắng, tự tu, tự luyện, tinh tiến không ngừng.

Sự cố gắng ấy chính là lời tự tuyên xưng niềm tin của mình, vào tương lai tinh thần, vào nhân phẩm nhân cách, và vào Thượng Đế vì Ngài đã muốn thế. [116]

oOo

CHÚ THÍCH

[1] La téléfinalité oriente la marche de l'évolution comme un tout et s'est comportée, depuis l'apparition de la vie sur la terre, comme une force directice lointaine tendant à développer un être doué de conscience, un être spirituellement et moralement parfait. (L'Homme et sa Destinée. Ib. page 154)

… L'évolution … n'est compréhensible que si nous admettons qu'elle est dominée par une finalité, par un but précis et lointain. Si nous n'acceptions pas la réalité de ce pôle directeur, nous sommes forcé d'admettre non seulement que l'évolution est absolument incompatible avec nos lois matérielles … Mais et cela est capital que l'apprition d'idées morales et spirituelles reste un mystère complet. (L'Homme et sa Destinée – page 150)

[2] Si le téléfinalisme, en postutant l'intervention d'une idée d'un vouloir, d'une intelligence suprême, jette un peu de lumière sur l'ensemble des transformations qui conduisent par une ligne ininterrompue jusqu'à l'homme, il semble impossible de na pas voir dans les transformations particulières, limitées aux espèces, quelque chose de plus que le simple jeu des forces physico-chimiques et du hasard. (L'Homme

et sa Destinée, page 170)

… La téléfinalité ne prétend pas limiter les processus d'évolution à tel ou tel mécanisme. Tous ceux qui sont possibles sont admis. (L'Avenir de l'Esprit, page 154)

[3] L'évolution continue de nos jours non plus sur le plan physiologique ou anatomique, mais sur le plan spirituel et moral. (L'Homme et sa Destinée, page 178)

[4] La première indication sur la nouvelle orientation de l'homme a été donnée par les outils de silex brut et les traces de foyer. Cependant d'autres preuves d'humanisation s'y joignirent bientôt et, selon nous, beaucoup plus frappantes. (C'étaient les sépultures… Ib. page 180)

[5] Et je crois que si l'évolution doit se poursuivre dans la mème direction, c'est-à-dire dans un sens toujours plus élevé, elle tendra vers l'avènement d'un être qui ne conserveva de l'humanité que ce qui la sépare de l'animal et s'éloignera de plus en plus de tout ce qui l'y ramène; un être dont la carcasse physique ne sera que le support nécessaire, la torche de cette flame admirable: l'esprit. (L'Avenir de l'Esprit, page 155)

[6] Xem các đoạn II, III, IV, VII, VIII quyển III trong L'Homme et sa Destinée.

[7] Le hasard seul est incapable d'expliquer un phénomène évolutif irréversible. (L'Avenir de l'Esprit, page 136)

[8] Si l'homme n'a pas la certitude ou l'espoir – qu'un effort de volonté (donc une manifestation de son libre-arbitre) peut orienter les évènements dans un sens plus favorable, ou meilleur, il tombera tout naturellement dans sorte d'indifférence et aboutira au fatalisme. (L'Homme devant la Science, page 180)

[9] Le finalisme implique par définition l'existence d'une fin, d'un but à atteindre, sans préjuger des moyens mis en œuvre pour y parvenir. (L'Homme devant la Science, page 187)

[10] L'hypothèse téléologique que nous avons proposée consiste tout simplement à admettre l'existence d'une fin: l'avènement de l'esprit capable, de même que le pôle attire l'aiguille aimantée, d'orienter des efforts, qui sans cela eussent été désordonnés, dans cette direction. (L'Avenir de l'Esprit, page 171)

[11] Par contre sil'on admet l'évolution des êtres, et si elle suscite la moindre curiosité, on doit chercher à la comprendre: c'est l'attitude scientifique normale. (L'Avenir de l'Esprit, page 214)

[12] On doit donc tenir compte des hypothèses qui ont été fournies à ce sujet et les confronter avec les faits. (L'Avenir de l'Esprit, page 214.)

[13] Or on constate que toutes celles qui sont vraiment intelligentes et qui rendent compte, sinon de tous les faits, tout au moins de groupes importants de faits et de leur enchaînement, entraînent la nécessité d'une intervention surnaturelle, para-scientifique. (L'Avenir de l'Esprit, page 214)

[14] Lamarck écrit au chapitre III de sa philosophie zoologique: «Sans doutes, rien n'existe que par la volonté du sublime Auteur de toutes choses… Sa puissance infinite n'a-t-elle pu créer un ordre choses qui donnât successivement l'existence à tout ce qui existe, et que nous ne connaissons pas.» (L'Avenir de l'Esprit, page 147)

[15] Certains auteurs éminents, dit Darwin, paraissent pleinement satisfaits de l'hypothèse que

chaque pièce a été créée d'une manière indépendante. À mon avis, il me semble que nous savons des lois imposées à la matière par le Créateur s'accorde mieux avec l'hypothèse que la production et l'extinction des habitants passés et presents du globe soient le résultat des causes secondaires du même ordre que celles qui déterminent la naissance et la mort des individus. (Ib. page 149)

… Cf, l'Avenir de l'Esprit, page 215.

[16] Sans qu'ils s'en doutent, ils ont été conduits à un point de départ impliquant une intervention divine totalement inconceivable, mais qui, étant réléguée par eux à une époque extrêmement éloignée, ne les dérangeait plus par la suite. Leur raisonnement s'apparente étroitement à celui des enfants qui cachent un objet cassé dans l'espoir qu'on l'oubliera… L'attitude de l'autruche n'est pas scientifique.

[17] Il n'y a pas aujourd'hui, nous le répétons, une fois de plus, une seule hypothèse permettant d'expliquer l'origine de la vie ni l'évolution naturelle… (L'Avenir de l'Esprit, page 215)

[18] Nous sommes donc, bon gré malgré, ramenés ou bien à admettre l'idée de Dieu, ou bien si cette admission heurte la foi laïque dont M. Homais symbolise la puissance, à reconnaître simplement que nous ne savons rien de ces questions en dehors d'un très petit nombre de leurs mécanismes… (Ib page 216)

[19] Beaucoup d'hommes intelligents et de bonne foi s'imaginent ne pas pouvoir croire en Dieu simplement parce qu'ils sont impuissant à le concevoir. (L'Avenir de l'Esprit, page 216)

[20] L'honnête homme doué de curiosité philosophique qui représente l'élite, ne devait pas avoir besoin de représentation de Dieu, pas plus que le physicien n'a besoin de se représenter l'électron. Tout essai de représentation est forcément grossier et faux dans les deux cas. L'électron est matériellement inconcevable et cependant, il est plus parfaitement connu, par ses effets, qu'un morceau de bois. (Ib. page 216)

[21] Si nous pouvions vraiment concevoir Dieu, nous ne pourrions plus croire en Lui, parce que notre conception étant humaine, nous inspirerait des doutes. (Ib. page 216)

[22] Bien entendu, ceci n'est vrai que pour l'homme capable de critiquer ses propres mécanismes intellectuels et d'admettre la réalité et la valeur de l'intuition et des aspiration irrationnelles spontanément écloses dans l'être humain. Les aspirations irrationnelles sont réelles. Elles sont la source de toutes nos idées morales de notre sens esthétique, et de notre soif d'idéal. Leur cause doit donc être réelle aussi, même si elle est inconcevable…(L'Avenir de l'Esprit, page 216)

[23] Ceux qui, honnêtes et sincères, n'ont pas été conduits à admettre la nécessité d'une force organisatrice transcendante, se bornent à dire: je ne sais pas, mais se gardent d'influencer les autres. (L'Avenir de l'Esprit, page 216-217)

[24] Ceux qui, sans preuve aucune – nous l'avons démontré ailleurs – se sont efforcés systématiquement de détruire l'idée de Dieu, ont fait œuvre vile, et antiscientifique. (Ib. page 217)

[25] Et je proclame avec d'autant plus de force et de conviction que je ne possède pas la Foi, la vraie, celle qui jaillit du fond de l'être. Je ne crois pas plus en Dieu que je ne crois à la réalité de l'évolution, ou à la réalité des électrons. Mais, je n'y crois pas moins s'il faut absolument introduire le sentiment dans la science. Et j'ai la certitude scientifique de ne pas me tromper. (L'Avenir de l'Esprit, page 217)

[26] Loin d'être, comme d'autres hommes de science que j'envie, supporté, aidé par une croyance

inébranlable en Dieu, je suis parti dans la vie avec le scepticisme destructeur qui était alors à la mode. Il m'a fallu trente années de laboratoire pour parvenir à me convaincre que ceux qui avaient le devoir de m'éclairer, ne fût-ce qu'en avouant leur ignorance, m'avaient délibérément menti. (L'Avenir de l'Esprit, page 217)

[27] Ma conviction d'aujourd' hui est rationnelle. J'y suis arrivé par les sentiers de la biologie et de la physique, et je suis persuadé qu'il est impossible à tout homme de science qui réfléchit de ne pas y aboutir, à moins d'aveuglement ou de mauvaise foi. (L'Avenir de l'Esprit, page 217)

[28] Mais le chemin que j'ai suivi est détourné, ce n'est pas le bon. Et c'est pour éviter à d'autres l'immense perte de temps et d'efforts dont j'ai souffert, que je m'élève vivement contre l'esprit maléfique des mauvais bergers. (L'Avenir de l'Esprit, page 217)

[29] Tout est déterminé, même le boire et le manger. (maxime chinoise)

[30] Au contraire, nous envisageons un effort direcreur semblable à la gravitation magnétique, et tendant vers un but purement spiritual, extrèmement éloigné. (L'Avenir de l'Esprit, page 258)

… L'hypothèse téléologique que nous avons proposée consiste tout simplement à admettre l'existence d'une fin: l'avènement de l'esprit, capable, de même que le pôle attire l'aiguille aimantée, d'orienter efforts, qui, sans cela, eussent été désordonnés dans cette direction. (L'Avenir de l'Esprit, page 171)

[31] Mais nous admettons que les moyens employés pour y parvenir ressortissent aux lois matérielles et que le chemin s'est effectué comme à tâtons, comme si la nature avait les yeux bandés, et que seul un appel loitain lui dictât son chemin. (L'Avenir de l'Esprit, page 258-259)

[32] Son rôle doit se borner à celui du démon de Maxwell… (L'Avenir de l'Esprit, page 171)

[33] … La quantité d'énergie mise en jeu est Presque nulle en plus exactement, de l'ordre de grandeur suffisant à faire cesser l'indétermination d'Heisenberg, de l'ordre de grandeur de l'énergie d'un photon. (Ib. page 171)

[34] Đạo thường vô vi nhi vô bất vi. 道 常 無 為 而 無 不 為 (Đạo đức Kinh Chương 37)

Le principe est toujours non-agissant (n'agit pas activement) et cependant tout est fait par lui (par participation inapparente). (Léon Wieger, Lao-Tzeu, chap. 37, page 42.)

[35] Thiên hà ngôn tai. Tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên, Thiên hà ngôn tai. 天 何 言 哉! 四 時 行 焉, 百 物 生 焉, 天 何 言 哉 (Luận ngữ, Dương Hóa XVII, câu 18)

[36] On a l'impression que la nature, les yeux bandés, s'avance à tâtons se lance à droite et à gauche pour revenir ensuite, comme si elle était guidée par une force douce et persistante, par un appel lointain, incompréhensible encore, mais auquel elle doit obéir. (L'Avenir de l'Esprit, page 174)

[37] Le but état fixé, non les moyens pour l'atteindre. (L'Homme et sa Destinée, page 146)

… Nous prétendons seulement qu'un but doit être atteint par les méthodes les plus variées, en conformité avec les lois physico-chimiques et les lois ordinaires biologiques. La nature a souvent recours au hasard, aux probabitités en ce qui concerne les êtres vivants… (L'Homme et sa Destinée page 148)

[38] La téléfinalité ne prétend pas limiter les processus d'évolution à tel ou tel mécanisme. Tous ceux

qui sont possibles sont admis… (L'Avenir de l'Esprit, page 154)

… Nous prétendons seulement qu'un but doit être atteint par les méthodes les plus variées, en conformité avec les lois physico-chimiques et les lois ordinaires biologiques. La nature a souvent recours au hasard, aux probabilités… (L'Homme et sa Destinée, page 148)

[39] Son but est différent, du point de départ au point d'arrivée, elle constate qu'il y a eu en moyenne progression constante. (L'Avenir de l'Esprit, page 154)

[40] La liberté croissante des êtres vivants est évidente, si l'on part de l'être monocellulaire et des mollusques: libertés de mouvement, libération des chaînes imposées par une stricte dépendance du milieu (concentration du milieu salin, température, nourriture etc…), libération de la menace, de destruction par d'autres espèces, libération de la nécessité d'utiliser les mains pour marcher ou creuser, libération des méthodes lentes pour la transmission d'utiles caractères acquis et de l'expérience (par la parole et la tradition) et, en dernier lieu, comme nous le verrons, libération de la conscience. (L'Homme et sa Destinée, page 163)

[41] Toute l'histoire primitive de l'évolution nous montre celte recherche de la liberté, cette soif d'échapper à l'emprise de la matière brute. Tous les essays semblent tendre vers cette fin: l'animalcule monocellulaire devient pluricellulaire: ses fonctions, déjà existantes se perfectionment; l'invertébré fait place au vertébré bien plus agile, le vertébré aquatique donne naissance au vertébré dipneuste, puis au vertébré adapté à la vie terrestre. (L'Avenir de l'Esprit, page 172)

[42] Il fallut un nombre immense d'intermédiaires pour passer des poïkilothermes (animaux à sang froid) aux homéothermes (animaux à sang chaud). (L'Homme et sa Destinée page 166)

… De même pour l'apparition de l'homéothermie chez les oiseaux, c'est là un progrès indéniable. (L'Avenir de l'Esprit, page 117)

[43] Les premiers vestiges de mammifères placentaires sont découverts dans le Crétacé (en Mongolie)… Ils (les reptiles) ne pouvaient se douter que l'avenir appartenait à ces bestioles qui représentaient, par leur sang à température constante et le développement proportionnellement considérable de leur cerveau un progrès immense sur les reptiles esclaves de certaines conditions de température, et dont le cerveau était rudimentaire. (Ib. page 126)

[44] Or le Seigneur est l'Esprit et où est l'Esprit du Seigneur là est la liberté (Saint Paul, II Corinthiens III, 17) (L'Homme et sa Destinée, p. 200, notes)

[45] «Supposons qu'un lac, situé sur les hauteurs d'une chaîne de montagnes, donne naissance à de nombreux cours d'eau qui coulent dans toutes les directions. Ces cours d'eau rencontreront sur leur chemin des milliers d'obstacles, pierres, arbres, ravins qui décideront de leur cours et de leur configuration. (L'Homme et sa Destinée, page 145)

[46] Entraînée par la gravitation, l'eau coulera toujours vers le fond de la vallée. Certains ruisseaux s'uniront à d'autres et s'élargiront. Certains se perdront dans les fissures du roc ou des marais.

D'autres formeront de petits lacs et n'iront pas plus loin. Les rochers provoqueront des cascades. Aucun cours d'eau ne ressemblera exactement à un autre, car aucun ne se sera heurté aux mêmes difficultés. (L'Homme et sa Destinée, page 145-146)

Cf. Định mệnh con người, trang 123-124.

[47] Cependant, tous sont mûs par la même force, la même nécessité: celle d'atteindre le bas de la montagne.

Notre objet n'est pas d'établir un rigoureux parallèle entre cette image schématique et l'infinie complexité des processus qui constituent l'évolution. Mais cet exemple montre une force, la gravitation qui agit sur l'eau comme le ferait une cause finale.

(L'Homme et sa Destinée, p. 146. – Cf. Định mệnh con người, p. 124)

[48] Toutes les variations, tous les épisodes intermédiaires qui donnent leur forme et leur aspect aux cours d'eau (adaptation) sont dus au hasard; mais ce sont les conditions extérieures et la seule nécessité d'atteindre le fond de la vallée qui déterminent les efforts de l'eau pour combattre et surmonter ces obstacles. (L'Homme et sa Destinée, p.146)

[49] Le but était fixé, non les moyens pour l'atteindre. (L'Homme et sa Destinée – page 146)

[50] Si nous acceptons l'idée de l'évolution, il nous faut reconnaître le fait qu'en moyenne, depuis le commencement du monde, elle a suivi une voie ascendante, toujours orientée dans la même direction. (L'Homme et sa Destinée, p. 146-147)

[51] On ne confond plus désormais l'adaptation et la sélection naturelle avec l'évolution; celle-ci se distingue des deux autres par son but lointain qui domine toutes les espèces.

(L'Homme et sa Destinée, page 148)

[52] … Nous prétendons seulemment qu'un but doit être atteint par des méthodes les plus variées en conformité avec les lois physico-chimiques et les lois ordinaires biologiques. La nature a souvent recours au hasard, aux probabilités en ce qui concerne les êtres vivants. Les poissons pondent des centaines de milliers d'œufs, comme s'ils savaient, vu les conditions dans lesquelles les œufs doivent éclore que 90% d'entre eux sont destinés à être détruits. (Ib. page 148)

[53] En résumé, l'évolution devrait être considérée comme un phénomène global, irréversible et progressif résultant de l'activité combinée de mécanismes élémentaires comme l'adaptation (Lamarck) la sélection naturelle (Darwin) et les mutations soudaines (Naudin, de Vries). L'évolution commence à la matière vivante amorphe ou à des êtres comme les Coenocytes, encore dépourvus de structure cellulaire, et se termine à l'homme pensant doué de conscience. (L'Homme et sa Destinée – page 149)

[54] L'évolution, nous le répétons, n'est compréhensible que si nous admettons qu'elle est dominée par une finalité, par un but précis et loitain. (L'Homme et sa Destinée – page 149.)

[55] Cf. Pierre Rousseau – Histoire de la Science – p. 669.

[56] Cf. L'Avenir de l'Esprit – pages 184- 185.

[57] À ce moment, sa structure morphologique évoluait encore; son angle facial de 520 chez le Pithécanthrope – augmente. Il sera de 580 chez les premiers Néanderthaliens et de 670 chez les derniers, puis atteindra 950 et même advantage chez les Cro-Magnards. (L'Avenir de l'Esprit, page 185).

[58] La capacité crânienne augmente. (Ib. page 185)

[59] Le corps trapu du Néanderthalien… devait son allure «pithécoide» penchée en avant à la colonne

vertébrale courbée en arrière, formée de vertèbres courtes et puissants, et à la brièveté de la région cervicale aux apophyses épineuses écartées… En somme, la lutte entre l'animalité et l'hummanité dure jusqu'au Cro-Magnard. (Ib. page 186)

[60] Le nouvel être: l'homme à peine dégagé de son ancienne chrysalides, jouit de degré de liberté bien plus grands que les autres mammifères. (L'Homme et sa Destinée, p.183.)

[61] Le développenment et la spécialisation de la main imposa la station verticale. (Ib. page 183)

[62] La parole articulée. (Ib. page 183)

[63] L'outil et te feu. (L'Avnir del'Esprit, page 190. – L'Homme et sa Destinée – page 183.)

[64] Mais le Cro-Magnon était par-dessus tout un grand artiste. Les peintures qui ornent ses caverns sont souvent admirables. Ses sculpteurs, ses graveurs sur or et sur ivoire sont d'un réalisme saisissant. (L'Homme et sa Destinée, page 211)

[65] Ces manifestations inutiles, j'entends par là «non absolument nécessaires pour conserver ou défendre la vie» marquent la date la plus importante de toute l'histoire de l'hummanité. Elles attestent le progrès de l'esprit humain dans la voie de l'évolution, celle qui s'éloigne de l'animal. Les gestes primitifs «inutiles» de l'homme sont, en réalité, les seuls qui comptent. Ils portent le germe des idée abstraites, des idées spirituelles, de l'idée de Dieu libérée de la terreur, de la morale, de la philosophie et de la science. (Ib. page 211-212.)

[66] Non seulement l'homme de Néenderthal enterre ses morts, mais quelquefois il les rassemble, ainsi dans la sépulture de la grotte des enfants près de Menton (France). (L'Homme et sa Destinée, page 180)

[67] Ce qu' il y a de ceitain c'est que la cérémonie du marriage remonte aux époques les plus reculées. Elle a persisté, de même que le culte des morts; et les religions, pour des raisons qui ne sont pas claires, se sont emparées de ces deux traditions. (La Dignité Humaine, p. 107.)

[68] On peut d'ailleurs se demander s'il existe un point de départ commun aux idées abstraites, aux idées morales, aux idées spirituelles, en somme aux manifestations spécifiques du psychisme humain. Nous avons cru le trouver dans ve que nous avons appelé: les gestes inutiles… (La Dignité Humaine-page 100.)

[69] Dans l'échelle des êtres, seul l'homme accomplit des gestes inutiles; il les a inventés, il les a perfectionnés. Ils sont devenus es éléments mêmes de la civilisation et de son orgueil sous la forme d'œuvres d'art, d'idées pures et d'actes traditionnels. (Ib. page 101)

Des désirs et des idées asthétiques sont nés en lui et peuvent être matérialisés pas ses mains… Le sens de la beauté se révèle à lui. (L'Homme et sa Destinée – page 213)

[70] Mais, nous l'avons dit, c'est beaucoup plus tôt, dans les sépultures, qui furent probablement les premiers gestes inutiles, que nous devons rechercher la preuve de l'idée d'un autre monde, d'une survie…

Le culte des morts, durant le Paléolithique, fut le point de départ de tous les soins apportés aux défunts par les hommes. C'est l'origine de tous les concepts qui furent d'abord superstitieux, plus tard religieux et philosophiques. (L'Homme et sa Destinée – page 214)

[71] Jusqu'à l'avènement de la conscience, l'être qui allait devenir l'homme ne différait que morphologiquement de ses ancêtres. Il était soumis aux lois de la nature, aux lois de l'évolution. Il fallait obéir et c'était juste. Du moment où il se demanda si une action était «bonne» ou si une autre était «meilleure» il acquit une liberté refusée aux animaux. (L'Homme et sa Destinée – page 186)

[72] L'évolution continue de nos jours non plus sur le plan physiologique ou anatomique mais sur le plan spirituel et moral… (L'Homme et sa Destinée, page 178)

[73] Les animaux ne sont donc pas libres et telle est la signification symbolique de la Genèse quand elle dit que Dieu leur a ordonné de vivre, de croître et de multiplier…

Le même commandement est donné par Dieu, le sixième jour au premier couple humain – mâle et femelle – qui correspond peut-être à la forme humaine encore inconsciente. (L'Homme et sa Destinée, page 193)

[74] Le huitième jour. Dieu créa un autre être vivant ayant aussi une forme humaine et pour la première fois le texte sacré utilise un langage différent. Dieu insuffle d'abord l'âme dans les narines de l'homme, puis lui interdit de manger le fruit de l'arbre de la connaissance du bien et du mal, sachant qu'il le mangera… Que signifie ce langage?

… Il signifie la naissance de la conscience et de la dernière liberté. (L'Homme et sa Destinée, pages 193-194)

… En donnant à l'homme la liberté et la conscience, Dieu a abdiqué une partie de son omnipotence en faveur de sa créature et c'est là l'étincelle de Dieu en l'homme («Dieu est en vous»). (Ib. page 197.)

[75] Le péché original dont parle l'Ecriture pourrait être interprété comme l'aurore de la conscience humaine dans l'être encore primitif. (L'Avenir de l'Esprit, page 20)

[76] L'homme désormais a le choix ou bien d'obéir aux ordres de la chair et de rejoindre, par conséquent, ses ancêtres animaux, c'est-à-dire de rétrograder; ou bien, au contraire, de lutter contre ces impulsions, ces instincts bestiaux, et d'affirmer la dignité qu'il a conquise lorsqu'il a obtenu la dernière et la plus haute liberté. (L'Homme et sa Destinée, pages 194-195)

[77] La téléfinalité ne prétend pas limiter les processus d'évolution à tel ou tel mécanisme. Tous ceux qui sont possibles sont admis. Son but est différent. Du point de départ au point d'arrivée, elle constate qu'il y a cu, en moyenne une progression constante. (L'Avenir de l'Esprit, p.151.)

… L'évolution dans son ensemble, de l'électron à l'homme, est l'histoire des phénomènes successifs qui ont rendu possible la naissance de la pensée et de la conscience. Le but final à atteindre était depuis le début, non pas la forme humaine, mais la conscience, l'esprit. (La Dignité Humaine, page 20)

[78] Le monde, dans son ensemble est plein d'un souffle divin «le but du monde est le développement de l'Esprit. Or l'Esprit c'est Dieu. (André Cresson, Renan, PUF page 51)

[79] Pour nous autres idéalistes, une seule doctrine est vraie la doctrine transcendante selon laquelle le but de l'hummanité est la consititution d'une «conscience supérieure», ou comme on disait autrefois «la plus grande gloire de Dieu». (Renan) (Cf. L'Homme devant la Science, page 223.)

… Si l'humanité accomplit cet effort, elle contribuera à l'avènement de la conscience supérieure, avant-garde de la race pure et spirituelle destinée à faire un jour son apparition. (Homme et sa Destinée,

page 235)

…Mais notre personnalité n'aura laissé aucune trace dans l'évolution vraiment humaine, nous n'aurons pas travaillé à l'avènement de la conscience supérieure renanienne. (L'Avenir de l'Esprit, page 239)

[80] Si elle (l'évolution) s'est effectuée en un laps de temps de l'ordre de un milliard d'années, l'apparition de l'homme ne remonte, d'après les évaluations les plus généreuses, qu'à un million d'années environ. Ce chiffre est absolument hypothétique à coup sûr. Mais nous pouvons avec une assez grande certitude déterminer – d'après les auteurs les plus compétents – les limites extrêmes entre lesquelles, il est probable que l'homme apparut: cinq cent mille ans d'une part, et un million d'autre part. Si nous acceptions le chiffre le plus haut, nous voyons que cela ne représente que la millième partie environ du temps requis par l'évolution de la vie depuis le début. (L'Avenir de l'Esprit, page 25)

[81] Comme l'apparition de la vie sur la terre ne peut d'après les opinions les plus sérieuses remonter à beaucoup plus d'un milliard d'années, et que d'autre part des savants hardis mais compétents, Sir James Jeans en particulier – estiment que cent trillions d'années (ou un million de million de siècles) devront s'écouler avant que la vie devienne impossible sur notre globe, il est possible d'admettre qu'il se passera dans ce laps de temps – fût-il dix fois ou cent fois plus court, des évènements dont on a peine à se faire une idée… (L'Avenir de l'Esprit, page 23)

[82] Nous sommes tout à fait à l'aurore de l'évolution humaine. (Ib. page 23)

[83] Nous sommes à l'aube d'une nouvelle phase de l'évolution et les terribles remous imputables à ce changement dans l'ordre des choses la dissimulent encore aux yeux de la majorité. (L'Homme et sa Destinée, page 178)

[84] Mais malgré son intelligence, l'homme actuel est encore bien proche de l'animal dont il ne diffère guère physiologiquement. Il ne s'en éloigne, en petit nombre, que par les idées spirituelles et le pouvoir d'abstraction. (L'Avenir de l'Esprit, page 155)

[85] On conçoit mal, après l'apparition de l'être moral et pensant capable de se préoccuper et de son avenir, l'évolution continuant, à travers lui et au delà de lui, d'une façon purement anatomique et physiologique. (L'Avenir de l'Esprit, page 23)

[86] L'idée que l'homme évoluera d'une manière purement matérielle, biologique, en développant une main suplémentaire ou des ailes paraît absurde. (Ib. page 24)

[87] L'hypothèse suivant laquelle il disparaîtrait totalement comme ont disparu le ptérodactyle et le diplodocus, pour être remplacé par un autre animal plus évolué, ne repose sur aucun fait sérieux et n'élimine d'ailleurs pas la possibitité que son cerveau persiste, avec sa mémoire et ses traditions. (Ib. page 24)

[88] Et si le cerveau persiste, pourquoi échapperrait-il à l'évolution ? (Ib. page 24)

[89] Il est possible d'extrapoler à brève échéance et de se demander si l'activité du cerveau est destinée à se prolonger dans le domaine moral et spirituel ou dans le domaine intellectual.

… Admettons, cependant, qu'un jour il sache tout. Que fera-t-il de sa science? La vie en commun sera insupportable, car un homme de génie ou un grand érudit dont la seule qualité est l'intelligence devient

odieux. (L'Homme et sa Destinée – pages 309-400)

L'égoïsme, toutes les plus viles passions se développeront sans contrainte; la dureté du cœur, qui épargne la souffrance sentimentale, fleurira nécessairement et la logique seule sera honorée. La soif du pouvoir, renforcée par des inventions destructives dont la guerre moderne nous a donné une idée, provoquera d'horribles conflits et réduira la majorité des hommes à l'esclavage. (Ib. page 400)

[90] Peut-être est-ce de l'orgueil, mais il semble que si l'évolution doit continuer et l'on ne voit pas pourquoi ni comment elle s'arrêterait – elle doit se poursuivre par l'homme et par ce qu'il a introduit d'absolument nouveau dans le monde, à savoir la pensée abstractive, les idées forces, les idées morales, les idées spirituelles. (L'Avenir de l'Esprit, page 23)

… L'intelligence pure, le pouvoir de raisonner peuvent vraisemblablemet évoluer et se perfectionner. Mais on ne niera pas que le champ ouvert au développement spirituel et moral ne soit infiniment lpus vaste encore.

Et je crois que si l'évolution doit se poursuivre dans la même direction, c'est-à-dire dans un sens toujours plus élevé, elle tendra vers l'avènement d'un être qui ne conservera de l'humanité que ce qui la sépare de l'animal, et s'éloignera de plus en plus de tout ce qui l'y ramène; un être dont la carcasse physique ne sera que le support nécessaire, la torche de cette flamme admirable: l'Esprit. (L'Avenir de l'Esprit, page 155)

… Par nos idées morales et spirituelles, nous nous apparentons à l'être parfait vers lequel tend l'évolution depuis le début. (La Dignité humaine, page 157)

[91] Cf. l'Avenir de l'Esprit, chap. XI

[92] Cf. Dignité humaine, chap. XII

[93] Cf. La Destinée humaine, chap. IX

[94] Un des faits indiscutables de la nature est l'évolution. (La Dignité Humaine, page 205)

[95] Nous constatons, dans l'évolution de l'univers, plusieurs périodes qui se suivent chronologiquement, mais sans continuité en ce qui concerne les lois générales qui les gouvernent. (La Dignité Humaine, page 205)

[96] La première période est celle des corpuscules…

(Mécanique ondulatoire) La Dignité humaine, page 205.

[97] Principe d'indétermination de Heisenberg. (L'Home devant la Science, pages 111-184)

[98] … Au début de l'apparition de la mécanique ondulatoire certains savants espéraient trouver quelque germe de l'irréversibilité dans la structure de la nouvelle mécanique. Mais il nous apparaît maintenant qu'il faut abandonner cet espoir, car l'équation de Dirac pour la matière se trouve complètement réversible, et que le photon d'après la nouvelle théorie de Louis de Broglie est composé d'un demi-photon et de son anti-corpuscule obéissant tous deux à l'équation de Dirac… (L'Home devant la Science, page 110)

… Commet peut-on réconcilier la réversibilité de la mécanique ondulatoire avec l'irréversibilité thermo-dynamique. (Ib. page 111)

[99] Les concepts mathématiques «des corpuscules» élémentaires – qui ne sont plus des corpuscules matériels – expriment seulement la probabilité pour qu'un électron, par exemple, se trouve en ce point… (L'Home devant la Science, page 174)

… On ne peut imaginer, ou, pour employer le mot anglais «visualiser» les éléments qu'on emploie. (L'Homme devant la Science, page 174)

[100] Cette seconde période est soumise à un ensemble de lois nouvelles et en particulier au principe de Carnot-Clausius qui impose un sens unique à l'évolution des phénomènes dans le temps. (La Dignité Humaine, page 205)

[101] C'est cette marche à sens unique, toujours dans le sens de la dégradation irréversible qui justifie le nom de principe d'évolution par lequel on désigne souvent le second principe de la thermodynamique. (L'Home devant la Science, page 95)

[102] L'énergie se dégrade et l'univers tend vers l'immobilité. (L'Home devant la Science, page 94)

[103] Vient ensuite la 3è période, celle de la vie organisée qui possède également ses lois propres et semble échapper au principe de Carnot. (La Dignité Humaine, page 205)

[104] Nécessité pour ce système de vivre au détriment du milieu environnant, ce qui entraîne l'assimilation, et la désassimilation (métabolisme et catabolisme). (L'Home devant la Science, page 133)

[105] Il naît, il meurt; s'il ne meurt pas, il se subdivise en deux… c'est un phénomène cyclique. (Ib. page 133)

[106] Création d'une dissymétrie nouvelle. (L'Home devant la Science)

[107] Enfin paraît la quatrième période celle de l'homme conscient et libre dominée par les règles morales. (La Dignité Humaine, page 205)

[108] Quant au 4è groupe celui de la pensée abstractive, des idées morales et de la volonté, il échappe à toute loi quantitative et domine tous les autres. (La Dignité Humaine, page 206)

[109] La Dignité Humaine, page 206.

[110] La Dignité Humaine, page 206.

[111] Au delà du quatrième, nous pouvons extrapoler, mais c'est tout. Et c'est cette extrapolation – l'hypothèse téléfinaliste qui nous permet de concevoir la signification de l'ensemble et son harmonie. (La Dignité Humaine, page 206)

[112] Cf. La Destinée Humaine – page 359.

- Định mệnh con người – trang 298

[113] Cf. L'Homme et sa Destinée, page 361

- Định mệnh con người, trang 299

Cf. L'Homme et sa Destinée, page 360

Định mệnh con người, trang 299

[114] Cf. Định mệnh con người, trang 299-300

[115] Cf. L'Homme et sa Destinée, page 359-366.

Định mệnh con người, trang 198 – 304.

[116] Le sort de l'évolution aussi bien que le sort de chaque homme dépend de l'intensité, de la sincérité et de la continuité de l'effort qu'il fait pour se dégager de la gangue animale, pour se surpasser. Cet effort constitue sa profession de foi en l'avenir de l'esprit, en la dignité humaine en Dieu qui la voulut. (La Dignité Humaine, page 109-110)

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | **Phần 2**: chương 1 2 **3** 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | **Phần 2**: chương 1 2 3 **4** | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

PHẦN THỨ HAI:
HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH

*

Chương 4
Những suy luận theo nhãn quan tiến hóa và viễn đích.

Hoàn cầu phục vụ con người,

Con người nay trước, con Trời mai sau.

Nội tâm cố tiến vào sâu,

Cửa trời dần mở, cơ mầu dần hay.

Chớ còn gàng quải đó đây,

Ngoài tuy muôn nước, trong nay một nhà...

Thiên sơn, vạn thủy băng qua,

Muôn người như một, thái hòa khắp nơi...

Tiết 1
Những suy luận và hậu quả do thuyết viễn đích xuất sinh.

Những thỉnh lý của thuyết viễn đích thực là giản dị:

1) Cuộc tiến hóa ngày nay chưa ngừng nghỉ nhưng đã xoay chiều vào hướng óc não, nội tâm; tức là đã bắt đầu bước lên bình diện lý trí, tâm thần. [1]

2) Con người mới bắt đầu đi vào con đường tiến hóa ấy. [2]

3) Cuộc tiến hóa này còn lâu lai và cuối cùng sẽ thực hiện được một giòng giống siêu đẳng, những «tâm thần siêu đẳng» những «thần nhân». [3]

Nhưng Lecomte du Noüy đã nhân đấy suy diễn ra vô số hậu quả.

1) Trước tiên, ông cho rằng vì con người sẽ tiến tới «thần nhân», nên điều kiện tiên quyết là phải thoát ly thú tính, dục tình. [4]

2) Muốn đạt đích mới, con người nay đã có những phương thức mới để tiến hóa, đó là:

Truyền thống, [5]

Văn minh, [6]

Từ ngữ, [7]

Và lý trí ý thức. [8]

3) Có chiến thắng được thú tính dục tình, con người mới có nhân phẩm. [9]

4) Muốn đạt đích cao sang ấy con người phải cố gắng không ngừng. [10]

5) Con người phải hoàn toàn được tự do để có thể cộng tác hữu hiệu vào công cuộc tiến hóa của Thượng Đế. [11]

6) Cái gì giúp con người tiến hóa về chiều hướng thần linh là tốt, cái gì làm cho con người thoái hóa, lùi xuống hàng muông thú là xấu. [12]

7) Cái gì cũng tiến từ thô đến tịnh, cho nên mê tín dị đoan chính là những bước đầu chập chững của tín ngưỡng. [13]

8) Khẩu hiệu của Lecomte du Noüy có thể tóm tắt như sau:

«Tiến hóa, biến cải để tiến tới tinh thần, tiến tới tinh hoa, hoàn thiện.»

Khẩu hiệu này làm ta nhớ tới một câu tương tự của Trình Tử viết khi đề tựa Chu Dịch:

Dịch là tùy thời biến dịch để theo Đạo...giúp cho người sau biết ven theo dòng để có thể tìm lại được nguồn. [14]

Chủ trương «tiến hóa biến cải để tiến tới hoàn thiện» của Lecomte du Noüy giúp ta hiểu rõ được quan điểm lập trường của ông về đạo giáo cũng như về nhân sinh, nhân thế.

Xét về phương diện tiến hóa thì đạo giáo cũng như con người không thể nhất đán trưởng thành ngay, và cũng không thể nào bất động, không chịu biến cải với thời gian. Người tiến hóa, thì đạo giáo cũng phải tiến hóa theo. [15]

Khi con người còn thô lỗ thì đạo giáo có thể tiến triển về mặt hình thức, có thể đem lợi lộc, [16] hoặc tai ương [17] mà dụ dỗ hay doạ nạt để dân theo mình, theo giáo lý mình. [18]

Nhưng khi con người đã trưởng thành, thì phải lấy nhân phẩm, nhân cách, lấy lương tâm làm kim chỉ nam cho con người. [19] Khi con người đã hiểu biết, thì đạo giáo cũng phải lo phát triển trên bình diện nội tâm. [20]

Vì theo nhãn quan biến dịch, tiến hóa, nên Lecomte du Noüy không giải thích tội tổ tông như là một sa đoạ, [21] vì sa đoạ là thụt lùi, là thoái hóa; ngược lại ông cho đó là sự phát hiện của lương tâm và tự do. [22]

Ông cho rằng: một đàng thì Thiên Chúa «đã trực tiếp truyền thần» cho con người; ban cho ý thức lương tâm, tự do và tàn lửa thiên chân; sau đó mới truyền cho con người phải lướt thắng thú tính để tiến tới thuần thần. [23]

Một đàng, thì nguyên tổ còn nặng nề và thú tính, vật dục, nên chưa có thể vươn lên. [24]

Ông không công nhận Chúa Giêsu là Thiên Chúa giáng trần mà là một vị chí nhân, chân nhân, đã đạt đích tiến hóa, đã thực hiện được thiên ý trước nhân loại hàng triệu năm, và là một vị hướng đạo vĩ đại, cao siêu của nhân loại. [25]

Địa vị của chúa Giêsu, của những vị chí nhân, đạt nhân trong dĩ vãng, nhân loại khi tiến hóa đến chung cuộc cũng đạt được. [26]

Theo nhãn quan tiến hóa, nhiều học giả chủ trương không thể có đạo giáo nào đột phát, đột khởi mà đã lớn mạnh bằng cách vay mượn lễ nghi, truyền thuyết của các đạo giáo hiện hành để điểm tô cho giáo lý mình. [27]

Với nhãn quan tiến hóa, Lecomte du Noüy cũng đã tham khảo các công trình của các sử gia như:

- Frazer [28]
- Arthur Weigall [29]
- Edmond Claparède [30]

và ông nhận thấy trong quá trình, đạo Công giáo cũng đã vay mượn nhiều huyền thoại của các đạo hồi xưa. [31]

Khi đạo Công giáo chưa ra đời, thì ở các nước phụ cận Địa Trung Hải như Phrygie, Pháp, Ý, La Mã đã thờ những chúa Thần Attis [32] và Mithra. [33]

Thần Attis là «đấng chăn chiên lành», con nữ thần Cybèle, đại thánh mẫu, hoặc là con trinh nữ Nana đã thụ thai một cách lạ lùng vì không hề chung đụng với phàm nhân. Attis đã chết và đã sống lại. Kỷ niệm lễ Phục Sinh Thần Attis được cử hành tại La Mã từ 22 đến 25 tháng 3... Ở Phrygie, ở Pháp, ở Ý và ở những nước mà đạo Attis còn thịnh, người Công giáo đã chọn ngày 25/3 để kỷ niệm sự khổ nạn chủa Chúa. [34]

Thần Mithra được gọi là Thái Dương, là Chúa, vì vậy xưa, dân lấy ngày «chúa nhật», ngày «nhật diệu nhật» để kính ngài và kỷ niệm sinh nhật ngài mỗi năm vào ngày 25/12.

Từ thế kỷ thứ IV, Công giáo cũng đã lấy ngày 25/12 làm ngày lễ Giáng Sinh. Ngoài ra cũng đã lấy ngày Chủ Nhật thay thế cho ngày Thứ bảy Do Thái. [35]

Huyền thoại về Đức Mẹ Đồng trinh Vô nhiễm cũng vay mượn ở các đạo giáo trên. [36]

Những vay mượn ấy, đối chiếu với khung cảnh lịch sử và trình độ tiến hóa khi xưa, thì không có gì đáng trách, [37] nhưng ngày nay, có thể trở nên những mối đe doạ cho tiền đồ đạo giáo, và cần được rũ bỏ dần dần. [38]

Tuy nhiên, qua những lớp lang huyền thoại, dị đoan bên ngoài, ta có thể tìm ra được tinh hoa đạo giáo tiềm ẩn bên trong, đạo giáo chân truyền của Chúa Cơ Đốc và của các môn đệ.

Ta có thể hội ý Lecomte du Noüy, thâu tóm tinh hoa đạo giáo như sau:

1- Tin có Thượng Đế, và ăn ở theo đúng niềm tin ấy. [39]

2- Đạo trời, nước trời, hạnh phúc, chân lý, tàn lửa thiên chân chẳng ở đâu xa, mà ở ngay trong tâm

khảm con người. [40]

3- Đạo giáo thuần túy là thương giúp kẻ bần cùng, sống đời tinh vi, cao khiết không muốn bợn nhơ tục lụy. [41]

4- Theo đạo là cải tạo tâm hồn, tiến tới siêu nhiên, để một ngày kia thiên ý, nhân tâm hòa hợp. [42]

Xét về phương diện tiến hóa, thì những mê tín dị đoan, huyền thoại, huyền sử là sản phẩm của quần chúng. [43] Quần chúng dĩ nhiên không phải là những phần tử tiến hóa, mà ngược lại luôn ù lì bất động, chậm tiến. [44] Cho nên những huyền thoại, huyền sử dẫu đẹp đẽ mấy rồi ra cũng không lợi cho công cuộc tiến hóa, vì vậy cần rũ bỏ dần dần. [45]

Trái lại tinh hoa đạo giáo là một truyền thống quý báu do những vị đạt nhân, đạt đạo lưu lại, nên cần phải được bảo tồn, truyền tụng vì đó chính là bí quyết để tạo nên những chính nhân quân tử. [46] Quần chúng thì vô vàn, nhưng những phần tử tiền tiến, những vị đạt nhân, chân nhân thì thực hết sức hiếm hoi. [47]

Quần chúng có nhiệm vụ sinh sôi nảy nở để bảo vệ giống nòi, để may ra sinh được những danh nhân, những phần tử tiền tiến. [48]

Những phần tử tiền tiến sẽ hướng dẫn nhân loại dần dần về cùng đích. [49] Những phần tử nào thực tình muốn tách khỏi quần chúng, phải nhìn nhận ra con đường tiến hóa của mình là tiến sâu vào chiều hướng, lý trí, tâm tình, tâm thần, bao quát cả các đoạn đường mà khoa học, nghệ thuật và đạo giáo đã vạch ra, để trở thành những «thần nhân», những mẫu người lý tưởng soi đường cho tương lai. [50]

Sau khi đã thấy rõ các nấc thang giá trị, cần phải biết ước muốn cho cao xa, ước muốn những gì là tinh hoa, là vĩnh cửu. [51]

Theo nhãn quan tiến hóa, thì những phần tử tiến hóa chân chính – những tao nhân mặc khách, những hiền nhân quân tử – thật ít ỏi, còn những người có trách nhiệm lãnh đạo tinh thần trên thực tế, nếu xét theo phương diện tiến hóa, theo những tiêu chuẩn giá trị tâm thần, thì nhiều khi lại chẳng có giá trị gì.

Cho nên, Lecomte du Noüy kêu gọi những tao nhân mặc khách, những hiền nhân, quân tử phải nhận lãnh trách nhiệm sửa sang những lỗi lầm của dĩ vãng, [52] và tìm cho ra con đường chân thực cho tương lai, tìm cho ra «một bộ giáo lý mà mọi người có thể chấp nhận được». [53]

Các tao nhân mặc khách không có quyền làm ngơ trước thế cuộc, nhất là khi những người có trách nhiệm và ở vào địa vị lãnh đạo khai hóa nhân dân thường lại không quán xuyến được vấn đề, không phân biệt được tinh thô, chỉ biết hấp thụ mà không biết biến hóa, nên thường đã cản bước tiến của nhân loại. [54]

Vì thuyết viễn đích chủ trương mục đích thì duy nhất, mà phương tiện thì muôn vàn, tùy nghi tùy tiện, nên Lecomte du Noüy công nhận nhân loại không phải chỉ có một con đường, mà có nhiều con đường đưa đến chân, thiện, mỹ.

Các đạo giáo cổ kim đều đã hướng nhân loại về con đường hoàn thiện.

Cho nên thay vì đả kích, hãm hại lẫn nhau, mọi người phải bắt tay nhau để cùng nhau học hỏi rút tỉa những kinh nghiệm đẹp đẽ của nhau, để cùng tiến về đỉnh non hoàn thiện. [55]

Ông tha thiết chủ trương phải phá bỏ cho hết những bức tường, những chướng ngại vật ngăn chặn

chia rẽ con người, làm cho họ mất niềm tin cậy lẫn nhau, giảm tình tương thân, tương ái. [56]

Ông ước mong sự hợp nhất các đạo giáo, trên phương diện lý tưởng, tinh hoa phổ quát đại đồng. [57]

Và để tỏ ra trung thành với học thuyết của mình, Lecomte du Noüy chẳng những đã đề cao Phúc âm, mà nhiều lần còn tỏ ra có nhiều cảm tình với Ấn giáo, Phật giáo, [58] Mormon giáo, [59] Hồi giáo.

Ông đã dùng phương châm Hồi giáo để kết thúc quyển giá trị con người:

«Khi sinh bạn khóc người cười,

Sống sao khi chết bạn vui người sầu.» [60]

Sau khi đã đoán định con người phải tiến hóa về chiều hướng tâm thần, Lecomte du Noüy đã nhận định được giá trị tương đối, và giai đoạn của khoa học. Ông cho rằng khoa học cần phải đi sâu vào nội tâm; kiến văn và trực giác phải bắt tay nhau để phục vụ con người. [61]

Ông cũng chủ trương rằng những tiến bộ về cơ khi trí xảo có nhiều điều hay điều lợi, nhưng nếu thay vì coi nó là một chặng đường để tiến về tinh thần, ta coi nó là cùng đích nhân loại, thì sẽ nguy hiểm vô cùng. Chẳng những lý trí sẽ không đem lại hạnh phúc mong muốn cho nhân loại, mà còn đưa đến một thế giới máy móc, khô khan, tàn nhẫn. [62]

Trong nhãn quan viễn đích, thì cá nhân là quan trọng nhất. [63]

Xã hội, đạo giáo, hay bất kỳ đoàn thể tổ chức nào cũng có mục đích giao hóa, cải thiện và tạo dựng nên những bầu không khí thuận tiện cho siêu nhân thần nhân xuất hiện, và cũng là để cho nhân loại cùng nhau tiến bước trên con đường hoàn thiện, đại đồng. [64]

Phải lo cải thiện tâm hồn con người, hơn là cải thiện hoàn cảnh vật chất bên ngoài. [65]

Con người có thực sự được cải thiện, thì nhân loại mới có thể hưởng được thái bình chân chính «tứ hải giai huynh đệ». [66]

Tiết 2

Toát lược các hậu quả của học thuyết viễn đích theo Lecomte du Noüy.

Sau khi đã suy luận ra các hậu quả của học thuyết viễn đích chúng ta có thể cùng với Lecomte du Noüy toát lược lại một lần nữa dưới một hình thức khác.

Lecomte du Noüy cho rằng nhãn quan tiến hóa và học thuyết viễn đích đưa đến ba hậu quả:

1) Hậu quả triết lý

2) Hậu quả xã hội nhân sinh

3) Hậu quả thực hành và luân lý. [67]

A. – Hậu quả triết lý.

1. – Trước tiên chúng ta phải coi những ý niệm, những sự kiện tâm thần là những sự kiện khoa học, vì chúng ta là những tiêu chuẩn mới để đo lường sự tiến hóa, thay thế cho những tiêu chuẩn cơ thể và sinh lý đã được xử dụng nơi các loài vật hạ đẳng.

Coi hiện tượng tâm thần là hiện tượng khoa học, [68] ta sẽ lập được hệ thống duy nhất cho các loại

hiện tượng, và công cuộc khảo sát, suy tư, giải thích, nhân đó, cũng sẽ trở nên giản dị, vì ta sẽ lấy được cái dễ mà khó.

Hơn nữa, lý trí tiến sâu vào bình diện tâm tình ý thức sẽ tiếp tay được với tuệ giác, trực giác, nguồn mạch phát sinh ra các đạo giáo. [69]

Ta sẽ thấy đường lối suy tư của khoa học cũng đi tới cùng một loại nhân định và kết quả y như những đường lối trực giác, linh giác của các đạo giáo xa xưa.

Ngày nay lý trí và trực giác phải tiếp tay nhau, khoa học phải mở rộng biên cương để tiến về phía tâm thần, đạo giáo cần phải rũ bỏ những tàn tích bàng môn, tả đạo hình tướng thô sơ. Đó là một công trình lâu lai không phải nhất đán, nhất tịch mà thực hiện được. [70]

Đã đành, giáo lý Cơ đốc giáo thuần túy ngày nay đối với quần chúng cũng khó hấp thụ như thuyết Tương đối. Nhưng quần chúng có thể bỏ qua thuyết Tương đối, mà không thể bỏ qua được đạo giáo. Tuy nhiên người ta không thể nào để cho quần chúng dựa dẫm mãi vào một thứ tôn giáo bắt nguồn từ những sự thờ phượng quấy quá, những thần minh khoác lốt người, một tôn giáo không có sức cải thiện sâu xa được tâm hồn con người. [71]

Đã đành đạo giáo có hai mặt nội ngoại, tinh thần và hình thức, nhưng không thể nào dung túng được những hình thức, những hành vi có thể giảm giá các giáo lý cao siêu. [72]

Đó là một vấn đề tế nhị, nhưng không phải vì thế mà trốn tránh quanh quẩn không dám nhìn thẳng vào vấn đề.

Ta nên nhớ lời Renan: «Nếu sau này lòng sùng kính Chúa Giêsu suy giảm đi trong hoàn vũ, thì cũng do những sự kiện mà trước kia đã làm cho người ta tin sùng ngài.» Đừng để cho ý muốn quảng đại ra quần chúng, thu hút đại chúng làm lu mờ mất mục đích chính yếu của đạo giáo là giúp con người chuyển hóa, cải thiện nội tâm, bằng một sự cố gắng chân thành và sáng suốt, chứ không phải bằng sự bo thiết vâng giữ các lễ nghi hình thức bên ngoài mà nay được coi như là những bảo đảm không tốn tiền giúp con người thoát được những hoạn nạn bất kỳ mai hậu. [73]

Giai đoạn chúng ta là giai đoạn giao thời. Nhiều người thấy đau lòng khi phải thay đổi thái độ, phải chuyển hướng, thích ứng.

Những người già nua, luống tuổi đôi khi không còn thích ứng được nữa.

Nhưng tuổi ấu thơ thích ứng dễ dàng. Cho nên cần phải giáo dục lại con trẻ. Mà muốn giáo dục con trẻ, cần phải huấn luyện lại các giáo viên, giáo học.

Các giáo viên theo đuổi tín ngưỡng duy vật lỗi thời về phương diện khoa học là một nguy hại đáng kể. [74]

Cần huấn luyện cho con trẻ, cho các thế hệ tương lai biết trọng lý trí, biết suy tư, nhưng chúng ta cũng cần lý sự cho hợp thời theo kịp những kiến thức mới mẻ nhất, chứ không phải bám víu vào khoa học cũ kỹ già nua từ 50 năm nay. Trọng lý trí là một phương pháp làm việc chứ không phải là một chiêu bài để che giấu, để tuyên truyền cho một chủ nghĩa chính trị. [75]

2.- Một hậu quả triết lý khác của thuyết viễn đích là sự phân tách tâm thần và thể xác.

Sự phân tách này không phải là một động tác tín ngưỡng là là một sự kiện khoa học, bởi vì từ nay không phải thân xác tiến hóa mà là tinh thần tiến hóa. [76]

Phân tách đây không phải là cắt chặt, chia phôi thành hai nửa, hai bên riêng rẽ, mà là cho thấy hai chiều, hai mặt của một khối óc, một con người.

Về phương diện cơ cấu thì khối óc lệ thuộc các ảnh hưởng lý hóa vật chất.

Nhưng về phương diện hoạt động, thì óc não lại sinh ra những hiện tượng tâm thần, lại lệ thuộc vào những lề luật cao siêu, khác biệt. [77]

Nếu chúng ta chấp nhận sự phân biệt này, thì ta thấy yếu tố tâm thần trở nên quan trọng.

Một sự «tự canh cải chuyển tiếp» được bắt đầu.

Tất cả những hình thức tín ngưỡng, thờ phụng tôn giáo bên ngoài trở nên tùy thuộc, đền thờ tâm hồn trở nên chính yếu. [78]

Sự thành khẩn, ý chí cương quyết cải thiện tâm hồn để tiến tới, để góp phần vào công cuộc của Thượng Đế, sự ý thức được nhân phẩm con người, với tất cả những bổn phận do nhân phẩm ấy phát sinh, trở nên những hoạt động đạo hạnh tín ngưỡng quan trọng, và hữu hiệu hơn những lễ bái hình thức bên ngoài, bất kỳ con người theo tôn giáo nào, gọi Thượng Đế bằng danh hiệu gì. [79]

Cố gắng cần thiết nhưng chưa đủ.

Con người muốn tiến hóa còn phải được sự tuyển lựa, sự hộ phù của Đấng Tối Cao. [80]

Muốn tiến hóa, muốn đạt những thành quả, những đặc tính mới mẻ, con người không cần dùng đến công cụ xa xưa như:

- thích ứng

- đấu tranh

- ngẫu biến

mà dựa vào cố gắng cá nhân và truyền thống.

Nhờ truyền thống mà ta bớt nhiều thì giờ mò mẫm tìm tòi. [81]

... Có một điều lạ là học thuyết viễn đích cũng bắt gặp tư tưởng Ấn giáo, Phật giáo hiện đại. Ta cứ đọc đoạn văn của nhà tư tưởng lỗi lạc Ấn giáo là Shri Aurobindo sẽ thấy: «Con người thường sống phiến diện, nhưng dưới hình tượng con người phiến diện ấy, còn tiềm ẩn một con người nội tai sâu sắc đầy khả năng và uy thế, con người nội tại ấy ngày nay cần phải đánh thức dậy. [82]

Tuy ngày nay, ảnh hưởng con người nội tại ấy chưa được phổ cập rộng rãi, nhưng con người ấy sẽ luôn luôn theo đuổi chân thiện mỹ, tăng trưởng quyền uy trí tuệ và tiến tới thái hòa... Cỏ cây và cầm thú đã thực hiện những chặng đường tiến hóa đầu tiên nhưng không hay khôngbiết.

Con người ngày nay tiến hóa, và biết mình tiến hóa. [83]

Tuy nhiên sự tiến hóa ấy không thể thực hiện được nguyên bằng lý trí và ý chí.

Lý trí chỉ tiến được tới một trình độ, một tầm kích nào rồi trở nên luẩn quẩn.

Muốn tiến hóa thêm, con người cần phải chuyển hóa nội tâm để lý trí có thể biến thành một thực thể tinh vi cao khiết hơn.» [84]

Anilbarin Roy, đệ tử của Shri Aurobindo quảng luận tư tưởng của sư phụ mình như sau:

«Con người có thể trở thành siêu nhân, không phải vì đã biết cố gắng hay vì đã biết thiền định, mà khi

đã hoàn tất được công cuộc tiến hóa của đất trời.

«Cũng như con người đã từ con vật mà tiến lên, siêu nhân từ con người mà tiến hóa tiếp. [85]

«Chỉ khác là một đàng muông thú không biết mình tiến hóa, mà đã tiến hóa vì tiềm thức đẩy đưa, còn con người đã có ý niệm về mình, về bản thể của mình, nên có thể góp phần vào công cuộc tiến hóa, thế tức là «minh tri tiến hóa». [86]

«Chính vũ trụ giúp con người bước lên, giúp con người tiến hóa. Tất cả những công trình suy tư về triết học, tu luyện và đạo giáo trong quá vãng đều là những phương thế khác nhau để chuẩn bị cho nòi giống bước lên cho tới giai đoạn tối hậu đó. [87]

«Cái mà con người phải đóng góp, phải cung cấp là sự tin tưởng vào những khả năng thần bí, vào quyền uy đang tung hoành hoạt động ám ẩm sau con người, là sự chân thành rủ bỏ những thú tính thấp hèn, làm cản trở không cho thiên ý hoàn thành công trình, và là một sự ao ước hăng nồng, và bình sinh như nhất.» [88]

II. – Hậu quả xã hội nhân sinh

1) – Mỗi người phải cố gắng không ngừng để tiến tới lý tưởng.

Mỗi người tùy khả năng mình, phải cố gắng tiến tới lý tưởng nhân loại, thuần túy chí thiện mà theo tôi là Chúa Cơ Đốc, không phải nguyên vì những mục đích vị kỷ cầu an, cầu phúc cho tâm hồn, cầu trường sinh vì đã tham tán tài thành và công trình của Tạo hóa, nhưng chính là để chuẩn bị cho một giống người siêu đẳng xuất sinh, đúng như sự hứa hẹn của đại cuộc tiến hóa. [89]

«Cho nên học thuyết này tạo ra cho mọi người một giây liên lạc mới mẻ – một mình liên đới sâu xa, phổ quát, vượt tầm hoạt động cá nhân, và quốc gia dân tộc.

2)- Phải dạy dân trọng nghĩa thay vì trọng lợi. Phải cải tạo con người bên trong, thay vì cải tạo hình thức bên ngoài.

- Mọi người đều góp phần vào công cuộc tiến hóa chung: khi ấy mục đích cá nhân cũng là mục đích nhân loại, nhân quần, nên sự cố gắng của mỗi người, không còn là sự hy sinh nữa mà là một sự đóng góp.

Quyền lợi cá nhân, và quyền lợi nhân loại chỉ có thể hòa hợp đoàn tụ trên bình diện tinh thần. Các nhà khoa học xưa nay thất bại vì chỉ dạy con người vụ lợi lộc vật chất.

- Các nền luân lý xã hội đã tỏ ra rất thiển cận.

Chúng không đếm xỉa đến tâm lý con người vô cùng phong phú, mà chỉ lo vá víu, chắp nối sửa sang những hệ thống sẵn có, nêu cao các đảng phái, các tổ chức chính trị, vì thế nên trước sau cũng đưa đến tranh chấp kinh tế và chiến tranh. [90]

Tất cả những nền luân lý nhuốm màu sắc duy vật đều chung một số phận như vậy.

Xưa nay có nhiều dân nước đã cố gắng cải tạo con người bằng những chính thể, những tổ chức xã hội, những cải tổ bên ngoài.

Dân Incas xưa đã có một tổ chức xã hội, chính trị, đạo giáo vững chãi, tương tự như cộng sản nhưng chính thể ấy đã không bền, vì đã bị những người Tây Ban Nha cuồng bạo, bất nhân, tham vàng làm cho tan tành suy sụp.

Năm 1850, ở Hoa Kỳ, ông Robert Owen cũng định cải tạo lại xã hội, bằng cách bãi bỏ tiền bạc, và tài

sản, bằng cách thực thi một chủ nghĩa cộng sản thuần túy. Ông lập ra một tỉnh mới gọi là «Tân Hòa» (New Harmony). Sau ba năm, người trong tỉnh bắt đầu xâu xé, chống đối, ghen ghét nhau và cuộc thí nghiệm đã đi đến thất bại hoàn toàn.

Con người tóm lại không thể cải tạo được bằng cách thay đổi chế độ tổ chức bên ngoài. Làm như vậy chẳng khác nào một nhà hóa học tính chuyện thay đổi ve chai, để tạo ra những phản ứng hóa học mới.

Nguồn gốc các tệ đoan, tội lệ ở ngay trong thể chất con người. [91]

Muốn diệt trừ những tệ đoan, tội lệ ấy phải tìm cách thanh lọc, tiễu trừ thú tính còn lưu lại, vương vấn nơi con người, và phải dạy con người trọng nhân phẩm, nhân cách.

Đó không phải là chuyện dễ, vì kẻ phàm phu tục tử thừa biết muốn có nhân phẩm, sẽ phải hy sinh nhiều lạc thú, nên họ cũng chẳng muốn có nhân cách nhân phẩm. Cũng như anh binh nhì từ chối không muốn lên cấp tướng, vì nếu làm tướng, anh không còn được la cà trong các cao lâu, tửu quán và theo đuổi tình nhân.

Các đạo giáo, vì đã biết rõ tâm lý con người, nên đã phải bày ra địa ngục để cầm giữ con người; dầu vậy, cũng vẫn chưa cải hóa được tâm hồn con người.

Vua Philippe nước Tây Ban Nha, một giáo hữu sốt sắng lúc gần chết đã phàn nàn vì chưa đốt, giết được nhiều người rối đạo và cho rằng có lẽ vì thế mà Ông gặp nhiều tai ách lúc cuối đời. Nếu được phỏng vấn, không biết Chúa Cơ Đốc trả lời sao về điểm này! [92]

3)- Con người cần phải được hoàn toàn tự do.

Một hậu quả nhân sinh, xã hội khác là con người cần phải được hoàn toàn tự do, tự chủ. Sự tự do là tiêu chuẩn tiến hóa từ đơn bào cho tới con người.

Con người phát triển nhân cách là để tiến tới khinh khoát tự do.

Tự do vừa là công cụ vừa là mục phiêu.

Tự do là mục phiêu, vì trước sau con người cũng phải giải thoát mình khỏi mọi chi phối, kiềm tỏa của nhục dục xác thân đó là quan điểm mà Phật giáo chủ trương tha thiết.

Tự do là công cụ, vì nếu không có tự do, con người sẽ không được tự ý lựa chọn giữa đôi đàng thiện ác, sẽ không thực sự đóng góp được vào công cuộc tiến hóa, và không thể cải thiện, chuyển hóa nội tâm một cách sâu xa.

III.- Hậu quả luân lý, thực hành.

1) Trở về với tinh hoa Thiên Chúa Giáo, đồng thời tẩy trừ những tàn tích mê tín dị đoan đã xâm nhập vào Thiên Chúa giáo.

Hậu quả quan trọng nhất có lẽ là phải trở về với những tôn chỉ cơ bản với tinh hoa Thiên chúa giáo và phải tẩy trừ những mê tín đã đột nhập thẩm thấu vào giáo lý công giáo và đang đe doạ tương lai của đạo giáo. [93]

Chúng ta đã nhận thấy Công giáo đã bắt buộc phải chấp nhận một mớ dị đoan của ngoại giáo, một là vì những dị đoan tà thuyết ấy đã thâm căn cố đế trong dân gian, hai là vì cần phải thu hút tín đồ cho đông đảo. [94]

Ta cũng không nên trách cứ Công giáo đã có hành động ấy, nhất là vì những truyền thuyết, những lối thờ phụng sùng bái hạ đẳng của dân gian tuy trên nguyên tắc lý tưởng thì đáng chê, nhưng xét về mặt

thực tế, thì lại chính là những bước đi chập chững, những lời nói bập bẹ tỏ ra con người muốn vươn lên cho tới lý tưởng, tinh hoa, và cũng là sự biểu dương, phát lộ thông thường của ý thức đạo giáo, mỗi khi con người gặp chuyện không hay.

Thực vậy, con người có đau khổ, có băn khoăn, có sợ hãi thì phẩm cách mới được hình thành, thì các nguyện ước siêu nhiên mới có thể phát sinh. Cho nên nhiều khi đau khổ cũng sinh được điều hay, nhiều khi mê tín, dị đoan cũng đáng quý, đáng trọng. [95]

Tuy nhiên mê tín dị đoan, chỉ có thể quí, có thể thương khi nó còn ngây thơ, ấu trĩ. Nhưng một khi mê tín dị đoan không còn là tin, là mến, một khi nó toa rập với cuồng bạo và độc đoán hà khắc, thì nó trở nên khủng khiếp.

Cuồng bạo và độc đoán hà khắc là hai loại ung thư. Đạo giáo nào dung dưỡng chúng sẽ không còn hy vọng chinh phục được lòng người. [96]

Chúng chính là những cách thức hoành hành của những dục tình hạ đẳng nơi con người, của kiêu căng, độc ác, giả hình, oán hận khi được xã hội, mấu cớ để phát triển vô tội vạ.

Các giáo phái Thiên Chúa cũng đã lâm vào những hoạ hoạn này.

Tây Ban Nha đã mục kích những cảnh tượng hãi hùng do các tòa Hình án Công giáo gây nên.

Ở Mỹ Quốc Thệ phản, cũng đã có những tấn bi sử ở Salem hồi cuối thế kỷ XVII. Năm 1692 ở đấy, có 17 người bị xử giảo vì tội phù thủy pháp môn.

Giles Gorey một cụ già khả kính 81 tuổi đầu, dẫu không nhận tội phù thủy cũng bị chèn, bị nén ngực cho đến khi tắt thở.

Trong thời kỳ kinh khủng ấy, người ta hành hình hơn 200 người và hai con chó. Tôi xin hỏi lại: «Chúa Cơ Đốc nghĩ sao về vấn đề này ?»

Ở Anh cũng có những thảm trạng tương tự xảy ra cho mãi tới năm 1739. Năm 1784 ở Thụy Sĩ người ta cũng còn thiêu sinh phù thủy.

Người ta đã nhân danh Thiên Chúa, nhân danh Thánh Kinh để giết hại nhau. Đã đành những chuyện đó xảy ra cách đây từ hơn hai thế kỷ, đã đành cách giải thích Thánh Kinh ngày nay đã đổi khác, nhưng sự cuồng bạo và sự độc đoán hà khắc đâu đã chịu mai một? [97]

Một khi thấy rằng xưa, nguyên vì giải thích Thánh Kinh khác nhau, người ta có thể đi tới chỗ chém giết hàng trăm hàng ngàn mạng người vô tội, thì tại sao ngày nay chúng ta không chịu giải thích Thánh Kinh cho lý sự, cho khoa học, tại sao chúng ta không có lấy được một đạo giáo vừa trọng Phúc Âm, vừa trọng kiến thức để mà đáp ứng với những rắc rối hiện tại?

Không nên nói rằng một người đạo đức chân thành chỉ cần Phúc Âm, ngoài ra không cần sách vở nào khác.

Kinh nghiệm đã cho thấy có nhiều giáo hữu đau lòng vì những mâu thuẫn tưởng tượng giữa tâm thần và lý trí họ, giữa tín ngưỡng và khoa học. [98]

2) Khoa học cần tiếp tay đạo giáo.

Chúng ta cần khai quang giáo hóa họ.

Nhưng chúng ta nên thay đổi lối diễn đạt tư tưởng, chúng ta nên lấy từ ngữ chính xác của khoa học thay vào từ ngữ tượng hình của Thánh Kinh nay đã lỗi thời. [99]

Chúng ta không thể không đếm xỉa đến khoa học vì khoa học đã tiên tri, tiên đoán sự vận chuyển của tinh cầu, đã chế ngự được nguyên tử, đã làm giảm bớt đau thương, đã cứu sống được vô số nhân mạng, đã cho ta thấy thiên nhiên vô cùng phong phú, và đại cuộc tiến hóa vô cùng hùng vĩ; hơn nữa khoa học thường không bị dục tình chi phối, và thúc bách ta chấp nhận có Thượng Đế.

Toàn thể vũ trụ biến chuyển không ngừng. Giáo hội đã phải công nhận sự biến thiên chuyển dịch đó, vì đã chấp nhận học thuyết Copernic và học thuyết tiến hóa. Đến thế kỷ XIX, giáo hội phải công nhận Thánh kinh không chính xác, nhất quyết mà vẫn có thể giải thích Thánh kinh cho phù hợp với những sự kiện khoa học. [100]

Vậy thì khuyến cáo con người lưu tâm đến khoa học, đến tiến bộ, có gì là xung khắc với đạo giáo chính thống đâu?

Hạnh phúc thay, người có đức tin mạnh mẽ, có lối sống theo đúng tôn chỉ Phúc Âm, và không bao giờ phải thắc mắc xuyến xao trong tấc dạ.

Nhưng những người như thế nhiều không? Chắc là không.

Thực vậy, nếu có nhiều người đạo hạnh chân thành thuần túy lý tưởng như vậy, thì sao cuộc đời vẫn còn đầy thảm kịch, tội ác, tranh chấp, ô trọc, đến nỗi người ta phải cố ngơ, cố quên để khỏi thú nhận thất bại. [101]

Trò đời thường đầy dẫy những cảnh não lòng. Để tìm hiểu duyên do, ta chỉ có hai lập luận:

1) Một là tín ngưỡng, đạo giáo đã lan tràn. Nếu vậy, thì đạo giáo chưa cải thiện được con người là bao lăm, bằng chứng: đời còn đầy dở dang chếch mác, tội lệ, ô trọc, vì đạo không phải ở chỗ năng đi lễ lạy, khấn vái, kinh kệ mà là ở chỗ sống theo lý tưởng Công giáo.

2) Hai là tín ngưỡng, đạo giáo chưa được bành trướng. Nếu vậy mặc dầu với một số giáo sĩ đông đảo, với một uy thế hùng hậu của các giáo hội, các phương pháp giảng giáo đã không có hiệu lực, các lời huấn dụ đã không mang lại kết quả, và như vậy tất nhiên phải tìm những phương thức mới để thâm nhập vào tâm tình, lý trí con người.

Không biết lập luận nào trên đây là đúng.

Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, không thể nào tìm được lý do chống đối lại chủ trương dùng lý trí và thành quả khoa học để phục vụ, để kiện toàn cho những ý niệm thiên phú, trực giác cao siêu.

Chúng ta cần phải tạo nên một bầu không khí thân thiện, chân thành cộng tác và phá bỏ mọi chướng ngại vật hư huyễn giả tạo chia rẽ biết bao con người có thiện chí, làm tê liệt hết cố gắng của họ, giữa lúc cần phải tiếp tay để xây dựng tương lai... [102]

3) Muốn tiến hóa con người cần phải cố gắng.

Ai cũng mong cho nhân loại cải thiện về phương diện tinh thần, nhưng ít ai chịu khuyên con người cố gắng.

Người sùng đạo thì phó mình cho Chúa an bài, người vô thần thì để mặc ngẫu nhiên đưa đẩy.

Người sùng đạo nhất định cấm chỉ mọi sự xét suy, không cho cân nhắc, suy tư, đả động đến những vấn đề siêu nhiên thiết yếu.

Người vô thần thì hoàn toàn tin tưởng vào các giải pháp phiến diện xã hội bên ngoài, mà trước sau cũng sẽ đưa đến độc tài, độc đoán; đến những tổ chức khuôn theo xã hội kiến ong. [103]

Những người lừng chừng vô tín ngưỡng gồm những trí thức cầu an, toạ hưởng kỳ thành, vì đã có học vấn, tài năng, địa vị nên chẳng còn cần phải suy tư cho bận tâm trí. Họ ngạc nhiên khi thấy người khác không bắt chước họ.

Họ cho rằng đạo giáo là mê tín lú lấp, thường phát sinh trong lúc nguy cơ hoạn nạn hay thập tử, nhất sinh.

Nhưng họ có biết đâu rằng xưa nay đã có nhiều nhà bác học trứ danh sống bình yên sung sướng mà vẫn tin đạo, mộ đạo. Đó là một điều đáng cho ta suy nghĩ.

Đó là những Faraday, Maxwell, Ampère hoặc Pasteur mà chắc là những nhà khoa học tầm thường không thể bén gót.

Có kẻ cho rằng các vị bác học ấy đã lỗi thời. Khoa học ngày nay đã tiến bộ hơn nhiều. Tôi đã chứng minh trong vòng hai mươi năm nay, khoa học chẳng những không tiếp tay nổi được chủ nghĩa duy vật, mà còn làm cho chủ nghĩa này trở nên vô lý, mất nền tảng khoa học.

Cho nên cuồng tín, hay vô thần đôi bên đều mắc phải lỗi lầm chung là kiêu căng, đều phán đoán sai lầm khi không muốn đếm xỉa hoặc chối bỏ một nửa con người, hoặc tâm thần hoặc lý trí...

Có lẽ nào sự cố gắng, sức vươn lên đã bảo vệ, đã tạo dựng nên công cuộc tiến hóa, lại ngừng nghỉ nơi con người. [104]

Tại sao sự suy tư, một đặc điểm, đặc tính của con người, lại phát sinh để rồi không được phát triển hoạt động.

Sự tranh chấp giữa các nguyện vọng siêu nhiên với những thú tính hạ đẳng nơi con người đòi hỏi sự cộng tác của tất cả các khả năng của óc chất tâm tư, đem lại cho sự cố gắng lý trí tâm thần một giá trị đặc biệt mà không có bày đặt biên cương, hay hướng chiều hoạt động.

Nếu tôi là linh mục, vì quá thán phục và trọng kính công trình của Thượng Đế, tôi sẽ không dám phân biệt kỳ thị những lối đường, hình thức mà tạo vật đã mượn, đã dùng để suy tư, quan niệm; phải chăng đó cũng là chính ý của thánh Thomas? [105]

Ai cũng phải công nhận rằng có sự ước muốn cố gắng, ước muốn đấu tranh để tiến tới một địa vị cao hơn.

Như vậy ai cho ta quyền để đoán định rằng chỉ có một con đường đưa tới chân lý và tất cả mọi cố gắng của lý trí là vô ích mất công?

Ngăn chặn hủy hoại cố gắng là một nguy hại lớn lao, vì cố gắng là căn bản cho mọi công trình cao cả, cho mọi vẻ đẹp tươi, và giá trị con người... [106]

CHÚ THÍCH

[1] L'évolution continue de nos jours, non plus sur le plan physiologique ou anatomique, mais sur le plan spirituel et moral. (Cf. L'Homme et sa Destinée, page 178)

[2] Nous sommes à l'aube d'une nouvelle phase dé l'évolution. (Ib. page 178)

[3] Il s'agit de prépaper pour l'avenir des générations morales.

Si l'humanité accomplit cet effort, elle contribuera à l'avènement de la conscience supérieure, avant-

garde de la race pure et spirituelle destinée à faire un jour son apparition. (Cf. L'Homme et sa Destinée, page 255)

[4] La lutte animale contre la nature, contre les éléments et contre l'ennemi, la «lutte pour la vie» dont s'est enfin dégagée la forme humaine après dix millions de siècles, se transforme en une lutte de l'homme contre ce qui subsiste en lui de l'animal. (L'Homme et sa Destinée p. 197.)

… Nous avons montré que ce progrès était lié à l'effort individuel effectué dans le but de libérer l'esprit de l'esclavage endocrinien hérité de nos ancêtres animaux. Nous venons de tenter … de montrer qu'un combat semblable est en train de se livrer entre l'intelligence abstractive, la plus haute forme de l'activité intellectuelle et les sentiments dont l'origine peut, elle aussi, se trouver dans notre patrimoine ancestral.

L'homme s'ennoblit par l'effort qu'il fait pour sortir victorieux de cette double lutte dont le prix est la dignité humaine et la spiritualité. (La Dignité Humaine, page 121.)

[5] La tradition, mécanisme humaine de l'évolution. (L'Homme et sa Destinée page 203.)

[6] En tous les cas, il est évident que le véritable but de la civilisation doit être d'aider l'homme à s'amoliorer de toutes les façons et non d'inventer des engines destinés à réduire l'effort physique. (Ib. p. 249.)

… D'innombrables essais furent nécessaires pour donner à l'homme sa forme définitive, de même la civilisation devra tâtonner pour atteindre à son but encore lointain: l'avènement d'une conscience supérieure. (Ib. p. 249.)

[7] La parole articulée à elle seule a déjà considérablement raccourci le temps nécessaire à certaines adaptations. (Ib. page 207)

… La parole et la tradition fabriquent des réflexes conditionnés… (Ibid. page 207)

[8] La contribution de l'homme fut manifestement la complexité du cerveau et dans ce cerveau les centres de la parole, les activités intellectuelles, esthétiques, morales et spirituelles. C'est donc par le cerveau que l'homme doit évoluer. (Ib. page 208)

(Cf. La Dignité humaine, page 79.)

[9] Cela signifie que chaque homme sera mis en face du même dilemme, que chaque homme devra affronter le même conflit et qu'il n'en sortira vainqueur qu'à la condition d'écraser en lui les impulsions animales et de se consacrer au triomphe de l'esprit. Ainsi il remplira sa mission d'homme et concourra au plan divin qui tend à produire un être spirituellement parfait… (L'Homme et sa Destinée, page 197.)

[10] Personne n'a le droit de substituer sa propre conscience à celle d'autrui, car le progrès dépend de l'effort personnel, et supprimer cet effort constitue un crime…

C'est dans l'intensité de cet effort, et non pas dans sa forme ni son résultat que se révèle véritable degré d'humanisation. (L'Homme et sa Destinée, page 189.)

[11] La liberté est donc réelle, puisque Dieu lui-même n'a pas voulu l'entraver. Elle est nécessaire, puisque sans elle, l'homme ne peut progresser, ne peut évoluer. (L'Homme et sa Destinée, page 197)

[12] Le bien, c'est ce qui contribue au progrès de l'évolution ascendante et ce qui nous détache de l'animal pour nous entraîner vers la liberté.

Le mal, c'est ce qui s'oppose à l'évolution et lui échappe par une régression vers la servitude ancestrale, vers la bête. (L'Homme et sa Destinée, page 223)

[13] La superstition peut être considérée comme la première tentative maladroite de l'esprit hominien vers la religion. (La Dignité Humaine, page 129)

[14] Dịch, biến dịch dã, tùy thời biến dịch dĩ tòng đạo dã… Tương tỉ hậu nhân diên lưu nhi cầu nguyên.

易 變 易 也, 隨 時 變 易 以 從 道 也 … 將 俾 後 人 沿 流 而 求 源 .

Chu Dịch Trình Tử truyện tự, trang 4a-4b.

[15] La nature entière se révèle à nous comme un système en état de transformation continuelle. L'Eglise a été contrainte de le reconnaître en acceptant successivement le système de Copernic et l'évolution.

Elle a ainsi admis au XIXè siècle, l'imprécision de la Bible et la possibilité de son adaptation aux faits scientifiques bien établis. (Cf. La Dignité Humaine, p.223)

[16] Au temps de l'gnorance, les religions pouvaient se permettre d'être extérieures, Je veux dire par là, que la forme, les rites, les cérémonies suffisaient à discipliner la masse… (La Dignité Humaine, page 145)

[17] Ceci explique comment et pourquoi les religions, contraintes d'attirer à elles le plus grand nombre possible de fidèles, offrirent aux masses un idéal utilitaire mais médiocre…

Le gain du Paradis est un objectif populaire qui a sans doute, comme le dit Renan obtenu du bon gorille des résultats surprenants. (Ib. page 141)

[18] … Les religions ont inventé un enfer qui a un peu perdu de sa terreur d'aujourd hui. (La Dignité Humaine, p. 211)

[19] N'oublions pas cependant que l'humanité doit, en moyenne, se perfectionner non par l'obéissance aux règles extérieures, mais par un profonde amélioration, et que ses progrès ne dépendent que d'elle-même … (L'Homme et sa Destinée, page 345)

[20] … Au temps de la connaissance, les religions doivent devenir intérieures. (La Dignité Humaine page 145)

[21] Cela ne peut signifier un châtiment arbitraire imposé à tous les descendants de l'homme, mais bien que l'être humain actuel n'est pas encore parvenu au degré de perfection qu'il doit atteindre. (L'Homme et sa Destinée, page 196)

[22] Le péché originel… pourrait être interprèté comme l'aurore de la conscience humaine dans l'être encore primitif… (L'Avenir de l'Esprit, page 220)

[23] … Dieu «insuffla dans ses narines le souffle de vie» et l'homme devint une âme vivante, ce que pourrait être considéré comme significant que Dieu lui donne – et à lui seul – une conscience, c'est-à-dire la liberté de choix. (L'Homme et sa Destinée, page 194)

[24] Le péché orginel n'est rien autre que la soumission animale aux appétits et le mépris de la dignité humaine. (L'Homme et sa Destinée, page 201)

[25] Encore une fois, n'oublions pas que l'homme parfait n'est pas un mythe. Il a existé en la personne de Jésus. (L'Homme et sa Destinée, page 290)

… Ainsi le Christ peut être assimilé à une des formes intermédiaires transitionnelles en avance d'un million d'années peut être sur l'évolution, venu parmi nous pour nous empêcher de désespérer et nous prouver que nos efforts peuvent et doivent aboutir.

L'Homme et sa Destinée, page 198

Cf. La Dignité Humaine, page 194

L'Avenir de l'Esprit, page 259

Định mệnh con người, trang 240.

[26] Cf. Note 2.

… Cependant un tout petit nombre de précurseurs en différents points du globe ont su penser cosmiquement et il se trouve que c'est leur sillage qui a orienté la marche de l'humanité. Nous avançons dans le sillage du plus grand d'entre eux. Bien que mort depuis près de vingt siècles, il est toujours loin devant nous, et nous le suivons péniblement… (La Dignité Humaine, page 145)

[27] … L'idée que certaines croyances et pratiques orthodoxes de nos jours avaient évolué à partir de cultes primitifs avait été émise, entre autre par Hume et Herder. Mais cette idée ne donna vraiment naissance à l'étude comparée des religions que sous l'aiguillon de l'œuvre darwinienne. (Cf. W. Dampier, Histoire de la Science, p.377)

[28] Frazer tác giả cuốn «The Golden Bough» và «Adonis, Attis, Osiris» (Londres).

Cf. Dignité Humaine, page 139.

[29] Cf. Dignité Humaine, page 137, 144.

[30] Cf. Dignité Humaine, page 137, 144.

[31] … Une grande partie du Christianisme n'est qu'une idolâtrie déguisée et il n'est pas exagéré de considérer cette religion comme la dernière forteresse restée au pouvoir des dieux antiques. Pour tout dire, l'adoration de ces divinités ancestrales n'a jamais cessé; elle survit dans nos cultes chrétiens où nous nous adonnons à notre insu, aux mythes du paganisme.»

(Cf. The Paganism in the Christianity – London 1928

Traduction française par A. Flournoy, Paris 1934.

Survivances païennes dans le monde chrétien).

Cf. La Dignité Humaine, page 137.

[32] En Phrygie, en Gaule, en Italie et dans les autres pays où fleurissait le culte d'Attis, les chrétiens adoptèrent le 25 Mars pour célébrer l'anniversaire de la Passion… (La Dignité Humaine, page 138-139)

… La passage du culte d'Attis au culte du Christ s'effectua presque sans transition. (Ib. page 139)

[33] Le plus puissant rival du Christianisme fut, pendant trois cent cinquante années, le Mithracisme, introduit à Rome par des marins de Cicilie vers 68 avant J.C. Le Dieu Mithra aurait mené une existance terrestre et aurait été mis à mort pour le bien de l'humanité. (Ib. page 39)

[34] C'était la légende d'Attis «le bon berger», demi-dieu souriant, tantôt considéré comme le fils de Cybèle, la Grand Mère, tantôt comme le fils de la vierge Nana qui le conçut miraculeusement sans s'être unie à un mortel. Attis mourut (d'une blessure au pied) et ressuscita. L'anniversaire de ces évènements était célébré du 22 au 25 Mars. En Phrygie, en Gaule, en Italie, et dans les autres pays où fleurissait le culte d'Attis, les chrétiens adoptèrent le 25 Mars pour célébrer l'anniversaire de la Passion.

(Cf. Erazer, Adonis – Attis – Osiris, Londres).

La Dignité Humaine – page 139

[35] Le Sabbat hébraïque fut remplacé par le Dimanche (Sunday), jour du Soleil, jour de Mithra aussi appelé Dominus.

Le 25/12 était l'anniversaire du Dieu Solaire et particulièrement celui de Mithra et ce n'est que depuis le 4è siècle que ce jour fut adopté pour la date – inconnue – de la naissance de Jésus. (La Dignité Humaine, page 139)

[36] Prenons par exemple, la légende de l'Immaculée conception qui apparaît pour la première fois dans l'Evangile de Luc (environ cent ans après J.C)… La succès de cette légende est compréhensible, car la mythologie fourmillait de faits semblables et la masse du people aimait ce mystère qu'elle imposa à l'Église: celle-ci résista, mais dut enfin céder en mil huit cent cinquante quatre, date où elle adopta officiellement ce dogme qui enlève toute humanité à Jésus et supprime ainsi la valeur symbolique de sa maîtrise sur la chair. (La Dignité Humaine, page 138.)

[37] L'humanité est loin d'avoir dépassé le stade de l'enfance le stade des livres illustrés. Peut-on, dans son ensemble, blâmer l'Eglise d'avoir quelquefois emprunté les images appartenant à une autre histoire et de les avoir incorporées à la sienne? (La Dignité Humaine, page 143)

[38] Ceci implique… une enification et une clarification des religious car celles-ci doivent débarrasser leurs rites des restes de souillure superstitieuse, qui, plus que le principe de la divinité, ont écarté de la religion nombre d'honnêtes gens. (La Dignité Humaine, page 367)

[39] D'ailleurs, croyance en Dieu, aujourd'hui comme au temps de Saint Paul et de Saint Jacques se résume en très peu de choses. Une admirable définition en a été donnée par un grand écrivain chrétien, Miguel de Unamuno: «Croise en Dieu, c'est désirer son existence et, qui plus est agir comme s'il existait.» (L'Homme et sa Destinée, page 225)

… L'esprit religieux est en nous. (L'Homme et sa Destinée, page 292)

[40] … Souvenons nous que la lumière est au-dedans de nous, et que toute tentative pour la trouver au dehors est vaine. (La Dignité Humaine, page 122)

Puisse-t-il surtout ne pas oublier que l'étincelle divine est en lui. (L'Homme et sa Destinée, page 437)

… C'est … dans ce qu'il y a de divin en home et non dans ce qu'il a d'humain dans les doctrines qu'il faut chercher l'unité des religions. (La Dignité Humaine, page 200)

[41] «La pure religion, vierge de toute souillure devant Dieu le Père, consiste en ceci: réconforter l'orphelin et la veuve dans leur affliction et ne pas se laisser atteindre par la pollution du monde.» (La Dignité Humaine, p.142 – Epitre de Saint Jacques I-27)

[42] Le but suprême est l'amélioration morale de l'individu par l'effort personnel sincère et éclairé…

(La Dignité Humaine, page 211)

Chaque homme doit tendre à se rapprocher, dans la mesure de ses moyens, de l'idéal humain le plus parfait. C'est-à-dire pour nous le Christ. (La Dignité Humaine, page 219)

… L'homme doit continuer d'évoluer vers la spiritualité. (La Dignité Humaine, page 173)

… Cette convergence de la volonté de Dieu et de la volonté de l'homme prend une signification profonde. (Ib. page 163)

[43] Le «complexe religieux» des peuples, qui se manifeste souvent par la superstition et l'idolâtrie, avait adopté toues les légendes anciennes quelle que fût leur origine, les avait embellies et compliquées, adaptées à ses goûts, à ses moeurs et peu à peu cimentées en un ensemble solide… (La Dignité Humaine.)

[44] Malheureusement la grande majorité des hommes n'a pas dépassé le stade de l'enfance au point de vue morale. (La Dignité Humaine, page 178)

[45] Ainsi s'explique le fait que les superstitions, transmises par la tradition, outil humain de l'évolution, s'élève comme des barricades sur la route du progrès. (La Dignité Humaine, page 136)

[46] Et au-dessus de toute cette idolâtrie enfantée par la superstition primitive et modelée par les cerveaux incultes de la foule suivant des formes simples étonnement parentes, plane la haute doctrine du Christ, pure de tout souvenir ancestral, encore hors de portée pour la commun des mortels. (La Dignité Humaine, page 146)

[47] Mais nous savons que la transformation d'une telle masse ne peut commencer que par des individus en général très peu répandus, voir uniques, et que leurs comtemporains moins bien doués constituent seulement la matière brute qui fournira éventuellement d'autres individus mutants, ou rassemblera et transmettra, au moyen de la tradition, le progrès enfanté par quelques cerveaux plus évolués. (L'Homme et sa Destinée, page 267)

[48] Le rôle de la masse d'un peuple ne se borne pas à manger à travailler pour vivre, ou à suivre aveuglement un chef. Son rôle la plus important consiste à produire des grands hommes ces grands hommes qui orienteront sa marche indécise et concrétiseront les qualités qu'on attribuera au peuple tout entier. (L'Homme devant la Science, page 204)

[49] Le rôle de ceux qui sont irréversiblement évolués consiste à protéger la foule contre elle-même, à maintenir et à répandre l'idéal de la dignité humaine. Ceux-là ne disparaîtront jamais, car l'évolution doit continuer… Mais ils peuvent être réduits à une poignée d'hommes contraints pour sauver leur vie et leur foi, de se réfugier dans un désert. (La Dignité Humaine, page 132)

[50] … L'évolution se poursuivrait dans l'homme et par lui sur le plan intellectuel, spirituel et moral… Ce progrès est lié à l'effort individuel effectué dans le but de libérer l'esprit de l'esclavage endocrinien.

… Un combat semblable est en train de se livrer entre l'intelligence abstractive, la plus haute forme de l'activité intellectuelle et les sentiments dont l'origine peut, elle aussi, se trouver dans notre patrimoine ancestral. (La Dignité Humaine, page 121)

… L'homme s'ennoblit par l'effort qu'il fait pour sortir victorieux de cette double lutte dont le prix est la dignité humaine et la spiritualité. (Ib. page 121)

[51] Le drame le plus fréquent de l'homme moyen est qu'il ne sait pas vouloir. Quand un homme réussit à savoir exactement ce qu'il veut, sa volonté d'exécution devient irrésistible. C'est l'hésitation le calcul mental de l'intérêt, le marchandage avec soi-même, la comparaison raisonnable du pour et du contre qui affaiblissent la volonté jusqu'à l'annihiler. (La Dignité Humaine, page 166)

… Flaçons toujours notre but trop haut pour pouvoir l'atteindre et quelle que soit la nature de nos travaux, souvenons-nous que la lumière est au dedans de nous. (La Dignité Humaine, page 122)

[52] Il doit non seulement transmettre la tradition… Mais il a le devoir d'améliorer cette tradition, de la compléter, de la perfectionner, ce n'est que lui et ses pareils qui peuvent le faire. (L'Avenir de l'Esprit, page 28)

[53] En d'autres termes, que le but moral et le rôle social du savant doit être la réalisation du rêve du Renan: l'élaboration d'un «catéchisme désormais acceptable». (La Dignité Humaine, page 148)

[54] Il n'a pas le droit de se décharger de cette noble responsabilité sur des êtres médiocres qui sont administrativement investis de la fonction d'instruire les enfants et les jeunes. Ceux-là sont chargés de transmettre la tradition telle qu'on la leur enseignée. Ils régurgitent sans les avoir digérés, ni assimilés les éléments standards qui forment la trame actuelle de notre vie économique et sociale. (L'Avenir de l'Esprit, page 268-269)

[55] C'est dans les formes que les religions s'opposent les unes aux autres dans les détails matériels du culte et dans les interprétations humaines des symboles. Toutes sont d'accord sur l'existence de Dieu, sur les vertus et sur les règles morales. La pureté, la bonté, la beauté, la foi sont partout vénérées. Or c'est elles qu'il s'agit de faire régner… (L'Avenir de l'Esprit, page 265 – Cf. L'Homme et sa Destinée, page 294-295)

[56] Il est important par dessus tout, d'abattre les barrières de papier camouflées en fer qui, hélas ! se dressent entre les hommes et sterilisent leurs efforts en un temps où il leur serait plus que jamais nécessaire de coordonner leurs forces pour modeler l'avenir.

(L'Homme et sa Destinée, page 387)

[57] C'est dans ce qu'il y a de divin en l'homme, et non dans ce qu'il y a d'humain dans les doctrines qu'il faut chercher l'unité des religions. (La Dignité Humaine, page 200)

[58] Chose extrêmement curieuse, le téléfinalisme recoupe ici la pensée bouddhique moderne, comme on peut, s'en rendre compte par le passage suivant extrait des écrits d'un grand penseur hindou Shri Aurobindo …

(Cf. La Dignité Humaine, page 217)

.. Cf. Ib. page 221

[59] Ceux qui les (les Mormons) forçaient à fuir étaient des chrétiens aussi, des protestants et des catholiques. Ce jour-là, ils (les protestants et les catholiques) étaient moins grands que les Mormons. (L'Avenir de l'Esprit.)

[60] En naissant, tu pleurais et l'on riait autour de toi, conduis ta vie de telle sorte qu'à la mort, tu souries et que tout le monde pleure. (Devise musulmane).

La Dignité Humaine, page 256

[61] Il importe maintenant que les efforts rationnels (science) et intuitifs (religions) se confondent… (La Dignitée Humaine, page 210)

[62] … Livrée à elle-même, l'intelligence est dangereuse… Elle a conduit non seulement au matérialisme, mais à des monstruosités. (L'Homme et sa Destinée, pages 253-254.)

… Si l'intelligence devait régner seule, tous les traits humains dont nous sommes fiers – le sens du devoir, de la liberté, de la dignité, de la beauté, de l'effort désintéressé – disparaîtraient petit à petit et se perdraient dant l'oubli jusqu'à ce que la civilisation sombre, sans même jeter une dernière lueur. (L'Homme et sa Destinée, pages 405-406.)

[63] La société doit être digne de l'homme et l'homme ne doit pas être dominé par la société.

(La Dignité Humaine, page 252.)

… Ce principe général si logique … consiste à envisager la solution de tous les problèmes humains à travers l'individu, en le considérant comme l'élément actif de la perfection des organismes auxquels il s'incorpore. (La Dignité Humaine, page 252.)

[64] Dans la nature, dans l'évolution c'est l'homme seul qui compte et que les évènements sociaux suivent son évolution psychologique. (Ib. page 25.)

[65] … Rien de permanent ne se construit qui n'est pas la conséquence d'une transformation préalable profonde dans l'âme individuelle et que cette transformation doit être à la fois le centre et le but de tous les efforts. (La Dignité Humaine, page 252-253.)

[66] Il faux bâtir la Paix en reconstruisant l'homme par l'intérieur et non pas en édifiant des structures extérieures. La source de toute guerre, la source de tout mal gît en nous. Aucune protection extérieure ne sera efficace si l'ennemi tapi au fond des cœurs est autorisé à survivre. (La Dignité Humaine, page 251.)

[67] Từ đây sấp xuống, xin lược dịch từ trang 210 đến trang 226 trong quyển Giá trị con người.

[68] Từ trước tới nay khoa học từ chối không chấp nhận những hiện tượng nào mà không thể trực tiếp quan sát được, đo lường được.

… Dans ses raisonnements, Einstein invoqua continuellement un principe nouveau qu'on pourrait appeler «le principe de St Thomas» et qui refuse non seulement de prendre en considération ce qui est inobservable, mais de lui accorder même l'existence logique.

(René Sudre, Les Nouvelles Enigmas de l'Univers p. 80.)

[69] Le domaine psychique, moral et spirituel se trouve donc incorporé au domaine scientifique et la science rejoint enfin cette autre activité intellectuelle purement basée sur l'intuition qui aboutit aux religions. (La Dignité Humaine, p.210)

[70] Il importe maintenant que les efforts rationnels et intuitifs se confondent, ceci impose d'abord un élargissement de la science, mais aussi une épuration des religions, car elles doivent se débarrasser de tout ce qui demeure de pollution païenne dans leurs rites. Non pas brutalement, certes, mais progressivement. (La Dignité Humaine, p.21)

[71] … Et l'on ne doit pas lui (à la foule) fermettre indéfiniment de se reposer sur une religion qui prend sa source dans une idolâtrie anthropomorphique et est incapable d'entraîner une profonde

amélioration morale. (La Dignité Humaine, p. 211)

[72] L'existence de deux religions, ésotérique et exotérique, est admissible à condition que la forme exotérique respecte la pureté et la rigueur de la tradition ésotérique et ne totère pas, par faiblesse, des pratiques susceptibles de jeter le discrédit sur le dogme. (La Dignité Humaine, p. 211)

[73] Rappelons-nous ce qu'écrivait Renan: «Si jamais le culte de Jésus s'affaiblit dans le monde, ce sera à cause des faits qui ont fait croire en lui.» Il ne faut pas que la poursuite de la quantité fasse perdre de vue la qualité, il ne faut pas que le désir de s'étendre en surface et de gagner un nombre immense de fidèles fasse oublier que le but surprême est l'amélioration de l'individu par l'effort personnel sincère et éclairé, non l'obédience plus ou moins superstitieuse à des rites extérieurs considérés comme une assurance gratuite contre les malheurs éventuels… (La Dignité Humaine, p. 211)

[74] … Il est bien clair que l'instituteur, laïque, prosélyte, d'une foi matérialiste périmée au point de vue scientifique, à de rares exceptions près, représente un danger qui s'est déjà matérialisé plusieurs fois. (La Dignité Humaine, p. 212)

[75] Si nous devons former les générations futeurs rationnellement, nous sommes en droit d'exiger que ce rationnalisme soit totalement rationnel, conforme à état actuel de nos connaissances, et non pas inspiré par une science vieille de cinquante ans. Le rationnalisme ne doit pas être un pavillon qui couvre une merchandise, un domino sous lequel se dissimule une mystique politique. (La Dignité Humaine, p. 213)

[76] Une autre conséquence philosophique du téléfinalisme est la disscociation du corps et de l'esprit, dissociation considérée, non plus comme un acte de foi, mais comme un fait scientifique puisque dorénavant c'est l'esprit, non le corps qui évolue. (La Dignité Humaine, p. 213)

[77] Il ne s'agit pas d'une dissociation au sens où l'entendait les «animists» de jadis. Il n'est pas question de faire de l'âme une entité indépendante du corps et l'habitant. Scientifiquement cette attitude est indéfendable – mais d'autre part, l'attitude purement mécaniste, moniste, nous l'avons montré dans notre précédent ouvrage, n'est soutenable qu'en tant que profession de foi, ce qui est également antiscientifique … ibid. 213

… Nous nous trouvons en face d'un phénomène autonome dont les rouages ressortissent encore aux lois de la matière vivante, mais dont l'activité est soumise à d'autres disciplines dérivées de cette activité même, et directement dépendantes des lois transcendantes de l'évolution… Ib. 215.

Or, comme nous l'avons dit précédemment, c'est bien le cerveau qui se perfectionne matériellement. Mais il est parvenu au point où son activité se manifeste sur un plan supérieur, par des faits psychologique… Ib.215.

[78] À partir du moment où nous acceptions cette dissociation … l'élément subjectif, psychique devient prépondérant une sorte d'autocatalyse est amorcée. Les formes extérieures de la foi, la dévotion, les rites, les manifestations du culte passent au second plan: ce temple intérieur prend la première place … (La Dignité Humaine, p. 21.)

… «La loi est écrite dans les cœurs.» (Paul, Romains 2, 15).

«Le temple de Dieu est saint, et vous êtes ce temple.» (dto Cor. 3, 17, dto. Galates 5, 6).

La Dignité Humaine 216.

[79] … La sincérité, la volonté de se surpasser moralement pour jouer son rôle dans l'œuvre divine, la conscience de la dignité humaine au Créateur, sont des actes de foi plus efficace que la fidélité aux offices. (La Dignité Humaine, p. 216)

… Những lời của Lecomte du Noüy làm chúng ta nhớ lại mấy lời Thánh Kinh:

«Dân này lấy miệng thờ Ta,

Nhưng mà lòng họ cách xa muôn trùng,

Phụng thờ hình hạc luống công,

Giáo điều giảng dạy toàn lòng nhân vi.»

(Phúc âm Matthieu 15, 8, 9).

… Đấng Tối Cao chẳng ở trong những nhà do tay con người tạo dựng. (Công vụ sứ đồ 7, 48).

Thiên chúa đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó, là Chúa của trời đất chẳng ngụ tại đền thờ do tay người tạo dựng nên đâu. (Công vụ sứ đồ 17, 24).

[80] Je ne prétends nullement que cet effort individuel soit suffisant, mais il est nécessaire…

… De même, au cours de l'évolution psychique, il faut cette intervention (de l'Anti-hasard), pour sélectionner et fixer les caractères transmis… (Ib. 216).

[81] Comme le mécanisme n'est plus identique et que la lente acquisition des caractères nouveaux par le jeu du hasard, des mutations, de l'adaptation, de la sélection naturelle est remplacée par l'effort individuel et la tradition, comme ce nouveau processus est infiniment plus rapide, l'intervention est de nature différente et se manifeste plus économiquement, c'est-à-dire avec moins de pertes, moins de gâchage pour ainsi dire …

Ib. 216, 217.

[82] Chose extrêmement curieuse le téléfinalisme recoupe ici la pensée

bouddhique moderne, comme on peut s'en rendre compte par le passage suivant extrait des écrits d'un grand penseur hindou, Shri Aurobindo.

«L'homme est surtout en surface, mais il y a en lui un être intérieur plein des plus grandes possibilités et qu'il se doit anjourd'hui d'éveiller.» (La Dignité Humaine, p. 217.)

[83] Car son influence actuelle quoique très réduite, ne l'en poussera pas moins à la constante poursuite d'une beauté, d'une harmonie, d'une puissance et d'une connaissance plus hautes.

Tandis que les premières étapes de l'évolution étaient acceptées sans volonté consciente par la plante et l'animal, dans l'homme, la Nature devient capable d'évoluer par une volonté consciente dans l'être. (Ib. 217.)

[84] Ce n'est cependant pas par la volonté mentale dans l'homme que ceci peut être pleinement réalisé, car il est seulement permis au mental d'aller jusqu'à un certain point au delà duquel, il ne peut que se mouvoir en cercle. Une conversion doit se produire, une modification de la conscience par laquelle le mental se transforme en un principe plus élevé.

- Ib. 218.

- Teaching of Shri Aurobindo

- Arya Publishing House Calcutta.

[85] «L'homme peut devenir un surhomme, non pas en vertu d'un effort ou d'un sâdhana, qu'il accomplit, mais seulement lorsque se complète le cours de l'évolution propre à la nature. De même que l'homme a évolué à partir de l'animal, de même le surhomme évoluera à partir de l'homme. Ib. 218.

[86] La seule différence est que les animaux ne prirent aucune part consciente à leur évolution, mais furent poussés par une impulsion subconsciente. Dans l'homme, la nature s'est élevée à la conscience de soi, et l'étape suivante dans l'évolution se fera avec la coopération de l'homme. Ib. 218.

[87] C'est la nature elle-même qui conduit l'homme dans son ascension; toutes les disciplines morales et spirituelles du passé ont, de diverses manières préparé la race pour cette montée finale. (La Dignité Humaine, p. 218.)

[88] Ce que l'homme doit fournir est sa foi, sa foi dans les possibilités et dans la puissance qui sont à l'œuvre derrière lui, sa sincérité à rejeter tous les mouvements inférieurs de la nature qui font obstacle à la réalisation divine et enfin une aspiration fixe et sans défaillance. (Ib. 218.)

[89] Chanque homme doit tendre à se rapprocher, dans la mesure de ses moyens, de l'idéal humain le plus parfait – c'est-à-dire pour nous le Christ non seulement dans le but égoïste d'atteindre la paix de l'âme, le bonheur intérieur et l'immortalité par intégration à l'œuvre divine, mais dans le but de contribuer à cette œuvre, de préparer l'avènement de la race supérieure, promise pas l'évolution. (La Dignité Humaine, p. 219.)

[90] Les morales socialistes ont toujours fait preuve d'une pauvreté d'imagination déplorable. Non seulement, elles négligeaient complètement la psychologie humaine et son infinite richesse, mais elles ne préconisaient jamais que des adaptations des modifications de systèmes existants, en respectant toujours la notion dangereuse de groupe politique, qui finit inévitablement par aboutir à des conflits économiques et à des guerres. (Ib. 210)

[91] La source de tout mal est dans la substance même de l'homme. (La Dignité Humaine 220)

[92] C'est parce qu'elles savant cela et qu'elles possèdent une connaissance profonde de la nature humaine que les religions ont inventé un enfer, qui a un peu perdu de sa terreur aujourd'hui. Mais la religion catholique elle-même n'a pas toujours obtenu les résultats les plus moraux: Philippe d'Espagne, fervent chrétien, se demandait à l'heure de sa mort, si les quelques revers qui avaient accompagné la fin de sa vie n'étaient pas dûs à ce qu'il n'avait pas fait brûler assez d'hérétiques. Qu'aurait répondu le Christ, si la question lui eut été pesée? (La Dignité Humaine, p. 221)

[93] La plus importante est peut-être le retour aux principes fondamentaux du christianisme, et la nécessité de la lutte contre les superstitions qui s'infiltrent dans la doctrine et menacent son avenir. (La Dignité Humaine, p. 221)

[94] Nous avons montré comment cette symbiose s'est installée et comment les efforts de l'Eglise avaient été paralysées par la multiplicité et la ténacité des légendes païennes dont les origines remontent à une haute antiquité. Nous avons vu pourquoi l'Eglise avait été forcée de tolérer certaines pratiques idolâtriques profondément enracinées, estimant plus sage de les assimiler en les christianisant, plutôt que de les rejecter entièrement, ce qui aurait écarté un nombre immense de fidèles. (Ib.221)

[95] Cf. La Dignité Humaine p. 221-222

[96] La Dignité Humaine, p. 222

[97] Il y a deux cent cinquante ans de cela, dira-t-on, mais c'était au nom du même Dieu, du même Livre. Aujourd'hui, le Livre est interprété différemment, mais le fanatisme et l'intotérance ne sont par morts. (La Dignité Humaine, p.222)

[98] Cf. La Dignité Humaine, p. 223.

[99] Cf. La Dignité Humaine, page 223.

[100] La nature entière se révèle à nous comme un système en état de transformation continuelle. L'Eglise a été contrainte de le reconnaître en acceptant successivement le système de Copernic et l'évolution. Elle a aussi admis, au XIXè siècle, l'imprécision de la Bible, et la possibilité de son adaption aux faits scientifiques bien établis. (La Dignité Humaine, p. 223)

[101] La Dignité Humaine, p. 223-224.

[102] La Dignité Humaine, p. 223.

[103] Ib. 225.

[104] Cf. La Dignité Humaine, p. 226.

[105] Cf. La Dignité Humaine, p. 226.

[106] Cf. La Dignité Humaine, p. 227.

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | **Phần 2**: chương 1 2 3 **4** | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | **Phần 3**: chương **1** 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

PHẦN THỨ BA:
NHẬN ĐỊNH VÀ PHÊ BÌNH

*

Chương 1
Nhận định về thân thế và tư tưởng Lecomte du Noüy

Le lien qui nous relie à l'Universel se situe en effet dans l'intimité de notre structure psychique, au-delà des couches les plus profondes de la Conscience

RÂM. LINSSON

(Cf. Etudes psychologiques des C. G. Jung à Krishnamurti, page 23)

Giây liên lạc nối kết ta với Đại thể thực đã ở ngay trong tầng sâu các cơ cấu tâm tình ta ở bên dưới các lớp lang ý thức sâu xa và thầm kín nhất.

Tiết 1
Nhận định về thân thế và nhân cách Lecomte du Noüy

Đọc các tác phẩm của Lecomte du Noüy ta không khỏi thán phục ông là con người thoát sáo, thành khẩn và chính trực.

Hay khen hèn chê; biết thì nói biết, không thì nói không; thực là thái độ của một chính nhân, quân tử.

Ông đã không hề dối với lòng mình, và chỉ biết tôn trọng sự thực. Ông viết:

«Về học thuyết viễn đích căn cốt của cuốn sách này, nếu tôi đã thấy có gì trái ngược, thì tôi đã nêu ra tức khắc.

Nếu trong vòng ba mươi năm khảo cứu trong phòng thí nghiệm tôi ngẫu nhiên tìm ra được một giải pháp mâu thuẫn với lý thuyết mà tôi đã đạt được, tôi sẽ theo gương Pasteur mà trở lại bênh vực lý thuyết mới một cách say sưa tha thiết chống lại với lý thuyết cũ mà tôi đã chủ trương.» [1]

Ta cũng thấy Ông có những nguyện ước cao xa, có tầm nhìn lối nghĩ bao quát không gian, thời gian, [2] và không có những chủ trương tiểu kỷ, hẹp hòi. [3]

Tâm hồn ông đã đạt được tầm kích vũ trụ. Ông biết Ông sẽ bất tử, lưu dấu vết lại nơi gian thế, [4] và tin chắc mình đã góp phần vào công việc hướng đạo nhân loại. [5]

Ông không thiên vị, và rất cương trực. Ông dùng tâm thần, lý trí và văn chương để phục vụ nhân loại và các giá trị vĩnh cửu con người. Ông không chịu theo dư luận, thành kiến, hay lồng mình vào một khuôn khổ tư tưởng nào. Cho nên Ông tiên đoán sẽ có nhiều người chẳng ưa Ông:

Ông tâm sự:

«Tôi đã đi đến những kết quả ấy bằng những phương pháp mà nhiều người sẽ chỉ trích.

Những người chỉ trích tôi sẽ là các nhà sinh vật học mà tôi kính mến; các nhà khoa học mà tầm mắt chỉ thu hẹp trong phạm vi chứng cứ trong thực tại toán học; những nhà triết học, luân lý học vì tôi đã đi vào lãnh vực của họ; các nhà thần học và Giáo hội vì tôi đã không tôn trọng hết mọi giáo lý.

Chúa biết cho tôi rằng, tôi cũng như mọi người, muốn được sự trọng kính của những người tôi quý mến, nhưng tôi không màng những điều đó, tôi chỉ nghe theo lý trí và lương tâm tôi, tôi sẽ bằng lòng vì số phận tôi và tôi muốn nhắc lại lời Thémistocle: «Đánh tôi thì đánh, nhưng hãy nghe tôi.» [6]

Thực là những lời lẽ chân thành và thống thiết. Câu nói trên làm chúng ta nhớ lại lời tuyên bố của Luther ở Hội nghị Worms năm 1521:

«Lương tâm tôi bị chi phối, bị chinh phục bởi lời Thiên Chúa. Tôi không thể phản lại lời tôi, vì đi ngược lương tâm thì đâu có tốt, có hay. Đây tôi đây, tôi chẳng làm gì khác được. Xin Chúa giúp tôi. Amen.» [7]

Nhưng chính vì sự không câu nệ ấy, mà ông cảm thông được với mọi người.

Emerson cũng chủ trương cái lối viết văn thành khẩn ấy. Ông khuyên mọi người hãy theo phương châm của Sydney:

«Hãy đi sâu vào tâm khảm, rồi hãy viết.» Ai viết cho mình, tức là viết cho công chứng muôn thủa, muôn phương. [8]

Hệ từ cũng viết:

Dạy rằng: Quân tử trong đời,
Ngồi nhà nói phải, muôn người vẫn theo.
Dặm nghìn còn phải hướng chiều,
Thời trong gang tấc đâu điều lân khân ?
Nói lời sai lạc nhố nhăng,
Ngàn xa vẫn thấy bất bằng nổi lên;
Nữa là gang tấc kề bên,
Nói sai ai kẻ hoạ thêm với người.
Khi người quân tử nói lời,
Nói ra ảnh hưởng đến đời, đến dân.
Hành vi phát động tuy gần.
Nhưng mà ảnh hưởng dần dần lan xa. [9]

Khảo cứu cuộc đời Lecomte du Noüy, khảo sát các tác phẩm của Ông, cũng như văn từ, khẩu khí Ông, ta thực tình phải công nhận Lecomte du Noüy một ngày một tiến lên, một vươn lên mãi mãi.

- Mới đầu là một văn gia, một kịch sĩ.

- Sau thành một nhà bác học sùng thượng suy luận lý trí.
- Một nhà triết học sùng thượng tư tưởng.
- Một nhà luân lý sùng thượng các giá trị tâm thần, nhân loại.
- Rồi cuối cùng là một nhà đạo hạnh sùng thượng các giá trị siêu nhiên.

Thực là Ông đã sống đúng theo lý thuyết tiến hóa để đạt tới viễn đích, tới một tâm hồn siêu đẳng.

Và học thuyết của ông đã trở thành «một» đạo lý vì học thuyết này đã giúp Ông tìm ra Thượng Đế tại đáy lòng, và «đại đạo tại tâm». [10]

Cho nên cơ thể Ông càng suy yếu, thì tâm thần Ông càng thêm xán lạn rực rỡ. [11] Và trong những ngày tàn cuộc đời ông, Ông như được chiêm ngưỡng, đối thoại cùng chúa Cơ Đốc. [12]

Lecomte du Noüy tuy đã mất đi, nhưng tiếng tăm ông càng ngày càng lan rộng.

Quyển «Định mệnh con người» đã gây được một ảnh hưởng rất là lớn lao tốt đẹp.

Một nhà phê bình văn học, ông Yves Lavoques trong một bài bình luận về «Định mệnh con người» đã viết: «Tôi là một nhà duy vật vô thần; tuy tôi chưa bị chinh phục, hoán cải bởi cuốn sách kỳ thú này, nhưng tôi đã soát xét lại các lời phán đoán của tôi, mà xưa kia, tôi tưởng đã hoàn bị. Đọc sách này, tôi đã tìm lại được nguồn an ủi và niềm hy vọng, rất cần thiết cho những con người thiện chí trong thời kỳ văn minh nguyên tử. Tôi đã xếp cuốn sách đóng bìa xanh này bên cạnh những đại tác phẩm, mà người ta cần đọc lại trong những ngày đen tối, bên cạnh những tác phẩm của Platon, của Sénèque, của Rabelais, của Renan và của Bergson. Thực vậy, quyển «Định mệnh con người» sẽ nêu tên tuổi trong lịch sử tư tưởng.» [13]

Bác sĩ Millikan và nhiều người khác đã thuật lại với bà Lecomte du Noüy là đã để cuốn «Định mệnh con người» nơi bàn đầu giường, cạnh Thánh Kinh. [14]

Một nữ mục sư cũng vừa là kỹ sư bình về quyển định mệnh con người như sau:

«Ngoài quyển thánh kinh, không có một cuốn sách nào làm rung động lòng tôi như quyển Định mệnh con người. [15]

«Quyển Định Mệnh con người phải được đọc trong các trường đại học, nhất là trong các Đại chủng viện.

«Quyển sách này đã làm vững mạnh đức tin tôi rất nhiều, và từ nay về sau, tôi sẽ dùng nó trong những bài giảng giáo của tôi, như là gạch với xi măng để chống đỡ những tâm hồn mà tôi phục vụ vì danh Người.» [16]

Tóm lại, càng đọc sách vở của Ông, ta càng thấy quí mến nhân phẩm, nhân cách của Ông.

Những con người như Lecomte du Noüy có thể nói được là hiếm có ở thời nay.

Tiết 2

Nhận định về tư tưởng Lecomte du Noüy

Ta có thể toát lược những tư tưởng chính yếu của Lecomte du Noüy lại như sau:

1) Triệt để tin tưởng có Thượng Đế siêu việt, bất khả tư nghị. [17]

2) Vũ trụ được cai trị bằng những định luật vĩnh cửu, bất dịch, chứ không phải bằng sự hỉ nộ thất thường của Thượng Đế. [18]

3) Cuộc tiến hóa sẽ tiếp tục mãi mãi để tiến tới thần nhân. [19]

4) Con người phải được hoàn toàn tự do, để góp phần vào công cuộc cao siêu ấy... Muốn thực hiện được định mạng sang cả của mình, con người cần phải chế phục thú tính, dục tình, cải hóa tâm thần, để thực hiện nhân phẩm, tiến tới toàn thiện tinh hoa, thực hiện thiên ý. [20]

5) Trong con người đã tiềm ẩn tất cả mọi nguồn mạch cao siêu huyền diệu, mọi khát vọng lý tưởng, mọi tinh hoa đạo hạnh, mọi chân thiện mỹ. [21]

6) Tôn giáo cũng như thánh hiền chỉ có bổn phận khai thông, và giúp con người phát triển những thiên tính phú bẩm ấy, để họ được hạnh phúc và biết đường tiến tới tinh hoa, thực hiện một tâm thần siêu đẳng. [22]

7) Đại đạo có một, [23] tại đáy lòng con người, tôn giáo có ngàn, biến thiên, tùy thủy thổ thời thế; [24] mọi người phải cố gắng tiến từ tôn giáo bên ngoài về đại đạo bên trong. [25]

8) Muốn thực hiện được hòa bình thái thịnh trong tương lai, con người cần phải chú trọng cải thiện nội tâm [26] và phá bỏ những bức tường ngăn cách giả tạo. [27]

Tóm lại, Lecomte du Noüy chỉ chú trọng đến những gì vĩnh cửu phổ quát đại đồng, [28] và gạt bỏ hết những yếu tố địa phương, thời thế, qui ước nhân tạo.

Cho nên muốn hiểu Lecomte du Noüy, chúng ta cần phải biết rõ những lập trường và những tiêu chuẩn suy tư nói trên của Ông.

Chúng ta sẽ dùng phương pháp so sánh, để khảo sát ít nhiều tư tưởng chính yếu của Ông.

Ông chủ trương khoa học không gạt bỏ được ý niệm Thượng Đế, vì nếu không chấp nhận có Thượng Đế, thì không sao giải thích được sự xuất hiện của sinh cơ, sinh vật, không làm sao giải thích được sự phát xuất của ý thức, lương tâm, cũng như cuộc tiến hóa có chiều hướng hẳn hoi nhất định.

Ông là một trong những người đã có công dùng toán xác suất để chứng minh ngẫu nhiên không thể giải thích được sự xuất hiện của sự sống, của sinh vật.

Đó là một trái bom nguyên tử thả xuống thành trì vô thần, và cũng là nhát dao bén đâm vào tim Coesar duy vật.

Thực ra thuyết «sinh vật không thể ngẫu nhiên sinh» đã được chứng minh bằng những phương pháp thực nghiệm bởi:

- Florentin François Redi (1626-1698) vào năm 1668. [29]
- Spaltanzani (1729-1799) vào năm 1767. [30]
- Và Pasteur (1822-1895) vào năm 1861. [31]

Nhưng dùng toán học chứng minh thì chỉ có Ông Ch. E. Guye [32] và Lecomte du Noüy.

Đã đành vẫn có những nhà bác học chủ trương trái ngược.

Chẳng hạn A. L. Oparin nhà sinh lý học Nga đã cho xuất bản, năm 1938, quyển «Nguyên do sự sống» trong đó Ông cố chứng minh rằng sự sống có thể ngẫu nhiên xuất hiện vì hoàn cảnh trái đất cách

đây nhiều tỉ năm khác hẳn bây giờ. [33]

George Wald cũng theo chủ trương Oparin và đăng tải những kết luận tương tự trong tạp chí khoa học Mỹ. [34]

Năm 1952, Harold Urey khi khảo sát về sự thành hình của thái dương hệ cũng cho rằng khí quyển xưa có nhiều méthane (CH_4), Ammoniac (NH_3), nước (H_2O) và khinh khí (H_2) như chủ trương của Oparin. [35]

Stanley L. Miller tạo lại bầu không khí ấy, rồi cho một luồng điện chạy qua, thì thấy sinh ra nhiều chất aminoacid như glycine, analine, sarcosine, acide aspartique, acide glutamique v.v... [36]

Tưởng cũng nên nói thêm rằng năm 1965 nhà bác học tại Hoa Lục đã tổng hợp được chất Insuline, tức là chất protéine được tổng hợp đầu tiên trong lịch sử hóa học. [37]

Tuy nhiên tất cả những khám phá mới mẻ nhất cũng chưa lung lạc được lập luận của Lecomte du Noüy.

Abraham A. Moles viết trong quyển «La Cybernétique, l'Électronique et l'Automatisme» (xuất bản năm 1960) như sau:

Tế bào sinh vật, con giun đất, khối óc, hiện nay còn ở ngoài tầm chúng ta không thể bắt chước được vài bộ phận, nhưng vì chúng ta chưa thể thực hiện được những bộ phận điện tử nhỏ như não bào và tập hợp chúng lại hàng tỉ, hàng tỉ cái mà không sinh ra một sức nóng ghê gớm đến nỗi đập Donzère cũng không đủ làm nguội được... [38]

oOo

Một tư tưởng then chốt thứ hai của Lecomte du Noüy là mọi sự đều chuyển dịch, biến hóa, mà biến hóa tức là luôn luôn cố gắng tiến tới, luôn luôn gắng gỏi công trình để tiến tới một tiến trình đẹp đẽ.

Vì có một niền tin vững mạnh vào hướng tiến của nhân loại, nên mặc dầu những chếch mác dở dang của hiện đại, Ông vẫn đặt niềm tin tưởng vào tương lai. [39]

Tư tưởng của ông về điểm này có thể nói là đối lập với giáo lý Công giáo.

Công giáo chủ trương cố gắng để hàn gắn những đổ vỡ trong dĩ vãng, còn Lecomte du Noüy cho rằng cố gắng cố gắng để xây dựng tương lai. [40]

Nhiều giáo sĩ bị ám ảnh bởi tội tổ tông, nhất định cho rằng con người không thể nào tiến tới lý tưởng được.

Billy Graham (giáo sĩ Tin lành) viết trong quyển «Hòa bình cùng Thiên Chúa» như sau:

«Chính tội lệ đã ngăn chặn không cho con người hạnh phúc. Chính vì tội lệ, nên con người không thể nào đạt được lý tưởng...

«Có lẽ uy tín của triết lý tiến bộ hiện đại đã làm mờ mắt con người. Có lẽ con người vì quá say sưa cái lý thuyết nhân loại điên cuồng ấy, nên mới cố bám vào ý tưởng cho rằng nhân loại sẽ tiến dần dà nhưng chắc chắn về sự hoàn thiện lúc chung cuộc…» [41]

«Có triết gia lại còn chủ trương rằng tấn bi kịch của thế giới hiện nay chỉ là một biến cố trong bước đường hướng thượng... Họ cố gắng chứng minh rằng những điều kiện lôi thôi của cuộc sống hiện tại chỉ là sự xuất sinh trong đau đớn của một ngày mai tươi sáng, đẹp đẽ hơn. Họ chứng minh rằng con người nay

rờ rẫm, chập chững, vì hãy còn ấu trĩ, trên con đường vô tận dẫn tới một loài người hoàn thiện trong tương lai xa thẳm...» [42]

Lecomte du Noüy phân biệt nhiều bình diện nơi con người.

- Bình diện cơ thể, khí huyết, tương đương với thú vật. [43]

- Bình diện tâm tình luân lý, nhân đạo. [44]

- Bình diện thần linh, siêu nhiên, thần thánh [45] và Ông chủ trương rằng con người phải vượt lên dần các nấc thang ấy để tiến dần xa vật chất muông thú, bước qua bình diện nhân đạo, mà lên cho tới bình diện thần nhân. [46]

Xét chung tư tưởng của Lecomte du Noüy ta thấy có một điểm lạ lùng này là nó phù hợp với Thánh kinh, mà lại ngược với giáo lý Công giáo.

Ta sẽ lần lượt dẫn chứng:

1) Lecomte du Noüy cho rằng vũ trụ quần sinh tiến hóa cốt là để sửa soạn cho sự xuất sinh của những tâm thần siêu đẳng, những thần nhân. [47]

Như đã nói trên, đó cũng là lập trường của Renan, vì theo Renan, thì trong vũ trụ biến thiên này, có một cái gì đang hình thành, một sự chuyển hướng của các động lực vũ trụ, một sự tiến bộ không ngừng theo một chiều hướng nhất định: «Hành tinh của chúng ta đang làm một công chuyện gì rất sâu xa», «vũ trụ xét về toàn thể đầy thần khí», «mục đích của vũ trụ là sự phát triển của thần» mà thần, chính là Thượng Đế. [48]

Gần 2000 năm trước đây, thánh Paolo viết trong thánh thư gửi cho giáo dân La mã: «Tôi nghĩ rằng những đau khổ hiện tại không thể nào sánh được với vinh quang một ngày kia sẽ phát hiện nơi chúng ta. Thực vậy, tạo vật đang sống trong chờ đợi và ước mong sự xuất hiện của những con Thiên Chúa... Chúng ta biết rằng cho tới ngày ấy tạo vật sẽ còn phải rên siết vì mang nặng, đẻ đau...» [49]

Lecomte du Noüy chủ trương cuộc tiến hóa sẽ đưa tới một giống nòi siêu đẳng, toàn thiện, [50] thì đây là những lời tiên tri Isaïe (Thế kỷ VIII trước CN) và Jérémie (khoảng 650 – khoảng 590 trước CN).

«Bao giờ thay đất, đổi trời,
Bao giờ nhân loại khắp nơi vui hòa,
Mây mù quá vãng biến xa
Hết còn khóc lóc hóa ra vui cười.
Trẻ thơ chóng lớn dễ nuôi,
Đẻ ra là sống, sống thời ngoài trăm.
Mình làm, mình hưởng, mình ăn,
Mình xây, mình ở, hết thân tôi đòi,
Quanh nhà, nho mọc tốt tươi,
Mình trồng, mình hái, hết người tranh ăn.
Người cùng thảo mộc đua xuân,
Người cùng thảo mộc, tháng năm tương đồng.

Chẳng còn vất vả, lao lung,

Con đông, mà cháu cũng đông, cũng đầy.

Ơn trời mưa khắp đó đây,

Người đời vui hưởng những ngày hoàng kim. [51]

Người xin, Trời sẽ cho liền,

Nguyện cầu chưa rứt, ước nguyền thỏa thuê,

Sói, chiên, chiên, sói đề huề,

Trâu bò, sư tử một bề ăn rơm.

Rắn ăn bụi bặm thấy ngon,

Đâu đâu cũng một giang sơn thái hòa. [52]

Trời người xum họp một nhà,

Đổi lời ước cũ cho ra thành toàn. [53]

Luật Trời ghi tạc tâm can,

Lương tri là luật Trời ban cho người.

Dân Trời ở khắp chốn nơi,

Đâu đâu cũng chỉ một Trời, một dân.

Hết còn sư đệ, qua phân,

Tìm Trời ai cũng ân cần ngày đêm,

Biết Trời lớn bé mọi miền,

Tội tình xóa hết, tần phiền sạch không. [54]

Lecomte du Noüy tin rằng «nhân thần» (Esprit) hay «thần nhân» sẽ xuất hiện trong tương lai. [55]

Thánh Paulô viết trong thư gửi cho giáo dân Corinthô đại khái như sau: «Nếu có nhân tâm, thì cũng có nhân thần. Người trước là phàm nhân có hồn sống, người sau là thần ban phát sự sống. – Nhưng thần không hiện trước, mà tâm hiện trước, rồi thần hiện sau – Người trước sinh tự đất, đó là phàm tục, người sau sinh tự trời. Thế là phàm thánh đôi đàng phân biệt và như chúng ta đã mặc lấy hình ảnh phàm nhân, chúng ta cũng phải mặc lấy hình ảnh thiên nhân.» [56]

Lecomte du Noüy chủ trương chân đạo tại tâm, cho nên không nên câu nệ hình thức lễ nghi bên ngoài, mà điều cốt yếu là phải chuyển hóa tâm thần, để tiến tới tinh hoa, tiến tới gương mẫu toàn thiện là Chúa Cơ Đốc, tới Tâm Linh bất diệt. [57]

Giở phúc Âm Thánh Luca, ta thấy Chúa phán:

«Nước Trời không đến một cách lộ liễu nhãn tiền, mà cũng không được nói: nước trời ở đây, ở đó! vì thực nước trời đã ở trong anh em.» [58]

Quan niệm «đạo tại tâm» cũng có thể chứng minh được bằng Cựu Ước.

Trong Phục truyền Luật lệ ký (Deutéronome), Thiên Chúa phán:

«Thực vậy, Lề luật mà Ta truyền dạy ngươi hôm nay, không có ở ngoài tầm kích người. Nó không ở

trên trời, để ngươi phải nói: «Ai lên trời cho chúng tôi để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và được thi hành.»

«Nó cũng chẳng ở cách trùng dương, để ngươi phải nói: Ai sẽ vượt biển cả cho chúng tôi, để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và được thi hành.» [59]

«Đạo ở kề bên ngươi, Đạo ở trong miệng, trong lòng người để ngươi có thể đem thực hiện.» [60]

Thánh kinh thực ra cũng nhiều lần kêu gọi phải đề phòng cái nguy hại của những hình thức bên ngoài.

Ví dụ, trong Mátthiêu (15, 8), Chúa Giêsu, viện dẫn lời tiên tri Isaïe, phán:

«Dân này môi miệng thờ Ta,
Nhưng mà lòng nó cách xa ngàn trùng,
Phụng thờ hình hạc luống công.
Bao lời giảng giáo thuần ròng nhân vi.» [61]

oOo

Thế nhưng, quan điểm của Lecomte du Noüy phần nhiều ngược lại giáo lý Công giáo.

Y như ông phân biệt trong kho tàng truyền thống Công giáo ba thành phần:

1)- Thánh kinh mà ông hoàn toàn trọng kính.

2)- Tín lý cũng như cách giải thích Thánh kinh mà ông cho là sản phẩm của các nhà học giả, tức là sản phẩm nhân loại, cho nên ông có quyền bất đồng ý kiến. [62]

3)- Huyền thoại và dị đoan tà thuyết mà ông cho là sản phẩm của quần chúng, lê dân, cần phải được thanh lọc dần dần. [63]

Daniel Rops, trong bài tựa quyển «Định mệnh con người» đã nhận định như sau:

«... Không nên coi quyển «Định mệnh con người» như một cuốn sách giảng giáo. Lecomte du Noüy không phải là một nhà thần học, nhà biện giải Thánh kinh. Cho nên người ta đã nhận định rằng, đối với ông, Thượng Đế y như đã sinh xuất từ tạo vật, y như là một ý niệm. [64]

«Tội tổ tông, đối với ông, chỉ là gánh nặng của những phản ứng muông thú và xác thịt, làm cản trở sự tiến tới Tinh thần, chứ không phải là một sự sa đoạ như trong nhãn quan Công giáo, và đọc sách ông, ta thường thấy ông không mấy quan tâm đến những tôn giáo bên ngoài, đến giáo lý, lễ nghi hình thức; trước mắt ông, Chúa Giêsu có lẽ là một tấm gương hoàn thiện nhân loại hơn là Thiên chúa giáng trần... nghĩa là người giáo hữu phải tiếp nhận tư tưởng của ông với một sự dè dặt khôn ngoan và phải được bổ khuyết bởi những tuyên cáo của đức tin.» [65]

Lecomte du Noüy cũng không chối mình đã cắt nghĩa Kinh thánh theo một đường lối mới, [66] và không công nhận ít nhiều giáo lý... [67]

Tuy nhiên, những sự ao ước của ông về sự hòa đồng hợp nhất của các tôn giáo [68] đã được thể hiện một phần nào nhờ những cố gắng của Cộng đồng chung Vaticano II vừa qua... Thực là một sự trùng hợp kỳ lạ; mà kỳ lạ hơn nữa là những suy tư, cảm nghĩ của ông về các vấn đề trọng đại tôn giáo lại chính là phản ảnh những thắc mắc của một số đông Công giáo Âu châu hiện nay.

Trong bức thư đề ngày 24-7-1966, Đức Hồng y Ottaviani gửi cho các Chủ tịch Giám mục đoàn, Ngài

có đề cập đến những dư luận «kỳ dị nguy hiểm» đang làm xao xuyến nhiều giáo dân.

Ví dụ:

... Có người coi Chúa Cứu Thế như là một người thường «đã dần dà nhận ra mình là Con Thiên Chúa». Cũng như sự Chúa sinh do Đức Mẹ đồng trinh, những phép lạ của Ngài và sự ngài sống lại, tuy vẫn được «chấp nhận trên từ ngữ» nhưng, thực sự đã được coi như những sự kiên tự nhiên. [69]

... Có người chủ trương các công thức tín lý cũng biến chuyển theo thời gian lịch sử, và ý nghĩa khách quan của chúng còn có thể đổi thay... [70]

Phúc trình của Đức Tổng Giám mục Jean Lefèvre tỉnh Bourges viết năm 1957, cho biết:

«Ngày nay, người ta khó chấp nhận bản thể con người đã bị thương tổn vì tội tổ tông, và sự tổn thương ấy lại tồn tại được sau khi đã chịu phép Thánh tẩy, một phép Bí tích có hiệu lực khử trừ nguyên tội.» v.v... [71]

«... Có nhiều viện cớ cho rằng sự đời biến dịch đa đoan, tư tưởng tự do muôn mặt; nên đã có khuynh hướng coi mọi tín ngưỡng, mọi trào lưu tư tưởng ngang nhau, v.v...» [72]

oOo

Để hiểu rõ thêm tư tưởng Lecomte du Noüy, từ đây sắp xuống ta sẽ so sánh tư tưởng ông với tư tưởng của các đạo gia, huyền học, danh nhân, danh sĩ khắp nơi bất phân tôn giáo:

Quan niệm của Lecomte du Noüy về Chúa Cứu Thế làm ta liên tưởng tới quan niệm của Cát Hồng đối cới Lão Tử.

Cát Hồng viết:

«Các học giả có óc chất hẹp hòi đã coi Lão Tử như là một người Trời siêu xuất quần sinh, và khuyên các thế hệ tương lai bắt chước ngài; nhưng làm thế tức là ngăn cản không cho mọi người tin được rằng có thể nhờ học hành mà tìm ra được bí quyết trường sinh bất tử. [73]

«Thực vậy, nếu Lão Tử chỉ là một hiền nhân đã đắc đạo, thì mọi người phải hết sức để theo gương bắt chước ngài; nhưng nếu nói rằng: đó là một nhân vật đặc biệt, có thiên tính, thì ta không thể bắt chước ngài được nữa.» [74]

Lecomte du Noüy tha thiết chủ trương chân đạo tại tâm [75] thì đại khái đây là tư tưởng của ngài Bồ Đề Đạt Ma trong quyển Đạt Ma Huyết Mạch Luận:

«Chân tâm bao quát đất Trời
Xưa nay chư Phật chẳng ngoài chân tâm.
Chẳng cần lập tự, lập văn
Trước sau chư Phật tâm tâm, tương truyền.
Tâm ta gồm mọi nhân duyên,
Mọi đời sau trước mọi miền gần xa. [76]
Tâm ta là chính Phật đà.
Phật đà ở tại tâm ta chẳng ngoài,
Nát bàn, Viên giác, Như Lai,

Ngoài tâm tìm kiếm công toi ích gì.

Ngoài tâm tìm kiếm được chi,

Nát bàn đâu có lối về ngoài tâm,

Tự tâm chí chính, chí chân.

Tự tâm là Phật, tự tâm Niết Bàn. [77]

Ngoài tâm, tìm kiếm đa đoan,

Tay không bắt gió, mơ màng hư vô.

Tâm ta tạo Phật cho ta,

Bỏ tâm tìm Phật, hỏi là tìm đâu;

Phật tâm, tâm Phật trước sau,

Ngoài tâm tìm Phật, hỏi sao chẳng lầm.

Cho nên biết hồi tâm,

Nội quan quán chiếu mà tầm siêu linh.

Bản lai diện mục của mình

Muốn tìm, thời phải ly hình nhập tâm. [78]

Các Đạo gia cũng chủ trương phải tu luyện sao cho «phàm tâm thoái, chân tâm tiến»...

«Tâm từ Thái Hư (Trời) sinh xuất, nên nếu trở về được với Thái Hư (Trời), mới thành Tiên, thành Phật được»... [79]

Lão Quân nói: «Ta từ vô lượng kiếp, nhờ nhìn sâu vào tâm mà tìm ra được Đạo.» [80]

Chủ trương của Mạnh Tử xưa cũng không khác:

Mạnh Tử viết:

Thấu thiệt lòng sẽ hay biết tính,

Hay biết tính, nhất định biết Trời,

Tồn tâm, dưỡng tính chẳng rời,

Ấy là giữ đạo thờ Trời chẳng sai. [81]

Ông viết thêm:

Cả vạn vật ở trong ta đó,

Quay về ta, ta cố tinh thành.

Kiện toàn hoàn thiện tinh anh.

Vui nào hơn được vui mình đang vui... [82]

Lecomte du Noüy chủ trương chân đạo phát xuất từ một nguồn, sau biến thiên thành nhiều tôn giáo. Ngày nay các tôn giáo phải cố sao tìm lại tương đồng nguyên thủy ấy. [83]

Trong bài tựa cuốn «Kim Liên chính Tông» của Đạo lão ta cũng thấy có quan niệm tương tự:

«Đạo không đầu cuối, Giáo có trước sau.»

Hỏi: «Vậy Đạo và Giáo khác nhau sao?»

Thưa: «Khác.»

«Đạo thời chân thường, siêu việt; giáo thời dạy cách độ người. Đạo là bản thể qua muôn ngàn đời không hề biến dịch; giáo là công dụng, có lúc thịnh, có lúc suy.» [84]

Thẳng thắn mà xét thì vấn đề «chính đạo tại tâm» là một quan niệm mà chỉ có một số ít chính nhân quân tử, hiền thánh mọi nơi mọi đời chấp nhận. [85]

Nó đòi hỏi một sự suy xét sâu xa, một tâm hồn tế nhị có thể thâu nhận được những ý niệm từ đáy lòng hiện lên tâm thức. Đó là một công việc mà những người tầm thường không làm nổi. [86]

Quan niệm này vì không có tầm kích không gian thời gian nên không lồng được vào khuôn khổ lịch sử, và trước mắt quần chúng nếu đó chẳng phải là tà thuyết, thì cũng là không ngôn, vì hoàn toàn vượt trên tầm suy tưởng của họ.

Lecomte du Noüy không đề nghị mọi người chấp nhận những tư tưởng tiền tiến ấy, mà chỉ xin mọi người hãy cố gắng giúp đỡ những tâm hồn tiến hóa đã đi trước lịch sử... [87]

Lecomte du Noüy chủ trương cố gắng không ngừng để tiến tới tinh hoa toàn thiện [88] thì Trung Dung cũng viết:

«...Nên quân tử dốc một lòng, một dạ,
Trọng tính Trời, quyết gắn bó học hành
Tiến sao cho đến mực rộng rãi tinh anh.
Mức cao sáng của Trung Dung đạo cả.» [89]

Lecomte du Noüy chủ trương cần cải thiện tâm hồn con người mới thực hiện được hòa bình quốc tế. [90] Đó cũng chính là chủ trương của Đại Học tự ngàn xưa:

«Đại học có mục phiêu rõ rệt,
Đuốc lương tâm cương quyết phát huy.
Dạy dân lối sống tân kỳ,
Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng.
Có mục phiêu rồi lòng sẽ định.
Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan. [91]
Hết lo, lòng sẽ bình an,
Bình an tâm trí rộng đàng xét suy.
Suy xét rộng, tinh vi thấu trọn,
Thấu sự đời ngành ngọn đầu đuôi.
Trước sau đã rõ khúc nhôi,
Tức là gần Đạo, gần Trời còn chi.
Muốn đức sáng truyền đi thiên hạ,
Người xưa lo cải hóa dân mình.

Trị dân, trước trị gia đình,
Gia đình muốn trị sửa mình trước tiên.
Muốn sửa mình, tâm nên sửa trước,
Sửa tâm hồn, trước cốt ý ngay. [92]
Ý ngay, phải học cho dày,
Học cho thấu thiệt, mới hay «Khuôn Trời».
Hay «Khuôn Trời» thoát thôi thấu triệt,
Thấu triệt rồi ý thiệt lòng ngay.
Lòng ngay, ta sẽ hóa hay,
Ta hay gia đạo mỗi ngày một yên.
Nhà đã yên, nước liền thịnh trị,
Nước trị bình, bốn bể bình an,
Từ vua cho tới dân gian,
Tu thân một mực lấy làm căn cơ. [93]

Lecomte du Noüy chủ trương tiến hóa chưa ngừng nghỉ nơi con người mà còn tiến nữa, tiến mãi cho tới thần nhân. [94]

Victor Hugo viết đại khái:

Kìa sinh khí chứa chan lai láng,
Rung lá cành, làm sáng lòng ta.
Tung hoành từ đá đến hoa,
Lại từ thảo mộc chuyền qua muông cầm.
Từ nham thạch chuyển dần tới bạn,
Có lẽ đâu tiêu tán nơi người?
Không, không, sinh khí chơi vơi,
Đường mây ai cản, đường trời ai ngăn?
Sức vô địch băng băng hướng thượng,
Tiến sâu vào vô lượng, vô hình.
Làm cho tràn ngập thái thanh,
Một trời sáng quắc treo tranh non bồng.
Xán lạn với muôn thần, vạn thánh
Ánh hào quang tạo cảnh giao trì.
Thần linh sánh với tiên tri,
Thiên thần rực rỡ quang huy trong ngoài. [95]
Sinh khí ấy láng lai vô tận,

Bắc thang sao, muôn dặm thiên thai.

Từ nơi ngạ quỷ tuyền đài,

Tung lên cho tới muôn loài thần tiên.

Thấp với cao, tương liên kết giải

Muôn thánh thần chắp nối duyên tơ.

Băng qua muôn triệu cõi bờ

Nối liền sao sáng cùng là trời mây.

Cao với thấp đó đây ở hết,

Từ biên khu tới miết trung tâm.

Băng chừng muôn dặm muôn tầm,

Rồi ra biến dạng vào tâm khảm Trời. [96]

Lecomte du Noüy tin tưởng cuộc tiến hóa nhân quần sẽ làm xuất sinh một giống người siêu đẳng. [97]

Victor Hugo viết:

Thuyền nhân loại hướng về đâu tá ?

Thuyền quang hoa băng ngả thần tiên,

Tiến về mai hậu siêu nhiên

Tiến về đức hạnh nguyên tuyền tinh hoa,

Ánh khoa học trời xa lóng lánh,

Thuyền quang hoa băng cảnh thần tiên,

Tiền về đẹp đẽ tinh tuyền,

Tiến về Thượng giới, về miền muôn sao. [98]

oOo

Mở rộng tầm mắt bao quát vạn vật và không gian thời gian Lecomte du Noüy cho rằng vũ trụ như có hai chiều hai hướng, biến dịch tiến hóa.

Một chiều tiến hóa theo các định luật vật chất một ngày một tiến tới bất động ù lì, tối tăm lạnh lẽo, hỗn loạn.

Một chiều tiến hóa theo các định luật tinh thần một ngày một tiến tới tinh vi kỳ ảo linh động sáng tươi, đẹp đẽ, trật tự hòa hợp. Và khi tinh thần tiến tới chỗ tinh hoa tuyệt diệu, thì vật chất sẽ tiến tới chỗ hỗn loạn và triệt tiêu. [99]

Ta thấy nó giống với các định luật «dương tiêu âm trưởng» và «âm tiêu dương trưởng» của Dịch Kinh cũng như hai chiều hướng tinh thần, vật chất, tiên thiên, hậu thiên mà các tiên nho thường đề cập tới khi vẽ các đồ bản Hà Đồ, Lạc Thư cách đây mấy nghìn năm. [100]

Những vấn đề triết học, siêu hình, đạo giáo, và định mệnh con người mà Lecomte du Noüy đề cập tới trong các tác phẩm của ông, có thể hiểu được dễ dàng, nếu ta đem lồng chúng vào trào lưu tư tưởng của các hiền thánh bốn phương xưa nay.

Thực vậy, song song với các đạo giáo, triết thuyết hiện hành còn có một thứ triết thuyết và đạo giáo

của các nhà huyền học tứ phương.

Về triết lý, các ngài chủ trương con người gồm đủ tam tài thiên, địa, nhân. Nói theo từ ngữ triết học Âu châu, con người gồm có:

Xác (địa)

Tâm (Nhân)

Thần (Thiên)

Đó là quan niệm tam tài mà chính Thánh kinh cũng nhiều lần đề cập tới. [101]

Theo nhãn quan này, thì con người có ba thứ đạo, tức là ba bổn phận:

- Vật đạo: lo cho xác thân được khang kiện, chế ngự được ngoại cảnh.

- Nhân đạo: lo cho tâm hồn được khinh khoát, thoát vòng kiềm tỏa của dục tình, ăn ở xứng đáng với danh nghĩa con người, tiếp nhân xử kỷ cho phải phép.

- Thiên đạo: vươn lên tới bình diện tâm linh tâm thần, sống phối hợp cùng Thượng Đế, bỏ lốt «phàm tâm» thể hiện «thiên tâm». [102] Đó là giai đoạn «nhân tử, thần hoạt» [103] của các nhà huyền học Lão giáo, hay «nhân dục tận thiên lý hiện» của các nhà huyền học Nho giáo. [104]

Đó là luận điệu của các nhà huyền học muôn phương. [105]

Và giở thánh thư thánh Paulô, ta cũng thấy đầy tràn âm hưởng ấy. [106]

Theo nhãn quan này, thì con người sinh ra chưa phải là con người thực, còn phải tốn công mài dũa, tu luyện lâu lai mới thành người; lại từ con người đến địa vị thần thánh cũng thực là nhiêu khê vất vả. Sinh ra là phàm nhân, con người phải dùng đời mình để cố gắng trở nên những con người xứng đáng, trở nên hiền thánh, như vậy thì càng về chiều, càng về già thời gian càng trở nên quí báu, quan trọng, và con người không bao giờ được ngừng nghỉ, phải tiến bước mãi để đạt đích hoàn thiện. Con người chỉ trở nên bất tử khi thực hiện được thiên tâm. [107]

Các hình thức bên ngoài, các giáo lý, mới đầu rất cần thiết vì nó hỗ trợ con người trong công trình đi tìm chân lý, nhưng khi đã nhìn nhận thấy con đường nội tâm, và đã biết những phương pháp suy tư, định tâm, định trí bên trong, thì các phương thức bên ngoài trở thành tùy thuộc. Tất cả các phương thức chỉ có giá trị ở chỗ giúp đỡ con người tìm ra được chân thần, sống cao siêu, phối hợp được cùng Thượng Đế, ngay từ khi còn ở gian trần này. Khi đã đạt đích, thì mọi sự không còn cần yếu nữa.

Con người phải chứng nghiệm được những giai đoạn mình đã băng qua, những kết quả đã thâu lượm được, ngay từ khi còn ở hoàn trần; cho nên mới đầu thì phải nhờ người hướng dẫn, sau dần dà phải tự mình điều khiển, lèo lái lấy cuộc đời mình, [108] theo đúng đường lối gương tích các bậc thánh hiền tiền bối...

Định mạng mỗi cá nhân và định mạng nhân quần chỉ là một. Định mạng ấy rất cao siêu, sang cả. Tuy nó đã được tiền định do Thiên ý, [109] nhưng sự thực hiện định mạng này lại hoàn toàn lệ thuộc vào thời gian, tuổi tác cá nhân và nhân loại, vào tầm nhìn lối nghĩ, trình độ hiểu biết của cá nhân và nhân loại, [110] cũng như vào sự cố gắng và sự tha thiết tìm cầu. [111] Vì thế nó cần có một tiến trình vô hạn để thực hiện.

oOo

Tổng kết lại, ta thấy Lecomte du Noüy hết sức lạc quan, hết sức tin tưởng vào những tiềm năng tiềm

lực nơi con người, tin tưởng vào định mệnh sang cả của con người.

Lecomte du Noüy hết sức đề cao giá trị con người, và cho rằng con người có góp phần vào công cuộc tiến hóa, thì mọi dự định của Trời mới thành tựu được một cách đẹp đẽ. Y thức như trong công cuộc tiến hóa, Trời trù định đường lối, kế hoạch, còn con người sẽ theo đấy mà thực hiện công trình. Thế tức là «Mưu sự tại Thiên, mà thành sự tại Nhân» ngược hẳn với câu cách ngôn yếu đuối xưa kia là «Mưu sự tại nhân, mà thành sự tại Thiên».

Phải chăng đó cũng là lẽ «Thiên nhân hợp phát» của các nhà huyền học Trung Hoa thời cổ. [112]

Lecomte du Noüy đã cho chúng ta một kim chỉ nam tiến hóa rất giản dị:

Tiến sâu vào đáy lòng, cố dẹp bỏ thú tính, cố sống cho cao siêu khinh khoát, để thể hiện nơi ta một tâm thần siêu đẳng. Đó là chốt then của sự tiến hóa để tiến tới vinh quang, tới định mệnh sang cả của con người đúng theo Thiên ý.

Thế mới hay:

Việc đời mà nắm chốt then,

Trăm nghìn biến hóa tần phiền xá chi!

Biến thiên càng lắm tân kỳ,

Càng nhiều thịnh vượng, lo gì mà lo!

Việc đời mà rối vò tơ,

Thời thôi điên đảo, vật vờ suy vi.

Lao lung, luân lạc hiểm nguy

Càng ngày càng tới chung kỳ bại vong. [113]

Ước gì những tư tưởng cao đẹp của Lecomte du Noüy làm bừng cháy lên ngọn lửa thiên chân hằng âm ỉ sẵn trong lòng mọi người.

Và thiết tưởng không gì đẹp đẽ hơn là kết thúc chương này bằng một lời nguyện ước của Lecomte du Noüy:

«Ước gì con người đừng bao giờ quên tàn lửa thiên chân trong lòng họ, và đừng quên rằng họ có toàn quyền hoặc là khinh khi vùi dập tàn lửa ấy hoặc là tiến tới Thượng Đế bằng sự hăng hái hoạt động với Ngài và vì Ngài.» [114]

CHÚ THÍCH

[1] … En ce qui concerne la théorie téléfinaliste de l'évolution qui constitue la clé de voûte du présent livre, si j'avais rencontré un seul fait contradictoire, je l'aurais signalé et mis en évidence. Si j'avais été conduit au cours de mes trente années de recherches au laboratoire, à une solution directement opposée à celle que j'ai atteinte, sans la chercher, j'aurais, suivant l'exemple de Pasteur, pris le contrepied de ce que je défends aujourd' hui avec la même chaleur. (La Dignité Humaine, page 232)

[2] Mais comme nous nous proposons de pousser progressivement notre extrapolation beaucoup plus loin jusqu'au moment où l'univers matériel sera mort, où l'entropie aura atteint sa valeur maxima, tout le passé de cet univers est à peine suffisant pour nous permettre d'en déduire l'allure de son évolution dans

l'avenir. (L'Avenir de l'Esprit. Itroduction, p. 27)

L'effort de ceux dont la vision embrasse le courant humain tout entier, de ceux qui sont les dépositaires et les gardiens de la seule tradition évolution, doit tendre à éveiller la conscience des individus de façon à transformer ce vaste mouvement aveugle en un essor conscient, compris et voulu vers la perfection, c'est-à-dire vers la libération du joug ancestral. (La Dignité Humaine, page 146.)

[3] Il est trop tôt pour demander à tous les hommes de penser «l'universel», de se considérer comme les éléments de l'humanité entière…De nombreuses tentatives ont été faites pour éveiller la «conscience du monde». (L'Homme devant la Science, page 413)

[4] L'électron traverse la chambre humide en 1/300.000.000 de seconde. Son sillage brilliant dure plus d'une seconde. La vie d'un homme est inférieure en moyenne à un siècle. En admettant qu'elle dure cent ans, et en assimilant l'œuvre qu'il peut laisser derrière lui au sillage du corpuscule, on voit qu'en acceptant arbitrairement le même rapport (108); la durée de ce sillage immatériel serait extrêment longue. (L'Avenir de l'Esprit, page 301.)

… Le sillage qu'il doit laisser derrière lui peut-être d'un autre ordre; il doit apporter le témoignage d'une volonté tendue vers un idéal; la preuve d'un effort incessant et d'une continuelle victoire sur soi-même, la démonstration de sa foi en sa dignité d'homme acquise par son éloignement toujours plus grand de l'animal et sa tendance à se rapprocher de Dieu. (Ib. page 303.)

[5] Que penseraient-ils de moi qui rêve d'orienter toute l'humanité ? (De l'Agnosticisme à la Foi, page 210)

[6] L'Avenir de l'Esprit, pages 304-305.

[7] «My conscience is captive to the word of God», he told the court. «I will not recant anything, for to go against conscience is neither honest nor safe. Here I stand, I cannot do otherwise. God help me, Amen.» (Cf. Time 24-March-1967. Mục Religion, trang 46).

[8] Prenez pour devise le mot de Sidney: «Descend dans ton Coeur et écris.» Celui qui écrit pour lui-même écrit pour la public éternel. (Les pages immortelles de Emerson – page 81). (Edition Corréa)

[9] The master said: The superior man occupies his apartment and sends forth his words. If they be good, they will be responded to at a distance of more than a thousand li; how much more will they be so, in the nearer cirle; He occupies his apartment and sends forth his words. If they be evil, they will awaken opposition at a distance of more than a thousand li, how much more will they do so in the nearer circke! Words issue from one person, and procced to affect the people. Actions proceed from what is near, and their effects are seen at a distance.

The I Ching (translated by james Legge) Appendix IV page 361.

[10] Il parlait souvent de l'aide que lui avait apportée sa propre théorie du téléfinalisme, mais l'épreuve cruelle qu'il traversa éleva bientôt la théorie au niveau d'une mystique. (De l'Agnosticisme à la Foi, page 226)

[11] Au fur et à mesure que son corps dépérissait, son âme semblait rayonner plus intensément. (De l'Agnosticisme à la Foi, page 226)

[12] Le Christ qui avait été jusque là un exemple entre d'autres lui apparut comme la réalité vivante,

lumineuse qu'il pouvait prier de le secourir. (Ib. page 226)

[13] Un critique littéraire M. Yves Lavoquer dans un article sur L'Homme et sa Destinée a écrit: «Matérialiste et athée moi-même, je n'ai pas été converti par ce livre éblouissant, mais j'ai été amené à réviser des jugements que je croyais de manière présomtueuse, définitifs j'y ai puisé le réconfort et l'espérance qui sont bien nésessaire aux hommes de bonne volonté en ces temps de civilisation atomique. Et j'ai rangé ce bouquin à couverture verte parmi les grands livres que l'on relit les jours noirs, à côté de Platon, de Sénèque, de Rabelais, de Renan ou de Bergson. Car L'Homme et sa destinée fera date dans l'histoire de la pensée.» (De l'Agnosticisme à la Foi, page 231)

[14] Le Dr. Millakan et bien d'autres m'ont avoué qu'ils gardaient toujours L'Homme et sa Destinée sur leur table de chevet près de la Bible... (De l'Agnosticisme à la Foi, page 231)

[15] Les citations suivantes tirés des lettres d'un pasteur d'un ingénieur et d'une femme qui s'intitule: «Mère, épouse, femme d'intérieur et proffesseur de musique résument les sentiments de centaines de lecteurs:

Hormis les Ecritures Saintes aucun livre ne m'a autant impressioné que celui là...

[16] La lecture de L'Homme et sa Destinée devrait être obligatoire dans les universités, et particulièrement dans tous les séminaires de théologie. Je ne puis vous dire combien ce livre a renforcé ma foi et je sais que, par le truchement de mes sermons pendant le reste de ma vie, je m'en servirai comme de briques et de ciment pour les contreforts des âmes que j'essaye de servir en Son Nom. (De l'Agnosticisme à la Foi, page 232)

[17] ... L'idée de Dieu, on d'un anti-hasard, est absolument nécessaire à la compréhension de l'enchaînement des faits scientifiques. (La Dignité Humaine p. 191.)

...L'idée de Dieu ne peut se concrétiser... (Ib.155)

[18] «Les gens demandent à leurs dieux de prouver leur existence par des miracles; mais la merveille éternelle c'est qu'il n'y ait pas sans cesse des miracles, et c'est pour cela que le monde est divin, puisque c'est pour cela qu'il est harmonieux. S'il est régi par le caprice, qu'est-ce qui nous prouverait qu'il ne l'est pas par le hasard? (Henri Poicaré) L'Homme devant la Science, p.148.

[19] Dans l'hypothèse téléfinaliste, l'homme doit continuer d'évoluer vers la spiritualité. (La Dignité Humaine 173)

[20] Cela signifie...que chaque homme devra affronter le même conflit et qu'il n'en sortira vainqueur qu'à la condition d'écraser en lui les impulsions animales et de se consacrer au triomphe de l'esprit. Ainsi il remplira sa mission d'homme et concourra au plan divin qui tendra à produire un être spirituellement parfait. (L'Homme et sa Detinée 197)

[21] L'esprit religieux est en nous. Il préexiste aux religions. (L'Homme et sa Detinée 292)

... Nous ne pouvons nous élever qu'en raison de ce qui est en nous. (Ib.293)

... Le bien préexistait dans l'enfant, et c'est là l'élément divin. (L'Avenir de l'Esprit 219.)

... C'est dans ce sens qu'on a pu dire: Dieu est en nous. (Ib. 219)

... La lumière est au-dedans de nous. (La Dignité Humaine 12)

... L'étincelle divine est en lui. (L'Homme et sa Detinée 437)

[22] L'esprit religieux est en nous.Il préexiste aux religions dont le rôle comme celui des prophètes, et des inités constitue à le libérer, à le diriger et à le développer. (L'Homme et sa Detinée 292)

... Ce qui, importe, c'est d'extraire des hommes, de ceux qui ne sont pas capables de le faire eux-mêmes, le suc spirituel qui doit se trouver au fond de tous, puisqu'ils ont une origine commune, d'abord pour leur donner le moyen d'être heureux sur terre, et ensuite pour prolonger le rôle de l'évolution par l'épuration de l'esprit. (L'Avenir de l'Esprit 218)

[23] Les idées morales fondamentales sont les mêmes dans le monde entier. Elles paraissent procéder d'une source unique et c'est sur cette identité incompréhensible que nous avons basé l'hypothèse de leur orgine et de leur rôle dans l'évolution. (La Dignitée Humaine, p.200) Cf. L'Homme et sa Detinée, p. 292)

...Inspiration unique. (Ib.286)

[24] Les religions – il en existe environ un miller d'après certaines statistiques en apparence sérieuses – sont aussi variées que les coutumes locales. Elles reflètent à la fois, les bonnes intentions, les aspirations, les faiblesses et les contradictions de l'esprit humaine. (La Dignitée Humaine, p. 200)

[25] Les efforts des religions doivent tendre à affirmer en dégageant l'identité originelle étouffée sous les apports successifs des siècles. C'est dans ce qu'il y a de divin, c'est-à-dire d'universel en l'homme qu'il faut chercher l'unification des religions et non dans ce qu'il y a d'humain dans les doctrines.. (La Dignitée Humaine, p. 144)

[26] La paix doit s'établir par la transformation intérieure de l'homme et non par l'érection des structures extérieures. (L'Homme et sa Detinée, p. 427)

[27] Il imporle de renverser les barrières de papier mâché peintes en fer... (La Dignitée Humaine, p. 224)

[28] Penser l'universel... (L'Homme et sa Detinée, page 413)

... De nombreuses tentatives ont été faites pour éveiller «la conscience de monde».

... Les guerres ne cesseront le jour où la majorite1 des hommes pensera. (Ib. 413)

l'universel, où le même idéal orientera toutes les volontés... (Ib. 413)

[29] Cf. Pierre Rousseau, Histoire de la Science, p. 372.

[30] Cf. Ib. 373.

[31] Cf. Ib. 639.

... Ta nên nhớ xưa Aristote cũng đã chủ trương sinh vật có thể ngẫu nhiên sinh.

... Aristote qui déclare que les anguilles naissent du limon du fleuve. (Cf. Ib. 372)

... Hœckel écrit: «Si l'on rejette l'hypothèse de la génération spontanée, force est alors, pour ce point de la théorie évolutive, d'avoir recours au miracle d'une création surnaturelle.» (André Lamouche) (La Dignitée Humaine, p.163)

[32] Ch. E. Guye, l'Evolution physico-chimique (cf. L'Homme devant la Science, p.82)

[33] In 1938 a Russian biologist A. L. Oparin, published a book on the origin of Life in which he marshalled impressive evidence that life may have originated spontaneously in view of very different conditions that probably prevailed on earth several billion years ago. (Hudson Hoagland)

Lyman Bryson, An outline of man's knowledge of the modern world, p.151.

[34] George Wald has considered Oparin's views and published an interesting and easily accessible essay on the possible origin of life in the Scientific American. (Vol. 1911, 1954, pp. 44-953) Ib 151.

[35] In 1952 Harold Urey, in considering the problem of the formation of the solar system, proposed a similar early atmosphere, for different reasons from those of Oparin. He pointed out that in the presence of an excess of hydrogen, methane and ammonia are very stable forms of carbon and nitrogen and that there are excellent reasons to believe that there was an excess of free hydrogen's in the earth's atmosphere in the period before the emergence of life. (An outline of man's knowledge, p. 153)

[36] Stanley L. Miller, in Urey's laboratory, performed an experiment to see whether a mixture of these gases, when exposed to a source of energy, might form substances such as amino-acids, which are the building blocks of the protein, the primary structural substance of protoplasm... Analysis of the products in solution in the water showed appreciable yields of seven amino-acids, including glycine, alanine, sarcosine, aspartic acid, and glutamic acid...

The reader is referred to an interesting symposium, «modern Ideas on Spontaneous generation», at the New York academy of Sciences in 1957, in which Miller summarizes his work and which contains a number of other studies by investigators of this topic. (Ib. 153-154)

[37] En Janvier 1966, Katsoyannis Tomesko et Clyde Zalut, Laboratoire de Brookhaven des Etats Unis, réalisaient la sythèse totale de l'insuline humaine mais active seulement à 2%...

Mais auparavant, en Novembre 1965, les Chinois avaient obtenu ce que personne n'avait encore obtenu et ce que personne n'a encore jamais récidivé: la synthèse totale de l'insuline de bœuf, biologiquement active à 87%. (Science et Vie, Octobre 66, page 118)

[38] La cellule biologique, le ver de terre, le cerveau reste encore hors de notre portée, non parce que nous nous sentons incapable d'en simuler des parties du point de vue fonctionnel, mais parce que nous ne savons pas réaliser des transistors aussi réduits que le neurone et en assembler des milliards sans dégager une chaleur telle que le barage de Donzère ne suffirait pas à les refroidir.

La cybernétique - Edition René Kister p.128

[39] Je suis plein de confiance dans le sort éloigné de l'homme et de l'avenir de l'esprit, mais je crains que l'avenir immédiat – par immédiat j'entends le siècle à venir – n'apporte pas au monde le bonheur, la joie de vivre, la tranquillité et surtout la satisfaction de se sentir enfin engagé dans la période de progrè promise par l'évolution. (L'Avenir de l'Esprit, p. 242)

[40] La seule différence, gît dans l'interprétation postérieure, pour l'Eglise, l'effort de l'homme est motivé par le «rachat» de la faute orginelle qui fut permise par Dieu, tandis que pour nous il est rendu nécessaire par la survivance en l'homme des souvenirs ancestraux contre lesquels il peut seul lutter. Etant donné que la «faute originelle» n'était que l'obéissance à ses instincts et la méconnaissance de la dignité humaine, le parallélisme est assez remarquable car il était totalemenit imprévu. (La Dignité Humaine p. 176.)

[41] «C'est la présence du péché qui empêche l'homme d'être heureux. C'est à cause du péché qu'il n'a jamais pu atteindre l'idéal qu'il rêvait... C'est peut-être l'éclat de cette philosophie moderne du «progrè» qui obscurcit la vue de l'homme.

Peut-être l'homme est-il si épris de cette folle théorie humaine, qu'il se cramponne à l'idée que l'humainité avance lentement vers la perfection finale... (La paix avec Dieu 57.)

[42] Tel philosophe prétend même que la tragédie du monde présent n'est qu'un incident dans sa marche ascendante, et il montre d'autres périodes de l'histoire de l'humanité dans lesquelles l'avenir paraissait tout aussi sombre. Il chercher à prouver que les mauvaises conditions de vie actuelles ne sont que la naissance douloureuse d'un jour meilleur, que les hommes tâtonnent et trébuchent encore dans l'enfance de l'existence le long d'un chemin interminable qui les conduira dans la suite des temps à l'état d'hommes parfaits !

Billy Graham, La paix avec Dieu, p. 57.

[43] ... plan biologique (anatomique ou physiologique) Ib. 190

[44] ... plan psychologique... Ib. 190

... Il continuera l'évolution dans le plan moral... Ib. 195

[45] ... et s'engage sur la route qui le conduira éventuellement au plan spirituel. (Ib. 195)

Ainsi il remplira sa mission d'homme et concourra au plan divin qui tend à produire un être spirituellement parfait. (Ib. 197)

[46] ... L'homme désormais a le choix ou bien d'obéir aux ordres de la chair et de rejoindre par conséquent ses ancêtres animaux c'est-à-dire de rétrograder; ou bien, au contraire de lutter contre ces impulsion, ces instincts bestiaux, et d'affirmer la dignité qu'il a conquise lorsqu'il a obtenu la dernière et la plus haute liberté. S'il choisit ce rôle d'homme, au prix de souffrances physiques et de privations, il s'éloigne de l'animal, il progresse comme homme, il continue l'évolution dans le plan moral et s'engage sur la route qui le conduira éventuellement au plan spirituel. (Ib. 195)

... Ainsi, il remplira sa mission d'homme et concourra au plan divin qui tend à produire un être spirituellement parfait. (Ib. 197)

[47] Si l'humanité accomplit cet effort, elle contribuera à l'avènement de la conscience supérieure, avant-garde de la race pure et spirituelle destinée à faire un jour son apparition. (L'Homme et sa Destinée, p. 235)

... Le téléfinalité oriente la marche de l'évolution comme un tout et s'est comportée depuis l'apparition de la vie sur la terre comme une force directrice lointaine tendant à développer un être doué de conscience, un être spirituellement et moralement parfait. (Ib. 154)

[48] Dans cet univers en transformation il y a quelque chose qui se fait, une orientation des forces de la nature, un perpétuel progrès dans une direction bien définie. «Notre planète travaille à une œuvre profonde» ... «Le monde dans son ensemble est plein d'un souffle divin». «Le but du monde est, le développment de l'esprit.» Or l'Esprit, c'est Dieu. (André Cresson, Renan, PUF, p. 51)

[49] «J'estime en effet que les souffrances du temps présent ne sont pas à comparer à la gloire qui doit se révéler en nous, car la création en attente aspire à la révélation des fils de Dieu. Nous le savons en

effet, toute la création jusqu'à ce jour gémit en travail d'enfantement.»

Romain 8, 18, 19...23

Bible de Jérusalem 1502.

[50] Car je vais créer des cieux nouveaux et une terre nouvelle et on ne souviendra plus du passé, qui ne remontera plus au cœur. Qu'on soit dans la jubilation et qu'on se réjouisse de siècles en siècles de ce que je vais créer, car je vais créer Jérusalem «joie» et son peuple «Allégresse»... Là plus de nouveau-né qui ne vive que quelques jours, ni de vieillard qui n'accomplisse pas son temps. Mourir à sent ans, c'est mourir jeunne et ne pas atteindre cent ans sera signe de malédiction.

Isaie 65; 17-20

(Bible de Jérusalem 1053)

[51] Ils bâtiront des maisons qu'ils habiteront, ils plateront des vignes dont ils mangeront les fruits. Ils ne bâtiront plus pour l'habitation d'un autre et ne planteront plus pour la consommation d'un autre. Car la durée de mon peuple sera telle que la durée des arbres et mes élus useront ce que leurs mains auront fabriqué. Ils ne peineront plus en vain, ils n'auront plus d'enfants destinés à leur perte, car ils seront une race bénie de Yahvé ainsi que leur descendance... – Isaïe 65; 21-23. (Phóng tác của Nguyễn Văn Thọ)

[52] Avant même qu'ils appellent, je leur répondrai; ils parleront encore qu'ils seront déjà exaucés. Le loup et l'agnelet paîtront ensemble, le lion mangera la paille comme le bœuf et le serpent se nourrira de poussière. On ne fera plus de mal ni de ravages sur toute ma sainte montagne, dit Yahvé.

Isaïe 65; 24-25.

[53] Voici venir des jours – oracle de Yahvé – où je conclurai avec la maison d'Israel (et la maison de Juda) une alliance nouvelle. Non pas comme l'alliance que j'ai conclue avec leurs pères...

Jérémie 31; 31; 32.

(Bible de Jérusalem, p.1092-1093)

[54] Je mettrai ma Loi au fond de leur être et je l'écrirai sur leur cœur. Alors je serai leur Dieu et eux seront mon peuple. Ils n'auront plus à s'instruire mutuellement, se disant l'un à l'autre: «Ayez la connaissance de Yahvé!» Mais ils me connaîtront tous, des plus petits jusqu'aux plus grands – oracle de Yahvé – parce que je vais pardonner leur crime et ne plus me souvenir de leur péché.

Jérémie 31; 33-34

(La Bible de Jérusalem, p.1093)

[55] S'il choisit ce rôle d'homme... Il s'éloigne de l'animal, il progresse comme Homme, il continue l'évolution dans le plan moral et s'engage sur la route qui le conduira au plan spirituel. (L'Homme et sa Destinée, p. 195)

[56] S'il y a un corps psychique, il y a aussi un corps spirituel. C'est ainsi qu'il est écrit: «Le premier homme, Adam, a été fait âme vivante, le dernier Adam est un esprit qui donne la vie. Mais ce n'est pas le spirituel qui paraît d'abord. C'est le psychique, puis le spirituel. Le premier homme, issu du est terrestre, le second homme, lui, vient du ciel. Tel a été le terrestre, tels seront aussi les terrestres. Tel est le céleste, tels seront aussi les célestes. Et de même que nous avons revètu l'image du terrestre, il nous faut revêtir aussi l'image du céleste.

Corinthiens I; 15; 44-49.

[57] Au temps de la connaissance les religions doivent devenir intérieures. (La Dignité Humaine, p.145)

... Il faut édifier, dans chaque homme un temple intérieur où rites et cérémonies sont remplacés par la seule activité de la conscience, où la vérité se dégage du libre examen des faits éclairés par la science et non par un dogme cryptique trop abstrait pour être compris. (La Dignité Humaine, page 145)

... Il faut faire comprendre aux hommes que l'important est de développer ce qui est en eux, de se purifier, de s'améliorer, de se rapprocher du parfait idéal, qui est le Christ; le reste est secondaire. (L'Homme et sa Destinée, page 295)

... De même l'Esprit humain cherche à s'évader de la gangue matérielle condamnée à disparaître, dans un effort pour se rapprocher d'un idéal que certains appellent l'Esprit divin et qui, l'ui est immortel. (L'Avenir de l'Esprit, page 34)

[58] «Le royaume de Dieu ne doit venir ostensiblement. On ne dira pas non plus: «Le voici !» ou «Le voilà !» «car déjà le royaume de Dieu est en vous.» (Luc 17, 20, 21)

La Sainte Bible du Chanoine Crampon, page 89.

[59] Car cette loi que je te prescris aujourd'hui n'est pas au delà de les moyens ni hors de ton atteinte. Elle n'est pas dans les cieux, qu'il faille te dire: «Qui montera pour nous aux cieux nous la chercher, que nous l'entendions pour la mettre en pratique.» Elle n'est pas au delà des mers qu'il faille te dire: «Qui ira pour nous au delà des mers nous la chercher que nous l'entendions pour la mettre en pratique.» (Deutéronome 30; 11-13) (Bible de Jérusalem 206)

[60] Car la Parole est tout près de toi, elle est dans ta bouche et dans ton cœur pour que tu la mettes en pratique. (Deutéronome 30; 14) (Bible de Jérusalem 206)

[61] «Ce peuple m'honore des lèvres

Mais leur cœur est loin de moi

Vain est le culte qu'ils me rendent;

Les doctrines qu'ils enseignent,

Ne sont que des préceptes humains.

- Matthieu 15; 8-9.

(Bible de Jérusalem 1309)

- Cf. Isaie 29, 13

- Psaume 78, 36a

Amos 5; 21-25

Isaïe 1; 11-16

Osée 8; 11-13

... Observer des jours, des mois, des saisons, des années. Vous me faites craindre de m'être inutilement fatigué pour vous (Galates 4; 10-11)

[62] Les religions, les doctrines, les dogmes nombreux et variés, souvent intolérants sont au contraire,

l'œuvre des hommes et portent leur marque. (L'Homme et sa Destinée, page 294)

... L'Union des religions doit être recherchée dans ce qui est divin, c'est-à-dire universel en l'homme, et non dans ce qui est humain dans les doctrines. (L'Homme et sa Destinée, page 287)

[63] Comme les religions s'adressent à la masse et tendent surtout à se développer en surface, c'est-à-dire à gagner un nombre de plus en plus grand de fidèles, elles se sont trouvées au contact avec ceux chez qui les superstitions étaient les plus tenaces. La religion catholique, née aux rivages méditerranéens où l'imagination est passionnée, a dû tolérer le culte des Saints essentiellement superstitieux parce qu'il n'y avait pas moyen de faire autrement...

... L'anthopomorphisme et le paganisme le plus ahurissant se révèlent chez quatre-vingt-dix pour cent des bons catholiques. (La Dignité Humaine, page 134-135)

... Ceci impose... une épuration des religions, car elles doivent se débarrasser de tout ce qui demeure de pollution païenne dans leurs rites. (La Dignité Humaine, page 210-211)

[64] «Il ne faut pas faire de l'Homme et sa Destinée un manuel d'instruction religieuse. Lecomte du Nouy n'était pas un métaphysicien, encore moins un théologien et un exégète, on a donc fait observer que, pour lui, Dieu semble sortir de la création elle-même comme en sort une idée.» (L'Homme et sa Destinée, page 11; Préface par Daniel Rops.)

[65] Que la péché orginel n'est, selon lui que le poids des réflexes animaux et charnels qui s'opposent à la montée vers l'Esptit, et non pas une chute comme dans la vision chrétienne, que trop souvent à la lire, on a l'impression qu'il n'attache guère d'importance aux religions établies, aux dogmes, aux rites, qu'à ses yeux Jésus Christ est peut-être bien plus le modèle de la perfection humaine que Dieu incarné... C'est dire que son message doi être reçu par des croyants avec prudence et sans cesse completé par les grandes affirmations de la foi révélée. (L'Homme et sa Destinée. Préface, page 11)

[66] Essayons, quitte à encourir les reproches de maint excellent savant, d'analyser le texte sacré comme s'il était une description symbolique et crytique de vérités scientifiques. (L'Homme et sa Destinée, page 103)

[67] Et cependant je suis arrivé à ces conclusions par des méthodes qui me vaudront probablement les critiques... des théologiens et de l'Eglise dont je n'ai pas respecté tous les dogmes. (L'Avenir de l'Esprit, pages 304-305)

[68] Le bonheur des peuples dépend en partie de l'unité de la pensée religieuse. Le monde ne croira en la paix que le jour où les Eglises démontreront qu'elle peut exister. (L'Homme et sa Destinée, p. 234.)

[69] Lettre datée du 24-7-1966 portant la signature du Cardinal Ottaviani adressée aux «Présidents des conférences épiscopales»...

Elle signale que surgissent de divers côtés des opinions «singulières et dangereuses» qui troublent certains chrétiens... On en vient à réduire le Christ à un simple homme «qui aurait acquis peu à peu la conscience de sa filiation divine.» De même, pour sa conception originale, pour ses miracles et pour sa résurrection «concédés en parole», mais qui sont ramenés, en réalité à des faits naturels. (Le Monde et la Vie No 161 Octobre 1966 – p. 18)

[70] Les formules dogmatiques: on les prétend soumises à l'évolution historique, et on avance que leur sens objectif est susceptible de changement... (Lettre du Cardinal Ottaviani).

Le Monde et la Vie page. 18

[71] En 1957, Monseigneur J. Lefèbre, Archevêque que Bourges (aujourd'hui Cardinal) avait présenté à «l'Assemblée plénière de l'Episcopat français» un «rapport doctrinal» ... «De nos jours, on accepte mal que l'homme ait été blessé dans sa nature en raison du péché originel, et que cette blessure subsiste même après le baptême qui, cependant, a enlevé le péché»... (Le Monde et la Vie, page 19)

[72] Sous prétexte de pluralisme, de liberté de pensée, un bon nombre sont enclins à placer toutes les croyances et opinions sur le même pied.» (Rapport de Mgr J. Lefèbre

Le Monde et la Vie – page 19)

[73] Kohong termine son fatras merveilleux par la déclaration suivante: «Des docteurs d'un esprit rétréci veulent faire passer Laotseu pour une être divin et extraordinaire, et engager les générations futures à le suivre; mais par cela même, ils les empêchent de croire qu'on puisse acquérir par l'étude le secret de l'immortalité... (Matgioi, La voie rationnelle, page 9)

[74] En effet si Laotseu est simplement un sage qui avait acquis le Tao, les hommes doivent faire tous leurs efforts pour imiter son exemple, mais si l'on dit que c'est un être extraordinaire et doué d'une essence divine, il est impossible de l'imiter. (La voie rationnelle, page 9)

Đó cũng là thái độ của Romain Rolland đối với Ramakrishna. Romain Rolland viết:

«D'accord avec les Védantistes pour admettre que le divin est dans l'âme, et que l'âme est dans tout – que l'Atman est Brahman – je n'ai pas besoin d'enfermer Dieu entre les frontières d'un homme privilégié: C'est encore à mes yeux une forme (qui s'ignore) de «nationalisme» de l'esprit, et je ne l'accepte point. Je vois le «Dieu» dans tout ce qui existe. Je le vois tout entier dans le moindre segment, comme dans le tout cosmique.

Romain Rolland. La Vie de Ramakrishna p. 26.

[75] La véritable religion est dans le cœur. (L'Homme et sa Destinée, page 289)

[76] Le monde entier est pensé dans le cœur. Tous les Buddhas, passés et futurs ont été et seront formés dans le cœur. La connaissance se transmet de cœur à coeur, par la parole. Alors à quoi bon tous les écrits. Le cœur de chaque homme communie à ce qui fut dans tous les temps, à ce qui est dans tous les lieux.

Léon Wieger, Histoire des Croyances religieuses et des Opinions philosophiques en Chine, page 524.

[77] Le cœur est le Buddha. Il n'y a pas de Buddha en dehors du cœur. Considérer l'illumination et le Nirvana comme des choses extérieures au cœur, c'est une erreur. Il n'y a pas d'illumination en dehors du cœur vivant. Il n'y a pas de lieu où se trouvent des êtres nirvanés. Hors la réalité du cœur, tout est imaginaire... Il n'y a d'activité que la pensée du cœur, et son repos c'est le nirvana. Chercher quelque chose en dehors de son cœur serait vouloir saisir le vide. Le Buddha, chacun le crée dans son cœur par sa pensée. Le cœur est le Buddha, Buddha est le cœur. (Ibid. 524)

[78] Imaginer un Buddha en dehors de son cœur, se figurer qu'on le voit dans un lieu extérieur, c'est du délire. Donc, il faut tourner son regard non vers le dehors, mais vers le dedans, il faut le concentrer en soi-même, et contempler en soi sa buddhéité... (Ib. page 524.) (Phóng tác của Nguyễn Văn Thọ theo chính kinh Đạt Ma Huyết Mạch Luận, và theo bản dịch của Wieger).

[79] Học đạo chi sĩ, tu thức ngô chi nhất thân, tòng Thái hư trung nhi lai. Ký tòng Thái hư trung nhi lai tắc thử thân sơ diệc vô hữu; khởi ưng chấp trước chi dĩ vi kỷ vật. Cố thử thân chi linh minh; chí nhân tất sử bất trước ư hữu, bất trước ư vô, nhất như Thái hư chi vô vật nhiễu chi, nhiên hậu bản thể chi tâm phương đắc thanh tĩnh hợp hư, linh giác thường viên, nhi nhất thiết phiền hoa, nhất thiết hệ lụy bất năng đoạt hĩ. Phiền hoa hệ lụy bất năng đoạt, tắc tục tâm nhật thoái, chân tâm nhật tiến; thoái đắc nhất phân tục tâm; tự năng tiến đắc nhất phân chân tâm... Tâm tự Thái hư, tắc thân hoàn Thái hư, sở vị Tiên, sở vị Phật.

學道之士, 須識吾之一身從太虛中而來. 既從太虛中而來則此身初亦無有, 豈應執著之以為己物. 故此身之靈明至人必使不著於有, 不著於無, 一如太虛之無物以擾之, 然後本體之心方得清靜合虛靈覺常圓而一切繁華, 一切係累不能奪矣, 繁華係累不能奪, 則俗心日退, 真心日進, 退得一分俗心, 自能進得一分真心. ... 心自太虛則身還太虛, 所謂仙, 所謂佛. (養生膚語) Dưỡng Sinh Phu Ngữ, trang 1 và 2.

[80] Lão quân viết: Ngô tòng vô lượng kiếp lai, quan tâm đắc đạo, nãi chí Hư Vô hữu hà sở đắc, vị chư chúng sinh, cưỡng danh đắc Đạo.

老君曰: 吾從無量劫來, 觀心得道, 乃至虛無有何所得, 為諸眾生, 強名得道.

Thái Thượng Lão Quân Thuyết liễu tâm kinh, trang 1.

[81] Meng tzeu dit: «Celui qui cultive parfaitement son intelligence, connaît sa nature. Celui qui connaît sa nature, connaît le Ciel. Conserver parfaitement ses facultés intellectuelles, entretenir en soi les dons de la nature, c'est le moyen de servir le Ciel.

Meng Tzeu livre VII, chap I, 1.

Séraphin Couvreur, Les Quatre Livres, page 607.

[82] ... Meng tzeu dit, nous avons en nous les principes de toutes les connaissances. Le plus grand bonheur possible est celui de voir en s'examinant soi-même, qu'il ne manque rien à sa propre perfection. (Ib. Chap. 1, 4; page 609.)

[83] … En quelques millénaires les légendes se sont transformées, enjolivées, ou défigurée. Mais il n'est par difficile de retrouver dans chacune d'elles, aux quatre coins de la terre, la trace de l'inspiration unique, qui les a engendrées… C'est en cette inspiration mystérieuse que réside la parenté spirituelle des hommes pensants, parenté éloignée parfois, mais que les efforts des religions doivent tender à affirmer en dégageant l'identité originelle étouffée sous les apports successifs des siècles. (La dignité humaine, p. 143)

[84] Đạo vô chung thủy, giáo hữu hậu tiên. Hoặc viết: Đạo dữ giáo bất đồng hồ? Viết: bất đồng. Trạm tịch chân thường. Đạo dã. Truyền pháp độ nhân, giáo dã. Đạo chi vị thể, tuy kinh vô số kiếp, vị thường thiểu biến, giáo chi vi dụng, hữu thời nhi phế, hữu thời nhi hưng.

道無終始教有後先. 或曰: 道與教不同乎? 曰: 不同. 湛寂真常. 道也. 傳法度人, 教也. 道之為體, 雖經無數劫未常少變, 教之為用, 有時而廢, 有時而興. (金蓮正宗記, 一)

Kim Liên Chính Tông Ký, trang 1.

[85] Chân tiên, thượng thánh tu chân, bổ nội bất bổ ngoại dã nội chân ngoại ứng, vô thi bất khả, hữu tác tất thành, tự phàm nhi nhập thánh dã.

真仙上聖修真, 補內不補外也. 內真外應, 無施不可, 有作必成, 自凡而入聖也 (西山群仙

會 真 記, 八)

Tây Sơn Quần Tiên Hội chân ký, trang 8b.

[86] Heureusement les idées éclatent parfois en l'homme comme ces bulles qui viennent crever à la surface paisible d'un étang. Il faut les noter à l'instant même sinon elles ne laissent dans l'esprit qu'une impression fugitive aussi éphémère les rides concentriques qui ont un instant déformé les images réfléchies par le miroir d'eau. Ces idées viennent du plus profond de nous-mêmes, de ce subconscient qui est peut-être l'écho de la volonté divine modelé par les souvenirs accumulés par l'espèce au cours des âges. (La Dignité Humaine, page 94)

... Pour moi, frères, je n'ai pu vous parler comme à des hommes spirituels, mais comme à des êtres de chair. C'est du lait que je vous ai donné à boire, non une nourriture solide, vous ne pouviez encore la supporter... (I Corinthiens 3;1, 2)

[87] N'oublions pas cependant, que l'hummanité doit, en moyenne, se perfectionner non par l'obéissance aux règles extérieures, mais par une profonde amélioration intérieure, et que ses progrès ne dépendent que d'elle-même. Gardons-nous donc d'une excessive standardisation et ne décourageons pas ceux qui possèdent des qualités exceptionnelles et représentent «les formes mutantes» anticipant sur l'avenir. Nous devons au contraire, les rechercher et les aider individuellement. (L'Homme et sa Destinée, pp. 345-346)

[88] Un fait indéniable existe: le désir de l'effort, le désir de lutter pour atteindre un degré supérieur... nous savons qu'il est à la base de toutes les grandes œuvres, de toute la beauté, et de toute la dignité humaine. (La Dignité Humaine, page 226-227)

Le sort de l'évolution aussi bien que le sort de chaque homme dépend de l'intensité, de la sincérité et de la continuité de l'effort qu'il fait pour se dégager de la gangue animale, pour se surpasser cet effort constitue sa profession de foi. Il implique la foi en l'avenir de l'esprit, en la dignité humaine, en Dieu qui la voulut. (La Dignité Humaine, page 209-210)

[89] Therefore the superior man honors his virtuous nature, and maintains constant inquiry and study, seeking to carry it uot to its breadth and greatness, so as to omit none of the more exquisite and minute points which it embraces, and to raise it to its greatest height and brilliancy, so as to pursue the course of the Mean.

The Four Books (by James Legge) The doctrine of the Mean.

[90] La paix doit s'établir par la transformation intérieure de l'homme et non par l'érection de structures extérieures. (L'Homme et sa Destinée, page 427)

[91] What the Great Learning teaches is to illustrate illustrious virtue; to renovate the people, and to rest in the highest excellence. The point where to rest being known, the object of pursuit is then determined; and that being determined, a calm unperturbedness may be attained to. The Four Books (by James Legge, The Great Learning, p.2.

[92] To that calmness there will succeed a tranquil repose in that repose, there may be careful deliberation, and that deliberation will be followed by the attaiment of the desired end.

Things have their root and their branches. Affairs have their end and their beginning. To know what is firt and what is last will lead near to what is taught in the Great Learning.

The ancients who wished to illustrate illustrious virtue throughout the kingdom, first ordered well their own states. Wishing to order well their own states. they first regulated their famillies. Wishing to regulate their families, they first cultivate their persons. Wishing to cultivate their persons, they first cultivate their their hearts. Wishing to rectify their hearts, they first sought to be sincere in their thought. (The Great Learning, p.2)

[93] Wishing to be sincere in their thoughts, they first extended to the utmost their knowledge. Such extension of knowledge lay in the investigation of things. Things being investigated, knowledge became complete. Their knowledge being complete, their thoughts were sincere. Their thoughts being sincere, their hearts were then rectified. Their hearts being rectified, their persons were cultivated. Their persons being cultivated, their families were regulated. Their families being regulated, their states were rightly governed. Their states being rightly governed, the whole kingdom was made tranquil and happy – From the Son of heaven down to the mass of the people, all must consider the cultivation of the person the root of everything besides. (The Great Learning, page 3.)

[94] L'e1volution continue de nos jours non plus sur le plan physiologique ou anatomique, mais sur le plan spirituel et moral... (L'Homme et sa Destinée, page 178)

[95] Crois-tu que cette vie énorme, remplissant
De souffle le feuillage et de lueur la tête,
Qui va du roc à l'arbre et de l'arbre à la bête,
Et de la pierre à toi monte insensiblement,
S'arrête sur l'abîme de l'homme, esscarpement...
Non, elle continue, invincible, admirable,
Entre dans l'invisible et dans l'impondérable,
Y disparaît pour toi, chair vile, emplit l'azur,
D'un monde éblouissant, miroir du monde obscur,
D'être voisins de l'homme, et d'autres qui s'éloignent,
D'esprits purs, de voyanrs dont les spendeurs témoignent,
D'anges faits de rayons comme les hommes d'instincts.
Victor Hugo – Les contemplations

[96] Elle plonge à travers les cieux jamais éteints,
Sublime ascension d'échelles étoilées,
Des démons enchaînés monte aux âmes ailées.
Fait toucher le front sombre au radieux orteil.
Rattache l'astre esprit à l'archange soleil
Relie en traversant des millions de lieues.
Les groupes constellés et les légions bleues.
Peuple le haut, le bas, les bords et le milieu,

Et dans les profondeurs s'évanouit en Dieu.

Victor Hugo (Les contemplations)

[97] Selon l'hypothèse téléfinaliste, l'évolution de l'homme doit continuer vers la spiritualité... (L'Homme et sa Destinées, p. 319.)

[98] Où va-t-il ce navire ? Il va de jour vêtu,

A l'avenir divin et pur, à la vertu,

A la science qu'on voit luire,

Il va ce glorieux navire,

Au juste, au grand, au loin, au beau, vous voyez bien

Qu'en effet, il monte aux étoiles.

Victor Hugo (Plein Ciel)

[99] Aissi la marche de l'univers physique dans la direction d'un chaos inerte et du néant sera compensée par la progression parallèle d'un univers impondérable, celui de l'Esprit dont l'ordre et la perfection naîtraient des cendres du monde matériel...

L'Homme devant la Science – p. 109.

Cf. L'Avenir de l'Esprit p. 293.

[100] Xem Dịch kinh các hình vẽ về Hà Đồ, Lạc Thư và chiều dương của Hà Đồ, chiều âm của Lạc Thư.

[101] Que votre être entier, l'esprit, l'âme et le corps soit gardé sans reproche à l'avènement de notre Seigneur Jésus Christ. (I Thessaloniciens 5; 223.)

(Cette division tripartite de l'homme est unique chez Paul... Commentaire – Bible de Jérusalem p.1562).

... Tu aimeras le Seigneur ton Dieu de tout ton cœur, de toute ton âme, et de tout ton esprit (Matthieu 22; 37)

Cf. Luc I, 46, 47.

Dĩ nhiên giáo hội Công giáo không chấp nhận quan niệm này.

Cf. Louis Ott. Précis de Théologie dogmatique, p.143:

Est inconciliable avec le dogme chrétien le trichotomisme enseigné par Platon, les gnostiques, les Manichéens, les Apollinariens et recemment par Günther; d'après cette théorie, l'homme est composé de trois éléments essentiels, le corps, une âme animale et une âme spirituelle.

[102] Traversons l'hummain pour déboucher sur l'Ultra-Humain. – George Magloire. Teihard du Chardin (Poche Club) p.89.

[103] Tâm ký tử, tất thần hoạt. Cổ nhân vân: Tâm tử thần hoạt. (Huỳnh Đình Kinh chú. Ngoại cảnh ngọc kinh, quyển thượng, trang 17, Tung Ẩn tử, Thạnh hòa đường thuật).

[104] ... Người học đạo phải nên cùng lý. Muôn vật đều có lý. Cùng lý hẳn biết được điều sở vi của trời. Biết được điều sở vi của Trời, hẳn cùng Trời làm một... kẻ còn thấy «ta» ấy là chưa thể cùng lý. Ai biết

được cái ta chân thật? (Tạ Lương Tá, 1050 1103). Tống Nho Bửu Cầm, trang 99.

[105] Đạo bất khả học, ngã kim tri chi. Đạo chỉ tại ngộ, ngã kim diệc tri chi hĩ.

Đạo bản tại nhân chi tính dã, nhân chi tính hữu đạo, tức chung đắc đạo, nhân chí tính vô đạo, tức chung bất đắc đạo. Ngã tính hữu đạo, cố đắc chi dã.

道 不 可 學, 我 今 知 之. 道 只 在 悟, 我 今 亦 知 之 矣. 道 本 在 人 之 性 也. 人 之 性 有 道 即 終 得 道, 人 之 性 無 道 即 終 不 得 道. 我 性 有 道, 故 得 之 也 (疑 仙 傳 下, 九) Nghi tiên truyện, quyển hạ trang 9.

[106] En effet, tous ceux qu'anime l'Esprit de Dieu sont fils de Dieu. (Romains 8, 14.)

... Et je pense bien moi aussi avoir l'Esprit de Dieu. (I Corinthiens 7, 40.)

... Et la preuve que vous être des fils, c'est que Dieu a envoyé dans nos cœurs, l'Esprit de son fils qui crie: Abba, Père! Aussi n'es-tu plus esclave, mais fils, fils, est donc héritier de par Dieu. (Galates 4; 6, 7)

...Mais si l'Esprit vous anime, vous n'être pas sous la loi. (Ib. 5; 18.)

... Ce n'est plus moi qui vis, c'est le Christ qui vit en moi. (Galates 11; 20)

[107] L'immortalité est le fruit de l'union avec la Sagesse.

Livre de la Sagesse 8;17.

[108] ... Pour que ce jugement soit sain et non déformé l'homme doit être libre de cultiver sa faculté de raisonnement, c'est-à-dire de s'instruire. Ceux qui ont besoin d'être guidés ne sont pas tout à fait libres. Il faut éclairer et non pas contraindre.

(La Dinité Humaine, page 176)

[109] Dieu a créé l'homme pour une vie immortelle, et il l'a fait (à) l'image de sa propre nature. (Livre de la Sagesse 2, 23 – Bible de Crampon p.762)

[110] Si seulement les hommes étaient plus nombreux à comprendre cette réalité, s'ils se faisaient gloire de leur tâche et entiraient joie, le monde deviendrait bientôt un monde meilleur, bien avant que le but spirituel ne soit atteint. (L'Homme et sa Destinée, page 436)

... De ce que nous saurons, dépendra en quelque sorte ce que nous serons. – Jean Rostand – Portrait de l'Univer. Editions. René Kister – page 22.

[111] Il sera ouvert à celui qui frappe, et celui qui cherche trouvera. (Les Évangiles. Cf. Matthieu 7, 7.)

[112] Thiên nhân hợp phát, vạn biến định cơ. Tập chú Âm phù kinh, trang 1.

天 人 合 發, 萬 變 定 基. (集 註 陰 符 經)

[113] Phóng tác lời tựa Âm phù kinh:

Kinh viết: Đắc cơ giả, vạn biến nhi dũ thịnh, dĩ chí ư vương. Thất cơ giả vạn biến nhi dũ suy, dĩ chí ư vong...

經 曰: 得 機 者 萬 變 而 愈 盛, 以 至 於 王. 失 機 者 萬 變 而 愈 衰, 以 至 於 亡. (黃 帝 陰 符 經 序) Hoàng đế Âm phù Kinh tự, trang 1.

[114] Puisse-t-il surtout ne pas oublier que l'étincelle divine est en lui, et en lui seul, et qu'il est libre de la mépriser, de l'étouffer ou de se rapprocher de Dieu par son ardeur à travailler avec Lui et pour Lui. (L'Homme et sa Destinée, page 437)

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | **Phần 3**: chương **1** 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
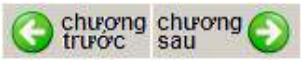

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | **Phần 3**: chương 1 **2** 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo

chương trước chương sau

PHẦN THỨ BA:
NHẬN ĐỊNH VÀ PHÊ BÌNH

*

Chương 2
Bình luận về thuyết tiến hóa

... Le monde extérieur avec sa multiplicité d'apparence est construit sur un monde intérieur plus homogène. Ceci est déjà vrai en physique. L'infiniment grand repose sur L'infiniment petit.

Les aspects extérieur de l'univers interviennent à titre second et dérivé devant les aspects «intérrieurs» d'une énergie qui forme la base unique et l'aliment essentiel des choses et des êtres.

RÂM LINSSEN

(Cf. Études psychologiques de C.G. Jung à J. Krisnamurti, page 63)

... Thế giới bên ngoài với thiên hình vạn trạng đã được xây dựng trên một thế giới bên trong đồng nhất hơn. Điều này đã được vật lý học kiểm chân. Cực đại xây nên cực tiểu.

Các trạng thái bên ngoài của vũ trụ đều là phản ảnh những trạng thái bên trong của một động lực duy nhất hằng cưu mang, nuôi dưỡng vạn vật quần sinh.

Lecomte du Noüy đã chấp nhận học thuyết tiến hóa để xây nền, đắp tảng cho học thuyết viễn đích của Ông.

Cho nên muốn bình luận học thuyết của Ông, trước tiên chúng ta cũng nên bình luận thuyết tiến hóa.

Tiết 1
Những cường điểm của học thuyết tiến hóa

Nếu chúng ta chỉ nhìn phiến diện, thì ta thấy thuyết tiến hóa ngày nay như là một nhà cách mạng đã thành công rực rỡ.

Nó đã trở thành một đại học thuyết của thời đại mới và đã đánh dấu một kỷ nguyên mới cho nhân loại.

Thuyết tiến hóa ngày nay đã chính thức được giảng dạy trong các trường học.

Và tuy thỉnh thoảng, ở một vài nơi vẫn có những «vụ án con khỉ» xảy ra, như:

Vụ án John Thomas Scopes ở tiểu bang Tennessee năm 1925. [1]

Vụ án Susan Epperson tại tiểu bang Arkansas năm 1966. [2]

Nhưng rốt cuộc thuyết tiến hóa vẫn được phát triển, truyền bá.

Các tôn giáo, sau khi đã mạ lỵ phỉ báng (hào hứng nhất là cuộc đấu lý, đấu khẩu giữa Giám mục Wilberforce và Huxley tại Oxford năm 1860), [3] cấm đoán [4] thuyết tiến hóa, dần dà cũng phải thay đổi thái độ, để đi đến chỗ dung hòa nhượng bộ.

Trong một thông điệp tháng 8 năm 1950, Đức Giáo Hoàng Piô XII tuyên bố giáo dân được học thuyết tiến hóa, miễn là thuyết này chỉ tìm căn nguyên thể xác con người trong một sinh cơ tiền tại. [5]

Và từ đầu thế kỷ XX thay vì dùng Thánh Kinh để phi bác thuyết tiến hóa, các nhà biện giải Thánh Kinh, ngược lại, đã cố sức giải thích Thánh Kinh cho phù hợp với các khám phá khoa học. [6]

Ví dụ:

Có nhiều nhà biện giải Thánh Kinh giải thích rằng sáu ngày trong Thánh Kinh phải hiểu là sáu thời kỳ, vì chữ Yôm vừa có nghĩa là «ngày» vừa có nghĩa là “thời kỳ”. Và nhiều người tán thưởng lối giải thích đó.

Nhưng những người thành khẩn hơn cho rằng giải thích như vậy là vô lý, vì «Yôm» chẳng bao giờ có nghĩa là «thời kỳ địa chất». Và câu «vậy có buổi chiều và buổi mai» không bao giờ có nghĩa là «hai ba tỉ năm đã qua»... [7]

Hơn thế nữa các vị Thủ lãnh Giáo Hội dần dà cũng công nhận rằng những chuyện về khai thiên lập địa, tạo dựng quần sinh viết trong Sáng thế ký không phải là những chân lý khoa học lịch sử, mà chỉ là những câu chuyện bóng bẩy, [8] phản ảnh những kiến thức của quần chúng, theo những điều tai nghe mắt thấy thông thường và được diễn tả bằng một lối văn thông dụng. [9]

Thật là một sự chuyển biến về tư tưởng hết sức lớn lao, nếu ta nhận định rằng trong vòng bao nhiêu thế kỷ, các dân tộc Châu Âu và khu vực Địa Trung Hải đã tin rằng các lời tường thuật của Thánh Kinh về sự tạo dựng vũ trụ quần sinh, và về Hồng Thủy, là lịch sử hết sức chính xác về vũ trụ.

Ngày nay, phần đông những người sùng thượng Thánh kinh như Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo, Hồi Giáo, chỉ còn coi những truyện kể trong Sáng thế ký như những huyền thoại thần kỳ. [10]

Cách nay vài thế kỷ, bất kỳ một học giả nào muốn bảo toàn danh dự hoặc muốn có chút tiếng tăm, thời phải lo sao cho những điều mình quan sát khảo nghiệm phù hợp với Thánh Kinh [11] hoặc với quan niệm truyền thống của giáo quyền, nếu không sẽ bị tai hoạ. [12]

Năm 1744, trong quyển lịch sử vạn vật Buffon chủ trương trái đất đã có khoảng 70.000 năm, thế mà đã bị coi là một sự xúc phạm lớn lao, và tác phẩm bị cấm đoán. [13]

Khi Darwin chết, người ta vẫn con dạy rằng vũ trụ được tạo dựng năm 4963 năm trước công nguyên, và cuốn Tự Điển Larousse xuất bản năm 1882 ghi rằng: «Đó là niên kỷ duy nhất được chấp nhận trong các trường.» [14]

Đến ngày nay, thì ta có thể chắc chắn không còn ai dại dột mà có những chủ trương như vậy nữa.

Trước kia không ai dám bàn cãi đến vấn đề Adam thủy tổ con người, sống trong vườn địa đàng giữa

những con sông Pishôn (?), Gihôn (?), Tigre và Euphrate. [15]

Ngày nay các nhà bác học lại còn muốn đi tìm tiên tổ của Adam [16] và nơi thực sự đã phát tích khởi nguyên ra con người. [17]

Nhờ có những tư tưởng, những giả thuyết táo bạo như thế, nên con người đã làm phục sinh được cả một dĩ vãng tiền sử bao la với những người tiền sử, như:

Nam Hầu (Australopithèques) cách nay chừng 700.0000 đến 500.000 năm.

Hầu nhân (Pithécanthrope) cách nay chừng 500.000 đến 150.000 năm. [18]

Người Néanderthal cách đây chừng 100.000 năm.

Người Cromagnon Linh nhân (Homo-Sapiens) cách đây chừng 30.000 năm. [19]

Hơn nữa, người ta còn tìm ra được một kho tàng nghệ thuật tiền sử vô cùng quý báu, đó là những «bích hoạ» trong nhiều hang động Âu châu như:

Động Altamira (Tây Ban Nha). [20]

Động Eysies (gần Périgueux, Pháp [21] có di tích người Cromagnons).

Động Pech Merle (Quận Lot, Pháp). [22]

Động Lascaux (Dordogne, Pháp).

Người ta đã tìm ra được 112 động có bích hoạ nguyên ở Âu châu mà phần đông là ở Tây Nam nước Pháp và Tây Ban Nha. [23]

Dù muốn dù không, chúng ta cũng phải công nhận rằng thuyết tiến hóa đã có nhiều công lao với khoa học và lịch sử tư tưởng nhân loại.

Nó đã cố thâu thập và tìm tòi những chứng cứ để bắt buộc mọi người chấp nhận sự biến thiên biến dịch của vũ trụ quần sinh, nhờ vậy mà sự hiểu biết của chúng ta về thiên văn, địa lý quần sinh ngày một thêm phong phú, chính xác.

Học thuyết tiến hóa không phải công lao của một vài người, mà đã có hàng trăm, hàng ngàn nhà bác học, các danh nhân trên thế giới góp phần xây dựng.

Nó đã bắt buộc nhân loại phải bỏ những nhãn quan chật hẹp về không gian cũng như về thời gian, đem lẽ biến dịch lồng vào cuộc đời, khuyến cáo mọi người không còn được ù lì bất động mà phải vùng lên tự tạo lấy tương lai cho mình và cho nhân loại.

Nó đem lại cho con người một niền tin mới mẻ vào những sức mạnh tiềm ẩn trong con người.

Và thay vì sống lo âu hồi hộp chờ đợi vào một ngày tận thế sắp tới, [24] con người ngày nay nhận thức ra rằng mình hãy còn ở vào lúc bình minh của cõi đời.

Nó cũng đã vạch rõ cho mọi người thấy một cách khoa học rằng cho đến bây giờ những ý niệm về con người cũng như về vũ trụ hãy còn rất nhiều thiếu sót, vậy chớ có nên độc đoán, cố chấp, một chiều. [25]

Học thuyết tiến hóa đã thúc nay và đã thực hiện được những tiến bộ lớn lao về mọi ngành khoa học, nhất là các khoa vạn vật, thiên nhiên, cổ nhân, cổ vật, cổ sự, nó đã tăng trưởng tầm kích con người trăm nghìn lần hơn, cả về dĩ vãng lẫn tương lai.

Nó đã vạch cho thấy các đạo giáo lớn không phải một chốc mà thành, nhưng cũng đã có những bước

đi chập chững, cũng đã phải vay mượn nhờ cậy vào những trào lưu tư tưởng, những đạo giáo đã có từ trước. [26]

Học thuyết tiến hóa cũng ảnh hưởng đến chính trị không ít.

Ảnh hưởng của hoàn cảnh đến sinh linh, ảnh hưởng của xã hội đến con người, cái chủ trương ấy của Lamarck, đã được các đảng xã hội, cũng như các đảng viên Mác xít lấy làm nền tảng cho học thuyết của mình. [27]

Ngược lại, chủ trương của Darwin, «mạnh được yếu thua, khôn sống bống chết» đã được các nước thực dân lấy làm phương châm để bào chữa cho những hành vi dã man đàn áp của mình. [28]

Nó đã làm nảy sinh ra một nền luân lý vị kỷ, vụ lợi, và có lẽ cũng là một trong những nguyên nhân gây ra trận đại chiến 1914, theo W. Dampier. [29]

Hơn nữa thuyết tiến hóa ngày nay đã được đa số các nhà bác học công nhận. [30]

Tóm lại thuyết tiến hóa đã gây một cơn bão tố lớn lao trong lịch sử tư tưởng và đã sinh nhiều chuyển hướng quan trọng trong tâm thần nhân loại, [31] chẳng kém gì học thuyết Karl Marx. [32]

oOo

Tiết 2
Những nhược điểm của thuyết tiến hóa

Những nhược điểm của thuyết tiến hóa

Tuy nhiên thuyết tiến hóa rất nhiều nhược điểm và có thể nói được có rất nhiều «tử huyệt».

1) Nhược điểm của chủ trương loài nọ biến sang loài kia.

Trước hết thuyết tiến hóa chủ trương sinh linh đã biến hóa từ loài nọ qua loài kia, từ côn trùng đến con người, và đưa ra bằng chứng là theo những khám phá cổ sinh vật học và địa chất học thì các loài đã xuất hiện một cách lớp lang, thứ tự, loài hạ đẳng thô sơ có trước, loài thượng đẳng phức tạp sinh sau.

Nhưng chính các nhà cổ sinh vật học lại thú nhận rằng các loài, các giống y như là đột hiện, đột khởi, khó mà minh chứng được loài nào đã sinh ra loài nào. [33] Nếu vậy thì chứng cứ đưa ra là một hư chứng.

Nếu giả thuyết tiến hóa mà đúng, nghĩa là theo thời gian, loài này phải biến ra loài kia, thì sau một tỉ năm tiến hóa, đào thải, các loài thô sơ, nhỏ thó, các loài hạ đẳng vì xuất sinh ra trước chắc chắn đã mai một hết rồi, sân khấu đời đã được nhường cho những loài thượng đẳng. Nhưng thực tế thì ngược lại; hiện nay ước lượng có tới bốn triệu giống sinh linh; người ta mới biết được chừng một triệu giống, mỗi năm biết thêm được chừng hai mươi ngàn giống. [34]

Trong một triệu giống còn lại đó: sâu bọ đã chiếm mất 600.000 giống, mà các động vật có vú chỉ có 15.000 giống. [35]

Tại sao mặc dầu những vật thượng đẳng chuyên môn hà hiếp, tiêu diệt các loài vật hạ đẳng, mà các loài này cũng không chịu chết, chịu biến?

Rắc rối hơn nữa, những tổ tiên của chúng ta vẫn còn sống sờ sờ; suốt ngày chuyên lo báo hại chúng

ta. Đó là những siêu trùng, những vi trùng. Chẳng biết siêu trùng hay vi trùng là tổ tiên chúng ta, nhưng chắc rằng giữa đôi bên, ta và chúng, chẳng có một chút gì là thương xót, kính nể lẫn nhau: tổ tiên, thì lo hại con cháu; con cháu thì chế độc dược để tiêu diệt tổ tiên. Thật là vô cùng hỗn loạn. Mỗi ngày, người ta lại còn tìm ra thêm nhiều loại siêu trùng, siêu siêu trùng mới, thành thử công cuộc của nhân loại hiện nay đi tìm tổ tiên lại càng thêm khó khăn vất vả!

Người ta đã vô tình hay hữu ý trà trộn hay sự kiện hoàn toàn khác nhau:

1) Các loài xuất hiện kế tiếp nhau và một ngày một tiến hóa hơn, hoàn bị hơn.

2) Và các loài đã biến hóa sinh xuất ra nhau.

Áp dụng lý luận ấy vào cuộc đời ta mới thấy rõ ngụy biện.

Ví dụ: người Chàm đã xuất hiện trước người Việt ở miền Trung; các người da đỏ Sioux, Iroruois, Cherokees đã xuất hiện trước các người Anglo-Saxons ở Hoa Kỳ. Nếu vậy thì người Chàm đã biến hóa thành người Việt; người Sioux, Iroquois, Cherokees đã biến hóa thành người Mỹ hiện nay chẳng sai, bởi vì chúng ta có những hài cốt, những di tích lịch sử chứng minh!...

Hoặc là ra đường chúng ta thấy có đủ loại xe, có bánh như nhau và cũng di chuyển được như nhau; có cái nhỏ, có cái to, có cái giản dị, có cái phức tạp. Nào xe đạp, nào Honda, Suzuki, Vespa, Lambretta, Cyclo đạp, Cyclo máy, ôtô, GMC v.v...Áp dụng định luật tiến hóa, ta kết luận: nhất định xe đạp đã sinh ra xe gắn máy, xe gắn máy đã sinh ra ôtô, ôtô sinh ra GMC vì hình thù tất cả đều tương tự như nhau, như vậy chắc chắn là phải xuất sinh cùng một thủy tổ là cái xe đạp!

André Lamouche trong quyển «Định mệnh con người» cũng đã nhận thấy cái ngụy biện ấy. [36]

Từ sự kiện đã quan sát được là sinh linh, đã liên tiếp xuất hiện, tuần tự tiến hóa nghĩa là có loài này hơn loài kia, loài sau thường hoàn hảo hơn loài trước mà kết luận được loài nhỏ đã sinh ra loài to, loài hạ đẳng sinh ra loài thượng đẳng, thì thật là một ngụy biện siêu phàm, đáng kể là sản phẩm của Gorgias, nhà ngụy biện trứ danh Hi Lạp; của Huệ Tử [37] hay của Công Tôn Long! [38]

2) Nhược điểm, của chủ trương vạn vật xuất sinh từ một tế bào nguyên thủy.

Chẳng những thế, học thuyết tiến hóa còn chủ trương: vạn vật đã phát sinh từ một gốc, không phải là từ một con trùng, một tế bào không mà thôi, mà còn từ nguyên tử đầu tiên của vật chất, theo thuyết máy móc. [39]

Giả thuyết này trên phương diện thực nghiệm đã vấp phải trở ngại là không tìm ra được những sinh vật trung gian, và những sự biến hóa nghiệm thấy thường rất hữu hạn. [40]

Về vấn đề lý, nếu chấp nhận một «mầm mống duy nhất» thì phải chấp nhận rằng trong tế bào nguyên thủy đã tiềm ẩn tất cả sinh vật, tất cả các hình trạng sinh linh – Weismann cho rằng cứ lý phải vậy; Lecomte du Noüy cho rằng chẳng phải vậy; Darwin, Lamarck cho rằng tất cả biến hóa là do cố gắng cá nhân, là do hoàn cảnh xui khiến; mỗi người một phách, nội bộ chia rẽ như thập nhị sứ quân. [41]

3) Nhược điểm của thuyết di truyền tập tính.

Các ông tổ của thuyết tiến hóa như Lamarck, Darwin, Herbert, Spencer chủ trương rằng sở dĩ có tiến hóa chính là nhờ ở sự di truyền tập tính.

Herbert Spencer chủ trương phải có di truyền tập tính, nếu không thuyết tiến hóa sẽ sụp đổ. [42]

Lecomte du Noüy cũng tin có di truyền tập tính. Ông nại ra các thí nghiệm của Kellog và Bell về các

loại sâu róm, của Arnold Pictet và Fischer trên các loại bướm, và kết luận tập tính có thể di truyền. [43]

Tưởng nên ghi nhận rằng Mitchourine (1855-1935) và Lyssenko cũng chủ trương di truyền tập tính. Hai nhà bác học Nga này cho rằng các phần tử nhỏ của thân thể, kể cả chất dịch, đều có thể mang tính di truyền, chứ không phải cứ nhiễm thể mới mang được tính di truyền. [44]

Nhưng đa số các nhà di truyền học trong đó có Weismann chủ trương ngược lại rằng tập tính không thể di truyền được, vì các tập tính chỉ có tác dụng đến hình hài, chứ không có tác dụng đến di tử, chủng tử. Nhưng chỉ khi nào di tử, chủng tử biến thiên, hoán cải, thì mới có những sự thay đổi thực sự về hình hài và mới có sự truyền tử lưu tôn. [45]

Jean Rostand một nhà sinh lý học lỗi lạc viết như sau:

«Tai hại thay cho học thuyết Lamarck, là những sự biến cải trên bình diện hình hài do ảnh hưởng của hoàn cảnh hay do hoạt động không bao giờ truyền lại được cho con cháu. Những biến cải ấy hoàn toàn là sở hữu cá nhân, vì chẳng có một cái gì có thể nhập vào gia tài di truyền được; như vậy, nó không có giá trị gì về phương diện tiến hóa. [46]

Không những Wallace và Weismann, [47] mà ngay cả phái chủ trương thuyết sậu biến của De Vries cũng không chấp nhận thuyết di truyền tập tính. [48]

Ta cũng nên biết vụ ngụy tạo chứng cứ của P. Kammerer về di truyền tập tính đã bị G.K. Noble phanh phui năm 1926, và Paul Kammerer xấu hổ, đã tự sát. [49]

Tạp chí Life xuất bản ngày 17-3-1947 cho rằng các nhà di truyền học hiện tại ít ai tin thuyết di truyền tập tính. [50]

Vậy nếu trở ngược lại lập luận của Herbert Spencer nói trên, ta sẽ phải đi đến kết luận: vì chưa chứng minh được rằng tập tính di truyền, nên chưa thể kết luận vật này đã biến thành vật nọ...

Thuyết di truyền tập tính còn chứa ẩn nhiều ngụy biện ghê gớm:

Theo thuyết này, thì chẳng có gì là thiên bẩm, thiên phú. Mọi sự đều là thủ đắc, tập thành.

Tai mắt, chân tay, cổ cánh đã sinh ra hoàn toàn là đấu tranh sinh tồn, ảnh hưởng ngoại cảnh, nói cách khác, «nhu cầu hoạt động sinh ra cơ quan». [51]

Thú thực, dẫu chúng ta quí trọng các nhà bác học mấy mặc lòng, nhưng mà chúng ta cũng không thể nào chấp nhận những giả thuyết thần kỳ đó được.

Từ một sự kiện mọi người đều công nhận là ngoại cảnh, thủy thổ có thể ảnh hưởng, có thể biến cải sinh vật, mà mập mờ đi đến kết luận rằng mọi sự đều do ngoại cảnh sinh và không có gì là bẩm sinh, thiên phú, thực là một nguy biện ngoại hạng!

4) Nhược điểm của thuyết đấu tranh sinh tồn, tuyển lựa tự nhiên.

Darwin có ý niệm về «đấu tranh sinh tồn», sau khi đọc sách của Malthus, [52] và về tuyển lựa tự nhiên, sau khi quan sát những cách thức lựa giống, lai giống của các nhà chăn nuôi súc vật. [53]

Cho nên, ông nghĩ rằng đấu tranh để sống sót là một cuộc đấu chí tử giữa sinh linh, do đó chỉ những vật thật mạnh, thật giỏi mới sống sót.

Đó là cách tuyển lựa tự nhiên của trời đất.

Sự đấu tranh và tuyển lựa ấy bắt buộc mọi loài phải biến cải, tiến hóa, để có thể kháng cự thù địch một cách hữu hiệu hơn.

Các sự biến cải ấy sẽ được truyền tử lưu tôn, và dần dà sinh ra các nòi giống mới. [54]

Đã đành, sống trên đời bất kỳ loài nào cũng phải cố gắng, có vậy mới có miếng nuôi thân, có thể tiến tới.

Nhưng từ đó đi đến kết luận mọi loài sinh ra là cốt để xâu xé lẫn nhau, tranh cướp nhau miếng ăn, giành giật nhau đất sống thì kể cũng quá khích.

Theo chủ trương mạnh được yếu thua, khôn sống bống chết này, thì lẽ ra trên đất những sâu bọ, ruồi muỗi phải chết hết, còn những khủng long, độc xà phải được phát triển; dưới nước, những tôm tép, mòi lẹp phải chết hết, chỉ những kình nghê mới sống sót. Nhưng trái lại, trên thực tế, các loài vật nhỏ vẫn đầy dẫy nhan nhản...

Nếu sau ngót một tỷ năm tiến hóa, mà những sinh vật li ti hạ đẳng, thô sơ yếu đuối như nay vẫn còn sống sót, thì cứ như thuyết Darwin, chúng phải là những con vật mạnh mẽ, lanh lợi, sung sướng nhất, thích ứng nhất với hoàn cảnh rồi, mà đã thích ứng quá mức như vậy, thì làm gì có tiến hóa nữa ! [55]

Ngoài ra, đào thải, tuyển lựa là chọn tốt, bỏ xấu, chứ không phải sinh ra những đặc tính mới. Như vậy, thì tại sao loài này có thể khác loài kia được ?

Giáo sư Culter đại học Chicago cho rằng: nhược điểm của thuyết đào thải tuyển lựa tự nhiên là nó không sinh ra được đặc tính mới. [56]

Đã đành trong quần sinh có những loài mạnh ăn thịt loài yếu, nhưng những loài yếu lại sinh sôi nảy nở rất nhiều để bù đắp lại: một con cá có thể đẻ hàng triệu trứng, các loài côn trùng thường cũng sinh sôi nảy nở rất nhiều, rất nhanh. [57] Lại nữa, ta thấy trong loài vật nhỏ, nhiều con có phép ẩn thân (mimétisme), lẩn trong cây cỏ, hòa mình vào với lá, cành khéo đến nỗi nhiều khi không nhận được chúng. Như vậy, y như là tạo vậy cũng cố sức bảo tồn các loài đã có, không muốn chúng bị tiêu diệt đi.

Hơn nữa định luật đấu tranh sinh tồn cũng không hoàn toàn đúng; vì chúng ta thấy loài vật tuy dữ nhưng thường không ăn thịt hay làm hại lẫn nhau:

«Ong kia đâu có đốt nhau,

Hổ kia đâu có xé xâu đồng loài.» [58]

Xét về loài người, thì ta chỉ thấy những kẻ lưu manh hạ cấp mới lo hãm hại người, còn những chính nhân quân tử mọi nơi mọi đời đều hi sinh vì người, tán trợ phụ bật người, lấy câu «thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác» [59] làm phương châm. Khắp thế giới, hiện nay, có nhiều cơ quan cứu trợ, và các nước đàn anh bất kỳ là trong màn sắt, hay ngoài màn sắt cũng lo giúp đỡ những nước hậu tiến. Tất cả các chủ nghĩa, các chính thể bất kỳ xanh, đỏ, trắng, vàng, đều muốn loại trừ mọi sự bất công, bóc lột, muốn cho mọi người được no ấm, có những điều kiện tiến bộ đồng đều, thế có phải là phản lại Darwin hay không ?

Học thuyết Darwin cho rằng sự tuyển lựa đào thải cốt là thải loại những đặc điểm vô ích. Nếu vậy thì đến con người đáng lý phải có cách chư chim, có móng vuốt như hổ, có da thịt như voi, biết bơi, biết lội như cá, biết leo trèo như khỉ vượn, bởi vì tiên tổ từ loài sâu bọ sấp lên, thường con nào cũng có sở trường: biết bay, biết lội, biết trèo, mà những tài ngoại đó chẳng cần tập cũng biết, hơn nữa rất cần cho cuộc sinh nhai.

Thế mà, đến con cháu, xa xăm là loài người, thì mất cánh, mất lông, mất vuốt; da thịt lại mềm mại xinh

xắn; quên bay, quên lội, dốt chạy, dốt trèo; nhưng lại đốc giống ra thông minh, linh lợi, biết nói, biết hát, biết đùa, biết giỡn, đóng tuồng, diễn kịch, cầu khẩn van vái thần minh, thì kể cũng lạ thật.

5) Nhược điểm của thuyết sậu biến (mutationnisme)

De Vries chủ trương vạn vật tiến hóa là nhờ sậu biến, ngẫu biến.

Nhưng thuyết sậu biến không cắt nghĩa được tại sao cuộc tiến hóa lại có chiều hướng, một ngày lại một thêm hoàn hảo hơn, tinh vi hơn.

Vả lại các nhà khoa học nhận thấy rằng phần nhiều các sự biến hóa hoặc tự nhiên hoặc nhân tạo thường là những quái thai và thường tảo vong, yểu tử. [60]

6) Thuyết tiến hóa có nhiều tranh chấp nội bộ.

Như ta đã nói trên thuyết tiến hóa đã do nhiều người đóng góp xây dựng, nhưng thực ra mỗi người đưa ra một ý kiến và chẳng ai chịu ai.

Phái Lamarck thì phi bác Darwin, phái Darwin thì phủ nhận học thuyết Lamarck. [61]

Weismann và De Vries không chấp nhận thuyết di truyền tập tính v.v...

Lamarck chủ trương: ngoại cảnh và lề lối sinh hoạt gây nên các biến hóa nơi quần sinh, không có gì đã được tiền định từ trong trứng. Darwin cho rằng sự biến hóa là kết quả của sự đấu tranh sinh tồn đào thải tự nhiên, và loài nào có nhiều khả năng hơn sẽ sống sót. Weismann chủ trương ngược lại rằng biến hóa là một hiện tượng nội tạo ẩn áo, chỉ lệ thuộc vào sự cấu tạo thiên tiên của trứng. Hoàn cảnh bên ngoài có thể hỗ trợ, hoặc làm trở ngại chứ không có thể hướng dẫn được công cuộc đó. Sự diễn biến của các giai đoạn phát triển chỉ tùy thuộc vào cơ cấu đầu tiên của trứng sinh vật. [62]

Vì chưa có thuyết nào hoàn hảo để giải thích được sự biến hóa, nên đầu thế kỷ XX, ta lại thấy vô số lý thuyết mới ra đời như:

- Thuyết tổng hợp của J. Huxley, Dobzhansky và Simpson. [63]

- Thuyết của Mitchourine và Lyssenko. [64]

Và một số lý thuyết khác, nhưng cũng không giải thích thêm được gì. [65]

7) Các nhà bác học đôi khi cũng đã mắc phải những lầm lẫn lớn lao và đôi khi cũng có gian ý, ngụy tạo chứng cứ.

Những vụ điển hình nhất là:

Huxley tưởng mình đã tìm ra được sinh chất ở đáy biển. Ông gọi chất đó là Bathybius Hœckele. Hœckel cũng tưởng thật, đã từ chất đó, mô tả suy diễn ra cả cuộc tiến hóa quần sinh mãi sau Huxley mới thú nhận mình đã lầm và cái chất có danh từ Bathybius mỹ mạo ấy chỉ là chất Sulfat vôi. [66]

b) Vụ ngụy tạo đồ bản của Hœckel. [67]

c) Vụ Dawson ngụy tạo xương người tiền sử Piltdown bằng cách dũa xương đười ươi rồi cắm vào hàm một sọ người tiền sử. Teilhard de Chardin, Keith Woodward và nhiều bác học khác đều mắc lừa. Mãi đến ngày 22-11-1953, giáo sư Oakley mới khám phá ra được vụ ngụy tạo ấy. [68]

d) Vụ man trá của bác sĩ Dubois đã từ chiếc sọ đười ươi dựng nên câu chuyện «hầu nhân xứ Java». [69]

e) Vụ ngụy tạo chứng cứ của Paul Kammerrer [70] v.v...

Tuy nhiên muốn cho công bằng ta cũng phải nhận rằng những vụ ngụy tạo này là thế gian thường tình, vì ngay đạo giáo cũng đã thường phạm những lỗi lầm này, như lịch sử đã chứng minh.

8) Các biện chứng nêu ra trong các sách giáo khoa được trình bày một cách rất khéo léo, bằng cách trưng ra một vài bằng chứng, còn bao nhiêu khó khăn đều được đậy điệm bỏ qua đi hết.

Thường các sách giáo khoa minh chứng thuyết tiến hóa như sau:

Các sinh vật có cùng một thủy tổ và loài hạ đẳng dần dà đã biến thành loài thượng đẳng.

Ta có thể chứng minh bằng:

- Khoa cổ sinh vật học (paléonlogie)
- Khoa cơ thể học đối chiếu (Anatomie comparée)
- Khoa phôi học (embryologie)

a/ Khoa cổ sinh vật học cho thấy sự xuất sinh tuần tự của các loài sinh vật. Sự khảo sát địa khai, đã cho biết rằng qua các thời kỳ địa chất các loài vật đã xuất sinh theo một thứ tự nhất định: nhưng loài hạ đẳng, đơn sơ bao giờ cũng xuất hiện trước những loài cao đẳng phức tạp hơn...

b/ Cơ thể học đối chiếu cho thấy «những vật thuộc cùng một nhóm» được kiến tạo theo một hoành đồ chung (nguyên tắc hoành đồ nhất trí của Geoffroy St. Hilaire).

c/ Khoa phôi học cho thấy các bào thai động vật mới đầu giống nhau, sau dần mới khác.

Nhưng sự xuất sinh theo một thứ tự nhất định của các loài vật không có nghĩa là loài nọ biến hóa ra loài kia.

Nguyên tắc «hoành đồ nhất trí» của Geoffroy Saint Hilaire chỉ đúng một phần nào nơi động vật có xương sống, nhưng không thể áp dụng cho toàn thể sinh linh.

Ví dụ, nếu tất cả đều có một tổ chức, một cốt cách tương tự nhau, thì sao côn trùng lại không có xương cốt, các loài cua ốc, sò hến xương cốt lại y như hiện ra bên ngoài, các loài động vật có xương sống, thì xương cốt lại lặn vào bên trong?

Đó chính là điểm đã gây thảm bại cho Geoffroy Saint Hilaire, con người đã sáng tạo ra học thuyết, trong cuộc tranh luận với Cuvier về thuyết hoành đồ nhất trí của ông, trước Hàn lâm viện Pháp năm 1830. [71]

Nguyên tắc «Hoành đồ nhất trí» của Geoffroy Saint Hilaire cũng không giải thích được tại sao nơi sinh vật thượng đẳng thì hình hài phức tạp trong một cơ thể có nhiều cơ quan.

Còn nơi sinh vật hạ đẳng tối sơ thì hình hài cơ thể giản dị hết sức đến mức độ chỉ gồm có một tế bào; thế nhưng về phương diện sinh lý thì đôi đàng đều làm được những công việc chính yếu như nhau. [72]

Khoa phôi thai học chỉ đề cập đến điểm tương đồng giữa các bào thai động vật nhưng đã bỏ qua những điểm tương dị ghê tởm:

Ví dụ:

1/ Sự sinh sản bằng cách phân thân của các loại vi trùng. [73]

2/ Sự sinh sản bằng âm dương hợp chủng của các sinh vật. [74]

3/ Sự sinh sản bằng trứng, bằng cách ấp ủ bên ngoài nơi rắn rết, cá mú, chim chóc. Ngược lại nơi các

động vật có vú thì lại đổi thành sự thai nghén bên trong.

Ấy chưa kể đến những nghi vấn lớn lao là làm sao những con trùng không tim, không óc, không phổi, không mũi, không tai, không mắt lại biến thành được những động vật, những con người có tay chân mặt mũi tim óc hẳn hoi với 14 tỉ não bào, và những dây thần kinh như mắc cửi khắp thân hình. Cái đó thì các sách giáo khoa không đề cập tới.

Tiết 3
Tổng luận về thuyết tiến hóa.

Trên đây chúng ta đã cố tìm cho ra những cái hay cái dở của thuyết tiến hóa.

Chúng ta khen, khi đặt mình vào hàng ghế những khán giả dễ dãi chỉ nhìn xem những thành quả phiến diện, nhất thời của học thuyết, rồi vỗ tay phụ hoạ theo.

Chúng ta thấy có nhiều điểm đáng phê bình, nếu chúng ta chịu đi sâu vào hậu trường của học thuyết, cân nhắc lại từng lời lẽ, lý luận, chứng cứ, và nếu chúng ta dám bạo dạn nói lên những cảm nghĩ riêng tư, bất chấp mọi dư luận đang thịnh hành.

Để kết luận, chúng ta phải bái phục công trình tìm tòi của các nhà khoa học, cũng như phương pháp, lề lối làm việc và những sáng kiến tân kỳ.

Chúng ta cũng không phủ nhận ảnh hưởng mãnh liệt và sâu rộng của thuyết tiến hóa khắp năm châu.

Nhưng từ những sự kiện dĩ nhiên mọi người đều công nhận như:

- Có sự biến dịch trong vũ trụ và trong vạn vật quần sinh.
- Vũ trụ vạn vật có lớp lang, thứ tự, hệ thống.
- Các sinh vật xuất sinh tuần tự.
- Ngoại cảnh có ảnh hưởng lớn lao đến đời sống sinh vật,
- Muốn tiến tới cần phải cố gắng liên tục v.v...

Đi đến kết luận là loài nọ đã biến thành loài kia, vi trùng đã biến dần thành quần sinh, thành nhân loại, và những sự biến hóa ấy đã được xui khiến bởi ảnh hưởng ngoại cảnh và sự đấu tranh sinh tồn, thì kể là một kết luận vội vàng, không chính xác; mà đã không chính xác thì biện luận mấy cũng không che giấu nổi nhược điểm.

Tuy nhiên nó đã đặt lại cả một vấn đề siêu hình qua các bằng chứng khoa học.

Nó đã thẳng thắn đặt lại mấy quan niệm:

Nhất thể vạn thù của các nhà huyền học Á Đông, [75] và Âu Phi thời cổ, cũng như quan niệm biến dịch, biến thiên mà Phục Hi, Văn Vương cũng như Héraclite đã chủ trương từ ngàn xưa.

Cái nhược điểm trọng yếu của thuyết tiến hóa chính là không qui định được «nguyên sinh», «nguyên thể» là gì, mà cho rằng hoặc là nguyên tử vật chất nhỏ nhoi, hoặc tế bào, hoặc là vi trùng vi thảo, mà quên mất phần thần khí, quên mất đại khối vũ trụ.

Cứ theo lý luận trên, thì tiến hóa không phải là sự phát huy những tiềm năng tiềm lực sẵn có, mà là biến hình, biến dạng tùy thế của vi thảo, vi trùng.

Vũ trụ không phải là những biến hóa lớp lang thứ tự của một đại thể mà là sự hợp tan vô định, vô tình

của những vi thể vi trần. [76]

Học thuyết biến hóa hiện nay có thể nói được là đối đỉnh của học thuyết biến hóa của các nhà huyền học đông tây từ trước đến nay.

Thuyết này chủ trương:

Nhất thể biến vạn thù,

Vạn thù qui nhất thể.

Tức là cả vũ trụ sinh linh đều là phân thể một đại thể. Đại thể ấy có nhiều danh hiệu tùy nơi tùy thời: hoặc là Thái Cực, là đạo, là Logos, là chân tâm. Đại thể ấy sinh ra mọi sự, mọi loài. Mọi loài vì là phân thể của một đại thể, [77] nên dĩ nhiên có một mối giây thân ái, liên laic, hết sức chặt chẽ với nhau. Mọi sự vì vậy có những điểm tương đồng, tương dị. Căn nguyên thì tương đồng, nhưng phân nhiệm thì tương dị v.v...

Ta lật ngược học thuyết trên thì sẽ ra thuyết tiến hóa hiện nay, nhưng vì thuyết tiến hóa khởi sự từ tiểu ly, tiểu tiết, nên khi muốn tái tạo lại vũ trụ, quần sinh đã gặp rất nhiều khó khăn trở ngại.

Thuyết tiến hóa, vì quên mất đại thể, quên mất thần khí nên quên lãng cả ảnh hưởng tâm thần, cho rằng mọi sự đều vô tình, vô ý.

Nhưng các nhà khoa học chân chính cho rằng chối bỏ tâm thần, tình ý là phản lại thực tại.

Cuénot đã phải nhận rằng trong quần sinh có sự hô ứng tương liên, tương hợp lạ lùng: đố nào, ngàm ấy; rau nào sâu ấy; ong giúp hoa, hoa giúp ong. [78] Ông thú nhận rằng có nhiều sự thích ứng không thể nào giải thích bằng ngẫu nhiên được, mà phải tin vào một huyền lực siêu nhiên biến hóa, tiềm ẩn ngay nơi sinh vật. Huyền lực ấy tác động trên vật chất y như một ý niệm của nghệ sĩ tác dụng nguyên liệu được dùng. [79]

Charles Richet đã dám chứng minh rằng trong khoa sinh lý học, cái gì cũng có mục đích, ý tứ. [80]

L. Cuénot cũng tuyên bố: vây sinh ra để bơi, cách để bay, mắt để nhìn. [81]

Và nếu trong những tiểu tiết ta thấy có ý, có tình, thì vũ trụ cũng phải có ý tứ, cùng đích. [82]

Các nhà khoa học chủ trương thuyết tiến hóa còn có một nhược điểm khác là thường chỉ chú trọng đến ảnh hưởng của ngoại cảnh hay của di tử, chủng tử [83] mà sao nhãng hẳn những ảnh hưởng ý chí tâm tình.

Tuy nhiên, Larmarck và nhiều triết gia lại đặt ảnh hưởng ấy lên hàng đầu. [84]

Thế là các lý thuyết gia về thuyết tiến hóa hãy còn đứng ngoài lâu đài, chưa vào được phía «bên trong», theo từ ngữ Schopenhaur. [85]

Nói tóm lại, muốn đi tìm nguồn gốc phát sinh tiến hóa, phải đi sâu vào căn cơ vũ trụ. [86]

Các nhà huyền học cổ kim đều đã chủ trương như vậy. Thánh Paulo cũng đã nói: vô hình sinh hữu tướng. [87]

Teilhard de Chardin cũng chủ trương Tạo hóa vẫn còn hoạt động trong lòng sâu vũ trụ và vạn vật. [88]

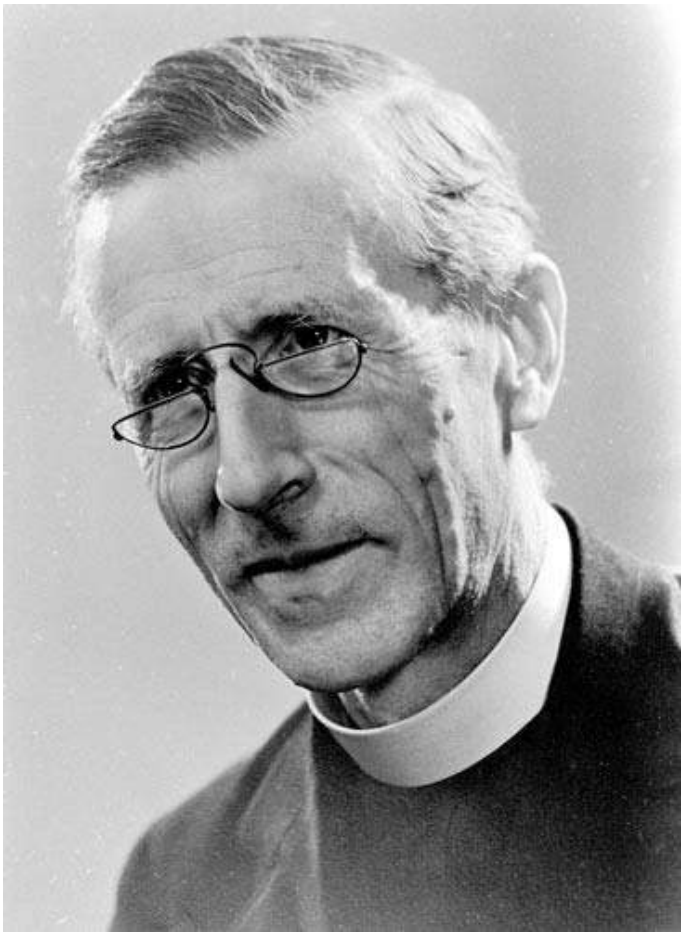

Teilhard de Chardin (1881-1955)

Các nhà truyền học Á Đông cũng đã đi sâu vào Thái Cực, vào vô tướng để tìm ra duyên do tiến hóa nơi vạn hữu. [89]

Nhiều nhà bác học hiện nay đã công nhận rằng cái «thực tại khoa học» chỉ là một lớp màng vỏ mong manh bao phủ ngoài thực tại chân thực, như những làn sóng nhấp nhô trên mặt trùng dương. [90]

Thực thể vô tận ấy nay mang thêm nhiều danh hiệu mới mẻ như là «Trùng dương» của Dirac, «Tiềm giới» của Louis de Broglie, Bohn và Vigier, «Cảnh giới đặc thù» của Wheeler v.v... [91] Thế là Đông Tây gặp gỡ, kim cổ giao duyên...

André Lamouche cho rằng người ta đã lẫn lộn hai chữ Tiến hóa, và biến hóa. Sự tiến hóa nghĩa là trong vũ trụ, quần sinh có nhiều trình độ, tinh thô, cao thấp khác nhau sự tiến hóa ai cũng phải nhận, vì nó là một sự kiện. Còn sự biến hóa ngĩa là loài này biến ra loài khác là một giả thuyết rất mơ hồ, huyền hoặc chưa có thể chứng minh được. [92]

Vả lại, người ta chấp nhận thuyết tiến hóa có khi cũng vì những lý do tình cảm và chính trị. Giáo sư Watson, đại học đường Luân Đôn thuyên bố như sau:

Thuyết tiến hóa đã được các nhà động vật học chấp nhận, không phải vì đã thực sự quan sát thấy vậy hay vì đã có thể chứng minh, hoặc kiểm chân được bằng những lý luận mạch lạc xác đáng, nhưng chính là vì thuyết đối lập, «sự tạo dựng trực tiếp», cũng không thế nào tưởng tượng được. [93]

Theo bác sĩ Calman thuộc Anh quốc Bảo tàng viện, thì các nhà khoa học đã chấp nhận học thuyết này «như là một lợi khí để có thể giao tranh với các giáo hữu bảo thủ». [94]

Đó cũng là ý kiến của Pierre Rousseau trong quyển lịch sử khoa học. Theo Pierre Rousseau, thì thuyết tiến hóa chính là một thứ khí giới chiến tranh đã được đưa vào trận địa để phản kích lại thông điệp Syllabus của Đức Giáo Hoàng Pio IX lưu hành năm 1864, và cộng đồng Vaticano I năm 1870. [95]

Thuyết tiến hóa còn được sùng thượng, một phần cũng vì phong vị vật chất vô thần của nó.

Nhưng, những lý do tình cảm, chính trị, đấu tranh ấy không làm tăng được giá trị nội tại của thuyết tiến hóa.

Vì vậy, nhưng nhà học giả thành khẩn hoặc là phủ nhận thuyết tiến hóa vì thấy chưa đủ lý cứ, hoặc là chấp nhận với sự dè dặt sau khi đã thay đổi nội dung và thêm thắt vào nhiều quan điểm mới mẻ.

Năm 1929, Louis Vialleton đã không ngần ngại viết rằng thuyết tiến hóa là một «huyễn tượng» vì chủ trương toàn là trực hệ, mà lúc trình bày đồ án biến hóa thì chỉ thấy bàng hệ. [96]

Jean Serviers cho rằng: Thuyết tiến hóa là một tín điều, một triết lý của người da trắng cốt để lấp liếm những sự xâm lăng, đàn áp, và những tội ác của họ. Thuyết tiến hóa tuy đã trở thành tín điều, nhưng chưa dựa trên những chứng cứ chắc chắn. Chúng ta đang sống giữa một sự trá ngụy khoa học vĩ đại. [97]

Trong bộ Bách khoa tự điển Pháp xuất bản năm 1938, Paul Lemoine, một nhà địa chất học danh tiếng và là Viện trưởng viện cổ sinh vật Pháp đã viết như sau: «Thuyết tiến hóa sắp đến ngày bị bác bỏ» và ông không ngần ngại viết thêm:

«Thuyết tiến hóa là một thứ tín điều mà hàng giáo phẩm không còn tin nữa, nhưng vẫn giữ cho quần chúng.» [98]

Trong quyển «Nhân loại từ đâu tới», thuộc bộ Bách khoa Planète, N. Albessard viết:

«Người ta thường chấp nhận rằng tiến hóa là một sự tiệm thăng tiệm tiến đến một tâm thần biết suy tư, mà Teilhard de Chardin đã đề cập tới. Quan niệm này làm cho con người trở thành những Hi mã lạp sơn chứa chất một sự nhẫn nại vô biên của vạn vật. [99]

«Trong ta, tính lại có 30 triệu thế kỷ bì bõm dưới đáy biển; cố gắng phi thường để lướt thắng hoàn cảnh; khám phá thần tốc, hoặc bò man vất vả, điên cuồng nhưng rồi vẫn có thể trở lại khôn ngoan. Trong vòng ba tỉ năm, sự sống đã lần mò để thực hiện ra ta ngày nay. Cái lối nhìn đời ấy, tuy rất xứng tâm, xứng ý con người, nhưng khốn nỗi lại chỉ là một giả thuyết không hơn không kém.» [100]

Bertrand Russell lại bi quan hơn, ông nói: «Tôi nghĩ rằng vũ trụ toàn thành bởi những mảnh miếng, những nhảy cẫng nhát gừng, và chẳng làm gì có hệ thống duy nhất, liên tục, thứ tự, mạch lạc.» [101]

James Jeans chủ trương phải đem thần linh về lại với vũ trụ và cho rằng thần linh là căn cốt vũ trụ. Thần linh không còn phải là như một người xa lạ trong giang sơn vật chất nữa. [102]

Thế là chủ trương «thần khí điều động vật chất» của Virgile lại được sống lại. [103] Gần đây Julian Huxley và Teilhard de Chardin cũng chủ trương «Thiên tâm», Thiên tính là bản thể của vũ trụ. [104]

Đó chính là chủ trương của Dịch Kinh: bản thể của vũ trụ là Thái Cực.

Lecomte du Noüy sữa chữa thuyết tiến hóa bằng sự chấp nhận có Thượng Đế tạo dựng sinh vật, hướng dẫn quần sinh đến một mục phiêu siêu việt là thần nhân...

Về thuyết tiến hóa, Lecomte du Noüy cũng nhận định một cách chân thành như sau:

«Nếu ta lưu tâm đến sự dốt nát của chúng ta, nếu ta đo lường cân nhắc sự dốt nát ấy một cách thành

khẩn, ta sẽ đi đến một kết luận kỳ dị này là niềm tin của ta về sự tiến hóa, cho đến bay giờ còn thuộc về trực giác siêu hình chứ chưa phải khoa học...» [105]

Để tổng kết lại, ta thấy rằng muốn có cái nhìn toàn bích phải đi từ nhất đến vạn, rồi lại đi từ vạn quay trở về nhất, nói cách khác, đi từ Thái Cực, hay Đạo ra quần sinh vạn hữu, rồi lại đi từ quần sinh vạn hữu trở về Thái Cực, và Đạo, thế tức là đi từ vô tướng ra vạn tượng, rồi lại từ vạn tượng quay trở về vô tướng; từ gốc lên ngọn rồi lại từ ngọn trở về gốc. [106]

Các nhà khoa học đi có một chiều từ ngọn trở về gốc. Công cuộc đó thực là khó khăn, vì ta không biết hết chi diệp, cốt cán. Nhưng nó hợp với nguyện ước của mọi người, cho nên ai cũng công nhận. [107] Nhưng chối bỏ nguồn gốc, chối bỏ ý tứ mục đích và cho rằng muôn loài ngẫu nhiên sinh xuất ra nhau, từ vi trùng, vi thảo cho đến con người, thì cũng y như chủ trương rằng cây không cần có gốc; ngọn, búp có thể sinh ra cành lá và thân cây. Đó là một lập luận cưỡng lý cần phải soát xét và đảo chuyển lại.

Tuy nhiên, dẫu học thuyết tiến hóa, hiện nay còn khuyết điểm mấy chăng nữa, nó cũng đã thành công rực rỡ, khi đặt lại những vấn đề then chốt như:

1/ Sự sống chỉ có một, mặc dầu khoác thiên hình vạn trạng. [108]

2/ Vạn vật có liên lạc mật thiết với nhau, tuy xa cách nhau bằng không gian, thời gian, bằng trạng thái và trình độ tâm tư. [109]

3/ Phải tìm cho ra thực thể duy nhất sinh xuất vạn vật quần sinh. [110]

4/ Phải tìm cho ra những mối manh, mạch lạc, cơ cấu của sự biến thiên tiến hóa trong vũ trụ và quần sinh.

5/ Phải tìm căn nguyên sinh xuất quần sinh, cũng như mạch lạc vũ trụ, ngay trong lòng quần sinh và vũ trụ. [111]

Dẫu thuyết tiến hóa chưa giải được những vấn đề này, nhưng đặt ra thành vấn đề để cho mọi người suy tư, tìm hiểu cũng đã là một bước tiến vĩ đại. Nó đánh dấu một kỷ nguyên mới vì đã đem sự biến thiên chuyển dịch vào sân khấu đời.

Nó cũng đã thực hiện được một công trình vĩ đại vì đã cho con người một cái nhìn phổ quát tổng hợp, coi vạn vật chỉ là những hình thái biến thiên của một thục thể duy nhất, mặc dầu nó đã sai lầm khi nhận định thực thể duy nhất ấy là gì. [112]

CHÚ THÍCH

[1] ... Procès de John Thomas Scopes, ce jeune professeur de biologie d'une école secondaire de Dayton condamné en 1925 à 100 dollars d'amende pour avoir violé le «anti-evolution bill» la loi anti-évolutionniste votée la même année par le gouvernement de l'État de Tennessee. Ce procès fut provoqué par un ami de Scopes, Georges Rappeleyea, qui entendait ainsi faire éclater l'absurdité de la loi interdisant «d'enseigner toute théorie niant la création de l'homme par Dieu telle qu'elle est exposée dans la Bible et de professer que l'homme descend d'une espèce inférieure.» (Science et Vie, Nov. 1966 – page 147)

[2] La querelle a rebondi récemment quand Mrs Susan Epperson elle aussi professeur dans une école de Moticello (Arkansas) fut traduite à son tour devant les juges pour avoir exposé à ses élèves la théorie

de l'évolution des espèces...

Pour incroyable que cela puisse paraître, l'affaire s'est passée au début de 1966.

Procès aussi futile que pittoresque, où il s'agissait moins d'éclaircir un problème que de défendre les idées simplistes et routinières, où des hommes qui ne s'étaient jamais posé la question de l'origine de la vie, ni celle de l'histoire de l'homme, entendaient soutenir l'interprétation littérale, naïve de la création du monde telle que l'exprime la Bible. (Science et Vie, Novembre – page 247.)

[3] Le fameux conflit entre l'évêque Wilberforce et Huxley à la réunion de l'Association britannique en 1860 à Oxford a souvent été décrit. L'évêque, sans comprendre au fond le problème, essaya de tuer par le ridicule la notion d'évolution par des arguments efficaces, Huxley lui reprocha sévèrement son ignorance...

(W.Dampier – Histoire de la Science – page 341)

L'évêque Wilberforce: «- Si vous êtes convaincu que vous descendez du singe, cher monsieur, je vous saurai gré de me dire si le singe est entré dans votre famille du côté du Monsieur votre grand-père ou de celui de Madame votre grande mère.»

A quoi Huxley très calmement acait répondu: «Il est de ma conviction que l'homme ne doit pas avoir honte d'un aïeul singe. En ce qui me concerne, Monseigneur, il ne pourrait y avoir qu'un seul aïeul dont je devrais avoir honte, un homme qui se fût mêlé de questions scientifiques auxquelles il n'entendait rien. (Encyclopédie Planète – D'où vient l'Humanité, page 150.244)

[4] ... Au siècle suivant (19è siècle), ce même livre de la Genèse devait encore vouer Darwin à l'exécration des bien pensants de toute dénomination. (Georges Gusdorf. De l'Histoire des Sciences à l'histoire de la pensée – page 271)

[5] Dans une encyclique du mois d'Août 1950 le Pape déclara qu'il était permis d'étudier «la doctrine de l'évolution dans la mesure où elle recherche l'origine du corps humain dans une matière vivante existant avant lui.» (Cf. Que Dieu soit reconnu pour vrai – page 95)

[6] Mais avec les progrès des sciences dans le domaine de ce qu'on vait jusqu'alors tenu comme enseignement de la Bible dont l'inspiration devait garantir la vérité, surgirent des hypothèses qui ne cadraient plus avec cet enseignement, d'où pour les uns condamnation de la science, et pour les autres condamnation de la Bible. Cependant les résultats acquis des sciences, astronomie, géologie, paléontologie, amenèrent les apologétistes chrétiens à tenter une conciliation entre la science et la Bible, par l'interprétation de celle-ci d'après conclusions ou même simples hypothèses des savants. C'est l'origine du concordisme qui sous la forme du périodisme a eu de nombreux partisans et a joui d'une très grande vogue... (Louis Pirot, La Sainte Bible – Genèse, page 127)

[7] «Yôm» en Hébreu n'a jamais signifié: période géologique et «il y eut un soir, il y eut un matin» n'a jamais voulu dire: il s'écoula deux ou trois milliards d'années. (Georges Crespy, De la Science à la théologie, page 17)

... On a justement fait remarquer que le mot «Yôm» «jour» eût-il par ailleurs dans la Bible, le sens d'une longue période de temps, ce qui n'est pas le cas, ne saurait l'avoir dans le récit de la création puisque chacun des six jours est formé d'un soir et d'un matin, et que le soleil préside au jour, et la lune à la nuit…

Cf. La Sainte Bible texte latin… avec un commentaire exégétique et théologique. – (Louis Pirot et Albert Clamer), page 127.

[8] Ainsi que l'affirmait déjà Léon XIII dans son encyclique Providentissimus Deus: «Les écrivains sacrés n'ont pas voulu renseigner les homes sur les choses qui ne sont d'aucune utilité pour le salut; voilà pourquoi, plutôt que de poursuivre une recherche scientifique, ils décrivent les choses avec des métaphores ou parlent selon le langage commun usité de leur temps. (Louis Pirot, La Sainte Bible, Tome 1, Genèse, p.127)

[9] La Commission biblique dans sa décision de 30 Juin 1909 sur le caractère historique des trois premiers chapitres de la Genèse affirme que «l'intention de l'auteur sacré n'est pas d'enseigner d'une manière scientifique la constitution intime des choses et l'ordre de la création, mais il parle selon la connaissance populaire d'après les données des sens et dans le langage du temps. (Ib. page 127)

[10] Pendant des siècles, les peuples de l'Europe et du basin de la Méditerrannée out vu dans les récits bibliques de la création et du Déluge la très exacte histoire de l'Univers. Aujourd'hui, la plupart de ceux qui vénèrent l'Ancien Testament, chrétiens, juifs ou musulmans, ne voient plus dans la Genèse que de divines allégories.

(Pour connaître la nature (Larousse) page 10)

… A partir du XVIIIè siècle, et de plus en plus, les nouvelles évidences font craquer le cadre traditionnel; la science géologique proprement dite se prépare au début du XIXè siècle, avec des hommes comme Werner et Cuvier, elle s'impose avec Lyell a partir de 1830. Le schéma biblique est dès lors périmé sans retour… (Georges Gusdorf, De l'histoire des sciences à l'histoire de la pensée, page 272)

[11] Jusqu'au siècle dernier, la préoccupation essentielle de la science était d'expliquer ses découvertes par les textes de la Genèse. (Encyclopédie Planète. – D'où vient l'hummanité. – figure I, page 2.)

[12] Bref à l'époque de la science naissante, tout érudit qui tenait à conserver son honneur et même à acquérir un peu de popularité, n'avait qu'à chercher dans ses observations sur la nature tout élément capable de prouver non seulement l'exactitude de l'Écriture Sainte, mais aussi les opinions généralement admises par les autorités ecclésiastiques.

(Guy Dingemans, Formation et Transformation des Continents, p. 26)

[13] En 1744 dans le premier volume de son Histoire naturelle, Buffon attribute à la Terre plus de 70.000 ans au lieu des 5 ou 6.000 ans de la trandition biblique.

Le scandale fut énorme, et le livre condammé par les théologiens de la Sorbonne.

(Pour connaître la Nature, Larousse, page 164)

[14] Pourtant à la mort de Darwin, on enseignait encore que la création du monde remontait à 4963 avant J.C «seule date admise aujourd'hui dans les écoles», dit le dictionnaire de P.Larousse. (20è édition 1882). (Pour connaître la nature, Larousse, p. 160)

… Une étude de la Genèse montrait que Dieu créa l'homme et la femme le 29 Octorbre de l'an 4004 avant J.C. (D'où vient l'humanité – page 381.)

[15] Genèse I 18-14.

[16] Et puis vers 30.000, parut le premier nous-même, homo sapiens. Mais cet home sage était-il bien Adam ? Où l'humanité avait-elle commencé avant lui, avec des être plus élémentaires ? Et si oui à partir de quel moment ? (L'Encyclopédie Planète. D'où vient l'Humanité, page 19.)

[17] Le berceau de l'humanité est l'un des grands problèmes qui préoccupent les paléontologues, «un faux problème» dissent certains d'entre eux qui pensent qu'il y a eu non pas un, mais plusieurs premiers hommes. L'abbé Breuil, auquel on posait les questions répondit plaisamment: «Le berceau de l'humanité ? Ce fut un berceau à roulettes». (Ib. page 37)

... Teilhard de Chardin: C'est au cœur de l'Afrique que l'homme a dû émerger pour la première fois. (Ib. page 36)

... Có người cho rằng con người đã phát tích ở Arménie, có người cho là ở Me1sopotamie, người ở Tibet, người ở Java v.v… (Cf. D'où vient l'humanité – page 95)

[18] Cf. D'où vient l'Humanité – page 31.

[19] L'Avenir de l'Esprit, pages 184-185.

… Có tác giả cho rằng:

- Người tiền sử Phi châu có từ khoảng 1.750.000 năm đến 4.000.000 năm.

- Các nhà khoa học Nga cho rằng: người đầu tiên có thể có từ 1.000.000 đến 50.000.000 năm. (D'où vient l'Humanité, pages 9 et 10).

[20] Cf. D'où vient l'Humanité, page 140.

[21] Cf. De l'Agnosticisme à la foi, page 128.

[22] Cf. D'où vient l'Humanité, page 142.

[23] Rien qu'en Europe, on compte 112 grottes ou abris ornés de peintures, de gravures, ou de sculptures. La plupart sont situées dans le Sud-Ouest de la France et en Espagne. (Ib. 116)

[24] Diverses traditions s'accordent à situer celle-ci (la fin des temps) vers la fin du deuxième millénaire de l'ère chrétienne. Cela paraît bien rapproché. It est vrai que plusieurs passages des Ecritures confirment le caractère soudain et inattendu dans l'ensemble des derniers évènements … (La Vocation de l'Occident – page 216)

La terre et partant l'humanité ne son présentement qu'à l'aube de l'existence.

R.P. Teilhard de Chardin.

D'où vient l'Humanité (couverture)

… Xin đọc thêm W. Dampier – Histoire de la Science. Chương VIII, tiết L'Évolution et la Religion từ trang 367 trở đi.

[25] «Je vois passer l'humanité moderne avec une idée de lui-même et du monde qui n'est plus une idée déterminée, écrit Paul Valéry. Il lui est devenu impossible d'être l'homme d'un seul point de vue, d'appartenir réellement à une seule langue, à une seule conception, à une seule physique …» (D'où vient l'Humanité – page 214)

Xin đọc thêm bài của Georges Crespy: l'évolution et ses problèmes trong quyển De la Science à la

théologie, và Essai sur Teillhard de Chardin từ trang 7 trở đi.

[26] L'idée que certaines croyances et pratiques orthodoxes de nos jours avaient évolué à partir de cultes primitifs avait été émise par des penseurs isolés entre autres par Hume et Herder. Mais cette idée ne donne vraiment naissance à l'étude comparée des religions que sous l'aiguillon de l'œuvre darwinienne. (W. Dampier – l'Histoire de la Science p. 377)

[27] Mais le déterminisme du milieu, lui, allait trouver une seconde jeunesse avec les marxistes qui le reprirent aux socialistes français et en firent l'un des fondements de leur philosophie. (D'ou vient l'Humenité, page 43, note 1)

… Les marxistes ont tendance à être lamarckien parce qu'ils accordent une importance décisive au rapport entre l'homme et le milieu… (Georges Crespy, De la Science à la théologie, page 9)

[28] Combien se sont figurés, en effet, que la sélection naturelle était un agent du progrès.

Combien ont été, en se guidant sur cette idée, jusqu'à faire l'apologie non seulement de la lutte pour la vie entre les individus, mais encore de la concurrence et de la guerre entre les peuples. C'est là commettre un contre-sens douloureux. Il tient à la confusion qu'on établit entre deux notions pourtant bien distinctes, celle du progès, au sens absolu du mot, et celle de l'adaptation au milieu, ou progrès relatif. Si l'on se place au point de vue absolu, le progrès est un avancement dans le sens de l'idéal. (André Cresson, Darwin, (UPF) pages 61-62)

…Les théoriciens du monde «libre» sont généralement darwinistes parce qu'ils fondaient leur exploration du réel et leur connaissance du monde sur l'idée vague de la concurrence existentielle et la victoire des forts. (Georges Crespy, De la Science à la théologie, page 9)

[29] Si la philosophie évolutionniste doit être acceptée sans réserve, les qualités qui favorisent la survivance du plus apte ne sont-elles pas les vraies qualités morales…

Prôné par les politiciens et les militarists, cet enseignement fit beaucoup, avec le succès des guerres de 1866 et 1870 pour former la mentalité de l'Empire Germanique et pour déchaîner le cataclysme de 1914. En France l'influence fut plus individuelle que politique; mais la «lutte pour la vie» devint un slogan chez les gens de tout âge qui cherchaient uneexcuse de bon aloi à leur ignorance de la morale conventionnelle. (W. Dampier, page 380)

(..Xem thêm tiết l'évolution et la philosophie trang 381 trong sách này)

[30] Cet éventail de preuves – (paléontologie, embryologie, anatomie comparée, paléoneurologie, biochimie etc) – établit le fait de l'évolution qui seul fournit une compréhension de monde organique. Aussi les négateurs de l'évolution, qu'ils la rejettent brutalement ou qu'ils acceptant une évolution partielle, ont été et sont de plus en plus rares (L. Viallecton, P. Lemoine, L. Bounoure). Aucune observation, aucune expérience, ne s'oppose au principe évolutionniste. (La Science contemporaine. Le XXè siècle, p.712)

[31] … Sauf dans les cercles obscurantistes, la pensée chrétienne accepta la théorie de l'évolution et en vient lentement de nos jours à en admettre en général les conceptions modernes. L'obligation de reprendre en considération ses prémisses, créa un esprit nouveau d'enquête respectueux et de liberté de pensée. Au lieu d'un corps de doctrine complet et rigide, révélé une fois pour toutes aux Saints, théorie constamment sujette à se disloquer, sous le heurt des découvertes historiques, les hommes religieux eurent la vision d'une évolution des idées religieuses, d'une évélation continue marquée à certains

moments par des effusions suprêmes mais ne cessant jamais d'interpréter la volonté de Dieu à l'humanité. (W. Dampier, Histoire de la Science, page 378-379)

[32] Lamarck… le créateur du transformisme dont les théories 150 ans plus tard diviseraient le monde aussi efficacement que le «mur de Berlin». (Planète. – D'où vient l'Humanité, page 245)

[33] Le majeure partie des types fondamentaux du règne animal se présentent à nous sans aucun lien au point de vue paléontologique (Depéret). (L'Avenir de l'Esprit, page 117)

... «Dans les divers cas qui viennent d'être passés en revue – et on peut généraliser cette remarque à tous les autres – Chaque groupe, ordre ou famille apparaît subitement sans que nous trouvions presque jamais les formes qui relient à la souche. Chacun se montre immédiatement, tout différencié. Il faut convenir que non seulement on ne trouve guère de formes de transition, mais qu'en général on ne peut pas relier un groupe nouveau authentiquement à un groupe ancient. – (Caullery) (L'Avenir de l'Esprit, page 131.)

[34] Il y a actuellement sur terre quatre millions d'espèces, nous en connaissons à peine un million. Il s'en découvre chaque année 10.000 nouvelles. (D'où vient l'Humanité, page 223)

[35] Xem hình 52 trong quyển Morgan, Kinships of animals and man, trang 69.

[36] Or en confond à tort évolutionnisme et transformisme. L'évolution est un fait. Le transformisme est une hypothèse. L'évolution…est la constation du fait que dans le passage graduel de la nébuleuse à l'homme, on peut classer les diverses structures types du monde sensible suivant une échelle de complexité structurale régulièrement croisante… Finalement, cette complexification structurale accompagnée périodiquement de simplifications fonctionnelles normalisées, s'est échelonnée dans le temps suivant un plan général très apparent, qui impose à tout observateur de bonne foi la croyance au fait de l'Evolution. (André Lamouche, La Destinée Humaine, page 162)

[37] Huệ tử, nhà ngụy biện Trung Hoa (thế kỷ thứ 4 trước kỷ nguyên).

Cf. Wieger, Histoire des Croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine, p.214.

[38] Công Tôn Long cũng là một nhà Ngụy Biện Trung Hoa khoảng cuối thế kỷ thứ tư đầu thế kỷ thứ ba trước kỷ nguyên. Ib.214.

[39] D'après la thèse mécaniciste, ce n'est pas seulement dans la première cellule vivante qu'aurait dû se trouver condensée, en puissance, toute l'évolution du monde jusqu'à son état actuel de complexité ordonnée. C'est dans le premier atome de matière, dans le premier corpuscule individualise, dans la première onde isolée du rythme primordial. (André Lamouche, La Destinée Humaine, page 163.)

[40] Parmis les objections qui ont pu être faites au postulat transformiste de la monogénèse, les unes sont d'ordre expérimental (absence de formes de transition, possibilités très limitées des mutations ete…) (André Lamouche, La Destinée Humaine, page 163)

[41] Il faudrait admettre que le germe unique dont seraient issues en vertu de lois purement mécaniques, ces nombreuses espèces, eût contenu en puissance les différentes formes et les différentes fonctions qui caractérisent ces espèces. (André Lamouche, La Destinée Humaine, page 163)

… Si l'on réfléchit un peu sérieusement, on constate que pour expliquer qu'il y ait eu évolution, on ne peut faire que deux hypothèses raisonnables:

1/ Préformation absolue et complète dans l'être originel. Tout le futur inscrit dans le premier œuf. (Weismann)

2/ Adaptation progressive aux conditions variables du milieu Hérédité des caractères acquis et finalité téléologique. (L'Avenir de l'Esprit, page 168)

[42] Pour Spencer, l'hérédité des caractères acquis, était une nécessité logique… «Ou bien, écrit-il, il y a eu transmission des caractères acquis, ou bien il n'y a pas d'évolution du tout». Cf. Lecomte du Noüy, L'Avenir de l'Esprit, page 63.

(Herbert Spencer – Principles of Biology (contemporary Review Février, Mars, Mai 1893) A rejoinder to Prof. Weimann (Id. Decembre 1893 – Herbert Spencer, Inadequacy of natural selection).

[43] Seules des expériences de Kellog et Bell sur des chenilles; d'Arnold Pictet sur des papillons (influence de la nourriture et de l'humidité) et de Fisher sur des papillons également donnèrent des résultats positifs des caractères acquis. (Cf. Lecomte du Noüy, L'Avenir de l'Esprit, page 165)

… Xin đọc thí nghiệm Pictet trong Les Nouvelles énigmes de l'Univers trang 254.

Và các thí nghiệm của Mac Bride và Miss Sladden trên con Carausius, của Dürkhen v.v… cũng trong sách hay này trang 254 và 255.

[44] Cf. Nguyễn Văn Đỉnh, Vạn Vật Học đệ nhất, trang 479.

[45] L'impossiblé de l'hérédité des caratères acquis – base de l'hypothèse Weismannienne – résulte nécessairement de ce qu'on ne voit pas comment une modification acquise localement par le soma peut être transmise et incorporée au germen. (Lecomte du Noüy, L'Avenir de l'Esprit, page 163)

[46] Malheureusement pour la thèse lamarkienne, les modifications produites par le milieu et par l'activité ne sont jamais transmise à la descendance, elles demeurent strictement individuelles, puisque rien ne s'inscrit dans le patrimoine héréditaire et par suite elles sont dénuées de toute valeur évolutive. (Jean Rostand)

Introduction à l'étude de la biologie humaine.

D'où vient l'Humanité, page 91.

[47] Vers la fin du XIXè siècle, le darwinisme orthodoxe avait été modifié par les ultra-darwinistes (Wallace et Weismann) qui acceptaient les explications de Darwins sauf l'hérédité des caractères acquis, la sélection étant le seul facteur efficient.

La Science moderne – Le XXe siècle, page 713)

[48] Cette découverte (la découverte de la plante ornementale l'oenothère et ses diverses variétés) battai en brèche la conception darwinniste; elle donnait à penser que les espèces avaient dû se former, non par un progrès insensible, mais par mutations, dont chacune introduisait une brisure dans la courbe de l'espèce. C'est ce qu'exprime le grand botaniste (Hugo de Vries) en 1901-1903 dans sa théorie des mutations «Il n'y a pas de continuité entre les espèces». Elle apparaissent par voie de soudains changements et par échelons brusques. Une nouvelles espèce est une apparition soudaine, elle se manifeste tout à coup, sans préparation et sans transition. (Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page 729)

… Le mutationisme … C'est une sorte de darwinisme privé de l'hérédité des caractères acquis et de

l'omnipotence de la sélection naturelle. (La Science moderne – le XXè siècle, page 713)

[49] P. Kammerer de Vienne prétendit avoir mis en évidence l'hérédité des caractères acquis chez le crapaud anoure (1909)… En 1926 G.K. Noble ayant pu examiner au microscope les prétendues callossités digitales acquises, publia un article dénonçant la fraude. Quelques semaines plus tard, le suicide de Kammerer était considéré comme un aveu de sa culpabilité. (La Science contemporaine XXè siècle, page 712)

[50] «Jusqu'en 1900 beaucoup de génétistes croyaient que les caratères acquis par les plantes et les animaux dans leur milieu ambiant étaient transmis à leur descendance. Les génétistes modernes ont prouvé qu'il n'en était pas ainsi. (Life du 17-3-1947)

Que Dieu soit reconnu pour vrai – page 90.

[51] «La fonction crée l'organe». Cf. André Lamouche, La Destinée Humaine – page 137.

[52] En effet, comme l'a démontré Malthus, les être vivants sont entassés sur un espace peu étendu, où les moyens de subsistence sont restreints. Ces moyens de subsistance, il s'agit donc de les conquérir de haute lutte, avec le droit de garder sa place et celui de se reproduire…

Dans cette guerre sans merci… c'est donc l'espèce la mieux avantagée qui gagne la bataille, qui accapare la place et la nourriture, et qui seule survit … (Pierre Rousseau, Histoire de la Science, p. 666)

[53] Il (Darwin) avait remarqué que les éleveurs et les agriculteurs savaient choisir des reproducteurs, afin de développer les meilleures races de bêtes et de graines, ce qui était une sélection artificielle. (Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page 666)

[54] Ainsi avait-il (Darwin) pensé, la lutte pour la vie est une bataille à mort entre les individus, bataille dont, seuls, les plus forts, les plus aptes, survivent. Ne s'agit-il pas la d'une véritable sélection opérée pas la nature. Et cette sélection, cette lutte n'exigent-elles pas que les espèces s'adaptent, se transforment, pour offrir à l'adversaire la résistance optimum ? Ces transformations doivent ensuite se transmettre de père en fils et il doit en résulter des espèces nouvelles. (Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page 664.)

[55] Comme Lord Balfour l'a fait voit, dans la philosophie entièrement sélectiviste, la seule preuve d'adaptation est la survivance, celui qui est apte survit, et celui qui survit est apte. (W. Dampier, Histoire de la Science, page 186.)

[56] C'est ce que délare le professeur Culter de l'université de Chicago: «La plus importante des objections que l'on puisse faire à la théorie de la sélection naturelle c'est qu'elle est incapable de donner naissance à de nouveaux caractères; elle ne fait qu'une sélection parmi des caractères existants … (Dieu doit reconnu pour vrai, page 90.)

[57] La drosophile… se reproduit au bout de dix jours et en l'espace de quatre ans, elle donne autant de générations que l'humanité en a connu depuis le pléistocène… (D'où vient l'Humanité, page 158.)

[58] Phong tuy độc, bất thích đồng quần,

Hổ tuy bạo, bất thực đồng khí.

蜂 雖 毒 不 刺 同 群, 虎 雖 暴 不 食 同 氣.

[59] Luận Ngữ Nhan Uyên đệ thập nhị: câu 15:

Tử viết: Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác. Tiểu nhân phản thị.

子 曰: 君 子 成 人 之 美, 不 成 人 之 惡. 小 人 反 是.

[60] La grande majorité des mutations, spontanées ou provoquées sont tératologiques ou léthales (mortelles). (André Lamouche, La Destinée Humaine, p.161.)

Hooton: «Je suis effrayé de constater que de nombreux anthropologues (dont moi-même) ont péché contre la science de la génétique et s'appuie sur un roseau brisé lorsqu'ils se réfèrent aux mutations. Les données des expériences les plus récentes faites dans le domaine de la génétique semblent indiquer que la plupart des mutations sont nuisibles, beacoup même fatales, et qu'elles sont dues en général au dépérissement.» (Que Dieu soit reconnu pour vrai, pages 91-92)

[61] Les Darwiniens ont tort quand ils rejettent la totalité du Lamarckisme. Les Lamarckiens ont tort quand ils repoussent la totalité du darwinisme. (André Cresson, Darwin, page 55)

[62] De même que le transformisme de Lamarck peut se résumer en quelques mots: C'est l'influence du milieu et du mode d'existence qui determine les tranformations des être vivants, il n'y a aucune prédétermination dans l'œuf; de même que la théorie de Darwin se ramène à la sélection naturelle par survivance du plus apte; de même, la théorie de Weismann s'éloignant des précédentes peut s'exprimer schématiquement de la façon suivante: le développement des être vivants est essentiellement un phénomène intrinsèque ne dépendant que de la structure prédéterminée de l'œuf. Le milieu extérieur permet, favorise ou entrave le fonctionnement de ce mécanisme mais il ne le dirige pas. La succession des phases du développement découle simplement de la constitution initiale de l'œuf. (L'Avenir de l'Esprit, pages 161-162)

[63] Cf. La Science moderne Le XX è siècle, page 715.

[64] Cf. Nguyễn Văn Đỉnh, Vạn vật học – Lớp Đệ Nhất, trang 479.

[65] Au cours des trente premières années du XXè est apparu une floraison de théories tentant d'expliquer l'évolution, au succès plus ou moins éphémère et dont il ne subsiste pas grandchose: le psycho-lamarckisme de Pauly (1905). L'entéléchie de Driesch, la conception organismique de Von Bertalanfly (1928), l'holisme de Smuts (1916), la nomogénèse de L. S. Berg (1922), l'ologénèse de D. Rosa (1909), l'aristogénèse d'Osborn, l'apogénèse de H. Przibram (1920) l'allélogénèse de A. Labbé (1924) etc…

La Science moderne – Le XXè siècle page, 741.

[66] Cf. Henri Rousseau, Histoire de la Science, page 678-679.

[67] Un jour, un docteur, du nom de Brass, fournit à Hœckel des diagrammes authentiques, mais Hœckel les falsifia avant de les publier. Il devait faire par suite la confession suivante: «Je commence par confesser humblement qu'un certain nombre de mes diagrammes sont de véritables contrefaçons aux yeux du Dr. Brass. Des centaines de meilleurs zoologistes se sont rendus coupables du même délit (Allgemeine Zeitung de Munich Janvier 1909)

Que Dieu soit reconnu pour vrai, page 84.

[68] D'où vient l'Humanité, page 43.

[69] Un ouvrage récent (Encyclopédie des Farces, Attrapes et Mystifications, p. 303) met la théorie de l'évolutionisme à sa vraie place en signalant au passage quelques faux célèbres depuis la mâchoire de Moulin Quignon jusqu'à l'homme de Piltdown en passant par le Pithécanthrope de Java.

«Avant sa mort, le Dr. Dubois reconnut qu'il ne s'agissait que d'un crâne de gibbon et qu'il avait menti.

En attendant, de 1895 à 1930, le monde savant avait pris le Pithécanthrope au sérieux: pouvait-on se douter que c'était le savant docteur Dubois qui mentait?» (Planète No. 18 page 10)

[70] Xem chú thích 1 trang 5 ở trên.

[71] Cf. Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page 512-513.

[72] La complication anatomique des animaux supérieurs, qui frappe naturellement advantage, n'est pas plus étonnante que la complication physiologique des êtres monocellulaires microscopiques. Les ciliés, par exemple, (Le Diplodinium en particulier) possèdent un système digestif rudimentaire avec oesophage et rectum tubulaire; un système nerveux caractérisé par plusieurs particularités observées chez les métazoaires, telles qu'un cerveau et un anneau circumoesophagique, et enfin un système excrétoire… très complexe. Tout ceci dans une cellule unique. (L'Avenir de l'Esprit, page 115)

[73] Reproduction asexuée par division binaire ou scissiparité.

[74] Reproduction asexuée avec réduction chromosomique.

[75] Nhất bản nhi vạn thù, vạn thù nhi nhất bản. 一 本 而 萬 殊 , 萬 殊 而 一 本 (大 洞 真 經)

Đại đỗng chân kinh, quyển thượng, trang 5.

[76] Réduite à elle-même l'Évolution serait l'acte sans puissance, ce qui est inconcevable. Ce serait le tout sorti du Rien.

«Si la création s'était vraiment faite comme le prétendent Darwin et surtout Hœckel, dit Keyserling, elle représenterait un miracle bien plus grand que celui du mythe biblique de la création. (André Lamouche, la Destinée Humaine, p.207)

[77] Ce qu'aperçoivent le stoïcisme – que citait Saint Paul aux philosophes d'Athènes: In ipso vivimus, et movemur et sumus – (en lui nous vivons, et nous nous mouvons et nous somme) Plotin, Spinoza, aussi bien d'autre part Hegel, c'est que pour Dieu la matière n'a pas d'existence indépendante, car l'esprit absolu se reconnaît soi-même en tout. (Science et matérialisme, page 30)

[78] «Coaction des fleurs et des insects»…

«Si les insects floricoles disparaissaient du globe, il y aurait disparition des espèces à entomophilie obligatoire, soit d'une centaine de mille espèces. (André Lamouche, La Destinée Humaine, page 136)

[79] Il (Cuénot) avoue qu'en face de certaines adaptations, l'hypothèse du hasard est absurde et qu'il faut croire à un «pouvoir spirituel d'invention, immanent au vivant, qui agit sur la matière comme l'idée de l'artisan sur les matériaux qu'il utilise.» (Les Nouvelles Énigmes de l'Univers, page 234)

[80] Dans un Institute qui s'est proposé de fonder la biologie sur la physico-chimie, le grand physiologiste, Charles Richet osa démontrer un jour que la finalité est le propre de la biologie. (Les Nouvelles Énigmes de l'Univers, page 260.)

[81] Pareillement, L. Cuénot déclare contrairement à l'avis du Rabaud pour qui tout est «quelconque», la nageoire est faite pour nager, l'aile pour voler, l'œil pour voir.

(André Lamouche, La Destinée Humaine, p. 137.)

[82] Pour Dognon comme pour L. Cuénot, l'esprit une fois pris dans l'engrenage finaliste à partir de la finalité du monde vivant, est obligé, de proche en proche, d'admettre la finalization du cosmos dans son ensemble. (André Lamouche, La Destinée Humaine, p.149.)

[83] Un chromosome de cellule humaine, 100.000 gènes. Chacun de ces gènes est une molécule géante d'ADN (acide désoxyribonucléique) laquelle est constituée de 10.000 barreaux différents. Ces molécules sont le magasin de stockage des informations génétiques. (D'où vient l'Humanité, page 223.)

… Il s'avéra que les mutations n'étaient en principe rien d'autre que des bonds analogues aux quanta. On commenca à comparer la processus se déroulant à l'intérieur d'un chromosome avec ceux qui se produisent à l'intérieur d'un atome. Et lorsque les physiciens atomiques essayèrent de faire dévier les électrons pour changer la nature des atomes, les généticiens essayèrent de faire dévier les gènes des chromosomes pour changer la masse héréditaire … L'homme n'a pas seulement réussi la fission de l'atome, il sait aussi, à l'aide de rayons hertziens, et de poisons chimiques influencer le germen de ses cobayes et créer des individus inconnus jusque là. (D'où vient l'Humanité, page 159.)

[84] Le facteur psychique de Larmarck: … «Lorsque la volonté détermine un animal à une action quelconque, les organes qui doivent exécuter cette action y sont aussitôt provoqués par l'affluence des fluides subtils (le fluide nerveux)… Il en résulte que des répétitions multipliées de ces actes d'organisation fortifient, étendent, développent et même créent les organes qui y sont nécessaires. Ailleurs, il parle des «efforts du sentiment intérieur» … (Lamarck) (Les Nouvelles Énigmes de l'Univers, page 237.)

… Cette conception implique l'existence, dans toute l'échelle de la nature, d'un principe psychique qui n'est ni l'ancienne force vitale, intermédiaire entre les forces brutes et l'intelligence ni, la providence divine, mais bien plutôt une force créatrice et organisatrice, indifférente au sort des individus et à leurs lois morales. Deux grandes philosophies étrangères à toute idée thélologique ont reconnu cette force sous des noms différents: le Vouloir vivre ou Volonté de Schopenhauer, et l'Elan vital de Bergson… (Ib. 274.)

[85] Il (Schopenhauer) l'aurait ajouté à la liste de ceux qui «n'ayant pu trouver l'entrée d'un château, se contentent d'en dessiner la façade».

En rentrant en soi-même, ou découvre immédiatement cette force familière qui anime tous les être vivants et qui les affecte sous les noms de plaisirs, et de douleurs: C'est l'intérieur du château. La façade, ce sont les aspects de l'univers que nous découvrent les sens, nous ne percevons alors que les choses qui remuent et qui changent, sans comprendre le resort caché qui les fait remuer et changer. A ce principe nous devons l'existence, nous n'en sommes que les «objectivations» c'est-à-dire les manifestations visibles et tangibles. (Les Nouvelles Énigmes de l'Univers, page 275.)

[86] Le secret de la similitude, de la continuité et de la progressivité du monde vivant, dans sa diversité stratifiée est plus profondément enfoui dans l'infrastructure du Cosmos.

(André Lamouche, La Destinée Humaine, page 16.)

[87] Par la foi, nous comprenons que les mondes ont été formés par une parole de Dieu, de sorte que ce que l'on voit provient de ce qui n'est pas apparent. (Hébreux 11; 2)

[88] L'action divine est actuellement présente de l'atome à l'étoile, du minéral à l'humain et partout, analogiquement, elle favorise l'union… (Jean Onimus, Pierre Teilhard de Chardin (Plon), page 108.)

… Le Père Teilhard a vu l'autre face de l'Etoffe cosmique, la face «intérieure» où règnent les forces de synthèse qui sont les forces spirituelles, les forces créatrices… (Ib. page 90.)

[89] Chí đạo trùng huyền; hạo hạo, đãng đãng, lý vô đẳng luân, tàng chi tắc vi nguyên tinh, dụng chi tắc vi vạn linh; xá chi tắc vi Thái nhất, phóng chi tắc vi Thái thanh.

(Thái thượng xích văn đỗng cổ kinh chú, trang 1)

至 道 重 玄; 浩 浩, 蕩 蕩, 理 無 等 倫, 藏 之 則 為 元 精, 用 之 則 為 萬 靈; 舍 之 則 為 太 一, 放 之 則 為 太 清. (太 上 赤 文 洞 古 經 註)

… Minh vô tướng ư hữu hình chi hậu…

明 無 相 於 有 形 之 後

Đỗng huyền linh bảo định quan kinh chú, trang 3.

[90] La science la plus sérieuse, la physique, arrive à la conclusion que le réel du savant n'est qu'une mince pellicule qui recouvre la vraie réalité. Les vagues ne sont pas l'océan, mais l'océan existe. Le professeur Wheeler, dans son ouvrage Topics of modern physics, montre que le véritable océan, la réalité essentielle, est composé de tourbillons extrêmement petits et de dimensions différentes. Ces tourbillons sont tous plus petits qu'une longueur d'onde fondamentale:

$L = 1, 6.10^{-33}$ cm.

Planète No 19 page 48

[91] Ce monde des tourbillons qui constitue le véritable réel porte des noms divers suivant les savants qui l'ont étudié. On peut l'appeler à volonté «océan de Dirac», «milieu subquantique» de Louis de Broglie, Bohn et Vigier, «espace topologique spécial» de Wheeler… (Ib. page 48)

[92] La conclusion qui se dégage de cet analyse est la suivante: l'évolution est un fait, le transformisme est une hypothèse des plus douteuses qu'aucune donnée expérimentale ne prouve et que beaucoup contredisent. (André Lamouche, La Destinée Humaine, page 167)

... L'évolution au sens strict est la constatation du fait que, dans le passage graduel de la nébuleuse à l'homme, on peut classer les diverses structures – types du monde sensible suivant une échelle de complexité structurale croissante. (Ib. page 162)

… L'idée d'evolution… est d'abord celle de la parenté universelle des êtres vivants.

L'évolution est d'abord une transformation des espèces, un transformisme»…

Mais pour les successeurs de Buffon, à commencer per Lamarck, elle est quelque chose de plus, à savoir, un progrès. (Les Nouvelles Énigmes de l'Univers, page 215)

[93] Le professeur Watson, de l'université de Londres déclara pour sa part: «L'évolution elle-même est acceptée par les zoologistes, non pas tellement pour avoir été effectivement observée ou (parce qu'elle) peut être prouvée et reconnue pour vraie grâce à un raisonnement logique et cohérent, mais parce que la seule alternative, c'est-à-dire la création directe est évidemment inimaginable. (Que Dieu soit reconnu pour vrai, page 94)

[94] Selon le Dr. Calman du British Museum, les hommes de science déclarent l'accepter «comme une arme commode leur permettant de se mesurer avec les fondamentalistes». (Que Dieu soit reconnu pour vrai, page 94)

[95] En 1864 éclata la bombe du Syllabus… Une indiscrétion le rendit public, et il fut aussitôt regardé comme une déclaration de guerre du Pape Pie IX à la société moderne. Alors les libéraux soulevés par les sociétés secrètes… jetèrent feu et flamme. Un immense cri de colère monta contre l'Eglise, et l'on amena sur le terrain la plus puissante machine de guerre dont on pût disposer, le transformisme. (Pierre Rousseau, Histoire de la Science, pages 672-673)

… De cette révolution, on apprécia toute l'ampleur quand le darwinisme eut consolidé ses positions et que le concile oecuménique de 1870 eut, comme disait Hœckel, «lancé l'anathème à la science». Que les savants le voulussent ou non, le transformisme… avait déjà quitté le pur domaine de la recherche pour devenir un système de philosophie. (Ibid. page 685)

[96] A moins qu'il n'y ait pas d'évolution du tout, trancha en 1929, Louis Vialleton (1861-1930). En tout cas, il n'y a de formes intermédiaires: la preuve c'est que les arbres généalogiques des espèces vivantes présentent des rameaux parallèles que l'on ne peut que bien rarement rattacher à un tronc commun. Le transformisme c'est une illusion. (Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page 739)

[97] A vrai dire, je crois que l'évolutionnisme est un credo une philosophie de l'homme blanc destinée à lui garder bonne conscience ses agressions, ses oppressions, ses crimes. En fait, rien ne vient étayer l'évolution présentée comme un dogme. Nous sommes au cœur d'un faux scientifique géant… (Jean Scrviers, professeur d'ethnologie et de sociologie à la Faculté de Montpellier). Planète No 18, page 10.

[98] … L'Encyclopédie française, par la plume d'un notable géologue qui fut directeur du Directeur du Muséum, Paul Lemoine, termine l'ouvrage de cette belle enterprise consacré aux êtres vivants (1938) en déclarant que la théorie de l'évolution «semble à la veille d'être abandonnée». Et il ne craint pas d'avancer: «L'évolution est une sorte de dogme auquel les prêtres ne croient plus mais qu'ils maintiennent pour leur peuple. (Les Nouvelles Énigmes de l'Univers, page 220)

[99] Il est assez souvent admis que l'évolution est une montée progressive vers cette «conscience réflechie» dont parlait Teilhard de Chardin. Ce qui fait apparaître l'homme comme un «Himalaya» d'infinie patience de la nature. (D'où vient l'Humanité, pages 131-192)

[100] En nous tiennent trente millions de siècles de barbotage au fond des océans, d'efforts, d'efforts inouis par dominer le milieu, de trouvailles de génie, ou de reptations laborieuses, de poussées démentielles et de retours à la sagesse. Pendant trois milliards d'années, la vie s'est cherchée, pour s'accomplir enfin en nous. Cette vision des choses – très satisfaisante pour l'esprit humain – n'est malheureusement qu'une hypothèse. Rien qu'une hypothèse. (D'où vient l'Humanité, page 192)

[101] Faut-il avec Bertrand Russell renoncer à chercher cette explication en déclarant: «Je pense que l'Univers est fait de lambeaux et de sauts, qu'il n'y ait ni unité, ni continuité, ni ordre, ni cohérence.» (André Lamouche, La Destinée Humaine, p.174)

[102] Faut-il admettre au contraire avec James Jeans, que l'univers est «de nature spirituelle et que l'esprit n'apparaî plus comme un intrus dans le royaume de la matière. (Ib. page 174)

[103] Mens agitate molem (L'Esprit meul la masse)

Commencement d'un vers de Virgile (Eneide, VI, 727), placé dans une explication panthéistique et stoïcienne du monde et significant qu'un principe spirituel anime l'univers. (Xem Larousse, phần giấy đỏ)

… Matière et Esprit, écrit le Père Teilhard en 1950, non point deux choses, mais deux états, deux faces d'une même étoffe cosmique suivant qu'on la regarde ou qu'on la prolonge dans le sens où elle se fait ou au contraire dans le sens suivant lequel elle se défait. (Jean Onimus, Teihard de Chardin ou La Foi au Monde, page 81)

[104] … Voici en effet qu'avec la théorie de l'évolution, nous sommes amenés à reconnaître selon les termes mêmes de Julian Huxley… «l'existence d'une matière évolutive universelle contenant les potentialités de l'esprit.» (Science et Matérialisme, page 10)

Ainsi donc pour P. Teilhard il existe à l'origine de l'univers une seule et même énergie première, de nature essentiellement psychique; mais cette énergie présente un aspect ambivalent: elle se révèle à nous sous le double aspect matériel et spiritual… (George Magloire & Hubert Cuypers, Teilhard de Chardin, pages 13-139)

[105] Si l'on tient compte ce notre ignorance, si on la mesure en toute hommêteté et sans aucun parti pris, on en arrive à l'étrange conclusion que notre croyance dans l'évolution est pour le présent d'origine intuitive, métaphysique, pourrait-on dire, plutôt que scientifique. (L'Avenir de l'Esprit, page 118)

[106] Les être sont non-manifestés en leur commcement, manifestés au milieu, ô Bhârata; non-manifestés sont-ils dans la désintéfration. (La Bhagavad Gita interprétée par Shri Aurobindo. Chap. II, pages 28-50)

[107] Ainsi se constituait toute une échelle de la Nature Naturante perpétuellement en mouvement, en devenir, en puissance latente d'ascesion, où Max Muller, et, après lui, Vivekananda, ont pu reconnaître origins de l'Evolutionnisme. (Romain Rolland, Vie de Ramakrishna, page 76)

[108] Elle (l'âme) s'oriente ainsi vers la perception de l'unité fondamentale de la vie, en dépit de la multiplicité des formes… (Etudes psychologiques de Carl G. Jung à J. Krishnamurti, page 11)

[109] L'évolution récente de la physique et de biologie nous montre à quel point tout dans l'univers est solidaire du tout.

Les lois d'interdépendance et d'interaction nous forcent de plus en plus à considérer les ancienmes notions d'isolement comme excessives et arbitraries. (Ib. page 22)

[110] A ce sujet, nous pourrions dire que le monde extérieur avec sa multiplicité d'apparences est construit sur un monde intérieur plus homogène. Ceci est déjà vrai en physique. L'infiniment grand repose sur l'infiniment petit.

Les aspects extérieurs de l'univers interviennent à titre second et dérivé devant les aspects intérieurs d'un énergie qui forme la base unique et l'aliment essential des chose et des êtres.

Ainsi que l'exprime Jung, le conscient, plus extérieur, n'est qu'un rejeton tardif de l'inconscient. (Etudes psychologiques de C. G. Jung à J. Krishnamurti, page 65.)

[111] «L'un sans second, l'irremplaçable trésor demeurant enfoui au cœur de toute existence, exstant par lui-même, complet en lui-même, au delà de tout devenir, suprêmement incréé, sans commencement ni fin.» (Védanta) (Cf. Etudes psychologiques du C.G. Jung à J. Krishnamurti, page 78)

[112] La théorie de l'évolution porte cette marche synthétique un pas plus loin et découvre une unité sous-jacente dans toute la création organique. La vie est une manifestation de ce phénomène cosmique. Depuis la simple celle de protoplasma jusqu'à cette structure infiniment complexe, terriblement et merveilleusement fait, que nous appelons l'homme, la vie est enserrée de toutes parts par les liens de l'évolution. (W. Dampier, Histoire de la Science, page 380)

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | **Phần 3**: chương 1 **2** 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | **Phần 3**: chương 1 2 **3** 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

PHẦN THỨ BA:
NHẬN ĐỊNH VÀ PHÊ BÌNH

*

Chương 3
Bình luận về học thuyết viễn đích của Lecomte du Noüy

– L'avenir est plus beau que tous les passés, c'est là ma foi.

Teilhard de Chardin.

(Cf. Jean Onimus – Pierre Teilhard de Chardin page 121)

Tương lai đẹp hơn hết mọi dĩ vãng, đó là niềm tin của tôi.

– «Il y a beaucoup d'aurores qui n'ont pas lui.»

(Véda) (Planète 21, page 77)

Còn nhiều bình minh chưa ló dạng.

Như ta đã biết:

Thuyết viễn đích chủ trương cuộc tiến hóa quần sinh có một mục phiêu thâm viễn là thực hiện một giống người siêu đẳng, thần nhân.

Thuyết viễn đích, như vậy, ngược lại với các thuyết Lamarck, Darwin, Weismann vì những học thuyết này đi tìm lý do của cuộc tiến hóa, còn thuyết viễn đích lại đi tìm cùng đích của cuộc tiến hóa.

Thuyết viễn đích đặt ra một cùng đích xa xăm nhưng rõ rệt, cho nên nó cũng khác với các thuyết cùng đích gần gũi, của Cuvier, [1] Lamarck, [2] hay cùng đích mơ hồ đại khái của C. Von Nageli, và Kolliker. [3]

Vì nó chủ trương con người còn tiến hóa hàng trăm ngàn năm, hàng tỉ năm nữa, cho nên nó cũng khác với sự tin tưởng của giáo dân là ngày tận thế chẳng còn xa. [4]

Vì thuyết viễn đích tôn trọng sự cố gắng cá nhân và chủ trương Thượng Đế hướng dẫn công cuộc tiến hóa một cách vi diệu, nên nó cũng khác với các thuyết định mệnh, số mệnh (Déterminisme, fatalisme).

Thuyết viễn đích chủ trương tiến hóa nhưng chấp nhận sự hướng dẫn của Thượng Đế, nên khác hẳn thuyết tiến hóa duy vật, vô thần.

oOo

Xét về phương diện lập luận và cấu tạo, ta có thể nói học thuyết Lecomte du Noüy đã xây dựng một cách hữu lý.

1) – Ông xây dựng học thuyết ông trên thuyết tiến hóa, một học thuyết khoa học đang được thịnh hành khắp năm châu.

2) – Ông tin tưởng Thượng Đế hướng dẫn quần sinh và nhân loại đến một định mạng sang cả, đến một giống người siêu đẳng trong tương lai.

Như vậy, là ông đã phối hợp được truyền thống đạo giáo và các khám phá, các chủ trương khoa học.

Trong chương kết tác phẩm «Tương lai tinh thần», ông có trích dẫn một câu của Jules Lachelier đầy ý nghĩa, và cũng là phản ảnh tâm tư ông: «Về phương diện khảo cứu, tôi là những người không muốn bỏ Darwin và chẳng muốn bỏ Moise.» [5]

Lecomte du Noüy phê bình học thuyết mình như sau:

«Học thuyết của tôi vẫn để cho các định luật lý hóa, và ảnh hưởng của ngẫu nhiên được tự do tác dụng, thi triển. Quan niệm hiện đại về vai trò của ngẫu nhiên được tôn trọng. Tôi biết quan niệm này không phải là tuyệt đối. Nó có thể thay đổi sau đây một vài thế kỷ; nhưng tạm thời, học thuyết mà tôi đề nghị có vẻ khoa học hơn vì nó ăn khớp được với toàn thể kiến văn hiện thời và là một hệ thống mạch lạc, đồng nhất đúng với tiêu chuẩn của Duhem.» [6]

Ông cũng khiêm tốn nhận định như sau:

«Học thuyết này không phải là hoàn hảo. Nó chỉ là một giả thuyết. Một giả thuyết phải là thang, chứ không phải là lồng. Nó phải giúp ta giải thích được một số sự kiện lớn nhất và tìm ra được giữa các sự kiện ấy một hệ thống mạch lạc, lý sự, có thể giúp ta bao quát và đôi khi tiên đoán được những sự kiện mới.» [7]

«Nó phải được thay thế bằng học thuyết khác, khi nào những khám phá mới làm cho nó bị lung lạc, mất giá trị. Nhưng cũng không được gạt bỏ nó một cách tiên quyết, vì lẽ nó đã nại đến một quyền lực huyền diệu bất khả tri, khi nào chưa tìm được một năng lực khác thay thế. Một giả thuyết dẫu sai cũng không làm tê liệt khoa học, vì có người sẽ cố tìm ra những thí nghiệm để đả phá giả thuyết trên. Những thí nghiệm ấy có thể phát sinh sự kiện mới, giả thuyết mới thích hợp hơn.» [8]

Ông cũng thành khẩn xin độc giả không nên khắt khe với những biện luận của ông và chỉ giữ lấy chính ý mà ông muốn trình bày. [9]

Thực ra ông chỉ muốn chúng ta tin tưởng vào «tương lai tinh thần», vào định mệnh sang cả của con người, [10] vào sự cần phải cố gắng để thoát vòng kiềm tỏa của nhục dục để tiến tới thần nhân, có vậy thôi. [11]

Về phương diện thực tiễn là thấy học thuyết Lecomte du Noüy đem lại rất nhiều lợi ích: nó đã bao quát và giải thích được rất nhiều hiện tượng, và đã quán xuyến được nhiều vấn đề khoa học, triết học, luân lý, đạo giáo.

Tuy nhiên, ta vẫn có thể tìm ra được những nhược điểm của học thuyết.

1) - Học thuyết viễn đích của Lecomte du Noüy dựa trên thuyết tiến hóa của Lamarck, Darwin. Nhưng sau khi khảo sát các chứng cứ, lý luận của thuyết tiến hóa, ta thấy nó chưa có gì là vững chãi.

Dựa trên học thuyết tiến hóa, Lecomte du Noüy có lợi điểm lớn lao là hiện nay học thuyết này đang được sùng thượng và được mọi người công nhận.

Nhưng sự được sùng thượng, hay sự thịnh hành của một học thuyết không phải là một bảo đảm chân lý. [12]

Thật ra, chủ trương một con vi trùng phiêu dạt trong trùng dương man mác, [13] không hề có gì tiền định trong căn cơ, [14] mà chỉ do ảnh hưởng của hoàn cảnh, do cố gắng của cá vật để đấu tranh sinh tồn, đã có thể biến cải qua nhiều kiếp để tiến đến con người, rồi tự con người đến thần minh, [15] thì thực cũng là một loại chuyện thần kỳ.

Học thuyết Lecomte du Noüy dựa trên một vài thỉnh lý và giả thuyết:

A.- Thỉnh Lý:

1) Con người là một mắt xích trong chuỗi dây tiến hóa. [16]

2) Cuộc tiến hóa vẫn tiếp tục nơi con người và đã xoay chiều vào bình diện trí não tâm thần. [17]

B.- Giả thuyết:

Trong một tương lai xa thẳm, con người sẽ tiến đến thần nhân, không phải là sau đây hai chục, năm chục, hay một trăm nghìn năm mà lâu cho tới tận thế. [18]

Mà ngày tận thế, theo toán học còn xa xăm lắm, ít ra cũng phải hàng tỉ năm. [19]

Lecomte du Noüy thực đã có một cái nhìn rộng rãi, bao quát vạn vật và không gian thời gian...

Nhưng ông đã bỏ qua vấn đề trọng yếu, mà các nhà siêu hình họ thường bận tâm suy cứu. Đó là vấn đề «nguyên thể» của vũ trụ.

Đó là vật chất?

Đó là tinh thần?

hay đó là một nguyên thể siêu tinh thần, vật chất; bao quát cả tinh thần, vật chất?

Nguyên thể ấy liên quan thế nào với Thượng Đế?

Vì không giải được vấn đề ấy, nên đến khi cần phải giải thích tâm thần xuất sinh ra sao, Ông có vẻ lúng túng.

Lúc thì, theo đúng tinh thần khoa học, Ông cho rằng tinh thần là hoạt động của óc não. Óc não xét về cơ cấu thì theo định luật vật chất, xét về hoạt động lại thuộc về bình diện tinh thần, siêu nhiên. [20]

Lúc thì Ông chủ trương ngược lại, và coi thần trí như là một thực thể mới, đến cư ngụ trong xác thân. [21]

Trung thành với học thuyết tiến hóa, ông cũng đã nhiều lần chủ trương không có gì là tiềm ẩn, không có gì là tiền định trong sinh linh, mà chỉ có thích ứng dần dà với hoàn cảnh, di truyền dần dà với các tập tính, để đi đến một cùng đích thâm viễn, nhưng khi ông công kính học thuyết Weismann. [22]

Thế nhưng, đến con người, ông lại chủ trương cái cao siêu, lý tưởng hay «yếu tố thần minh» đã tiềm ẩn trong con người, và ta phải cố công khuếch sung thiên tính ấy. [23] So sánh trước sau, ta thấy ông đã thay đổi lập luận phần nào.

Lecomte du Noüy chủ trương: những khối óc siêu việt có thể xuất hiện bất kỳ ở đâu. Họ không phải là Tàu, là Mỹ, là Anh, hay Ấn, họ là những con người. [24]

Nhưng nhìn vào đồ bản quần sinh tiến hóa ở cuối quyển «Phẩm giá con người» thì ta thấy rằng người Âu Mỹ (Da Trắng) mới là dòng dõi được tuyển lựa để tiến hóa, còn các chủng tộc khác đã bị «đào thải», là những «thí nghiệm», những «lỗi lầm» của thiên nhiên, theo luận điệu tiến hóa.

Hiện nay, không ai chối cãi được là người Âu Mỹ đang thịnh đạt, nhưng từ đó mà đoán định cho tương lai thì có lẽ cũng vội vàng; lịch sử đã cho thấy trong quá vãng, văn minh đã bao lần sang tay nhiều quốc gia và chủng tộc khác nhau.

Ông đặt cho con người một mục phiêu cao cả là sự hoàn thiện tuyệt đối. [25]

Và cho rằng trong tương lai xa thẳm, nhân loại sẽ trở nên hoàn thiện như Chúa Jésus, vị đạt nhân tiền phong từ trước bao ngàn thế kỷ. [26] Thực là một viễn tượng vô cùng hùng vĩ, và hợp với sự tiên tri viễn vọng của Thánh kinh và các nhà huyền học. [27] Tuy nhiên, ông cũng lại dè dặt không nói rõ liên lạc lúc ấy giữa con người và tạo hóa ra sao.

Các nhà huyền học trái lại nói rất rõ ràng: Chí nhân là những người sống kết hợp với Thượng Đế. [28]

Lão tử cũng cho rằng lý tưởng cao siêu nhất của người xưa là sống phối hợp với Thượng Đế. [29]

Theo Cha Teilhard de Chardin, thì tới chung cuộc tiến hóa của nhân loại cũng như của vũ trụ, dung nhan của Đấng đã làm cho muôn loài tồn tại, sẽ hiển hiện ra. [30]

Cha còn viết:

«Tôi tin rằng vũ trụ tiến hóa.»

«Tôi tin rằng cuộc tiến hóa tiến tới Thần Linh.»

«Tôi tin rằng Thần Linh sẽ kết thúc trong Thượng Đế hữu ngã.»

«Tôi tin rằng Thượng Đế hữu ngã tuyệt đối là đấng Christ đại đổng phổ quát.» [31]

«Thần Linh rút cuộc sẽ phối hợp cùng Thượng Đế.» [32]

Học thuyết của Lecomte du Noüy tuy theo những đường lối, hình thức khác, nhưng xét về chủ trương cũng có liên lạc ít nhiều với quan niệm của Dịch Kinh.

Ông chủ trương:

1) Nhất vật sinh vạn vật.

2) Vạn vật biến hóa, tiến hóa.

3) Vạn vật biến hóa để tiến tới toàn thiện.

Dịch Kinh chủ trương:

1) Nhất thể vạn thù, Thái Cực sinh vạn vật.

2) Vạn vật biến thiên tiến hóa, theo hai chiều tinh thần, vật chất, âm dương vãng lai, phản phúc tuần hoàn.

3) Vì có vãng lai phản phúc tuần hoàn nên đến chung cuộc, vạn vật lại trở về Thái Cực.

Đó là ý nghĩa câu: «Thiên địa tuần hoàn, chung nhi phục thủy.»

Hay «thủy chung như nhất» của Á Châu. [33]

Lecomte du Noüy cũng thành khẩn chấp nhận rằng niềm tin về tiến hóa hiện nay không phải bắt

nguồn từ khoa học, mà từ trực giác siêu hình. [34] Cho nên muốn định giá trị học thuyết ông, và cũng là để đi tìm chân lý, ta có thể đối chiếu học thuyết ông cùng ít nhiều học thuyết khác.

1- Trước tiên là thuyết Sáng tạo bởi hư vô, sáng tạo các loài riêng rẽ liên tiếp nhau, do đó các loài bất biến bất dịch. [35]

Thuyết này đã được giảng dạy từ ngót hai nghìn năm nay và đến thế kỷ XIX cũng còn được Linné và Cuvier bênh vực; nhưng xét lại, thì thuyết này có nhiều nhược điểm:

Thực vậy, thuyết này một mặt chủ trương Thượng Đế toàn năng, toàn trí ở khắp nơi, một mặt lại chủ trương có hư vô phân biệt với Thượng Đế như vậy là mặc nhiên giới hạn Thượng Đế rồi. [36]

Lại nữa, đã là hư không thì có gì mà sinh xuất, làm sao mà vạn vật từ hư không sinh xuất, lại có thể tồn tại, có bản thể được? [37]

Các nhà thần học thần học chủ trương thuyết tạo dựng từ hư vô, chỉ nại được một chứng cứ Thánh Kinh trong quyển Machabêô (II Macchabées VII, 28) [38] nhưng đã hữu ý quên lãng hết những đoạn thánh kinh chủ trương Thiên Chúa đã tạo dựng nên vạn vật qua trung gian của Đạo, của Logos. [39]

Ta cũng nên nhớ Bergson không chấp nhận chủ trương tạo dựng từ Hư Vô. [40]

Các nhà huyền học Đông Tây chủ trương vạn vật xuất sinh từ Hư Vô, nhưng danh từ Hư Vô đối với các nhà huyền học lại có nghĩa là Thượng Đế bất khả tư nghị, Thượng Đế siêu việt trên mọi hình thức sắc tướng.

Vì vậy mà Lão Tử chủ trương: Hữu sinh ư vô. [41]

Các nhà huyền học đạo Lão cũng chủ trương: «Luyện thần hoàn Hư, phục qui Vô cực.» Nói thế tức như nói luyện thần để trở về cùng Thượng Đế.

Các nhà học giả Âu Châu thường không biết Hư vô có nghĩa là «Thượng Đế bất khả tư nghị» nên cho rằng người Á Châu ngu si; tu luyện để trở thành hư ảo, hư không!

Theo Lecomte du Noüy, thì chủ trương vạn vật được tạo dựng riêng rẽ không liên lạc gì với nhau là một chủ trương hiện nay đã lỗi thời. [42]

Teilhard de Chardin cũng quan niệm rằng xưa kia người ta tưởng cái gì cũng bất động, cố định, nhưng thực tại cho thấy cái gì cũng biến thiên, bất định. [43]

2) – Thuyết thứ hai, là thuyết tiến hóa duy vật hiện đại như ta đã biết, với những chủ trương:

a) Vật chất có từ muôn thủa.

b) Vạn vật ngẫu nhiên sinh.

c) Vạn vật biến hóa từ loài này sang loài khác do:

- Sự thích ứng với hoàn cảnh.

- Sự đấu tranh sinh tồn, đào thải, tuyển lựa tự nhiên.

- Sự ngẫu biến v.v...

Học thuyết duy vật chủ trương thiên đường ở ngay hạ giới, và trong tương lai nhờ sự cố gắng, con người sẽ trở thành thần minh, trần ai sẽ biến thành tiên cảnh... [44]

Chúng ta đã bàn cãi rất nhiều về học thuyết này, chỉ cần nói thêm rằng quan niệm vật chất này rất mơ

hồ, vì chữ vật chất xưa kia thường bao hàm nghĩa ù lì, bất động, mà nếu đã ù lì, bất động [45] làm sao lại sinh xuất được thiên biến, vạn hóa !

3) – Chủ trương thứ ba là chủ trương của các nhà huyền học Đông Tây kim cổ. Nó không được phổ cập vào quần chúng, nhưng ngược lại nó đã được những thượng trí, thượng nhân mọi nơi mọi đời, bất phân đạo giáo chủ trương. Ta thấy chủ trương này nơi các nhà huyền học Âu Châu thượng cổ, các triết gia Hi Lạp, các Thánh Paulô, Joan, [46] các nhà huyền học Bà la môn, Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo, các tác giả Dịch Kinh, Zohar, Kaballe v.v. và gần đây đã được Teilhard de Chardin làm cho sống động lại.

Chủ trương này đại khái như sau:

Trời đất vạn vật chẳng qua là thiên hình, vạn trạng của một thực thể duy nhất, của Tuyệt đối thể.

Tuyệt đối thể này là hiện thân của Thượng Đế siêu việt bất khả tư nghị.

Tuyệt đối thể này, mỗi nơi kêu bằng một danh hiệu, hoặc là Đạo, là Chân tâm, là Thái Cực, là Logos. Tuyệt đối thể này là một Thực thể duy nhất bao quát cả hai phương diện tinh thần và vật chất. [47]

Teilhard gọi Tuyệt đối thể này là «Nguyên thể vũ trụ». Nguyên thể này có hai phương diện vật chất và tinh thần y như chủ trương của Dịch kinh: Thái Cực sinh âm dương. [48] Nhất thể ấy sinh xuất ra quần sinh, quần sinh lại qui hướng tiến hóa và Nhất thể.

Nhất tiến ra vạn, rồi vạn lại quy về nhất, theo nhịp điệu của thời gian. Cho nên trong trời đất, đâu đâu cũng tràn đầy lẽ biến dịch. Sự biến dịch theo hai chiều hai hướng, hoặc là phân tán đào thải, hoặc là súc tích để tiến tới tinh hoa trở về nguyên bản. [49] Lẽ vãng lai, phản phúc ấy đã được trình bày trên các đồ bản Dịch, và Hà Đồ, Lạc Thư.

Từ quan niệm vạn vật nhất thể ấy, các triết gia suy diễn ra nhiệm vụ bác ái đối với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể trở nên giống Thượng Đế. Cha Ricci viết:

«Trào lưu tư tưởng mà nhiều người theo hiện nay, theo tôi có lẽ đã vay mượn ở một giáo phái tà thần (?) từ 500 năm nay (Tống nho). Quan niệm ấy là: Thiên địa vạn vật nhất thể, người vật cỏ cây, tứ tượng đều hợp thành như một cơ thể duy nhất mà vạn vật là những phân bộ. Từ quan niệm nhất thể ấy họ rút ra nhiệm vụ bác ái với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể nên giống Thượng Đế.» [50]

Như vậy dưới những lớp lang biến ảo của vũ trụ, dưới những hình thức biến thiên của tâm hồn, còn có một thực thể hằng cửu, viên mãn, bất diệt.

Mọi công cuộc giáo hóa, tu trì là cốt chỉ vẽ cho con người nhìn nhận cho ra được bản thể tuyệt đối bất diệt và hằng cửu ấy.

- Muốn tìm tuyệt đối, hằng cửu bất diệt, phải trở về đáy lòng.

- Muốn tìm Bồ Đề, Niết Bàn phải tìm nơi tâm khảm: đó là chủ trương của Thiền Tông.

«Quay về ta tìm Đạo ấy,

Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai.»

Đó là chủ trương của Chu Hi, [51] cũng như của các đại hiền triết Nho giáo.

Theo các nhà huyền học Á Đông, thì vũ trụ và vạn vật thảy đều biến hóa không ngừng.

Cho nên con người cũng phải luôn biết hóa hoàn cảnh để cho đời sống vật chất thêm đẹp tươi.

Biến hóa tâm tư, cải thiện đồng loại, để xã hội ngày thêm công bình, hòa hiệp.

Biến hóa tâm thần để trở thành Tiên, Phật, Thánh; phối thiên, phối mệnh, kết hợp cùng Thượng Đế.

Tuyệt đối thể vừa là căn nguyên lai cũng vừa là cùng đích, cho nên muôn loài phải tiến hóa để tiến dần về cực điểm tinh hoa ấy. Lão tử viết:

Muôn loài sinh hóa đa đoan,

Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.

Hoàn bản nguyên an nhiên phục mệnh,

Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng. [52]

Tất cả lẽ Dịch, là nhất tán vạn, vạn qui nhất, phản phúc, vãng lai, từ Thái Cực phát xuất là vạn hữu, rồi vạn hữu lại tiến hóa biến thiên để trở về Thái Cực. [53]

Thế là «Thiên địa tuần hoàn chung nhi phục thủy.» Thế là Thủy chung như nhất. [54]

Thủy hay Chung vẫn chỉ là một Thái Cực, khác nhau nguyên ở hai thế ẩn và hiện, ẩn lúc ban sơ, hiện lúc chung cuộc. Giữa Thủy và Chung là tất cả lịch trình biến thiên, tiến hóa của vũ trụ theo lẽ vãng lai phản phúc, tuần hoàn.

Vạn sự từ trung tâm phát xuất, trước sau cũng phải trở về trung tâm.

Trở về được Trung Tâm là «hoàn nguyên, phản bản» thành Thánh, Thần, Tiên, Phật, bỏ được nhân tâm bước lên được bình diện thiên tâm, bỏ được tiểu tri, tiểu kiến, trở thành những bậc đại giác đại ngộ. [55]

Các nhà Huyền học Âu Châu cũng chủ trương:

Tuyệt đối thể là nguyên thủy và là cùng đích,

Vạn vật từ nguyên thủy biến thiên hết một vòng theo đúng lẽ phản phúc, tuần hoàn, lại trở về cùng đích. Các ngài viết niềm tin ấy thành ký hiệu sau:

$$\frac{\rho}{\alpha \mid \omega}$$

Trong đó:

α = là nguyên thủy

ω = là cùng đích

ρ = chữ rho (Hi Lạp)

T = chữ tau (Hi Lạp).

Tất cả có thể đọc thành (Tora) hay (Rota) và đã phát sinh ra khoa Tarot sau này.

Tarot cũng y như Kinh Dịch, mà Rota chính nghĩa là hãy quay, hãy biến thì mới thấy được và w.

Lẽ biến dịch phản phúc tuần hoàn được biểu hiện bằng đồ bản sau:

S	A	T	O	R
A	R	E	P	O
T	E	N	E	T
O	P	E	R	A
R	O	T	A	S

Đồ bản này cho ta thấy:

1) – Trung cung bất biến, (chữ Tenet hợp thành chữ thập ở giữa không đổi).

2) – Sự phản phúc, tuần hoàn được biểu diễn bằng sự lật ngược hai chữ SATOR và AREPO thành ROTAS và OPERA.

Đó chính là bí quyết, mà nếu không so sánh với các đồ bản Dịch Kinh, chúng ta khó lòng tìm ra được.

Học thuyết này cũng chủ trương:

a) – Thượng Đế chỉ sáng tạo một lần, sáng tạo ra Thái Cực, ra Đạo, ra Logos. Như vậy Thái Cực hay Logos sinh xuất ra mọi sự. [56]

b) – Vạn vật xuất sinh từ Thái Cực, từ Logos, tức là vô sắc tướng, dần dần trở thành hữu hình hữu tướng, [57] rồi lại trở về vô hình tướng.

c) – Trong con người, cái vô sắc tướng tiềm ẩn ngay trong tâm hồn con người, cho nên muốn tìm ra căn cơ vũ trụ và con người, chúng ta chỉ việc «hồi quang quán chiếu», đi sâu vào tâm hồn mà tìm ra siêu việt.

«Đi sâu vào trong tâm hồn, ta lập tức sẽ khám phá ra được huyền lực quen thuộc đã làm sống động quần sinh, và sinh ra những trạng thái vui buồn, sướng khổ nơi sinh vật: đó là phía trong tòa lâu đài. Mặt tiền lâu đài là những hình trạng của vũ trụ, mà ngũ quan ta thấy được. [58]

«Nhìn bên ngoài, ta chỉ thấy các vật dao động, biến thiên, nhưng không hiểu được những động cơ sinh biến hóa bên trong.

«Chúng ta sống được nhờ nguyên lý tiềm ẩn bên trong ấy; còn chúng ta, chúng ta chỉ là những sự biểu dương phóng phát của nguyên lý ấy mà thôi.» [59]

Nhận Đạo hay Thái Cực hay Logos là bản thể vũ trụ, chúng ta có thể thoát được nhiều vấn đề thắc mắc, nan giải như sự sống có tự bao giờ, có tự nơi đâu, vì Đạo là sự sống. [60]

Như vậy, vũ trụ tràn đầy sự sống, chỉ khác nhau ở các hình thức, trạng thái phát huy.

Có lẽ vì thế mà Teilhard de Chardin đã chủ trương siêu nhiên ở ngay trong lòng vạn vật.

«Đấng Christ» ở ngay trong lòng vũ trụ «ăn rễ» sâu xa vào vũ trụ cho tới đáy lòng nguyên tử. Ngài ở ngay trong giữa lòng vật chất.» [61]

Và đối với Teilhard de Chardin, trong sự sáng tạo, thần linh không có hoạt động máy móc bên ngoài, mà hoạt động ngay trong lòng vật chất... Vật chất chuyển dịch, sẽ trở nên trong suốt và làm hiển lộ ra năng lực siêu nhiên đang ở bên trong. [62]

Nếu Thái Cực, nếu Đạo, Logos đã tiềm ẩn trong đáy lòng vật chất cũng như trong thâm tâm ta, thì câu chuyện đi tìm căn nguyên gốc rễ hay trở về căn nguyên gốc rễ, thực hiện được Thiên tâm, Thiên ý, Thiên mệnh là công xuộc mà ta có thể làm xong ngay trong đời ta, không cần phải đợi tới tái sinh, hay tới tận thế.

Chúng ta đã có phương pháp thâu gọn thời gian, thâu gọn dĩ vãng và tương lai vô tận thành khoảnh khắc hiện tại.

Với những ý niệm trên ta có thể đối thoại với thuyết tiến hóa duy vật. Chúng ta công nhận vạn vật xuất sinh từ một nguồn gốc chung, nhưng nguồn gốc chung ấy là Thái Cực, là Đạo (Logos) chứ không phải là vật chất. Đối với Đạo, vật chất và tinh thần chỉ là hai phương diện. [63]

Chúng ta công nhận sinh linh xuất sinh từ một nguồn sinh nhưng không phải là từ con trùng nhỏ bé, mà từ Thái Cực, từ Đạo thể (Logos) vô biên.

Chúng ta công nhận quần sinh đã được tiền định, đã được tiềm ẩn, trong nguồn sinh, trong Thái Cực, chứ không phải là trong cái trứng nhỏ nhoi thủa ban đầu hay trong tế bào sinh vật nguyên thủy theo chủ thuyết Weismann. [64]

Chúng ta công nhận hình hài, ngoại cảnh có ảnh hưởng đến cuộc tiến hóa, nhưng chúng ta còn đi thêm bước nữa là đề cao những ảnh hưởng tâm thần.

Chúng ta công nhận có sự biến dịch, tiến hóa, từ nhất ra vạn, từ vạn về nhất, phản phúc tuần hoàn, thủy chung như nhất, chứ không phải là tiến hóa từ côn trùng đến thần minh, như vậy là tiến hóa một chiều, và tiền hậu, bất nhất. Theo nhãn quan này, vũ trụ có hai chiều hướng phóng phát và qui hoàn mà Bergson và Teilhard de Chardin mỗi người đã nhìn thấy một phía. [65]

Sau khi đã trình bày các học thuyết hiện hành trong thiên hạ, ta thấy học thuyết viễn đích của Lecomte du Noüy không thuộc hẳn vào một loại học thuyết nào trên đây, nhưng nó có thể bắc một nhịp cầu thông cảm giữa các học thuyết, vạch rõ con đường từ Vạn tiến về Nhất, từ quần sinh lần trở về nguồn, nên sẽ giúp ta tìm về chân lý dễ dàng hơn.

Như vậy cũng đã là một thành công lớn lao rồi vậy.

CHÚ THÍCH

[1] Le finalisme de Cuvier… s'oppose diamétralement à celui de Lamarck. Suivant Cuvier, La Nature (ou son auteur) a prévu toutes les sortes possibles de circonstances où les animaux auraient à vivre, ainsi que la forme invariable déterminée qui forcent chaque espèces à vivre dans les conditions où on la trouve. C'est un déterminisme absolu, pur et simple. (L'Avenir de l'Esprit, pages 151-152.)

[2] Celui de Lamarck admet la simplicité, l'imperfection des animaux prmitifs qui acquièrent leur complication progressive par adaptation au milieu environnant dans lequel le hasard les a placés. C'est un transformisme non un évolutionnisme. (Ib. page 152.)

[3] Une autre forme de finalisme fut introduite par C. Von Nageli en 1884 et par H. Kolliker. Nageli admet dans les organismes une tendance interne au perfectionnement. (L'Avenir de l'Esprit, page 153)

[4] Pendant des centaines d'années, l'existence humaine ne fut qu'une sombre déchéance, l'expiation par tous d'une faute incompréhensible, commise par d'autres, pour tous les temps. A chaque instant, les fracas des fins du monde pouvaient s'abattre sur une humanité destinée à la mort. Rien d'étonnant, dans de telles perspectives, qu'un siècle parut une éternité et que l'histoire eût l'aspect cahotique d'un succession d'épisodes sanglants, sans lien, sans signification et sans devenir. Les civilisations, comme les homes mouraient sous le coup d'une impitoyable chronologie, parce que l'heure était venue. (D'où

vient l'humanité, page 212.)

[5] «Spéculativement, je suis de ceux qui ne voudraient abandoner ni Darwin ni Moïse.

Jules Lachelier – Lettre à Caro (1882)

L'Avenir de l'Esprit – page 289.

[6] Dans notre hypothèse qui laisse aux mécanismes des lois physico-chimiques toute liberté d'agir macroscopiquement aussi bien que microscopiquement, la conception moderne du rôle joué par le hasard est respectée. Je sais bien que cette conception n'est pas absolue et que rien ne prouve que nous n'en aurons pas changé d'ici un siècle ou deux, mais momentanément, la théorie que nous proposons nous paraît plus scientifique puis qu'elle s'imbrique avec l'ensemble de nos connaissances actuelles en formant un tout cohérent et homogène, conformément au critérium de Duhem. (L'Avenir de l'Esprit, page 256.)

[7] Cette théorie vaut ce qu'elle vaut. Ce n'est qu'une hypothèse. Une hypothèse doit être une échelle, non un cage. Elle doit permettre d'expliquer le plus grand nombre de faits possible et d'établir entre eux une corrélation rationnelle capable d'englober et parfois de prévoir des faits nouveaux. (L'Avenir de l'Esprit, pages 145-146.)

[8] Elle doit être remplacée par une autre aussitôt que des découvertes nouvelles l'infirment de façon absolue. Elle ne doit pas être écartée à priori parce qu'elle postule une force inconnaissable, tant qu'il n'en existe pas une autre capable de la remplacer. Une hypothèse ne paralyse pas la science, même quand elle est fausse car elle suggère des expériences dans le but de la détruire, et ces expériences peuvent mettre au jour les faits nouveaux qui en inspireront une autre mieux adaptée. (L'Avenir de l'Esprit, page 146)

[9] Mais je prie instamment le lecteur consciencieux de ne pas juger la valeur de l'idée que j'ai voulu exposer d'après la médiocrité de mes efforts et de ne pas critiquer trop sévèrement la tentative s'il estime que j'ai échoué dans sa réalisation. Qu'il veuille bien oublier ceux des arguments qui lui ont semblé mal choisis et ne retenir que ceux qui l'auront frappé. Qu'il ne rende pas l'idée maîtresse resposable des fautes de l'ouvrier. (L'Averir de l'Esprit, page 305.)

[10] Si j'ai réussi dans ces pages à faire partager au lecteur, la confiance que j'ai dans l'Avenir de l'Esprit, dans la grandeur et la noblesse du rôle que l'homme est libre de choisir….. peut-être estimera-t-il que n'ai pas en vain abusé de sa patience. (Ib.p. 306)

[11] Si j'ai su le convaincre que la lutte pour l'existence et l'évolution dont il est le couronnement, continuent et que le combat n'a rien perdu de sa violence en se transposant du domaine matériel dans le domaine spirituel; si je suis parvenu à lui faire comprendre que la dignité de l'individu doit naître de l'effort qu'il fait pour s'arracher au joug de la chair et obéir aux voix intérieures, peut-être estimera-t-il que je n'ai pas en vain abusé de sa patience. (L'Avenir de l'Esprit page 306)

[12] La vérité ne doit pas s'évaluer ni par l'âge de sa formulation, ni par le nombre de ceux qui la professent…

André Giovanni. - Le Monde et la Vie, No. 159, Août 1966, page 17.

[13] La toute puissance de Dieu se manifeste par le fait que l'homme, descendant des vers marins, est aujourd'hui capable de concevoir l'existence future d'un homme supérieur et de vouloir être son

ancêtre. (La Dignité humaine, page 181)

[14] Le transformisme de Lamarck peut se résumer en quelques mots: c'est l'influence du milieu et du mode d'existence qui détermine les transformations des être vivants, il n'y a aucune prédétermination dans l'œuf. (L'Avenir de l'Esprit, page 161)

[15] De même que des essais multiples ont été requis pour donner finalement à l'homme sa forme définitive, de même la civilisation va tâtonner pour aboutir à sa fin encore bien lointaine, l'avènement d'une conscience supérieure suivant l'expression de Renan. (L'Avenir de l'Esprit, page 232)

[16] Elle consiste à postuler, en premier lieu, que l'homme physique est un chaînon de l'évolution des êtres organisés qui, d'après les données expérimentales de la paléobiologie en général, a commencé par des organisms extrêmement simples probablement sans forme cellulaire sans noyau. (L'Avenir de l'Esprit, page 22)

[17] Elle doit (cette évolution) se poursuivre par l'homme et par ce qu'il a introduit d'absolument nouveau dans le monde, à savoir la pensée abstractive, les idées forces idées morales, les idées spirituelles. (Ib. page 23)

[18] Notre but est de faire une hypothèse concernant l'avenir lointain de l'esprit… S'il sagissait d'une extrapolation à court terme, … soit vingt mille, cinquante mille, ou cent mille ans, nous pourrions nous contenter des matériaux fournis par cette histoire. Mais comme nous nous proposons de pousser progressivement notre extrapolation beaucoup plus loin, jusqu'au moment où l'univers matériel sera mort, où l'entropie aura atteint sa valeur maxima, tout le passé de cet univers est à peine suffisant pour nous permettre d'en déduire l'allure de son évolution dans l'avenir. (Ib. page 271.)

[19] L'échéance est d'ailleurs lointaine. Il est impossible de calculer, ni même de s'en faire une idée précise. D'après Jeans, il faudra que 100 trillions d'années s'écoulent avant que les conditions deviennent telles que la vie ne sera plus possible sur la terre, c'est-à-dire un temps cinquante mille fois plus long que celui qui s'est écoulé depuis le début de toutes choses, nous n'avons donc pas à nous inquiéter de cela pour l'instant. (L'Avenir de l'Esprit, page 68)

[20] La deuxième conséquence philosophique du téléfinalisme est la dissociation du corps et de l'esprit… Ne nous méprenons pas… L'idée n'est pas de considérer l'âme comme une entité indépendante du corps et l'habitant, ce qui est rationnellement inadmissible, nous disons simplement ceci: c'est nécessairement le cerveau composé de cellules, qui évolue. Mais cet organe a atteint un stade où ses activités physico-chimiques et biologiques se manifestent sur un plan différent, par des phénomènes psychologiques qui sont perçus directement. (L'Homme et sa Destinée page 371)

[21] L'évolution continue. La forme animale capable d'héberger l'esprit, capable de lui permettre de se développer est trouvée. (L'Avenir de l'Esprit, page 179)

… C'est la volonté de l'être nouveau qui s'est levé en toi, et que tu dois accepter comme ton maître, même s'il met un frein à les désirs.

Hélas cet être nouveau n'habite pas encore tous les cœurs ou s'il le fait, sa voix est encore bien faible. Il ne peut croître à moins d'être entendu directement et librement désiré. Il ne peut s'épanouir sans effort. (L'Homme et sa Destinée, page 318-319)

[22] Adaptation progressive aux conditions variables du milieu. Hérédité des caractères acquis et

finalité téléologique. (L'Avenir de l'Esprit, page 168)

[23] L'esprit religieux est en nous. Il préexiste aux religions. (L'Homme et sa Destinée, page 292).

... Nous ne pouvons nous élever qu'en raison de ce qui est en nous. (Ib. page 293)

… Le bien préexistait dans l'enfant, et c'est là l'élément divin. (L'Avenir de l'Esprit page 219)

…La lumière est au dedans de nous. (La Dignité Humaine, page 122)

… L'étincelle divine est en lui… (L'Homme et sa Destinée, page 437)

[24] Ces cerveaux exceptionnels sont des centres de rayonnements… Ils peuvent apparaître n'importe où dans le monde, en Amérique, en Asie, en Europe; dans n'importe quelle classe de la société. Ce ne sont ni des Chinois, ni des Américains, ni des Anglais, ni des Français, ni des Hindous; ce sont des hommes. (L'Homme et sa Destinée page 266)

[25] L'apparition des formes plus parfaites évoluant lentement jusqu'à la perfection suprême, mais encore lointaine. (L'Homme et sa Destinée, page 177)

[26] Encore une fois, n'oublions pas que l'homme parfait n'est pas un mythe: il a existé en la personne de Jésus. D'autres ont presque atteint à la perfection: quelques prophètes et martyrs. Mais leur nombre est infime en comparaison de l'humanité qu'il faut améliorer. Rappelons-nous que nous avons assimilé ces hommes aux rares «formes transitionnelles» qui des millions d'années à l'avance annoncèrent l'éclosion de l'espèce stable éventuellement destinée à peupler le monde. (L'Homme et sa Destinée, page 291)

[27] Car ceux qui d'avance il a discernés, il les a aussi prédestinés à reproduire l'image de son fils, afin qu'il soit l'aîné d'une multitude de frères, et ceux qu'il a prédestinés, il les a aussi appelés; ceux qu'il les a appelés, il les a justifiés; ceux qu'il a justifiés il les a aussi glorifiés. (Romain 8, 29-30)

… Le vainqueur, je lui donnerai de prendre place auprès de moi sur mon trône, comme moi-même, après ma victoire, j'ai pris place auprès de mon Père sur son trône (Apocalypse 3, 23)

Chân nhân khế đạo, cố viết chí nhân. 真 人 契 道 故 曰 至 人 (Đỗng huyền linh bảo định quan kinh chú, trang 2b)

[28] Tận nhân dĩ hợp Thiên. 盡 人 以 合 天 . (Đại Đỗng Chân Kinh, trang 12)

… Thiên tâm hiện nhi thần minh chí hỹ. 天 心 現 而 神 明 至 矣 (Đại Đỗng Chân Kinh, quyển thượng, trang 5b)

…Nhân, Thiên bản tự vô sai biệt

Nhất điểm linh quang hỗn Thái huyền.

人 天 本 自 無 差 別 一 點 靈 光 混 太 玄

Đại Đỗng Chân Kinh, quyển thượng, trang 5.

[29] Thị vị Phối Thiên cổ chi cực. 是 謂 配 天 古 之 極 . (Lão Tử Đạo Đức Kinh, chương 68)

[30] Ainsi au terme de l'évolution de l'humanité, comme au reste de l'univers entire, se profile visage inconnu de l'au-delà, de celui par qui les choses sont. (Geoges Magloire, Teilhard de Chardin, page 123)

[31] «Je crois que l'univers est en évolution.»

«Je crois que l'évolution va vers l'Esprit.»

«Je crois que l'Esprit s'achève en Dieu personnel.»

«Je crois que le Personnel suprême est le Christ Universel.»

Ib. page 222

[32] L'esprit s'achève par union avec le Dieu personnel. (Ib. page 222)

[33] Thủy chung như nhất. 始 終 如 一 (Đại Đỗng Chân Kinh, quyển thượng, trang 7.)

[34] Si l'on tient compte de notre ignorance, si on la mesure en toute honnêteté et sans aucun parti pris, on en arrive à l'étrange conclusion que notre croyance dans l'évolution est pour le présent d'origine intuitive, métaphysique, pourrait-on dire, plutôt que scientifique. (L'Avenir de l'Esprit, page 118)

[35] Tout ce qui existe en dehors de Dieu, a été tiré du néant par Dieu, d'après toute sa substance. (Louis Ott Précis de théologie dogmatique, page 119)

[36] Presque invinciblement quand on parle de création, on situe les choses de la façon suivante: Premièrement, il n'y a rien, sauf Dieu qui a toujours existé. Et ce toujours signifie une durée interminable, au cours de laquelle, à un mament donné, Dieu a posé l'action créatrice, et le monde a été tiré du néant qui se trouvait comme antétieur au monde et comme sous-jacent à Dieu. Or tout cela, quand on y réfléchit, n'est qu'une série d'aberrations manifestes, tout au moins quand on prend les mots au sens propre. (R.P. Sertillanges, Le christianisme et les philosophies, tome I, page 262)

[37] Enfin comment tirer du rien quoi que ce soit? Etrange traction ou extraction comme si le néant était un chemin de halage, ou un contenant, ou une borne. (Ib. page 263)

[38] Je t'en conjure, mon enfant, regarde le ciel et la terre et vois tout ce qui est en eux, et sache que Dieu les a faits de rien et que la race des hommes est faite de la même manière. (Bible de Jérusalem, page 581)

... Cũng nên nói thêm các giáo phái Tin lành coi quyển Macchabées là ngụy thư (apocryphe) không phải là Thánh Kinh.

[39] Je suis l'alpha et l'oméga dit le Seigneur. (Apocalypse 1, 8-21; 6, 2-23)

C'est de Lui, par Lui, pour Lui que sont toutes choses. (Romains XI, 36.)

Cf. aussi 1 Co. 8, 6.

Cf. Col 1;17-17

Cf. Evangile St Jean Prologue 2, 3

…Cf L'Ecclésiastique 24. 1-10

Cf. Le livre de la Sagesse 11, 17

(Ta main toute puissante, certes, n'était pas embarrassée – elle qui a créé le monde d'une matière informe.)

[40] On sait que Bergson repousse la création ex nihilo, qui est d'universelle tradition chrétienne).

R.P. Sertillanges Le Christianisme et les philosophies, tome II, page 389.

[41] Thiên hạ vạn vật sinh ư Hữu. Hữu sinh ư Vô.

天 下 萬 物 生 於 有. 有 生 於 無 (Lão Tử Đạo Đức Kinh XL B)

[42] Il n'y a pas eu d'évolution et toutes les espèces ont apparu brusquement sans qu'il existe aucun lien entre elles.

… La première attitude qui était celle de l'Eglise autrefois est un peu démodée et à peu près universellement abandonnée. (L'Avenir de l'Esprit, page 214)

[43] Autour de lui on ne pensait le monde, la Révélation, les principes de la foi qu'en termes fixistes. Du reste, on n'avait jamais pensé le Christianisme, comme toutes chses, qu'en termes fixistes. Et voici que l'immensité de temps géologiques brisait les courtes perspectives de la tradition, faisait apparaître sous l'immobilité des apparences, la présence de l'énergie évolutive et laissait prévoir au-devant de nous un avenir en gestation. (Jean Onimus, Pierre Teilhard de Chardin (Plon), page 16)

[44] … En bref, ce qu'il (Marx) conçoit après la réalisation de son communisme idéal, est une parousie laïque; c'est le corps mystique du Christ arrivé à son achèvement, c'est-à-dire l'humanité entièrement spiritualisée, quasi spiritualisée. (R.P. Sertillanges, Le chritianisme et les philosophies, Tome II, page 223)

… La société sans classe de Marx où se retrouvent les grandes utopies du socialisme prémarxiste, c'est l'avènement du Savoir Absolu de Hégel, ou sur un plan philosophique, le royaume de Dieu des prophètes juifs. (Michel Colinet, La tragédie du Marxisme, p. 1)

[45] La matière, dans l'imagination des philosophes n'est qu'une pâte amorphe et froide située à l'extrême opposé de l'esprit, un «quelque chose» d'inerte et de passif. (Jean Onimus, Pierre Teilhard de Chardin, page 22)

[46] Si tout effort de connaissance est tentative pour se placer au point de vue de Dieu, la connaissance absolue consiste à l'avoir atteint. Ce qu'aperçoivent le stoïcisme que citait Saint Paul aux philosophes d'Athènes: In ipso vivimus, et movemur, et sumus, – Plotin, Spinoza aussi bien que d'autre part Hegel c'est que pour Dieu la matière n'a pas d'existence indépendante, car l'esprit absolu se reconnaît soi-même en tout …

(Science et Matérialisme, page 31.)

[47] Il y a d'abord la croyance en un Principe unique, duquel tout est issu. Quels que soient les noms qui lui aient été donnés durant les différentes époques et sous les différents ciels ou la forme du culte extérieur qui lui soit rendu, ce Principe est de tout temps, le Dieu de l'Univers manifesté comme Unité. Celui qui a engendré le Ciel et la Terre, le Créateur et la créature, le contenant et le contenu, l'Essence et la Forme, l'Esprit et la Matière, l'Espace et le Temps, l'Infini et le Fini.

Ce Principe Unique est un prodigieux aimant qui attire à lui toutes les âmes, de même que la terre attire tous les corps vers son centre. (La Religion essentielle, page 11)

[48] Etoffe cosmique; matière et Esprit, écrit le P. Teilhard en 1950, non point deux choses mais deux états, deux faces d'un même étoffe cosmique suivant qu'on la regarde ou qu'on la prolonge dans le sens où elle se fait ou au contraire dans le sens suivant lequel, elle se défait. (Teilhard de Chardin (Plon), page 81)

Ông gọi thực thể ấy là «Chúa Cơ Đốc vũ trụ».

Le Christ n'est pas un accessoire surajouté au monde, un ornement, un roi comme nous en faisons,

un propriétaire. Il est l'alpha et l'oméga, le principe et la fin, la pierre du fondement et la clue de voûte, la plénitude et le plénifiant. (Ib. page 114)

[49] Au lieu d'opposer deux termes matière et esprit, il faut opposer deux directions, l'une qui descend vers la poussière du multiple et se perd ainsi dans le néant, l'autre qui s'élève avec toute la nature vers des types d'union plus complexes et mieux centrés… À la science d'analyse, il faut donc que s'ajoute désormais une science des synthèses, une science de l'Esprit fondé sur les découvertes de la matière: seule une telle science aurait des chances de comprendre vraiment la nature puisqu'elle irait dans la direction de ce qui se fait et non plus dans celle de ce qui se défait. (Jean Onimus, Teilhard de Chardin, page 84)

[50] «Mais l'opinion la plus suivie actuellement et qui me paraît (pare) empruntée à la secte des idoles depuis 500 ans (philosophie des Song), c'est que tout ce monde est fait d'une seule substance et que la création du monde avec le ciel et la terre, les hommes et les animaux, les arbres et les végétaux, et les quatre éléments, forment un corps continu dont les divers êtres sont les membres. C'est de cette unicité de substance que l'on déduit le devoir de la charité envers les hommes et la possibilité pour tous de devenir semblables à Dieu … (Cf. Henri Bernard Maître, Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, page 108)

[51] Cái dục học giả ư thử, phản cầu chư thân nhi tự đắc chi. (Chu Hi). 蓋 欲 學 者 於 此 反 求 諸 身 而 自 得 之. Trung Dung – Chương I, chú thích của Chu Hi.

[52] Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kì phục. Phù vật vân vân, các qui kỳ căn; qui căn viết tĩnh; tĩnh viết phục mệnh; phục mệnh viết thường. (Đạo Đức Kinh – Chương XVI)

萬 物 并 作, 吾 以 觀 其 復. 夫 物 芸 芸, 各 歸 其 根; 歸 根 曰 靜; 靜 曰 復 命; 復 命 曰 常.

[53] Đó chính là bố cục của Trung Dung: «Kỳ thư thủy ngôn nhất lý, trung tán vi vạn sự, mạt phục hợp vi nhất lý. Phóng chi tắc di lục hợp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật.» Trung Dung (Tựa).

其 書 始 言 一 理, 中 散 為 萬 事, 末 復 合 為 一 理. 放 之 則 彌 六 合, 卷 之 則 退 藏 於 密.

[54] Thủy Chung như nhất. 始 終 如 一 (Đại Đỗng Chân Kinh, trang 7b)

… Căn bản do lai Thái cực tầm. 根 本 由 來 太 極 尋 (Đại Đỗng Chân Kinh, trang 4)

[55] Teilhard de Chardin cũng có chủ trương tương tự:

«Ici un centre en expansion qui se cherche une sphère, et là une sphère en voie d'approfondissement qui appelle un centre. (Jean Onimus, Teilhard de Chardin, page 152.)

… Les monde ne peut vous rejoindre finalement Seigneur que par une sorte d'inversion, de retournement. (Ib. page 130)

… «Il ne saurait y avoir logiquement de bonheur plus profound que de sentir Dieu, réalité suprême, se substituer douloureusement à son être propre… (Ib. page 131)

[56] Il (le Christ) est l'image du Dieu invisible, Premier-Né de toute créature, car c'est en lui qu'ont été créées toutes choses, dans les cieux et sur la terre, les visible et les invisibles…

Il est le Principe, Premier-Né d'entre les morts.

Colossiens. 1; 15-16-18.

Cf. Apocalypse 1, 5. – Ap. 1, 8; 1, 7; 2, 8.

[57] Par la foi, nous comprenons que les mondes ont eté formés par une parole de Dieu, de sorte que ce que l'on voit provient de ce qui n'est pas apparent. (Hébreux 11; 2.)

Các nhà chú giải câu này, bình rằng:

Lòng tin tưởng vào sự tạo dựng là một cách rất khéo để thấu hiểu vô hình: Trước khi được tạo dựng, mọi thực thể đã hiện hữu trong Thiên Chúa: vạn vật quần sinh đã phát xuất từ Thiên Chúa.

(La foi en la création est un beau cas de l'intelligence de l'invisible: avant leur création, les réalités existaient en Dieu, de qui tout procède).

Cf. Bible de Jérusalem – page 1584

[58] En rentrant en soi-même, on découvre immédiatement cette force familière qui anime tous les êtres vivants et qui les affecte sous les noms de plaisir et de douleur; c'est l'intérieur du château. La façade, ce sont les aspects de l'univers que nous découvrent les sens (D'après Schopenhauer) – Les Nouvelles Énigmes de l'Univers – page 247.

[59] Nous ne percevons alors que des choses qui remuent et qui changent, sans comprendre le resort caché qui les fait remuer et changer. A ce principe nous devons l'existence, nous n'en sommes que les «objectivations» c'est-à-dire les manifestations visibles et tangibles.

Notre propre corps, et celui de tous les vivants, est une objectivation du vouloir; mais il en est de même d'une pierre qui tombe, d'un cristal qui obéit à sa géométrie, d'une aiguille aimantée qui se tourne vers le nord. Les forces physiques sont les degrés inférieurs du phénomène. Puis viennent, en gradation ascendante, les diverses manifestations de la vie.

Enfin, avec la conscience réfléchie, le vouloir se contemple mais ne se détermine pas. Il reste une image fragile, incertaine, que nous essayons de peindre par des lois et les symboles, des causes et des motifs. En soi, il est inconnaissable (D'après Schopenhauer) Cf. Les Nouvelles Enigmes de l'Univers (René Sudre) p. 275.

[60] Au commencement le Verbe était et le Verbe était avec Dieu, et le Verbe était Dieu… De tout être, il était la Vie. (Evangile St Jean Prologue 1; 1, 4)

[61] «Le surnaturel est au cœur de la nature, comme sa réatité authentique, il lui donne sens et consistance; le Christ est «intérieur au monde, enracing dans le monde jusqu'au cœur du plus petit atome». Il n'est plus seulement au dessus de la créature, mais «au cœur de la matière». – Pierre Teilhard de Chardin (Plon)

… Le P.Teilhard répète volontiers l'expression de Saint Paul: «Deus in quo omnia constant.» Il ne dit pas omnia Deus sunt mais omnia sunt in Deo… (Ib. page 116)

[62] Dans une genèse, l'esprit n'agit pas mécaniquement du dehors: Il est au travail à l'intérieur de la matière qu'il oriente et fait «mûrir» … La matière «en mouvement» devient transparente et laisse apercevoir l'énergie spirituelle qui l'habite. (Jean Onimus, Pierre Teilhard de Chardin, p.32)

[63] La dialectique de Hégel suppose un Esprit absolu, immanent, présidant à la transformation de ses parties… (Michel Collient, La tragédie du Marxisme, p.22.)

[64] Préformation absolue et complète dans l'être originel. Tout le futur inscrit dans le premier œuf.

(L'Avenir de l'Esprit, page 168)

[65] Pour mieux comprendre la pensée teilhardienne, nous l'opposerons à celle de Bergson. Chez celui-ci, évolution prend l'aspect d'une explosion: jaillie d'un centre spirituel, la matière ressemble à ces scories à ces cendres qui s'accumulent autour d'un cratère. Pour passer, l'esprit doit soulever cette croûte de mécanismes et d'habitudes mortes qui risquent de l'étouffer.

Chez le P.Teilhard, l'Evolution est bien plutôt une "implosion" qui ramène sur un centre les éléments du multiple… (Jean Onimus, Pierre Teilhard de Chardin, p.87)

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | **Phần 3**: chương 1 2 **3** 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | **Phần 3**: chương 1 2 3 **4**
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

PHẦN THỨ BA:
NHẬN ĐỊNH VÀ PHÊ BÌNH

*

Chương 4
Tổng luận

Quel que soit le chemin que vous suiviez, le point vital est le désir ardent la vérité. Dieu connait les secrets de votre cœur; et il importe peu que vous preniez le mauvais chemin; il faut seulement que vous ayez la sincérité. Lui-même vous ramènera dans le bon chemin... On sait bien qu'aucun chemin n'est sans erreur. Chacun croit que sa montre va bien; mais, en fait, personne n'a l'heure exacte. Cela n'empêche pas de travailler... (Cf. Romain Rolland, Vie de Ramakrishna, page 201, note 2)

Bất kỳ bạn theo đường nào, điều quan hệ là phải thành khẩn khao khát chân lý. Thượng Đế biết rõ những bí ẩn của lòng bạn, và dẫu bạn có đi lầm đường cũng không sao, miễn là bạn thành khẩn. Thượng Đế sẽ đưa bạn về đường ngay, nẻo chính... Mà nào có con đường nào thoát lầm lạc đâu! Ai cũng nghĩ rằng đồng hồ mình đúng, nhưng kỳ thực chẳng ai có giờ đúng. Cái đó cũng chẳng ngăn trở công việc...

Trong những chương trên chúng ta đã khảo sát cân nhắc tư tưởng và học thuyết của Lecomte du Noüy về mọi phương diện.

Chúng ta cũng đã so sánh học thuyết ông với ít nhiều học thuyết tiến hóa khác, ngõ hầu tìm ra được chân lý toàn bích. Đó là một thái độ triết học, vì theo Plotin và Bergson, triết học là sự cố gắng của thần trí để hòa hợp với Đại thể. [1]

Dẫu có những điểm chúng ta không đồng ý với Lecomte du Noüy, nhưng chúng ta cũng phải nhận rằng công trình của ông không nhỏ, vì đã dám dùng một học thuyết tiến hóa vô thần để xoay ngược lại thành một thuyết tiến hóa hữu thần, với hoài bão cao cả là chỉ đường, dẫn lối cho nhân loại tiến tới một giống nòi siêu đẳng và đã đưa ra những biện pháp có thể dần dà thực hiện được mục phiêu cao cả ấy.

Thế giới ngày nay đang sùng thượng khoa học, đang vụ những chứng lý thực nghiệm bên ngoài, lại đang úy kỵ các vấn đề siêu hình, nên lấy học thuyết tiến hóa để xây dựng thuyết viễn đích có thể gọi là hợp với nhân tình thế thái hiện nay.

Lecomte du Noüy là một trong những người đã nhìn thấy sự biến thiên, chuyển dịch trong vũ trụ mà

Ông đã mượn học thuyết biến hóa hiện đại để nói lên niềm tin ấy.

Ông đã đề cập đến mọi hình thức biến hóa.

1/ Vật chất biến hóa

2/ Hình hài biến hóa (hay là cuộc biến hóa quần sinh)

3/ Tâm thần biến hóa (hay là cuộc tiến hóa nơi con người)

Nếu ta quên đi những chi tiết, thì ta thấy tất cả những băn khoăn thắc mắc, những sự suy tư tìm hiểu của Ông về sự biến dịch trong hoàn võ cũng là những băn khoăn thắc mắc chung của con người xưa nay.

Khảo sát thư tịch, truyền thống, từ ngữ Đông Á, ta thấy từ ngàn xưa sự chuyển dịch biến hóa vẫn là một đề tài làm bận tâm mọi hạng người.

Trong dân gian thì có huyền thoại «cá vượt vũ môn, cá hóa rồng», hay những chuyện về tiền thân đức Phật, hoặc những chuyện đầu thai, hóa kiếp v.v...

Văn chương thì đặc biệt nhất là quyển Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh, với những chuyện tinh hoa, tinh vật, tinh cây biến hóa ra người để đùa cợt, tự tình với những văn nhân lãng tử.

Cao siêu hơn nữa, thì có bộ Kinh Dịch, trong đó bàn về chủ trương «nhất thể biến vạn thù», «vạn thù quy nhất thể», với tất cả Dịch lý, như các quan niệm biến hằng, các định luật vãng lai, tụ tán, phản phúc, tuần hoàn v.v...

Trong Xung Hư Chân Kinh của Liệt Tử, Chương I, ta cũng thấy đề cập đến khả năng biến hóa của vật nọ sang vật kia:

«Ếch có thể hóa thành chim cút, chim cút có thể hóa thành ếch, tùy thổ ngơi ẩm ướt hay khô ráo.»

«Cùng một mầm mộng, có thể thành bèo trên mặt ao, hay thành rêu trên lưng đồi.» [2]

Tóm lại,

Sự biến hóa chuyển dịch trong vũ trụ đã được người Á Đông chấp nhận từ lâu.

Nhưng biến hóa chuyển dịch thế nào, thì lại có nhiều quan điểm khác nhau, người thì chủ trương vật chất biến thành tinh thần, tinh thần biến thành vật chất, âm dương hỗ vi kỳ căn, vật chất tinh thần là hai chiều, hai mặt của một thực thể hằng cửu, là Thái cực, như Phục Hi, Văn Vương, Khổng Tử, Chu Hi, các tác giả Dịch Kinh đã chủ trương.

Người thì chủ trương hình hài biến hóa, và loài nọ có thể biến thành loài kia tùy hoàn cảnh. Đó là chủ trương của Liệt Tử trong Xung Hư Chân Kinh.

Người thì chủ trương tâm hồn biến hóa, hết kiếp này qua kiếp khác, và một tâm hồn, tùy tội phúc, có thể mặc nhiều hình hài khác nhau, sau mỗi lần đầu thai, hóa kiếp. Đó là chủ trương luân hồi của Ấn Độ giáo và Phật giáo.

Cũng có người lại cho rằng vạn sự vạn vật là do thần, do Đạo biến hóa ra, như chủ trương của Veda, [3] của Upanishad (Áo nghĩa thư), [4] hay của Bhagavad Gita (Kinh Thế Tôn ca). [5]

Bài Chính Khí Ca của Văn Thiên Tường cũng cho ta thấy âm hưởng ấy:

«Anh hoa chính khí đất trời,

Khoác hình vật chất khắp nơi vẫy vùng,

Tràn mặt đất tuôn sông kết núi,

Vút trời mây, chói lói trăng sao,

Trần ai lẫn bóng anh hào,

Muôn nghìn khí phách rạt rào tầng xanh.»

(Bản dịch Nguyễn Văn Thọ)

Thực ra chúng ta cũng chẳng cần phải lộn lạo đất đai, khai quật hài cốt sinh linh, mới tìm ra được lẽ biến dịch, và mối dây liên lạc «nhất thể vạn thù» giữa trời đất quần sinh.

Chúng ta chỉ cần nhìn quanh ta, suy nghĩ về các hoạt động sinh lý cơ thể, như hô hấp tiêu hóa, gạn đục khơi trong, hấp thụ, đào thải trong con người, các hành vi, cử chỉ lao tác sinh nhai của thế nhân, ta sẽ thấy ngay rằng tinh thần vật chất tương thông, [6] âm biến dương, dương biến âm, «âm dương hỗ vi kỳ căn» để cuộc sống luôn phong phú, biến động, tân kỳ. [7]

Romain Rolland viết:

«Chúng ta hãy lắng nghe toàn thể! Sự hòa hợp đẹp đẽ cao siêu nhất là hiện tại, nơi tương dung, tương hợp của mọi ước mơ, cố gắng của dĩ vãng và tương lai, của mọi chủng tộc và mọi thời gian! Mỗi giây đồng hồ, đối với người biết thưởng thức, là khúc hòa ca của quần sinh vạn vật, từ người đầu tiên, cho đến người sau chót, quấn quanh bánh xe thế hệ, như những đóa hoa nhài.

«Chẳng phải đi ngược đường tư tưởng của thế nhân, chẳng phải truy cứu các cổ văn, cổ tích. Tư tưởng nhân loại vẫn ở quanh ta, những tư tưởng từ ba ngàn năm nay vẫn tại mục tiền. Chẳng có gì tiêu ma, hủy diệt! Bạn hãy lắng nghe ! Hãy nghe bằng tai! Khỏi cần đọc sách vở!...» [8]

Trở lại giả thuyết quần sinh biến hóa, ta thấy giả thuyết này có thể đúng, mà cũng có thể sai.

Nếu đúng, thì theo lời Keyserling, nó còn ly kỳ hơn huyền thoại Thánh kinh về sự sáng tạo rất nhiều. [9] Nếu sai, thì cũng là cái lầm của những danh nhân vì nó đã mang tên của những anh tài quán thế đã từng làm chấn động dư luận năm châu như Buffon, Geoffroy Saint Hilaire, Lamarck, Darwin, và cũng là những cái lầm hết sức phong phú vì nó đã làm cho nhiều ngành khoa học tiến bộ vượt mực.

Cho nên Lecomte du Noüy có dựa trên học thuyết tiến hóa hiện đại mà xây dựng học thuyết của Ông, ta cũng không thấy có gì là quải lý. Nhưng ưu điểm của học thuyết viễn đích không phải là ở chỗ coi con người là một mắt xích trong chuỗi dây tiến hóa, mà chính là ở chỗ tìm ra chiều hướng tiến hóa cho con người, và chủ trương con người cần phải biến hóa trên bình diện tâm thần để tiến tới con người toàn thiện siêu đẳng.

Lecomte du Noüy chẳng những đã chỉ nẻo đường tiến hóa trong tương lai, lại còn chỉ vẽ các phương thức để đạt tới mục đích.

Cá nhân phải biết tự cường, tự trọng, cố gắng chế ngự thú tính, dục tình, để có thể tiến tới toàn thiện. Xã hội phải biết trọng tự do cá nhân, và quan tâm đến vấn đề đức dục trong các học đường.

Đạo giáo phải bắt tay với khoa học, các đạo giáo phải bắt tay thân thiện, học hỏi lẫn nhau để cùng nhau tiến tới hoàn thiện. [10]

Ông cho rằng hạnh phúc của các dân tộc lệ thuộc vào sự thống nhất tư tưởng đạo giáo. Thế giới chỉ tin tưởng vào hòa bình, khi nào các giáo hội chứng minh là hòa bình có thể có được. [11]

Ông kêu gọi mọi người phải cải thiện tâm hồn mới mong có hòa bình vĩnh cửu. [12]

Ông tha thiết kêu gọi mọi người tin tưởng vào tương lai và định mệnh sang cả của con người, và

khuyên mọi người cố gắng cải thiện tâm hồn, lướt thắng dục tình thú tính, để bước lên bình diện siêu nhiên, thực hiện được nhân phẩm, nhân cách. [13]

Thực là những lời khuyên thành khẩn và xác đáng hết sức.

Nếu ta chịu đọc các sách Ông cho thấu đáo, tìm hiểu tư tưởng học thuyết Ông cho hẳn hoi, ta sẽ thâu lượm được rất nhiều lợi ích. Bất kỳ ta thuộc về tôn giáo, tín ngưỡng nào, tư tưởng của Ông cũng có sức làm chi niềm tin ta thêm vững vàng, tư tưởng ta thêm sáng suốt, ý chí ta thêm mạnh mẽ, niềm tin vào tương lai, vào giá trị và định mệnh con người thêm mãnh liệt. Tóm lại ta chỉ toàn thâu lượm được những điều tốt đẹp, lợi ích, có thể dùng làm phương châm hướng dẫn cho cả cuộc đời ta.

Tuy Ông đã khuất núi hai mươi năm nay, nhưng tư tưởng của Ông vẫn hết sức hợp thời.

Vả lại cái thái độ cởi mở, khoan dung, sự cố gắng để tiến tới, sự lướt thắng thú tính dục tình để thực hiện nhân phẩm nhân cách, tất cả những thái độ, những quan điểm, những tư tưởng ấy sẽ mãi mãi hợp thời, hợp tình, hợp lý, vì đó chính là lập trường tư cách của con người muôn thuở.

Ước gì mọi độc giả đều chia sẻ niềm tin của Ông vào định mạng con sang cả của con người, ước gì mọi người sau khi đọc các tác phẩm của Ông sẽ quyết chí thay đổi tâm tình, hướng đời mình về những giá trị tâm thần vĩnh cửu và tinh hoa cao đại.

Ước gì mọi người cũng sẽ tin một cách hăng nồng vững mạnh rằng trong tâm hồn mình, có tàn lửa thiên chân, và mình có thể cộng tác với Thượng Đế trong công cuộc hóa sinh, tham tán, tài thành vũ trụ vạn vật, và có thể tiến dần tới hoàn thiện tinh hoa, tiến dần tới Thượng Đế.

Nếu như vậy thì hạnh phúc biết bao! Mong lắm thay!

CHÚ THÍCH

[1] «La science, dit Spencer, est la connaissance partiellement unifiée; la philosophie est la connaissance complètement unifiée.» Et Bergson, après Plotin, définit la philosophie comme un effort de l'esprit «pour se fonder à nouveau dans le tout».

André Lamouche – La Destinée Humaine, p.248.

… Si tout effort de connaissance est tentaitive pour se placer au point de vue de Dieu, la connaissance absolue consiste a l'avoir atteint. (Science et matérialisme, page 31)

[2] Tout passe, selon les temps ou les milieux, par des états successifs, sans changer essentiellement. Ainsi les grenouilles deviennent cailles, et les cailles deviennent grenouilles, selon que le milieu est humide ou sec. Un même germe deviendra nappe de lentilles d'eau sur un étang, ou tapis de mousse sur une colline…

Cf. Lie-Tzeu, Chapitre I, E (Traduction Wieger)

Les Pères du système Taoiste, page 73

[3] Aditi c'est le Ciel, Aditi ce sont les dieux, c'est tout ce qui est né et tout ce qui naîtra. (Rig Veda) Cf. Illan de Casa Fuerte, La religion essentielle, page 36.

[4] Le monde entire, tout ce qui est, sort de Brahma et tremble dans son souffle (Katha Upanishad)

… L'homme qui sait voir tous les être dans l'esprit suprême et ce suprême Esprit dans tous les êtres

ne peut dédaigner aucune chose. (Isa Upanishad)

Cf. Illan de Casa Fuerte, La Religion essentielle, page 37, 38.

[5] Je suis la voie, je suis le soutien, le Seigneur, le témoin, la demeure, le refuge et l'ami. Je suis la naisance, la destruction, la halte, le trésor, la semence immortelle (Bhagavad Gita)

… Je suis l'immortalité, la mort, l'être et de non-être. (Bhagavad Gita)

Cf. La Religion Essentielle, page 40.

[6] Vạn pháp bất nhị, danh chi duy nhất. 萬 法 不 二, 名 之 惟 一 .

(Đồng huyền linh bảo định quan kinh chú trang 1)

… Âm dương tương thôi nhi sinh biến hóa (Dịch Hệ Từ)

陰 陽 相 推 而 生 變 化

[7] En l'homme fut résolu le mystère de l'unité universelle... Par là, la matière se trouve élevée à un incompréhensible état de dignité. Regardez à vos pieds cette poussière inommée qui est le dernier degré d'abaissement où l'être parvienne sous nos yeux. Regardez-la. Vous l'emporterez tout à l'heure avec vous sans daigner l'apercevoir; le souffle de l'air la jettera dans un champ, l'ombre et la lumière l'incorporeront au frèle tissu d'une plante. Déjà c'est le froment – Le Même hasard des choses qui l'avait mis à vos pieds, la ramènera sur votre table avec sa nouvelle forme. Vous ne la reconnaîtrez même pas, et pourtant tout à l'heure ce sera votre propre chair. La voilà qui court dans vos veines; elles pénètre vos tissus; elle remonte jusqu'au siège suprême de votre activité extérieure, à ce trône calme et élevé où sous la protection d'un bouclier puissant, s'élaborent dans le silence les plus purs éléments de la vie. Là elle rerecontre l'action réciproque de l'âme et du corps: elle y intervient; elle frappe à la porte auguste de votre intelligence; elle vous aide à penser, à vouloir; elle est vous même, et pourtant, c'est le grain de poudre qui est maintenant sous vos pieds… (Lacordaire, Oeuvres Paris 1911, Tome IV. Conférences à N.D. de Paris, tome III p.343 Sq) Cf. La vocation de l'Occident p.221

[8] Nous écoutons l'ensemble! L'accord splendide, l'aujourd'hui où se marient, tous les rêves et les élans de l'hier et du demain, toutes les races et tous les temps! Chaque seconde est, pour qui sait l'ouïr, la somme du chant de tous les êtres, du premier-né au dernier-mort, qui s'enroule comme un jasmin autour de la roue des âges. Et il n'est pas besoin, pour remonter le chemin des pensées des hommes, de déchiffrer les papyrus. Elles sont là, elles nous en. Tourent, les pensées d'il y a trois mille ans. Rien ne s'éteint. Ecoutez-bien!... mais écoutez avec vos oreilles. Silence aux livres! Ils parlent trop! (Romain Rolland, La Vie de Ramakrishna, p.30)

[9] «Si la création s'était vraiment faite comme le prétendent Darwin et surtout Hœckel, dit Keyserling, elle représenterait un miracle bien plus grand que celui du mythe biblique de la création.» (André Lamouche, La Destinée Humaine, page 207)

[10] La spiritualité pure impose la compréhension totale et l'amour total. (La Dignité Humaine, page 198)

… C'est… dans ce qu'il y a divine eu l'homme et non dans ce qu'il y a d'humain dans les doctrines qu'il faut chercher l'unité des religions. (Ib. 200)

[11] Le bonheur des peuples dépend en partie de l'unité de la pensée religieuse. Le monde ne croira

en la paix que le jour où les Eglises démontreront qu'elle peut exister. (L'Homme et sa Destinée, page 234)

[12] La paix doit s'établir par la transformation intérieure de l'homme et non par l'érection des structures extétieures. (L'Homme et sa Destinée, page 426)

[13] Si j'ai réussi dans ces pages à faire partager au lecteur la confiance que j'ai dans l'avenir de l'Esprit, dans la grandeur et la noblesse du rôle que l'homme est libre de choisir, si j'ai su le convaincre que la lutte pour l'existence, et l'Evolution dont il est le couronnement, continuent et que le combat n'a rien perdu de sa violence en se transposant du domaine matériel dans le domaine spirituel; si je suis parvenu à lui faire comprendre que la dignité de l'individu doit naître de l'effort qu'il fait pour s'arracher au joug de la chair et obéir aux voix intérieures, peut-être estimera-t-il que je n'ai pas en vain abusé de sa patience. (L'Avenir de l'Esprit page 306)

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | **Phần 3**: chương 1 2 3 **4**
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

Phụ lục 1
Téléfinalisme Parallèles Conséquences

Tout d'abord, résumons à nouveau l'hypothèse téléfinaliste.

Un des faits les plus indiscutables de la nature est l'évolution. Nous constatons, dans l'évolution de l'univers, plusieurs périodes qui se suivent chronologiquement mais sans continuité en ce qui concerne les lois générales qui les gouvernent. La première période est celle des corpuscules qui précèdent l'apparition des atomes constitués de ces corpuscules et des molécules constituées d'atomes. Cette seconde période est soumise à un ensemble de lois nouvelles et en particulier au Principe de Carnot-Clausius qui impose un sens unique à l'évolution des phénomènes dans le temps. Vient ensuite 1a troisième période, celle de la vie organisée qui possède également ses lois propres et semble échapper au principe de Carnot. Enfin, paraît la quatrième période, celle de l'Homme conscient et libre dominée par les règles morales.

L'intelligence humaine qui a réussi à codifier de façon satisfaisante les deux premiers groupes, celui des corpuscules (mécanique ondulatoire) et celui des atomes et molécules (thermodyna-mique), n'a pas encore réussi à les relier l'un à l'autre sans postulat, c'est-à-dire sans émettre une hypothèse indémontrable. A l'heure actuelle ces domaines sont encore, au point de vue de notre science rationnelle, étrangement séparés. La même observation s'applique au troisième groupe – la Vie – moins bien connu que les deux premiers, obéissant à ses lois propres et dans une certaine mesure à celles du second groupe, mais sans que la continuité scientifique ait pu être établie entre les deux. Quant au quatrième groupe, celui de la pensée abstractive, des idées morales et de la volonté, il échappe à toute loi quantitative, et domine les autres.

Chronologiquement, la première période remonte à une époque qu'on estime éloignée de nous de trois milliards à dix mille milliards d'années; la seconde remonte probablement à deux ou trois milliards d'années; la troisième à un peu plus d'un milliard d'années; et la quatrième, toute récente, n'a vraisemblablement pas plus de cent mille ans.

L'évolution de l'univers se présente donc à nous comme un phénomène unique, mais composite, dont la continuité et la tendance progressive (vers des dissymétrie et des complexités de plus en plus grandes) ne sont bien démontrées que depuis l'apparition de la troisième période, l'évolution des êtres vivants. La seconde période, avant l'éclosion de la vie, évoluait au contraire vers la suppression des dissymétries, et,

de nos jours, l'inorganisé, la matière brute, continue dans ce sens. L'ensemble évoque assez bien quatre poteaux télégraphiques et hauteur et de structure différentes reliés entre eux par un fil que nous devinons intuitivement, mais que nous ne voyons réellement qu'entre le troisième et le quatrième pylône. Au delà du quatrième, nous pouvons extrapoler, mais c'est tout. Et c'est cette extrapolation – l'hypothèse téléfinaliste – qui nous permet de concevoir la signification de l'ensemble et son harmonie.

L'hypothèse téléfinaliste consiste d'abord à constater un fait indiscutable: l'apparition de la pensée humaine, des idées morales et spirituelles, et le développement spontané et indépendant de ces idées en différents points du globe terrestre. Elle refuse de voir dans ces manifestations hautement «improbables» de l'activité cérébrale le simple jeu du hasard parce que, mathématiquement, il est facile de démontrer qu'il ne peut pas en être ainsi. Or, elle pose en principe qu'une impossibilité mathématique doit être prise en considération sous peine de discréditer toute notre science.

Admettant ensuite l'évolution naturelle des êtres vivants comme un des faits les mieux établis de la science, elle remarque qu'il est peu vraisemblable que ce processus progressif ait été brusquement interrompu par la naissance de la pensée et des idées morales. Mais seule la lignée humaine n'a jamais cesse d'évoluer, les autres mammifères s'étant seulement transformés et adaptés. Or, dans l'homme, la plus grande transformation observée depuis le Cro-Magnard ancien – une trentaine de milliers d'années – est celle du cerveau. Il est donc logique de penser que l'évolution de l'homme se poursuit dorénavant par cet organe et se manifeste dans un plan qui n'est plus physique mais psychologique, par le développement et le perfectionnement des idées abstraites morales et spirituelles. Mais l'évolution des êtres vivants dans son ensemble est en contradiction absolue avec tout ce que nous apprend notre science matérielle: elle est en désaccord complet avec la thermodynamique. La raison de l'évolution n'est donc pas du domaine de notre science. Il a fallu; depuis le début de la vie, l'intervention constante d'un «anti-hasard» qui orientait cette série de phénomènes dans un sens progressif determiné, dans un sens hautement improbable qui devait aboutir au cerveau humain. Tout s'est donc passé comme si, dès l'époque de la monère originelle, non pas l'homme, mais l'intelligence, la conscience et la dignité humaine, étaient voulues. Non pas préétablies, comme l'ont soutenu quelques théories désuètes qui dès lors devenaient incapables d'expliquer certains faits de l'évolution, mais simplement voulues en tant que manifestations intermédiaires entre le passé, encore teinté d'animalité ancestrale, et l'avenir riche de promesses plus hautes.

L'outil de cette volonté est donc d'évolution en elle-même, et son but, la réalisation d'un être parfait complètement libéré de ses chaînes héréditaires, de son esclavage physiologique. Par conséquent, tout ce qui s'oppose à cette évolution dans le domaine moral et spirituel est contraire à la volonté directrice et représente le Mal absolu. Tout ce qui tend au contraire à creuser le fossé entre l'animal et l'homme, tout ce qui tend à faire évoluer celui-ci davantage, est le Bien.

Mais pour que l'homme s'affranchisse et progresse individuellement il fallait qu'il fût libre de choisir entre les deux appels: l'appel du corps et l'appel de l'esprit. La sélection naturelle, au lieu de ne dépendre que du jeu des forces physiques, depend maintenant de la conscience, cette conscience qui devient dans chacun de nous le moyen mis à notre disposition pour avancer. La liberté de conscience est la preuve que désormais l'homme est responsable, non seulement de son propre perfectionnement, mais du progrès de l'évolution tout entière. Si l'homme sort victorieux de la lutte, it acquiert la dignité humaine vers laquelle nous tendons. S'il est vaincu, s'il cède aux instincts animaux, il s'élimine lui-même de l'évolution, en prouvant qu'il n'était pas capable – pas digne de contribuer à l'effort commun. La sélection naturelle a joué.

Entre l'animal, si intelligent soit-il, et l'homme doué de conscience et libre, il y a une différence comparable à celle qui existe entre une protéine chimiquement pure et la vie organisée. Les lois de la matière inerte sont insuffisantes dès que la vie apparaît. Il est aussi anti-scientifique de vouloir assimiler l'homme aux animaux, sous prétexte qu'il est biologiquement construit de manière semblable, que de prétendre que les lois de l'osmose pour des membranes mortes s'appliquent à la perméabilité des cellules vivantes. Nous rencontrons là le troisième fossé que la science n'a pas encore pu franchir, et qui, lui, est peut-être à jamais infranchissable.

Il y a lieu d'établir la même distinction entre la forme humaine, l'animal supérieur, et l'homme doué de conscience, qu'entre un instrument de musique et la symphonie qu'en tire un artiste. L'instrument fut conçu, construit et perfectionné dans le seul but de permettre un jour à l'artiste de matérialiser son inspiration musicale. La forme humaine, réceptacle du cerveau dont la perfection dépendait en partie de la perfection anatomique – mains, œil, organes de la parôle – se présente à nous comme un moyen qui doit dorénavant s'asservir à la volonté, aux idées morales, comme l'instrument de musique doit s'asservir à la volonté de l'artiste et s'effacer dans le rayonnement de son génie. Pour exprimer une mélodie, un compositeur a besoin d'un orchestre constitué d'un grand nombre d'instruments divers. L'harmonie du monde, qui n'est pas à notre échelle, se dégage de l'effort multiforme, mais orienté dans le même sens, de la masse des hommes, C'est l'harmonie qui est voulue, non l'outil, et le culte de l'outil révèle simplement l'incapacité de percevoir l'harmonie.

C'est donc ce qu'il y a de plus rare en l'homme, ce qui le caractérise spécifiquement et le différencie de l'animal, qui a été la vraie raison de l'évolution. C'est pas l'évolution encore que se caractère doit s'améliorer et atteindre un état de perfection à peine concevable, mais deviné intuivement et si puissamment senti que des êtres ont préféré le martyre de leur corps à la souillure de leur idéal. Le devoir le plus haut de chaque homme est de contribuer à cette nouvelle phase de l'évolution. Ce faisant, sa vie prend une signification universelle. Il devient un maillon d'une chaine; non plus un élément irresponsable, obéissant aveuglément à des impulsions hormonales physico-chimiques, mais un élément conscient, libre à tout moment de régresser et de disparaître ou de progresser et de contribuer à l'œuvre divine dont parle Renan. Toute la noblesse de l'homme dérive de cette liberté refusée aux animaux. De cela seul il serait excusable de s'enorgueillir de tout le reste...

Le sort de l'évolution aussi bien que le sort de chaque homme dépend de l'intensité, de la sincérité et de la continuité de l'effort qu'il fait pour se dégager de la gangue animale, pour se surpasser. Cet effort constitue sa profession de foi. Il implique la foi en l'avenir de l'esprit, en la dignité humaine, en Dieu qui la voulut.

Quelles sont les conséquences directes de cette façon d'envisager l'évolution? On peut, pour plus de clarté, les diviser en trois classes:

1e – Philosophiques,

2è – Humaines et sociales,

3è – Pratiques et morales.

Conséquences philosophiques

La première est la transformation des idées morales en faits assimilables à des faits scientifiques puisque elles se trouvent rattachées à l'évolution et représentent des caractère nouveaux comparables aux caractères anatomiques et physiologiques qui, jusque-là, permettaient seuls de mesurer le progrès.

Il en résulte une notion d'unité universelle, satisfaisante par l'homogénéité qu'elle introduit dans le monde accessible à l'intelligence humaine. Nous avons montré ailleurs que l'unification, c'est-à-dire l'interprétation des phénomènes complexes au moyen d'éléments communs simples, constitue la méthode naturelle et générale de travail de l'intelligence rationnelle. Le domaine psychique, moral et spirituel se trouve donc incorporé au domaine scientifique, et la science rejoint enfin cette autre activité intellectuelle, purement basée sur l'intuition, qui aboutit aux religions. Les religions étaient arrivées il y a plusieurs milliers d'années aux conclusions pratiques auxquelles nous aboutissons logiquement, ce qui prouve qu'à certains points de vue les processus rationnels sont étrangement plus lents que les processus intuitifs.

Il importe maintenant que les efforts rationnels et intuitifs se confondent; ceci impose d'abord un élargissement de la science, mais aussi une épuration des religions, car elles doivent se débarrasser de tout ce qui demeure de pollution païenne dans leurs rites. Non pas brutalement, certes, mais progressivement. Il est bien certain que le dogme chrétien pur est aujourd'hui aussi inassimilable par la foule que la théorie de la relativité. Mais la foule peut se passer de la notion de relativité, tandis qu'elle ne peut se passer de religion et l'on ne doit pas lui permettre indéfinement de se reposer sur une religion qui prend sa source dans une idolâtrie anthropomorphique et est incapable d'entraîner une profonde amélioration morale. L'existence de deux religions, ésotérique et exotérique, est admissible à condition que la forme exotérique respecte la pureté et la rigueur de la tradition ésotérique et ne tolère pas, par faiblesse, des pratiques susceptibles de jeter le discrédit sur le Dogme.

Je reconnais que le problème est extrêmement délicat et difficile. Ce n'est pas une raison pour le contourner. Rappelons-nous ce qu'écrivait Renan: «Si jamais le culte de Jésus s'affaiblit dans le monde, ce sera à cause des faits qui ont fait croire en lui.» Il ne faut pas que la poursuite de la quantité fasse perdre de vue la qualité; il ne faut pas que le désir de s'étendre en surface et de gagner un nombre immense de fidèles fasse oublier que le but suprême est l'amélioration morale de l'individu par l'effort personnel sincère et éclairé, non l'obédience plus ou moins superstitieuse à des rites extérieurs considérés comme une assurance gratuite contre les malheurs éventuels.

Notre époque est une époque de transition et, comme telle, douloureure pour certains êtres qui souffrent d'avoir a s'adapter Un enfant s'adapte instantanément. Un homme âgé en est parfois incapable. Ceci est vrai dans tous les domaines, aussi bien biologique que social, industriel, intellectuel ou religieux. Et la souffrance est la même, qu'il s'agisse d'une révolution morale importante ou d'un fait trivial: le vieux cocher a souffert de l'arrivée des automobiles, toutes proportions gardées, comme le païen convaincu a souffert du christianisme naissant.

C'est donc par l'enfant qu'il faut commencer. Et ceci impose naturellement la formation préalable des maîtres. Cette préparation constitue le noeud du problème et, pour la France en particulier, il est bien clair que l'instituteur laïque, prosélyte d'une foi matérialiste périmée au point de vue scientifique; à de rares exceptions près, représente un danger qui s'est déjà matérialisé plusieurs fois. Il faut donc, sous peine de désastre, que l'instituteur reçoive une instruction scientifique moderne, solide, débarrassée de toute influence étrangère à la raison. Si nous devons former les générations futures rationnellement, nous sommes en droit d'exiger que ce rationnalisme soit totalement rationnel, conforme a l'état actuel de nos connaissances et non pas inspiré par une science vieille de cinquante ans. La rationnalisme ne doit pas être un pavilion qui couvre une marchandise, un domino sous lequel se dissimule une mystique politique. Ce n'est pas une philosophie, c'est une méthode de travail. Son prestige est emprunté à celui de la science. Il n'est rien sans elle.

Si l'on ne fait pas un effort dans ce sens, on verra reparaître, mais cette fois-ci dans le camp soi-disant rationnel, ces vieux ennemis de la raison et de la liberté, l'intolérance et le fanatisme, contre lesquels le rationnalisme s'était précisément révolté. Le fait s'est déjà produit. Les conséquences sentimentales, bonnes ou mauvaises, des idées, ont malheureusement beaucoup plus l'influence sur l'homme que les idées elles-mêmes. L'idée, ou plus exactement le mot qui la représente, devient rapidement un cri de ralliement, un symbole, vidé de toute signification; et l'effort de réaction légitime déclenché par des excès, qui obtient au début un résultat excellent, est incapable au bout de peu de temps, d'empêcher la nature humaine de retomber dans la même ornière et de commettre les mêmes excès, au nom de principes directement opposés aux premiers.

C'est la nature humaine, non la religion, qui avait enfanté intolérance et fanatisme. Car le prétexte importe peu. Les réaction de la foule sont toujours les mêmes, quelle que soit l'excitation, dès qu'une occasion se présente et qu'on la persuade que son autorité, ses intérêts ou sa mystique sont menacés. Le prisonnier rêve de mettre son geôlier en prison, mais il le fera au nom de la Liberté, au lieu de le faire au nom de la Loi. C'est la règle du jeu et le jeu continuera et les mêmes enthousiasmes, les mêmes vociférations accueilleront successivement, avec la même sincérité momentanée, la Loi et la Liberté, tant que ces deux mots n'évoqueront, au fond de chaque homme, que les bénéfices immédiats qu'ils entraînent, non les grandes idées qu'ils représentent et le devoirs qu'ils imposent. En d'autre termes, tant que ces idées – et bien d'autres – ne seront pas greffées sur un sens profond de la dignité humaine.

On me rapportait récemment qu'une institutrice primaire de Champagne enseignait à ses élèves une morale basée sur cette affirmation: «Ton corps est à toi.» Je n'insiste pas sur les conséquences lamentables d'un tel credo et des commentaires qu'on peut deviner. L'infernale astuce de pareilles formules est qu'elles sont vraies et que le venin gît, non pas en elles-mêmes, mais dans leur fausse interprétation. Oui, «ton corps est a toi» mais c'est précisément pour cela que c'est lui qui doit t'obéir et non pas toi qui dois to faire son esclave. La même phrase, à la lumière de la morale chrétienne, prend un sens diamétralement opposé.

Une autre conséquence philosophique du téléfinalisme est la dissociation du corps et de l'esprit, dissociation considérée, non plus comme un acte de foi, mais comme un fait scientifique puisque dorénavant c'est l'esprit, non le corps qui évolue.

Entendons-nous bien. Il ne s'agit pas d'une dissociation au sens où l'entendaient les «animistes» de jadis. Il n'est pas question de faire de l'âme une entité indépendante du corps et l'habitant. Scientifiquement cette attitude est indéfendable. Mais, d'autre part, l'attitude purement mécaniste, moniste, nous l'avons montré dans notre précédent ouvrage, n'est soutenable qu'en tant que profession de foi, ce qui est également antiscientifique. La question est donc extrêmement épineuse et nous sommes à peu près certains de nous faire traiter sévèrement, quoi que nous disions. Il en est toujours ainsi quand on manque de points d'appui expérimentaux. Cependant, ce problème, insoluble dans l'état actuel de nos connaissances, ne laisse pas d'évoquer d'autres problèmes également mytérieux aujourd'hui, mais si familiers que nous croyons les connaître. L'habitude, disait Montaigne, ôte l'étrangeté. Nous sommes donc peut-être autorisés à les rappeler dans l'espoir que la dissociation dont nous parlons paraîtra moins révoltante à ceux de nos lecteurs que leur culture scientifique a conduits à une notion un peu trop simple du principe de causalité.

Je veux parler du vieux problème de la qualité. Par exemple, prenons les propriétés des ions, des atomes et des molécules. Nous sommes incapables de prévoir qualitativement les réactions resultant de

contact entre les atomes (ou les ions) et nos terminaisons nerveuses, réactions qui s'épanouissent dans notre conscience sous forme d'image de l'univers. Notre cerveau traduit ces réactions en impressions – tactiles, gustatives, olfactives – et crée des propriétés qu'aucune théorie ne permet de prévoir, et qu'aucun appareil ne peut mesurer. Les ions en solution, par exemple, sont doués par rapport à l'homme, de propriétés différentes de celles des atomes et des molécules. L'ion chlore et l'ion sodium dans une solution aqueuse de sel de cuisine, ne se comportent pas vis-à-vis de notre langue comme la molécule de chlore toxique et la molécule de sodium corrosive. Ces propriétés possèdent-elles un sens réel en dehors de la présence de l'homme, existent-elles en soi? Nous n'en savons rien. En tous cas, elles constituent toute notre activité. Rien n'annonce les qualités de l'eau ordinaire dans les qualités de l'hydrogène et de l'oxygène qui la composent. De la combinaison chimique et de la simple dissolution émergent donc des propriétés nouvelles; on en trouve d'autres exemples frappants dans l'immunologie.

Sans voir dans les lignes précédentes autre chose qu'un parallèle lointain, it semble que nous soyons autorisés à penser que des solutions de continuité analogues, bien que plus profondes et de nature différente, séparent le corps humain de la pensée et la pensée de la conscience, tout en reconnaissant que ces deux manifestations sont des attributs du cerveau. Or, comme nous l'avons dit précédemment, c'est bien le cerveau qui se perfectionne matériellement. Mais il est parvenu au point ou son activité se manifeste sur un plan supérieur, par des faits psychologiques qui sont perçus directement, alors que les modifications structurales qui leur servent de support nous sont entièrement inaccessibles et ne pourraient d'ailleurs jamais être perçues qu'indirectement par l'intermédiaire des sens. Nous ne pouvons plus agir systématiquement sur son évolution, qui se révèle par des idées pures, des désirs, des aspirations capables de dominer complètement le corps, que par l'intermédiaire d'actions du même ordre, par des actions psychologiques, par la volonté.

Certes, nous pouvons agir sur le mécanisme de la pensée humaine chimiquement (hormones, stupéfiants) ou mécaniquement (ablation chirurgicale de glandes endocrines) mais jamais de façon systématique, progressive. Nous pouvons réparer des accidents (crétinisme combattu par l'injection de thyroïde); nous pouvons détraquer la machine, ou la remettre à peu près en état de fonctionner; mais nous ne pouvons pas la perfectionner, sinon en employant des procédés empruntés à elle-même. Nous nous trouvons en face d'un phénomène autonome dont les rouages ressortissent encore aux lois de la matière vivante, mais dont l'activité est soumise à d'autres disciplines dérivées de cette activité même, et directement dépendantes des lois transcendantes de l'évolution. Il est bien évident que ces remarques et ces analogies laissent subsister en entier le grand problème de l'origine de toutes choses qui n'est plus du domaine de la science, mais dont la science seule permet de concevoir l'impressionnante grandeur.

A partir du moment nous acceptons cette dissociation, sous la forme hypothétique que nous avons essayé de lui donner ou sous toute autre forme, l'élément subjectif, psychique devient prépondérant. Une sorte d'autocatalyse est amorcée. Les formes extérieures de la foi, la devotion, les rites, les manifestations du culte, passent au second plan: le temple intérieur prend la première place; la sincérité, la volonté de se surpasser moralement pour jouer son rôle dans l'œuvre divine, la conscience de la dignité humaine et de tout ce qu'elle exige, quel que soit le nom qu'on donne au Créateur, sont des actes de foi plus efficaces que la fidélité aux offices.

Entendons-nous encore. Je ne prétends nullement que cet effort individuel soit suffisant, mais il est nécessaire. Soutenir le contraire serait admettre que l'homme peut, par sa volonté seule, atteindre l'état supérieur vers lequel tend l'évolution. Ce serait inadmissible, inconcevable, car, il deviendrait ainsi tout d'un coup l'auteur d'une évolution qui existait avant lui. Il ne peut qu'y collaborer. De même que, malgré

les prodiges de l'adaptation, il a fallu, pour assurer la marche sans cesse ascendante de l'évolution, l'intervention constante, physique, de l'«anti-hasard», de même, au cours de l'évolution psychique, il faut cette intervention pour sélectionner et fixer les caractères transmis. Comme le mécanisme n'est plus identique et que la lente acquisition des caractères nouveaux par le jeu du hasard, des mutations, de l'adaptation, de la sélection naturelle, est remplacé par l'effort individuel et la tradition, comme ce nouveau processus est infiniment plus rapide, l'intervention est de nature différente et se manifeste plus économiquement, c'est-à-dire avec moins de pertes, moins de gâchage, pourrait-on dire. Au fur et à mesure que les êtres vivants évoluaient, le nombre d'abord immense des solutions possibles, c'est-à-dire le nombre des formes avantagées capables d'évoluer encore dans le sens voulu, diminuait, de même que dans un championnat, le nombre d'abord considérable des concurrents s'amenuise peu à peu au cours des épreuves éliminatoires, jusqu'aux «demifinales». Les centaines de milliers d'œufs nécessaires tant que toutes les formes devaient être «essayées», se réduisent chez les mammifères, rameau évoluant choisi parmi tous, à un nombre très limité de rejetons. Chez l'homme, dans le plan psychique et psychologique tout se passe comme si tous les caractères acquis étaient héréditaires grâce à la tradition et à la civilisation. Le temps prend une valeur à l'échelle humaine.

Chose extrêmement curieuse, le téléfinalisme recoupe ici la pensée bouddhique moderne, comme on peut s'en rendre compte par le passage suivant, extrait des écrits d'un grand penseur hindou, Shri Aurobindo.

«L'homme vit surtout en surface, mais il y a en lui un être intérieur plein des plus grandes possibilités et qu'il se doit aujourd'hui d'éveiller – car son influence actuelle quoique très réduite, ne l'en poussera pas moins à la constante poursuite d'une beauté, d'une harmonie, d'une puissance et d'une connaissance plus hautes.

«Tandis que les premières étapes de l'évolution étaient acceptées sans volonté consciente par la plante et l'animal, dans l'homme la Nature devient capable d'évoluer par une volonté consciente dans l'être. Ce n'est cependant pas par la volonté mentale dans l'homme que ceci peut être pleinement réalisé, car il est seulement permis au mental d'aller jusqu'à un certain point au delà duquel it ne peut que se mouvoir en cercle. Une conversion doit se produire, une modification de la conscience, par laquelle le mental se transforme en un principe plus élevé.»

Un disciple de Shri Aurobindo, Anilbaran Roy exposant les idées de son maître, écrit:

«L'homme peut devenir un surhomme, non pas en vertu d'un effort ou d'un sâdhana qu'il accomplit, mais seulement losque se complète le cours de l'évolution propre à la nature. De même que l'homme a évolué à partir de l'animal, de même surhomme évoluera à partir de l'homme. La seule différence est que les animaux ne prirent aucune part consciente à leur évolution, mais furent poussés par une impulsion subconsciente. Dans l'homme, la nature s'est élevée à la conscience de soi, et l'étape suivante dans l'évolution se fera avec la coopération consciente de l'homme... C'est la nature elle-même qui conduit l'homme dans son ascension; toutes les disciplines morales et spirituelles du passé ont, de diverses manières, préparé la race pour cette montée finale... Ce que l'homme doit fournir, c'est sa foi, sa foi dans les divines possibilités or dans la puissance qui est à l'œuvre derrière lui, sa sincérité à rejeter tous les mouvements inférieurs de la nature qui font obstacle à la réalisation divine, et enfin une aspiration fixe et sans défaillance.»

Ces lignes, dont je n'ai eu connaissance qu'après la publication de l'Avenir de l'Esprit, révèlent une parenté d'idées extraordinaire avec le téléfinalisme. Exprimées de façon plus littéraire, plus poétique,

moins technique, elles apportent une preuve frappante du développement convergent de certains concepts qui, issus indépendamment de prémisses différentes, chez des hommmes n'ayant aucun contact entre eux, ont abouti à des conclusions identiques. Cette similarité étonnante nous paraît renforcer singulièrement notre thèse. Nous sommes convaincus que, dans notre monde occidental, le langage scientifique est mieux adapté à la forme des esprits et possède un ton plus convaincant que le yoga. Mais aux Indes, il n'en est pas ainsi. En France, la récente floraison d'ouvrages sur le finalisme (en 1914) bien que moins nettement constructive, est significative elle aussi et représente la réaction, dans les milieux intellectuels, contre une philosophie dont Monsieur Homais restera toujours le grand maître et le symbole.

Conséquences humaines et sociales

Chaque homme doit tendre à se rapprocher, dans la mesure de ses moyens, de l'idéal humain le plus parfait – c'est-à-dire pour nous, le Christ – non seulement dans le but égoïste d'atteindre la paix de l'âme, le bonheur intérieur et l'immortalité par intégration à l'œuvre divine, mais dans le but de contribuer à cette ouvre, de préparer l'avènement de la race supérieure promise par l'évolution.

Par conséquent cette théorie crée entre sous les hommes un lien nouveau, une solidarité profonde, universelle, dégagée de toute préoccupation personnelle et même nationale. Tous doivent contribuer à la tâche commune de l'humanité, et, le but individuel se confondant avec le but général, l'effort demandé à chacun ne constitue plus un sacrifice, mais, pourrait-on presque dire, un placement. Cette confusion de l'intérêt individuel et de l'intérêt général ne peut se réaliser que dans in plan spirituel. Elle a depuis longtemps préoccupé les sociologues et a toujours échoué parse qu'il ne recherchaient que la communauté d'intérêts matériels. Les morales socialistes ont toujours fait preuve d'une pauvreté d'imagination déplorable. Non seulement, elles négligeaient complètement la psychologie humaine et son infinie richesse, mais elles ne préconisaient jamais que des adaptations, des modifications de systèmes existants, en respectant toujours la notion dangereuse de groupe politique, qui finit inévitablement par aboutir à des conflits économiques et à des guerres. C'est le sort de toute morale teintée de matérialisme. Le monde a été témoin de bien des expériences de ce genre, non seulement récemment, mais a toutes les époques. Seuls, semble-t-il, les Incas avaient réussi à édifier un système social, potilique et religieux stable, parent du communisme. Encore ne dure-t-il pas longtemps, et le fanatisme inhumain des conquérants espagnols combiné à l'amour de l'or, n'eut aucune peine à l'écraser. En 1820, un des premiers essais pratiques de communisme intégral, sinon le premier, fut fait aux Etats-Unis, pour «lutter contre la source de tout mal en abolissant l'argent et la propriété particulière !» Les intentions de l'initiateur de cette idée, Robert Owen, étaient pures mais naïves. Il croyait en l'influence moralisatrice d'un certain régime social. Suivi par quelques centaines de braves gens, il fonda une ville qu'on appela: New Harmony. En moins de trois ans, cette ville fut déchirée par des conflits, des haines, des batailles qui aboutireent à une faillite complète. Toute tentative de ce genre est vouée à l'insuccès: c'est un peu comme si un chimiste espérait changer la nature d'une réaction en modifiant la forme des vases où elle s'effectue.

La source de tout mal est dans la substance même de l'homme. Pour extirper ses racines, il faut neutraliser les instincts hérités de ses ancêtres hominidés, et les remplacer par le sens de la dignité humaine. Ce n'est pas facile car l'homme ordinaire sait bien, ou devine, que ce titre flatteur d'homme conscient se paye par des restrictions à l'activité de ses sens, dont il derive souvent toutes ses joies. Il réagit un peu comme un simple soldat auquel on viendrait offrir les étoiles de général et qui refuserait en réfléchissant qu'il ne pourrait plus courir les bars et les bals musette avec sa petite amie.

C'est parce qu'elles savent cela et qu'elles possèdent une connaissance profonde de la nature humaine que les religions ont inventé un enfer qui a un peu perdu de sa terreur aujourd'hui. Mais la religion catholique elle-même n'a pas toujours obtenu les résultats les plus moraux; Philippe d'Espagne, fervent chrétien, se demandait à l'heure de sa mort, si les quelques revers qui avaient accompagné la fin de sa vie n'étaient pas dûs à ce qu'il n'avait pas fait brûler assez d'hérétiques. Qu'aurait répondu le Christ si la question lui eût été posée?

Une autre conséquence humaine et sociale du téléfinalisme est la nécessité absolue de la liberté. La liberté fut le critérium de l'évolution, depuis la monère originelle. C'est vers elle que tend le développement de la personnalité de l'homme, vers un affranchissement toujours plus grand. Elle est à la fois un but et un outil; un but parce l'homme doit un jour se libérer de ses entraves charnelles – la religion bouddhique insiste particulièrement sur ce point –; un outil, parce qu'à moins d'être libre de choisir entre le bien et le mal, l'homme ne peut plus s'améliorer par l'intérieur, profondément.

Conséquences pratiques morales

La plus importante est pent-être le retour aux principes fondamentaux du Christianisme et la nécessité de la lutte contre les superstitions qui s'infiltrent dans la doctrine et menacent son avenir. Nous avons montré (chap. VII) comment cette symbiose s'était installée et comment les efforts de l' Eglise avaient été paralysées par la multiplicité et la ténacité des légendes païnnes dont les origines remontent à une haute antiquité. Nous avons vu pourquoi l'Eglise avait été forcée de tolérer certaines pratiques idolâtres profondément enracinées, estimant plus sage de les assimiler en les christianisant plutôt que de les rejeter entièrement, ce qui aurait écarté un nombre immense de fidèles. On ne peut la blâmer, d'autant moins que ces légendes, ces cultes locaux, ces vénérations et tout ce fétichisme touchant, s'ils sont condamnables absolument, n'en sont pas moins l'expression balbutiante du besoin humain d'idéal, la manifestation de cette religiosité fondamentale qui se matérialise de n'importe quelle manière aussitôt que l'homme n'est pas heureux.

Car il faut l'inquiétude, la souffrance, la peur, pour que l'homme s'humanise vraiement et que se libèrent en lui les aspirations spirituelles. C'est en cela que la douleur est féconde, c'est en cela que les superstitions sont respectables. Mais elles ne le sont que dans leur forme la plus simple, la plus puérile. Elles deviennent redoutables quand, cessant de n'être qu'amour et confiance, elles s'accompagnent d'intolérance et de fanatisme. Aucune religion ne peut espérer triompher si elle tolère ces deux cancers qui ne sont autres que la forme que prennent les moins nobles tendances de l'homme, la cruauté, l'orgueil, la haine, l'hypocrisie, quand on leur donne un prétexte pour se manifester impunément.

Les religions chrétiennes en ont souffert comme les autres. En Espagne, ce furent les horreurs de la «sainte» Inquisition catholique. En Amérique protestante, ce furent les tragédies de Salem, où, à la fin du XVII siècle (1692) dix-sept sorciers et sorcières furent pendus en une année. Giles Corey, un noble vieillard de quatre-vingt-un ans, refusa de plaider coupable de sorcellerie et fut écrasé jusqu'à ce que mort s'ensuive par l'accumulation de poids sur la poitrine: « heavy weights being piled on his naked body until he suffocated.» Pendant cette terreur, on exécuta plus de deux cents personnes et deux chiens... Je demande à nouveau: qu'en eût pensé le Christ?

Il y a deux cent cinquante ans de cela, dira-t-on; mais c'était au nom du même Dieu, du même Livre. Aujourd'hui, le Livre est interprété différemment, mais le fanatisme et l'intolérance ne sont pas morts; alors, puisqu'une simple différence d'intetprétation a entraîné la martyre de centaines, peut-être de milliers d'innocents, pourquoi aujourd'hui ne pas interpréter scientifiquement, pourquoi ne pas opposer aux

problèmes actuels une religion respectueuse de l'Evangile et tenant compte de l'avancement de connaissance humaine?

On m'objectera peut-être que le chrétien sincère n'a pas besoin d'autre livre que l'Evangile. Mon expérience m'a appris que beaucoup de croyants souffrent profondément des contradictions imaginaires entre leur foi sentimentale et leur raison ou leur science. Il faut les éclairer, et puisque le langage symbolique des Ecritures ne correspond plus aux besoins de l'heure présente, il faut, quand cela est possible, exprimer les mêmes idées au moyen du seul langage capable aujour'hui d'entraîner la conviction, parce qu'il a fait ses preuves et qu'il correspond aux acquisitions et au développement intellectuels de notre époque, le langage scientifique. La science nous permet de prédire le mouvement des astres et d'asservir ceux des atomes; elle épargne la souffrance et sauve des vies humaines; elle nous révèle l'infinie complexité de la nature et la grandeur vertigineuse de l'évolution; enfin elle est indépendante des passions et nous accule à la nécessité de l'idée de Dieu.

La nature entière se révèle à nous comme un système en état de transformation continuelle. L'Eglise a été contrainte de la reconnaître en acceptant successivement le système de Copernic et l'évolution. Elle a ainsi admis, au XIX siècle, l'impréciston de la Bible et la possibilité de son adaptation aux faits scientifiques bien établis. Il n'y a donc pas de conflit avec l'othodoxie à demander qu'on tienne compte des progrès dûs à la lente conquête de l'univers par l'intelligence.

Heureux, certes, celui qui possède la Foi inébranlable du charbonnier et dont la vie est modelée par les préceptes de l'Evangile, celui qui ignore ce conflit intérieur dont on devine l'existence même chez des prêtres. Mais cet homme pur et fort est-il très repandu? Je ne le crois pas. S'il l'était, comment expliquer les tragédies, les crimes, grands et petits, les combats, les laideurs qui nous entourent et que certains refusent de voir de peur d'être obligés d'avouer la faillite? Le spectacle que nous offre l'humanité en moyenne, à de belles exceptions près, est navrant. Si nous essayons de comprendre, nous nous trouvons devant un dilemme.

Ou bien la Foi révélée est plus fréquente qu'on ne pense, mais alors, si nous en jugeons d'après notre expérience, sa valeur en tant qu'outil d'amélioration de l'individu et des foules est médiocre. (Car il faut juger d'après les résultats; les gestes de la Foi, l'assiduité aux offices, la dévotion, même sincère, ne signifient rien si l'homme ne conforme pas sa vie à l'idéal chrétien).

Ou bien nous admettons, au contraire, que la Foi est peu répandue; et quand on considère la force, le nombre, le prestige des Eglises, c'est la preuve que les sermons, la Catéchisme et l'Evangile ont perdu leur force convaincante et que par conséquent on doit envisager l'exploitation d'autres voies d'accès au cœur, à l'inteiligence et à la conscience de l'homme.

J'ignore laquelle des deux hypothèses est correcte. Dans l'un ou l'autre cas, it semble qu'on ne puisse élever aucune objection à toute tentative basée sur l'utilisation du capital intellectuel accumulé par l'homme au cours de siècles pour renforcer les notions inées et intuitives les plus hautes. Il importe surtout de faire régner la bonne foi et de renverser les barrières de papier mâché peintes en fer qui séparent encore, hélas ! un grand nombre d'hommes honnêtes et pleins de bonne volonté, stérilisant leurs efforts au moment où, plus que jamais, it serait nécessaire de coordonner leurs forces pour préparer l'avenir.

L'hypothèse que j'ai proposée ne doit être considérée que comme un essai dans ce sens. Qu'on l'accepte ou qu'on la critique, elle aura néanmoins montré que le code moral humain pouvait être rattaché intelligiblement à une certaine notion finaliste de l'évolution; et, sans finalisme, l'évolution est incompréhensible. Si cet essai n'en suggère pas d'autres, si ma voix s'amortit sans écho, ce sera

l'indication que les temps ne sont pas mûrs pour une réconciliation du rationnel et de l'irrationnel, que l'homme a besoin d'évoluer encore et peut-être de souffrir davantage avant de comprendre qu'avec les meilleures intentions du monde, il travaille constamment contre lui-même et est, autant qu'au XVII siècle, victime des «idoles» de François Bacon.

Tout le monde est d'accord pour souhaiter une amélioration morale de l'humanité, mais les athées et certains esprits religieux s'en rapportent entièrement à la Providence, à cette différence près que les athées lui donnent le nom de hasard. Je m'excuse de ce rapprochement qui m'est inspiré par la conséquence indentique des deux attitudes, à savoir la futilité de l'effort individuel. L'élément religieux auquel je fais allusion condamne a priori tout essai rationnel d'approche des problèmes fondamentaux irrationnels, dans un splendide orgueil qui serait peut-être admirable s'il était plus humain, mais n'est, dans son intransigeancc médiévale, qu'inquiétant. L'élément athée s'en rapporte uniquement à des solutions extérieures, sociales, qui, immanquablement, conduisent à des dictatures, ou, ce qui vient au même, à des organisations copiées sur les sociétés d'insectes. L'élément simplement agnostique, constitué d'intellectuels qui vivent confortablement, sinon luxueusement, de leur science souvent réelle, ou de leur talent, n'éprouvant pas le besoin de croire, ne comprend pas, faute d'imagination, pourquoi d'autres pensent différemment. Il n'y a pas beaucoup d'athées ou d'agnostiques sur un bâteau hôpital torpillé, dans un camp de prisonniers au Japon, ou dans un camp de concentration en Allemagne. Sous la menace de la mort ou de la torture, a-t-on dit, les facultés de l'intelligence s'atténuent et l'homme revient aux superstitions ancestrales... Soit, mais si le pouvotr de raisonner sainement est le privilège de l'homme qui a ses pieds sur les chenêts, dans un intérieur paisible, nous devons alors tenir compte du jugement de la majorité des grands hommes qui ont construit notre science, notre philosophie, et étaient croyants. J'avoue que l'orgueil d'un savant qui, sans être sûr de laisser la moindre trace dans l'histoire des sciences, décide qu'un Faraday, un Maxwell, un Ampère ou un Pasteur, lui était intellectuellement inférieur, me paraît atteindre les limites du paradoxe.

La science a évolué, dira-t-on encore. Ils ne possédaient pas les éléments que nous possédons aujourd'hui: j'ai écrit tout un livre – le premier de cette série – pour démontrer que les notions nouvelles acquises depuis une vingtaine d'années, au lieu de renforcer la thèse matérialiste l'avaient rendue scientifiquement insoutenable.

Ainsi, dans les deux cas, celui du fanatique religieux et celui de l'incroyant, nous rencontrons la même faiblesse humaine, l'orgueil, et la même erreur de jugement qui consiste à négliger ou à nier une moitié de l'activité psychique de l'homme. En combinant ces facteurs, ii ne reste plus rien.

Dependant, dans la nature nous voyons l'effort partout. Pourquoi son action génératriee ou préservatrice se serait-elle arrêtée à l'homme? Pourquoi l'activité nouvelle et spécifiquement humaine de l'intelligence abstractive aurait-elle été donnée (ceci pour répondre aux extrémistes religieux) si elle n'avait pas dû jouer un rôle? Le conflit humain tel que nous l'avons défini, qui oppose lee aspirations irrationnelles de l'homme aux instincts ancestraux et exige la coopération de toutes les facultés cérébrales, confère un sens à l'effort intellectuel sans lui imposer d'orientation ni de limite. Si j'étais prêtre, j'aurais trop d'admiration et de respect pour l'œuvre de Dieu pour me permettre de discriminer entre les différences formes que peut emprunter la pensée de sa créature. N'est-ce-pas la l'idée fondamentale de saint Thomas?

Un fait indéniable existe: le désir de l'effort, le désir de lutter pour atteindre un degré supérieur. Que sommes-nous pour décider qu'il n'existe qu'un chemin vers la Vérité et que tout effort intellectuel est

condamné? Pouvons-nous prévoir quel sera le résultat de la suppression de l'effort? Nous savons qu'il est à la base de toutes les grandes œuvres, de toute la beauté et de toute la dignité humaine; dans le désert de notre ignorance, cette certitude s'élève comme un phare; n'est-t-il pas dangereux et impie de le condamner?

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 **2** 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

Phụ lục 2

PRÉFACE

Depuis longtemps, avant même l'institution en 1958 des deux Prix littéraires TINH VIET portant le nom des deux grands savants viêtnamiens et français: PETRUS TRƯƠNG VINH KY pour le roman et PIERRE LECOMTE DU NOÜY pour l'essai ou la critique, notre Groupe s'est particulièrement intéressé au Téléfinalisme de ce dernier, hypothèse qui pourrait à notre avis, servir d'intermédiaire et de réconciliatrice entre les religions traditionnelles et la science moderne.

En effet, le Téléfinalisme, se basant sur l'évolution et sur les récentes découvertes paléontologiques, physico-chimiques et mathématiques, se donne pour tâche soit de démontrer, soit de soutenir les principales propositions suivantes:

1/ L'apparition de la vie et des êtres vivants, mathématiquement parlant, ne saurait être due au hasard.

2/ L'évolution des êtres vivants, orientée telle qu'elle est, ne peut être d'un pur hasard.

3/ Au contraire, l'origine des êtres vivants comme le sens de l'évolution nous forcent à reconnaître l'existence d'un Anti-hasard, autrement dit, de Dieu.

4/ L'évolution continue de nos jours, non plus sur le plan physiologique et anatomique mais sur le plan spirituel et moral.

5/ L'évolution aboutira à l'avènement de la conscience supérieure, avant-garde d'une race pure et spirituelle, autrement dit, à l'avènement de l'Esprit, mais seulement dans un avenir encore très lointain.

6/ En conséquence, tous les efforts individuels et collectifs relevant des organisations religieuses et sociales doivent avoir en vue cette «téléfin», couronnement de l'humanité et de l'évolution.

7/ En somme, l'humanité doit progresser vers un idéal très noble et très élevé, vers une religion pure, intérieure et universelle.

8/ Cette vraie religion, cet idéal préexistent cependant déjà à l'état latent aux tréfonds de nos âmes. C'est ce qu'on pourrait appeler «étincelle divine», «inspiration unique», «inspiration mystérieuse» ou «identité originelle» actuellement «étouffée sous les apports des siècles» …

9/ Cela étant, nous n'avons qu'à développer les facultés et les valeurs qui existent déjà à l'état latent en nous, à faire briller et irradier intensément l'étincelle divine qui couve déjà en nous, et ce faisant, collaborer à l'œuvre transcendante de Dieu.

Le Téléfinalisme part des théories et des découvertes scientifiques pour about it aux valeurs morales et spirituelles universelles.

Se servant donc des sciences comme tremplin, il s'élance de plus en plus vers les hautes sphères morales et religieuses…

Voulant diffuser la doctrine de Lecomte du Noüy au Viêtnam, notre Groupe littéraire TINH VIET a édité une version en langue viêtnamienne de L'Homme et Sa Destinée, mais il faut reconnaître que cette traduction n'a pas encore pu mettre suffisamment en relief les traits caractéristiques et les connexions internes de la théorie téléfinaliste.

Ce qui revient à dire que jusqu'ici la théorie téléfinaliste de Lecomte du Noüy n'a pas encore été systématiquement creusée, étudiée, simplifiée, commentée, en somme, pas encore rendue vivante et réellement assimilable au public viêtnamien.

Par ailleurs, Lecomte du Noüy a écrit non pas un livre mais quatre livres concernant le Téléfinalisme, à savoir:

- L'Homme devant la science

- L'Avenir l'Esprit

- La dignité humaine

- L'Homme et sa destinée

De con côté, Madame Mary Lecomte du Noüy, collaborarice et veuve du savant, a aussi un livre intitulé «Lecomte du Noüy: De l'agnosticisme à la foi» décrivant les diverses étapes de la vie de son mari, ses états d'âme ainsi que les motifs qui l'ont poussé à concevoir le Téléfinalisme.

Pour toutes ces raisons, j'ai toujours souhaité qu'un membre de notre Groupe ou un écrivain de talent écrira un livre en viêtnamien résumant la vie et l'œuvre de Lecomte du Noüy et exposant clairement l'hypothèse téléfinaliste, livre profond et bien documenté au point de vue littéraire, livre à la portée du public moyen, mais gardant néanmoins un caractère profond et noble, cachet de tout travail scientifique et philosophique sérieux.

Aussi, l'année dernière, me suis-je adressé au Docteur NGUYỄN VĂN THỌ à qui j'avais l'honneur de remettre, au nom de notre Groupe littéraire TINH VIET et pour la 1ère fois de PRIX LECOMTE DU NOÜY en 1961, en lui demandant de mener à bonne fin cette tâche difficile.

Le Docteur NGUYỄN VĂN THỌ a accepté, sachant d'avance les énormes difficultés qui l'attendront mais pensant que son travail pourrait rendre de grands services, surtout à la jeune génération intellectuelle du Viêtnam.

Et c'est ainsi qu'après des mois de dur travail: lecture, médition, documentation, élaboration, son ouvrage est enfin achevé. Il comporte 3 parties:

La 1ère partie nous met en présence du contexte historique, avec une esquisse des grands courants d'idées en vogue au XIXème et au XXème siècle, tout en brossant à grands traits la vie de Lecomte du Noüy avec ses divers travaux littéraires, scientifiques et philosophiques.

La 2è partie traite le Téléfinalisme et se subdivise en 4 chapitres:

Chapitre I: Points de vue de Lecomte du Noüy concernant la science.

Chapitre II: Exposé de l'évolution.

Chapitre III: Hypothèse téléfinaliste.

Chapitre IV: Conséquences de l'hypothèse téléfinaliste.

La 3ème partie concerne les commentaires et la confrontation des idées de Lecomte du Noüy avec celles de grands philosophes de tous les temps et avec certaines théories actuellement en vogue.

C'est donc un admirable exploit de la part de l'auteur que de pouvoir résumer dans les limites de quelques centaines de pages les grands courants d'idées scientifiques et philosophiques du XIXème et au XXème siècle, présenter le téléfinalisme sous ses différents aspects, en faire une étude serrée et un commentaire judicieux, rendre les pensées de Lecomte du Noüy lumineuses grâce à leur mis en parallèle avec celles des grands penseurs de tous les temps.

Puisse ce livre «LECOMTE DU NOÜY ET LE TÉLÉFINALISME» contribuer grandement à l'embellissement de l'édifice littéraire du Viêtnam, et frayer pour la jeune génération intellectuelle viêtnamienne le chemin de la pensée et de la vie intérieure.

Saigon, le 29 Juin 1967

PHẠM ĐÌNH TÂN

Président du Groupe Littéraire TINH VIỆT

oOo

LETTRE DE Mme MARY LECOMTE DU NOÜY

Monsieur PHẠM ĐÌNH TÂN

Président du Groupe Littéraire TINH VIỆT

290/11 Boulevard Công Lý

SAIGON

Cher Monsieur et Ami,

Je vous suis infiniment reconnaissante d'avoir demandé au Docteur NGUYỄN VĂN THỌ de rédiger un livre sur «LECOMTE DU NOÜY ET LE TÉLÉFINALISME» et je vous prie d'être mon interprète auprès de lui pour le remercier d'avoir acquitté cette tâche difficile si brillamment. Etant lui-même un savant et un philosophe distingué, le Dr THỌ a su admirablement exposer non seulement l'œuvre et la vie de mon mari mais les anciennes théories scientifiques, philosophiques et religieuses et leur influence sur la pensée moderne ainsi que les divergences et les ressemblances entre différents penseurs et Lecomte du Noüy.

La jeunesse d'aujourd'hui qui recherche une raison à la vie et un idéal devrai être passionément interessée par ce livre qui met bien en valeur l'idée fondamentale de Lecomte du Noüy, à savoir que le but de l'évolution est le développement spirituel de l'homme mais qu'elle ne peut arriver à ses fins sans sa coopération. Ceci donne une raison d'être à là vie de chaque individu indépendamment de sa situation et de ses dons, car il sait qu'il peut soit aider ou entraver le grand plan de Dieu par la façon don't il réagit et agit.

Comme j'ai pu le constater moi-même au cours de mes différents voyages au Vietnam, l'activité culturelle du Groupe Littéraire TINH VIET est d'une haute et grande portée à tous les points de vue. Ce n'était pas chose facile à réaliser, surtout dans un pays en guerre depuis tant d'années, mais vous avez persisté et réussi malgré tous les obstacles et c'est un réconfort et une inspiration pour tour ceux qui ont à cœur le développement de l'esprit.

Personnellement je voudrais vous remercier ainsi que vos collaborateurs de tout ce que vous avez fait pour la dissémination et la compréhension des idées de mon mari, et j'espère que votre projet de tenir une journée Lecomte du Noüy au Vietnam pour commémorer le 20e anniversaire de la mort de mon mari en Septembre 1967 pourra se réaliser: Pendant le Colloque tenu à Paris à cette occasion, les discours sur la vie et l'œuvre de Lecomte du Noüy ont été suivis par des conférences et des discussions sur les données actuelles de l'évolution, du finalisme et de la religion. Un Séminar dans le même but se tiendra en Octobre à l'Université de Notre Dame aux Etats Unis.

Avec mes vœux pour que le livre du Dr THỌ remporte le succès qu'il mérite, et pour la continuation et le succès toujours grandissants de votre œuvre, je vous prie de croire, cher Monsieur et Ami, à mes sentiments de reconnaissance, d'admiration et de profonde affection.

Mary Lecomte du Noüy

Etretat 7-9-1967

oOo

INDEX DÉTAILLÉ
Des différents chapitres du livre
LECOMTE DU NOÜY
Et le Téléfinalisme

Première Partie
LE CONTEXTE HISTORIQUE
LECOMTE DU NOÜY: SA VIE ET SON ŒUVRE

CHAPITRE I (p.35)

- La civilisation actuelle et ses problèmes

- La désarroi du monde moderne.

- Recherche d'une solution pour la crise actuelle.

- Solution proposée par Lecomte du Noüy

CHAPITRE II (p.43)

Les grands courants d'idées du XIXè et du XXè siècle.

Article 1 (p.44)

Le XIXè siècle. – Caractéristiques:

- Grandes découvertes scientifiques et réalisations industrielles.

- Matérialisme.

- Mécanicisme.

- Rationalisme.

- Positivisme.

- Déterminisme.

- Evolutionnisme.

- Scientisme.

Article II (p.62)

Le XXè siècle. – Caractéristiques:

- Les grandes decouvertes:

Radioactivité

Fission nucléaire

- Foi en science ébranlée

- Science menacée dans ses fondements.

- Théorie de la relativité

- Principe d'indéterminisme d'Heisenberg

- Théorie de complémentarité de Louis de Broglie

- Points de vue de Henri Poincaré et du cercle de Vienne.

- Remis en question des grandes théories scientifiques, révision des notions de base mathématiques et physiques.

- Scepticisme des savants à l'égard même de la science.

- Nouvelle épistémologie du XXè siècle.

CHAPITRE III (p. 85)

- Vie de Lecomte du Noüy

- Son marriage – Mme Mary Lecomte du Noüy, son épouse, sa collaboratrice et l'apôtre de ses idées.

- Influence de Taine, de Renan, d'Heisenberg et de Ch. Guye.

- Œuvres philosophiques de Lecomte du Noüy

CHAPITRE IV (p. 104)

Article I (p. 104)

- Analyse et résumé des livres philosophiques de Lecomte du Noüy

a- L'Homme devant la science

b- L'Avenir l'Esprit

c- La dignité humaine

d- L'Homme et sa destinée

Article II (p. 111)

Présentation des idées maîtresses de Lecomte du Noüy

- Evolution téléfinalisée

- Evolution morphologique et biologique mutée en évolution morale et spirituelle depuis l'avènement de l'homme

- Téléfin de l'évolution: l'avènement de l'Esprit

- Valeur de l'effort et de la liberté au point de vue téléfinaliste.

- Nécessité d'une entente entre science et religion

- Vers une universalisation future.

Deuxième Partie

LE TÉLÉFINALISME

CHAPITRE I (p. 136)

Critique de la connaissance.

Article I (p. 136)

- Valeur relative de la science comme moyen d'investigation et de connaissance.

Article II (p. 145)

- Les limites de la science:

a) Le hasard est incapable d'expliquer l'apparition de la vie (p. 145)

Démonstration mathématique basée sur le calcul des probabilités.

b) Le principe de Carnot - Clausius est mis en défaut par les phénomènes biologiques (p. 149)

La statistique que Gibbs-Boltzmann ne peut s'appliquer aux phénomènes vitaux (p. 156)

e) Les lois physico-chimiques ne cadrent pas entièrement avec les phénomènes biologiques (p. 162)

Article III (p. 168)

L'hypothèse d'un Anti-Hasard – autrement dit – de Dieu est toujours valable au point de vue scientifique.

CHAPITRE II (p. 174)

Expose de l'évolution.

1. Diverses theories relatives à la genèse du système solaire (p. 175)

2. Diverses méthodes d'évaluation de l'âge de l'univers et de la terre (p. 176)

3. L'évolution inorganique (p. 179)

4. L'évolution des êtres vivants (p. 181)

- Origine et étapes successives de l'évolution (p. 181)

- Problèmes posés par l'évolution (p. 189)

- Insuffisance de nos moyens actuels d'investigation (p. 200)

- Les grandes théories évolutionnistes (p. 205)

Bilan général de l'évolution selon Caullery et Lecomte du Noüy (p. 206)

CHAPITRE III (p. 213)

L'hypothèse téléfinaliste.

Article I (p. 214)

Considérations générales,

Postulats et hypothèses de Lecomte du Noüy

a) Nécessité d'un Anti-Hasard

b) Evolution orientée

c) Evolution interiorisée, évolution psychique, morale et spirituelle amorcée depuis l'avènenent de l'Homme

d) Téléfin de l'évolution : l'avènenent de l'Esprit.

Article II (p. 217)

L'évolution supose l'intervention d'une intelligence suprême d'un Anti-Hasard.

Article III (223)

L'évolution est orientée, téléfinalisée.

Article IV (p. 232)

- L'évolution continue, depuis l'avènement des hommes, sur le plan moral et spirituel.

- Preuves archéologiques : Les gestes inutiles des Hommes fossiles.

- Confrontation biblique : 2è chapitre de la Genèsc.

Article V (p. 239)

Téléfin de l'évolution : l'avènenent de l'Esprit.

- Les formes transitionnelles.

- Divers arguments en faveur de l'hypothèse téléfinaliste.

Article VI (p. 243)

Hypothèse téléfinaliste telle qu'elle est présentée par Lecomte du Noüy dans:

- L'avenir de l'Esprit

- La Dignité humaine

- L'homme et sa destinée.

CHAPITRE IV (p. 255)

Conséquences de l'Hypothèse téléfinaliste

Article I (p. 256)

1. Téléfinalisme appliqué à la morale.

- Nécessité de la lutte contre l'animalité en l'homme

- La dignité humaine doit s'obtenir de haute lutte.

2. Evolution et téléfinalisme appliqués a l'étude de la religion :

- Superstition et vraie religion.

- Différents emprunts du christanisme aux religions préexistantes.

- Religion extérieure et religion intérieure.

3. Téléfinalité et vie en société

- Primauté de l'individu.

- Role secondaire et auxiliaire des diverses organisations religieuses politiques et sociales.

Article II (p. 275)

Conséquences du téléfinalisme telles qu'elle sont exposées par Lecomte du Noüy dans la Dignité humaine (p. 275).

I. Conséquences philosophiques (p. 275)

a) Intégration du domaine psychique, moral, et spirituel au domaine scientifique.

b) Dissociation du corps et de l'esprit.

II. Conséquences humaines et sociales (p. 285)

a) Nécessité de se rapprocher continuellement de l'ideal humain.

b) Nécessité d'une amélioration interieure

c) Nécessité de la liberté individuelle.

III. Conséquences pratiques, morales (p. 289)

a) Nécessité d'un retour aux principes fondamentaux du christianisme.

b) Nécessité d'une collaboration entre religion et science pour le service des hommes.

c) Primauté de l'effort.

Troisième Partie

APPRÉCIATION

COMMENTAIRES ET CRITIQUE

CHAPITRE I (p. 299)

Réflexions sur la vie et les pensées de Lecomte du Noüy

Article I (p. 300)

Réflexions sur sa vie.

- Sa probité morale

- Son amour de l'idéal

- Son amour de l'indépendance.

- Son amour de l'universel

Opinions de Yves Laroquer, de Millikan et d'un pasteur concernant l'Homme et sa destinée.

Article II (p. 308)

Réflexions sur ses pensées

a) Résumé de ses idées et croyances.

Croyance

- en Dieu

- en un univers gouverné par des Lois éternelles et immuables.

- en une évolution aboutissant l'avènement de l'Esprit.

- en l'élément divin latent dans les hommes, source du beau, du bien et du sentiment religieux.

Croyance

- en une religion essentielle, «unique, dont les multiples manifestations actuelles ne sont que des variations et des adaptations géographiques et historiques

- en une paix future et universelle possible, basée non sur les concordats et les traités mais sur une amélioration morale des hommes et une compréhension mutuelle.

b) Etude comparative des idées maîtresses de Lecomte du Noüy et celles des grands hommes anciens et modernes.

— le hasard et la vie avec les deux conceptions adverses:

a) Celle de François Redi.

de Spallanzani

de Pasteur

de Lecomte du Noüy
de Charles Guye

b) et celles d'Oparin

de Harold Urey

de L. Miller.

— Le parousie humaine professée par Lecomte du Noüy confrontée (p. 315).

avec les vues de :

- Billy Graham (détracteur du progrès indéfini).

- d'Isaïe (Is. 65 ; 17-25)

- de Jérémie (Jer. 31 ; 31-34)

- de Saint Paul (Romains 8 ; 18, 18-23) (Corinthiens I ; 15 ; 44-49)

— La religion intérieure préconisée par Lecomte du Noüy à la lumière des enseignements évangéliques et scripturaires (p. 324)

(Luc. 17 ; 20, 21)

Deutéronome 30 ; 11-14

Mat. 15 ; 8-9.

Isaïe 29, 1:3

Ps. 78, 3 a

Amos 5 ; 21-25

Isaïe 1 ; 11-16

Osée 8 ; 11.13

Galates 4 ; 10-11

— Les appréciations de Daniel Rops concernant les idées de Lecomte du Noüy (p. 327)

— Les idées de Lecomte du Noüy confrontées avec

- l'esprit du Vatican II.

- la teneur de la lettre du cardinal Ottaviani et celle de Mgr Lefèbre (p. 329)

— Attitude de Lecomte du Noüy a l'égard de Jésus Christ comparée à celle de Kohong à l'égard de Lao-Tzeu et à celle de Romain Rolland à l'égard de Ramakrishna (p. 331)

— La religion intérieure de Lecomte du Noüy et la profession do foi de :

- Bodhidarma

- des maîtres taoïstes

- des grands philosophes confucianistes (p. 332-338).

— Le primauté de l'effort préconisée par Leconte du Noüy et les assertions similaires du Tchoung Young (p. 339)

— La notion de paix réalisée au paix d'une amélioration morale des citoyens et les points de vue analogues de la «Haute Etude» (p. 339)

— La destinée humaine et le point de vue de Victor Hugo (p. 341)

— Les deux lens évolutifs du cosmos, ou les deux évolutions opposées et complémentaires du cosmos entrevus par Lecomte du Noüy et professés par le Yi-King (p. 345).

Sens de l'esprit du Ho-t'ou (↑ ↓)

Sens de la matière du Lo-chou (↓ ↑)

— La conception tripartite de l'homme et l'avènement de l'esprit à la lumière des différentes religions. (p. 345)

CHAPITRE II

Critique de l'Evolution (p. 353)

Article I (p. 354)

Les victoires de l'évolutionnisme

1. Son extension malgré les procès (Procès de John Thomas Scopes ; Procès de Susan Epperson) (p. 355)

et les oppositions ecclésiastiques (un exemple : Conflit de l'évêque Wilberforce et de Huxley) (p. 355)

2. Les revirements doctrinaux de l'Eglise.

- Encyclique de Pie .XII en Août 1950

- Encyclique Providentissimus Deus de Léon XIII

- Décision de la commission biblique du 30-6-1909

3. Le concordisme dans l'exégèse (p. 357)

4. Les temps géologiques contre les temps bibliques (p. 360)

5. Nouvelles hypothèses sur les orgines de l'homme et du berceau de l'humanité.

Les hommes fossiles (p. 361)

Les peintures préhistoriques. (p. 362)

6. L'influence de l'évolutionnisme en politique

- Le lamarkisme et les marxistes.

- Le darwinisme et les politiciens occidentaux (p. 364-365)

7. La reconnaissance de l'évolutionnisme par la quasiunanimité des savants (p. 366)

Article II (p. 367)

Les points faibles de l'évolutionnisme.

1. Critique de transformisme.

- Manque de lien au point de vue paléontologique

- Absence de formes de transition.

- Confusion entre succession et filiation, entre évolution et transformisme.

2. Critique du postulat transformiste de 1a monogénèse (p. 371)

- Absence de formes de transition.

- Possibilités très limitées des mutations.

- Préformation absolue et complète dans l'être originel inadmissible.

3. Critique de la théorie de l'héridité des caractères acquis (p. 372)

— Partisans de la théorie

- Lamarck

- Darwin

- Herbert Spencer

- Lecomte du Noüy

(Expérience de Kellog de Bell, d'Arnole Pictet et de Fischer)

— Adversaires de la théorie

- Jean Rostand

- Wallace

- Weismann

- De Vries

— La plupart des génétistes modernes.

(Une modification acquise par le soma ne peut être transmise et incorporée au germen)

(Il est exagéré de soutenir que tout est acquis, rien n'est inné.

On se demande si la fonction crée l'organe ou au contraire si l'organe ne préexiste pas à la fonction)

Donc problème très litigieux.

4. Critique de la théorie darwinienne: La sélection naturelle et la lutte pour la vie (p. 376)

- La sélection naturelle est incapable de donner naissance à de nouveaux caractères.

- La lutte pour la vie est compensée par le nombre des naissances, le mimétisme, l'entraide el l'amour.

5. Critique de mutationnisme (p. 381)

- La majorité des mutations sont tératologiques ou léthales.

- Le mutationnisme n'explique pas l'orientation de l'évolution.

6. Les divisions interne, ou conflits entre partisans des diverses théories évolutionuistes (p. 382)

7. Erreurs et fraudes (p. 383)

a) Le Bathybius Hœckel (p. 383)

b) L'affaire de Dawson et l'homme de Piltdown (p. 384)

c) L'affaire du Dr. Dubois et le Pithécanthrope de Java (p. 361)

d) Les falsifications diagrammatiques de Hœckel (p. 384)

e) La fraude de Paul Kammerer (p. 385)

8. I.a vulgarisation simpliste de l'évolutionnisme dans les manuels scolaires (p. 385)

Article III (p. 388)

Bilan général de l'évolutionnisme.

1. Points forts: Remise à l'ordre du jour des grands problèmes métaphysiques:

- Le devenir universel

- L'origine commune des êtres

- Contribution énorme aux progrès des sciences.

2. Points faibles (p. 389)

- Omission volontaire de tous les facteurs psychiques, sprituels et inapparents.

- Négation de toute finalité.

3. Réactions diverses (p. 390)

a) Finalité soutenue par Charles Richet, L. Cuénot, Dognon

b) L'importance des facteurs psychiques entrevue par Lamarck, remise en honneur par Schopenhauer, et Teilhard de Chardin.

c) Rappel des points de vue de Saint Paul et des grands mystiques orientaux.

4. Constations et conclusions (p. 397)

a) Attitudes diverses des savants:

Acceptance de la théorie avec arrière-pensée philosophique (esprit anti-clérical ou anti-religieux, but politique)

- Rejet :

Louis Vialleton

Jean Serviers

Paul Lemoine

- Acceptance sous réserve de modifications doctrinales importantes.

Lecomte du Noüy

Teilhard de Chardin

b) Conclusions :

- L'Evolution n'est qu'une simple hypothèse (N. Albessard - Encyclopédie Planète)

- Elle est jusqu'à présent d'origine intuitive et métaphysique plutôt que scientifique (Lecomte du Noüy)

CHAPITRE III (p. 407)

Commentaires et critique de la théorie téléfinaliste

1. Divergences entre la théorie téléfinalistede Lecomte du Noüy et :

a) Les différentes théories évolutionnistes classiques (p. 408)

b) Le finalisme de :

- Cuvier

- Lamarck

- Von Nageli

- Kolliker (p. 408)

c) Les croyances eschatologiques chrétiennes (p. 409)

2. Solidité de la théorie au point de vue logique et structurale (p. 409)

3. Untilité de la théorie comme médiatrice entre science et religion (p. 410)

4. Auto-critique de la théorie par Lecomte du Noüy

5. Quelques critiques : (p. 413)

- Le téléfinalisme élude les grands problèmes métaphysiqucs, tels que les problèmes de l'Etre.

- L'hypothèse téléfinaliste est ambiguë dans sa conception du corps et de l'esprit. Tantôt elle considère l'âme, non comme une entité indépendante du corps mais comme une manifestation des activités physioco-chimiques et biologiques sur un plan différent, le plan psychologique, tantôt elle fait allusion à «un être nouveau» qui s'élève dans l'homme, qui «habite» les cœurs (p. 416)

- Tantôt, elle nie toute préformation, tantôt elle soutient la préxistence du bien dans 1'enfant (p. 417)

- Elle soutient, par écrit, que les cerveaux exceptionnels ne dépendent pas des conditions géographiques et raciales, alors qu'elle implique, dans son diagramme à la fin du livre «La Dignité humaine», que seule la race blanche est appelée à évoluer (p. 417)

- Elle soutient que le but final est l'avènement de l'Esprit, mais se montre réservée et passe sous silence les relatiens entre cet Esprit et Dieu, à l'encontre de Renan et de Teilhard (p, 418-419)

6) Confrontation de la théorie téléfinaliste avec les grandes conceptions métaphysiques, scientifiques, et religieuses à savoir:

a) La création ex-nihilo et successive des êtres vivants par Dieu (p. 422)

b) L'évolutionnisme classique aver l'apparition fortuite de la vie et dérivation des êtres d'une souche

élémentaire commune grâce aux mécanismes naturels (adaptation, sélection naturelle, mutations etc... (p. 425)

e) La création par différentiation du Logos, ou dérivation des êtres d'un Principe cosmique commun ou l'Alpha. (p. 420)

- Devenir universel et cyclique.

- La perfection finale, ou relour a 1'origine ou l'Oméga

(Cette conception peut être considérée comme commune à toutes les mystiques occidentales et orientales, qu'elles soient stoïcienne, paulinienne johannique, brahmanique, bouddhique, taoïste, confucianiste (Yi-King), hébraïque (cabballe) ou occultiste)

CONCLUSION

La théorie téléfinialiste peut servir de médiatrice entre les différentes conceptions métaphysiques, scientifiques et religieuses (p. 437)

CHAPITRE IV

Conclusions générales

A. L'Evolution et le devenir universel chez les Orientaux

a) Conceptions populaires et littéraires du devenir et de l'évolution avec les histoires fantastiques des esprits aux formes humaines (p. 440)

b) Conception religieuse du devenir et de l'évolution aver la métempsycose hindoue et bouddhique (p. 440)

c) Conceptions métaphysiques et philosophiques du devenir avec le Yi-King (p. 410)

B. Modalités de l'évolulion et du devenir selon les Orientaux (p. 441)

a) Devenir des formes :

- La transformisme et l'influence du milieu dans les écrits taoïstes de Lie-tzeu (3è siècle avant Jésus Christ.

b) Devenir des âmes (p. 441) — La métempsycose.

c) Devenir de 1'Esprit, les divers êtres étant alors considérés comme les modalités particulières d'une Existence unique.

La hiérarchie des êtres se juge alors par les divers degrés de latence ou de manifestation de l'Esprit (Véda, Upanishad, poésie confucianiste (p. 442)

C. Appréciation générale

Le théorie scientifique de l'évolution peut être vraie ou fausse. En tous les cas, elle est une hypothèse très féconde (p. 445)

D. Contributions de Lecomte du Noüy (p. 445)

- Mise à jour du sens de l'évolution embrassant la totalité des temps.

- Mise à jour du but de l'évolution qui sera l'avènement de l'Esprit.

- Proposition des moyens efficaces pour préparer cet avènement.

E. Conclusions (p. 447)

Théorie très riche, très élevée, très profitable pour l'individu et pour la société.

Elle peut contribuer efficacement à l'humanisation et à la sanctification des hommes.

oOo

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 **2** 3 | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 **3** | Sách tham khảo
chương trước chương sau

Presentation of the Book
LECOMTE DU NOÜY and TELEFINALISM

Excellencies,

Ladies,

Gentlemen,

It is a great honour for me to speak before this honorable audience in order to present my book: Lecomte du Noüy and Telefinalism, recently published by VĂN ĐÀN.

Logically, it would not have been necessary to present this book because, once published, it falls, already, under your direct appreciaton and criticism. Likewise, it would not have been very convenient for me to speak about it today because, it would be in bad taste to comment about one's own book, - «the self being hateful», according to Pascal.

Nevertheless, today, confident in your benevolence, I venture to present it to you, so that I can express my feelings, my views, and my aims at the time of its composition, thus making it easier for your appreciation.

LECOMTE DU NOÜY'S LIFE

Lecomte du Noüy is the man of the 19th and 20th centuries. He was born on the 12th December 1883 at Paris amidst changing world, characterized by many technical and scientific discoveries.

His father was an architect, his mother, a writer.

Intelligent, gifted, but delicate and frequently sick during his childhood and his adolescence, Lecomte du Noüy was obliged to interrupt his studies for his health. Therefore, he had his Master in Law only at 24 and his Ph.D. in Law at 27.

Private secretary of Aristide Briand, then Minister of Justice, dramatist, at the same time actor, Lecomte du Noüy was served by fortune since the beginning of his career.

On December 2nd, then 28 years old, he married Miss Jeanne Double. He wanted, then, nothing. Honor, money, love, situation, everything was available to him.

During these 15 years, Lecomte du Noüy devoted himself litterally to sciences, attended many scientific conferences, discovered many phenomena pertaining to blood serum, invented many

instruments of measure (such as tensiometer, viscometer, ionometer for biological studies, delivered many sicentific speeches, wrote 167 scientific communications, and four scientific books.

During his youth Lecomte du Noüy was influenced by Renan's and Taine's ideas, and like many of his contemporaries, he lived like an atheist and materialist.

He shared the opinion of his time, according to which:

- Science would solve finally all the problems.

- Man could know all the events past and future by calculus, as Laplace sustained in his principle of determinism.

- Physico-chemical laws would suffice to explain all the world phenomena… Knowledge, for instance, would come from sensations, and in last analysis, could be reduced to movements of molecules.

The apparition of living animals would have been due to hazard.

The evolution of animals could be explained by natural mechanism such as natural selection, sudden mutation, etc. without having to appeal to God's hypothesis.

But when he has attained maturity, i.e. when he had passed beyond 40 years, he had a spiritual conversion.

Again he believed in God, again he took into consideration moral and spiritual values. Here were the main causes which had determined his conversions.

- After ripe thoughts, Lecomte du Noüy realized that science and materialism did not suffice to explain reality.

- After long years of biological experimentations, Lecomte du Noüy saw that living matters did not obey completely to physico-chemical laws, and that therefore physico-chemical laws could not explain by themselves alone all the phenomena in the world in opposition materialistic propaganda.

- Science like man, its author could not know everything. Human knowledge had a limit as Heisenberg had shown in 1927, in his Principle of Indeterminism.

- On the other hand, as Prof. Charles Eugène Guye had demonstrated it by the calculus of probabilities, the apparition of living animals could not have been the result of hazard. Lecomte du Noüy, made all the calculi again, and came to same conclusions.

All these facts concurred to prove him the falsity of his past views.

But Lecomte du Noüy was not satisfied for little. He wanted to progress further.

He began to love philosophy. And afterwards, as he would like to write philosophical books based upon scientific data, he deemed it necessary to enlarge first scientific knowledge.

Therefore in 1913, at the age of 30, he inscribed himself to «La Sorbonne» to attend courses and practical works in physics and chemistry.

He had the good chance to have, for professors, the most brilliant French scientists such as Lippmann, Appell, Pierre Curie and Marie Curie.

In 1914, drafted as lieutenant, Lecomte du Noüy fortunately met Dr. Alexis Carrel, the director of a military hospital established at Compiègne, and soon became the collaborator of this famed scientist.

In 1917, he presented, at the University of Paris, his thesis for Ph.D. in Science, the title of which was Experimental Research of Measuring and Calculating Methods to a Biological Phenomenon: the

Cicatrisation.

In 1920, he was invited by Dr. Carrel to work at the Rockefeller Institute of New York. His departure for that city, so important for his future scientific career, has nevertheless not his wife's approbation.

He embarked in January 1920 and a divorce was brought against him the next year in spite of a son Phillip, born on November 14. 1917, then four years old.

Since his arrival at New York, he devoted himself completely to scientific research. Thanks to his continuous efforts and hard work, he became, soon, a true scientist and bilologist.

In 1921, in New York, he met by chance Mary Bishop Harriman at a party organized by Henri Caro Delvaille, a French painter.

The meeting was the prelude of an idyllic love. They had similar tastes and distastes, the same longing for ideal, the same desire to better themselves, to realize a pure and true love, a good and ideal life.

Their marriage was celebrated on the 13th of March 1923.

Mrs. Mary Lecomte du Noüy soon became Lecomte du Noüy's qualified collaborator during 25 years of life, and a zealous continuator of the scientist's works after his death, in 1947.

Lecomte du Noüy worked seven years at Rockefeller Institute in New York and 8 years at Pasteur Intitute in Paris.

He decided, then, to proceed seriously to a critic of knowledge and to a revision of scientific possibilities. These investigations showed him the relative value of science and its practical reach.

He examined also critically all the socialist doctrines and totalitarian systems, and considered the consequences of their applications in the daily life.

He realized that, although these doctrines would have contributed to the material welfare of people, they suppressed, in reality, human liberty, plundered man of his dignity and reduced him to slavery.

The most typical proof was furniched by the barbaric and inhuman conduct of the Nazis.

He noted, also, that many sicentists, for sentimental and political reasons, had hastily concluded that science could prove God's non-existence.

He was afraid to see how much the abandonment of religious beliefs had destroyed the morality and the spiritual joy of the human genus.

He was more and more convinced that without «God's hypothesis» one could not explain the apparition of life nor the oriented evolution of living animals.

Thus, his belief in God became more and more confirmed, not in an anthropomorphic God, but rather in a transcendant and ineffable one. However, he realized the necessity for defending man's essential spiritual and religious values by using the arguments of science itself to oppose the pseudo-scientific precepts of a generation dedicated to the cult of technology.

At the same time, he foresaw that human destiny would be fufilled, in spite of all the vicissitudes of time and history. His vision of human destiny was influenced by that of Renan, who had believed that mankind would ultimately progress to a far superior state. He thereafter, decided to author books which would proclaim his new-found faith, explain his ideas, and show man a new way, give him a new hope for a better life.

From 1938 to his death in 1947, he concentrated on elaborating the theory of telefinalism, encompassing the concepts of God, evolution, moral and spiritual values, and human destiny. In futherance of this, he wrote four books :

- The Road to Reason (Longmans Green and Co, N.Y. 1948).

- L'Avenir de l'Esprit (The Future of the Spirit)

- La Dignité Humaine (Human dignity)

- Human Destiny (Longmans Green and Co, N.Y. 1947).

At the end of 1946, doctors discovered that Lecomte du Noüy has kidney cancer. Surgical correction and radiotherapy were tried, but in vain. On December 21, 1947 after many months of illness, he requested champagne and proposed a toast to his beloved wife and his friends. He then fell into a coma and died the next day at the age of 64. Some days before his death, he returned to Catholocism, the religion of his childhood and received the last sacraments of his faith.

In reviewing his life, we see that he himself progressed steadily along the road of spiritual evolution. He started as a writer, and dramatist, became a scientist and finally, a philosopher, a thinker, an ardent believer in spiritual truth, and even a guide to humanity. His life exemplified Pasteur's favourite principles:

1. A love of ideals.

2. Continuous effort.

3. Disinterested research for truth and immediate rejection of false views.

He had followed the Moslem saying, «At your birth, you cried and everyone around you laughed; behave yourself so that, at your death, you may smile and everyone cry.»

As befits all great men, he strove to live according to the principles which he developped in telefinalism. Concerning her husband's life, Mary Lecomte du Noüy has written:

«Lecomte du Noüy had now attained the goal towards which he had unconsciously tended for many years.»

«Starting from a pure agnosticism, he had come, thanks to his scientific works, to recognize, that science could not explain life. His study of evolution had convinced him of the existence of a Supreme Reason.»

«Life itself had taught him the necessity of moral principles and their ineffectiveness if they were not base upon faith.»

«The conviction of a benevolent Supreme Power was now firmly established im him.»

THE SUMMARY OF THE BOOK

Having acquainted you with Lecomte du Noüy's life, I return to my book. Some years ago, my friend, Mr. Phạm Đình Tân, Dean of TINH-VIET literary group, and an admirer and propagator of Lecomte du Noüy's Telefinalism in Vietnam, asked me to write a book on Lecomte du Noüy, compiling his works and presenting the telefinalism in a simplified form, thus rendering it more accessible to the Vietnamese public.

Realizing the difficulties of such a task, but also knowing the service that such a book could eventually render the Vietnamese people, I set out to accomplish it. Also, I decided to write this book because many of Lecomte du Noüy's views were very similar to the ones I expressed in my «Essay on The Eternal Center», written in 1960. Thus, after many months of formulating and writing, I am able at last to present

this book to you.

This book is not a tranlation of Lecomte du Noüy's writings. Rather, it was written to present, explain and even criticize Lecomte du Noüy's ideas and his Telefinalism. It therefore, differs completely from his works, in composition as well as in expression. I have attempted to present Lecomte du Noüy's ideas and Telefinalism, in a simple style, easily accessble to the reader. However, since the Telefinalism embraces many fields - scientific, philosophical, religious and metaphysical, the book remains, in spite of my efforts at simplification, rather difficult. That is the problem with scientific and philosophical books. Therefore, it is sometimes necessary to read a passage again and again in order to fully grasp the meaning and implications of the theory. This book, in spite of my attempt to vulgarize it, remains a scientific and philosophical one.

It refers largely to scientific, philosophical and religious writings as sources. However, to allow for easier reading, all the references have been placed in footnotes, which allows the casual reader to proceed at a faster rate, while facilitating the work of researchers.

In addition, two detailed indices, one in Vietnamese and one in French, have been used to emphasize the important concepts in the book. Anyone with a knowledge of French could, by reading only the index and the footnotes, master Lecomte du Noüy's ideas and telefinalism without having previously read his books.

The simple plan of this book consists of three parts:

I. The first part establishes the historical context and describes Lecomte du Noüy's life, his works and his main theses.

II. The second part presents the telefinalism in 4 chapters:

- Summary

- Criticism of knowledge

- Account of evolution.

- The telefinalist hypothesis

- Consequences of the Telefinalist hypothesis

III. The third part contains commentaries on and criticisms of his thoughts on evolution, telefinalism, etc. It also consists of four chapters:

A. Reflections on Lecomte du Noüy, his life, his ideas.

B. A critique of evolutionism.

C. A critical analysis of telefinalism.

D. General conclusion.

PART I

The first part of the book contains a general survey of the scientific and philosophical theories and discoveries of the 19^{th} and 20^{th} centuries. This has been included to show the real physionomy of the current civilization and how it is completely controlled by financial, material and temporal values to the detriment of moral and spiritual ones. Moreover, it helps to explain the confusion of the modern world, contaminated as it is by spiritual degenaracy. Religious crises, and impending wars.

In tracing Lecomte du Noüy's life, I have emphasized the factors which made him, initially, an atheist

and materialist sicientist, and ultimately a sincere believer in and fervent defender of moral and spiritual values.

The causes of his spiritual conversion can be summed up as follows:

- Materialism, according to his own sientific experiences, did not suffice to explain all kinds of natural phenomena.

- Human and scientific knowledge has a limit, a fact well demonstrated in 1927 by Heisenberg in his Principle of Indeterminism.

- Living cells and organisms cannot be products of chance. This was mathematically demonstrated by Prof. Charles E. Guye in 1922.

- Science cannot eliminate «God's hypothesis» as our world cannot dispense with religions.

Lecomte du Noüy's thoughts and telefinalism were presented in four of his books:

1. The Road to Reason.
2. The Future of the Spirit.
3. Human Dignity.
4. Human Destiny.

In «The Road to Reason», Lecomte du Noüy made a critical survey of science. According to him, science is not omnipotent, but has only a relative and practical value. He also proves, by the calculus of probabilities, that life cannot be a product of chance and as a corollary, that science cannot eliminate «God's hypothesis».

In «The Future of the Spirit», he introduces Telefinalism. Like Lamarck and Darwin, he believes in the evolution of living organisms, but he has gone a step further by proving that evolution continues in mankind, changing only its direction to become inner, intellectual, moral and spiritual. Furthermore, he shows that evolution will continue in the future, ultimately resulting in a pure and spiritual race, in the advent of the spirit.

This is the remote aim, the «Tele-aim» of evolution.

In Human Dignity, Lecomte du Noüy extols human dignity and defends it against the current oppression and tyranny of social institutions. According to him human dignity, far from being innate, must be earned, acquired by a continuous struggle against man's animal instincts, the «endocrine slavery».

In Human Destiny, Lecomte du Noüy consolidates and systematizes the main ideas advanced in the three preceding books, urging mankind to ignite the divine spark concealed in him and to aid evolution to realize human destiny, human perfection.

PART II

The second part of the book presents the telefinalism in four chapters:

1. Criticism of knowledge.
2. Account of evolution.
3. The Telefinalist Hypothesis.
4. Consequenses of the Telefinalist Hypothesis.

In spite of my efforts at simplification, this part remains the most technical, and therefore the most

difficult portion of the book.

This section demonstrates that science has only a relative value, that physical and chemical laws are not sufficient explanation of natural phenomena, that life is not a product of chance, and that the hyponhesis of an «Anti-chance», God, is still valuable in science.

Although Lecomte du Noüy has given a detailed account of the evolution of animals, I have, on the other hand, presented only a summary, avoiding technical language and omitting non essential details. Evolution is a marvelous process which began approximately one billion years ago. According to Donald Culross Peattie, our most ancient ancestor would have been a form of bacteria - used in the botanist's sense rather than the bacteriologist's - the Leptothrix. From this beginning, evolution has passed through blue, and green algae, trilobites, invertebrates, crustaceans, mollusks, fishes, amphibians, reptiles, birds, and mammals, finally resulting in man.

Lecomte du Noüy's conclusions on evolution can be summarized as follows:

The evolutionary process remains mysterious in many aspects and many problems are virtually insoluble. Present methods of investigating this process are decidedly poor, and paleontological data are still insufficient. For these reasons, evolution remains in the form of hypotheses, and a scientist who writes on evolution in effect, composes an historical novel.

Following this portion of the book, I have reviewed very briefly, the classical theories which attempt to explain the mechanics of evolution, for instance, the works of Lamarck, Darwin, Weissman, and De Vries.

The Telefinalism is then explained very simply. One need only to look at the titles of the sections to grasp the main ideas of telefinalism. Here are its main features:

- Evolution implies the intervention of a supreme intelligence - the 'Anti-Chance'.

- Evolution is oriented, «telefinalized».

- Evolution continues, since the advent of man, on the moral and spiritual planes.

- The final result of evolution will be the advent of the Spirit.

In formulating Telefinalism, Lecomte du Noüy has relied on scientific data and paleontological discoveries to describle evolution from the living cell to the first animal, and from the first animal to man.

Then, he has referred to Prehistory and the Bible to demonstrate that, with man, evolution has left the anatomical and biological planes for the moral and spiritual planes.

Finally, he resorted to intuition and reason to postulate that evolution will continue far into the future, resulting in the creation of a superior race, in the advent of the Spirit.

The principles of Telefinalism necessitate as consequences:

1. The primary role of effort and necessity in drawing continuously closer to the human ideal.

2. Individual freedom.

3. A return to the basic principles of Christianity, acknowledging the Spirit.

4. The primary role of inner improvement and the secondary role of external reforms.

5. Collaboration between religion and science and among the various religions for the service of mankind.

PART III

The third part of the book is a discussion and criticism of Lecomte du Noüy's ideas, evolutionism, and telefinalism. As a critic I have endeavoured to be impartial and sincere, and have resorted to the comparative method to estimated the value of and criticize his ideas, evolutionism and telefinalism. By so doing, I believed I could aid the reader to better understand Lecomte du Noüy's ideas, and to discover the universal and eternal truths inherent in them. I have impartially treated the strong and weak points of evolutionism and telefinalism. Likewise, I have compared Lecomte du Noüy's ideas to those of some great men, past and present.

In summary, I believe that Lecomte du Noüy was a very noble and religious man; a man respectful of moral and spiritual values, but free from the bondage of conformism. He did not work, nor did he struggle for the sake of any particular religion, but tried to find the common denominator of them all. He maintained that all religions should purify themselves of acquired superstitions, correct their past mistakes, and cooperate with science to better serve humanity.

As for evolution, I think that in spite of its present vogue and its immense contribution to science and philosophy, it still has imperfections, which should be amended and perfected.

Concerning Telefinalism, I believe that it can contribute much to the advancement of humanity. It can, in fact, reconcile science and religion and make profitable use of scientific discoveries to extol moral and spiritual values. Likewise, it encourages efforts toward cooperation of all men in establishing a superior race and realizing the potential of human spirit and ideals.

Finally, I have made some personal observations concerning evolutionism and telefinalism.

I think that changes in the universe cannot be unidirectional, that is from spirit to material or from material to spirit. Rather, it proceeds from spirit to material and from material to spirit.

Any change implies either progression (evolution), or regression (involution), as the Yi-King «The Book of Change», sustained some three thousand years ago. In fact, in many ways, involution is linked with extroversion and evolution with introversion.

Science and evolutionism seem to accept only change of one direction, that is «linear change»; Lecomte du Noüy saw intuitively two directions of change, but he was reluctant to develop this observation.[1]

Besides, I feel that if one cannot discover the «Principal Being», the «Primordial Substance» of the Universe, one cannot explain evolution. In fact, the process of universal change should be operated from the One to the Multiple, and from the Multiple to the One, according to the law of cyclical revolution sustained by the Yi-king.

The great defect of evolutionism is that it is unable to determine the 'Primordial Substance', the 'Principal Being' of the Universe, and that it postulates instead, as a starter, the infinitesimal material atom, or the primordial living cell, bacteria or alga. Without the 'Principal Being', it cannot explain the spirit, the 'Whole' of the Univere.

Concerning the sense of evolution, I believe as Lecomte du Noüy, that man also evolves on the moral and spiritual planes and this will result in the advent of the spirit.

But I have tried to reconcile this view to the tripartite conception of man (spirit, soul, body) suggested by the Bible:

«Thou shalt love the Lord thy God with all thy heart, and with all thy soul, and with all thy mind.» (Mat.

22,37)

«I pray God your whole spirit and soul and body be preserved blameless unto the coming of our Lord, Jesus Christ.» (I. Thes. 5,23)

The tripartite conception of man's being has also been suggested by many oriental mystics, as is well known.

The reason is very simple: To become spirit, we should have latent in ourselves the germ of spirit; we should be potential spirits, if not, all our efforts for spiritualization should be in vain. The ancient Latin adage, «Omne ovum ex ovo» (All eggs come from an egg) finds here particular meaning.

I have also inferred that if man, one day, becomes spirit, humanity will enjoy a Golden Age predicted 3000 years ago by Jeremiah (Jer. 318, 31-34) and Isaiah (Isa, 65, 21-25), and considered realizable by many thinkers and scientists.

As Lecomte du Noüy I believe that evolution will result in the advent of the spirit, but I have added that in this paradisiac future, man will be united with God, and God will be «all for every-one (I Cor. 15,28). This is also the view of Laotse (Laotse, Tao Teh King. chapter 68) and of Teillhard de Chardin (Cf. Georges Magloire, Teillhard de Chardin, pp. 123 and 222).

In brief, I hope that in reading this critical study of telefinalism, the reader will master the thoughts of Lecomte du Noüy; will gain a more realistic and objective view of the world; will be able to discover the mysteries of the universe; will develop his latent faculties; will make radiant the 'divine spark' that now lies hidden in him; will find the sense and the meaning of life, will actively contribute to evolution; will realize their destiny; and will become a more perfect and ideal human being. These are also the hopes of Lecomte du Noüy and if they be so, I will consider myself amply rewarded.

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

[1] Personally, I am an advocate of cyclical change, as opposed linear change. In this regard, the following quotations are apropos:

«There is coincidence of the beginning and the end» (Radhakhrishnan) and:

«The process of history has come from the divine spirit, and to the divine spirit it returns»

(Radhakhrishnan) (Cf. Grace E. Cairns, Philosophy of History, p. 312)

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 **3** | Sách tham khảo
chương trước chương sau

LECOMTE DU NOÜY
VÀ HỌC THUYẾT VIỄN ĐÍCH
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | **Sách tham khảo**
chương trước chương sau

SÁCH THAM KHẢO

*** Nhan đề (Nhà xuất bản) – Tác giả / dịch giả ***

A. PHÁP VĂN

– Entre Savoir et Croire (Hermann) – Pierre Lecomte du Noüy

– L'Avenir de l'Esprit (Gallimard) – Pierre Lecomte du Noüy

– L'Homme devant la Science (Flammarion) – Pierre Lecomte du Noüy

– L'Homme et sa Destinée (La Colombe) – Pierre Lecomte du Noüy

– La Dignité Humaine (Brentano's) – Pierre Lecomte du Noüy

– Le Temps et la Vie (Gallimard) – Pierre Lecomte du Noüy

– Lecomte du Noüy, de l'Agnosticisme à la Foi (La Colombe) – Mary Lecomte du Noüy

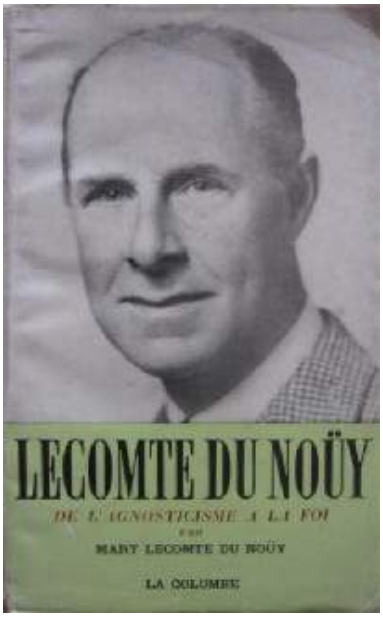

– Bergson (PUF) – André Cresson

– Concordance théocratique – Watch-tower Bible and Tract Society

– Cybernétique, Electronique Automation (Encyclopédie de l'ère atomique) – Editions René Kister

– D'où vient l'Humanité (Encyclopédie Planète) – N. Albessard

– Darwin (PUF) – André Cresson

– De l'Histoire des Sciences à l'Histoire de la Pensée – Georges Gusdorf

– De la Science à la Théologie (Essai sur Teilhard de Chardin) (DelaChaux et Niestlé) – Georges Crespy

– Dieu est-il mathématicien (Ed. Astra) – Georges Barbarin

– Du Temps, de l'Espace et des Hommes (Seuil) – J.E. Charon

– En Chine, L'étoile contre la Croix (Casterman) – François Dufery P.E.P

– En marge de Curie, de Carnot et d'Einstein (Etienne Chiron Editeur) – Louis Rogier

– Encyclopédie des Citations – P. Dupré

– Etudes psychologiques de C.G. Jung à J. Krishnamurti (Edition «Etre Libre» Bruxelles) – Râm Linssen

– Hécraclite et la Philosophie (Les éditions de minuit) – Kostas Axelos

– Histoire de la Science (Librarie Arthème Fayard) – Pierre Rousseau

– Histoire de la Science (Payot) – W. Dampier (traduction de René Sudre)

– Histoire de la Terre des origines jusqu'à l'homme (Marabout) – I.M. Van Der Vierk

– Histoire des Croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine des origines jusqu'à nos jours – Léon Wieger

– Histoire géologique de la Biosphère (Masson et Cie) – H. Termier et G. Termier

– Idées pour la philosophie de l'Histoire de l'Humanité (Aubier, Editions Montaigne) – Herder

– La Bible de Jérusalem

– La Connaissance de l'Univers (Seuil) – J.E. Charon

– La Destinée Humaine (Flammarion) – André Lamouche

– La Paix avec Dieu – Billy Graham

– La Religion essentielle (Paris, Maisoneuse) – Illan de Casa Fuerte

– La Sainte Bible – Crampon

– La Sainte Bible (texte latin) Tome I – Genèse (Letouzey et Ané) – Louis Pirot, Albert Clamer

– La Science contemporaine, Histoire générale des Sciences (PUF) – Publié sous direction de René Taton

– La Tragédie de l'Univers – Notre Planète (Armand Colin) – Guy Dingemans

– La Tragédie du Marxisme (Calmann Lévy) – Marcel Collinet

– La vie de Ramakrishna (Libraire Stock) – Romain Rolland

– La Vocation de l'Occident (La Colombe) – Louis Lallemant

– La Voie rationnelle – Matgioi

– Le Christianisme et les Philosophies (Aubier, Editions Montaigne) – R.P. Sertillanges

– Le Livre de la Nature (Flammarion) – Dr. F. Kahn

– Les Nouvelles énigmes de l'Univers (Payot) – René Sudre

– Les Pages immortelles de Emerson (Editions Correa) – E.L. Masters

– Les premiers âges de l'homme (Marabout) – Ashley Montagne

– Les Secrets de l'Atome (Encyclopédie de l'ère atomique) – Editions René Kister

– Manifestes philosophiques (PUF) – Ludwig Feuerbach

– Physique et Philosophie (Albin Michel) – Werner Heisenberg

– Pierre Teilhard de Chardin ou Foi au monde (Plon) – Jean Onimus

– Portrait de l'Univers (Encyclopédie de l'ère atomique) – Editions René Kister

– Pour connaître la nature (Larousse) – Daniel Privault

– Précis de Patrologie (Editions Salvator, Mulhouse) – Berthold Altaner

– Précis de Théologie dogmatique (Editions Salvator, Mulhouse) – Louis Ott

– Que Dieu soit reconnu pour vrai – Watch-tower Bible and Tract Society

– Revue Planète (Editions Retz)

– Sagesse chinoise et philosophie chrétienne – Henri Bernard- Maître

– Science et Matérialisme (Recherches et Débats 41) (Arthème Fayard)

– Teilhard de Chardin (Poche Club) – George Magloire, Hubert Cuypers

– Traité de Paléontologie (Masson et Cie) – Publié sous direction de Jean Piveteau

– Trois Upanishads (Isha, Kena, Mundaka) – Shri Aurobindo

– Un, deux, trois … l'Infini (Dunod) – G. Gamow

B. ANH VĂN

– An Outline of Man's Knowledge of the Modern World (McGraw Hill Book Co) – Lyman Bryson

– Human Embryology (Blakiston N.Y.) – Patten

– Introductory Nuclear Physics (John Wiley & Sons N.Y.) – David Halliday

– Invertebrate Fossiles (McGraw Hill Book Co) – Raymond C. Moore

– Kinships of Animals and Man – Morgan

– Man and his Destiny in the Great Religions (Manchester University Press) – S.G.F. Brandon

– Mysticism and Philosophy (Macmillan & Co) – W.T. Stace

– The Bhagavad Gita or the Lord's Song (G.A. Natesan & Co Madras) – Annie Besant (trans.)

– The Concept of Man (George Allen & Unwin London) – S. Radhakrisnan P.T. Raju

– The I Ching (Dover Publication N.Y.) – James Legge (trans.)

– The Meaning of Evolution (A Mentor Book) – Georges Gaylord Simpson

– The Physical World (McGraw Hill Book Co) – Paul McCorkle

– The Prophetic Faith of our Fathers (Review & Herald Washington) – Le Roy Edwin Froom

– The Study of the Physical World (Houghton Mifflin Co) – Nicholas D. Cheronis, James B. Parsons, Conrad E. Renneberg

– The Thirteen Principal Upanishads (Geoffrey Cumberlerge Oxford University Press) – Robert Ernest Hume (trans.)

– The Transformation of the Scientific World View (Harper and Brothers) – Karl Heim

C. PHÁP-HÁN

– Les Pères du Système Taoïste – Léon Wieger

– Les Quatre Livres – Seraphin Couvreur

D. ANH-HÁN

– The Four Books – James Legge (trans.)

– The She King or Book of Poetry – James Legge (trans.)

E. VIỆT VĂN

– Định mệnh con người (Tinh Việt) – Lecomte du Noüy (bản dịch Trần Kim Tuyến)

– Tiến hóa tư tưởng của một nhà khoa học Lecomte du Noüy (Tinh Việt) – Mary Lecomte du Noüy (bản dịch Phạm Đình Tân)

G. HÁN VIỆT

– Tứ Thư – Đoàn Trung Còn (dịch)

H. HÁN VĂN

– Âm Phù Kinh tập chú 陰 符 經 集 註

– Chu Dịch Đại Toàn 周 易 大 全

– Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy 周 易 參 同 契 發 揮

– Chu Dịch Xiển Chân 周 易 闡 真 (Lưu Nhất Minh 劉 一 明)

– Đại Đỗng Chân Kinh 大 洞 真 經

– Đạt Ma Huyết Mạch Luận 達 磨 血 脈 論 (Bồ Đề Đạt Ma 菩 提 達 磨)

– Đỗng Huyền Linh Bảo Định Quan Kinh 洞 玄 靈 寶 定 觀 經

– Dưỡng Sinh Phu Ngữ 養 生 膚 語

– Hoàng Đế Âm Phù Kinh 黃 帝 陰 符 經

– Huyền Tông Chính Chỉ 玄 宗 正 指

– Kim Liên Chính Tông Ký 金 蓮 正 宗 記

– Nghi Tiên Truyện 疑 仙 傳

– Tây Sơn Quần Tiên Hội Chân Ký 西 山 群 仙 會 真 記

– Thái Thượng Lão Quân Thuyết Liễu Tâm Kinh 太 上 老 君 說 了 心 經

– Thái Thượng Xích Văn Đỗng Cổ Kinh Chú 太 上 赤 文 洞 古 經 註

– Xướng Đạo Chân Ngôn 唱 道 真 言

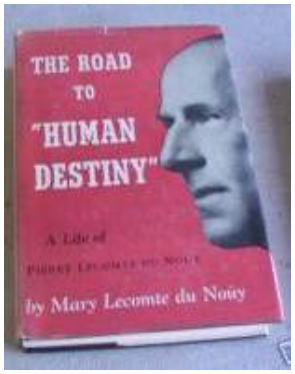

Mục lục | Tựa của Phạm Đình Tân | Thư bà Mary Lecomte du Noüy | Lời nói đầu
Phần 1: chương 1 2 3 4 | Phần 2: chương 1 2 3 4 | Phần 3: chương 1 2 3 4
Phụ lục 1 2 3 | **Sách tham khảo**
chương trước chương sau